

## Trọng Huân

### Chuyện nhà



Nhà tôi căn nhà nhỏ nhỏ, trong cái ngõ nhỏ nhỏ,... thanh bình. Diện tích cả thảy ba chục mét vuông. Tôi yêu nó lắm. Còn vợ cứ căn nhà: nhà nhỏ, đất chật. Đại ý xa xôi, anh chồng đụp... nên nhà yên tĩnh đẹp.

Tôi bực. Rồi lân la đi tìm để mua nhà rộng. Một lần tìm được cái nhà, nhà đất rộng, 100 mét vuông, trông ra ngõ rộng, đông người ồn ào qua lại, giá lại rẻ, bán căn nhà chật của tôi đi, mua cái nhà rộng, còn dôi ra dăm cây vàng.

Vợ tôi phấn khởi ra mặt, đi khoe hết lượt bạn bè, lại tổ chức hai bữa khao, một cơ quan và một bạn đại học - khao bún và ốc luộc. Sau bữa ốc luộc, cả lũ kéo ra đầu ngõ ăn kem. Lúc ra ngồi quán, có con mẹ cứ ngó tôi cười cười bả lả.

Tôi nghĩ bụng, con mẹ này nó nhìn mình kiểu gì nhỉ? Ủ, như cái kiểu liếc mắt tổng tình. Trông mắt kia, dĩ quá! Người kia, toàn thịt. Ui, cái bụng, cái bụng hở ra đàng sườn trắng nõn, trắng nõn nõn. Con mẹ nạ dòng này, cỡ bao nhiêu tuổi? Ủ, càng trông càng ra xấu. Mà

sao nó bôi trát lấm son phấn thế. Chắc quá chăm đi siêu thị, rước về toàn đồ quá đắt rẻ, hàng khuyến mại, hàng giả, nên bôi trát tợn.

Cái mũi của con mẹ này, đúng là mũi sữa, mũi mỡ viện, to gồ ra như mũi anh chàng diễn viên Quang Thắng. Cái mặt nạ dòng với cái mũi to Quang Thắng, không hợp tẹo nào. Tây chả ra tây, ta chả ra ta. Đắp chiếc mũi này chắc tốn tới trăm triệu. Tốn trăm triệu được cái mặt xấu. Rõ dốt.

Nó cứ nhìn tôi, liếc mãi... Eo ơi, nó lại còn hút thuốc. Đàn bà hút thuốc, trông chả duyên. Kia, nó lại nhìn tôi cười và cười thờ ra đằng mũi khói.

Về nhà tôi lên gác. Qua cửa sổ ngó sang nhà hàng xóm. Quái... lại thấy con mẹ nạ dòng kia. Hóa ra nó là hàng xóm.

Nhà này to và rộng, trông thẳng sang nhà tôi. Sao nhà ấy đông khách thế, toàn gái xinh, trai trẻ, dập dìu đến đi.

- Chắc nhà này kinh doanh to, giao dịch rộng.

Vợ tôi bảo vậy và phấn khởi ra mặt. Nhà gần hàng xóm kinh doanh, con cái học được. Người ta bảo, gần đèn thì rạng. Một lần tôi vô tình tôi bắt gặp, hai ông kễnh con tôi nghên nghển nhìn sang nhà ấy. Bị bộ bắt gặp, hai đứa tên tò lảng nhanh.

Ở được một tháng tôi phát hiện ra, nhà này là cửa hàng bớp, kinh doanh gái. Thế có bỏ mẹ không. Nhà tôi, hai thằng con trai đang lớn.

Cái ấy... buổi sáng cứ ... ấy lên. Nay ngay nhà bên, kinh doanh khoản kia, con cái nó học tập, thì.... Từ khi phát hiện ra vậy, buổi khuya rồi, vợ tôi luôn kiểm tra khóa cửa chưa và bao giờ cũng rút đám chìa khóa cất đi. Có lẽ vợ tôi sợ, tôi mò sang nhà hàng xóm chơi thăm chẳng?

Con mẹ hàng xóm này rất lạ, rất hay chỗ sang nhà tôi cười vu vơ. Lại còn cái kiểu làm quen nữa. Có hôm sáng dắt xe đi làm, nó chặn ngay đầu xe tôi, hỏi cười, làm quen:

- Anh đi đâu đấy?

Sáng đi làm, chứ còn đi đâu. Đúng là ám! Chẳng nhẽ mới bảnh mắt ra đã đi chơi gái.

Vô duyên quá! Làm quen vô duyên quá!

Quen hàng xóm rồi, con mẹ nạ dòng hay lân la sang nhà tôi. Lúc thì sang xin lửa, lúc thì sang hỏi xin dầu hỏa, bảo là nhà có đũa bị treo chân, xin dầu để bóp. Giờ ai dùng đèn dầu mà xin. Vợ tôi điên lắm, nhưng muốn giữ hòa khí làng giếng, chỉ cười nhạt, nói mấy câu vu vơ, cốt sao nhanh chóng tổng con mẹ hàng xóm ra khỏi nhà.

Có bận nó vừa sang, vợ tôi chặn cửa, hỏi liền:

- Chị sang mượn gì? Nhà tôi không.....

- Không.... Em sang chơi ấy mà ... Hàng xóm...

Con mẹ lân la nói chuyện. Nó nhìn hai thằng con tôi và khen:

- Các cháu nhà anh chị trẻ.. mà đã to thế!

Rồi lại quay ra khen tôi:

- Anh ấy khỏe quá chị nhỉ... hơ hơ.

Cười hơ hơ xong, nó bỏ về nhà... Hàng xóm sang xin và sang vay,

tôi biết tổng, chẳng vay mượn gì đâu, mà chỉ muốn trả câu vay anh chồng, hay mấy đứa trẻ con đang lớn nhà tôi. Khi hàng xóm về hẳn rồi, tôi nghĩ, vợ mình điên lắm đây, liền tùm tùm trêu:

- Vay gì không vay, nhà người ta khối thứ....

- Vay ông chứ gì. Ai chẳng biết tổng bụng ông. Xoén xoét chê xấu, mà cứ về đến nhà, là tót ngay lên gác, ....nhòm!

Tối đó tôi được bữa tưng bưng. Vợ nhất quyết:

- Bán, chuyển nhà!

\*\*\*\*\*

Thế là nhà tôi phải chuyển. Bán mãi mới xong – ai thích mua gì nhà gần hàng bốp. Nhớ lại lúc chọn tìm mua nhà, vợ dặn:

- Ông xem cho kỹ vào. Kéo lại vợ phải ....

Tội quá mắt:

- Cô bảo tôi đi hỏi, thì hỏi thế nào? Chẳng nhẽ đến đâu, cứ gõ cửa nhà người ta hỏi: nhà bà, (hay ông), có phải cửa hàng bốp không? Người ta không chửi vào mặt cho....!

Cô vợ tôi lộn nên vì tức, mồm vẩu ra. Ở kia, đã không biết mình xấu, lại còn khoe thêm hàm răng vẩu, càng xấu thêm. Chắc định nát chồng – ngáo ộp.

Cái nhà tôi mua diện tích bằng nửa căn nhà trước, tức còn 50 m<sup>2</sup>. Ngõ nhỏ hơn.... Nhưng được cái, trước là hàng xóm rất đàng hoàng, nhà này trưng hẳn biển trước cửa: Phòng nha khoa – tức là khám chữa răng.

Ông chủ nhà chỉ trông đã ra dáng bác sỹ. Trán hói, mũi to. Ừ, mũi ông này không sửa, không đắp, mà mũi to và thật, mũi sư tử. Phòng khám chữa đông khách, toàn người đến vật răng, với trồng răng thôi. Ngoài nhỏ, trồng răng, nhà này kiêm thêm: mua và bán răng nữa - răng giả, răng thật. Thấy bảo mua cả răng người thật.

Tưởng ở gần nhà ông bác sỹ thì học được nhiều điều, vì người ta là trí thức răng, nhưng sau vài tuần, âm ỹ quá! Ôn hơn cả cửa hàng con mẹ nơi tôi ở trước. Đánh chửi, cãi cọ với khách luôn.

Có bữa ông ta lơ đễnh thế nào đấy, nhỏ tiệt hai hàm răng của một ông khách, nhỏ không còn cái nào. Ông khách kia còn đang đau đớn, lúc soi gương, thấy răng mình mất tiệt, tức điên lên, xông vào thụi nhau với ông bác sỹ.

Đánh nhau trong nhà chưa chán, họ lôi nhau ra ngoài sân đánh đũa nhau tiếp. Bác sỹ răng kia, trí thức mà khỏe ra phết, dùng kìm nhỏ răng táng cho tay khách một nhát trúng trán, tóe máu. Khổ không, răng thì bị nhỏ tiệt, đầy một mòm máu, lại thêm cái trán bị nhát kìm bổ nữa, máu me toe toét. Cuối cùng họ phải ra phường giải quyết. Khi ông bác sỹ trình hợp đồng bán răng, có chữ ký hẫ hoi, ông khách kia ớ ra. Đọ chữ kí, trình chứng minh, tóe ra ông bác sỹ nhảm, ông nhỏ nhảm khách hàng. Hợp đồng bán cả hai hàm là của khách khác, không phải ông này. Vị bác sỹ răng mất đúng một trăm triệu đền khách.

Ông bác sỹ chả thiệt đâu. Đám răng nhỏ nhảm kia, ông bán, ông

trồng, ít cũng kiếm đôi, ba trăm triệu. Tính mà xem, mỗi cái 10 triệu, mà người ta, người thì có 28 cái, người thì 32 cái, tính ra ngay vài ba trăm triệu. Chưa kể, mỗi cái ông còn tách đôi, từ một ông tách thành hai răng – thành răng chuột, trông nhỏ và đẹp.

Ông này nhiều mẹo làm ăn lắm. Như cái việc trà trộn răng giả vào răng thật... mà trồng. Có cô khách hàng đang yên đang lành, nghe ông ta tham vấn, nhổ tiết hàm răng thật của mình đi, trồng răng giả vào. Hàm răng mới trắng bong, đều tăm tắp. Được một tuần, hàm răng chuột ngả ra màu sành. Hóa ra răng này chỉ bọc tý men ngoài, mỏng quẹt, trong toàn sành nung non. Hôm ấy, chủ - khách cũng chửi nhau to. Cô kia gào lên, chửi văng cả hai hàm ra... đất.

Cái mẹo làm ăn của ông bác sỹ này, thì lắm lắm. Nhổ răng, phải dùng thuốc tê, ông ta cũng mua thuốc tê, nhưng là thuốc tê gia súc. Thuốc vậy, dù có tiêm cả sơ ranh, chỉ hơi tê tê thôi. Khách hàng khi bị trói buộc rồi, dù đau cũng mất rẫy, mất thoát..., chỉ còn cách kêu la. Thế nên phòng nha khoa của ông bác sỹ suốt ngày rền rĩ tiếng gào khóc.

Gần hàng xóm kiểu này ... mệt. Ban ngày thì khách nhổ răng kêu la, hay ông bác sỹ đánh chửi, cãi nhau...; ban đêm thì ồn ào tiếng cửa kéo ông tách răng.

Gần mực thì đen. Vì ngay trước nhà ông hàng răng, nên con cái tôi học luôn được môn nhổ răng. May quá, hôm ấy tôi lại về làm sớm. Vào nhà, thấy thằng em bị trói ghì trên ghế, còn thằng anh kìm kéo

lăm lăm trong tay, bên cạnh là đồng bông băng và lọ cồn I ốt. Tôi tá hỏa. Hỏi ra mới biết, chúng đang định thực hành nhổ răng cho nhau. Chúng bảo, nghề nhổ răng kiếm ra tiền, mới học lỏm được hàng xóm. Anh em đang định thực hành y tế. Thằng con trai lớn chưa ráo máu đầu của tôi còn lý sự dạy dỗ: Nghề nhổ răng, kiếm tiền dễ, mà chả phải học hành. Làm hàng giả công khai. Con tính, sau kinh doanh răng giả, con sẽ làm mắt giả, mũi giả, tai giả, lưỡi giả,... Làm giả tuốt.

Trao ơi! Con tôi học được nhiều thế này cơ. Chết bỏ cụ tôi không cơ chứ.

Thế chưa phải là tất cả nỗi khổ và tức, tôi còn tức lão nha khoa kia nỗi này. Lão ta cũng lân la sang nhà tôi. Không phải sang mượn mõ như con mẹ hàng xóm trước đây, mà chỉ sang chơi và xem răng mọi người nhà tôi thôi. Tôi bắt đầu tức từ hôm lão sang và chê răng vợ tôi nhỏ, đen,... và cả vẩu nữa. Tức quá, tôi bảo, bảo thẳng vào mặt lão:

- Đẹp xấu gì thì mặc xác răng vợ tôi. Không phải thứ gì anh cũng gạ nhỏ cả đâu. Ngay tối ấy tôi quyết với vợ, bán, chuyển nhà.

\*\*\*\*\*

Qua hai lần hàng xóm, tôi rút ra kinh nghiệm quá nhiều, nên lần xem mua nhà này, tôi chần chu khâu xem xét lảng giềng, phải tìm hiểu, nghiên cứu kỹ đến cả tháng.

Thấy tôi lờn vờn lượn, dân xóm quanh đó nghi ngờ: trộm hay là Việt gian phản động. Có người báo công an, mấy anh công an xô xuống kiểm tra giấy tờ. Tôi trình bày mãi là mình đi xem nhà, xem ở đây có cửa hàng bóp và anh hàng răng giả để tránh. Cậu công an trẻ nghe thấy vậy, chỉnh ngay cho tôi một trận. Cậu ta bảo: Ở đây là xóm văn hóa, phường văn hóa, quận văn hóa,... lấy đâu ra bóp với hàng giả. Tôi bị chỉnh lâu, tức quá, định cãi lộn với tay công an một trận, nhưng chợt nghĩ, mình đang tìm chỗ tử tế sống, ai lại đem vô văn hóa ra ứng xử, đành nín nhịn, tiếp nhận bài chỉnh huấn. Cuối cùng, để có cửa chỉ văn hóa, tôi rút tờ 20 nghìn, dúi vào tay cậu ta, cậu này im thin thít cầm, trước đó ngó trước nhìn sau, chắc sợ người ta chê không văn hóa.

Căn nhà tôi mua trong khu phố có văn hóa, văn hóa trương biển lên hẳn hoi. Nhà nào cũng treo, đi suốt ngõ, không có cái biển nào đề vô văn hóa cả.

Đúng là khu này có văn hóa, nên không ồn ào cãi cọ nhau, không trai gái ấi bọm, không mua bán hàng giả ... tức là ba không. Nhà tôi mua được, rất ưng ý. Vợ tôi đến xem, gật gật đầu ngay. Thị vợ chỉ than thở, nó nhỏ hơn nhà mình ngày xưa anh nhỉ. Tôi nhìn vợ đây:

- Ủ... thì tại ai?

Suýt vợ chồng tôi lại cãi nhau. Lần này thì cô ta không vầu mồm lên, vì biết ông bác sỹ nha khoa nhắc rồi, mở mồm ra, người ta nhổ hai hàm, thì hết cả vầu. Ở khu dân cư văn hóa, tôi không tiện cãi nhau với vợ.



Nhà tôi mua gần ông Nhà báo và bà Tiến sỹ. Tiến sỹ ngành gì ấy, vì nghe bà ta phát âm từ la tinh, lại giọng mũi, nghe như ngành sin sít, đại ý là khoa học lắm.

Còn nghề báo, thì tất nhiên là việc viết báo, hay đọc ông ổng những điều tốt đẹp lên cho xã hội cùng học tập. Ông chồng nhà báo có cái mũi hơi đặc biệt, đỏ mọng, đỏ như bôi son. Quái lạ, sao tôi khỏe đi nhòm mồm mũi người ta thế. Bảo đi mua chó thì mới cần mũi thính, chứ đằng này, hàng xóm, cần đểch gì phải xem hàng xóm mũi thính, hay không thính. Nằm dọc, ngang, mũi nào chẳng chình ình ra mặt. Thôi, tìm hiểu láng giềng cũng vừa vừa thôi, cứ biết vợ là tiến sỹ ngành sin sít, còn chồng là báo.

Cô vợ nhà này già rồi, mà mặc váy rở hay, vừa ngắn, mỏng, lại thêu hoa ở phía hông và phía trước. Công nhận cặp đùi già mà còn trắng ra phết. Trắng quá đi mất thôi. Tôi mới nhìn trộm một cái, đã lóa mắt. Nhà hàng xóm to lắm, bốn tầng, rộng cỡ 1 sào. Ngó qua cổng, thấy vườn hoa trồng nhiều hoa thơm cỏ lạ. Nhà này kín cổng cao tường. Rộng như vậy, những không hiểu sao, họ để thùng rác chình ình ngay trước cổng, lấn chiếm đất công thêm 40 cm<sup>2</sup>.

Ở được hai tháng, song tôi ít gặp được vợ chồng họ. Thỉnh thoảng gặp nhau, hàng xóm chỉ gật gật chào. Công nhận người có học, lịch sự và tế nhị. Như ông chồng, có gặp, chỉ nhẹ chào, nhếch mép nửa miệng, chứ cũng không chào toang hoác ra. Còn bà vợ cũng chỉ cười mỉm và đầu gật gật, y như ông chồng chào. Thôi... họ nhà báo, nhà tiến sỹ phải xử sự thế, chả lẽ trách.

Một buổi tối, cả nhà tôi đang ăn cơm, thấy thằng lớn buông câu:

- Sắp bỏ nhau rồi.
- Ai bỏ?
- Nhà ấy đấy? Nhà báo và...
- Linh tinh. Sao chúng mày biết.
- Chúng con đọc, nên biết.
- Chúng mày đọc gì, đọc báo á?
- Đọc... đọc... thư chửi nhau.... của nhà họ.
- Bọn này thần kinh à.

Nghe bố con đối đáp, cô vợ của tôi vẫn chưa tham gia, đến lúc này mới tham dự:

- Đúng đấy. Bỏ nhau đấy...
- Sao cô biết.
- Thì ... em cũng đọc thư... chửi nhau của họ.

Nói tới đây cả ba mẹ con cùng cười. Ừ... tôi thấy mấy tuần nay nhà mình hơi khác. Mẹ con nó cứ nhăm nháy, rồi kín kín hờ hờ kéo nhau leo gác xép, một lúc nghe rinh rích tiếng cười. Không hiểu ra sao cả. Tôi nghĩ: Chắc là bị ảnh hưởng bởi hai nhà hàng xóm ngày trước, nên bây giờ ra thế. Người ta gọi là xì - choét... Phải thông cảm cho chúng. Một thời gian là khỏi thôi. Chả cần dùng thuốc chữa, như bệnh hắc bào hay hủi lậu.

Nghe vợ khẳng định cũng đọc thư, tôi từ từ điều tra. Thì ra câu chuyện thế này: Một lần có tờ giấy từ thùng rác nhà hàng xóm cuốn bay theo gió,... bay tọt vào nhà tôi. Thằng con lớn nhặt lên, đọc. Trong ấy viết đủ thứ. Hình thức các bức thư đại ý như sau:

Ngày... tháng.....

Số....

Tôi báo cho anh (cô) biết nhé...và đến nội dung thư.

Cuối thư có chữ ký. Thí dụ thư của vợ, trên đề: Tiến sỹ... và chữ ký.

Còn thư của chồng: Nhà báo... và chữ ký

Cậu con trai tôi đọc, chuyển cho thằng em và sau đó đến mẹ. Công nhận khoản đưa và buôn dưa lê, thì đàn bà và trẻ con hợp quá. Từ khi phát hiện ra mục này, cứ hàng xóm ném rác ra thùng, 3 mẹ con nó ào ra thuổng ngay, rồi về nhà chuyển tay rỉ rả đọc, bàn luận, rinh rích cười. Chúng còn đặt luôn là Thư chửi nhau....

Thảo nào, nhà này, mấy tuần nay rinh rích tiếng cười xì - choét.

Có học có khác, đến chửi nhau cũng chửi có văn hóa, không như đám hàng tôm hàng cá. Mâu thuẫn nặng nề vậy, mà tịnh không cãi cọ, hàng xóm không hay biết. Qua loạt thư chửi nhau, bọn trẻ và cô vợ tôi nắm được tình hình nhà hàng xóm như sau:

Bà vợ ngoại tình với cậu sếp trẻ. Chắc cậu phi công này lái máy bay Bô inh, rồi máy bay E bốt ...chán, nay xoay ra máy bay bà già lái cho dễ. Họ dan díu nhau dữ lắm, đến mức nửa cơ quan và cô vợ trẻ xinh tươi của sếp cũng biết.

Còn ông chồng nhà báo thích làm tiền, những đại ki bo, Gờ răng đê - Pháp gọi bằng kij. Ông ta cũng gái gú và lại ghen nữa. Chuyện dài dòng, xin trích đoạn một vài bức thư:

*Thư của chồng gửi vợ:*

*Số: 15*

*Ngày 20 tháng 12 năm 200...*

Tôi bảo vào cái mặt tiến sỹ nhà cô nhé. Cả cơ quan cô nó biết tong tong cô cặp bồ với thằng sếp cô rồi đấy! Đĩ già như cô mà đi cặp thằng trẻ ranh à? Đúng là cái luận án tiến sỹ đều của cô nghiên cứu đề tài động dục, nên nó ám vào cô thành...

*Còn thư của vợ:*

*Số 16*

*Ngày 21, tháng 12 năm 200...*

Tôi bảo vào cái mặt nhà báo ... của anh nhé. Cái nhà báo học giả, bằng thật ấy, chữ chả ra chữ, chỉ toàn chữ đâm thuê chém mướn. Con ... trẻ theo anh, nó chẳng mê anh đến thế đâu. Nó chỉ yêu túi tiền trần lột cơ sở của anh thôi. Mà tôi cũng báo vào mặt anh, tôi không thèm một cắc, một xu ở đám tiền bản thiú ấy. Rồi có lúc anh phải vào tù. Trong ấy sướng lắm, chả có điều hòa, chả có ti vi, cũng chả có gái gú cho anh đú đờn.

Thôi rồi, nhớ nhớ quá.

Sáng này tôi đi làm và gặp cả hai vợ chồng họ. Tôi cũng gật gật đầu chào y như họ và họ vẫn chào tôi văn hóa như mọi khi. Trong đầu tôi thoáng nghĩ... song sợ đi đường nghĩ ngợi, lại tai nạn. Thôi, để đến tối về nhà nghĩ.

Chiều đi làm về, thấy ngõ nhộn lên. Từ ông già, bà trẻ đều nháo nhác. Họ tùm năm tùm ba xì xầm. Có gì vậy? Có việc đánh cướp hay hiếp dâm trong ngõ? Hóa ra là chiều này, cô tiến sỹ mặt sưng vù, tóc

tai lộn ngược và bị cắt nham như nhà chị điên ở chợ, sau xe anh xe ôm xồng xộc chở về. Thấy bảo là bị xoi đòn ghen. Bị đòn ghen thế, còn may chán. Có người bị đánh ghen, xoi tới nửa bát a xít vào mặt.

Vừa vào nhà tôi đã thấy tiếng ồn ỉ cãi chửi nhau từ hàng xóm đổ sang. Họ không âm thầm chửi nhau qua thư như mọi bữa... Thôi rồi là tục tĩu. Người có văn hóa, người có học thức, chửi nhau cũng vô văn hóa ra phết, nhóp nháp.... Tôi nhìn, thấy vợ và lũ con tung tung tai lên, mắt sáng quắc, như dạng chúng sắp đem nhau ra thực hành chửi và đánh ghen nhau.

Nhìn thấy vậy, tôi tá hỏa gào lên: Trời đất ơi, làng xóm ơi, phố phường ơi,...

Không, tôi phải bán nhà, bán ngay đêm nay, phải chuyển đi nơi khác ngay, dù là ở thuê.

\*\*\*\*\*

Bán nhà ngay trong đêm, bán được không? Có phải thuyền chài đâu, bảo chán là ỉa một bãi, rồi chống thuyền đẩy đi nơi khác.

Tối khuya, tôi vẫn mở danh bạ, mở báo, đọc xem có nhà nào cho thuê, thì thuê luôn. Tính, nếu thuê được, thì chuyển ngay trong đêm. Tôi đọc đến 20 Cty cho thuê nhà và xem mục quảng cáo của 10 tờ báo, gọi điện thoại nóng máy. Cuối cùng, gần 12 h đêm, thì kiếm được một nơi. Cái nơi cho thuê này, là khu chuyên cho sinh viên trọ. Nó ở làng Cót, dưới Cầu Giấy. Tôi biết nơi ấy, vì trước đây, khi thằng bạn tôi vụng trộm vợ, gái gú, bao một cô sinh viên, máy bạn tôi theo nó đến đây.

Tôi hỏi chủ nhà, nghe giọng trả lời eo éo. Chả rõ đàn ông hay đàn bà, khéo một tay đực cái hifi. Nó bầu (dùng từ kiểu này, như dân quê tôi, khéo vợ phải ông đồng hương): 1 triệu/tháng, 15 mét vuông, gồm phòng ngủ. Riêng sân, chỗ đá i, thì sinh hoạt tập thể. Nghĩa là sân ấy, ai muốn hít thở khí giới chung, cứ hít; còn i đá tập thể. Tiền nộp tươi, sáu tháng trước.

6 triệu, tôi bàn ngay với vợ. Vừa nghe, cô vợ vầu của tôi rít lên:

- Có bằng đi giết người thuê.

Cô ta còn nghiến răng kèn kẹt. Tôi sợ quá, chỉ sợ thị cầm dao đi giết chủ nhà cho thuê kia, đâm thành án mạng, lâm vào cảnh tù tội. Tự dưng tôi thành kẻ đi nuôi vợ tù, tôi vội xuống giọng:

- Thôi... tôi xin bà, xin lạy cả nhà bà....

Lạy mãi, xin mãi, vợ mới không đi giết người nữa. Tôi ngọt nhạt:

- Để anh nghĩ cách kiếm tiền và kiếm ở đâu nhé.

Sau khi gàn được vợ xong, tôi trải chiếu xuống đất nằm. Đã bảo, nhà tôi rộng 15 mét vuông, vợ ngủ trên giường, còn tôi ngủ dưới đất. Hai thằng con giai mới lớn ngủ trên gác xép. Hai thằng này mới lớn, nhiều đêm hay mơ, mơ rồi chúng làm gì ấy, cứ cọt ca cọt kẹt. Hai đứa già chúng tôi nhiều đêm không ngủ được, phải thét lên:

- Chúng mày để cho thằng bố, con mẹ chúng mày ngủ chứ. Động dục gì ngay trên đầu bố mẹ chúng mày?

Tôi nằm trăn trở, vất tay lên trán nghĩ. Càng nghĩ, càng thấy nhục.

Làm thằng đàn ông, mà không lo nổi cho vợ con chỗ nằm ngồi, không lo được cho hai thằng con chỗ động dục, nhục, nhục quá!

Càng nghĩ càng thấy nhục; rồi chuyển sang tức. Nghĩ quá, nó lóe ra ý khôn. 6 triệu là đéch gì. Được rồi, đêm nay ông sẽ đi ăn trộm. 6 triệu, chứ mười triệu, ông cũng ăn trộm tốt.

Ngay khi nghĩ ra, tôi nhੌm dậy. Cô vợ của tôi hình như cũng thao thức. Cô ta vốn ngủ khỏe lắm. Mới xem được nửa buổi thời sự ti vi, nhìn sang, đã thấy thị gật gù ngủ ngồi đến rੌn, dãi dớt chảy thề lề ra miệng. Thế mà hôm nay, tôi mới nhੌm nưng nửng lên, đã thấy cô nàng nhੌm dựng dậy, trong màn vụng ra:

- Ông nghĩ được cách kiếm rੌi ư?

- Được rੌi.

- Cách gì?

- Ăn trộm. Mười triệu...

Bất chấp là kiểu gì, chỉ nghe thấy tiền, vợ tôi mắt sáng lên, dù lúc đó điện tắt, tôi vẫn thấy quắc sáng. Cô ta lục ngay ra cái bao tải và con dao, bảo:

- Đi ăn trộm thì phải có vũ khí phòng thân. Đứa nào chống, ông cứ đâm, đâm cho bỏ bố chúng nó đi.

Ồi giời ơi, toàn giọng chợ búa. Ngày trước có thể này đâu, nhẹ nhàng, mơ mộng... lắm, dân tổng hợp văn mà. Tại sao nay đੌ đੌn ra thế này. Hay lấy phải thằng chồng nghèo, hay vì chuyển nhà nhiều, hay vì hàng xóm, hay vì... nên ra thế? Khi vợ đưa con dao, tôi quắc mắt:

- Ăn trộm, chứ có phải đi đánh ghen đâu mà dùng dao. Muốn dùng dao, thì sang đánh ghen ở nhà ... ấy đấy. Để yên cho ông đi ăn trộm. Thị không phải tay vừa, chồng mới nói vậy, đã dựng lên. Trời đất ơi, chuẩn bị đi ăn trộm, mà âm lên, thì hàng xóm biết ráo, còn trộm cướp được sao nữa. Tôi đành nín thinh. Cầm cái bao tải và chiều vợ, cầm thêm con dao, tôi âm thầm bước ra khỏi cửa. Tôi tự hứa với mình, đêm nay phải ăn trộm lấy kỳ được sáu triệu. Sáu triệu thuê cho vợ con căn phòng để chúng sống yên thân.

Bước ra đường rồi, tôi mới nghĩ, ăn trộm bằng kiểu nào đây. Cũng đi học, học phổ thông 10 năm, học tiếp 5 năm đại học, mà nay đến đi ăn trộm, cũng chẳng có tí kiến thức nào. Hóa ra, bao năm học trong trường, họ toàn dạy linh tinh. Cái cần thì không có, cái có thì không cần. Toàn lý thuyết suông và hão.

Tỷ như: Dạy yêu, thì dạy yêu đủ thứ, sao không dạy yêu bố, yêu mẹ, rồi đến anh em họ, rồi dần dà hàng xóm, láng giềng, chứ dạy yêu ráo, đâm ra chẳng yêu ai cả.

Hay tỷ như: Học nghề y, hay nghề nhạc, thì phải học dài lâu, học năm, bảy năm, chứ nghề khác, học gì dai thế. Cái gì cũng dạy: mục đích, ý nghĩa,... Lấy ví dụ như, dạy về tiểu tiện chẳng hạn, cần gì mục đích, ý nghĩa,... Cứ dạy rằng, đi phải chọn nơi kín đáo, đừng phơi ra cho thiên hạ coi; rồi xây nhiều nhà tiểu vào, nhất là ở phố, để không có cảnh đái đường, đái chợ... Hay dạy nghề báo chẳng hạn. Các thầy dạy, phải có dăm, ba bài đăng báo, mới được dạy. Chứ toàn thầy nói suông, dạy cái gì?

Tôi cứ lảm ngảm vừa đi vừa nghĩ trên con đường đi ăn trộm của mình. Ô kìa, tôi nhìn thấy tòa nhà rõ to, rõ đẹp, nó cao đến 5 tầng. Nhà này chắc giàu lắm. Biển ở cửa (lại biển) Thạch sỹ, thành viên, .... lắm chức quá. Cỡ lương phải bảy, tám phẩy. Lương cao vậy, tính ra, giỏi mỗi tháng được 15 triệu. Sao nhà to thế? Đích thị một thằng ăn cướp rồi. Thế thì mình phải vào ăn trộm nhà này, cho công bằng xã hội.

Tôi trèo tường, leo vào sân nhà nó. Công nhận vườn đẹp thật. Ăn cướp, mà có đầu óc mỹ thuật ra phết. Tôi bò trườn đến cửa. Nhà này đèn đuốc tối om. Chắc là tiết kiệm điện. Giàu mà kệt. Đúng là bọn giàu, lắm tiền, toàn quân keo, vắt củ chày ra nước. Ít ra nó cũng để



ngọn đèn lò mờ cho bố nó biết thứ gì mà ăn trộm chứ.

À, vẫn phòng có đèn. Tôi mò đến, lò mờ thấy ánh sáng hắt qua cửa sổ. Nhìn vào, giò ổi, sao số tôi may thế, có trời phật phù hộ, một cái túi to treo ngay cửa sổ, mà cửa lại mở. Chợt tôi thoáng nghe tiếng người rầm rì. Đã định đưa tay nắn cái túi, vội rút lại và ngồi thụp xuống. Tiếng người:

- Yêu quá, yêu quá... Con mèo nhỏ của anh!

- Yêu... yêu... Không tin được cái mồm... Hôm trước cũng leo lẻo với bà vợ già vậy. Thử nó ở nhà xem, có dám mở mồm thế không?

- Thì cũng phải giả thế chứ. Yên tâm, con mẹ này sắp chết rồi. Nó giờ suốt ngày đi chùa. Nó còn về quê mua đất xây mả cho nó. Cái mả xây 1 tỷ. Hôm nay nó đang đi công đức...

À, hóa ra hôm nay bà vợ già đi vắng, chồng đưa gái về nhà hú hí.

Tôi lại nghe:

- Thì bà ta phải công đức, cầu khẩn cho anh bớt tội...

- Chỉ được cái gỡ... Kia... chiều anh đi cứng... Kia đi kia... Chiều anh, anh tặng...

- Tặng,... tặng gì...

- Con... mợc...

- Nhớ... nhớ cái mồm nhé! Yêu ... yêu quá mất thôi...

Ứ hừ hừ... Cái của nợ này. Tôi đợi mãi mà chúng vẫn không hết yêu nhau. Yêu dai quá, cứ hừ hừ từng cơn... như chó. Chúng mày không xong việc, đi ngủ đi cho ông hành sự, tôi sốt ruột nghĩ bụng và luôn khua tay, khua chân đuổi muỗi. Cái bọn muỗi khôn nạn, cũng cơ hội, xúm vào gác cửa cho nhà giàu. Rồi tôi chợt nghĩ, mũi thẳng cha này nó như thế nào nhỉ? Tại sao lúc này tôi nghĩ đến mũi của người

ta, cái thằng tôi vào nhà người ta ăn trộm, còn nghĩ mũi gia chủ? Thật quái lạ? Đứng rình lâu, tôi đâm ra nghĩ tiếp, thoáng nhớ đến câu chuyện: Tay ả tay ai, tý nữa phá ra cười. Đi ăn trộm lại còn cười, hay nhỉ?

Rồi hai đứa kia cũng yêu xong, không thấy rên xiết hứ hừ nữa. Kia, tiếng thở đều đều... Chúng nó ngủ rồi. Tôi nhẹ nhàng đưa tay nắn cái túi, nhẹ nhàng trèo qua tường. Có mấy anh dân phòng, công an lạo dạo gác đêm, bàn tán ké cháy túi... tôi nhẹ nhàng lẩn vào gốc cây, ẩn. Chắc mấy tay này vừa từ bắt gác nào đó, sau một chầu bạc cháy túi, chẳng còn nhìn thấy ai. Kia, một đứa bước về phía tôi. Chết bỏ mẹ, mình bị bắt tươi mát. Tôi nín thở, nằm ép xuống.

Tồ ...tồ tồ. Nước ướt ẩm rười lên đầu tôi. Thằng này đi tè. Nước đái khai nồng. Mẹ bố nhà mày, ông mà không ăn trộm, ông xông ra, bóp cho một bóp, thì mày tọt lên tận cổ. Chờ thằng tè bậy lên đầu mình xong, để nó đi một quãng, tôi mới nhồm lên, chửi thảm một chặp cho tỏ tiên, con cháu nó chết một thể. Ông mà không đi ăn trộm, ông sẽ làm toáng lên cho cả làng, cả phố biết.

Về tới nhà, vừa gõ khế cửa, cô vợ tôi đã xô ra, đưa tay giằng lấy cái túi - đồ ăn trộm. Đúng là giống đàn bà, tham thật. Thị ta lùa ngay tay vào túi và bày ngay đồ ăn trộm ra sàn nhà....

Ôi.... khi đồ trộm cấp bày ra trước mắt, có biết là những gì không? Một bó bao ca pốt, bốn cái hàm răng giả, một cái bằng tiến sỹ tình dục và cái bằng nhà báo thật- học giả.

Những thứ khốn nạn này, tôi bán cho ai bây giờ?

\*\*\*\*\*

Trong cái tình thế trời cao đất thấp của mấy đồ ăn trộm ấy, tôi hét lên trách trời. Tiếng hét lạnh lạnh vang xa, vang ra sân, vang ra ngõ, vang ra khắp ngõ. Đúng lúc ấy anh cảnh sát khu vực có việc gì đó, đi qua đây sớm, nghe tiếng hét giật mình. Anh công an nhanh chóng tiếp cận mục tiêu. Hé cửa nhìn, thấy trên nền nhà 4 hàm răng người, một bó bao ca pốt, .... Ôi, dấu hiệu quá rõ. Cách cửa bị đẩy tung, anh ta nhảy phắt vào, miệng hô to:

- Đứng im!

Bất ngờ nghe tiếng quát, vợ chồng tôi lúc đó đang ngồi trên nền nhà, giật mình, bổ ngựa ngã, tay chân bốn vó chổng lên trời.

Cùng vì tiếng hô to, ông trưởng ngõ lúc đó đi tập thể dục sáng, thấy vậy, vội vàng xô thẳng vào nhà tôi. Nhìn vợ chồng tôi đang chổng vó, còn anh công an mặt sát khí đằng đằng, đứng thế tấn, hai tay thẳng đơ, chĩa về phía chúng tôi, lại nhìn thấy 4 hàm răng,... mặt ông tái kịt, miệng lắp bắp:

- Quân...

Và ông trưởng ngõ đứng như trời trồng. Không biết ông ta sẽ đứng đến bao giờ, nếu không có anh công an giục, đi gọi viện binh. Trong lúc ông trưởng ngõ đi gọi viện quân, anh công an vẫn nguyên tư thế cũ và vợ chồng tôi cũng vậy.

Một thoáng, mấy đồng chí công an phờng rầm rập kéo tới, còn cả súng ống lăm lăm. Chỉ đến khi có đồng đội tiếp sức, anh công an mới chuyển đổi tư thế và hô:

- Đứng dậy,....!

Vợ chồng tôi dứt tay vào còng khóa số tám. Đám tang chúng được anh công an cẩn thận nhón vào túi ni lông, nhón bằng đôi đũa kiếm được ở cái chạn gộc nhà. Đây là nghiệp vụ vùn tay..... Biên bản lập ngay, người làm chứng là ông trưởng ngõ và mấy hàng xóm thấy việc kịp tràn sang. Không hiểu ai báo, mà ông nhà báo cũng kịp thời có mặt tác nghiệp, máy ảnh chớp loe loe, bút sổ ghi tới tấp. Ngoài các tang vật trên, khám khẩn cấp, còn thu được trên gác xép một tá những kim nhỏ răng, dao mổ mờ, một bó tước tranh và ảnh đàn ông, đàn bà cời tròng, một bó thư chửi nhau,...

Trước khi ký biên bản, tôi rút ra tờ 100 nghìn, định lót tay đồng chí công an, liền bị từ chối thẳng thừng, còn bị tịch thu làm tăng chứng và ghi vào biên bản thêm tội hối lộ.

Vợ chồng tôi bị dong đi trong sự túa túa chỉ trở, bàn tán của láng giềng, đi trong sự ê chề, vợ chồng một kẻ ăn trộm. Tôi thoáng nghe tiếng dân xóm xì xào... Quân... quân giết người. Ở kia ... sao lại giết người? Tôi có giết người đâu... Tôi chỉ ... chỉ trót ăn trộm thôi. Vừa định lên tiếng thanh minh, anh công an đi bên cạnh cắt ngang, yên lặng, cấm phát ngôn...

Thế là tôi bị tạm giam.

Trong tù tôi có thời gian ngẫm nghĩ và quan sát. Sao tôi lại đại dột thế. Vợ con nó ở chặt, sống khổ, nhiệm học sự xấu gì, thì mặc xác chúng, sao lại đi ăn trộm. Đói cho sạch, rách cho thơm, chằm ngôn

ấy người xưa dạy mãi rồi, sao không ngắm? Nghĩ mãi... chán, tôi xoay ra quan sát phòng giam. Rồi chợt nghĩ, các cụ nhà ta nhiều khi nói cũng chẳng đúng. Một ngày ở tù bằng ngàn ngày bên ngoài tự do. Làm gì đến đặng ấy. Đúng là trong tù vợ chồng tôi không được ngủ chung; đúng là trong tù không có điều hòa nhiệt độ, không có quạt máy. Nhưng những điều như lâu nay người ta đồn thổi: rệp, chăn kiến, chăn gián, đầu gấu chào mào mở đầu chảy máu mũi, làm gì có. Trong này sạch lắm, sạch như lau như ly, còn cơm nước á? Thịnh soạn, có cả trứng, đậu, thịt, giò, chả, chuối, một bó tằm, chai la vi, à quên, khăn chùi mồm trắng toát, không phải giấy mát vệ sinh dùng ở mấy quán cơm bình dân.

Suất cơm tù, tôi chỉ xơi hết một phần ba. Thừa... chắc lại đổ cho lợn. Ai ăn cơm tù thừa. Tôi nghĩ bụng, lãng phí quá,...trong tù cũng lãng phí. Những kẻ có tội, việc gì phải cung phụng kỹ thế. Cứ hành... hành cho rõ khổ, mà chừa cái thói phạm pháp, phạm tội đi. Còn tôi, đúng là có tội đấy, nhưng chỉ tội ăn trộm đám của nợ kia, giới là đến dăm hôm tạm giam. Nghĩ vậy, tôi thấy tâm hồn thanh thoi, liền gác chân lên làm một giấc. Tôi ngủ đến tận khi ánh nắng vàng mùa thu rọi chiếu qua song cửa sổ, mới tỉnh giấc. Bị đánh thức bởi tiếng rao ới ới của thằng cu bán báo dạo:

- Báo, báo đi, báo của nhà báo...

Tôi nghe, tác giả là ông nhà báo hàng xóm.

- Mua nhanh, không hết. Vừa bắt một nghi phạm. Tang vật gồm có 4 bộ răng người, một bó ca pốt,... Theo nguồn tin ban đầu, đây có thể là một vụ giết người dã man....

Trời ơi, thằng bán báo dạo kia, sao mà y đổ tội cho ông. Tôi choáng váng, đúng là báo viết về mình rồi, đích thực mình rồi... Tôi từ thằng

ăn trộm thành kẻ giết người. Trời ơi, sao số tôi khốn khổ đến thế này, vợ phải bốn cái hàm răng người....

Tôi nằm lịm ra đất đến 15 phút, thì thoảng nghe có tiếng gọi nhỏ:

- Này... này chú ơi. Chú đọc bài báo viết về chú đi. 1 triệu, cháu sẽ về bảo con chú trả. Đọc ... đọc đi.

Tôi không hiểu ra làm sao? Sau này tôi mới rõ, tại sao thằng bán báo dạo kia vào được đây, vào bán cho tôi tờ báo giá 1 triệu?

\*\*\*\*\*

Trong nhà tạm giam, tôi đọc bài báo viết về tôi. Được đăng báo, ai chẳng thích! Nhưng với tôi, được đăng chả bổ thích, đăng nhục, đăng nhẽ thì khoái gì. Càng đọc bài báo viết về mình, tôi càng sợ, càng kinh. Tôi không thể đọc hết loạt bài, chỉ đọc lồm bồm và nghi tội của tôi đại để như sau:

- Giết người (bằng chứng 4 hàm răng người, một tá kìm nhỏ răng và dao mổ mồm).
- Buôn bán bằng cấp (2 cái bằng).
- Chứa chấp tranh ảnh kích dục, đòi trụ (một bó tranh ảnh khỏa thân, chắc do hai ông còn tôi rước về).
- Kinh doanh mại dâm (chứa một bó bao cao su).
- Hối lộ người đang thi hành công vụ.
- Cư trú bất hợp pháp (Tôi chưa chuyển hộ khẩu đến nơi nhà mới, vì căn nhà này chưa có sổ đỏ).
- Tôi gây mất vệ sinh môi trường (Ông trưởng ngõ cung cấp, lũ vợ con tôi thường xuyên lục lọi thùng rác nhà hàng xóm, làm rác vung vãi ra ngõ).
- Khinh người, sống không hòa đồng với lối ngõ (Vì tôi học mót kiểu

chào văn hóa của vợ chồng ông nhà báo và bà tiến sỹ kia).

- Tội ăn trộm - cướp 5 tỷ đồng.

Nghĩa là nhiều, nhiều nghi tội lắm, đến mười mấy cái tội cơ. Chỉ riêng tội giết người (có khả năng giết mấy mạng, vì bốn hàm răng), tội nặng lắm – bốn án tử hình cũng không hết. Chia ra cho vợ chồng, mỗi người lĩnh một cái, còn thừa hai cái (Hai thằng con tuổi vị thành niên, chắc chưa phải lĩnh).

Tôi ngạc nhiên nhất là nghi tội ăn cướp - trộm 5 tỷ đồng. Chiếc túi bé bằng lỗ mũi, chứa sao được lắm thế? Mà có chứa được, thì sức tôi vác sao được 5 tỷ đồng tiền mặt lọ mọ đi trong đêm.

Sao đưa nào điêu ngoa thế, vu cho tôi cái tội ấy.

Rồi tôi nghĩ, tôi ức, tôi căm đưa tố gian, tố điêu kia. Vì ức quá, nên sau này tôi cố công điều tra, mới vỡ lẽ và tìm ra kẻ tố điêu kia, và cũng phát hiện ra những người "giúp" tôi, rồi hiểu sao một tờ báo giá tới 1 triệu.

Ấy là con bé “cưng”, nhân ngãi nhân gừng của lão nhà cao, cửa rộng, nhân vợ già đi vắng, rước gái về ngủ. Con bé này là con bóp chính cống. Không hiểu nó kiếm đâu ra mác "người mẫu đẹp". Công nhận nó đẹp thật, mặt đẹp, bụng đẹp, mông đẹp, gi gi gi cái gì cũng đẹp. Hành nghề người mẫu đẹp chỉ làm "mác" thôi, nguồn thu nhập chính là cặp bồ cặp với các anh, ông, cụ, kị lắm tiền. Già cũng cặp, trẻ cũng cặp, miễn là giàu tiền, giàu nhà. Lúc rồi, không ai cặp, thì đi làm tình công nhật - mùa vụ. Công nhật ngày, công nhật bữa, công nhận người..., trẻ, già công nhật tuốt. Ngay sau khi đọc bài báo viết về vụ trộm cắp của tôi, con ấy thấy đây là cơ hội vàng, liền viết đơn tố cáo, rằng trong cái túi mất trộm của nó, chứa đến 5 tỷ.

Con này rất cáo, nó tính rồi:

Nếu phải khai báo nguồn gốc số tiền trên, thì quá dễ. Cái nghề của nó, tiền ức triệu kiếm dễ như trở bàn tay.

Thế còn bốn hàm răng giả, nó giải trình thế nào? Nó bảo ông già cặp nó, gửi giữ hộ.

Có lý.

Thế còn cái bằng báo?

Do ông nhà báo hôm trước đi hú hí với nó, không có tiền, cầm tạm.

Lại có lý nữa.

Còn cái bằng tiến sỹ?

Bà tiến sỹ bị đánh ghen, chạy vãi tám bằng ra đường chân, thằng con trai đi đánh ghen cùng mẹ túm được. Thằng này lỏi đời, biết là tiền đấy, nên giữ lại. Một lần nó đến cửa hàng con bớp này, vì hết tiền, nó cầm.

Rất có lý nữa.

Thế thì nó sợ gì không tố, kiếm lấy dăm tỷ.

Buổi sáng ngày thứ tư trong căn phòng tạm giam – mấy hôm nay tôi coi nó là nhà của mình rồi. Tôi ngủ dậy, không thấy thằng cu bán báo dạo. Mới có ba hôm, tòa báo ông nhà báo hàng xóm làm việc, kịp phát hành 3 số liên tục (vì tin giật gân, bạn đọc gần xa nô nức xem, nên lượng phát hành tăng vùn vụt).

Sao hôm nay không có rao báo giết người nhỉ?

Tôi nghĩ ngợi, chờ đợi và sốt ruột. Khéo họ sắp mang mình ra tử hình?

Nhưng tử hình thì cũng phải xử, rồi luật sư bào chữa,... lắm thứ lắm.

Và nếu tử hình, thì mình phải được bữa cơm đế vương – bữa ăn ân



huệ cuối cùng của tử tù. Tôi đã ăn đâu. Có ai mang bữa cơm ân huệ cho tôi đâu?

Lặng xẽng tiếng xích, lách cách tiếng khóa. Tôi tái người đi, khéo họ đến lôi tôi ra tử hình đây? Tôi rúm người lại, co người lại, thu mình cho nhỏ như con kiến. Mong họ vào, không nhìn thấy.

Cửa mở, đồng chí công an hồ hởi bước vào. Ở kia, sao đồng ấy thân ái thế. Nụ cười rạng rỡ trên môi. Tôi không tin vào mắt mình:

Tôi được tự do, vợ chồng tôi được tự do!

Trời cao đất dày ơi, vợ chồng tôi được tự do!

4 cái hàm răng kia, sau khi kiểm tra ở các loại máy móc hiện đại, công nghệ cao siêu, xác định rằng, nó là sành sứ, sản xuất ở làng gốm sứ Thất Tràng - toàn răng gốm sứ.

Lão già rước gái vào nhà kia, sau khi biết chuyện tố cáo của người tình chốc lát, phân tích cho nó, 5 tỷ chứa sao hết trong cái túi ấy. con bóp mới ớ ra. Lão lại hứa sẽ tặng nó hẳn con mợ. Thế nên nó làm đơn bãi nại và nhận rằng:

- Bốn hàm răng, mấy cái bao ca pốt, nó nhờ tôi giữ hộ thôi.

Vâng: Bốn bộ răng giả kia mà lộ ra, bà vợ ông già mất nét biết, ông ta toi là cái chắc.

Hai cái bằng, ông nhà báo sau mới hay là của nhà mình, đâm lo.

Bằng ấy không phải là giả, mà là kiến thức giả thôi và cái vụ đánh ghen bà tiến sỹ nữa, luận án dâm dục, lại còn đám thư chửi nhau nữa.... Thế là ông ta cũng làm giấy xác nhận, nhờ tôi giữ hộ.

Vậy là chủ nhân ông của các loại tang vật nghi phạm kia, xúm vào xác nhận - nhờ tôi giữ hộ.

Tôi thoát tội giết người và trộm - cắp.

Ra “tù” vợ chồng tôi sượng phát điên, cười như nghé. Công nhận, răng vỡ mà cười, trông vợ tôi vẫn xinh, xinh ra phết, cô ta trông cứ tơn tởn.

Vợ chồng tôi về đến nhà, ông trưởng xóm ập sang. Chao ôi, ông ta khóc, khóc sậm sùi đến 15 phút, chia sẻ với vợ chồng tôi. Khóc xong, ông tâm sự:

- Anh.. chị ạ... khổ quá. Cái khổ bị giam oan của anh chị còn đỡ, ngộ văn hóa chúng ta còn khổ hơn. Trót nghi oan rồi, tai tiếng không gột hết đâu. Thật tình khuyên anh chị, bán nhà, chuyển nhà đi... /.

**HẾT**

**Trọng Huân**

**Ao làng**

Tôi đến thăm ông bác ruột. Gõ cửa mãi mới thấy ông lò rò bước ra sân. Nhìn thẳng cháu một lúc, mà ông vẫn chưa nhận ra là ai. Mãi tới khi tôi lên tiếng, ông mới chậm chạp mở cổng, húng hắng giải thích: “Dạo này trộm cắp lừa đảo nhiều, hết giả danh tiếp thị, quảng cáo, bán hàng, đến quyền góp tô tượng, đúc chuông. Cứ sênh ra là không

mắt cái này, thì mắt cái kia. Cứ phải xem kỹ, nhòm kỹ, có đúng người quen không, mới dám mở cổng.” Bác cháu tôi ngồi uống nước được một lúc, thì bà bác dâu ở đầu về về. Bà áo dài, cổ đeo lủng lẳng chuỗi ngọc trai to bụi. Trái ngược với ông chồng hom hem, bà phốp pháp, đầy đà. Gặp thằng cháu chồng, bà chẳng mấy mặn mà. Bà vừa khua vào phòng trong, ông bác nhát gừng giải thích: “ Đi chùa”. Nói rồi ông cười ruồi: “Dạo này lắm người thành kính. Không còn thiếu đền, chùa nào không đến. Cúng mà lắm lộc, sạch tội....”. Ông chưa nói hết câu, từ phòng trong, bà khó chịu bước ra: “Ông... ông thì biết gì mà tham góp. Suốt ngày ru rú trong nhà. Ông không thành kính thì thôi. Đừng có mà báng bổ”.

Kéo cái ghế cách xa chồng một quãng, bà bác dâu vắt chân ngồi vắt chân ng òi và chõ về tôi, hỏi:

- Nâu nay anh có về không? Khiếp, khiếp quá, mắt thôi. Tháng trước tôi mới về quê ăn cỗ cưới. Đúng nà quá bằng hành tội. Cỗ bàn gì mà toàn thịt lợn nà thịt lợn. Có đĩa gà nược, thì nà anh gà công nghiệp, trắng nhơn.

- Trắng, trắng mà còn có mà ăn là phúc - ông bác tôi để luôn - Ngày trước ấy à, đói, đói rã họng ra. Đến gộc tre cũng chả có mà ăn.

- Trước... trước.... Ông không còn chuyện gì để nói nữa sao. Suốt ngày... chỉ trước, trước. Nghe mà sốt ruột!

- Trước... trước.... Ông không còn chuyện gì để nói nữa sao. Suốt ngày... chỉ trước, trước. Nghe mà sốt ruột!

Nghe quen nghe cái sự đối đáp của hai bác tôi như vậy, t ôi nín thinh. Bà bác dâu tôi lúc này đã thay bộ đồ khác. Nom kiểu cách ăn vận, chẳng hợp với cái tuổi của bà. Ở ngữ ngoài sáu mươi, cái áo hở cổ hoác ra, cái quần mỏng dính, trông rõ cả bắp đùi béo nũng. Bà

khác người đàn bà thôn quê thuở nào rồi. Đâu còn quê kệch cái khăn nâu mỏ quạ, chiếc quần phin đen thường trực xắn móng lợn và miệng đồ quét trầu. Gia đình bác tôi chuyển ra phố huyện được mấy năm nay. Nhà này, kiểu cách và cái chất quê, chỉ còn lại ở ông bác. Mấy ông anh và bà bác dâu, họ như là lột xác, lột từ trang phục đến lời ăn tiếng nói, tức là đặc sệt dân phố.

Để tỏ thái độ bất hợp tác với chồng, bà bác dâu chẳng thèm chào thằng cháu chàng lấy một câu, lật bệt dép leo thẳng lên gác. Đúng lúc đó ông anh họ tôi ở đâu xe con lảng coãng xích đỗ trước nhà. Lúc trước nhám nhẳng với bà vợ già, giờ đến lượt thằng con trai, trong câu chuyện, ông cũng tỏ ra khó chịu. Anh con trai mở miệng câu nào, ông bỗ chặn họng câu đó. Thái độ của ông bố là vậy, nhưng anh họ tôi vẫn thản nhiên như không, cứ nói cười bô bô. Anh còn đưa cho tôi tám các thơm lừng, trên các in chềnh ềnh chức danh: Tổng giám đốc Tổng công ty cổ phần Hưng Phú. Mặt sau các thì in đến ba, bốn thứ ngoại quốc. Nghe nói anh buôn bán to lắm, hàng toàn xuất sang Đài Loan, Hồng Kông và đi cả Mỹ nữa.

Chuyện gia đình ông bác tôi rời làng ra phố bắt đầu từ việc ông anh họ với cái ao làng. Anh họ tôi mấy năm trước ở quê từng làm chủ tịch xã. Ông chủ tịch xã chỉ đạo khoan đất, đổ cát cái ao, rồi bán. Trong việc bán chác, mấy vị chức sắc xập xí, xập ngẫu tiền nong. Việc vỡ ra, họ bị cách chức ráo. Không chịu được cái nhục đó, ông bác tôi đành phải bỏ làng, lên mảnh đất con trai đã dăm trước ở phố huyện. Ông không thể nào chịu nổi trước những lời ong, tiếng ve của dân làng, con ông là một thằng tham nhũng.

Tôi có nhiều kỷ niệm với cái ao làng. Cái ao rộng lắm, nước trong veo. Mặt nước dập dềnh những đám bèo tây, bèo ta. Đâu đó ven

bờ, những bè rau rút, rau muống giăng ra. Ao làng, còn có có tên là ao Bà Phó. Cái tên ao làng thì hiển nhiên rồi. Còn cái tên ao Bà Phó là có gốc rễ của nó. Ông tôi hay kể: Đã lâu lắm rồi, cái năm trước bốn năm, có bà Phó goá chồng. Cái tên Phó bắt nguồn từ việc chồng bà mua phó lý, chứ ông có ngày nào ra làm ông lý, ông phó đâu. Bỏ tiền ra mua, khao vọng xong, ông bà nghiễm nhiên được dân làng gọi là ông phó, bà phó. Ông bà giàu có, mà không con cái, chẳng có người hương khói. Tất nhiên hương khói phải theo nghĩa chính tông, chứ còn tiền của như vậy, ở làng, họ hàng dây mơ rễ má, chả khói kẻ chẳng tấp tễnh ăn tự. Ông mất đi, bà bơ vơ trên cõi đời. Bà đã lo người ăn tự rải, nhưng tiền của vẫn nhiều. Người này bàn vào, kẻ kia tán ra, các cụ lại luôn rỉ tai, thế là bà Phó bỏ tiền mua cái ao, cúng cho làng. Thế nên cái ao mới có tên, ao Bà Phó.

Hồi cải cách ruộng đất, những người nhiều ruộng, lắm đất, đều bị quy là địa chủ tuốt. Người gian ác thì bị xử bắn, còn các địa chủ khác, bị tống ra khỏi nhà. Những người ít ruộng, diện phú nông, trung nông, bần nông, sau đổi công, đến thời HTX, đều góp ruộng vào làm ăn tập thể. Tất nhiên cái ao Bà Phó trở thành ao chung. Ao làng là nơi dân làng tắm gội, kín nước về ăn, quanh bờ mấy bà bắt ốc, móc cua, lũ tỳ nhau bơi lội, tắm tấp, còn đêm hôm, trai gái tình tự. Cũng chính cái ao làng này, có đứa trẻ tầm trạc tuổi tôi bị chết đuối. Không biết bơi, chỉ ôm cây chuối tập từng đập nước quanh bờ, đến khi trượt tay, uống nước no và chìm ngấm. Lúc vớt được lên, thân xác đã mềm oặt, nhợt nhạt. Người lớn vác ngược, chạy khắp làng, người theo sau la hét, kêu hồn, gọi vía. Vác ngược để nước éc ra miệng, nhưng chẳng ăn thua gì. Chết vẫn hoàn chết. Chuyện tôi biết bơi cũng rất vô tình. Tôi theo đám trẻ ngụp lội quanh bờ. Lũ trẻ đùa

nhau, một đứa đẩy tôi ra xa, làm tôi chìm ngấm, uống no một bụng nước. May được cứu, không thì tôi thành người thiên cổ. Cứu tôi là một ông chú trong họ. Mẹ dắt tôi đến nhà ông cảm ơn và xin cho “cháu” làm con nuôi. Ông cười, không nhận, mà nói rằng, không họ hàng thì cũng người trong làng. Thấy cảnh đó, ai mà chẳng cứu. Sau đặng đó, tôi vẫn không hề sợ và tự dưng biết bơi. Lội xuống ao, người cứ nổi lên bênh. Sau này tôi còn dạy bơi cho khối đứa. Có thằng bé hàng xóm thuê tôi dạy bơi cho nó. Giá thuê là mấy củ khoai, nó vụng trộm của nhà. Nhớ buổi trước lúc dạy bơi, tôi bắt con chuồn chuồn ngô rã to, bảo nó cỡi trần ra. Nhìn tôi giơ con chuồn chuồn, thằng bé mặt xanh xám. Nhưng trước những lời khích bác của đám trẻ, nó đành cố nhịn. Đến khi tôi giơ con chuồn chuồn vào rốn, thằng bé hét toáng. Hôm đó về nhà, tôi bị bữa no đòn, bởi mẹ thằng bé đến mách thầy tôi. Chẳng hiểu có phải và con chuồn chuồn cắn rốn không, mấy hôm sau, thằng bé biết bơi.

Về bà Phó, hồi còn nhỏ, tôi có biết mặt bà. Giàu có là vậy, nhưng vì sang tên, chuyển chủ ruộng đất cho người ăn tự, rồi bao lần cúng tiến làng, cúng tiền chùa, tài sản của bà vơi đi vơi. Đến hồi cải cách ruộng đất, do ruộng đất chẳng còn bao nhiêu, đâm ra may, bà không bị quy là thành phần địa chủ, phú nông gì sất. Hình ảnh về bà Phã tôi còn nhớ, là những lần bà vớng vọng đứng chửi những kẻ trộm chuối, bắt gà của bà. Ngày trước hào phóng bao nhiêu, hiến cả cái ao rộng là thế cho làng, vậy mà nay, chỉ mất có con gà, bà réo rất chửi cả tháng. Bài chửi của bà có vần có vẻ, cứ thượng tổ, hạ tổ cái đứa trộm cắp mà réo. Cứ như bà chửi, thì nhà chúng nó đến tàn cây, héo lá, mồ mả tổ tiên phải nhảy xéch lên. Không biết có phải vì chửi rủa ngoa ngoắt quá, dù bà đã cúng nhiều của, nhiều ruộng cho chùa, cho

làng, nó ám vào số phận của bà, nay lúc về chiều tổ tiên, bà khổ lắm, ngắc ngư mãi mới nhắm mắt được.

Lại nói về cái ao Bà Phó. Thời HTX, ngoài chức năng tắm rửa, cung cấp nước ăn cho dân làng, cái ao còn là nơi thả cá. Cứ vào cuối năm, HTX tát ao, chia cá cho cả làng. Dịp tát ao, đúng là ngày hội, trai, gái, trẻ, già nhua nhúa tụ tập quanh bờ. Cái máy bơm xình xịch chạy suốt đêm. Nước cạn lưng lửng ao, nước cạn nửa ao, cá trôi lưng. Dân quân gác suốt. Ao cạn rồi thì bắt. Người ta chẳng máy ai quan tâm đến sản lượng, đến chỗ cá chung bắt được là bao nhiêu, vì kiểu gì thì kiểu, cũng chia, mỗi nhà một suất. Người ta quan tâm nhất là cái khoản hội tát. Hôm đó tôi chầu trực suốt từ sáng đến quá trưa, bỏ cả cơm, bỏ cả học. Tôi nhớ, ông bác tôi, hồi đó giữ chân đội trưởng đội sản xuất, buổi tát ao, ông rõ là vất vả. Tay cầm cái tay tre đực rất to, ông hét chạy đầu ao đến cuối ao, xua đuổi, dậm dọa đám người quanh bờ. Cứ xềnh dân quân và ông ra, là có người nhanh như cắt, vọt xuống, chộp con mè, con trôi.

Hôm ấy, chưa chờ khẩu lệnh hội cá phát ra, mọi người đã ào ào kéo xuống. Ông bác tôi chỉ đạo cuộc tát ao, không hiểu sao, lúc đó lại cứ vầy vầy tôi. Lúc trước thì ông chạy chỗ này, chỗ kia, lúc gần tháo khoán hội tát, ông đứng y nguyên một chỗ. Tôi đúng là thằng ngố, mãi mới hiểu ra. Tôi xán lại phía ông, thọc tay nhanh xuống bìn, chỗ chân ông đang đứng, móc lên con sộp to tướng. Người xung quanh sững sờ, sao mà tôi may đến thế. Cả làng kháo, tôi được con cá đến mấy mươi cân. Thực ra thì con cá chỉ suýt soát hai ký lô. Cũng vì con cá sộp ấy mà tình cảm anh em bị một trận sút mẻ. Con cá mang về, mẹ tôi được bữa mừng suýt chết. Đang còn mừng vui, bà bác dâu đã hốt hải chạy sang. Bà sống chết bảo, con cá này, công lớn là do

chồng bà. Không có chồng bà dúi nó xuống chân, thì cái mặt tôi, làm sao bắt được con cá to như thế. Cãi cọ, giằng co nhau mãi, cuối cùng con cá phải chia đôi, bỏ dọc từ đầu đến đuôi, mỗi nhà một nửa. Rồi chuyện con cá inh lên, làng trên xóm dưới đều hay, ông đội trưởng dúi con cá cho thằng cháu ruột. Ông bị lôi ra kiểm điểm trước ban quản trị HTX. Cái án cuối cùng là ông bị cắt tuột cái chân đội trưởng. Thật là xót, mỗi vụ bỗng dựng nhà ông mất toi mấy trăm công điểm cái chân đội trưởng đội sản xuất.

Tôi xa làng đã mấy chục năm. Có lúc nhớ về quê nhà, không hiểu sao lại hay nghĩ đến cái ao làng mình. Tôi cứ hay kể chuyện cái ao cho lũ trẻ, đến độ mấy đứa con tôi thuộc lòng, cái ao rộng là bao nhiêu, nước trong đến mức nào, mùa nào thì thả vỏ mít bẫy ốc bươu, tháng nào thì tát ao,...Có dịp về quê, tôi hay tha thân ra ao làng. Không hiểu sao cái ao giờ không còn trong veo như thuở xưa nữa. Máy nhà làm đập, máy xưởng nhuộm xả chất thải xuống ao, nên nước đen ngòm, thum thum. Đám bèo tây, bèo ta cũng xác xơ, bèo rau muống, rau rút lơ thơ và chả còn đứa trẻ nào dám tắm tấp, lặn ngụp nữa. Cái ao như nhỏ bé lại. Mỗi năm từng quãng, từng quãng, có nhà bung ra cạp ao. Họ xây tường, xây nhà, những cái mái bằng, mái chày, cái kiểu Ả Rập chóp tròn xoe như củ hành, cái kiểu Gô tích chóp nhọn hoắt, chìa lên gò. Sau khi thực hiện chủ trương lấp ao của chủ tịch xã, tức ông anh họ tôi ấy, cái ao Bà Phó chỉ còn rộng bằng cái bàn tay.

- Giỡ họ vừa rồi sao không thấy bác về - tôi hỏi ông bác.

- Đã định về thì tự dựng lán đùng ra ốm. Thấy bảo, họ định chặt hàng rào tre trước nhà thờ, xây tường. Sao lại chặt đi thế. Bây giờ về quê hiếm hoi lắm mới có một khóm tre.



Nghe bố nói vậy, ông anh họ tôi nhếch mép:

- Tre pheo mà làm gì. Mấy thằng hội người mù vào đây bán tằm.

Thương hại chúng, mua một lần dùng cả năm không hết. Quý.. quý thể đấy. Đất, bây giờ là cây là que...

- Hừ ... cây, cây .... Để đến nỗi anh phải mang tiếng nhục...

- Nhục, nhục gì? Thì cùng lắm bằng cái nhục con cá sộp ngày trước....

- Đồ... đồ bất hiếu!

Ông bác tôi giận tái cả người, còn anh con trai vẫn nhơn nhơn như không. Nhìn cái vẻ nhơn nhơn của anh, tôi chợt nhớ đến cái vẻ ấy của anh, trong lần giỗ họ năm nào - đúng vào cái dịp anh vừa bị cách chức. Năm ấy tôi về hội làng, giỗ họ. Câu chuyện của miệng và rôm rả nhất của dân làng là chủ tịch xã và cả ê kíp mất chức. Dân làng còn kháo, các vị đều ẵm cả tiền triệu, tiền tỷ. Chẳng như ông bác tôi ngày xưa, bị cắt chức vì con cá sộp, ông xấu hổ đến mấy năm, không dám bước chân ra đường. Còn nay ông con, chủ tịch xã, bãi chức tháng trước, tháng sau đã nhòng nhỗng phi xe máy khắp làng. Trước đó anh còn kíp mua mấy lô đất trên phố huyện. Hôm gặp tôi ở đám giỗ họ, anh cứ thản nhiên như không. Chìa bao ba số ra mời tôi, anh oang oang tuyên bố, đã quyết cúng cho họ khoản tiền sửa cái hậu cung. Trước lúc cỗ bàn, anh nghênh ngang quẳng ra giữa chiếu, quẳng ngay trước mắt các cụ, bó tiền mới cong hai chục triệu. Tôi thoáng thấy ánh mắt đâu đó, có người vừa tức, lại vừa muốn được như ông anh họ tôi./.

Hà Nội 2005

## Trọng Huân

### Bức họa

Nhà họa sĩ trông ra hồ Gươm. Ngôi nhà cổ bờ mái rêu cáu cạnh, ngói xô vỡ nhiều chỗ. Cây sấu già sù sì đẽ trĩu cành làm căn nhà thêm thấp bé. Phòng nhỏ treo tranh, tranh bày cả tường hiên trước cửa: tranh cánh đồng chiều quê, tranh cô gái vùng cao gửi nước, tranh phố cổ Hà Nội ngõ nhỏ sâu hút... Phòng tranh mang vẻ tĩnh lặng như chính họa sĩ già đang trầm ngâm ngắm cảnh hồ. Dòng người qua lại, mưa rơi lất phất, có người vội vã, có người thư thả. Ai đó dừng lại ngắm tranh, bước đi. Người đứng lại lâu hơn, ngắm. Họ mang tranh ông đi, một người sưu tầm chơi tranh, một nhà kinh doanh phát đạt, một du khách ngoại quốc muốn có kỉ vật về phong tục, tập quán xứ sở mình đã qua. Khoảng trống để lại trên tường, họ đã mang đi từng phần đời họa sĩ. Nhìn khách qua đường, dạo hồ, họa sĩ nghĩ ngợi: ừ, cuộc đời trôi nhanh hay chậm là suy nghĩ của mỗi người. Có cuộc đời băng qua vội vã; có cuộc đời bước đi thong thả, nhón nha. Song nó vẫn là trôi. Ông từ một cậu bé ở cái phố phủ Ninh Giang bên dòng sông Luộc, tuổi thơ qua đi êm đềm. Lớn lên bước vào cuộc chiến tranh. Lúc nửa đầu hoa râm, đất nước thanh bình, tranh là suy ngẫm của ông, suy ngẫm cuộc đời. Người ta nói,

đời người như bức tranh, vậy không thể có sự trôi nhanh hay chậm, mà chỉ có bức vẽ với mảng màu sẫm tối, khắc họa rõ ràng, bức nhạt nhòa không phân biệt đâu tối, đâu sáng, hay những bức gam màu xám xịt. Cuộc đời ta thuộc loại bức tranh nào? Thời Phục Hưng có một họa sĩ sống chuỗi ngày vất vưởng. Tranh ông vẽ đôi từng bữa ăn, đôi bánh mì đôi củ sười. Họa sĩ chết trong cảnh đói rét. Người đời đâu ngờ rằng, vài trăm năm sau, một tác phẩm của ông bằng gia tài nhà triệu phú. Cuộc đời họa sĩ đó thuộc loại bức tranh nào? Từ góc phố bà cụ ăn mày lần gậy bước. Cụ già lắm, mái tóc trắng đục. Năm tháng khắc họa khuôn mặt cụ ngàn vạn nếp nhăn. Một cuộc đời vất vả- họa sĩ nghĩ. Vai cụ quàng bị, gậy khua lóc cóc, cánh tay già khẳng khiu giơ ra cầu xin cuộc đời. "Kìa, sao cụ chìa xin cả chốn không người, những cánh cửa nhôm khách sạn sáng lạnh, dây xe hơi im ỉm." Cảnh tượng làm họa sĩ chạnh lòng. " Nếu mẹ ta còn sống, nay trăm tuổi. Mẹ ta may mắn hơn cụ già kia. Có phải bà là người mẹ được nhận nhiều ư? Từ chồng, từ con, từ...? Lúc mẹ ta mất có hàng trăm vòng hoa viếng, đấy cũng là lần mẹ được nhận chãng?" Cụ già ăn mày bước trên phố vắng, bàn tay cứ chìa ra. "Có người đi suốt cuộc đời trong khổ đau. Ông trời không công bằng, không gượng nhẹ đến quãng cuối cùng, cái mà Người đã tạo hóa..." Họa sĩ thấy cay cay sống mũi!

- Lạy ông! ...lạy bà!... Xin thương kẻ già nua...

- Cụ ơi, đường có ai đâu. Mời cụ vào đây nghỉ chút cho đỡ rét

- Xin ông! Lạy ông...

- Ấy, con chỉ đáng tuổi con cháu cụ...

- Vâng! Lạy ông... Ông thương cảnh già...

Cầm chén nước họa sĩ mời, tay bà cụ run run. Run vì giá rét hay cái

run trước một tấm lòng? Một người mẹ cả đời chỉ cho, chưa được nhận bao giờ, nay được chút lòng đã bao xúc động? Phút giây ấy chợt bừng lên trong họa sĩ niềm cảm hứng. Họa sĩ cầm bút nét phác họa cụ già hiện nhanh trên nền giấy. Đêm ấy căn phòng họa sĩ ánh đèn tỏa sáng suốt đêm, tâm trí ông hút vào bức phác họa. Người vợ mấy lần thức giấc, lo lắng nhìn chồng. Bao năm chung sống, rất hiểu phút đam mê của người nghệ sĩ, bà thờ dài...

Sáng sớm. Hồ chưa một người dạo ngắm Tháp Rùa. Lác đác người nhận giao ca sớm, đi về. Họa sĩ ngồi lặng bên giá vẽ. Ông say sưa ngắm bức họa đã hoàn thành. Khuôn mặt, ánh mắt ngàn vạn nếp nhăn. Nhìn bức chân dung cụ già như thấy nổi nhọc nhằn cô quạnh một kiếp người. Thoáng nghe bước chân sau lưng, họa sĩ biết đêm qua vợ mất ngủ, bà lo lắng cho chồng. Họa sĩ đợi lời trách móc. Im lặng... Ông quay lại... thấy vợ đăm đăm ngắm bức họa. Mắt bà như rớm lệ. Nhẹ bước lại ông quàng tay ôm vợ, hai người già lặng ngắm tranh. Bức họa Người Mẹ- họa sĩ đặt tên như vậy, ông đem treo trang trọng nơi phòng tranh. Bức họa không có giá. Từ hôm ấy khách vào phòng tranh, ai đó lơ đãng nhìn, kẻ dừng lại đôi chút, người đứng lại rất lâu. Họa sĩ thoáng nghe những tiếng thờ dài nho nhỏ.

\*

\* \*

- Chào bố!

Cái mặt nó nhặng nhít, lại thoả thuê, hẳn là gã lái tranh, kẻ mang tranh ông đi nhiều nhất. Cũng từ hôm bức họa treo lên, hẳn xoắn lấy. Kẻ cũng lạ, thứ hẳn mà thoáng nhìn đã thấy ngay cái thần, cái giá của bức họa.

- Con biết bố ghét con (hắn cười). Mâu thuẫn! Tại sao bố lại không

ưa con nhỉ? Chính con là người mua tranh của bố nhiều nhất, trả giá cao nhất. Con hỏi bố nhé, không có những người như chúng con thì các vị nghệ sĩ như bố sống ra sao? Chưa kể chúng con còn lãng xê để bao vị trở nên nổi tiếng. Bố sẽ quảng bá cái triết lý và nghệ thuật của mình đến công chúng bằng cách nào? Nếu không có chúng con? Hấn từng nói với họa sĩ như vậy.

\*

\* \*

Vị khách ấy bước vào phòng tranh. Ông họa sĩ ngồi ngắm Tháp Rùa, ngắm dòng người qua lại như mọi khi. Khách dừng lại trước bức chân dung Người Mẹ. Ông khách trạc ngoài năm mươi, tóc muối tiêu, một vị khách sang trọng. "Ngoại quốc hay người Việt? Khuôn mặt thì điển hình người Việt, nhưng nước da ngăm ngăm" - họa sĩ nghĩ. Ngắm khách kỹ hơn: -"Một khuôn mặt đàn ông không đẹp nhưng có nét đáng chú ý, dễ gây cảm hứng - một khuôn mặt có đặc điểm. Hình như mình đã gặp ông ta ở đâu rồi nhỉ, trông quen quen. Qua góc nghiêng, họa sĩ cảm nhận, ông ta xúc động. Sau phút giây trầm ngâm ngắm tranh, khách bước về phía họa sĩ:

- Thưa ông... Xin hỏi...

Từ ngữ, cách phát âm tiếng Việt chưa chuẩn, người ngoại quốc. Khách hỏi về tác giả, về giá bán bức họa. Ông ta như thoáng buồn khi nghe nói bức chân dung không bán. Khách lại tần ngần ngắm tranh. "ừ, đúng là mình đã gặp ông ta ở đâu? Đôi mắt, cái nhìn...?" - họa sĩ nghĩ. Lúc sau vẻ cương quyết, khách lại đề nghị mua bức chân dung, tùy họa sĩ định giá. Qua những câu lộn xộn, thiếu mạch lạc, và xen vào những câu tiếng Pháp, họa sĩ biết ông ta gốc Việt, tha hương hơn năm chục năm rồi, đây là lần đầu tiên về thăm quê

hương bản quán. Nghe họa sĩ nói bức họa gắn với một kỷ niệm, nên không bán, ông khách rất thất vọng. Thời gian trôi đi vẫn thấy khách lặng lẽ ngắm tranh, mắt ông ta còn như nhòa lệ. Họa sĩ chợt nhận ra, đôi mắt, cái nhìn của khách giống cụ già trong tranh đến kì lạ. Một lần nữa ông Việt kiêu bước về phía họa sĩ. Lần này ông ta đặt câu hỏi về người mẫu- chắc bà cụ có uẩn khúc hay hoàn cảnh éo le chẳng? Cụ hiện ở đâu? Tại sao họa sĩ để vết sẫm trên trán, cần thiết phải tạo mảng màu ấy không? Sao bàn tay cụ già trong tranh nắm gậy về không tự nhiên? Nghe khách hỏi họa sĩ ngạc nhiên- ông khách quả có cái nhìn tinh tế, am hiểu hội họa. Bức vẽ gần như nguyên mẫu, trên trán, dưới chân tóc bà cụ người mẫu có bột đậm, ngón tay trở của cụ bị tật. Nghe họa sĩ giải thích, thần sắc khách như khác lạ, ông ta hấp tấp hỏi, hỏi nhiều lắm. Họa sĩ nhớ: "Bà lão nói tên làng, một cái tên nôm chỉ còn trong trí nhớ người già, tên gì nhỉ...? à đúng rồi... làng Đún..."- Làng Đún... làng tôi đấy! (ông khách nắm tay họa sĩ lắc lắc). Tôi về Việt Nam tìm mẹ.

Họa sĩ bàng hoàng. Sự trùng hợp hay ngẫu nhiên chẳng? Số phận run rủi? Đúng! Đôi mắt bà cụ, đôi mắt ông ta giống nhau đến kì lạ. - "Cụ hiện không nơi nương tựa. Đêm đêm ngủ ở một chân cầu nào đó trong thành phố..." Nghe kể, nước mắt khách chảy dài trên má. Hơn 50 năm trước họ xa nhau. Hoàn cảnh túng đói người mẹ để lại đứa con còn đỏ hỏn, đi Hải Phòng làm vú nuôi, lấy tiền nuôi con và gia đình. Hơn năm sau bỗng người làng đồn, bà đã chết, đồn bà làm lẽ ông chủ buôn nước mắm bà làm vú nuôi ở nhà ông ta. Chuyện đồn về làng đến sợ. Chẳng ai rõ ra sao, nhưng chuyện lâu rồi, bà không có tin về làng là sự thật. Người chồng và đứa con cũng rời làng. Số phận xô đẩy đến mức họ trôi dạt đến tận xứ người, một đồn

điền giữa hòn đảo nơi đại dương mênh mông, quê hương là phía mặt trời lặn. Trước lúc nhắm mắt nơi đất khách, ông bố trắng trời cho con: Về quê hương tìm mẹ. Người con chính là vị khách ngoại quốc. Bao công sức ông mới tìm ra làng Đún. Giờ chẳng ai gọi tên ấy nữa. Làng khác xưa rồi, không như lời bố ông trắng trời. Dân làng ít người biết chuyện gia đình ông hồi đó. Sau này bà mẹ có trở lại. Cái đận đói bốn năm chết vẫn làng, lại bước vào cuộc chiến tranh, mỗi người ly tán một phương, biết sao số phận của nhau! Không chồng, không con, không cả họ hàng gần gũi, bà chẳng quay về làng lần nào nữa. Ông khách ngoại quốc lang thang khắp thành phố, đêm đêm tới các chân cầu mái hiên tìm mẹ. Thỉnh thoảng ông lại quay về phòng tranh, thẩn thờ nhìn bức họa. Trước bức chân dung khách làm rằm như là tâm sự. Nhìn vào mắt khách họa sĩ biết, đưa con lạc mẹ kia, dù khó khăn đến đâu cũng sẽ tìm thấy mẹ. Xúc động, họa sĩ tặng bức chân dung cho khách. Đời nghệ sĩ của mình, nhiều lần tặng tranh, bán tranh, đây là lần trao tranh cho người ông thấy thanh thản nhất. Phần đời của ông có người giữ gìn, trân trọng.

\*

\* \*

- Kìa bức tranh đâu rồi?

Gã lái tranh sững sờ khi không trông thấy bức họa.

- Bố nói vô giá, không bán. Chắc có kẻ trả hơn con. Bố đá bao nhiêu? Năm hay bảy vé?

- Tôi tặng.

- Tặng?... Con không nghe nhầm chứ(?) Bố già lắm lắm rồi. Vài chục vé đấy.

- Vài chục vé thôi à

Ông họa sĩ cười. Ngày ngày vẫn thấy họa sĩ trầm ngâm ngắm cảnh hồ, nhìn dòng đời qua lại. Trong mắt ông thấy cả sự hy vọng, đợi chờ. ý tưởng bức họa mới đang hình thành trong ông: một sáng, cảnh hồ yên tĩnh, rặng cây ven hồ đổi màu xanh biếc, những tia nắng ban mai chiếu rọi, cụ già tóc trắng bạc, người con trai dìu mẹ bước, nét mặt ông ta rạng rỡ. Họa sĩ chợt nghĩ, ai là người được nhận?./.

9/1996



**Trọng Huân**

**Bụi vết thán năm**

**Nghĩ ngợi**

## CHƯƠNG I - CHUYỆN QUÊ

1. Cậu ông trời say
2. Vạ lây cái hồn ma
3. Người nhà thánh tô hô
4. Ước gì cho đến thán mười
5. Cửa hàng đĩ
6. Phé truat chức trưởng ngõ

## CHƯƠNG II - CỨ VIỆC NHÀ MÀ KỂ

7. Trưởng họ là ông Tây
8. Cha tôi
9. Địa chủ hụi
10. Lính bông súng viếng
11. Cảm tử quân buôn lậu
12. Phản động thì sao
13. Ngõ quê
14. Ghen với ma

15. Tranh khoả thân
16. Thích làm quan
17. Ăn vụng
18. Nghe giao hưởng bằng tay

### CHƯƠNG III - THUỞ HỌC TRÒ

19. Cốc vật chất
20. Trâu cười
21. Bầu cho con bò
22. Khoán cả cúng
23. Kiếp họ nhà trư

### CHƯƠNG IV - NƠI LÀNG VỢ

24. Cô sư đi giải hạn
25. Du xuân lễ chùa
26. Chàng rể trúng đề
27. Loa Thành và vụ thẩm án nhà Lý
28. Cuộc đoàn viên sau năm thế kỷ
29. Những người nổi danh

### CHƯƠNG V – HÀNH NGHỀ BÁO

30. Bài học nghề
31. Về đài
32. Những người từng gặp
33. Cụ Lý Trần Quán
34. Giai thoại nhà Đài
35. Xứ Hà Tiên

- 36. Ông Chánh văn phòng Đài
- 37. Nghề lên voi xuống chó
- 38. Nhà báo trẻ
- 39. Chuyện say
- 40. Người xưa cũ

## CHƯƠNG VI - HỦ HOÁ HỐI LỘ ĐÂY

- 41. Hủ hoá ở
- 42. Vật ra làm thuế
- 43. Tao không ăn cướp
- 44. Nhận hối lộ ly cam vắt
- 45. Tôi mơ ước là con chó
- 46. Nhớ cánh vờ vờ trôi

### **Nghĩ ngợi:**

*Vua Lê Thánh Tông đòi xem sử. Nhà vua muốn nhìn lại vết dấu của mình để lại trên đời ?*

*Kiếp vờ vờ mỏng mang, trên dòng nước mùa đông ken, để lại vết đời tấm cánh, lững lờ trôi.*

*Một nhà thơ phương Tây viết: Ngay cả một sợi tóc gãy guộc cũng để lại bóng râm của mình trên mặt đất.*

*Trang viết là dấu vết. Vết đậm.*

*Gương xưa ba đời viết sử, cha viết, chém cha, con vẫn viết vậy, chém con và cháu vẫn viết thế...*

*Tác phẩm nghiên cứu ở một viện nợ, thỉnh thoảng thấy vài trang bị xé. Người xé lại chính là tác giả.*

*Đấy là họ tự viết đấy chứ!*

*Chẳng lẽ, những bậc thức giả không muốn để lại vết dấu của mình, cái gọi là một kiếp người?*

*Chắc nay ngược với người, với đời, mà xé.*

*Nếu biết tự ngược với họ, thì họ không xé.*

*Hàng ngày ta soi gương. Soi để người nhìn, mà lại cho ta.*

*Nếu như ai cũng soi mỗi hành động, suy tư của ta, bụi vết chúng sẽ hằn ở lại, và ta muốn để lại.*

*Ngậm mồm ăn tiền. Ngậm bút ăn tiền. Theo thời mà viết ăn quyền, được chức, đạt danh cũng nên!*

*Nói thật. Viết thật. Sống thật. Khó thật. Thôi thì đành kể vậy.*

## **Bụi vết tháng năm**

### **CHƯƠNG I - CHUYỆN QUÊ**

#### **1. Cậu ông trời say**

Quê gốc tôi ở Hà Nam, nhưng sinh ra, lớn lên bên bờ sông Luộc, địa phận đất Hải Dương, nên coi nơi đây là quê hương của mình.

Kỷ niệm của tôi về dòng sông, vào mùa nước đông ken, vờ vờ chơi vơi bay trên mặt sông. Sau đợt rét đậm, sẽ có ngày thời tiết ấm áp. Vào những hôm như vậy, buổi sáng sương mù giăng trên sông. Đi bên sông cảm giác như ta bồng bênh trong mây.

Không trung trên mặt nước những con vờ vờ bay lượn. Vờ vờ to bằng độ con châu chấu, trắng muốt. Thấy bảo, có người bắt vờ vờ về ăn - món vờ vờ rang. Chắc chẳng ngon nghề gì. Thế nên, vùng quê tôi có thành ngữ: xác như vờ vờ.

Vào những hôm sương mù, bọn trẻ phố tôi đi học, chúng cứ men theo mép nước đến trường. Đường xa hơn đấy, lũ trẻ vẫn chọn con đường đó. Bởi chúng còn nghịch ngợm và xem vờ vờ bay.

Trên sông, sáng sớm, vờ vờ khoẻ, dập dờn lượn. Sau bay lượn mệt, chúng sà thấp dần, chao đảo, có con rớt xuống nước, rồi vùng vẫy, cố cất mình lên. Dưới sông, đàn cá mương hau háu đớp bóng, quẫy đạp, chờ đợi... Mặt trời cao dần, ánh nắng chiếu rọi, cũng là lúc vờ vờ đuối sức, rớt xuống mặt nước, mà không cất mình lên nổi. Đám cá mương châu chực, lúc này xúm lại.

Nhìn những con vờ vờ xấu số, bị lũ cá mương đớp rĩa, thân mình tả tơi, để cuối cùng mất dạng dưới làn nước mùa đông lạnh giá. Nghĩ mà thương!

Mặt trời cao dần, không còn con vờ vờ nào nữa. Mặt nước sông chỉ còn những cánh trắng mỏng mang, dập dờn trôi. Đàn cá mương cũng kết thúc cuộc săn mồi, lặn mất tăm.

Dòng sông mùa đông ken, nước lững lờ. Nếu không có những cánh vờ vờ mỏng mang, lơ vơ, ai mà biết được, trên sông vừa xảy ra cái quy luật khắc nghiệt của tạo hoá... Con vờ vờ yếu đuối là một mắt xích của chuỗi sống tự nhiên và để lại trên thế gian bụi vết sinh tồn.

Nhà tôi ở bên bến đò Ảnh. Bến đò nằm ở ranh giới mấy tỉnh con gà gáy nghe tiếng. Ngã sông được tạo ra trước năm 1284. Cuộc chống quân Nguyên Mông lần thứ hai, Trần Hưng Đạo đóng quân dọc lưu vực sông Hoá. Trong cuộc hành binh, có câu chuyện cảm động. Khi vượt sông, con voi chiến chở Trần Hưng Đạo bị sa lầy, mãi mà không cứu được. Nước sông dâng cao dần, voi rống lên, nước mắt ròng ròng, vẫy vùi vái chủ. Sau này bên bờ sông, dân lập đền thờ Ông Voi.

Sông Hoá nối vào sông Luộc. Lúc ấy hệ thống sông Luộc, sông Hoá tách biệt với sông Thái Bình. Trần Hưng Đạo thấy thuyền từ sông Luộc phải qua sông Hoá, rồi ra gần biển, mới vào được sông Thái Bình, quyết định đào nối hai hệ thống sông trên. Vậy nên nay sông Luộc mới nối được với sông Thái Bình.

Đối diện quê tôi, bên kia sông là Vĩnh Bảo, một vùng quê có đặc sản nổi tiếng một thời, thuốc Lào. Mấy ông nghiện thuốc, ai chẳng hay câu:

*Nhớ ai như nhớ thuốc Lào*

*Đã chôn điếu xuống lại đào điếu lên.*

Cây thuốc Lào cao cỡ hơn mét. Lá to bằng cánh cái quạt trần. Phải so sánh vậy cho nhiều người dễ hình dung. Thuốc Lào mỗi vùng có sự khác nhau. Thuốc Lào vùng núi thường mỏng, sợi nhỏ và màu vàng nhạt. Riêng thuốc Lào anh Vĩnh Bảo, sợi dày, màu đậm.

Dân vùng thuốc, phụ nữ hút là chuyện thường, chồng hút, vợ hút, bố hút, con hút, nam thanh nữ tú cùng hút, cứ điềm nhiên rít, điềm nhiên nhả khói và ngả ngón say. Sự say thuốc Lào đến buồn cười, lại thường diễn ra vào độ sáng sớm. Mở mắt ra, chưa súc mồm súc miệng, dân nghiện đã lòi cái điếu, điếu cày hay điếu bát, nhồi mồi thuốc to cỡ hạt lạc, châm lửa, làm một rít. Thế là say. Say lăn đùng ra đất. Say vật ngửa ra ghế. Người say dãi rớt trào ra miệng, mặt mũi tái đi. Nhưng chẳng sao, một lúc là tỉnh. Nhìn điếu bộ lờ đờ của kẻ say thuốc, trông đến buồn cười. Say như vậy, mà chẳng ai chữa, lại hút, lại say, lại hút...

Nhìn kẻ say thuốc Lào đã buồn cười, nhìn con cóc say thuốc Lào còn buồn cười hơn. Đám trẻ bắt cóc, vạch miệng ra, tống thuốc Lào qua, tống xuống tận tù và. Một lúc sau, con cóc say. Nó đứ đừ, đi không được, đứng không xong, cứ lạng chạng, lắc lư. Chưa kể nó ho, ban đêm, người yếu bóng vía nghe, sợ phát khiếp con cóc say thuốc Lào.

Người ta bảo, tang thuốc ngon hút phải đậm, êm,... Mấy bà buôn thuốc, đấu thuốc ngon với thuốc gốc, thuốc mới với thuốc cũ. Lúc đấu, họ rải từng lớp, rồi chân đất đập, giã, thỉnh thoảng còn phì phì phun nước chè đặc vào thuốc. Dân ăn trà, lại chả đánh răng, thế mà các ông cứ khen, tang thuốc này ngon, êm và đậm.

Để có anh tang thuốc ngon, êm và đậm, không thể thiếu giống phân bắc. Phân bắc, tức là cứt người. Kinh nghiệm truyền đời của dân vùng thuốc Vĩnh Bảo là vậy, nên họ quý phân bắc lắm. Thời tôi biết, phân bắc được quản hẳn hoi, không có chuyện luân chuyển, lưu thông tự do. Vùng nào quản chặt vùng đó, chính sách rõ ràng. Dưới thời bao cấp, mọi thứ hàng hoá đều được quản lý hết.

Thị trấn hơn năm ngàn khẩu, một phần tư là dân nông nghiệp, sống bằng cây lúa, còn lại ba phần tư dân ăn gạo sỗ, hay gọi là gạo bông.

Dân ăn gạo bông chẳng cần gì đến phân, nên địa phương tôi, phân bắc dồi dào.

Xin lan man thêm về ăn gạo sỏ. Gạo sỏ còn có tên là gạo bông. Gọi như vậy có lẽ xuất xứ từ thóc xay ra, gạo để quá lâu đến mục đi, nấu lên nở bung và mùi rất hôi. Thứ gạo này dân làm bún thích lắm, vì bún trắng và làm rất dôi. Ở nước ta cái tên gạo bông có từ thời đời năm Bốn Lăm. Lúc đó chính quyền Pháp - Nhật áp dụng chế độ tem phiếu bán gạo cho dân nội thành Hà Nội.

Sau này vào quãng đầu những năm 1960, thì ta lại áp dụng sỏ gạo. Tem phiếu cho đối tượng là dân thành thị, cán bộ công nhân viên, giáo viên, học sinh chuyên nghiệp, công an và bộ đội. Tùy theo đối tượng, thấp nhất là các ông bà giáo viên, mỗi người mười ba cân, diện lao động ít tốn sức lực; cao nhất là bộ đội, hai mươi bốn cân, ăn khỏe thật, ngày tám lạng gạo. Thời đỉnh điểm cả nhà tôi, gồm năm nhân khẩu, được mua năm mươi tư cân, vừa đầy cai chậu sành.

Diện ăn gạo bông mỗi nhà có một quyền sỏ, gọi là sỏ gạo. Hàng tháng các nhà đến cửa hàng mậu dịch xếp hàng mua gạo. Ai mất sỏ gạo là một tai họa. Có thành ngữ *như mất sỏ gạo*. Gọi là sỏ gạo, nhưng không chỉ có bán gạo, mà còn độn thêm nhiều loại lương thực khác và cỡ từ năm 1965 áp dụng chế độ bán độn. Tùy theo vùng, miền, mà độn khác nhau, như ngô, khoai, sắn, mỳ, bo bo. Về mỳ có mì bột, mỳ sợi, đây là lương thực độn nhiều nhất, do ta nhận được viện trợ từ Trung Quốc và Liên Xô.

Ngoài tem phiếu, sỏ gạo, thì còn có tem phiếu và sỏ mua bán cho các đồ dùng, vật dụng: than, dầu, vải, thịt, đậu, nước mắm, mì chính, đường, xà phòng, rượu, khăn rửa mặt, thuốc đánh răng, nan hoa xe đạp, bi, sấm lốp, bát đĩa, ... Tùy theo cấp bậc, lương bổng, mà chế độ tem phiếu khác nhau, như phiếu vải, thì dân thường bốn mét một năm, còn cán bộ năm mét một năm. Có thời ở một số nơi, khi đăng ký kết hôn, đôi uyên ương được mua chiếc giường và cái màn, còn nếu ai chết, có giấy chứng tử của ông uỷ ban xác nhận, thì đến cửa hàng được mua một cỗ gỗ.

Riêng quê tôi do có nhà máy xay to nhất Đông Dương, nên thêm loại phiếu trấu, tức thóc xay ra, thành gạo và vỏ trấu. Mỗi nhà một tháng được phân phối mười bao trấu. Thôi, tem phiếu rất phức tạp, để các

nhà tem phiếu học trình bày.

Quay về việc quản phân quê tôi. Giữa một địa bàn dồi dào phân như vậy, hơn ba ngàn nhân khẩu ăn gạo bông, nhà nhà có hồ xí, thì dân quanh vùng sẽ xúm vào cái mỏ đó. Mấy anh trồng lúa đất Thái Bình bên kia sông và mấy xã xung quanh, nhòm ngó cũng vừa vừa thôi. Riêng anh thuốc lào, họ quan tâm nhất. Khổ nỗi, đất Vĩnh Bảo cách sông, cách đò, lại vương khâu quản lý chặt chẽ, nên việc vận chuyển khó. Mấy anh không cách sông, cách đò, cứ gánh ào qua địa giới là xong. Đêm ngày, sáng tối, lấy cán bộ đâu ra quản cho đủ.

Dù việc quản lý ngặt nghèo, con đường vận chuyển khó khăn, phân bắc vẫn lén lút bị chuyển từ quê tôi sang Vĩnh Bảo. Cửa ngõ tiếp tay cho hành động phi pháp kia là cai bến đò Ảnh. Vì bến đò trước nhà tôi, nên bao lần, tôi mục kích, không chỉ thấy, mà cả xóm còn phải ngửi thứ mùi phân thum thum. Vào mùa cao điểm, tức là lúc thuốc lào cần phân, dân vận chuyển lậu tập trung thu gom và vận chuyển.

Cũng lạ, quản lý chặt chẽ, khít khao vậy, mà họ vẫn thu gom, vẫn vận chuyển được. Bảo cái kim, sợi chỉ, giấu trong túi quần, túi áo, thì bí mật được. Đàng này, nó chình ình ra đấy, vận chuyển phải bằng gánh, bằng sọt, rồi sức người quần quật, nhất là cái mùi thối hoảng lên của nó, thế mà họ vẫn giấu được. Thật tài tình! Cứ mỗi người một gánh, khối lượng không dưới năm mươi cân, tập kết về bến đò Ảnh.

Khoảng bảy, tám giờ tối, nơi bến đò tập kết, mỗi chuyến khoảng hai chục gánh. Tại sao phải tập kết đông vậy? Không thể một gánh, mấy ông nhà đò chở sang luôn. Phải đông mới dỡ chuyển, đủ phí trả ông đò. Điều nữa là ông đò không sức đâu chuyển ngay thứ hàng lậu, hàng phi pháp kia, họ cứ để đó ngâm, cho cánh vận chuyển đủ lo sợ, sợ như cậu ông trời, lúc thu tiền, đỡ kẻo nheo.

Ông nhà đò nhiều khi làm phách, lại làm phách quá đáng, dẫn đến cảnh khó coi. Đó là những hôm khách hàng tập kết đông đủ, nhà đò vẫn chưa chịu sang. Đôi co lời qua tiếng lại, ông đò nổi xung, cứ gánh, sọt hất tung. Thật kinh khủng, phân tro bừa bãi. Cửa đàu con xót, mấy người mát của phải thu gom lại, thu bằng tay. Dù xót xa đến mấy, cũng chả ai gom hết được. Những lần như vậy, dân xóm bến đò được cả đêm ngủ, rồi ngày hôm sau, khách qua đò chịu trận. Họ



lại đem lũ chuyền phân lậu đem qua ra chửi.

Quê tôi có một bà, tôi tránh gọi tên tục của bà này ra, chỉ tạm đặt cái tên là N. Bà N làm công việc thu gom phân bắc. Cứ như bây giờ ta gọi là chủ gom hàng. Làm cái nghề này, bà ta biết hết hộ nào, cơ quan nào trong thị trấn có nhà vệ sinh. Dân phố thị cơ bản sống bằng buôn bán, nên thứ phân bắc kia, chả nhà ai dùng.

Bước sang thời kỳ làm ăn tập thể, khi người ta quản, sẵn cầu mà hiếm cung, hàng hoá thành có giá. Giá của phân, một gánh là ba đồng, tương đương hai cân gạo. Vậy là nhà ai cũng giữ. Trong bối cảnh vậy, muốn có hàng, bà N phải tìm đủ cách. Về thu gom, bà N có hai cách chính:

Thứ nhất là mua của từng nhà, mua rẻ, bán đắt, hoặc làm phân giả. Bảo bây giờ mới có hàng giả, chứ thực ra không đúng. Manh nha làm đồ giả có từ lâu rồi, đến cái bà N quê tôi, hỏi còn bao cấp đã làm hàng giả. Bà hoà nước, rồi độn đất sét, cứ hai gánh chọn thành ba, phân vẫn thối, vẫn đặc và màu vàng tươi, ai thăm định nỏi, giả thật.

Cách thứ hai là bà thuổng.

Đồ nghề của bà N là đôi quang sọt và hai rẻ xương sườn trâu, nó dùng để múc. Lắm lúc vội, bà vốc thẳng bằng tay. Một lần bà thuổng, bị chủ nhân bắt được. Lần đó vào khoảng đầu năm 1964, bà mò vào trường cấp hai, ngôi trường ở giáp sau nhà tôi. Trong lúc bà đang thuổng, thì ông giáo tên là Long bắt được.

Trộm cắp bị bắt quả tang, tưởng hết đường chối cãi, vậy mà bà N vẫn lý sự:

- Ông giáo ạ! Cứt này ... bị ban ra quyết định rồi. Các ông, bà giáo diện ăn gạo bông, gạo do Nhà nước cấp, nên cái này thuộc về Nhà nước quản.

Lý như vậy đúng quá, ai cãi được. Mà cãi thì lên ông uỷ ban mà cãi. Có mấy bãi phân, các ông giáo, bà giáo rồi hơi lên cửa quan, đành cho qua. Đám phân ăn trộm được thoát hiểm.

Trường cấp hai có khu vườn cây khá rộng, trong đó trồng nhiều

chuối. Lũ trẻ con quanh trường thường trèo sang chặt trộm chuối, rồi giẫm ngay trong vườn trường. Chúng đào hố, vùi chuối xuống. Một lần tôi và thằng em họ mò sang. Chúng tôi khôn lỏi, không chịu chặt, dấm chuối, thỉnh thoảng nằng tay trên của đám kia. Thằng em tôi nhanh mắt, phát hiện ra cái hố, dù được xoá dấu vết cẩn thận. Nó hăm hờ móc tay, luồn sâu xuống. Bất ngờ, thấy nó rút vôi lên. Eo ơi, bàn tay nhoe nhét và thối. Hoá ra nó móc phải hố phân giấu trộm của bà N, bà thuổng từ nhà vệ sinh của trường.

## Bụi vết thán năm

### CHƯƠNG I - 2

#### Vạ lây cái hồn ma

Nước Việt ta sao lắm chiến tranh. Dân Việt hiếu chiến ư? Quân Mông Cổ đòi mượn đất Việt sang đánh Chiêm Thành; đế quốc Mỹ hạm đội giăng khắp bốn biển, năm châu, bảo ta dùng cái tàu ọp ẹp ra gây sự với chúng; còn Nhật, Pháp nữa,... toàn cái lý cùn của kẻ mạnh. Có năm châu, thì đế quốc ba châu, từng sang giày xéo nước ta, lính; thì đủ sắc tộc: Á, Âu, Phi, Mỹ, Úc kéo sang đánh hôi.

Riêng một huyện như quê tôi, từ kháng chiến chống Pháp tới nay đã hy sinh tới 3.999 liệt sỹ. Nếu cả nước, chỉ cần tính trên năm trăm quận, huyện thôi, thì riêng binh sỹ một phía, thiệt mạng tính toán tới hai triệu người, chưa kể dân thường và binh sỹ phía bên kia và hàng triệu nạn nhân trong trận đói bốn lăm. Số người chết là bao nhiêu triệu người?

Thời kỳ đầu cuộc ném bom của không quân Mỹ, gia đình tôi sơ tán đến làng Rùa, làng nửa lương, nửa giáo, thuộc huyện Tứ Kỳ. Nhà có mẹ và ba chị em tôi sơ tán, còn cha tôi là dân quân, nên ở lại nhà. Chủ gia đình tôi sơ tán tên là vịnh, vợ chồng rất tốt tính, họ dành cho mẹ con tôi hẳn ba gian nhà ngang.

Vợ chồng ông bà chủ có hai người con. Tôi nhớ: chị Gái và thằng Ghẻ. Chị Gái hơn tôi ba, bốn tuổi, còn thằng Ghẻ xấp xỉ tuổi tôi. Nó được gọi tên ấy vì người ghẻ kèn càng. Một điều nữa ở nó là mũi lúc nào cũng thò lò xanh lét. Ngày ấy trẻ nhỏ thường mũi xanh thò lò.

Bà chủ nhà rất quan tâm đến gia đình tôi. Nhà có món tươi nào, như con cua, mớ cá bắt được trong buổi làm đồng, bà đều san sẻ cho, không chỉ ít, thì bà gấp đĩa rau muống sang. Mẹ tôi nhiều lần từ chối, mà không được.

Trong đám tài sản sơ tán của nhà tôi có chiếc tủ đứng và chiếc đồng hồ còn là quý giá nhất. Sợ va đập, bố tôi lấy gỗ đóng kín, che tấm gương chiếc tủ lại, còn chiếc đồng hồ, treo ở bên trong. Cứ mười lăm phút một lần, đồng hồ giống giả bính boong. Mỗi lần gõ chuông, thảng Ghê sán lại, áp tai vào cánh tủ, nghe. Như dạng chiếc đồng hồ này, hồi ấy cả thị trấn quê tôi có độ mười chiếc. Trong dịp sơ tán, chị Huyền, chị gái cả tôi, phải đội nó chuyển hết vùng này tới vùng kia. Vì di chuyển nhiều, nhà tôi đành bán cả tủ gương và chiếc đồng hồ đi.

Ông chủ nhà là cán bộ hợp tác xã nông nghiệp, hình như là phó, hay chủ nhiệm. Sau này ông bị cách chức. Mãi khi lớn tôi mới hay. Có lẽ ông vướng vào công quỹ, hoặc do mâu thuẫn nội bộ, nên bị cách chức. Trước kia ông từng tham gia đội Việt Hùng, một tổ chức thành lập ở vùng tề để thủ tiêu việt gian.

Khi cuộc ném bom của không quân Mỹ chấm dứt, ông bà chủ nhà nơi gia đình tôi sơ tán, thỉnh thoảng đi chợ thị trấn, có ghé vào nhà tôi chơi. Bẵng đi một thời gian, quan hệ hai nhà thưa thớt dần. Chiến tranh qua đi nhiều năm, sự biết ơn, ân huệ phai nhạt.

Quãng sau năm bảy lăm, dân trong vùng nhao nhao tin về vụ đắm đò, chết mấy chục người ở ngôi làng lương giáo kia. Vụ đó lại liên quan đến chủ nhà mà gia đình tôi sơ tán. Sự việc bắt đầu từ chuyện chị Gái đi lấy chồng. Nhà gái và nhà trai cách nhau con sông. Đưa dâu xong, khách nhà gái trên đường trở về, đò qua được nửa sông, bất ngờ xảy ra tai nạn. Đại diện, họ hàng nhà gái bị chết tới mười bảy người, xác vớt lên, đưa về sân kho Hợp tác. Cảnh thật rùng rợn. Trên sân kho, xác người xếp thành dãy.

Trong vụ đắm đò, người day dứt nhất là gia đình ông bà Vịnh. Vì đám cưới con gái, mà họ hàng, dân làng nhiều người thiệt mạng. Ông bà còn day dứt hơn, nhà mình không ai bị gì. Giá như nhà họ cũng có, thì đỡ dằn vặt hơn. Trong tang tóc, có nhà trong làng không

kìm nổi, khóc đay nghiến ông bà. Người ta lôi ra cả chuyện ngày xưa, ông từng làm Việt Hùng, hồn ma trả thù, họ bị vạ lây.

Tưởng số phận ông bà Vịnh hằm hiu đến thế là cùng, đến quăng năm tám mươi, tai họa lại ập xuống. Người con dâu - là vợ thằng Ghê, một hôm cả nhà đi vắng, nó lôi cậu em chồng, cùng thằng con trai vào buồng, rồi dùng chày giã cua, đập đến chết hai đứa bé. Lúc này dân làng càng xúm vào đàm tiếu. Cô con dâu kia bị những hồn ma, do ông bố chồng giết trước đây, nhập vào, đập chết hai thằng bé. Tang tóc kinh hoàng và trước cả những lời xàm xì tai ác, ông bà sống sao nổi ở quê. Tuổi ngoài năm mươi, họ đành dắt díu nhau rời làng. Nghe nói, ông bà đi kinh tế mới tít tận Sơn La.

Chuyện oán thù, hồn ma với gia đình ông bà chủ nhà tôi sơ tán chẳng rõ thực hư thế nào, nhưng câu chuyện sau đây thật khó hiểu. Ông ta tên là An, Trưởng bến đò Ảnh. Thấy bảo trước từng là đội viên đội Việt Hùng. Bọn trẻ con ở xóm bến đò rất sợ ông bến trưởng. Muốn dọa trẻ, người lớn thường mang ông An ra hù dọa. Trưởng bến đò An đã có vợ. Vợ chồng đứng tuổi, qua mấy đặng sinh, không đậu đứa con nào. Họ là cặp vợ chồng hữu sinh vô dưỡng. Người ta bảo hồn ma lộn vào đấy. Dân xóm bến đò rỉ tai nhau câu chuyện về ông An. Sau nhiều lần mất con, đến lần đó, để nó không lộn được nữa, ông An đem mỡ bụng, móc ruột gan xác đứa con do vợ vừa sinh ra. Ông còn lật sấp đứa trẻ, trước khi nhập quan cho nó. Sau lần ấy, vợ ông không sinh nở nữa. Chắc hồn ma không lộn được. Khi tôi lớn, ông An đã nghỉ hưu, thỉnh thoảng còn thấy ông. Ông đi buôn cáy từ Vĩnh Bảo về quê, bán cho dân làm mắm. Cái dáng ông cao lòng còng, hom hem, gò lưng đạp xe cáy, trông cứ tội tội.

## **Bụi vết tháng năm**

### **CHƯƠNG I - 3**

#### **Người nhà thánh tô hô**

Trước năm 1945, dưới thời Pháp thuộc, phố phủ quê tôi có bảy ngàn dân, người tứ chiếng, có cả dân gốc Hoa, tới trăm hộ.

Lỵ sở quê tôi được đặt ở đây từ năm 1830. Xa xưa, quê tôi thuộc đất Hồng Châu, dưới thời Trần, thuộc đất Hạ Hồng, tới nhà Nguyễn, đặt thành phủ và có cái tên như ngày nay. Vùng đất này gắn với rất những nhân vật nổi tiếng.

Cuối đời Đường, Trung Quốc, thổ hào Khúc Thừa Dụ người Cúc Bồ, Hồng Châu chiếm cứ lấy thành, tự xưng là Tiết Độ Sứ. Ba cha con ông truyền đời kế nghiệp từ năm 906 đến năm 930. Thời này có những cải cách của cha con ông: "Sửa lại chế độ tô, thuế má và lược dịch, bình quân thuế ruộng, tha bỏ lược dịch, lập sổ hộ khẩu, kê rõ quê quán,...". Sử sách ghi nhận: "dưới thời Khúc Hạo bộ mặt đất nước ta bước đầu chuyển biến thuận lợi, đời sống nhân dân dễ chịu hơn..."

Nguyễn Minh Không khi xuất gia với cái tên Thiền sư Dương Không Lộ (1065-1141), quê ngoại ở làng Hán Lý. Ông từng là Quốc sư nhà Lý.

*Trời xanh nước biếc muôn trùng*

*Một thôn sương khói một vùng dâu đay*

.....

*Ông chài ngủ tít ai hay*

*Quá trưa tỉnh dậy tuyết bay đầy thuyền*

Những câu thơ rất đời và nhân bản.

Dấu chân Trịnh Trình Nguyễn Bình Khiêm, chắc từng nhiều lần qua đây, bởi ông vốn quê ở huyện Vĩnh Lại. Mãi đến năm Minh Mạng thứ mười chín mới cắt năm tổng của huyện Tứ Kỳ, ba tổng của huyện Vĩnh Lại thành lập ra huyện Vĩnh Bảo.

Do vị trí quân sự quan trọng, trong cuộc tranh giành Trịnh - Mạc, năm 1594 Trịnh Tùng cử Nguyễn Hoàng, sau là chúa Nguyễn, đem thủy quân về Vĩnh Lại đánh quân Mạc Kính Cung. Vào một số năm dưới thời Lê Trung Hưng, đây là một trong những địa bàn hoạt động của Quận He - Nguyễn Hữu Cầu.

Sau này nữa, vào năm 1897, Toàn quyền Đông Dương ký Nghị định thành lập bảy trung tâm hành chính ở Bắc kỳ, trong đó phố phủ quê tôi là một trong bảy trung tâm đó. Đứng đầu trung tâm là một quan chức tương đương Phó công sứ. Đầu năm 1950, Pháp lập ra tỉnh mới, phố phủ quê tôi là tỉnh lỵ.

Phủ lỵ, tỉnh lỵ, huyện lỵ, người phố thị tự hào lắm về truyền thống lâu đời của phố thị mình, sắp tới hai trăm năm ngày lập thị.

Phố thị quê tôi có đến năm, bảy ngôi đền, chùa. Đây là trước năm 1945. Có cả đền thờ sao trời. Một năm thiên thạch rơi xuống. Thấy sự lạ, dân dựng đền, gọi đền Cống Sao. Các đền gồm có: Đền Đức Đức Thánh Trần, đền Cật, đền Cô, đền Phủ Bà, đền Đoan, đền Cây Si...

Nổi tiếng nhất là đền thờ Quan Lớn. Quan Lớn là một trong Ngũ vị quan lớn. Truyện "Đối tụng ở Long cung" ở cuốn *Truyện kỳ mạn lục* của Nguyễn Dữ, viết vào thế kỷ XV, chính là viết về Quan Lớn.

Hiện nhiều nơi thờ Ngài, ở nhiều nơi như Ninh Giang, Hải Dương, Phủ Giày, Nam Định; Kỳ Cùng và Bắc Lệ, Lạng Sơn; đường Lê Văn Sỹ, thành phố Hồ Chí Minh,... Đền Quan Lớn trong lễ hội trước đây có tục xuyên linh và thịnh lên đồng. Xuyên linh, người ta xuyên thanh sắt nhọn qua má ông đồng.

Đền, chùa ở đâu thì cũng khấn vái, lễ Phật, cầu Thánh. Quê tôi có chuyện hơi đặc biệt về các ông đồng. Đạo mẫu có tục đồng bóng, dòng đồng bóng có bà đồng, ông đồng. Bà đồng thì không có gì đặc biệt, họ là những phụ nữ tính đồng bóng và rất nghiện hầu đồng. Họ mà không hầu, thì ốm đau quặt quẹo, làm ăn không mát mẻ. Riêng các ông đồng, hay gọi cô đồng, là hơi đặc biệt. Gọi cô đồng, nhưng họ là nam giới, còn tính khí giống như dân pê đê bây giờ.

Trong những cô đồng ở quê tôi có hai người đáng chú ý. Cả hai ông cô đồng này đều dính vào buôn thuốc phiện, người phải tù, kẻ khuynh gia bại sản. Đạo có chính đạo, tà đạo; kẻ tu hành người thành chính quả, kẻ phá giới vì lòng đầy tà dâm. Hai ông cô đồng này có phải bị thánh vật không?

Ông cô đồng thứ nhất nhiều tuổi, bị tù cỡ dăm, bảy năm. Tính vất

vèo, chua ngoa, ông ta nhìn người bằng nửa con mắt. Chính ông này lại dính vào nhà tôi một chuyện. Ngày ấy, quãng năm sáu tám, đang lúc chiến tranh bán phá miền Bắc, ra-đi-ô còn là của hiếm, rất ít nhà có. Để nghe đài, người ta lắp ga-len, hoặc tự lắp ra-đi-ô. Họ lùng mua bóng bán dẫn gỡ ra từ các vụ máy bay Mỹ rơi. Một ra-đi-ô tự lắp có từ ba đến năm bóng. Càng nhiều bóng bán dẫn, bắt sóng ra - đi - ô càng nhạy.

Trong số người say mê lắp ra-đi-ô ở thị trấn, có cha tôi. Ông nhờ con gái học ở trường kỹ thuật phát thanh, mua sách về xem và lúi húi lắp đặt. Sau nhiều tháng mày mò, cha tôi dựng thành công chiếc ra-đi-ô. Chiếc đài có ba bóng bán dẫn, bắt được cả sóng đài BBC. Tiếng về cái đài của cha tôi lan truyền trong giới chơi ra-đi-ô ở thị trấn.

Cha tôi là cán bộ khu phố, đảm nhiệm chân an ninh trật tự. Chiến tranh, nên dân thị trấn đi sơ tán hết. Một đêm, sau đợt tuần tra về, ông tá hoả khi phát hiện chiếc đài không cánh mà bay. Thật là sét đánh. Cha tôi thần thờ, chán nản cả tuần. Rồi ông âm thầm dò tìm kẻ trộm cắp kia.

Gần một tháng sau, thủ phạm bị phát hiện. Trớ trêu thay, nó lại là rể trưởng của ông cô đồng kia. Để chạy cho chàng rể khỏi bị tù đày và giữ thể diện gia đình, ông đồng phải đích thân đến gặp cha tôi nhận nhục và mang theo hiện vật ăn trộm đến trả. Do đêm hôm không đèn đóm, lại quá vội vàng, anh chàng ăn trộm giật bung hết linh kiện chiếc đài. Lấy trộm mà chả dùng được, kể cũng tội cho thằng ăn trộm. Sau khi nghe ông cô đồng trình bày, với lời lẽ thống thiết, cha tôi tuyên bố, tha bổng. Chắc lúc đó ông cô đồng sững phát điên.

Sau sự việc đó, chẳng bao giờ cha tôi sờ đến dụng cụ, hay hàn lắp ra-đi-ô nữa và cũng không kể ra trước thiên hạ câu chuyện kia. Nhờ khi giáp mặt với cha tôi, ông cô đồng nhũn như con chi chi.

Cô đồng thứ hai trẻ hơn cô đồng trước cỡ mười lăm tuổi. Anh cô đồng này cũng buôn thuốc phiện. Nghe nói trong một vụ buôn chung, bị cô đồng già lừa một vố, mất cả chì lẫn chài. Tức mà không thể đưa ra cửa quan được. Uất quá, một dạo anh cô đồng này phát điên, cứ dọc các phố hò hát, nhảy múa, thỉnh thoảng nhớ nghề, còn nhảy đồng tâng tâng giữa phố.

Đến khi khỏi bệnh, anh cô đồng ta chẳng còn tâm trí đâu buôn bán thuốc phiện nữa, mà chuyển sang mở quán giải khát. Nhà anh này có cửa hàng mặt phố, buôn bán rất tiện. Anh ta cất ngôi nhà ba tầng, tầng dưới bán giải khát, tầng hai để ở và tầng ba lập điện thờ. Thật quá tiện, vừa là chỗ kinh doanh, ở, vừa là nơi thoả mãn nhu cầu tâm linh.

Mới đầu tầng hai dùng làm nơi sinh hoạt gia đình, tiếp đó nó được chuyển thành nơi cho hai cô con gái tiếp khách. Đó là quãng năm 1980. Thời kỳ ấy nhà máy xay hoạt động hết công suất. Ngày nào cũng có đoàn vận tải ô tô Cột Cờ Hà Nội về lấy gạo. Các anh tài lái tiền là khách sộp cho quán xá phố thị quê tôi, ngày họ tiêu mấy chục đồng. Để hút khách, quán xá các nhà trong phố giờ đủ trò.

Tất nhiên, anh đồng cô kia cũng ra công chiêu chuộng khách. Nhà anh cô đồng có nhiều lợi thế. Một trong những lợi thế là có những hai cô con gái măng tơ. Món này, mời các ông tài, hợp quá. Giải khát ở tầng một xong, khách nhót lên tầng hai, có hàng phục vụ ngay. Đâm ra nhà anh đồng cô này khách hàng lúc nào cũng chen chúc.

Cái tầng ba là nơi lập điện thờ và anh cô đồng dùng để yêu trai. Tôi cũng một lần được lên điện thờ đó. Mẹ tôi buôn bán tạp pín lù. Vào dịp tôi về nghỉ hè đại học, tôi được mẹ giao mang cây thuốc lên nhà hàng anh ta. Nhận hàng xong, anh ta tùm tùm cười, bảo tôi lên gác nhận tiền. Anh ta lên trước, tôi theo sau. Qua tầng hai, liếc qua cửa nửa khép nửa mở, thấy mấy gã trai trần trùng trọc, lăn lóc, ngả ngốn, tiếng cười nói của đàn ông, đàn bà trong phòng vọng ra. Lên tới tầng ba, tôi thấy điện thờ nền hương nghi ngút, trên ban thờ bày nhiều hình nhân, cùng mũ mã sặc sỡ.

Tôi lúc ấy tuổi đôi mươi, thư sinh trắng trẻo. Vì còn trẻ nên tôi bất ngờ, khi thấy thái độ khác lạ của anh cô đồng kia. Hoảng quá, tôi chạy quanh điện thờ, cuối cùng tụt xuống tầng một. Một lúc sau anh cô đồng hậm hực bước xuống.

Giữa thanh thiên bạch nhật, người qua lại đông đúc, còn dám làm ăn gì. Anh cô đồng gắt: Thôi về đi. Hôm khác tôi trả tiền cho mẹ cậu! Mấy hôm sau không thấy mẹ sai tôi đưa thuốc cho nhà hàng anh ta nữa. Mẹ bảo, anh kia nói: Con nhà bà vía nặng. Cây thuốc mua mấy ngày, mà không bán hết. Lần sau, đừng có sai nó! Tôi nhẹ cả người,



không phải mang thuốc cho anh cô đồng nữa.

Một dạo có anh cô đồng ở đâu đó lạc đến quê tôi. Anh này hơi lạ, mặc chiếc áo dài đỏ thắm, quần ta vải đũi vàng, trên đầu quấn tấm khăn xanh lợt. Anh ta dạo khắp phố, múa hát nhí nhô. Cô đồng này khá tài tình, cưỡi trên chiếc xe đạp, tay lái xoay tít được quanh cổ phốt, mà vẫn phi vèo vèo. Có lúc bánh trước và tay lái rời ra, chiếc xe tách thành hai phần, anh ta vẫn cỡi xe uốn éo đi trên phố. Thật y như diễn viên xiếc.

Đồn rằng, anh cô đồng này cao tay. Mấy bà có số hầu thánh ở quê tôi sùng kính anh chàng tợn, lúc nào cũng một đàn, một lũ các bà rờng rần theo sau. Anh ta thì múa hát, còn mấy bà kia ra công khấn vái. Chẳng rõ các bà lằm nhằm cái gì, chắc lại cầu khấn xin thêm nhiều tiền, nhiều lộc.

Nói về anh cô đồng lạc kia, hôm ấy anh ta cũng cưỡi xe, đằng sau cũng mấy bà có số hầu thánh lẻo đẻo theo. Đi loăng quăng một lúc trong phố, anh ta phi xe ra hướng bờ sông, mấy bà kia cũng luống cuống theo sau. Tới bờ sông, quãng xe sang một bên, anh chàng bông hồng luôn xuống sông. Sau một lúc ngụp lặn gần bờ, anh ta bơi ra xa, tay giơ lên múa múa. Mấy bà theo sau lúc này hãi quá, không hiểu ý người nhà thánh là gì, bơi ra thì không được, đứng trên bờ vái, đâm ra thất lễ. Bí quá, các bà đành trên bờ vái vọng.

Được một lúc anh cô đồng bơi xuôi theo dòng nước. Mấy bà kia vừa khấn vái, vừa lần bước trên bờ theo. Vùng vẫy lâu, hình như mệt, người nhà thánh bơi dần vào bờ. Chỗ anh ta bơi vào gần chỗ bến đò Ảnh. Lúc này bến đò đông khách. Thấy cảnh lạ, một đám trẻ con lâu nhâu bầu tới. Kể cả mấy bà có số hầu thánh, khách qua đò và đám trẻ con, bến đò có tới non trăm người.

Anh người nhà thánh bơi vào đến bờ, lững thững bước lên. Nước từ trên đầu, trên cổ long tong chảy xuống. Cái áo dài bó sát lấy thân mình. Thấy anh ta chuẩn bị leo lên bờ, mấy bà tiến sát cả lại. Các bà vái dài và khấn khứa rất hăng. Kia, anh ta bước lên khỏi mặt nước. Nước đến bụng, đến háng và rồi đến đầu gối, các bà vẫn tiếp tục vái. Khi anh chàng bước lên, nước qua đầu gối, qua bắp chân, xuống mắt cá, chợt rộ lên tiếng hò reo của đám trẻ:

- Ơ kìa! Người nhà thánh cởi truồng chúng mày ơi!

Bến đò rộ lên tiếng cười. Anh ta cứ thối thộn bước. Cho đến lúc này mấy bà có số hầu thánh mới kịp ngó lên nhìn. Khấn vái nữa chẳng, có bà đang giơ tay cao, hạ xuống, trôn trôn ngó nhìn.

Giờ mấy cô đồng già lớp trước ở quê tôi chết ráo rồi. Tre già măng mọc, nay lại nảy ra khối anh cô đồng mới. Bây giờ đời sống nâng cao, dân lắm tiền, nhiều kẻ sùng kính, có người bỏ ra mấy chục triệu cho một đêm hầu. Cứ yên tâm, cánh đồng cô quê tôi chiều tuốt. Các anh cô đồng này khoẻ lắm, thâu đêm suốt sáng, mấy chục giá hầu, họ vẫn nhảy tốt.

## Bụi vết thán năm

### CHƯƠNG I - 4

#### Ước gì cho đến thán mười

Quê tôi nhiều đặc sản, lại toàn ngon và bổ. Chứ không như nhiều nơi, dọc đường, treo toàn biển phô tinh lợn ngoại, với nhảy lợn giống linh tinh. Có lần tôi đùa, hỏi mấy anh bạn, quê mình nổi tiếng nhất là đặc sản và nghề gì? Ai cũng nhao nhao, bánh gai. Bánh gai thì quá rõ, chả phải nói. Bánh gai quê tôi nổi tiếng cả nước.

Bánh gai được làm từ bột gạo nếp và lá gai. Lá gai khô, ninh như, giã nhuyễn, nhào vào bột gạo nếp ướt, bọc nhân là đỗ xanh luộc chín, giã kỹ, cùng mỡ tươi xắt hình hạnh nhân đã tẩm đường, rồi gói lại bằng lá chuối khô, hấp chín. Thành phần và công đoạn như vậy, nhưng làm bánh gai ngon phải có bí truyền. Hồi Pháp thuộc, bánh gai ngon có tiếng là của các nhà Ngọc Chân, Bếp Bái, Hương Tụ.

Thấy các bạn bình bầu bánh gai, tôi cười: Còn nữa! Mãi mà chẳng ai chỉ ra được. Sau rồi có người tiến cử thêm nhà máy xay quê tôi, vì nó to nhất Đông Dương, mỗi ngày xay được 270 tấn thóc, cung cấp cho dân gạo sỗ cả thành phố Hà Nội. Tôi bác: Không đúng. Đã bảo là đặc sản, hoặc nghề cơ. Anh bạn kia vớt vát: Thế cám nhà máy xay, không là đặc sản à? Phố thị trấn lúc nào cũng ngào ngạt mùi cám. Mỗi tháng, công nhân nhà máy ai chẳng sung sướng được phân phối tạ cám, nuôi cả nhà.

- Cám thì quý đấy! Nuôi sống cả nhà. Nhưng ông không sợ, người ta bảo, thị trấn mình là dân cám hấp?

Anh chàng kia tắc tị. Tôi bảo:

- Thế còn đặc sản rươi thì sao?

- Ừ nhỉ!

Quê tôi có câu ca:

*Ước gì cho đến tháng mười*

*Bát cơm thì trắng, bát rươi thì đầy.*

Mỗi độ heo may, không hiểu sao tôi lại hay nhớ về quê nhà, về tuổi thơ và thường nghĩ tới câu ca, nhắc đến thứ đặc sản rươi quê mình. Chẳng rõ tôi thuộc câu ca đó tự bao giờ, quê tôi mọi người đều biết. Rươi là đặc sản trong vùng, có nhiều nhất ở các huyện: Vĩnh Bảo, Tiên Lãng, đất Hải Phòng, cùng Thanh Hà, Tứ Kỳ và quê tôi, xứ Hải Dương. Nơi đây còn câu tục ngữ về lịch rươi: *Tháng chín đôi mươi, tháng mười mùng năm*, có nghĩa là, cứ vào hai mươi tháng chín và mùng năm tháng mười âm lịch, quanh ngày đó sẽ có rất nhiều rươi.

Sau ngày đất nước thống nhất năm Bảy lăm, người em ruột của bà nội tôi vào Nam sinh sống từ trước năm bốn mươi, liên hệ với anh em, họ hàng ngoài Bắc, ông nhắn ra, xin món quà - hũ mắm rươi. Chiều ông em sau mấy chục năm viễn xứ, bà chị gái nhân vào chơi đã lịch kịch mang hũ mắm trên quãng đường ngót nghét hai nghìn cây số, giữa cảnh tàu xe chen lấn hồi ấy. Bao năm xa cách, kỷ niệm về quê hương của ông họ tôi, có thứ đặc sản rươi.

Hồi tôi học cấp một, cấp hai, lúc đó kinh tế đất nước còn khó khăn. Chuyện bữa ăn có chất tươi, như thịt con gà, mua miếng thịt lợn là

rất hãn hữu. Mỗi dịp như vậy, nó ngang ngày hội của bọn tí nhau. Tất nhiên, ngày rươi cũng là ngày hội đáng nhớ của trẻ vùng quê tôi. Giống rươi thường có rộ trong hai, ba ngày. Vào những ngày rươi, hầu như các nhà đều mua một, hai bát. Quê tôi mua bán rươi không dùng cân, mà bằng bát ăn cơm, đong. Đi ngoài đường, vào tầm mọi nhà nổi lửa, mùi chả rươi, rươi nấu, rươi kho thơm lừng.

Nhớ lại, trưa ấy đi học về, bụng đói meo, cộng thêm trên đường mùi các loại rươi như giục tôi rảo càng hơn. Tôi chắc mắt trong bụng, trưa nay nhà mình có các món rươi tuyệt ngon. Về đến nhà, sục vội mâm cơm, trời... tôi ngó, chỉ thấy đĩa rau muống, bát nước trong veo và bát muối vừng. Mắt tôi hoa lên. Không hiểu mặt mũi rúm ró đến mức nào, mẹ phải dỗ mãi, tôi mới nuốt trôi bát cơm. Ngay chiều ấy mẹ mua đèn thừng cún, bát rươi, kỳ cách nấu nướng. Câu chuyện gần bốn mươi năm rồi, sao tôi không quên?

Vùng quê tôi, độ hai, ba chục năm trước, nếu đào sâu xuống đất ruộng, hay đất ngập nước ven sông, khoảng hơn mét là gặp những con rươi rất dài, sặc sỡ màu xanh đỏ. "Ngày rươi" chính là kỳ sinh nở của chúng.

Vào cuối tháng chín, đầu tháng mười, gặp thời tiết phù hợp, tức có gió Đông Nam, trời âm u và mưa bóng mây, quê tôi gọi là mưa rươi, rươi sẽ nổi lên rất nhiều. Thời tiết vậy thì có rươi, nhưng rất độc, người già thấy khó chịu, mình mẩy ê ẩm, khớp xương đau nhức. Vài ngày trước đó, các cụ thường chép miệng về cái thời tiết rươi và dự báo, sắp có rươi. Song nếu trời lạnh, gió Đông Bắc, hoặc gặp trận mưa rào, gọi là mưa lấp lổ rươi, "ngày rươi" sẽ mất.

Người ta dùng chiếc lờ chặn dòng nước trong đồng, rươi trôi qua, bị giữ lại. Cách bắt này lẫn cả rơm rạ, cặn vẩn. Một kiểu bắt khác là dùng vợt, hót từng con. Tuy được ít và mất nhiều công, nhưng toàn thứ rươi mập, tươi và sạch. Rươi được đựng trong chiếc thúng, muốn tươi lâu, người bán chim chim nắm cơm nhỏ, cho vào thúng rươi, hãm chúng.

Chế biến rươi là cả một nghệ thuật với những món khác nhau, như chả rươi, rươi kho, rươi nấu, mắm rươi. Gia vị không thể thiếu là lá lốt. Chả rươi là món đầu bảng. Những món khác như nấu, kho, mắm, thì thêm vỏ quít, lát gừng.

Rươi mua về, dùng đũa gấp tạt vắn, sau lấy đũa đánh cho nhuyễn, tiếp đó đập quả trứng và thịt nạc băm cùng lá lốt, tí vỏ quýt, hành rồi đánh đều. Khi chảo mỡ nóng già, dùng muôi múc, thả và dàn đều rươi thành lớp mỏng. Nếu để dày, rươi khó chín, ngoài thì cháy, trong lại sống. Ngọn lửa rán chả rươi để lom dom.

Chả rươi ăn nóng, là món nhắm cực ngon, ăn với rau cải cúc, thứ nước chấm chanh ớt pha dấm, thêm tí gừng. Trẻ con, phụ nữ thích ăn chả rươi với xôi. Nên nhớ ăn ở mức vừa phải, bởi đông y xếp rươi vào món ăn có vị hàn - lạnh và nó lại giàu chất đạm, khó tiêu. Chỉ một lần ăn món chả rươi, khó mà quên được.

Đến bây giờ, tuy sống xa quê, nhưng cứ đến mùa rươi, nghe tiếng rao ời ọi ngoài phố, tôi lại bảo vợ mua về, rán chả. Vợ chồng, con cái ăn, ăn vì nỗi hoài niệm quê hương và các con tôi biết về một miền đất nơi cha chúng từng sinh ra.

Không biết có phải thiên vị thứ đặc sản vùng quê mình, theo tôi, mắm rươi là thứ mắm ngon nhất. Rươi được muối trong hũ, cho ít thính gạo nếp rang, giã mịn và chút rượu, đập nát lá chuối kín, để góc bếp độ một, hai tháng. Khoảng vào Tết là mắm rươi vừa ngấu, đạt đỉnh ngon nhất.

Mắm ngon có sắc đỏ sẫm, sánh quện. Có nhà khi mắm ngấu, múc ra làm đồ chấm luôn. Còn nếu ai yếu bụng, không dùng được tươi, thì cho tý gừng cùng chút vỏ quýt chưng lên. Vào Tết, hũ mắm rươi vừa độ ngấu, cũng đúng dịp thịt thà nhiều. Bữa cơm có đĩa thịt ba chỉ, hay đĩa thịt chân giò luộc, ăn kèm rau sống, như xà lách, rau diếp, cùng hành muối, khế, chuối xanh thái lát và nhánh hành hoa và không thể thiếu món chấm mắm rươi.

Đã xem 30470 lần.

Cho đi?m   23 Phiếu

---

**truyện dài**

## Bụi vết thán năm

### CHƯƠNG I - 5

#### Cửa hàng dĩ

Lại tiếp chuyện tranh luận đặc sản quê hương, anh bạn sau khi đồng ý thêm đặc sản rươi, quay ra tấn công:

- Thế theo ông, đâu là thứ nổi tiếng nữa của quê mình? Trừ cái anh bánh gai và rươi vừa kể ?

- Lói ngọng. Nờ thành lờ, lờ thành nờ. Có bà chửi kể kia. Bà ta bấu, tức bảo nó ăn cái món ấy của bà. Cho ăn mãi, mà nó cứ trơ trơ ra cười. Bởi nó cứ tưởng bà ta mời nó món nộm.

- Bậy! Còn gì nữa?

Tôi thản nhiên:

- Nghề đánh dĩ!

Hát ca trù có từ xa xưa lắm.

Các văn nhân, như Nguyễn Du, Nguyễn Công Trứ, Cao Bá Quát,... từng mê nghe hát và đặt lời cho ca trù. Sau này khi người Pháp sang, vào đầu thế kỷ XX, một số kẻ đem ca trù ra kinh doanh. Họ mở hàng hát cô đầu. Nhà hát cô đầu có đào hát, đào rươi. Nhiều khách tới chơi không chỉ nghe đàn, mà còn nhả nhót và qua đêm với đào rươi. Phủ lý quê tôi chắc xuất hiện quán cô đầu từ dịp người Pháp mới sang. Vậy nghề này đáng gọi là nghề truyền thống của quê lắm chứ, nó có tới cả trăm năm.

Phủ lý quê tôi có nhiều phố, tên phố Tây do người Pháp đặt, Rue des Radeaux, Rua des Chanteuses, rue des Objets Votifs,... nhưng người ta quen gọi với các tên ta: phố Bờ Sông, phố Giữa, phố Cửa Đền, phố Cổng Phủ, phố To, phố Nhỏ, phố To, .... Phố thị còn có hẳn một con phố mang tên Cô Đầu. Chắc cả xứ Bắc kỳ, duy nhất phủ lý ở đây có phố là thế. Phố Cô Đầu phục vụ các ông lý, phó lên phủ hầu

quan. Trong lúc chờ đợi, họ nghe hát, uống rượu và trốn bà lý, bà phó, với đào rượu qua đêm.

Ngày bé tôi biết một bà cụ tên là Tín, tuổi ngoài bảy mươi. Mẹ tôi bảo, bà này trước kia là cô đầu. Bà ta không phải đào hát, mà là đào rượu, tức là kẻ hầu rượu và hầu cả đàn ông cái khoản kia. Sau khi có lưng vốn, bà lấy chồng, họ chẳng có con cái. Đã làm nghề này, lại làm đến khi có lưng vốn, thì để đái sao được nữa! Mẹ tôi còn kể ra tên khối người, trước cũng hành nghề, mà hành nghề tợn hơn các cô đào rượu, mẹ tôi gọi là bán hàng trắng, tức cái nghề ca ve, như bây giờ chúng ta gọi. Ở phố thị có nhà làm đến hai, ba đời, mẹ làm, con làm, cháu làm.

Chính tôi từng phải lòng một cô bé, gia đình làm nghề đó, truyền thống những ba đời. Hồi ấy dịp hè, tôi sinh viên về nghỉ. Chợt một chiều nhìn qua cửa sổ, tôi sững sờ thấy cô bé chừng mười sáu, mười bảy, đứng như chờ khách người nhà từ bến đò lên. Bé xinh quá!

Từ lúc nhìn thấy em, tôi thần thơ như người đang mơ, suốt ngày tư tưởng em. Em tên là gì, nhà ở phố nào, Bố mẹ là ai? Chiều đó, tôi được mẹ sai mang mấy cân đường xuống giao cho một hàng nước. Phi xe đi phục vụ khách, đến nơi, tôi sững sờ! Đúng cửa hàng nhà bé. Tim tôi rộn ràng đập, về đến nhà còn thùm thụp. Gặp mẹ, tôi loay hoay tìm cách khai thác về cô bé. Đang lòng vòng gợi chuyện, bà thẳng tưng: Mẹ con nhà nó bây giờ cả hai đều bán hàng trắng. Đến nó là đời thứ ba. Nghe mẹ nói, tôi tá hoả, buồn đến cả tuần.

Nghĩ lại cũng may, suýt thì yêu phải em gái làm nghề bán hàng trắng. Các cụ nói, nhiều khi cũng sai. Xem mặt mà bắt hình dong, con lợn có béo, cỗ lòng mới ngon, có đúng đâu!

Hồi học lớp ba, tôi ngồi cùng bàn với hai cô bé. Gọi là bé, chứ họ hơn tôi một, hai tuổi. Chúng tôi ngày ấy thường học muợn, học trò trong lớp tuổi lỡ cỡ lắm. Tôi tuổi mười hai, còn hai cô kia, mười ba, mười bốn. Tuổi đó con gái đã biết nhiều chuyện, nhất là chuyện ấy. Hai đứa đó quen với một người đàn bà. Chồng chị ta là tài xế xe khách. Hồi đó nghề lái xe ai cũng ao ước. Anh tài bao vợ, chị nàng chỉ ở nhà ăn chơi và phục vụ chồng. Chị này tính khá lẳng.

Lẳng lơ là việc riêng của chị ta. Ác nổi, chuyện vợ chồng ân ái, chị ta đem tả hết cho hai cô bé nọ. Kể chưa đủ, chị ta còn bố trí cho chúng xem cảnh vợ chồng chị ta hành sự, như bây giờ ta xem phim sex, nhưng đây là sex tươi. Hai cô bé kia xem xong, thích quá, đến mức không thể giấu được để thưởng thức trong lòng, đem ra bô bô kể ở lớp. Tôi con trai, tuổi mười hai, còn quá tồ, nghe chả thấy thích.

Nọc độc của chuyện ấy, hai cô nàng kia hưởng trọn. Một hai năm sau, họ bỏ học, đi làm. Nghe nói cả hai đều sống bằng nghề làm *vợ khắp người ta*. Họ không làm ở quê, mà hành nghề ở vùng nhà máy điện Phả Lại. Sau một cô chết, không rõ có phải do hành nghề ấy mà chết?

Về chị vợ anh tài xế, do lẳng quá, chồng bỏ. Ngay khi bị chồng bỏ, chị ta bước luôn vào nghề bán hàng trắng. Làm ở Hà Nội, Hải Phòng, Hải Dương, đến thời tàn tạ, chị ta về làm ở quê. Chuyện chị này cũng lạ và một thời ầm tiếng khắp quê. Khi còn hành nghề nơi thiên hạ, có bạn về quê chơi, bất chợt nhìn thấy một cậu bé, cậu trai này sáng sủa, chị nàng đem lòng yêu luôn và tuyên bố ra mồm, sau sẽ lấy cậu ta làm chồng.

Lúc đó cậu ta còn nhỏ, chừng mười lăm, mười sáu. Dăm, ba năm sau, khi phải dạt về quê hành nghề, chị nàng lấy được cậu kia. Cả nhà cậu này sốc. Gia đình họ vào hàng danh giá tại phố thị, con trai lấy điểm già, tai tiếng quá. Dù phản đối gay gắt, họ cũng không ngăn cản nổi, bởi cậu chàng được bà cô bao ăn và cả khoản cơm đen.

Giờ quê tôi, tuy không đến mức treo biển hành nghề công khai, nhưng khách vắng lai, truyền tai nhau về hai cửa hàng dĩ. Một dịp dư luận ầm lên, vì cạnh tranh, hai cửa hàng kia tố nhau. Đã tố thì phải xử, còn xử lý đến mức nào, thì dân không rõ. Dân kháo nhau, mỗi bên mạt toi đến dăm mươi triệu. lạ rằng, sau vụ ấy, chẳng anh cửa hàng nào chết, hai cai quán vẫn mở cửa, vẫn đón khách. Chắc là từ đó, cách, chẳng ai đại gì sa vào vòng kiện tụng.

Cái nghề đó chẳng hay hóm gì. Thời đại, chế độ nào cũng khinh. Xã hội và dư luận luôn dè bĩu. lạ sao nó cứ tồn tại và chiều hướng ngày một gia tăng. Người quê tôi bảo, tại quê mình có cái vườn hoa méo. Phải đập nó đi, hoặc sửa ra thành vuông, thì mới đỡ. Chả rõ có đúng không, đã ai thử thành vuông đâu mà rõ.



## Bụi vết thán năm

### CHƯƠNG I - 6

#### Phé truất chức trường ngô

Tôi bây giờ là dân Hà Nội, ở Hà Nội gần ba mươi năm, thế đủ là chuẩn giới thiệu mình dân Hà Nội và con cái khai quê Hà Nội.

Năm 1980 tôi bắt đầu học đại học ở Hà Nội. Hằng tuần, cứ chiều muộn thứ Bảy từ trường sang nhà chị gái. Hồi đó nhà anh chị tôi ở số 17 phố Phạm Đình Hổ. Ngày đó sinh viên đói lắm, thăm anh chị và các cháu thì phần ít, phần nhiều là kiếm bữa no. Ông anh rể rất chiều cậu em vợ, những quán ngon như phở Thìn, hay mấy quán cà phê, anh đều dẫn cậu em vợ tới. Tôi biết hương vị cà phê và thuốc thơm là do anh rể dắt đi quán, cho thưởng thức.

Những lúc đói san sẻ cho nhau mới quý. Nó ngon và quý hơn thời bây giờ no đủ, rất nhiều. Anh chị tôi làm người nhà nước, tháng ba cọc ba đồng, hai con nhỏ, vẫn bao bọc cậu em. Chủ nhật tôi ăn cơm trưa xong, bà chị gái nhồi mấy cân mì sợi, chai nước mắm, ít mì chính vào chiếc ba lộn cho thằng em. Đầu những năm tám mươi, một cửa sinh viên là cậu nào cũng cố kiếm cái ba lô bộ đội, xéo hết túi phụ ngoài và lộn ra, đeo lưng lẳng trên vai, đó mới là sinh viên. Quãng một giờ trưa anh rể đèo tôi ra bến Nứa. Trên đường ra bến, bao giờ anh cũng tạt vào quán, chiêu đãi thằng em thêm trầu nứa, khi cốc cà phê, lúc cốc bột đậu xanh và anh em nhâm nhi điều thuốc lá thơm. Quãng hai rưỡi tôi lên xe buýt về trường.

Từ Hà Nội sang trường có chục cây số, hai rưỡi lên xe, mà có khi năm giờ mới sang tới nơi. Chen nhau lên xe, đợi khoảng hơn tiếng, nó mới bắt đầu rời bến, rồi lè rề bò qua cầu Long Biên. Có hôm tắc cầu, cả tiếng đồng hồ xe chưa qua nổi. Khốn nạn nhất là quãng thời gian trên xe chen nhau để chờ nó chạy. Tôi phải đi sớm cốt kiếm chỗ ngồi, còn nếu phải đứng, đành chọn nơi sát thành xe. Đứng ở đây, áp mặt và hai tay giơ ra, chống lên thành xe. Có thể đứng vậy mới chịu nổi làn sóng chen nhau, gồng tay lên mà chống.

Đói, về nhà anh chị được bữa cơm, nên ăn cố. Ăn từ trưa, hai rưỡi chiều mới lên xe, bụng vẫn no anh ách. Khi no, chen nhau mới khổ. Đúng là chen ợ mì ra và ngủi, thì đủ mùi hôi người. Nam giới còn đỡ, nữ giới chen xe, cơ cực khổ. Lợi dụng cảnh chen nhau, đám nam sinh cứ quây lầy chị em, tỵ cọ vào người ta. Nghe lại cảnh chen xe, vợ tôi bảo, một chị học ở trường sự phạm Xuân Hoà kể, có bạn lên trường bị đám nam sinh chà sát, ướt cả quần, áo, lúc tối trường phải thay.

Hồi mới ra trường, dịp đang hợp đồng, tôi ở nhà chú thím. Chú tôi công tác cả tuần, chỉ về nhà ngày chủ nhật. Ở nhà có ba mẹ con và thêm thằng cháu. Ít bà thím nào tốt vậy. Lại chuyện đói và san sẻ. Sáng tôi đi làm, bà thím chuẩn bị cặp lồng cơm cho thằng cháu. Thức ăn gồm rau luộc, mấy miếng đậu và cơm. Bao giờ cặp lồng suất trưa của tôi, bà cũng đơm nhiều hơn cặp lồng cơm của bà. Suất ăn của bà chỉ có rau, còn cặp lồng của tôi thêm đôi ba miếng đậu kho.

Nhà tôi giờ ở ngã tư Vọng. Ngã tư nổi tiếng. Trước đây thời Pháp thuộc, nó là vùng ngoại ô, người ta bảo, xuống mãi cổng Vọng cơ mà, gần đó là nhà thương Bạch Mai, rồi mấy nhà hát cô đầu. Coi đây là quê mới, tôi làm báo, nên từng tìm hiểu và viết vùng ngã tư này.

Phố vọng gần trại đói Giáp Bát năm đói Ất Dậu. Nhiều người Hà Nội gốc, nếu giờ qua đây, khó biết đâu là phố Làng Tám xưa. Nay nó là con đường Giải Phóng mở qua, hai bên nhà cửa san sát. Đã biết trước địa điểm ấy khó tìm, nên tôi gặp một cụ già gần tám mươi tuổi, dân gốc ở đây, nghe hỏi về trại cứu tế, cụ bảo, có biết trại ấy, nhưng bây giờ, không còn rõ.

Theo biển đề đường Giáp Bát, tôi rẽ vào làng Tám. Giờ làng Tám thành phố rồi. Dừng trước nhà thờ làng Tám, tôi tạt vào một quán nước. Trong lúc uống nước, trò chuyện, biết bà chủ và mấy nhà xung quanh đều dân mới ở đây. Vừa hay lúc đó có ông già chừng bảy mươi đi qua, bà chủ nhanh nhẩu giới thiệu ông cụ là dân gốc và mời vào. Hỏi ông về cái trại cứu tế Giáp Bát, địa điểm ấy nay ở đâu, ông ớ ra, rồi lắc đầu, bảo không biết. Vâng, điều xảy ra cách nay hơn 60 năm rồi. Có thể lúc đó ông còn nhỏ, không nhớ nổi, hoặc nhà cũng trong cảnh chạy ăn từng bữa, hơi sức đâu để ý đến cái trại tế bần kia.

Ngày đó tức đầu năm 1945, khi nạn đói xảy ra, Tổng hội Cứu tế lập trại Giáp Bát để cứu người đói. Trại nằm trên khu đất rộng khoảng 25 mẫu, gồm vài dãy nhà, tổng số 32 gian. Tất cả những người đói các địa phương vào thành phố xin ăn, được gom về đây. Tổng hội kêu gọi lòng từ thiện để tổ chức nấu cháo bổ thí. Vào tháng tư năm 1945 số người trong trại khoảng 5.000 người.

Về trận đói, dân nội thành ít bị ảnh hưởng hơn so với dân quê. Dù sao chính quyền Pháp - Nhật hồi đó cần bộ mặt thành phố đỡ ảm đạm, nên dân được mua gạo theo chế độ tem phiếu, lúc đó dân ta quen gọi là gạo bông. Tuy ít bị ảnh hưởng hơn, nhưng cảnh đói của kẻ quê, thì dân nội thành rất rõ. Hàng ngày dòng người đói lũ lượt kéo đi xin ăn khắp ngõ và xác người chết rải rác trên phố.

Chuyến xác đói, người ta dùng xe ba gác và xe móc. Lúc đó trên nhiều tờ báo đưa tin quyên góp thừng, chiếu, bao cói của các nhà hảo tâm để bọc xác đói. Hay xem mẫu tin trên báo Bình Minh, ra ngày 2/5/1945: "Ai thấy xác đói tại phố nào, thì thông báo cho Hội Hợp thiện ở 125 đường Henri d' Orleans..."

Để thành phố quang quẻ, không còn người đói, chính quyền thành phố xưa họ ra ngoại ô và tập trung vào hai trại, một tại Giáp Bát, một tại Cầu Giấy. Mặc dù trong trại có cứu tế, nhưng vẫn xảy ra cảnh chết đói. Thật thảm thương, xe chở gạo vào trại, lúc ra lại đưa xác đói đi chôn. Xác đói ở trại Giáp Bát và nhật nhạnh tại phía Đông, phía Nam thành phố, gom xuống chôn ở nghĩa địa Hợp thiện, làng Mai Động. Xác bó chiếu, bao cói, có xác để trần, tất cả đổ xuống chôn chung hố.

Muốn hình dung về mức độ ghê rợn của trận đói năm 1945, hãy tham khảo công trình nghiên cứu của Tiểu ban hợp tác Việt - Nhật về nạn đói 1945 ở Việt Nam, do giáo sư Văn Tạo và giáo sư Furuta Motoo làm chủ đề tài, nghiên cứu từ năm 1991-1995. Công trình này ngoài tư liệu lưu trữ trong nước, quốc tế, các văn bản chính quyền hồi đó và báo chí, nó còn điều tra trên thực địa tại 23 địa điểm, thuộc 21 tỉnh thành, từ Quảng Trị đến Quảng Ninh.

Nhiều nhân chứng kể lại, có gia đình và dòng họ bị chết hết, nhiều xóm, làng bị xoá sổ. Một vài con số thông kê số người chết đói: Thái

bình chết 28 vạn, Nam định chết 21 vạn,...

Thật là vô tình nếu sự kiện bi thương của dân tộc và bao số phận đờn đau bị lãng quên. Một tượng đài đỏi năm Ất Dậu rất cần phải dựng lên. Dựng để nhớ, dựng để không bao giờ dân tộc Việt này xảy ra thảm cảnh ấy nữa.

Ở vùng ngã tư Vọng, cũng cần kể thêm vài câu chuyện nữa, để nhớ về một thời nghèo khổ, lúc nào cũng đỏi và cái gì cũng chung.

Khu tập thể của tôi Mỹ ném nhiều bom đạn. Sau chiến tranh, năm 1973 cán bộ từ các nơi sơ tán lục tục kéo nhau về. Dân Hải Dương còn kéo lên ủng hộ, dựng mấy dãy nhà tranh. Trong khu còn đám nhà xây lỗ mỗ, cái biệt thự thời Pháp xây, cái thời ta xây.

Công trình ta xây, mang dấu ấn là mấy khu vệ sinh tập thể, dạng tự hoại. Bình thường, nếu các ống khí thông thoáng, thì chả làm sao. Đàng này nó lại tắc và có chuyện kinh hồn xảy ra. Vào một buổi sớm, quãng sau năm tám mươi, chắc là tờ mờ sớm, vì ông kia phải bật diêm dò đường. Cả khu tập thể đang trong giấc nồng, choàng tỉnh giấc. Tiếng nổ long trời lở đất, dân túa ra xem, nháo nhác hỏi nhau. Bom đạn gì chẳng. Hoà bình rồi sao còn bom đạn nhỉ.

Những rồi họ được giải đáp. Đó là tiếng nổ hố ga. Nơi nhà vệ sinh quang cảnh thật hãi hùng, mái tóc, phân nước vung vãi. Có cả máu.

Sau vụ này câu phát ngôn hài hước của ông nhạc sỹ Nguyễn Lương được truyền khẩu nhau. Sáng ra, khi ông nhạc sỹ kia đến, thấy quang cảnh hỗn độn, buột miệng than:

- Ôi thôi! Một ngàn cái đít lại bơ vợ rồi!

Cái ông bật diêm mò mẫm, bị ga nổ toác mặt. Tai nạn nặng đến mức, sau nhiều tháng điều trị, khi xuất viện, còn hằn trên mặt ông ta toàn sẹo, dáng đi thì lệt lệt. Bị nặng vậy, mà sống khá dai, ông còn sống tiếp đến khoảng năm 2000 mới mất. Lúc sống thì độc thân, một mình thui thủi, lúc chết cũng kèn thờ, trống tế, vợ con khóc và người đến chia buồn tha thiết. Thấy bảo gian nhà của ông để lại, giá đến hai chục cây vàng!

Ngõ nhà tôi trông ra khu nhà vệ sinh này. Sau đó nó thành bãi rác của khu tập thể. Mấy nhà quanh đó suốt ngày ngửi mùi hôi thối. Ông Chu Nguyễn bạn tôi, bảo: Mỗi lần ra đổ rác, tôi thấy ngượng quá, bằng đem đồ thối vào nhà ông. Thế nên, cứ rình lúc nào ông vắng nhà, tôi mới đem ra đổ. Con tay nhà báo Lê Quốc, có mặt tôi, vẫn đổ thẳng tay.

Một Tết vào lúc trước giao thừa, có bà bày mâm cỗ gà xôi ra ngõ cúng trời đất. Thắp hương khấn khứa xong, bà này vào nhà, tàn tuần hương, định ra tạ và hạ lễ, thì không thấy cỗ đâu. Bà này im thin thít. Thành tâm cúng trời đất, các ngài hưởng rồi, ai lại chửi.

Có bà già từ quê ra chơi, mang con gà và túi quà, gồm ổi và chuối. Bà gõ cửa và hỏi nhà. Trong ngõ người lớn đi làm vắng cả, các nhà chỉ còn đám trẻ con. Bà kia hỏi đám trẻ tên chủ nhà, đám trẻ bảo đúng là tên bố mẹ chúng, chúng mở cửa cho bà vào. Bà nọ ra Hà Nội khám bệnh, định vào nhà cô cháu họ nghỉ nhờ. Bà chỉ biết mặt bố mẹ chúng, không tường đám trẻ; còn đám trẻ thấy bà nhà quê, xưng là bà họ mình, lại có túi quà to, sợ quá, xúm vào ăn. Túi ổi, chuối nhiều như thế, chúng xơi gần hết. Mấy đứa trẻ nhà hàng xóm giáp bên cứ đứng châu mòm, chúng không cho một quả. Đến tầm tan ca chiều, bà già và vợ chồng nhà kia ngỡ ngàng nhìn nhau, vì họ không có họ hàng, không quen biết. Hoá ra bà già kia có họ với nhà hàng xóm trùng tên ở giáp bên. Quà bà mang ra đám trẻ ăn tiết rồi, may có con gà, lũ trẻ bé quá, chưa mang ra giết thịt. Mấy đứa cháu họ của bà nhà quê châu mòm lúc trước, chỉ còn quà con gà, đành ăn thịt vậy.

Nhà tôi tổng diện tích có chín mét vuông mặt đất. Tôi mua lại, vì diện tích không được cơ quan phân nhà. Đó là gian nhà kho cấp bốn, cửa đôi. Chín mét vuông, bố trí bếp, nơi tắm rửa và chỗ ngủ cho bốn nhân khẩu, gồm mẹ già, hai vợ chồng và con gái, lúc đó tôi chưa sinh cháu thứ hai. Trước cửa lại là bãi rác tập thể, nên lúc nào nhà cũng đóng cửa im ỉm chống mùi hôi. Sống thật ngang súc vật. Tôi nghĩ, kiểu gì cũng phải phá nhà ra ra xây lại, chỉ mỗi tội chưa có tiền.

Hỏi đó dân trong ngõ tín nhiệm bầu tôi là trưởng ngõ. Tôi phân vân nhận hay không, cuối cùng quyết định nhận. Trưởng ngõ quản lý khoảng năm mươi hộ dân. Nói quản lý cho oai, chứ thực ra chỉ có hai việc. Thứ nhất là đi đến các gia đình thu đủ các loại tiền, bao gồm:

tiền lao động công ích, tức tiền đắp đê, tiền ủng hộ thiệt hại bão lụt, tiền quyên góp cho người nghèo, tiền thương binh liệt sỹ, tiền góp để công an chống trộm, tiền cho các cháu thiếu nhi dịp hè,... nhiều khoản lắm. Thứ hai là hàng quý ra văn phòng uỷ ban phường họp, nghe chế độ chính sách mới, rồi tình hình chính trị, an ninh phường, quận, thành phố và cả nước. Những buổi họp đó tôi thường ra ngủ gật, vì mình suốt ngày nghe và tuyên truyền chính sách trên đài, nên nắm quá kỹ.

May đến thời tôi là trưởng ngõ, không còn phong trào vợ chồng cãi nhau, hay nhà mất cái bơm xe đạp, cái nồi cơm điện, cũng đến trình ông trưởng ngõ giải quyết. Chồng họ ngoại tình theo gái, vợ chồng đánh chửi nhau, ông trưởng ngõ hàn gắn vết thương làm sao được. Chẳng nhẽ ông trưởng ngõ đến bù đắp tình cảm cho bà vợ đang bơ vơ chằng?

Một bận các bà hội phụ nữ mời ông trưởng ngõ tôi đi dự họp, nội dung là kế hoạch hoá gia đình. Vợ tôi áp dụng rồi, nay các bà định sử dụng tôi đến từng nhà vận chị em và phát bao cao su, mình có làm được không, sợ nhất, họ vận động ông luôn ông trưởng ngõ làm gương, mang xẻo cái quý của mình đi, chỉ nghĩ tôi phát hoảng, vội vàng từ chối ngay.

Về phụ cấp, mỗi tháng trưởng ngõ tôi được hưởng sáu mươi ngàn đồng.

Tôi nhận trưởng ngõ không phải vì định cống hiến chung cho dân ngõ, mà mục đích là nhờ ra sau này phá nhà mình ra xây, thì dân đỡ kiện. Cái mục đích đơn giản ấy cũng không xong. Ông trưởng ngõ vừa dỡ nhà, dân nửa ngõ đã xúm vào kiện, không có giấy phép xây, mà giám tự tiện phá nhà. Tôi xin, thì xin ở đâu ra bây giờ, ra đường xin ư? Lúc cần phá thì không được, lúc xây lên khang trang lại cứ đòi phá. Cũng may nhà tôi xây xong không bị dỡ, dù dân trong ngõ dân kiện hăng lắm. Tôi phải mất công, mất của lên trình bày hết lượt với ông phường, ông quận. Dân mình rất buồn cười, chỉ thích cùng khổ chung thôi, nghĩa là ai ai cũng khổ mới vui, mới hoà mình và có tính sống cộng đồng cao.

Sau khi tôi phá nhà mình, dân trong ngõ không tín nhiệm tôi nữa, họ họp lại, đồng thanh phế chức trưởng ngõ của tôi. Tôi chẳng tiếc, vì mục

đích không kiện đã không xong. Thôi thì ai muốn kiện cứ kiện, gọi là tôi thành anh chí rồi.

Nay nhà tôi xây bốn tầng, cao chót vót, như cái tháp áp - phen chống gờ. Tôi cứ đùa rằng, nó động đất cỡ ba, bốn độ rích te, đổ là cái chắc. Giờ thì cả ngõ, cả khu, cả thành phố đồng thanh dỡ nhà ra xây, chẳng ai còn thời gian kiện cáo nhau nữa, ai cũng dỡ nhà, ai cũng xây, thành phố đậm kang trang. Song nghĩ, hơn mười năm trước, tôi là tốp người tiên phong, đang lý phải được ghi công chứ!

## **Bụi vết thán năm**

### **CHƯƠNG II - CỬ VIỆC NHÀ MÀ KỂ**

#### **7. Trường họ là ông Tây**

Trong đại gia đình các dân tộc Việt Nam có 964 họ, người Kinh có 165 họ, người hoa có 164 họ, người Nùng và người Mường ít họ nhất, mỗi dân tộc có 11 họ.

Ở phương Tây, họ hàng, ngoài quan hệ huyết thống còn là quan hệ hôn nhân, nó có thể trên phạm vi nhiều nước và mang tính xã hội hơn ở phương Đông. Phả hệ được ghi từ lâu đời, đầu tiên ghi các hoàng đế, quý tộc. Ở Pháp có lưu giữ cuốn "Lịch sử hoàng tộc Pháp", xuất bản năm 1674.

Dòng họ và ghi phả hệ phương Đông chủ yếu theo từng gia đình, từng dòng họ. Trung Quốc có phả hệ ghi từ đời Chu, vào năm 722 trước Công nguyên, chép các dòng dõi đế vương, quan khanh. Đến đầu công nguyên các sỹ tử đi thi phải khai tam đại, nên viết tộc phả là một yêu cầu tất yếu của sỹ tử.

Quyển phả hệ đầu tiên của Việt Nam là cuốn "Lý triều ngọc điệp", soạn triều Lý Thái Tổ năm 1026. Tiếc là hiện nay không còn tìm thấy cuốn này. Cho đến nay các dòng họ Việt Nam còn lưu giữ nhiều cuốn phả. Về số cuốn của riêng dòng họ gốc Nguyễn Bặc, triều Đinh, tìm được 300 cuốn. Hiện nay, Viện Hán Nôm còn lưu giữ 300 cuốn phả hệ và dòng họ ở nước ta.

Đại tự trên bức hoành phi nhà thờ họ tôi phiên âm là: Nhị ngũ hoá

sinh, nghĩa rằng: Khí âm dương chung đúc nên. Thấy truyền rằng, bức hoành phi xin chữ của Tam Nguyên Yên Đổ, cụ Nguyễn Khuyến, quê bên Bình Lục.

Tôi gốc họ Bùi. Gia phả ghi, tính đến nay, tới đời thứ mười lăm. Gia phả bắt đầu ghi cụ Tổ họ vào cuối thế kỷ XVI. Đến đời cụ Tổ thứ tư, thì đổi họ. Trong gia phả, không thấy ghi lý do là tại sao. Đến nay ở làng, vẫn còn họ Bùi và họ tôi. Ngày giỗ, hai họ qua lại lễ Tổ và có tục, con cháu không được lấy nhau. Sau một đời đổi họ, cụ Tổ đời thứ năm làm nên công trạng.

Trịnh Doanh lên ngôi chúa, trong nước nhiều vùng diễn ra loạn lạc. Thế nhà Chúa thật ngả nghiêng. Đích thân chúa Trịnh Doanh phải nhiều lần xuất chinh. Năm 1740 Trịnh Quận Công Hoàng Công Kỳ được cử làm Đại tướng, thống lĩnh đạo Sơn Nam, đi dẹp quân nổi dậy. Cụ tổ của tôi là một trong những thuộc tướng của Quân công Hoàng Công Kỳ.

Đợt xuất chinh dẹp quân nổi dậy Đoàn Danh Phương ở Vĩnh Phúc, khi chúa Trịnh Doanh khao thưởng chư tướng tại bờ sông Hồng, bên thành Thăng Long, ngày 22 tháng 2 âm lịch năm 1751, cụ Tổ tôi được vua ban sắc, phong hàm Phấn Lực Tướng Quân, chức Bách Hộ. Phần mộ cụ hiện an táng ở quê nhà. Cụ từng tham gia chinh chiến các vùng: Hà Nam, Nam Định, Thái Bình, Hải Dương, Hưng Yên, Hải Phòng, Bắc Ninh, Bắc Giang, Vĩnh Phúc và Nghệ An.

Cụ tổ trực hệ đời thứ chín của tôi sinh 1840 mất năm 1886. Cụ ra lính, đóng chức Chánh đội trưởng. Từng nghe cụ tham chiến và tử trận ở vùng Chợ Đồn, Thái Nguyên. Do tử trận, mất xác, nên lễ an táng ở quê được tổ chức tượng trưng, đầu lâu - hoa gạo bằng sọ dừa. Trong khi dò tìm, phân tích để ghi chép lại gia phả, tôi cố hy vọng cụ Tổ của mình tham gia phong trào Cần Vương của vua Hàm Nghi chống Pháp. Bụi thời gian quá dày, chưa thể minh định, cụ đánh Tây, hay giúp Tây đánh ta. Thôi thì người đã khuất, không khiến cưỡng, uốn đặt gia phả.

Hồi tìm hiểu tư liệu viết gia phả, anh em trong cơ quan bảo tôi hâm. Gần hai tháng vào thư viện lục tài liệu. Điện thoại gọi đến, anh em đùa, ông ấy đang bận viết gia phả. Những tư liệu mà tôi thu thập được, kể ra cũng rất lý thú. Tôi xin kể một vài câu chuyện:



Trong số văn tự chữ Nho ít ỏi do một số gia đình trong họ cung cấp, tôi nhờ Viện Hán Nôm dịch ra quốc ngữ. Sau khi mày mò nghiên cứu, tôi phát hiện ra trong một cuốn gia phả lại ghi rất sơ sài, bỏ qua một số nhánh và đời trong chi phái đó. Nếu theo ngày tháng và tên người chép, thì lúc đó ông này mới bảy tuổi. Bảy tuổi mà viết nổi gia phả bằng chữ Nho, hoạ có thần đồng. Thôi rồi, một văn tự khuất tất. Đến gia phả một chi phái, người ta còn sửa chữa, thì không lạ gì, có những điều to tát hơn, bị bóp méo.

Một tài liệu khác khi dịch ra, lại không liên quan đến gia phả, mà là bản chúc thư chia tài sản. Điều thú vị ở đây là, tại một vùng quê nghèo nàn, heo hút Hà Nam, vào đầu thế kỷ trước, niên hiệu vua Duy Tân thứ năm (1911) người ta đã rất văn minh, có di chúc chia tài sản. Bà cụ ngoại tôi là chị cả được chia bảy sào ao. Tất nhiên bà được chia ít hơn so với các em trai, nhưng như thế là bình quyền đầy chứ. Trong chúc thư, ngoài chữ ký người cha lập, còn có tất cả chữ ký của con cái và triện, cùng chữ ký của lý trưởng và thấy một người có hai chữ ký, với hai tư cách, con trai và lý trưởng. Nếu văn minh kia được duy trì, phát triển, thì đến bây giờ, tránh cho không ít gia đình rơi vào cảnh, khi cha, mẹ mất, con cái đánh chửi nhau, vì *di sản* của bố mẹ để lại.

Trong quá trình sưu tầm, tìm hiểu gia phả, tôi khám phá ra một chuyện khá lạ và hài hước, phái trưởng thờ cúng, trông giữ nhà thờ họ hiện nay, gốc gác từ giống người Tây. Có lẽ ở Việt Nam ta, ít thấy trường hợp nào đặc biệt đến vậy - ông lai Tây làm trưởng họ.

Việc xảy ra vào cuối thế kỷ XIX, khi Pháp mới sang đô hộ Việt Nam. Ở phái Nhất có ông trưởng họ ra lính. Đi binh về quyền, sau mấy năm ra lính quay về làng, ông thành người oách, có chức vị nhà binh. Ngoài tên gọi trước đây, dân làng còn phải gọi thêm cái chức hời ông đóng lính. Ra đình, ông đủ chuẩn ngồi chiếu trên với các cụ. Ngoài cái danh mang về làng và cả làng phải trọng, ông còn rước về cô vợ bụng chứa tướng.

Giữa một vùng quê Bắc bộ, nói giọng bèn bẹt chiêm trũng, vợ ông giọng Huế trọ trẹ, làm người làng nghe rất lạ tai. Chuyện của ông dân làng kháo cả tháng không hết. Tiếp đó họ lại được một cháu thì thăm nữa. Đó là khi bà vợ sinh con, đưa trẻ trai chẳng giống trẻ mỏ xứ ta,

mà nó da trắng tuyết, tóc râu ngô, mắt mèo xanh biếc.

Thuở ấy dân làng đã ai trông thấy giống người Tây Dương đâu. Họ khác nhau, hay là do ông ra lính, đến vùng rừng thiêng nước độc, nên sinh ra giống con như vậy. Cũng có thể do bà vợ là người miền trong, nên sinh ra, trẻ mỏ nó khác. Mãi sau này, khi gặp quan Tây, dân làng mới ngẫm ra, rồi suy đoán: Bà vợ kia chữa trước với ông Tây. Kẻ ăn ốc, người đổ vỏ.

Để đỡ đám vỏ ấy, ông được quan Tây trả cho cái danh nhà binh về làng, song ông phải rước bà kia về quê làm vợ. Ông vốn là trai trưởng, cháu trưởng, phái trưởng, nên là trưởng họ. Là người biết rõ đứa trẻ kia không phải dòng giống mình, nhưng ông không nói ra. Không nói ra, đứa con trai lai kia tất thành trai trưởng. Anh em và họ hàng ai dám nói.

Thời gian trôi đi, ông qua đời. Lúc này anh em có sự xì xào, nhất là ông em út, ông này từng là lý trưởng, định làm âm lên, muốn truất thằng cháu trưởng lai. Rồi chuyện chẳng đi đến đâu, giờ ra chỉ tổ vạch áo cho người xem lưng. Thế là giữa một vùng quê dày lệ tục, cậu Tây lai vẫn thành trưởng họ. Sờ sờ ra đây, cả làng biết, cả họ biết,... Thế thì những chuyện thâm cung bí sử, chịu là đúng.

Mấy cụ cao niên ở làng đó còn nhớ về cụ Tây lai. Cụ mắt xanh như mắt mèo, mũi lõ, một búi tóc to sau gáy và rất sành chữ Nho. Nếu còn sống, ông cụ Tây lai trưởng họ tôi cũng hơn trăm tuổi. Hậu duệ của cụ, giờ đã tới hàng chót. Nay đám cháu, chắt của cụ, họ chẳng còn mắt xanh, mũi lõ nữa, nhưng dáng vẫn hơi khác, cứ cao lòng khòng, mũi gồ gồ.

Trong quá trình chép gia phả, tôi gặp lắm chuyện khó lý giải. Quê tôi tận Hà Nam, lại mấy chục năm loạn lạc, văn tự gia phả thất lạc. Đang lúc tưởng như vô vọng, ấy vậy mà trong một chuyến công tác về Nam Sách, Hải Dương, tôi lại tìm được cuốn gia phả họ mình bằng chữ Nho, viết năm 1929, lưu lạc ở đây. Cũng trong dịp này, tôi tìm được phần mộ ông cụ tổ trực hệ sáu đời của mình và hai cụ bà. Theo gia phả, cụ thuộc đời thứ tám, mất năm 1870.

Thành tâm với tổ tiên, ghi chép lại gia phả, tôi được các cụ phù hộ độ trì rồi đây! Cuối tháng mười hai năm chín lăm, sau chuyến đi công

tác, trở về nhà, thấy hàng xóm hai bên đang xây sửa. Tôi lo lắng, nhà mình đổ xuống bất cứ lúc nào. Cột và tường nhà chung nhau, thì cái bị dỡ, cái bị cưa. May có cô bạn của vợ tôi, cùng học đại học Văn hoá, tên là Phương, người làng Cót, cho vay ba nghìn đồng, chúng tôi dành dụm được một nghìn và hai bên chi chút thêm một ngàn nữa, chúng tôi có tiền xây nhà.

Trước khi xây đã lường trước, chắc chắn mấy ông phường sẽ tới. Tôi ra xin trước với mấy ông quản lý xây dựng, ngày khởi công, khởi vào lập biên bản cho đỡ xui. Đã kiêng kỵ, vẫn xui. Dân trong ngõ vẫn xúm nhau vào kiện. Mấy nhà giáp bên không có ý kiến gì, chỉ toàn những nhà xa xa kiện. Nào là, xây nhà có giấy phép không, xây lên che lấp hết ánh sáng, không khí nhà họ. Toàn những lý do chẳng đâu vào đâu. Có kiện là ông chính quyền xô tới, gia chủ phải hầu. Khi nhà xây xong, hạch toán ra, riêng khoản lót tay hầu kiện, mất toi năm triệu, bằng một phần mười chi phí ngôi nhà.

Hôm đổ trần tầng một, trong khi kiện cáo đang căng, lại đúng vào ngày giỗ họ, gia phả vừa in xong, tôi phải về dâng trước họ. Không về được, tôi đành nhờ ông chú giúp cho việc này. Trèo lên mái cốt pha, trước mâm lễ cúng đổ trần, tôi khấn nôm:

- Trình các cụ! Cả đời con, đây mới là lần đầu con xây nhà. Mà nhà có to tát gì đâu, chỉ có chục mét vuông, tiền lại đi vay. Thế mà họ cứ xúm vào đòi phá. Con lạy các cụ! Các cụ phù hộ độ trì cho! Nhà không bị phá, một năm sau vợ chồng còn kéo cày, trả xong nợ. Nghĩ cũng lạ! Trước làm ăn mãi chả thấy tiền đâu, vay nợ, làm nhà xong một năm, đã kiếm ba ngàn trả đủ!

## **Bụi vết thán năm**

### **CHƯƠNG II - 8** **Cha tôi**

Đầu năm 1950, Thái Bình là tỉnh chiến tranh diễn ra ác liệt, ta và địch giằng co nhau từng làng qua mỗi trận càn. Trong một trận giặc càn, cả nhà chạy, riêng cụ nội tôi, vì quá già, ngoài bảy mươi, nên ở lại. Lúc giặc càn tới, chúng mang cụ già ra khảo. Không chịu được

đòn, ông cụ chỉ đám của nả gia đình giấu dưới ao. Lũ lính lợi xuống, bao nhiêu nồi, mâm đồng, bát, đĩa,... chúng vớt lên tiệt. Nhà chạy càn về, hay chuyện, không ai nữ trách ông cụ.

Trong bối cảnh ấy, mẹ tôi kể, bận bà sinh con gái đầu, bà bụng mang dạ chửa tháng cuối, vẫn phải chạy giặc. Chửa vượt mặt, chạy càn đâu chỉ vác bụng, bà còn gồng gánh đám của nả: mấy cái nồi, chiếc mâm đồng, ít quần áo,... Tây càn, nghe súng nổ làng này, người ta chạy tránh giặc sang làng khác.

Cuộc sinh nở của bà diễn ra trong một trận chạy càn. Trú nhờ nhà người, một nhà bất kỳ, trong cái làng bất kỳ, bà cũng không nhớ nổi làng ấy là làng nào nữa. Lúc đau đẻ bà dò dẫm ra vườn. Tục quê, người ta kiêng người lạ đẻ trong nhà. May có bà già tốt bụng, làm phúc giúp, không thì mẹ tôi vượt cạn một mình. Sinh ra, chị tôi được cắt rốn bằng chiếc liềm cũ. Bà tự rắc gio lau dọn chỗ mình vừa sinh nở, rồi ra sông giặt giũ. Để xong hôm trước, hôm sau mẹ phải bồng bế con rời làng ấy, tiếng súng Tây càn vọng tới gần.

Chạy càn, đàn ông tách riêng, hoặc xuống hầm bí mật núp. Nếu đã chạy, họ phải chạy trước. Đàn ông mà Tây vớ được, tuổi từ trung niên trở xuống, nếu bị nghi là du kích, thì xơi đòn ốm, còn không, cũng bị bắt lính.

Đàn bà con gái và người già thường chạy chung với nhau. Các bà già thì thôi, chứ đám phụ nữ họ phải tự bơi bản, làm sao thật nhếch nhác. Một lần không may, mẹ tôi cùng đám đàn bà chạy nhầm vào vùng có Tây. Cả đoàn người sợ sệt, ngồi túm tụm lại một chỗ. Mẹ tôi dù con còn đỡ hớn, vẫn phải tự làm bản - nhỏ nước trầu, rắc gio vào váy áo, cả chỗ kín, tóc tai cũng bôi phân trỉ cho nhớ nhớp. Lần ấy lũ Tây đen sấn lại, định bắt gái. Thấy đám đàn bà hôi rình, trẻ con khóc oe oe, chúng mới buông tha.

Vợ thoát, nhưng một lần khác, chồng bị bắt. Cha tôi bị Tây bắt trong một trận càn vào năm 1952. Ông bị điệu về trại Cầu Bo, sau khi phân loại, chúng tống vào căng Thần Đầu Thần Huống. Người ở trong tù đã khổ, người ở ngoài tù còn khổ hơn. Những ngày nuôi chồng tù là những ngày cơ cực. Mẹ tôi mang theo con nhỏ, ra thị xã Thái Bình, vừa kiếm sống nuôi mình, nuôi con, ngày ngày còn tiếp tế nuôi chồng. Nguồn sống tạm là buôn bán loanh quanh ở chợ thị xã Thái Bình. Cứ vào buổi trưa tan chợ, bà bế con nhỏ, vai khoác bị còm, chen sát hàng rào trại tù. Chồng trong hàng rào chờ, vợ bên ngoài tìm và ném còm vào.

Cha tôi lúc bị bắt, đám tù toàn đàn ông. Tây lừa tuốt lên chiếc xe cam nhông. Mấy chục người chồng đồng lên nhau, dạt vào góc

thùng xe, để lại một khoảng trống cho mấy thằng Tây đen ba vạch hiếp tù. Ở Phi châu, tại một vùng có tục, người ta gây vết thương lên mặt, tạo sẹo - ba vết - nên dân ta quen gọi là Tây Ba Vạch. Những người đàn ông xấu số bị Tây hiếp vào tù một thời gian, thường bị chết. Bởi đói khổ và họ bị bọn Tây ba vạch đổ cho bệnh giang mai, hủ lậu.

Trong trại, người tù phải làm nhiều việc nặng nhọc, kể cả làm cũi giam. Một lần cha tôi cùng đám tù bị xua đi khuân gỗ, gỗ phá từ một ngôi đình. Đốc tù có cả nguy binh, lẫn Tây trắng, Tây đen.

Hôm đó có thằng sỹ quan da trắng. Thằng này rất ác, nó luôn vung roi, đánh tù đến toé máu và cứ lăm lăm khẩu súng ngắn, dọa bắn. Thằng này ác quái, ra cái lệnh còn quái ác hơn: Chuyển chuyển gỗ đầu tiên, hai người tù khuân một thanh gỗ lim, chuyển thứ hai bắt tăng lên gấp đôi, chuyển thứ ba tăng nữa. Chỉ một thanh đã nặng, song tù sợ roi và súng, cắn răng mà khiêng. May đến chuyển thứ ba hết gỗ, không hôm đó có tù thiệt mạng.

Căng Thần Đầu Thần Huống có hàng rào và hào nước đào xung quanh. Rác sinh hoạt, phân, nước tiểu của tù thải ra, trút xuống hào. Hình ảnh bố tôi nhớ nhất. Một hôm ngủ dậy, người tù ngỡ ngác, không tin nổi mắt mình, sau một đêm, hàng rào xung quanh trở lên xanh rì. Thời tiết nóng nực, phân, nước tiểu dưới hào là môi trường cho ruồi nhặng sinh nở. Ấu trùng - giòi, đến kỳ thành nhặng, bay lên, đậu vào hàng rào, xanh rì như lũy tre làng.

Ông cũng có thời kỳ tham gia du kích. Trong một lần liên lạc bị lộ, giặc túm được ông. Giặc dùng đủ cực hình. Ông kể, sợ nhất là khoản chúng cho đi tàu ngầm và tàu bay. Nước xà phòng hoà ớt bột, chúng dúi đầu vào cho sặc nước, sau đó trói lại, treo lên cao, quay tít. Thịnh thoảng chí điện cho giầy đành đạch.

Gần chục ngày giặc dùng đủ cực hình, ông nghiêng răng chịu. Nghĩ chuyển này chắc chết, nhưng ông không khai. Không lo cái chết, ông chỉ nghĩ, khai ra sẽ nhục cho gia đình, vợ con. Can trường trước kẻ thù, chấp nhận cái chết, chỉ vì nghĩ đến gia đình. Đánh chán, tưởng ông không phải du kích, chúng tha ra. Sau lần đó ông sợ mà không tham gia du kích nữa. Khi tôi đã lớn, vào những ngày trở gười, cha tôi kêu mình mẩy ê ẩm, mẹ tôi lại chép miệng: Tại ngày xưa Tây nó đánh cậu mày đấy!

Cha tôi là người kiệm lời, khiêm nhường, đã nói là làm, làm thì làm cho kỳ được. Ngày mới lớn, tôi và ông, cha con không hợp chuyện nhau, cứ cha nói là con tranh luận ngược lại. Sau này khôn lớn, tôi mới hiểu cha, cha con gần gũi, tâm sự nhiều với nhau hơn. Tôi

không có dịp bên cạnh, lúc ông qua đời. Một tuần trước khi mất, bệnh viện Bạch Mai kết luận, ông bị ung thư gan giai đoạn cuối, tôi đưa ông về quê.

Trước khi trở lại trường đại học, khuya rồi, cha con ngồi uống nước với nhau. Tôi biết bệnh ung thư rất đau đớn, nhưng ông cố gắng ngồi nói chuyện, vì hôm sau con trai phải đi rồi. Biết ngày nào cha con mới gặp nhau. Bệnh viện và mọi người vẫn giấu, động viên ông yên tâm dưỡng bệnh. Ông tự biết bệnh của mình, song tôi ân hận mãi điều mình nói ra với ông. Nghe con trai nói, từ khoé mắt cha tôi, lăn dài dòng nước mắt. Tôi xót xa và càng đau lòng hơn, khi nghe ông đứt quãng:

- Cậu không... ân hận gì. Nghĩ chỉ... không phụng dưỡng được mẹ già. Các con sau này.... thỉnh thoảng nhớ về thăm bà!

Trước ngày cha tôi mất vài hôm, anh trai tôi nhờ thợ lên cố gỗ cho ông. Đã cố giấu, mà ông vẫn biết. Nghe tiếng đục đẽo sau nhà, biết thợ đến nhà mình làm gì, ông bảo con trai vực ra xem. Trước ánh mắt ái ngại của mấy ông thợ, bố tôi yêu cầu con trai đi quanh cố quan tài. Đi hết một vòng, ông yếu ớt nắm tay mấy ông thợ, thều thào cảm ơn họ. Trước giờ lâm chung, bạn bè, hàng xóm vây quanh, ông gắng sức tàn, chào câu cuối cùng:

- Các ông bà ở lại... tôi đi đây!

Ông ra đi vào ngày 18 tháng 10 âm lịch năm Giáp Tý, 1984, một ngày mưa, gió rất to.

Đầu năm Đinh Hợi linh bầy này, tôi có ý định sửa sang lại mộ phần của ông. Mộ xây lâu rồi, nay thấp bé, nghĩ tội phận cho người khuất. Việc xây mồ, sửa mả là việc trọng, tôi cẩn thận nhờ thầy xem xét. Tôi xem ở đầu phố thị quê tôi. Nghe nói, ông này xem giỏi, khách Hà Nội, Hải Phòng về đông nườm nượp. Đặt lễ xong, tôi vừa định trình bày, thì cậu phán, cứ để cậu xem.

Cậu khen mồ mả của các cụ nhà tôi đẹp. Cậu nói như từ trong bụng tôi nói ra, rằng không bốc hốt, mà chỉ sửa sang phần mộ. Mộ phần cát lâu rồi, nay xung quanh thiên hạ xây cao lên, thành ra phần mộ của cha tôi thấp xuống. Đúng quá, tôi nghĩ bụng. Cậu lại phán:

- Nhà ông có người chú mất trẻ.

Thầy phán tiếp:

- Ông này liệt sỹ. Mà nhà ông đừng mất công tìm kiếm nữa. Linh ông ta yên phận ở chốn đó rồi. Có tìm, cũng chẳng được đâu.

Ôi, đúng quá! Lâu nay, ông chú hiệu trưởng của tôi áy náy, muốn đi tìm hài cốt anh trai mình. Ông định xuống cả thầy Liên dưới Tứ Kỳ, xem.

## Bụi vết thán năm

### CHƯƠNG II - 9

#### Địa chủ hựt

Mẹ tôi có coi trâu ăn hỏi từ năm mười ba, tận năm hăm mốt mới về nhà chồng. Cứ chuẩn bị cưới, thì không bên nọ có tang, lại bên này có tang. Tang một năm, tang chín tháng, tang sáu tháng. Nghĩa là tùy theo quan hệ dây mơ, rễ má, mà chịu tang. Tám năm trời nhà trai vất vả sêu tết. Đoan Ngọ mừng năm tháng năm, tết ngỗng; Trung thu, tết hồng cốm; Nguyên đán, tết gạo,....

Tết nhiều thì nhà gái sướng. Chẳng phải vì quà cáp, cái chính là vinh dự trước bàn dân thiên hạ, con gái có người sêu tết. Như nhà ông bà ngoại tôi, được sêu tết, tính ra lại lỡm.

Ông bà nội và ông bà ngoại tôi người cùng làng, cái làng có nghề thủ công, ở Hà Nam. Trai làng có thể lấy gái thiên hạ, chứ gái làng lấy chồng, nhất thiết phải trai cùng làng. Làng có lời nguyên, con gái lấy chồng thiên hạ, thì chết một đời cha, ba đời con.

Dân làng tôi thường tản mát đến các bến, các phố buôn bán và làm nghề. Hàng năm vào hội làng, hay Tết, họ tụ tập về quê.

Gia đình ông bà nội và ông bà ngoại tôi sống ở hai bến. Ông nội tôi sống bến ở Phủ Tiên Hưng, Thái Bình. dịp sêu tết ông đi xe tay ra phủ lý nơi ông ngoại tôi sống, quãng đường hơn ba chục cây số.

Trong những dịp sêu tết, ông ngoại tôi là người khoái trí nhất. Ông cụ có cơ để vui vẻ công khai. Những dịp khách khứa như vậy, nhất thiết chủ nhà phải khoản đãi khách. Thông gia tương lai thuộc hàng khách trọng, nhất thiết trong khoản đãi, phải có châu tom chất.

Mẹ tôi kể, chính bà rất thích nghe và ngắm cô đầu. Họ hát hay lắm, người lại đẹp nữa. Được nghe, được ngắm cô đầu, bởi mỗi lần ông ngoại tiếp khách bằng tom chất, đến bữa, mẹ tôi được bà ngoại sai đi mời ông ngoại và khách về ăn cơm. Lắm hôm đến quán cô đầu, thấp thỏ đứng nghe, vì hay quá, bà quên cả việc chính của mình. Con gái mới lớn, nhìn các cô đầu quần là áo lượt, ai chẳng mê.

Tám năm được sêu tết, mà ngày cưới, mẹ tôi thật vất vả. Sau ngày toàn quốc kháng chiến, phủ lý quê tôi thực hiện tiêu thổ kháng chiến, dinh cơ của bà ngoại tôi bị tổng rơm đốt kiệt. Gia đình chạy tản cư về Quán Cháy, thuộc Thái Bình. Ngày cưới của bà diễn ra tại nơi tản cư này.

Ngoài mê hát cô đầu, ông ngoại tôi còn thú đánh bạc và hút thuốc phiện. Ông dân diện bạch đình, còn bà ngoại là con ông chánh tổng. Chánh tổng mà lại gả con gái cho bạch đình, chuyện hơi lạ. Cụ chánh tổng nghiện thuốc phiện, anh chàng bạch đình giỏi tiêm thuốc. Trong khi tiêm thuốc cho cụ tổng, chàng bạch đình khéo cưa kéo, khéo đến mức cụ chánh gả cô con gái rượu cho.

Phổ phủ quê tôi có cửa hiệu bán thuốc phiện công khai, đại lý của nhà bà Nghị Thích ở phố To. Trước cửa hiệu treo cờ vàng, trên ghi hai chữ: R.0 - Régie opium - Đại lý thuốc phiện. Cùng với cửa hiệu R.0, còn có cửa hiệu R.A - Régie Alcool - Đại lý rượu.

Có một ông chồng chẳng chú ý tới việc làm ăn của gia đình, suốt ngày chỉ hát hò, hút xách, mình bà vợ buôn bán, nhà vẫn giàu. Nhà bà ngoại tôi có tới hai dinh cơ ở phố phủ, lại còn dư tiền về quê tậu mấy mẫu ruộng. Vì giàu có và sai lầm đầu tư vào đất, nên trong Cải cách ruộng đất, ông bà ngoại tôi bị quy là địa chủ. May mà sau sửa sai, được xuống thành phần.

Nhà ông bà ngoại tôi đã khốn khổ về cái chức địa chủ trượt đó. Cha tôi là chàng rể cũng vạ lây. Sợ liên lụy đến các em, ông đành bồng bế vợ con rời đất phủ Tiên Hưng, nơi ông đang sống cùng mẹ đẻ và các em, về sống gần ông bà nhạc cho cùng nhục một thể.

Người ngoài đầu, người trong họ đầu và suýt nữa thì ông bà ngoại tôi bị cô con gái nuôi cũng đầu. Năm đói Ất Dậu bốn lăm, đi chợ bán hàng, mẹ tôi xin về một cô bé. Mẹ tôi kể, nhà ấy có ba bố con, bà tôi xin đứa lớn. Năm ấy cô chừng tám, chín tuổi. Cũng khó đoán, vì đói kém, mà trẻ ngày đó ngờ ngờ lắm, cứ như bây giờ, tầm tuổi ấy, chúng biết tuốt.

Xin về, mẹ đặt cho cô cái tên là Gái. Cô Gái chẳng rõ quê quán mình ở đâu, tên bố mẹ là gì. Lúc mẹ tôi xin, ông bố muốn cho luôn hai chị em, nhưng bà chỉ nhận một. Mẹ tôi cho ông ta ít tiền. Bà đồ rằng, chắc rồi mấy ngày sau bố con ông ta cũng chết.

Phủ lý quê tôi ngày đói là một tụ điểm cho kẻ đói kéo về. Họ vạ vật ở các nơi: chợ, bến tàu, bến xe,... Đói không xin được gì, người chết rải rác các phố. Hàng sáng có phu lóc cóc dắt xe ba gác thu gom, rồi chở xác đến bãi tha ma. Phu xe là ông Thành và ông Xuân. Để giữ vệ sinh, mỗi lớp xác đói quẳng xuống, được rắc vôi bột và phủ lớp đất, hôm sau lại đổ tiếp lớp xác đói khác, đổ đến khi đầy, thì phủ lớp đất dày lên trên, chuyển sang chỗ mới, đào hố khác. Thường mỗi hố chôn được ba lớp. Trước khi chôn, ông Vệ To lên trình quan Tây, báo số người chết, để lĩnh công tiền chôn. Công ấy bao gồm nhân lực thu gom, vận chuyển, đào hố, phủ đất và tiền vôi bột. Lúc đầu



còn chiếu bó xác, sau chẳng lấy chiếu đâu cho xuể, cứ nguyên người chết mà chôn. Thường ông Vệ To khai tăng số người chết thêm một ít, để lĩnh không công chôn các suất đó. Lúc đầu công chôn là đồng một suất, sau chết rộ, giảm xuống, chả còn đáng bao nhiêu. Biết rằng giá gạo hồi ấy, có lúc tới tám mươi đồng một thùng thóc chục cân. Vị trí chỗ chôn là trước và sau bãi tha ma, tổng số cả đợt đói có bảy hố, bốn hố phía trước, ba hố phía sau. Nay trước bãi tha ma quê tôi có khoảng đất trống, cỏ mọc xanh, không gò, mả. Ấy là các hố chôn chung người đói năm Ất Dậu.

Các nhà ở phố rất kỹ xác chết đói trước cửa. Muốn xua đuổi kẻ đói, cứ vào chập tối, nhà chủ mang nước ra đổ ở vỉa hè. Ướt, người đói nằm lạnh, không ngủ được, phải bò đi chỗ khác. Số người chết đói kéo về phố phủ không thống kê chính xác được là bao nhiêu. Xin lấy một xã gần phủ lý, xã Tươi Sáng. Xã này có non ba ngàn dân, mà năm Ất Dậu chết đến hơn một ngàn hai trăm người.

Dắt cô Gái về nhà, mẹ tôi đưa cô Gái đi lòng vòng khắp phố. Bà nghĩ, đưa đi như thế, sau này cô Gái không biết đường về nhà mình nữa. Mới đầu mẹ tôi định nhận cô làm con nuôi, nhưng sau có ý ra ý vào, bảo con gái chưa chồng, làm gì mà nhận con nuôi. Thế là mẹ tôi chuyển cô Gái thành em nuôi. Lúc mới đưa về, mẹ tôi bị ông ngoại tể cho một trận. Ông bảo, rước khí về nhà. Đúng là cô Gái như con khí, người xanh xao, gầy nhẳng, chấy rận, ghẻ lở đầy mình. Mẹ tôi phải đem cô Gái ra tổng vệ sinh, cạo trọc đầu, lột hết quần áo đem đốt và tắm rửa cho một trận cẩn thận.

Quy định đầu tiên với cô Gái là mỗi bữa chỉ được ăn hai vục cơm, hoặc cháo. Cô Gái rất tự giác, cứ ăn đúng hai bát là đứng lên. Chỉ khi người nhà bảo ăn thêm, cô mới dám làm bát nữa. Mẹ tôi bảo, nghĩ cũng thương và còn khen là cô Gái bạo lắm. Nhà bà ngoại có hai dinh cơ, chỉ ở một, còn một để không. Ban đêm cô Gái được cử ra dinh cơ kia. Trẻ con mới tám, chín tuổi, đêm hôm vòng vống một mình gác nhà. Chỉ riêng chuyện ma, nghĩ đã kinh, thế mà cô Gái chịu được.

Ngày 8/8/1954 bộ đội ta tiếp quản phố thị quê tôi, chấm dứt sự chiếm đóng của quân Pháp. Bước vào Cải cách ruộng đất, cô Gái lúc này đã lớn, đã là thiếu nữ. Hồi đó họp hành tốn lắm. Nhà nhà, người người đêm nào cũng họp. Cô rơi vào tầm ngắm của đội, của xâu, của rế. Xâu, rế vận động cô Gái tố người từng cướp mang mình thoát khỏi trận đói bốn lăm.

Nhà ông bà ngoại tôi nín thở, sợ cô con gái nuôi tố mình. May mà cô Gái không tố cha mẹ nuôi. Sau này nghe kể lại, cô bảo với người xui

mình rằng, cha mẹ nuôi tôi đâu có ác, đâu có bóc lột gì tôi. Thật hứ vía cho nhà ông bà ngoại tôi. Sau này cô Gái đi thanh niên xung phong, rồi làm công nhân ở nhà máy chè Hạ Hoà. Cô lấy chồng là cán bộ tập kết miền Nam. Giải phóng Bảy lăm, cô theo chồng về sống ở thành phố Đà Nẵng.

Số cô vất vả. Lấy chồng, lại vợ ngay phải ông chồng bị tù tội. Ngày ấy tôi còn bé, thấy cô Gái về thăm mẹ nuôi, mà chẳng thấy chồng cô đâu. Sau mới biết, ông bị đi tù. Say này tôi gặp chú rể, ông hiền khô, dễ gần. Tôi cứ thắc mắc, không hiểu tại sao, ông bị đi tù. Lớn lên mới hay: ông là cán bộ tập kết, nên công thần, hay cãi lãnh đạo, rồi bị giám đốc đánh bẫy, vu cho cái tội chống đối, thế là lĩnh mấy năm tù. Nói về trận đấu tố ông ngoại tôi, trừ cô con gái nuôi không đấu cha, còn họ hàng xa gần ở quê, toàn những người nhận ruộng, nộp tô, khối người tham gia đấu. Phố thị nơi tôi sống cách quê gốc chừng sáu mươi cây. Hồi Cải cách, từ quê, xã đánh ra cái giấy, thế là hai cha con, gồm ông ngoại và cậu ruột tôi, cum cúp về ngay. Hai người mang theo bị cói tiền, về nộp cho địa phương.

Tối đầu tiên về làng, ông ngoại tôi đến chơi nhà người cháu, gọi ông bằng cậu ruột. Ngồi trên nhà, nghe rõ mồn một thằng cháu họ dưới bếp nói to, nói cốt để ông nghe, nước non làm gì cho thằng địa chủ! Khổ quá, bóc lột được bao nhiêu?

Như mẹ tôi nhớ, đất chiêm trũng Hà Nam, năm cấy một vụ, năm một lần bà về thu tô. Bà bảo, một sào thu tô cỡ bảy cân thóc. Mà có bao giờ thu đủ, thu róc đâu. Toàn trong họ, người ta khát và nài nỉ, nói khó. Con gái buôn bán phố xá về quê, biết được thế nào về lúa má. Tiếng là có ruộng, tiếng là thu tô, mà có được bao nhiêu. Chi phí tiền tàu, tiền ăn, mỗi năm thu được dăm ba tạ thóc, chỉ đủ dùng cho cả nhà, dịp mỗi năm về làng hội hè đình đám.

Phục ông cậu ruột tôi là người phẩn đầu bền bỉ. Hơn chục năm, hết dân quân, công tác khu phố, rồi lẫn lộn với hợp tác xã, ông được xét kết nạp vào đảng. Lúc sắp kết nạp, lại có người lòi ra, bố là địa chủ. Khổ quá, có phải thế đâu, chỉ là địa chủ hụt thôi. Cuối cùng ông được kết nạp. Sau này ông còn là phó chủ tịch xã.

Ông bà ngoại tôi dù bị mất tiết gia sản sau cái vụ bị đấu tố, thì so với ông chủ tịch xã thời kháng chiến chống Pháp, ở Hà Nam quê gốc của tôi, còn may chán. Ông bị quy là Quốc dân đảng và đem ra xử bắn. Khi tròn bốn mươi tuổi, tôi mới lần đầu về bản quán, về đứng vào ngày giỗ họ của mình. Về giỗ họ, tôi gặp được bà vợ ông chủ tịch bị bắn oan năm xưa.

Ngay lần đầu về quê, cứ như các cụ trong họ nói, tôi nhận thấy, cần

phải chép lại gia phả. Một trong những người tôi tiếp cận là vợ ông chủ tịch xưa. Cụ là bậc cao niên, vẻ cao trong họ, lại rất minh mẫn. Cụ hẹn tôi, nếu có dịp ra thị xã Hải Dương, bây giờ là thành phố Hải Dương, sẽ cung cấp những điều mình biết về dòng họ. Ý hẹn, sau vài tháng, tôi đến nhà cụ. Ngoài chuyện gia tộc, câu chuyện về người chồng xưa được cụ kể rất nhiều.

Năm 1948 ông từng là Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến hành chính xã, rồi bí thư chi bộ xã. Những năm kháng chiến, ông lăn lộn với cơ sở, trung kiên bám dân, chỉ huy du kích đánh giặc. Sau hoà bình, trong cuộc cải cách ruộng đất đợt ba, ông bị đem ra đấu tố, bị quy là Quốc dân đảng. Khi sửa sai, ông được phục hồi danh dự, đảng tịch và truy tặng Huân chương kháng chiến chống Pháp hạng ba.

Trong khi kể, ba cụ vạch áo đến khuỷu tay, chỉ vết sẹo dài:

- Vết sẹo này là chúng trói bà đấy. Trói, phơi nắng suốt ngày. Lúc ấy bà đang bụng mang dạ chửa.

Nói rồi, cụ chỉ tay vào người phụ nữ đang nhặt rau ngoài sân:

- Đấy, ngày ấy bà chửa cô này. Cả tuổi mụ, năm nay cô này bốn hai rồi.

Chuyện kể rằng, lúc ông Quốc dân đảng bị dong ra bãi, ông cũng không ngờ mình bị bắn. Chỉ đến khi bị trói ghì vào cột, súng dương lên, ông mới ớ ra, ngỡ ngàng hỏi:

- Các đồng chí bắn tôi thật à?

Còn bà cụ kể: Bà cũng không ngờ họ lại đem chồng ra bắn. Đến tận lúc sắp ra bãi bắn, họ còn lừa bà, bảo ra xem họ thả ông về. Đến nơi, bà thấy chồng đang bị trói vào cột. Nói đến đây, từ khuôn mặt răn reo của bà cụ gần tám mươi, dòng nước mắt rịn ra. Đã mấy chục năm rồi, nỗi uất hận còn ẩn ức trong con người già nua kia. Sau vụ chồng bị bắn, bà đưa con cái rời làng, tới sống ở thị xã xa quê này.

Nghe người làng kể, những năm trước, cứ dịp về quê, cụ đi dọc đường làng, gào khóc, chửi bới những kẻ tố và bắn chồng bà. Làng xóm chẳng thấy ai lên tiếng. Dại gì, điều hay, lẽ tốt thì mới tranh nhau, chứ cái dở, ai dại gì mà chường mặt ra. Năm tôi về giỗ họ, không thấy cụ đi dọc đường làng chửi bới nữa. Có lẽ cụ đã già, vết thương lòng thành sẹo. Thôi thì, chết đã chết rồi. Chết gì mà chẳng là chết. Công lao, oan khuất, thì cả làng, cả xã biết.

## **Bụi vết thán năm**

## CHƯƠNG II - 10

### Lính bồng súng viếng

Có một phen ông chú phi công của tôi khốn khổ với chuyện, sao lúc ông bố mất, lại có tiểu đội lính bồng súng viếng. Có phải ông bố quan hệ, hay tham gia việc gian phản động gì không? Ông chú tôi phải giải trình mãi với tổ chức, họ mới cho qua. Chuyện là thế này:

Ông nội tôi sinh năm 1901, nhà mở lò sũ đóng đồ gỗ và buôn bè ở thôn Đình Thượng, phủ Tiên Hưng. Ông biết Nho học. Thời gian rảnh rỗi ở quê, ông có cái thú tiêu khiển là đọc Tam quốc, chơi đàn bầu và lấy Kiều. Có thiếu nữ ở quê, vì tiếng đàn bầu đã đem lòng yêu ông. Mỗi năm ông thường trú lại Hà Nội dăm bảy tháng. Sau khi bè từ Hoà Bình về tới Hà Nội, ông giao lại cho người giúp việc xuôi tiếp về quê, phủ Tiên Hưng. Lấy cơ bận quan hệ, giao đãi khách, ông ở lại Hà Nội. Nào giao đãi khách khứa gì đâu, ông đang bận... tom chát và đánh bạc ở mấy quán cô đầu nơi phố Khâm Thiên, hay dạt xuống Vọng.

Chắc trong những ngày ngược xuôi buôn bán, nhất là dịp trú ngụ tại Hà Nội, ông có dịp quan hệ buôn bán, giao du với một người tên là Chát. Khi Pháp lập tề vùng Thái Bình, ông ta được bổ làm Quận trưởng quận Tiên Hưng. Thỉnh thoảng ông Quận trưởng đến nhà ông nội tôi chơi.

Là chỗ quen biết trước đây, nhà lại có tời kéo gỗ, giữa năm 1950, ông Quận Chát nhờ ông nội tôi chỉ huy phu mấy làng, trục vọt chiếc phà bị đắm. Vất vả, lại trong nắng nóng hè tháng năm, ông bị cảm, sau khoảng mười ngày thì mất. Trước khi qua đời, ông gọi vợ và con trai, tức cha tôi, vào dặn, sau khi ông mất, gia đình phải chuyển đi nơi khác sống. Ông Quận Chát biết nhà mình có con trai theo Việt Minh, nay ông còn sống, ông ta nể, bỏ qua cho. Nếu ông mất đi, thì... Lúc đưa ma, ông Quận Chát điều một tiểu đội lính đến bồng súng viếng. Hồn ma ông cụ đâu có biết, đã để lại điều phiền toái cho con trai sau này.

Ngoài chuyện khốn khổ trên, suýt nữa ông còn mắc vào một chuyện rắc rối khác. May mà ông rút kinh nghiệm vụ lính bồng súng viếng cha, kịp căn dặn gia đình và ông cũng giấu nhem đi. Sau này qua hai vụ ông sợ đến mức, rút ra bài học cho mình và còn mang ra dạy con cháu, chúng mày phải cẩn thận, không quan hệ, không thân thiết, không quen biết với một ai hết.

Câu chuyện rắc rối thứ hai là bà chị nuôi ở Pháp gửi thư về. Bà tên là Tâm. Theo thứ bậc gia đình, tôi gọi bà bằng bác nuôi.

Bà nội tôi sinh người con trai đầu lòng vào quãng sau năm 1920.

Được vài tháng thì con trai mất. Hồi ấy ở thôn Đình Thượng có một nhà nghèo khổ, kéo xe tay, vợ đi làm vú em ở Hải Phòng. Tấm từng thế nào, cô vợ lại có chửa với anh Tây. Đứa trẻ mũi cao, mắt xanh, tóc vàng, đúng giống Tây. Anh xe tay vẫn chấp nhận đứa con lai.

Vào một mùa thuế, nhà ấy không đủ tiền đóng sưu cho chồng, cô vợ đành sang nhà bà nội tôi, gạ bán con gái. Bà nội bỏ ra mấy đồng bạc mua đứa trẻ lai kia làm con nuôi, nuôi cho đứng đầu đứng số, đứa bé vẫn khi đi, khi ở nhà mình. Bà nội tôi đâu ngờ, ba bốn chục năm sau, tý nữa nó thành hoạn nhà mình.

Khi ở tuổi thiếu nữ, bác Tâm tôi là cô gái đẹp nhất vùng. Đẹp đến mức, con trai ông Nghị Quảng, tên là Hương, dịp về quê nghỉ hè, một lần nhìn thấy nàng Bạch Tuyết, đem lòng mê ngay.

Dịp ấy để tránh phiền toái, bà mẹ đẻ và mẹ nuôi phải gỡ mối, cuối cùng gửi cô con lai ra Hải Phòng. Nghe kể, vợ chồng nhà phu xe đều chết đói vào năm Ất Dậu, còn đứa con trai nhà ấy lang bạt lên Hà Nội, sau tòng quân, rồi chuyển sang ngành công an. Phong thanh sau này làm đến trung tá ở một quận thuộc Hà Nội. Nếu nay còn sống, chắc ông cũng ở tuổi tám mươi rồi.

Cuối năm 1946, bác Tâm đã có chồng, bỗng bé con chạy giặc từ Hải Phòng về tá túc ở nhà mẹ nuôi. Bác Tâm tôi có ba mặt con, nhưng mỗi đứa một vẻ. Đứa thì giống Tây trắng; đứa giống Tây đen; đứa nâu nâu, giống Ấn Độ. Là giống người lai, sống ở thành phố, nhưng bác Tâm rất đảm đang việc quê, sàng gạo, ươm tằm, kéo tơ, bác làm được hết. Chỉ phải cái tính chất Tây lai là không sao gột được. Giữa một vùng quê chiến tranh loạn lạc, chiều chiều, cô đầm đánh cái panh-sơ-lây, chơi thể thao bơi lội dọc sông.

Ở được một thời gian, chiến tranh vùng phủ Tiên Hưng diễn ra ác liệt, Tây càn suốt, bác Tâm đành bỗng bé con trở lại Hải Phòng.

Trước ngày hoà bình Năm tư, nghe đồn, bác Tâm lấy một ông Tây người Pháp, rồi theo chồng về đất Âu châu.

Bất ngờ, vào quãng năm năm tám, có ông cán bộ cầm lá thư của bác Tâm gửi từ Pháp về, đến hỏi bà nội tôi, quan hệ thế nào với người gửi bức thư này. Nhớ kỳ Cải cách ruộng đất, bà nội tôi nhanh trí, cãi phắt. Bà bảo không biết, không quan hệ gì với người gửi bức thư kia. Thật hú vía!

Lúc đó thì ai cũng bảo và nhất là ông chú phi công, bà nội xử lý thật sáng suốt. Bây giờ thì có người tiếc. Chính tôi cũng tiếc. Giá mà biết

địa chỉ, liên hệ sang, bà bác nuôi gửi về cho vài trăm nghìn đô la, thoải mái tiêu. Tiếc thì tiếc, song nếu nay bà còn sống, cũng ngót nghét tuổi chín mươi rồi. Tôi đành an ủi, già như vậy, lấy đâu ra tiền, khéo lại đang trong viện dưỡng lão. Bà ấy mà quay về, đem theo một lũ cháu chắt Tây, cả họ phải nuôi là khốn. Thôi chả tiếc nữa! Chả liên hệ với bà bác Tây lai nữa.

## Bụi vết tháng năm

### CHƯƠNG II - 11

#### Cảm tử quân buôn lậu

Hồi tôi đang lay hoay tìm việc ở Hà Nội, thấy thằng cháu trong tình cảnh khó khăn, ông chú phi công sống ở sân bay Gia Lâm định tạo thêm thu nhập cho thằng cháu, ông bảo:

- Chiều chiều, mày sang bên chú. Cứ cái túi nhỏ, xách mười vỉ thuốc, về cửa hàng bên Hà Nội mà đổ. Chấp mấy thằng phòng thuế, công an gác cầu Long Biên, đổ biết.

Về cái nhã ý của ông chú giúp thằng cháu buôn thuốc tây, tôi không nỡ từ chối ngay, chỉ ậm ừ. Tôi đem sang tham khảo ý kiến một ông chú khác. Tham khảo là tham khảo, tôi biết chắc, ông này sẽ phản đối. Như vậy tôi có cơ để từ chối ông chú phi công. Ông chú mà tôi tham khảo là người bôn có tiếng, ông là Hiệu trưởng một trường kỹ thuật về phát thanh và truyền hình. Y rằng, vừa mới đưa ra, ông té tát mắng cho một chặp:

- Học thì không học, làm thì không làm, lại nghe ông ấy đi buôn. Thôi, ông ấy buôn, thì mặc xác ông ấy. Tao cấm! Mày mà đi buôn lậu thuốc tây, tao từ.

Tôi không buôn, nhưng vợ ông lại bí mật buôn. Bà giấu chồng, vào cửa tan tầm hằng ngày, đạp xe sang Gia Lâm xách túi thuốc lậu về rải ở mấy cửa hàng bên Hà Nội. Không có những chuyến buôn ấy, nhà lấy gì mà ăn? Ông thì suốt tuần cắm cúi vào công việc ở cơ quan, chỉ đảo qua nhà ngày Chủ nhật. Có dạo bà thím nuôi con lợn, nuôi một hai tháng, con lợn được chừng ba mươi cân, thì lăn đùng ra chết. Bà thím tôi tiếc của, khóc sưng húp mắt. Ông chồng về, khi biết nguyên nhân, bảo vợ, tôi lại tưởng có ai mát.

Tôi thờ phào nhẹ nhõm vì ý kiến phản đối của ông chú hiệu trưởng không cho tôi buôn lậu và có cơ để từ chối ông chú phi công. Trong

thâm tâm, tôi thực có muốn đi buôn lậu đâu. Tôi từng tự hứa, không bao giờ dây vào cái khoản buôn bán.

Hàng tuần, ông chú phi công có vài chuyến bay ra vào thành phố Hồ Chí Minh. Ngoài nhiệm vụ quốc phòng, ông còn kiêm thêm việc buôn hàng cấm, có khi chuyển thuê cả tiền. Rất lạ rằng, ông vốn là người có tác phong quân sự, sống giản tiện, ngày bé ham chơi, chẳng chú ý đến việc buôn bán làm ăn của gia đình, nay lại thành ông buôn lậu và rất thích tính tiền.

Khi nghỉ hưu, ông hay hỏi thằng cháu, thu nhập mỗi tháng được bao nhiêu, lương tháng thế nào, tiếp đó ông thông báo về lãi suất ngân hàng đang áp dụng và đem ra tính toán số tiền lãi gửi ngân hàng tháng đó. Buồn cười rằng, ông tính tiền lãi sẽ hưởng trong năm năm, mười năm tới, cứ y như tính cua trong lỗ. Nghe bài toán lãi suất của ông, có lần tôi đùa:

- Với số gốc hiện nay, mười năm nữa, chắc chú giàu lắm. Nhưng chú ơi, nếu như ngân hàng họ nâng lãi suất cao hơn, chú đã tính tới khoản này chưa?

Nghe thằng cháu nói vậy, ông chú nghệt mặt ra:

- Ủ nhỉ! Sao tao chưa nghĩ tới.

Và ông sung sướng như bắt được vàng, nhờ thằng cháu mà ông phát hiện ra một khoản lớn sẽ có. Vội vàng lấy bàn tính, giấy bút, ông tính tính toán toán. Nhìn vẻ sung sướng của ông, tôi đâm băn khoăn: Một người từng bao lần vào sinh ra tử, chỉ vì khoản tiền lãi giả định của thằng cháu trong mười năm tới, mà sung sướng vậy sao? Đồng tiền có sức mạnh thật đấy.

Cuối năm 1949, đang trong thời kỳ căng thẳng của cuộc kháng chiến chống Pháp, ba anh em ông, gồm cha tôi là anh lớn, ông và người em trai, dắt díu nhau định vượt sông Hồng tòng quân đánh giặc.

Không rõ vì lý do gì, cha tôi và chú em quay lại, chỉ có ông đi thoát.

Ông an toàn vượt qua cuộc chiến tranh. Bao lần xông pha, bom rơi đạn lạc, ông chỉ bị một viên đạn bắt xướt qua mông, làm đổ tý máu. Do có sức khỏe, ông được tuyển vào không quân và được đào tạo lái máy bay tại Trung Quốc.

Tết Mậu Thân Sáu tám, để phối hợp với lực lượng nổi dậy, không quân Việt Nam tổ chức đợt không kích vào một số cứ điểm ở thành phố Huế và tiếp tế cho bộ đội khu vực xung quanh. Ông là một trong những quân nhân được tuyển lựa trong nhóm cảm tử quân ấy. Hỏi tại sao có tấm ảnh treo tại Bảo tàng Phòng không không quân ở đường Trường Chinh, ông giải thích:

Máy bay được dùng là loại vận tải IL-14, cải tiến thành máy bay tấn

công và đổi tên là T.14. Lực lượng chuẩn bị gồm 6 tổ, với ba mươi sỹ quan, chiến sỹ, mỗi tổ năm người trên một máy bay. Máy bay cất cánh từ sân bay Gia Lâm vào lúc chiều muộn. Để bảo đảm bí mật, khi cất cánh, ta chỉ dùng pháo hiệu, không dùng điện đài. Đưa máy bay cánh quạt vào sào huyết địch ở cự ly năm trăm cây số, không có ra đũa dẫn đường và đài chỉ huy dưới đất, chưa kể ba tàu sân bay của Mỹ, hệ thống ra đũa rà soát cực mạnh, cùng hệ thống phòng không của địch dưới đất, là nhiệm vụ cực kỳ nguy hiểm.

Nhưng người tham gia thực sự là những cảm tử quân. Trước khi lên máy bay, đơn vị tổ chức nghi thức mặc niệm, đọc lời thề cảm tử và chụp hình lưu niệm. Chuyến xuất kích đầu tiên vào ngày mùng bảy tháng hai, cả sáu tổ đều xuất kích. Điểm tập kích là đồn Mang Cá, thành phố Huế. Xác định xong mục tiêu, máy bay chú chúc xuống đến độ cao bốn trăm mét, thì cất bom. Lần tấn công thứ hai, thì chúc xuống đến độ cao hai trăm mét, mới cất bom. Bay trong vùng địch, nhất là lúc lao xuống tấn công, đạn địch ở dưới bắn lên dữ dội. Trên đường trở về, máy bay ta bay là là, không bật đèn. Lúc quay về, chú quay đầu lại nhìn, thấy đèn của máy bay địch trên cao đang săn đuổi. Hôm đó bốn máy bay trở ra sân bay Gia Lâm an toàn, một chiếc phải hạ cánh bắt buộc xuống Thọ Xuân, còn một chiếc hy sinh.

Ngày mười một tháng hai, ta lại tổ chức chuyến xuất kích thứ hai, gồm một máy bay. Chú cũng tham gia đợt này. Khi ném bom xong, máy bay của ta quay ra. Do máy bay ta tốc độ chậm quá, chỉ hơn ba trăm cây, còn máy bay giặc tốc độ gấp rưỡi, gấp đôi, chúng rượt đuổi tới tận Phủ Lý. Nhờ máy bay MIC của ta lên trợ chiến, máy bay chú mới hạ cánh an toàn.

Tối mười hai có ba máy bay xuất kích. Hôm ấy không có máy bay nào trở về. Đợt ấy có hai mươi chiến sỹ hy sinh.

Sau đó ông chú tôi lại được phân công bay tiếp. Đến lần này, ông phản đối. Lý lẽ đưa ra là: “Không phải tôi thoái thác nhiệm vụ. Tôi tham gia lần bay thứ hai rồi. Bây giờ, cứ luân phiên cho đều. Hết lượt, sau đó tôi bay tiếp.

Chẳng còn đến cái lần bay thứ ba, máy bay và phi công ta đã vẫn. Sau chiến dịch này, ông được nhận Huân chương Quân công hạng ba.

Chú tôi còn kể tên những người trong bức ảnh treo tại nhà Truyền thống quân chủng là các chiến sỹ và sỹ quan: Sen, Sửu, Trung, Quý và ông. Còn một người nữa, ông không nhớ rõ.

Ông bình phẩm rằng: Lúc bình thường, thì mấy ông chính trị suốt ngày lên lớp về lòng yêu nước, sự hy sinh, tinh thần chiến đấu,



nhưng vào những ngày đoàn bay bị thiệt hại nặng nề, trước lúc xuất kích, chẳng thấy bóng vía ông nào ra động viên tinh thần anh em. Họ sợ, anh em mà choảng cho một câu, các ông có xuất kích đâu,.... Có lần trước giờ xuất kích, ông là dân kỹ thuật, phải đứng ra động viên anh em. Ông thì động viên được, bởi chính ông từng tham gia rồi.

Khi tìm kiếm trên mạng, thấy dư luận phương Tây bình phẩm, họ cho rằng, không có hoạt động chi viện của không quân Bắc Việt năm Mậu Thân Sáu tám. Máy bay ta lạc hậu, tốc độ chậm, làm sao có thể hoạt động được trong vùng kiểm soát của lực lượng không quân Hoa Kỳ hùng hậu, hiện đại và hệ thống ra đa dày đặc. Đó là lý lẽ của họ. Còn về phía ta, dịp ấy tuyệt đối bí mật, nay bằng chứng lấy ở đâu? Ông chú tôi, một thành viên từng tham gia, giờ đã mất rồi. Giá mà hỏi ấy, tôi dùng máy cát sét ghi lại lời ông, đem ra làm bằng, thì anh phương Tây cứng lưỡi.

Có dịp vào thành phố Huế, tôi hay thần thơ ở khu vực đồn Mang Cá, địa danh mà ông chú tôi kể, đây là một trong những mục tiêu ông từng bay tới làm nhiệm vụ. Tôi cứ hy vọng, biết đâu đây, sẽ tìm thấy một cái biển, trên biển đề: Không quân Việt Nam từng chiến đấu tại vùng trời nơi đây, năm Mậu Thân 1968. Tôi chẳng tìm thấy đâu. Có lẽ không ai biết, hay biết, nhưng lâu quá, quên hết mất rồi?

Cũng về ông chú phi công, có chuyện liên quan tới nhà báo quân đội nổi tiếng, đại tá Bùi Đình. Năm đó, báo Hà Nội mới hợp cộng tác viên. Sau cuộc gặp mặt, khi xuống tới sân toà soạn, tôi chào bậc nhà báo cha chú:

- Chào chú! Cháu là phóng viên Đài. Cháu vừa đọc nội dung cuộc phỏng vấn của chú mới thực hiện với phi công Nguyễn Văn Kính và xem tấm hình ông ấy đăng trên báo. Ông ấy là chú ruột cháu đấy. Thay mặt gia đình, cháu xin rất cảm ơn chú!

Nhà báo Bùi Đình cảm động lắm, nắm chặt tay tôi, lắc lắc:

- Thế à! Cậu là cháu ruột ông ấy?

- Vâng ạ! Nhưng thưa chú, ... ông ấy cầm khẩu, liệt giường gần một năm và mất lâu lắm rồi ạ!

## **Bụi vết tháng năm**

### **CHƯƠNG II - 12**

#### **Phản động thì sao**

Bà nội tôi có bảy trai và một gái, trong đó có ba con trai tham gia chống Pháp và đánh Mỹ. Hai con trai chống Pháp, người tòng quân cuối năm 1949, người cuối năm 1950. Ông chú nhập ngũ sau tên là Cường, vào năm 1952, từ chợ Hưng có lá thư nhắn về nhà. Khi bà nội tôi tới nơi, đơn vị đã hành quân đi rồi. Bốn người trong làng nhập ngũ cùng lúa, sau chỉ có một trở về, ba người còn lại biệt tăm. Sau có tin đồn, họ đã hy sinh. Bà nội tôi vẫn hy vọng...

Hoà bình Năm tư không thấy con trai về. Mọi người trong nhà nghĩ, hay ông vào Nam đánh Mỹ. Có lúc sốt ruột, bà tôi sai các con lên xã, lên huyện hỏi. Chính quyền trả lời: chưa rõ. Đợi mãi, bà lại giục thư từ lên Trung ương,... Không thấy hồi âm. Hỏi mãi, hỏi nhiều quá, có lần đích thân bà tôi lên, một ông chính quyền giải thích: Bây giờ chưa rõ con bà thế nào. Phải thận trọng! Nếu không, công nhận con bà là liệt sỹ, nhớ ra sau này, phản động, theo địch thì sao?

Uất quá, bà quát thẳng vào mặt cái ông cán bộ kia: Ông bảo con tôi theo giặc à? Ông kia hoảng quá, linh mất. Về nhà, cụ vẫn còn tức. Con trai mình tòng quân đánh giặc, cả làng, cả xã biết, thế mà người ta bảo, phản động. Giải phóng miền Nam Bảy lăm, vẫn không thấy chú tôi về. Mãi đến năm 1982, ông mới được công nhận là liệt sỹ. Lúc này thì bà nội tôi già quá mất rồi. Một lần tôi về thăm, bà cười, chỉ cái Bảng vàng và khoe với thằng cháu: Nhà mình được ông Ủy ban cho cái giấy, đẹp lắm. Để trên bàn thờ kia kìa. Mà lại mà xem. Nhớ thắp nén hương cho chú mày nhá!

Bà ơi! Đây là Bảng vàng Tổ quốc ghi công của chú cháu. Một núm ruột của bà. Đâu phải tờ giấy đẹp. Bà tôi quá già, lẫn thần mất rồi ư, hay trông chờ quá lâu, nỗi đau không còn nữa?

Học xong lớp bảy, ông chú út tôi, tên là Bảy, tình nguyện tòng quân đánh Mỹ. Nhà có hai anh trai đã nhập ngũ, ông thuốc diện được miễn thực hiện nghĩa vụ quân sự. Ông nhập ngũ năm 1965. Những năm chiến tranh ác liệt, thỉnh thoảng nhà nhận được thư ông. Là học sinh giỏi văn, những lá thư từ tiền tuyến gửi về hậu phương, đều thấm đẫm nước mắt nhớ thương mẹ già. Sau ngày giải phóng Bảy lăm, cả nhà vui mừng đón ông về thăm quê. Dịp về ấy, ông kịp xây dựng gia đình và để lại cho cô vợ trẻ đứa con trai.

Lúc chú út về, bà nội tôi chẳng tỏ rõ mừng vui, hay dửng dưng. Chờ đợi lâu quá chẳng, hay thặng trầm cuộc đời, bà chẳng còn gì để hờn hờ nữa? Những ngày về phép, chú tôi tụ tập ở đâu ra rất đông bạn bè, toàn những đồng đội vào sống ra chết ở chiến trường miền Nam. Đồng đội kể với giọng thán phục về ông: Lăn lộn khắp chiến trường

miền Tây, vùng biên giới Campuchia, ông là người gan dạ, đánh trận lỳ lẫm.... Có gan dạ, ngoan cường, ông mới được kết nạp Đảng ngay nơi trận mạc, mới được phụ trách trinh sát trung đoàn, như dòng chữ ghi trong tờ giấy giới thiệu nghỉ phép của ông.

Một tuần, hai tuần, ba tuần, nhà bà nội tôi vẫn thấy đồng đội của ông tụ tập. Nhà có con lợn giết ăn mừng, rồi đàn gà thịt sạch, gạo trong thùng xúc đến hạt cuối cùng, vẫn tiếp tục đồng khách. Đồng đội của ông vẫn tụ tập. Chỉ thấy họ về nhà vài hôm, rồi lại đến. Trong một bữa, khi mở lồng bàn ra, nhìn có đĩa rau và mấy bát khoai tây, chú út tôi thì thào hỏi chị gái, cơm tiếp khách thế này sao? Bà chị gái thấp giọng:

- Nhà hết gạo rồi. Phải bỏ khoai tây giống từ giàn xuống đây! Đến nước này ư? Chú tôi tưởng chỉ nhà mấy đồng đội gặp cảnh khó khăn, phải tá túc ở đây, đến nhà mình, dân buôn bán, cũng rơi vào cảnh này? Chú tôi đành xa xôi với các đồng đội. Cuối cùng, họ hẹn nhau ngày trở lại đơn vị.

Năm 1978, ta lại có giặc phía Tây Nam. Những người lính như chú tôi đất nước đang cần, cầm súng tiếp tục đi đánh giặc. Tin về ông thỉnh thoảng vọng về quê: ông tham gia lực lượng quân quản ở Phnôm-pênh, ông trong tiểu đoàn bảo vệ tuyến đường từ thủ đô nước bạn về biên giới Tây Ninh,... Rồi chiến tranh Tây Nam tạm yên, không thấy ông về. Ông sợ cảnh đói ở quê, không về ư? Tin về ông cắt quãng, cứ vài năm, bà vợ ở quê lại nhận được một bức thư thăm đấm tình cảm nhớ thương của chồng.

Người vợ quê, có chồng mà như không. Hơn chục năm trời thân nữ thui thui một mình nuôi con, bà không chính chuyên được nữa, tự mình sinh ra đứa con gái.

Chồng mãi không về, vừa kiếm thêm được đứa con, thì lại thấy chồng về, về bất chợt như ngày ông đi. Hoàn cảnh trở trêu! Ông về mà không ruộng rẫy vợ con, còn lủi củi đưa cái gia đình phức tạp ấy vào Nam, đến vùng đất biên giới huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp. Anh em đồng đội và những cơ sở chiến trường năm xưa cứu mang ông, họ dựng giúp gia đình một túp nửa lều, nửa nhà, nằm ngấp nghé bên con rạch. Ông sống và nuôi gia đình bằng nghề nuôi vịt thả đồng thuê và phá hoang vùng Đồng Tháp Mười.

Bao năm chinh chiến vùng sông nước miền Tây, sống cùng dân Nam bộ, tính cách Anh Hai thấm đậm vào ông, cứ ngang tàng sống.

Không hộ khẩu, không giấy chứng minh, ông và vợ con thành người vô thừa nhận.

Năm 1993 có tin ông bị bệnh nặng. Anh trai tôi, lúc này đã chuyển

vào sống ở thành phố Hồ Chí Minh, cùng cậu em họ, phi xe máy quãng đường năm trăm cây số xuống thăm chú. Người ông nhỏ thó, chỉ có cái bụng to kèn. Người ta bảo, gan bị báng. Nghèo túng, không tiền đi viện, vợ con chỉ còn cách đưa ông tới một nhà thờ trong vùng. Ở đây, nhà thờ họ có khoản bố thí chữa bệnh cho kẻ khó. Rồi ông nhập đạo, trước lúc mất, được nhà thờ làm lễ rửa tội. Ông ra đi vào ngày 11 tháng 3 năm Quý Dậu. Sau này hài cốt được đưa về táng ở xứ đạo khu Long Bình, Biên Hoà. Trên nấm mồ ông có cây thập ác.

Thôi, cũng chút nào an ủi một kiếp người ngang dọc. Bao ước mơ, chí hướng, giờ trong vòng tay che chở của Chúa.

## **Bụi vết tháng năm**

### **CHƯƠNG II - 13**

#### **Ngõ quê**

Ngày bé, cứ dịp tết hay hè tôi náo nức về quê. Ngõ xóm quanh co trước nhà bà nội là nơi tôi cùng lũ trẻ ẩn tìm, trèo rào, vùi cây và bao trò chơi khác. Ngõ hẹp và sâu hút. Đường gạch vĩa nghiêng nghiêng. Hai bên chỗ tường đất, chỗ bờ rào duỗi rậm rịt, hay dải cúc tần hăng hắc. Có nhà lại trồng râm bụt, thấp thoáng những bông hoa chót đỏ. Về làng, từ xa tôi đã thấy cây gạo bóng cao vút, đờ ỏi hoa. Làng có câu:

*Đầu làng cây gạo*

*Cuối làng cây đa*

*Con gái làng ta*

*Như hoa thiên lý.*

Từ đường cái vào làng có hai trụ gạch sừng sững, người ta gọi ấy là cổng làng. Bà tôi bảo, trước cổng làng to lắm, có mái, phía trên đắp nổi mấy chữ Nho, nay cổng làng sót lại là hai cái trụ gạch đấy. Cổng làng có cánh cửa lim to dày, đêm đêm đóng lại phòng cướp. Tôi ngây thơ hỏi: Đóng cổng lại kẻ cướp vòng qua bên cạnh vào thì sao - đấy

là cánh đồng và những bờ rào lúp xúp sát ngay bên trụ gạch.

Bà cười bảo: Ngày trước, làng không trồng tềnh, trồng toàng như bây giờ, mà có luỹ tre dày trồng trên bờ đất bao quanh, đến đạn Tây bắc còn không xuyên nổi. Tôi không hình dung được luỹ tre và bờ đất dày đến cỡ nào mà đạn cối Tây bắc không qua, nên cứ ngạc nhiên mãi cái cổng làng phòng cướp...

Cổng làng như vậy, nhưng cổng của ngõ xóm nhà bà nội tôi lại còn khá nguyên vẹn. Cổng tường xây dày đến ba, bốn mươi phân. Trên là vòm xây khum cong cong.

Ngay đoạn đường làng rẽ vào ngõ nhà bà nội tôi, phía trên nhìn thấy mấy chữ Nho đắp nổi, to bằng cái bát ô tô. Chỉ còn mấy cụ cao niên trong làng là đọc được. Đây là chữ ghi lại năm xây dựng cổng. Nghe nói xây từ đời vua Tự Đức. Đôi cánh cổng lim dày, vẫn còn đóng ra khép vào được. Lốp gạch hai bên bị xe cải tiến va quệt và trâu, bò qua lại gõ sừng, làm vệt lõm, trơ ra mạch vữa và những hàng gạch mỏng quệt.

Người ta bảo ngày trước vữa xây bằng mật mía, muối và vôi cát đánh nhuyễn; còn gạch dùng rơm rạ đốt. Cứ phân vân, cổng ngõ to lớn thế, phải tốn nhiều mật mía để xây và rơm rạ đốt gạch lắm. Thảo nào, bao năm, vữa xây còn bền, gạch thì không phồng, mà mỏng đều và một màu gan gà, trơ trơ trước thời gian, cùng mưa nắng.

Làng tôi đường đất, duy nhất con đường ngõ nhà bà nội tôi là vĩa gạch nghiêng nghiêng. Quãng giữa ngõ, có cái bệ thờ. Không hiểu sao tôi lại nhớ như in cái bệ thờ đó. Nó bé nhỏ, khiêm nhường, không mái, nằm hơi lồi cao trên khúc tường đất. Bát hương trong bệ thờ bao giờ cũng có cụm chân hương. Chân hương, cái thì màu phẩm đỏ tươi, cái lâu ngày xỉn thẫm. Bà tôi gọi là thờ hậu và bà kể:

Trước ở làng có những người mua hậu - tức là nộp tiền, hiến ruộng cho làng, cho chùa để làm một công trình nào đó. Thường là những nhà ấy không có con trai, mua hậu, sau này họ mất đi, được làng xã hương khói, cúng giỗ. Trước tiên họ phải bỏ một số tiền nộp lệ cho làng, cho chùa, cho bản tộc làm công trình, sau đó hiến một số ruộng để làng xã lấy hoa lợi cúng giỗ. Hậu có hậu làng, hậu xóm, hậu chùa,... Ngõ nhà bà nội tôi trước có gia đình không con cái, ông bà

mua hậu ở chùa, ở đình và còn mua hậu ngõ bằng con đường gạch.

Chuyện mua hậu con đường gạch của gia đình ấy mất nhiều công sức và cũng cầu kỳ lắm, phải bao lần lên xuống, làng và dân xóm mới đồng ý. Chỉ riêng khâu cuối cùng là việc xây dựng đã rất nhiều khê. Gạch đặt trước, rồi chọn lựa từng viên. Xem xét, chọn lựa mãi qua mấy ông thầy, mới được ngày, giờ tốt khởi công. Công trình xây dựng rất kỹ. Trước hết người ta san phẳng phiu nền ngõ, rồi rải một lớp ba ta vữa, sau lát một lớp gạch nằm, tiếp đó lại một lớp ba ta vữa và trên cùng vỉa gạch nghiêng.

Công trình cẩn thận như vậy, trước đây lại chỉ độc người đi bộ, cùng trâu bò gia súc, chứ không công nông, xe máy như bây giờ, nên trải qua mấy mươi năm, nó vẫn tốt nguyên. Thế nên sau khi ông bà già mua hậu mất, đã thành lệ, hàng năm vào lúc trước giao thừa cúng thổ công, cúng gia tiên, dân ngõ ra bệ thờ dâng đĩa hoa, thắp nén hương, khấn người mua hậu ngõ con đường.

Tuổi thơ, mỗi dịp về quê, đi qua bệ thờ, tôi thấy sờ sợ, nhưng vẫn lăm lét nhìn vào, rồi rảo cẳng bước nhanh. Tôi cứ tưởng tượng ấy là nơi ma quỷ trú ngụ. Sau này lớn về quê, nhớ chuyện xưa, qua bệ thờ, tôi lại bâng khuâng nghĩ về tuổi thơ, dừng lại thành kính thắp nén nhang, cúi đầu làm rằm khấn tiên nhân. Nhìn làn hương mong manh, mà nghĩ về thời gian trôi, nghĩ về một tập tục, nét văn hoá chốn quê.

Giờ quê tôi đường làng mở rộng, đổ bê tông. Con đường ngõ nhà bà nội tôi cũng bê tông phẳng phiu. Nền đường tôn cao, làm cổng ngõ thấp xuống, vương chắn tầm cao người qua lại, nên nó bị dỡ bỏ. Còn gạch vỉa đường, trước nhà nào, nhà ấy khuân về, mỗi nhà được dăm chục, một trăm viên. Khuân về, nhưng ít ai biết gạch ấy nguồn gốc do đâu. Bà nội tôi sai xếp thành đống ngay ngắn trong sân và bà lại kể câu chuyện mua hậu con đường xưa... Bà nội tôi nay cũng theo ông, bà già mua hậu kia về nơi chín suối.

Trước hai bên ngõ là bờ duối, hay rặng cúc tần, râm bụt, người ta còn để đất rộng, nay tường gạch, nên nhà nào nhà ấy đều xây sát đất. Tường cao vượt cả tầm nhìn. Nhà nào cũng một cổng xây, cánh cửa sắt ra vào tiếng đẩy ken két.

Đâu rồi giậu râm bụi điểm hoa phớt đỏ, bờ duối lấm tấm quả vàng.  
Bâng khuâng tôi dỗi tìm bệ thờ mua hậu xưa mà không rõ là đâu.

## Bụi vết thán năm

### CHƯƠNG II - 14

#### Ghen với ma

Bà nội tôi đồng anh em, có tới ông em thứ mười một. Bà em gái gần áp út xinh xẻo, lại có tiền. Bà này tính khí càn cao. Lúc tuổi xuân, bà vất vả, mãi chẳng ưng ai. Tý nữa thành gái già. May mà bà lấy được chồng, chỉ tội lấy được vài năm, ông chồng vội vã ra đi. Bà đành đi bước nữa, làm lẽ nhà người. Là tính khí rồi, dù cảnh lẽ mọn, bà vẫn rất bắc bạc.

Ông chồng mà bà làm lẽ thuộc hàng danh giá, cụ Chánh. Ngày cưới của bà, tuy không đến mức năm, bảy cái lọng đón dâu, như bà thách trước đây, nhưng đám cưới vẫn diệu vợ, và rất xôm trò. Lấy chánh tổng, bà nghiễm nhiên thành bà chánh, nên tên bà thành bà Chánh.

Chuyện thành bà goá của bà cũng thật ly kỳ. Làm lẽ, mà bà không chịu phận lẽ, vẫn cứ tai ngược, đành hanh, định át cả người. Vợ phải bà cả không phải tay vừa. Vậy là nhà cửa không lúc nào yên. Lúc tiếng bắc cửa bà cả, lúc tiếng chì cửa bà hai, ông Chánh không làm sao chịu được.

Giải pháp ông áp dụng là sau một trận đấu khẩu chí chết của hai bà vợ kia, ông đem luôn cửa quý của mình ra... xẻo. Người nhà vội khiêng ông ra nhà thương tỉnh lỵ Hưng Yên. Đem tới nhà thương, cái chặn bông lót cho ông nằm trong võng, máu ướm đầm dề. Rất may, vết cắt nhẹ tay, các đốc tờ còn cứu kịp.

Tưởng đã xong, các bà từ rày chừa, đồ ai dám ghen nhau nữa. Thế mà hai bà vẫn chưa chừa, lại vẫn tiếng bắc tiếng chì tiếp tục. Đến nước này, dù trong thời kỳ dưỡng thương, không còn chịu nổi, ông Chánh nghiêng răng, cắt tiết cái cửa quý của mình đi. Lần này, chẳng ông đốc tờ nào cứu được ông nữa. Từ ấy, hai bà Chánh thành hai bà Chánh goá.

Đã bảo tính bà vốn bắc bạc, không chỉ với bà cả, với ông chánh, mà đến đứa con gái duy nhất do bà sinh ra, bà cũng không khoan nhượng. Năm ấy, vào quãng đầu năm sáu mươi, bà đã chuyển ra sống ở thị xã Hải Dương. Lúc này bà tuổi ngoài năm mươi.

Do mẹ con xích mích gì đó, bà làm đơn ra toà từ con. Đây là phiên xử đặc biệt của toà án thị xã Hải Dương, mẹ từ con. Dù không muốn, toà vẫn phải xử. Trong phiên toà, con gái khóc hết nước mắt, bà vẫn không tha. Sau khi từ con bà rời đến một phố thị giáp đất Hải Phòng, sống một mình. Nhiều năm sau, người con gái này mấy đặn đến tận nhà xin mẹ. Đứng thủ tục, bà mời mấy người họ hàng đến chứng kiến và ra vườn, bẻ tàu lá chuối, đem vào lót tay, dặt cô con gái ra khỏi nhà.

Mỗi người một tính, một phận. Khi nhắm mắt, bà có cửa, chỉ tội chết trong cô quạnh. Chắc số bà là số trời hành.

Bà nội tôi có số hầu Thánh, không còn đèn, miếu nào quanh vùng là chưa tới. Tại nhà, bà lập hẳn một ngôi điện thờ và bao một ban châu vãn. Ngoài hầu đồng ở đền nọ miếu kia, hàng tháng bà còn tổ chức một buổi hầu Thánh tại gia. Nhà đông con, nhiều cháu, với điện thờ ấy, chỉ những đứa con trai, cháu trai nào chưa vợ, bà mới cho phép vào thấp hương điện Thánh.

Cái tính thích hầu bóng của bà, không ai ngăn cản được, kể cả ông nội tôi. Mà nhà lắm tiền, nhiều cửa thế, không hầu bóng, thì còn trò giải trí gì? Ông nội tôi nửa đùa, nửa thật: Thôi, nhờ hầu đồng, mỗi tháng, cả nhà có bữa cỗ. Bà tôi thích nhảy đồng, chắc như mấy bà hiện nay đi nhảy đầm cho khoẻ và giữ eo ấy.

Ban cung vãn có mấy ông gảy đàn và một người hát. Nhờ cái điện thờ của bà tôi và cùng bà đi hầu hết đền nọ miếu kia, họ cũng kiếm được. Có chuyện vui rằng, vào một đêm hầu, trước đó buổi chiều, nhà tưng bừng cỗ cúng rượu thịt. Mấy ông chú tôi lúc đó còn trẻ con, âm mưu trước, bày ra một trò. Đám trẻ bí mật hái lá thị, thái ra phơi, rồi trộn vào thuốc Lào. Sau bữa rượu thịt thoả thuê, mấy ông châu vãn quây quần quanh chiếu nước, rít thuốc Lào. Có ông bảo, thuốc sao nhàn nhạt, ngai ngái. Chê thì chê, mỗi ông cũng làm dăm điếu.

Giờ hầu Thánh tới. Giá hầu Cô Bé Thượng Ngàn:

Cô bé về đồng

Cô chít khăn xanh

Cô bận áo lục

Bà nội tôi khăn châu áo ngự, múa lượn trước ban thờ. Mấy ông ban cung vãn đàn hát hăng hái. Tiếng đàn thánh thót, tiếng hát bổng trầm. Trong lúc bà đồng thánh nhập, nhảy tênh tếch, thì mấy con nhang để tử, các bạn đồng ngồi gần các ông cung vãn cứ giã, giã ra. Ánh mắt họ nhìn cánh cung vãn khang khác.

Dù hương khói thơm ngát, vẫn không át được mùi thoang thoang... thối. Ai để ý còn thỉnh thoảng nghe thấy sấm dậy trời Nam... Chỉ đến



khi có tiếng bùm rồ to, đám trẻ không nhịn được, phá lên cười, chạy tán loạn ra sân, làm cánh cung vãn ngừng đàn đánh khự. Bà nội tôi đang lúc thánh nhập, cũng phải chùng mặt, nhìn quanh. Cảnh ấy làm hai người hầu dưng luống cuống.

Bận ấy bà nội tôi tra tìm, rồi biết được nguyên nhân. Từ đấy, bà cấm tiệt đám trẻ con không được mon men vào những đêm hầu thánh nữa. Cái điện thờ và tính thích hầu bóng của bà nội tôi còn kéo dài mãi tới năm bốn chín, thì điện thờ bị giặc Tây đốt trụ. Từ đấy, tuyệt không thấy bà nhắc tới việc hầu bóng nữa. Ngay dịp giỗ chạp, cũng không bao giờ thấy bà thắp hương, khấn vái. Nhưng lệ chọn người khấn lễ, bà vẫn giữ, chỉ những đứa trai chưa vợ, bà mới cho phép vào khấn khứa các cụ.

Mê hầu đồng, nhưng bà nội tôi tính không đồng bóng, mà cương cường, hầu như chả biết sợ hãi ai. Năm Cải cách ruộng đất, trong khi xóm làng náo loạn, nhà nhà thin thít co mình lại mà sống. Nhà bà nội tôi thuộc loại có máu mặt, có cửa ăn cửa để. Riêng về khoản ruộng vườn, thì nhà chỉ có mấy sào. Năm 1939, trận lũ bão đã cướp hết gỗ nửa, tre pheo, hàng hoá buôn bè của gia đình. Tiếp đó ông nội tôi vướng phải một vài vụ kinh doanh thua lỗ, ông đâm chán, sa vào cờ bạc. Bao nhiêu ruộng vườn, các trận đổ đen, ông nương sạch. Đến khi Cải cách, lại hoá may.

Dịp Cải cách, làng xóm cứ tối tối dân làng tập trung đi họp. Đêm đêm xóm làng vắng tanh. Ai có việc gì thật cần thiết mới ra đường. Có chăng, đường làng chỉ còn mấy ông đội Cải cách, hay đám râu, rẽ, lảng vảng đi thăm dò, nhòm ngó nhà những đối tượng đang chuẩn bị đấu tố.

Có một ông đội, một tối lảng vảng quanh bờ rào nhà bà tôi. Biết rõ là vậy, bà vẫn điềm nhiên đứng trong sân, cầm hòn đất ném ra. Tay ném, miệng bà còn chửi ra chửi, chớ má nhà ai, đêm hôm còn đến nhòm ngó nhà bà. May là ở xã ấy, phụ trách đội là một người có học, không thì gia đình bà nội tôi bị vạ lớn. Anh đội này, sau mấy tháng ở xã bà nội tôi, không quy đủ được tỷ lệ địa chủ như chỉ tiêu trên giao, bị điều đi nơi khác.

Bà là người cứng vía. Một lần mẹ tôi và bà đi chợ bán hàng. Ngày ấy người chạy chợ thường đi rất sớm, quãng gà gáy canh hai, canh ba, họ đã quẩy gánh hàng lên đường. Hôm ấy bà và mẹ tôi đi được một chặng khá xa, đến mươi cây số. Trời vẫn tối. Hàng nặng, hai mẹ con thấm mệt, dừng lại nghỉ.

Chỗ ngồi nghỉ giáp ngay cây cầu. Lúc đi thì chỉ chú ý đến mặt đường, tránh giẫm vào đá, hay bước vào ổ gà, bà và mẹ tôi không mấy khi

chú ý hai bên đường. Mẹ tôi đặt đòn gánh xuống đường làm đoạn kê để ngồi. Vừa cầm nón quạt quạt, mẹ tôi vừa ngó nhìn sang bên đường. Dưới ánh trăng lơ nhờ, mẹ tôi thấy một hàng cọc và hình như... Không tin nổi mắt mình, những cái đầu lâu cắm trên đầu cọc. Mẹ tôi hốt hoảng hét lên, nháo nhào chạy.

Có lẽ chỉ đến khi nghe con dâu la hét, bà nội tôi mới kịp ngó sang nhìn dãy đầu lâu cắm la liệt hai bên đường. Bà thản nhiên đứng lên, gánh gánh hàng đi một quãng tiếp và còn quay lại, gánh tiếp gánh hàng do cô con dâu bỏ lại. Mẹ tôi sợ phát ốm, nghĩ mấy phiên chợ. Bà nội tôi đồ rằng, đấy là đầu việt gian, mấy ông Việt Minh giết, cũng có thể là đầu Việt Minh, lính Tây chặt.

Với bà, nhân gian là sự hoà trộn giữa thế giới thần linh, ma quỷ và con người. Bà là người vui chuyện. Mỗi dịp về quê, bà kể với tôi, thằng cháu nội, đủ điều. Trong những câu chuyện của bà, không rõ đâu là thế giới thực, đâu là thế giới hư vô. Một câu chuyện ma bà kể, tôi còn nhớ:

Ở bến đò giáp khu trại của bà nội tôi có mấy con ma: con ma cây gạo, sát bờ sông; con ma cây thị, giữa vườn; con ma cây chay... Con ma cây thị tóc nó.... dài. Những đêm trở giờ, con ma này hay lẩn quẩn trước sân nhà bà. Nó thích nghe đàn bầu và lầy Kiều. Một hôm, vào tối sáng trăng, ông nội tôi đem đàn bầu ra sân gảy, ông ngâm nga câu Kiều. Bà nội tôi ngồi sắp gánh hàng cho buổi chợ sớm hôm sau. Bà kể:

- Mới đầu tao thấy nó ngồi ở cuối sân. Sau nghe say quá, nó sán sát ông nội mày. Nó còn xoắn tóc ra.

- Thế ông nội biết không?

- Biết chứ. Tao tức mình đứng lên, hậm hực mấy cái. Thế mà nó không sợ. Đến đận tao phải ra tận nơi, nó mới bỏ đi.

- Sao bà đuổi nó. Có phải nó sán đến gần ông quá, bà ghen?

Bà cười hềnh hếch:

- Tao mà thèm ghen với ma!

Cụ bảo không ghen, nhưng tôi biết chắc, bà nội tôi có tính ghen.

Ông nội tôi có người em trai, mỗi khi em trai tới chơi nhà, chiều chiều anh em khăn xếp ô Tàu, dắt nhau lên phố phủ tom chát, như ta bây giờ ta rủ nhau đi hát karaoke vậy. Tôi hỏi bà cô:

- Thế các bà không nói gì à?

Cô tôi cười:

- Các bà dám!

Bà thoáng như vậy, nhưng chồng muốn lẽ mọn thì cương quyết không nghe.

Ông nội tôi số đào hoa. Ngoài các con chính thức, ông còn mấy người con riêng nữa. Người phụ nữ mà cụ dan díu, nhà ở bên đò bên kia sông, trông sang nhà cụ bên này sông. Có lẽ để cho canh ngọt, cơm sôi, ông nội tôi không dám ra mặt nhận. Người lớn không chính thức, con cái ai còn dám. Sau này lớn, họ vẫn gặp gỡ, thậm chí có ông chú ruột tôi còn công tác với một trong những người kia, thế mà không bên nào dám nhận bên nào.

Năm bà nội tôi ngoài tám mươi, gia đình tổ chức xây cất, quản tụ phần mồ mả cho các cụ, trong đó có mộ phần của ông nội tôi. Nghĩ rằng đây là dịp cuối cùng con cái thực hiện bổn phận thiêng liêng trước tiên nhân, các chú tôi xin phép mẹ, tức bà nội tôi, thông báo cho mấy “người kia” biết. Vừa nghe, bà cụ ngoài tám mươi đã quắc mắt:

- Không phải mời thằng nào, con nào.

Ô kia, bà cụ già lụ khụ, vẫn còn ghen!

Khi bà đã yếu, tính tình đổi khác, cứ làm lì ngòi một chỗ. Có lần bà lằm bằm, cô con dâu cả làm dâu cỡ đến năm chục năm rồi. Bác về làm dâu khoảng năm 1940, vài ba năm sau thì chồng mất, bác ở vậy nuôi con, phụng dưỡng mẹ chồng.

Ông chú hiệu trưởng định đưa bà lên Hà Nội, nhưng chưa có cách nào thuyết phục được. Nói, bà im lặng, ra chiều không đồng ý. Hay bà lằm thẩn mắt rồi, chú tôi nghĩ vậy. Một lần chú tụ tập anh em, con cháu. Sau một hồi phân tích và thuyết phục, ông cao giọng:

- Bà mà không đi, tôi báo dân quân, du kích nó đến bắt bà!

Anh con trai chưa nói hết câu, bà cụ đã đốp lại luôn:

- Nhà tao, tao ở. Thằng nào, con nào dám bắt tao!

Ồ, hoá ra bà già chưa lằm bằm. Con cháu ồ lên cười.

Khi bà đi gặp ông, tiễn đưa bà có anh em, con cháu và rất đông dân làng.

## **Bụi vết tháng năm**

### **CHƯƠNG II - 15** **Tranh khoả thân**

Tôi sinh năm Mậu Tuất, tuổi chó, năm 1958. Tuổi Tuất bảo là trung thành, đàng này lại là chó càn, phản chủ, cắn lẳng nhặng. Tính theo tuổi âm, năm nay tôi năm mươi tuổi. Ngũ thập nhi chi thiên

mệnh, tức là tuổi biết quy luật của trời đất.

Cô thư ký Linh Phi ở Ban tôi nhận xét hình dong khá đúng về tôi: Người lẻo khoẻo, đi thì dúm trước, mặt gầy tóp không má, số ông này vất vả. Vất vả thì tôi chưa thấy, chỉ biết lắm việc, trưa làm đến mười rưỡi, chữa được đi uống rượu. Chiều, uống đến ba giờ về, đã thấy một đồng việc chờ...

Tôi xấu máu, tóc bạc sớm, hồi sinh viên đã bạc rồi. Sau nờ có thuốc nhuộm nó thành ra trẻ. Nhuộm mãi, giờ đâm ngại, không nhuộm nữa, thành ra già. Người ta bảo, tóc mình bạc, chả lẽ cứ mang xấu máu ra giải thích, đành phải nói, tôi suốt ngày âm mưu lật đổ người, nên tóc nó bạc.

Giống viết lách, chê thì chả ai thích, rất thích người khen. Nghe khen, mũi cứ nở ra là sung sướng. Chả ai bảo văn tôi viết như văn. Người bảo văn có mùi thum thum. Đúng quá, tôi dân gốc học thú y mà. Người bảo, văn ông ảnh hưởng báo, phóng sự. Lại đúng nữa, làm nghề báo, tôi ước mơ và cố học cách phóng sự của cụ Vũ Trọng Phụng.

Vợ tôi tuổi Mậu Thân, năm 1968. Năm khỉ, nên số khổ, vợ phải ông chồng gàn gàn, lại thích rượu bia.

Tôi có hai cô con gái rượu, con lớn tên Ủn, tuổi Hợi, sinh năm 1995, con bé tên Ỉn, tuổi Dần, sinh năm 1998. Hai đứa hỏi tôi, sao bố gọi là gái rượu, tôi bảo: thì mỗi khi nhớ đến chúng mày, bố đều mang rượu ra uống.

Tháng sáu năm 2007, Hiền Song, đi xác định lý lịch Đảng cho tôi. Tôi đưa Hiền Song về hai nơi, Thái Bình và Hải Dương. Tôi bảo, Hiền Song rủ nhà thơ Trương Hữu Lợi đi cùng. Hiền Song là con gái anh Lợi. Anh Lợi lúc nào trông cũng lừ đừ như tư duy thơ. Học ở Ba Lan, về làm phóng viên nông nghiệp, một thời anh là tay viết điều tra cụ phách nông nghiệp thời tiền Đổi mới, thế rồi lại chuyển sang thơ. Con người ta, khả năng nhiều khi cũng kỳ lạ thế!

Trên xe, hỏi ra mới biết, tôi và anh Lợi là đồng hương Hà Nam danh giá nhất ông Cò. Nhân anh Lợi hỏi quê, tôi kể chuyện hai con gái mình, mỗi đứa một quê.

Con lớn quê Thái Bình, còn con nhỏ quê Hà Nội. Lý do hai đứa hai quê là như sau. Đứa lớn bà thím tôi đi làm giấy khai sinh và hộ khẩu giúp. Nghĩ chồng bà và ông nội cháu ở Thái Bình, thì khai quê Thái Bình. Về nhà, cầm giấy khai sinh và hộ khẩu, tôi nghĩ cứ buồn cười. Nhưng đã khai rồi, chẳng muốn đổi thay nữa. Nếu theo ông nội, thì quê gốc của cháu phải khai là Hà Nam cơ, Thái Bình chỉ là đất ông nội cháu ngụ cư. Đến đứa thứ hai, lần này mẹ cháu đi làm giấy tờ,

vợ tôi bảo: Quê quán quan trọng lắm! Khai con theo quê mẹ, Đông Anh. Sau này có việc gì liên quan đến giấy tờ, về gần làm cho tiện. Lúc khai lý lịch vào Đảng, trong giấy tờ yêu cầu, cha sinh ở đâu, thì con cái ghi quê ở đấy. Cha tôi sinh ở Tiên Hưng, tôi khai, tôi quê Thái Bình. Đến phần cha tôi, thì ông nội sinh ở Hà Nam, tôi ghi, quê cha tôi ở Hà Nam.

May, lý lịch chỉ yêu cầu khai đến phần quê quán cha, mẹ, chứ có phần quê quán ông, bà, thì phức tạp đấy. Cụ nội tôi hình như sinh ở Hải Dương gì đó. Chỉ biết rằng, bản quán tôi ở Hà Nam. Trước năm bốn lăm, hằng năm, vào hội làng, giỗ Tổ, người làng sinh sống ở mọi nơi, đều lục tục kéo nhau về quê. Tôi tận đến năm bốn mươi tuổi, mới về bản quán của mình. Khi xem xét kết nạp Đảng, phần thông qua lý lịch, anh em bảo, sao tôi phức tạp, lắm quê quán quá!

Có lẽ cha, mẹ không làm nên cơm cháo gì, nên chúng tôi đặt hết hi vọng vào con cái, nhất là vợ tôi. Ngày mới sinh đứa đầu, vợ tôi chuẩn bị riêng một cuốn sổ, kẻ vẽ cẩn thận, lên cả đồng kế hoạch đào tạo con, nào là học nhạc để sau này thành nhạc sỹ lớn, nào là hội họa, để con có những bức tranh để đời, nào là ..., Tức là cầm kỳ thi họa. Nghe vợ trình bày, nhiều hôm sốt ruột, tôi gằn: Thôi, cứ để nó lớn đã. Bàn lắm, khéo con nó đẹn. Mới có vậy cô ta quắc mắt:

- Tương lai của con, ông lại bảo đẹn!

Rút kinh nghiệm rồi, tôi im thin thít. Tránh voi chẳng xấu mặt nào, đằng này lại là tránh vợ. Về chuyện tương lai của con, phụ nữ ấy à, họ có ý định rồi, thì giới gàn. Huống hồ là chồng gàn. Con tép! Năm con gái tôi bốn tuổi, vợ tôi hăm hờ triển khai ý đồ đào tạo con thành nhân tài đất Việt.

Đầu tiên, vợ tôi cho cháu lên cung Thiếu nhi Hà Nội học vẽ. Thôi thì cũng tiện, tôi nghĩ bụng, địa điểm ấy gần cơ quan vợ, cô ta dễ quản, mà con thêm chút ít kiến thức hội họa.

Ngay tuần đầu cháu đi học, vợ tôi mua về một lô, một đồng đồ vẽ, như bút vẽ, giá vẽ, bột màu, toan,.... Con bé thấy một đồng đồ nghề, phấn khởi ra mặt, cứ tưởng mẹ mua đồ chơi cho. Trong lúc mẹ đi chợ, nó mang ra bày khắp nhà, chơi đồ hàng.

Đi chợ về, thấy con bày la liệt dụng cụ đào tạo nhân tài ra chơi, vợ tôi nghiêng răng ken két, quát: Mà y tưởng tao mua về cho mày chơi à? Đây là dụng cụ học tập! Con bé bất ngờ bị mẹ quát, tiu nghỉu, sán lại gần bố, phụng phịu: Đếch thêm dụng cụ nhân tài của mẹ. Tôi phải dỗ mãi.

Sau đợt mua dụng cụ vẽ, vợ tôi còn lôi về một loạt tranh chép, nào tranh Phố Phái, nào Thiếu nữ bên hoa huệ của Tô Ngọc Vân, bức

Lên đồng của Nguyễn Phan Chánh,... Nhìn một bức hoạ khoả thân, con bé reo lên, eo ơi, cái cô này cời truồng. Mẹ cháu vội vàng chỉnh sửa ngay: Không được gọi là tranh cời truồng. Phải gọi là khoả thân. Rồi cô ta dành cả tiếng giảng giải cho con bé tuổi lên bốn về trời đất tạo hoá ra con người, một kỳ quan của thiên nhiên. Vợ tôi vốn dân học sinh giỏi văn Hà Nội, nên lý luận lăm lăm lăm. Đây là vợ tôi đang bồi đắp kiến thức hội hoạ cho con. Nghe mẹ giảng giải, con bé thỏ thẻ hỏi lại:

- Hôm nọ con nhìn thấy bố tắm! Bố khoả thân. Có gọi là vẽ đẹp thiên nhiên không hả mẹ?

Mẹ nó tức quá, cốc cho một cái:

- Chỉ được cái hư. Cái tốt, cái đẹp không xem, xem đồ nhảm nhí! Máy tháng đánh vật ở cung thiếu nhi, tranh cháu vẽ, người không ra người, ngòm chả ra ngòm. Bác Minh Khiêm, quan hệ thông gia, xuống chơi, trả cho cháu năm mươi ngàn, mua hộ một mớ năm bức tranh, mà cô giáo vẫn nhận xét, cháu không có khiếu vẽ. Thất vọng, vợ tôi chuyển con gái sang lớp múa. Vợ giải thích:

- Thôi, không có khiếu vẽ thì thôi. Nhưng em thấy, con bé có khiếu múa đấy. Múa cũng chẳng kém gì vẽ bao nhiêu. Mà tranh vẽ bây giờ, ế sừng sĩa. Tranh bày đầy ra ở Bờ Hồ, có ai mua đâu. Còn múa, bao người thành danh!

Nói xong, vợ tôi kể ra một đống những tên Tây, tên Tàu, toàn những cái tên đùng đùng, xịt xịt, các nghệ sỹ múa nổi tiếng. Cô ta còn đọc vanh vách thu nhập bằng đô la hàng tháng của từng người, toàn vạn, triệu đô la cả. Nghe đô la, cũng thấy thích thú, tôi gật gù tán đồng. Học được hai tháng, bước sang tháng thứ ba, sau hai ngày nghỉ thứ bảy, chủ nhật, con gái nhất quyết không học múa nữa. Bảo thế nào cháu cũng không đi.

Sau tôi phát hiện ra, có bà mẹ đưa con đi tập, chỉ chỗ bình luận về con gái tôi, bảo nó có cái chân hơi cong, sau này biểu diễn làm sao được. Nghe vậy, tôi vén quần mình lên quá gối, bảo với con: Đây, cái chân cong cong của bố, trông có đẹp không. Còn cái đầu gối củ hành này nữa. Ai bảo nó xấu, con cứ về mách bố. Hồi sinh viên, bố chẳng mãi lên sân khấu nhà trường múa hội diễn. Nói đến thế rồi, mà con bé nhất quyết không học múa nữa.

Học múa không xong, vợ tôi xoay sang cho cháu học đàn, mà phải học đàn oóc gan cơ. Quả này mới căng, đàn oóc gan đâu phải cái nhị, cái sáo, dăm bảy chục, hay một trăm là cùng. Tôi giải thích với vợ:

- Em ơi, rẻ nhất, đàn oóc cũng vài triệu. Hay là ta cho con học thổi

sáo. Thối sáo cũng thành người nổi tiếng, mà nó lại rẻ.

Vợ tôi cương quyết không nghe:

- Thế anh quý tương lai của con, hay quý tiền?

Nói đúng quá đi còn gì. Tôi phải nhắm mắt, nhắm mũi đi sắm đàn oóc gan cho con, hết ba triệu rưỡi. Tiền thì không tiếc, chỉ tức là nhà không còn lúc nào yên. Suốt ngày, Ngày bà Lý toét ơi! Con tôi nó lấy con bà. Rồi bài, Tình bằng có cái trống cơm... Vui sướng gì, bố nó ngày ngày dốc tiết lên kiếm cơm, kiếm tiền đây này. Tôi là người lao động chất xám, cần không gian yên tĩnh, nhạc nhẽo ồn ã, thì tư duy trừu tượng nổi gì!

Từ khi cháu học đàn, sắp trên cơ quan bảo, dạo này bài vở của tôi nhàn nhạt, sáo sáo ấy. Cũng may, con gái hăm hở học được năm, bảy bài, thì chán, không thấy sờ mó đến đàn sáo nữa. Biết con gái cũng không có thiên bẩm về âm nhạc, vợ tôi chép miệng:

- Tao đã lo cho mày nhiều, mà chẳng nên cơm cháo gì. Thôi, sau này đi bán rau, đừng có trách bố mẹ mày nhé!

Bán rau thì chưa biết, kể từ khi để con gái tự do lựa chọn năng khiếu, cháu nhằn nha học ngoại ngữ. Cháu học cũng được. Giờ thỉnh thoảng trong bữa ăn tối, cô con gái học lớp sáu trường Khương Thượng, Đống Đa, lồm bồm dịch được phim hoạt hình trên ti vi và cháu cũng học được.

Hồi đang học lớp năm, một hôm trong buổi cơm chiều, cháu khoe, mấy đứa lớp con dốt quá. Bảo mãi mà không hiểu. Tôi tò mò:

- Sao con biết các bạn dốt?

- Thì chính con giảng bài cho các bạn!

- Con giảng?

- Vâng! Mấy tuần nay, cô giáo bạn em bé, thỉnh thoảng buổi chiều phải về, cô giao hết cho con đứng lớp, dạy các bạn! Có hôm chẳng bạn việc gì, cô lúi húi ngồi viết trên bàn, mình con đứng giảng.

- Thế con giảng giải cái gì, môn nào?

- Con giảng môn tiếng Việt, môn tự nhiên xã hội,...

- Có môn đạo đức không?

Chết thật! Sao lại có chuyện đó? Một con bé mới mười tuổi đầu, cô lại giao giáo án, bắt đi làm thầy, dạy các bạn những điều mà có khi nó cũng chưa hiểu. Giáo dục, dạy dỗ kiểu này thì chết. Dạy giả, dạy dối từ trong trường. Mầm non, tương lai đất nước... Ơi! Tôi lắc đầu nói đùa với con:

- Con chuẩn bị cái thước thật to. Đứa nào không nghe, giảng cho nó một thước!

- Bố chỉ được cái xui đại con.

Người ta bảo, con người có số cả. Hồi chuẩn bị sinh cháu, hai vợ chồng căng óc nghĩ cái tên đặt cho con. Khi sinh cháu, định đặt là Anh, thì cô y tá lại ghi nhầm ra Oanh - Nguyễn Thị Tú Oanh. Lúc đó thủ tục đổi tên nhiều khê, tôi nghĩ, vả lại, nó là cái số, chẳng đổi nữa. Oanh là một loài chim, sau này chắc cháu sẽ bay nhảy. Nhà tôi hiện có hai tên Anh là Anh vợ và Anh cô con gái út.

Hè vừa rồi tôi nghĩ ra mẹo nhỏ, liền bảo con: Ba tháng hè này, rồi, không phải học thêm, con có muốn kiếm tiền không? Con bé cảnh giác, nhìn bố. Tôi thản nhiên: Kiếm hẳn một triệu cơ. Nghe đến một triệu, lòng tham của con bé nổi lên, át cả thói đa nghi, nó xăng xái hỏi: Bằng cách nào hả bố? Tôi bảo: Con viết truyện. Viết xong bố gửi cho nhà xuất bản. Đảm bảo kiếm ngon ơ khoản nhuận bút cả triệu. Cái mẹo vặt đơm ra có tác dụng. Con gái tôi cắm đầu vào viết, chẳng thiết tẩm biển, du lịch. Thấy con chăm chú, sau hè viết được hơn trăm trang bản thảo, vợ bảo tôi: Thôi thì không thành công cũng thành nhân.

Con gái thế mà được. Thành nhân là tốt quá. Thành danh mà danh hão, nước non gì, hoặc mãi thành danh trượt...

## **Bụi vết tháng năm**

### **CHƯƠNG II - 16**

#### **Thích làm quan**

Con gái nhỏ của tôi nay đã chín tuổi. Rút kinh nghiệm đưa trước, mẹ nó chẳng định hướng đào tạo, hay nhồi nhét kiến thức cho con thành thiên tài, mà tùy theo sức và ý cháu lựa chọn. Chín tuổi mà xem ra cháu chưa rõ năng khiếu, sở trường gì.

Con bé tính hơi rụt rè, không mạnh mẽ, bộc lộ chí hướng như con chị. Nói chuyện với ai, kể cả bố mẹ, cháu chỉ thủ thỉ. Hay cái tên Thục Anh vận vào cái số của cháu? Một dạo, khi còn năm, sáu tuổi, cứ sáng ra là cháu bi bô khoe với bố về giấc mơ đêm qua của mình: Bố ơi, hôm qua con mơ... và cháu hăng hái kể những giấc mơ đêm qua của cháu. Một sáng tôi đùa:

- Hôm qua bố cũng mơ nhé!

Vừa nghe bố nói chuyện mơ, cháu hăm hở hỏi xem, bố mơ gì. Tôi tùm tùm cười: Hôm qua bố mơ đi ăn phở. Con gái có biết, bố ăn mấy bát không? Con gái lắc đầu. Tôi giơ bàn tay ra năm ngón, bố ăn năm



bát. Con gái rụt cổ: Khiếp, sao bố ăn nhiều thế. Tôi tỉnh queo, cao giọng phân tích:

- Khi đã mơ, thì mơ ăn không phải mất tiền. Bố nhắc nhé, lần sau, hễ mơ, con cố mà mơ ăn, mơ uống. Ăn uống, mua bán thật nhiều vào. Riêng ăn uống trong mơ, bố không cấm. À, lần sau có mơ, thì nhớ mua cho bố cái ô tô. Hôm qua mơ ăn phở, bố cố ăn thật no. Sáng nay đỡ phải ăn. Mẹ mày sượng nhé. Bố tiết kiệm cho mẹ mày mấy chục nghìn. Không tin, con cứ hỏi mẹ mày xem.

Con gái tôi ngây thơ hỏi mẹ:

- Có đúng không mẹ?

Cháu chỉ ngạc nhiên, bố mơ ăn lắm thế mà vẫn gầy. Ăn mơ thì làm sao mà béo được. Thử ăn thật xem, béo ú. Đấy, bây giờ nhiều người ăn quá, bụng béo chảy xệ ra, phải uống thuốc giảm cân, để giả gầy. Họ, có thuốc tiên mới làm giả gầy được.

Trẻ con y như cái máy ghi âm. Chúng chơi đấy, mà nghe hết lời người lớn nói chuyện đấy. Một lần khi cháu đang chơi, tôi thử cháu, giả vờ như đang nói chuyện với vợ, tưng tưng: Nhà mình là nhà có văn hoá. Khi nào có khách, tất cả phải cầm sách lên nhé. Đang chơi, cháu quay lại hỏi ngay:

- Cầm sách để làm gì hả bố?

- Cầm sách để giả làm trí thức!

Con bé bốn tuổi, nghe giọng bố nghiêm trang, không hỏi han gì nữa. Một lần Hương Chíp, bạn đại học của vợ tôi, hỏi đó cô này còn sống ở thị xã Bắc Ninh, đến chơi, thấy con bé cầm sách chăm chú giương lên, ngạc nhiên, nghĩ cháu bé tí đã biết chữ:

- Bé biết đọc rồi cơ à? Sách kể gì thế?

- Toàn giả trí thức...

Cô bạn há mồm, ngạc nhiên. Cháu bé tí đã biết trí thức giả, trí thức giả. Cô bạn phục cách dạy dỗ con cái của nhà tôi.

Tôi và vợ đưa cháu đến chơi nhà Phương, ở làng Cót, dưới Cầu Giấy. Nhà Phương nuôi con vẹt. Vừa vào nhà, con vẹt chào véo von. Con tôi thích lắm, sán vào xem và nói chuyện với nó. Về nhà cháu hỏi:

- Bố ơi sao nó nói ngọng thế?

- Ngọng mới hay nói.

- Bố ơi, sao nó nói bậy thế?

- Chủ nó dạy nó thế. Nó nói, mà chẳng hiểu nó nói gì đâu.

- Nó nói, mà chẳng hiểu nó nói gì là thế nào hả bố?

- Vẹt nó thế. Người ta bảo nói như vẹt.

- Người có thể không hả bố?

- Khối. Con cứ xem ở lớp con ấy. Khối bạn như vẹt. Người ta nói, chẳng hiểu, chẳng nghĩ gì, cứ nói theo. Có con vẹt còn đi dạy người nói nữa.

Hôm sau cháu về khoe luôn: Ở lớp con có một bạn vẹt bố ạ. Hôm qua có đoàn kiểm tra đến dự lớp. Họ hỏi, bạn ấy trả lời: Cô giáo dặn, ai hỏi thì cứ bảo là không học thêm, nhưng chủ nhật này, nhớ đến học phụ đạo ở nhà cô nhé!

- Thế nó có nói ngọng không?

- Nó nói ngọng và hay nói lảm.

Thế nếu họ hỏi con, thì con trả lời thế nào?

Con bảo, cô không dạy thêm. Con có phải vẹt đâu, phải giấu chuyện chủ nhật đến nhà cô học thêm chứ.

Giáo dục, dạy thêm nhiều thế, kết quả đâu chưa thấy, thấy rõ là con tôi học được thói nói dối rồi. Nhân câu chuyện trên con gái kể và cái cảnh học thêm, tôi viết tiểu phẩm Học thêm, gửi báo Hà Nội mới, được anh Nguyễn Triều và nhà thơ Đặng Huy Giang trả cho nhuận bút trăm ngàn đồng, gần đủ tiền nếu con tôi đi học thêm nửa tháng. Tôi ghi lại tiểu phẩm này để làm kỷ niệm cho con:

Tin con gái đỗ cấp ba, vợ chồng anh bạn tôi mừng, rồi lại lo.

Nhà bốn người, Hà Nội bao thứ tiêu: tiền điện, nước, xăng xe,... Chỉ riêng khoản cung phụng cho hai trẻ bạn tôi đã tá hỏa - sinh nhật, picnic, tiền tiêu vặt, nhưng tốn nhất vẫn là chuyện học thêm - đưa ôn đại học, đưa trung học. Vợ chồng bạn tôi cộc cạch người hưu non, kẻ cạo bàn giấy. Cái khó bó cái khôn. Năm ngoái, vợ anh bạn nghĩ ra kế, trông trẻ, nhận hai đứa tuổi còn bú mớm. Kể thì vất vả, song bù lại, mỗi tháng kiếm thêm dăm trăm ngàn. Cứ nhớ lại, tháng đầu nhận tiền công, cô vợ âm ỉ sượng cả tuần.

Hôm nhận cái giấy báo điểm con đỗ, vừa toe toét cười, mặt cô vợ đã xì ra lo. Tối ấy, thị thì thầm với chồng: "Hay ta nhận trông thêm hai đứa nữa." Nghe vợ nói vậy, anh chồng gạt phất. Bởi anh bạn vốn thương vợ. Trông hai đứa đã bỏ hơi tai, nay thêm, hơi sức đâu.

Cả ngày hôm sau, mặt vợ anh ta vẫn bần thần, chắc lo tiền ăn, tiền học,... Đến lúc cơm tối, cô vợ lên tiếng, mặt tỳ tởn: "Đã có cách! Ngay sau đó cô vợ hùng hồn tuyên bố - Lũ con mình học thêm bao thứ. Mà học là phải trả tiền. Thế thì tại sao hai đứa trẻ nhà ta giữ, ta không tổ chức dạy thêm cho chúng. Chuyến này em sẽ kèm cặp thêm: Giờ chúng bù ti, em dạy thêm chúng nhá chấy, xơi cơm; chúng mới biết ngồi, phải dạy trước chạy nhảy;... Đây là chương trình dạy thêm mấy tháng đầu. Còn những tháng sau, bao môn phải học, như tập hát, tập múa, tập tư duy,... Em cam đoan, bố mẹ chúng nghe

chương trình dạy thêm, nghĩ con cái mình ắt nên người, họ không mừng rơn. Bỏ rở mỗi môn thu năm chục, mà kỳ này dạy hai, à.. ba môn: múa, hát, nghĩ, tức hai trăm rưỡi nhân đôi, vị chi tháng thu ngon ơ năm trăm ngàn đồng.”

Cô vợ say sưa đến mức, khó khăn lắm anh chồng mới chen được lời: “ Thế em không biết, có chỉ thị cấm dạy thêm à?” .Nghe, cô vợ ớ ra, nhưng lại tươi tắn ngay: “Thì cứ làm như cách của trường con mình đang học, tức là thảo ra đơn tự nguyện học thêm, phụ huynh ký vào, phạm luật vào đâu được. Nhỡ lộ ra, thì mình dạy thêm, cũng cốt cho con cái... học thêm cơ mà.”

Bảo cháu chưa có năng khiếu, sở thích gì, thì chưa chính xác. Mới rồi tôi phát hiện ra, cháu thích xem gia phả và yêu thích làm quan. Một lần cháu mang gia phả ra đọc, rồi hỏi tôi:

- Trên ông gọi là gì hả bố?

- Gọi là cụ.

- Trên cụ gọi là gì hả bố?

- Gọi là kỵ.

- Trên kỵ gọi là gì hả bố?

- Gọi là kính.

- Trên kính gọi là gì hả bố?

- Gọi là .... cụ kính kính kính

- Có phải bố viết gia phả, để sau này có người gọi bố là cụ kính kính kính?

Một buổi đón con từ lớp học về, cháu hồ hởi khoe, con vừa được cô giáo phân công làm tổ trưởng. Nhìn con gái hơn hớn vì lên chân cán bộ, tôi nói:

- Bố chúc mừng. Chuyến này cả nhà ta làm cán bộ - Tôi nói - Chị Ủn thì làm lớp phó, còn Ỉn thì tổ trưởng, bố mẹ đều trưởng, phó phòng.

Nói tới đây tôi nghiêm sắc mặt, cao giọng:

- Thế có muốn chức lớp trưởng, hay liên đội trưởng, bố mày chạy cho. Cứ chủ nhiệm, hiệu trưởng bố chạy. Nhưng con nhớ nhé, cuối tháng, phải nhắc cô giáo phát lương chân tổ trưởng. Thầy, cô chúng mày bây giờ là hay ăn bớt, ăn xén học sinh lắm!

Con gái út tôi tưởng bố nói thật:

- Tổ trưởng cũng có lương hả bố?

- Có chứ!

Nghe hai bố con đối thoại, vợ tôi cười:

- Cái ông này. Chỉ nhằm nhí. Con nó lại tưởng thật!

Thỉnh thoảng cháu được tôi và vợ tôi cho lên cơ quan chơi vào những ngày nghỉ, hay ngày cơ quan rỗi việc. Thường thì cháu lên cơ

quan của mẹ nhiều hơn. Nếu không nhớ nhầm, tôi đưa cháu lên được bốn, năm bận. Lên cơ quan tôi, cháu thường mặc cả, hôm nay cơ quan của bố có đồng người không. Nếu vắng, con mới lên. Vào một ngày chủ nhật, tôi đưa cháu lên. Đưa con lên, tôi bấm trò chơi điện tử trên máy tính cho cháu chơi, còn mình lúi húi làm việc bằng máy tính khác. Sau một hồi chơi, khi đã chán, cháu lượn một vòng quanh căn phòng, rồi sán lại bên bố, thì thầm - cháu vốn tính rụt rè, dù lúc này cơ quan chẳng có ai, ngoại trừ hai bố con:

- Bố là trưởng cái phòng này?

Cháu khoát tay, chỉ cả căn phòng rộng chừng hơn trăm mét vuông. Tôi lắc đầu.

- Không phải. Đây là cả Ban của bố. Quản lý gian phòng này là ông Trưởng ban Trần Đức.

- Ông ấy to bằng ai, cháu hỏi. Có bằng ông Đức không?

Ông Đức là Giáo sư Hà Minh Đức, nguyên Viện trưởng Viện Văn, cơ quan của mẹ cháu. Vì hay lên chơi bên cơ quan mẹ, nên cháu biết rõ cả chức và tên ông Viện trưởng ấy. Tôi gật đầu, đáp:

- To bằng.

Nghe tôi nói vậy, cháu tần ngần một chút, rồi tiếp:

- Thế bố là trưởng phòng, thì là trưởng cái phòng nào?

Tôi khoát tay, chỉ hai, ba cái bàn trước mặt, bảo:

- Đấy, bố làm Trưởng phòng mấy cái bàn này.

Nghe tôi nói vậy, cháu hết sức ngạc nhiên, rồi thần mặt ra. Chẳng thấy cháu hỏi tiếp gì nữa. Trong bữa ăn tối, cháu bô bô thông báo với con chị: Phòng của bố chỉ có mấy cái bàn. Trưởng phòng bố chỉ bằng trưởng bàn lớp em. Nghe con nói, tôi phì cười về sự so sánh của cháu và chợt hiểu sự im lặng, thất vọng ra mặt của cháu lúc trước ở cơ quan. Ước mơ quan chức nó có ngay từ tuổi thơ ư? Thảo nào lắm người tranh nhau đến đổ máu đầu cái chân cán bộ.

Làm quan, ai mà chẳng thích, thích làm to, chỉ có khác là kẻ thích nhiều, người thích ít, thích ra mồm, hay thích trong tâm. Tôi cũng thích.

Dưới thời phong kiến, các cụ dùi mài kinh sử để ra làm quan. Buổi đầu thực dân, người Pháp lập hẳn trường quan hậu bổ, đến thời ta, bao trường đại học, cao cấp tuyển và dạy người làm quan. Người ta chỉ khác nhau động cơ, động tác được làm quan và khi hành quan thôi.

Có ông nọ ở cơ quan tôi. Lúc làm việc thì chỉ quát lảng băng, nói lảng nhãng. Người ta gọi là ông quan quát, quan phán. Quát phán thôi, còn chả làm việc gì cả. Đến lúc về hưu rồi, vẫn nhớ quát, nhớ phán,

lại lên cơ quan và quên cả mình nay đã nghỉ hưu, tiếp tục quát phán. Có hôm ông nọ đến cơ quan, anh em đang ngồi uống nước, mọi người cứ lảng dần đi. Mãi quát phán, ông nọ không hay, anh em đi ráo cả rồi, chỉ còn trơ lại cái phích nước và ông nọ vẫn quát, vẫn phán với nó. Nó trả đối lại ông gì cả.

## Bụi vết tháng năm

### CHƯƠNG II - 17

#### Ăn vụng

Lần uống bia ở ngã tư Khâm Thiên, tôi khoe với các bạn bia về chuyện dạy con, như chuyện, tôi đang trùm chặn, con gái hỏi làm gì:

- Cụ kính kinh kinh đang làm gì đấy?

Từ trong chặn tôi vọng ra:

- Cụ đang đếm tiền.

- Sao cụ thích đếm tiền thế? Cụ bảo tiền bản lắm cơ mà!

- Nó bản, nên cụ mới phải trùm chặn đếm. Đỡ dây sang chặt chút sau này của cụ.

Anh bạn Hùng Béo cười:

- Ông toàn lảng nhãng. Dạy con kiểu ấy, chỉ tổ làm chúng hư.

Con tôi tiêm nhiễm những chuyện của tôi, thành hư xấu đầu chưa biết, tôi chỉ nhận thấy, cái chất của các con vẫn thơ ngây. Nghe bố kể, chúng chỉ khinh khích cười. Qua lảng kính tuổi thơ, nhìn chuyện của bố, chúng toàn thấy buồn cười, chả thấy xấu. Đôi khi, con còn lên lớp bố:

- Bố không được tham những nhé.

- Bố làm đếch gì tham những được. Bố mà tham những được, các con đã sướng.

Đấy là tôi bảo, khi chúng nhắc nhở bố. Xin kể câu chuyện tôi gieo vào đầu chúng, chuyện ngày bé tôi ăn vụng.

Chuyện thứ nhất: ăn vụng thịt.

Năm đó tôi khoảng mười tuổi.

Có câu ca ca rằng:

Có phúc gả con chồng gần

Có bát canh cần nó cũng mang cho

Mẹ tôi nấu nồi canh bánh đa, múc ra một bát và sai tôi mang đến biếu bà ngoại. Nó được đặt trong cái rá. Trong khi bê bát canh, tôi

ngắm nghía và đếm mấy miếng thịt bày phía trên. Bát canh nóng, mùi thơm ngào ngạt. Chính nó quyến rũ, làm tôi nảy lòng tham ăn, cố vỹ ý định ăn vụng của tôi. Từ nhà tôi tới nhà bà ngoại, khoảng hơn trăm mét. Tôi chợt nảy ra phương án, rẽ ra hướng bờ sông, đoạn đường kéo dài ra hơn, lại vắng, dễ hành sự. Nghĩ là làm, tôi bê rá canh vòng xuống đường bờ sông. Ngắm bát canh, tôi lẩm nhẩm đếm, có cả thầy năm miếng thịt. Nhìn trước, ngó sau, không thấy ai, tôi nhón tay, đưa lên một miếng, cắn một cái. Miếng thịt bị cắn đứt đôi. Tôi thả nhanh nửa miếng thịt còn lại vào bát canh. Tôi nhai từ tốn và thưởng thức độ ngon của nó. Ngon thật! Nhai xong, đi một đoạn, tôi lại nhìn xuống bát canh. Lẩm nhẩm đếm, vẫn còn y nguyên năm miếng. Một ý nghĩ nữa trong đầu tôi lại loé lên, cứ mỗi miếng mình cắn một nửa, chốc nữa bà ngoại đếm, thì vẫn y nguyên năm miếng. Cái đầu óc thơ ngây tuổi lên mười của tôi tính vậy. Thế là bốn miếng thịt nguyên còn lại trên bát canh, lần lượt bị tôi nhón lên, cắn nhanh một nửa.

Thịt lợn ngon thật, thơm thật,... Lũ thịt ngon quá làm tôi quên bém bài tính trẻ ranh lúc trước, cứ thò tay bốc nửa các miếng còn lại, xơi tiếp. Đến lúc bát canh sạch thịt và đi hết đoạn đường, đứng ngay trước cổng nhà bà, tôi mới nhận ra.

Nhìn bát canh trơ khấc toàn bánh đa, tôi giật mình, thôi chết rồi, tý nữa bà ngoại đếm, chẳng thấy thịt đâu, mình sẽ no đòn. Nỗi khiếp sợ bữa đòn làm nước mắt tôi ròng ròng chảy, cứ đứng đực ra.

Cho đến khi canh nóng thành canh nguội, bánh đa trương hết cả lên, tôi mới bê bát canh vào biếu bà. Nhìn thẳng cháu mắt đỏ hoe, bà hỏi, bị mẹ đánh sao. Tôi đành thú thật, vừa ăn vụng hết năm miếng thịt trong bát canh mẹ sai mang biếu bà. Nghe thẳng cháu kể xong, bà nhón nhén cười:

- Bà còn cái răng nào đâu, mà ăn thịt. Thôi thẳng cháu xuống bếp, lấy cho bà cái bát!

Tôi không hiểu bà sai xuống bếp lấy bát để làm gì. Khi đưa bát lên, bà san nửa bát canh, bảo thẳng cháu ngoại ăn. Tôi thoáng lưỡng lự mười giây, rồi không kìm được, xi xoạp vài miếng, bát canh đi veo. Bà cười, xoa đầu thẳng cháu, bảo rằng ngoan.

Chuyện thứ hai: Uống rượu vụng.

Nhà tôi ít anh em, kinh tế vào loại tạm tạm, lại dân ăn gạo sỗ, nên hiếm khi bị cái đói hành hạ. Đại ý, ngày thơ không bị lép bụng. Tháng tháng mẹ mua được con mè, con trôi, dăm tháng có con gà toi, hay nhảy ổ, vỡ trứng, rồi cỗ bàn, tết lễ... Những bữa như vậy, tuy không

thừa mứa, nhưng cũng dịu bớt nỗi thèm khát.

Nói là nhà tôi kinh tế vào loại tạm tạm, song sự thèm khát của tôi thỉnh thoảng cứ diễn ra. Như nhà hàng xóm có cỗ bàn, bạn khoe: Ê ê... nhà tao hôm nay thịt gà nhé! Ê ê, hôm nay nhà tao có giò!... Thế là thèm thường.

Tôi nhớ một lần ăn vụng nhớ đời. Sau này lớn, có lúc nghĩ lại, vẫn tủm tỉm cười một mình. Phải gọi lần đó là uống vụng. Đi ăn cỗ, hay nhà có khách, tôi thấy người lớn thường uống rượu. Bố tôi không phải người hay rượu, chỉ uống khi giò chạp, tiếp khách.

Không biết tự bao giờ, trong tôi nảy sinh ý tò mò, rượu nó ra sao nhỉ? Chắc ngon, bổ lắm. Thế nên người lớn mới nhâm nhi. Mỗi lần người lớn uống, ngữ chỉ một hai chén, rót lưng lưng. Chưa hết, Tết cửa hàng hợp tác xã mua bán chỉ phân phối cho mỗi nhà có chai rượu mùi, hoặc rượu chanh. Người buôn lậu phải giấu diếm, đựng rượu trong sẫm xe đạp quán quanh bụng, đựng trong nồi chân giả làm nước tiểu. Máy ông phòng thuế bắt được, các bà buôn rượu lậu khóc nheo nước mắt nước mũi, lẻo đẻo theo sau xin. Người lớn bảo, ngày trước ấy à, nấu rượu lậu, chứa rượu lậu, tù một gông!

Ý nghĩ thử rượu cứ lớn vồn và sự tò mò ngày một lớn trong tôi. Một hôm tôi nghĩ bụng, tại sao mình không uống vụng nhỉ? Uống rượu vụng với tôi không khó. Chai rượu bố tôi để ngay trên nóc tủ, không chằng buộc, chỉ nút lá chuối, bên ngoài quán lớp ni lông. Hôm ấy bố mẹ đi vắng, anh chị đi học cả, một cơ hội thuận lợi cho tôi. Tôi đóng cửa, cài then cẩn thận, bê chai rượu trên tủ xuống, rót hẳn nửa bát. Mùi rượu thơm lừng như kích thích tôi. Hăm hở, tôi đưa bát rượu lên miệng. Không hiểu sao, lúc trước ngửi, mùi rượu thơm lừng, quyến rũ, khi kề sát miệng, nó lại xốc lên cay xè, chặn họng tôi. Ngập ngừng, tôi dừng lại, hạ bát rượu xuống.

Quái, sao nó lại thế nhỉ? Rất nhanh trí tôi nghĩ, mình nín thở, không ngửi, mà chỉ uống. Một lần nữa tôi đưa bát rượu lên, làm một ngụm to. Dù nuốt vội vàng, hơi rượu cay xè vẫn xốc lên, đủ để tôi ho sặc sụa. Ngụm rượu một nửa to bị hắt ra, nửa kia kịp trôi tọt vào bụng. Mồm cay xè, tôi phì phì nhổ rượu cùng nước dãi. Nhổ đến lúc không còn gì nhổ được nữa. Tưởng ngon ngọt, ai dè nó vậy.

Nhìn bát rượu trên bàn tôi vừa muốn đổ đi, vì chưa hết cảm giác sặc nôn, vừa tiếc rẻ, những nửa bát rượu. Chợt một sáng kiến nảy ra trong đầu tôi. Người lớn uống quen, còn mình chưa quen, pha đường vào, chắc sẽ ngon, dễ uống hơn. Đấy, mỗi lần ốm, mình uống thuốc, mẹ đều cho đường vào nhé.

Thế là tôi xúc đường đổ vào bát rượu, khuấy. Chờ đường tan, tôi

đưa bát rượu lên. Lần này có kinh nghiệm sặc rượu, nên tôi cảnh giác, lưỡi nhè nhẹ nếm thử. Than ôi, dù đã pha đường, thứ nước đường rượu vẫn đắng ngắt và cay nồng. Mới nhấp lưỡi một chút, tôi đã không chịu nổi.

Nhà tôi nuôi con Mực. Suốt ngày nó quẩn quýt quanh tôi. Lúc trước nghe động thìa bát, con chó sấn đến, mắt hau háu nhìn. Cái lưỡi thè ra liếm chân tôi. Nó thực sự trở thành kẻ đồng loã trong vụ uống rượu vụng của tôi. Bát rượu uống thì không được, đổ đi lại tiếc. Còn con Mực đang hau háu chờ đợi, cái đuôi ngoáy tăng tít, nịnh bợ, xem ông bạn của nó có chia sẻ cho cái gì không.

Ừ, sao mình không cho nó uống nhỉ, đỡ phí của! Tôi đặt bát rượu xuống nền nhà, con chó sấn lại, thực mũi hít hít. Ở kia, sao nó ngẩng lên, xem ra nó dừng dừng. A, mày chê à! Tôi túm đầu con chó, dí mạnh cái mõm vào bát rượu. Mõm nó vừa bị nhúng xuống, đã vùng ra, lại còn hất đổ luôn bát rượu. Sau khi vùng vẫy, thoát khỏi tay tôi, con chó chạy thực mạng vào gầm tủ, từ trong ấy nó kêu ư ử, lăm lét nhìn ra.

Đoạn sau bữa rượu uống vụng ấy tôi không rõ tiếp diễn thế nào.

Tôi đã say vì nửa ngậm rượu và ngủ thẳng cẳng ngay trên nền nhà. Trưa, bố mẹ tôi về. Thấy cậu quý tử nằm sõng soài, ông bà cuống cuống, lo sợ không biết thằng con trai mắc bệnh gì.

May có hàng xóm đổ sang, họ kịp nhận ra mùi rượu nồng nặc và đoán ra lý do, tôi say rượu. Tôi được lay gọi, đổ hết cả bát nước rau muống sống hoà đường vào mồm, bôi vôi gan bàn chân và gối đầu lên cái chổi rơm cho rã rượu. Tuy thoát cơn say, nhưng đến mấy ngày sau, người tôi còn đỏ mẩn. Người ta bảo, ấy là dị ứng rượu. Ăn vụng, biết cách chùi mép, thì chỉ mình mình biết, mình ăn vụng. Sạch sẽ lắm! Nay tôi thỉnh thoảng vẫn ăn vụng, nhưng có kinh nghiệm trong bài học ăn vụng ngày bé rồi.

## **Bụi vết thán năm**

### **CHƯƠNG II - 18**

#### **Nghe giao hưởng bằng tay**

Nhớ chuyện học đàn của con gái, suýt thì tôi mất đi tình bạn với Trường Doãn, cậu em nhạc sỹ, Phó đoàn ca nhạc nhà Đài. Trường Doãn là con trai tác giả bài hát về binh chủng xe tăng nổi tiếng mà ai



cũng biết.

Suýt mất bạn vì câu nói đùa khi tôi nhờ Doãn mua giúp cây đàn cho con gái học. Doãn dắt tôi lên phố Nhà Chung. Trước khi đi, tôi bảo:

- Con tao mà có khiếu âm nhạc là... vô phúc.

Thằng em tròn xoe mắt, mặt sầm xuống.

- Sao anh lại nói vậy?

Tôi vội thanh minh:

- À không. Ý tao không phải vậy. Cái nghề của mày khó khăn, khắc nghiệt quá! Cả vạn, triệu người, mới có một, hai người thành danh, thành danh như mày chẳng hạn.

Đến một lúc Doãn mới nguôi ngoai.

Nhớ chuyện Hùng Béo, Trưởng phòng Thư ký, đùa Doãn: Cái nghề chỉ huy dàn nhạc của ông, bất nhã quá. Ai đời, cả một nhà hát toàn người lịch sự đến nghe, vậy mà các ông cứ chổng đít vào mặt người ta múa đũa.

Cứ chê người, chứ người ta bảo, nghề báo, toàn những kẻ nhòm nhòm và nghe lời người khác, viết.

Tôi làm quen và chơi với Trường Doãn có mục đích hẳn hoi. Trước đó thì mình hâm mộ cậu ta - nhạc sỹ. Mục đích của tôi là chơi với nhạc sỹ, mình cứ nhen nha tìm hiểu, chắc chắn kiến thức âm nhạc dần dần nâng lên. Như tôi cứ túc tắc hỏi cậu ta những câu đại để như: Để thường thức, rung động được một tác phẩm âm nhạc, cần phải tư duy như thế nào?...

Cậu em Doãn mười lăm năm học trường nhạc, mình chỉ mất tý thời gian và châu bia dăm chục nghìn, đã học được khối rồi, vừa rẻ lại nhanh, thật hiệu quả. Trong quá trình chơi với Doãn, tôi cũng giấu tiệt cái dốt âm nhạc và khiếu thường thức nhạc hơi lùn của mình. Đại ý là lúc trao đổi với Doãn về âm nhạc, tôi thường nói:

- Tớ thích nhạc thính phòng lắm! Rồi nhạc cổ điển cũng thích. Thích lắm!

Nghe vậy, Doãn đưa cho tôi mấy cái đĩa. Về nhà tôi cố gắng nghe, vặn vô lum rõ to, mà chả thấy hay cái gì. Thực ra thì tôi chỉ thích anh dân ca và chèo, khoái nhất cái món tân cổ giao duyên, song không thể khoe ra thẩm mỹ cải lương kia. Một lần Trường Doãn rủ tôi đi nghe buổi trình diễn ở Nhà Hát Lớn, chỉ huy dàn nhạc là một ông người Tây nổi tiếng. Tôi không nhớ rõ tên ông ta là gì, hình như Pô - đếch, hay Pô - đéc gì đấy, chỉ đọc báo thấy ông ta nổi tiếng.

Vào nhà hát, nhìn lên sân khấu, tôi choáng ngợp vì số lượng nhạc công, nhạc cụ, đông và nhiều quá. Nhạc cụ, cái thì to như cái dậm, cái thì sáng loáng, loe ra như cái mâm đồng.

Quá tò mò, không tìm được, tôi hỏi Doãn, cái to và loe ra là đàn gì? Doãn trả lời, kèn ô boa. Cái ... đang định hỏi tiếp, chợt nghĩ ra, thế thì lộ toé toè loe trình độ âm nhạc của mình, tôi đành nín thinh, tự quan sát, học hỏi lấy. Tôi cố nhập tâm về hình thù và nhắm đếm số nhạc công, nhạc cụ. Thôi thì sau này có ai hỏi cũng biết, trình tấu một bản giao hưởng, người ta cần đến bao nhiêu cái đàn, bao nhiêu người đánh nhạc.

Đúng bảy rưỡi, đêm trình tấu bắt đầu. Ông nhạc trưởng người Tây to cao, tay cầm cái dũa vung lên, tiếng đàn, tiếng trống rầm rầm chuyển động. Tôi tự nhủ, mình phải hình dung xem bản nhạc này thể hiện điều gì.

Tiếng trống bung bung, đây là trống trận, tôi đoán. Thùng, thùng, thùng, nghe như trống hộ đê mùa lũ. Tiếng kèn tò te tý te.... diễn tả gì nhỉ, khó hình dung quá, chẳng ra buồn, chẳng ra vui, tôi tạm đặt là công bố sỗ xố. Giá cứ ai oán, buồn đau như mấy ông phùng kèn đám ma, thì lại dễ hình dung. Phân tích, tưởng tượng mãi, không ra cái gì, chã lẽ vừa đánh trận, vừa hộ đê, vừa công bố sỗ xố, tôi đâm chán. Chã lẽ ngồi không, tôi đành xoay ra ngắm ông nhạc trưởng. Công nhận rằng, ông Tây Pô - đếch này múa khoẻ, cứ vung tay, vung chân liên tục, một phút vung phải đến một trăm nhát. Thảo nào, trông ông ta to khoẻ thế. Sau một lúc quan sát ông nhạc trưởng, tôi rút ra quy luật, cứ khi tay ông này vung cao, thì trống phách nổi lên rầm rầm, khi hạ xuống, tiếng đàn nhẹ bẫng đi.

Sự phát hiện ra quy luật ấy không giúp cho tôi chú ý được bao lâu, tôi chẳng còn chăm chú quan sát ông nhạc trưởng vung tay, vung chân nữa. Tiếng nhạc, tiếng đàn thập thình làm tôi lơ mơ buồn ngủ. Giấc ngủ nhẹ đến từ lúc nào. Đang là rà, bỗng bên tai, tiếng vỗ tay đôm đốp làm tôi choàng tỉnh. Nhìn sang Doãn, thấy cậu ta đang vỗ tay, tôi vội vỗ tay theo.

Lại một tác phẩm khác. Bản này âm thanh cũng hoành tráng, lên bổng xuống trầm như bản trước. Nó cũng làm tôi lơ mơ buồn ngủ. Song tôi cố kìm. Mình mà ngủ, đến lúc người khác vỗ tay, không vỗ theo, thì chướng. Tôi ngủ mà như thức, thức mà đang ngủ, cứ dựa lưng vào thành ghế, lim dim, y như người đang thường thức âm nhạc. Bản nhạc vừa kết thúc, mọi người vỗ tay, tôi cũng vội vàng vỗ tay theo. Khi họ đứng lên, tôi cũng đứng lên, vỗ to, vỗ dài y như họ. Tôi phải vỗ và đứng lên đến mười lần, buổi trình diễn nhạc giao hưởng của ông nghệ sỹ chỉ huy người Tây Pô - đếch mới kết thúc. Trước khi ra về, anh bạn nhạc sỹ Doãn quay sang hỏi tôi:

- Anh thấy thế nào?

- Hay! Hay tuyệt!  
- Thế thì... khi nào có chương trình, em lại mời anh.  
Không hay lại bảo rằng hay. Không biết lại giả như biết. Biết mà lại như không biết. Buồn cười thế đấy!

## Bụi vết thán năm

### CHƯƠNG III - THUỜ HỌC TRÒ

#### 19. Cốc vật chất

Tôi học khoa Thú y, đại học Nông nghiệp, nơi địa danh có cái tên con vật quý. Không rõ tại sao thời gian đại học của chúng tôi phải học kéo dài đến năm năm. Tính ra kiến thức chuyên môn, chỉ già ba năm, còn lại học lao động và tập bắn súng.

Tập bắn súng thì phải ra bãi bắn, lặn lê bò toài, ôm súng ngắm đích. Trước đó sinh viên cả tuần nghiên cứu, học tập trên giảng đường phần lý thuyết. Dạy lý thuyết là một anh chàng sỹ quan, cả lớp phải gọi bằng thầy. Dạy bắn súng mà rất thích người khác gọi bằng thầy. Hồi ấy, vào các trường sỹ quan đa phần là diện học sinh tốt nghiệp phổ thông, không dám thi vào đại học, vì lực học sè sè, họ rẽ ngang sang quân sự. Nay thành thầy dạy thiên hạ bắn súng. Anh chàng sỹ quan đứng giảng lý thuyết bắn súng hôm đó, vào giờ ra chơi, để khẩu K44 trên bàn. Có mấy sinh viên vốn là cựu quân nhân, am hiểu súng ống, mò lên, tý toáy nghịch, giương súng lên trần, bóp cò:

- Đoàng!

Đang giờ ra chơi, mấy đứa sinh viên ngồi tán gẫu trong giảng đường giật bắn cả mình, còn lũ ngoài sân, ào ào kéo vào xem có tiếng nổ gì vừa xảy ra. Trên bục giảng, anh chàng nghịch súng mặt tái ngo tái ngắt, trần nhà có vết vỡ to bằng cỡ cái bát ăn cơm và dưới sàn, một đám vụn vôi vữa vừa rơi xuống. Ông thầy quân sự mặt cũng tái ma tái mét. Chắc ngài sỹ quan bây giờ mới chợt nhớ, còn quên viên đạn trong súng. May mà hôm đó, trong lúc giảng bài, thầy không ngứa tay bóp cò, bóp là có đứa sinh viên toi. Vụ này làm to ra, thì anh thầy kia ra quân là cái chắc. Đấy, dạy quân sự, học bắn súng thời sinh viên của tôi là thế!

Đa phần sinh viên con nhà nông, vẫn phải học cấy lúa, gánh phân, nuôi lợn. Lớp tôi hai tám đứa, được giao sáu sào ruộng. Đầu vụ, lúa má cấy xong, bao nhiêu phân tro cấp, đem đổ hết xuống đồng, cả

phân đạm, phân chuồng, bón lót, bón thúc một thể. Suốt cả vụ không một ai ngó ngang ra ruộng. Thỉnh thoảng lớp trưởng Ký, hoặc lớp phó lao động Toại đảo ra ngắm lúa, nhỏ cỏ bằng mắt. Đến vụ, cả lớp ra thu hoạch, gánh trĩu về những bông lúa lép. Đào tạo kiến thức lao động và hiểu biết về cây lúa của kỹ sư nông nghiệp chúng tôi đại để như vậy!

Dạy một chữ cũng là thầy, nửa chữ cũng là thầy. Học đại học, tôi học biết bao nhiêu chữ của thầy, có biết bao nhiêu ông thầy.

Qua mấy năm học, trong các thầy cô, có thầy Nguyễn Bá Hiền dạy truyền nhiễm, thầy Lê Dài dạy triết, thầy Dương Đình Long dạy chăn nuôi, thầy Hoàng Văn Năm dạy nội khoa, cô Mây, dạy giải phẫu... Những thầy cô, người thì hài hước, người thì nghiêm nghị, nhưng đều nhiệt huyết, được học trò yêu quý.

Giải phẫu là một môn quan trọng của ngành học thú y. Giáo viên giảng dạy môn này là cô Mây. Cô là giáo viên rất nghiêm túc, khắt khe, học sinh sợ cô một phép. Ngoài học lý thuyết, môn học dành tới nửa thời gian thực hành. Cơ sở thực hành đặt ở khu nhà giữa cánh đồng, cách ký túc xá trường khoảng hai cây số. Buổi sáng học lý thuyết đến gần mười một rưỡi, ăn cơm xong, sinh viên tranh thủ làm giấc trưa, rồi mắt nhắm mắt mở tới khu nhà thực hành.

Sợ cô Mây lắm, nhưng nhiều tiết thực hành, sinh viên vẫn đến muộn. Nếu đến đúng giờ, thì cũng lờ đờ buồn ngủ. Hôm đó chúng tôi mắt nhắm mắt mở kéo nhau đi thực hành. Trong phòng, trên bàn, tiêu bản các bộ phận cơ thể gia súc bày ngổn ngang. Chúng được ngâm trong dung dịch phóc môn. Phòng thực hành chật chội, trời nóng, nên ngọt ngọt mùi hoá chất. Chúng tôi chẳng ai chú ý đến bàn của giáo viên. Khoảng năm phút sau, cô Mây trong chiếc áo choàng trắng bước vào phòng.

Chúng tôi uể oải đứng lên. Lướt một lượt học sinh, cô Mây gật đầu. Thường khi học trò đứng lên chào, cô quan sát kỹ lắm. Cô đang điểm danh đấy. Anh chị nào vắng mặt, hay đến muộn, hãy coi chừng. Sau khi cô gật đầu, học trò vừa lục tục ngồi xuống, đã giật thót cả mình. Tiếng cô Mây quát lạc cả giọng:

- Ai... ai làm?

Chúng tôi tá hoả nhìn lên, chưa rõ cô giáo quát gì. Đến lúc này học trò mới để ý lên bàn của cô. Cả lớp tái mặt. Trên bàn, hai giáo cụ trực quan sinh học bằng thịt thật, cái bộ phận sinh dục ngựa đực, cái bộ phận sinh dục bò cái... cắm chặt vào nhau.

Ngay lúc đó mọi người trong lớp đoán được tác giả của tác phẩm trên là ai. Không ai nói ra. May lớp toàn người biết nghĩ, không thì

một suất đuổi học. Cứ nghĩ, bước ngoặt của cuộc đời, lắm khi từ những nguyên nhân dấm dớ. Người thì cho là quan trọng, người lại bảo rằng không. Anh bạn đó, giờ cũng làm ăn được. Chắc rằng, nếu hồi đó phải khoác ba lô rời trường, hoàn cảnh anh bạn nay sẽ khác.

Lũ học trò sợ cô Mây lắm. Nhất là sinh viên nữ. Kỳ thi cô Mây mà vớ được cô nàng nào để móng tay dài, cầm chắc là cái trượt. Lúc này lớp tôi đã qua môn giải phẫu của cô Mây, nhưng là cán bộ Khoa, sau này sinh viên bảo vệ luận văn, cô có chân giám khảo, nên sinh viên vẫn hãi. Sợ thì sợ, lũ sinh viên vẫn không chừa được thói trêu chọc cô. Học trò trêu đủ kiểu. Thí dụ, gặp cô, chúng trang nghiêm chào thật to. Tiếng chào réo rắt. Không lẽ cô bắt bẻ, chào gì mà dài và to thế!

Cô Mây bị một bữa chúng tôi chào cho, nghĩ đến tức cười. Trường tôi có mấy khu vệ sinh, khu dành riêng cho sinh viên, khu dành cho giảng đường, khu dành cho tập thể cán bộ. Thường các nhà đó nằm biệt lập, cách nơi ở vài trăm mét. Với các nhà vệ sinh của sinh viên, trên bức tường che phía trước, đề rõ to tên các khoa. Thí dụ: Khoa Thú y. Tức là nhà vệ sinh đó do sinh viên khoa Thú y dọn vệ sinh. Đây không phải trụ sở làm việc của khoa.

Buổi đó lớp tôi lao động gần nhà vệ sinh khu tập thể cán bộ. Thoáng thấy bóng cô Mây tiến về phía lớp đang lao động, một đứa thì thầm thông báo: Chúng mày ơi, cô Mây đi.... Chú ý, tí nữa, tất cả đồng thanh chào cô nhé. Y như rằng, cô có việc riêng tư ấy. Cô đi tới. Thoáng lúng túng, đi chậm chậm lại, rồi cuối cùng, cô đành phải bước. Để cô tới thật gần, ngay trước chỗ chúng tôi đang lao động, cả lớp đồng thanh:

- Chúng em chào cô ạ!

Cô Mây lúng túng, nhưng đành đáp lễ.

- Chào các em!

Đáp lời trò xong, cô vội vã bước vào khu nhà kia. Lại một đứa thì thầm:

- Tý nữa, tất cả nhé!

Học sinh có đứa bụm miệng cười, dấm lưng nhau thùm thụp. Vài ba phút sau, cô Mây từ trong ấy đi ra. Học sinh đứa cúi xuống giả bốc đất, đứa xắn đất, tất cả đồng loạt dừng công việc, thẳng tắp người lên:

- Chào cô ạ!

Cô Mây đành phải dừng lại, nói mấy câu cho phải phép:

- Lớp hôm nay lao động ở đây à?

Tiếng học trò nhao nhao:

- Thưa cô, vâng ạ! Cô lại nhà ạ!

Khúc khích những tiếng cười. Cô Mây lúc này chả tiện bắt bẻ học sinh. Bất ngờ được trò giải trí, khi cô còn đi chưa xa, cả lớp đã cười rĩ rượi. Không ngờ, lát sau chúng được tiếp bữa cười nữa.

Được khoảng mười phút, một đứa lại phát hiện, cô thấp thoáng phía xa. Anh chàng này quan sát, thấy cô vào rồi ra. Cậu ta liền thông báo:

- Chúng mày ơi, hình như hôm nay... Tào Tháo đuổi cô Mây. Tao vừa thấy mấy bạn cô ấy thập thò,...

Cậu kia chưa nói dứt câu, đã có đứa cướp lời:

- Đúng! Cô ấy đang ra kia kìa!

Mấy đứa ngó lên, nhìn nhanh và vội vàng cúi xuống.

Có tiếng thì thầm:

- Nhớ nhé... tý nữa nhé!

Cô Mây lúc này đã tới gần. Cô bước nhanh, bước như định thoát khỏi lũ trò quỷ sứ của cô. Nhưng cô... không thoát. Mới vượt được nửa chừng, cả loạt học sinh ngừng tay, lễ phép đứng lên:

- Chào cô ạ!

Đến đận này, thì cô Mây chả còn sức đâu lịch sự, đáp lễ lũ sinh viên trời đánh kia nữa, cứ thẳng cánh cô bước.

Đám học trò xanh mắt.

Thầy Dương Đình Long học ở Tàu về. Thầy hóm hỉnh, thâm thúy. Gần như suốt tiết dạy của ông, giảng đường luôn rộn tiếng cười. Có lần đưa sinh viên ra trại thực hành, thầy chỉ lũ lợn lẳng quăng trước mặt, xua tay, rồi buông câu:

- Toàn lợn đeo kính thế này, thì chăn nuôi nổi gì!

Nghe thầy nói, nhiều trò không rõ. Chỉ có mấy đứa rúc rích cười. Ông thầy nói lái, lợn đeo kính, tức là lợn kính đeo. Bây giờ nông dân nuôi lợn, bốn, năm tháng, nặng tới sáu, bảy mươi cân, chúng chưa tới kỳ động dục, đã đủ mức xuất chuồng. Còn hồi ấy, nuôi tám, chín tháng, con lợn mới nặng cỡ xách tay, mà chúng đã tý tởn thành thiếu nữ, hoa đở rục. Cấm bả nuôi, độc tổn cho khoản động hờn của chúng. Đúng như lời ông thầy nói, còn chăn nuôi cái nổi gì.

Một lần lớp chúng tôi ra trại thực hành, đúng vào lúc thầy Long đang lúi húi thụ tinh nhân tạo cho con lợn. Anh chàng Thuý, tiến lại, khơi mào:

- Thưa thầy, thầy đang ... làm gì đấy ạ?

Phản ứng rất nhanh, ông thầy thâm nho, hóm hỉnh trả lời ngay:

- Ấy là....tôi đang sản xuất thịt cho các cô cậu ăn đấy!

Trong số các ông thầy hài hước, trước tiên phải kể tới thầy Nguyễn

Bá Hiên, dạy môn truyền nhiễm. Thầy Hiên hơn tôi dăm tuổi. Trò vẫn là trò, sau ngày ra trường cơ mười năm, tôi rủ cậu em nhà báo Quách Mạnh Đồng sang thăm nhà thầy, gặp lại trò cũ, tôi vẫn một điều thầy, hai điều thầy, còn ông hài hước, gọi lại tôi bằng ông. Chỉ dĩa rượu ngâm và rượu Tây bày la liệt trên tủ quanh tường phòng khách tầng ba, ông hỏi:

- Ông uống gì? Hôm nay tôi chiều hết. Phải say mới về.

- Thầy cho chai rượu giả!

- Giả là giả thế nào! Bây giờ có phải cái gì cũng giả cả đâu! Đây toàn Tây xịn của người ta đấy. Ông muốn giả, xuống hỏi mấy nhà nghiên cứu về thuốc kéo dài thời kỳ chín của nhãn, vải. Ôi giờ ơi, có rặng nhãn trong vườn thực vật, các vị nhà ta đem thuốc thí nghiệm ra phun. Hàng nhãn có mười bảy cây, các vị quên phun mất một cây. Đến vụ, mười sáu cây được phun, tịt hoa. Riêng cây quên phun, hoa, quả tràn trập. May rặng nhãn nó nằm chỗ khuất, không phơi ra, cả nước biết. Đấy, thuốc nghiên cứu thật đấy!

Quách Mạnh Đồng quá khoái câu chuyện, về viết luôn tiểu phẩm “Thuốc thí nghiệm”

Tếu táo thế thôi, thầy giáo Hiên của tôi sống tình ra phết. Ngày ở trường, thường chúng tôi hay kéo ra chỗ ông chơi, vừa tào lao, vừa tắm rửa, giặt rũ ở đây. Sáng ấy trước khi giảng bài, thầy Bá bảo có bài thơ, đọc cho sinh viên nghe. Bài thơ Ông lái đò. Câu kết của bài thơ là cảnh khách lên đò hết rồi, mà chẳng ai ngoái lại nhìn ông nhà đò. Cả lớp yên lặng. Thôi rồi, thầy trách, hôm qua không trò nào ra thăm thầy, nhân ngày hai mươi tháng mười một. Hồi đó không có lệ phong bì đâu, đến bó hoa cũng không. Thầy chỉ trách là trách cái tình trò.

Hồi sinh viên, bọn trò chúng tôi được dự một đám cưới thầy. Đó là thầy Hoàng Văn Năm. Thầy Năm là học trò yêu của thầy Phạm Gia Ninh. Thầy nào, trò ấy, họ giống nhau đến thế, nghiêm nghị, nhiệt tình và sống rất tình người. Thầy Ninh dạy chúng tôi là khoá cuối cùng, trước khi sang nhậm chức Cục trưởng. Trước khi thi môn nội khoa, lớp tôi mời thầy phụ đạo, lại đúng vào dịp thầy phải chuẩn bị đi nghiên cứu ở Philippin.

Thầy là người biết nhiều ngoại ngữ, tiếng Tàu thầy học ở Trung Quốc, tiếng Nga tự học, tiếng Pháp,... Trước khi sang Philippin, ông thầy ngoài năm lăm tuổi, cấp tốc học tiếng Anh. Sức học của thầy kinh dị thật, chỉ thời gian ngắn, mà thầy sang nước người, một mình đi không lạc đường, lại còn trao đổi được và đề tài cuối đợt, dày hai trăm trang, trình bày bằng tiếng Anh. Do đề tài xuất sắc, với tư cách

là đại biểu Philíppin, thầy dự hội nghị khoa học về ung thư, do Nhật Bản tổ chức.

Trở lại buổi bồi dưỡng trước khi lớp tôi thi. Đi Tây lúc đó là một cơ hội đổi đời, hoặc chí ít cũng mang về dăm trăm đô la, hay cái xe máy cũ. Chúng tôi tập trung ở giảng đường để chờ thầy phụ đạo. Nửa tiếng, một tiếng, không thấy thầy đâu.

Nghĩ thầy không đến, chúng tôi bỏ về ký túc xá. Học trò đâu biết, thầy đang phải đánh vật làm thủ tục cho chuyến đi Tây. Bất chợt học trò thấy thầy lọ mọ vào ký túc xá sinh viên. Thầy bảo, không phải ra giảng đường, phụ đạo luôn tại phòng. Và ngay sau đó, thầy ngồi tẹt xuống nền nhà, học trò túm tụm ngồi quây quần quanh nghe giảng. Thầy lấy luôn nền phòng ký túc xá làm bảng, viết vẽ minh họa. Ông thầy mồ hôi nhễ nhại, say sưa giảng giải, làm trò rất cảm động.

Thầy Ninh hiền lành, kiến thức uyên thâm. Ông là nhà nội khoa số một của ngành thú y Việt Nam. Thầy có một cái xe máy con vịt xanh, thường dựa dưới sân giảng đường. Giờ ra chơi, lũ sinh viên nhảy lên, phi lòng vòng quanh sân, còn ông thầy hút hải, xin trò:

- Đứng... đứng các em ơi!

Tiếng xin yếu ớt và bất lực của thầy, càng làm lũ trò nghịch tợn, và cười rũ rượi. Một lần vào buổi tối, anh chàng Thuấn phòng tôi có việc ra phố. Nhà thầy không trong khu tập thể của trường, không rõ hôm đó có việc gì, mà thầy vào trường. Về đến quăng gần cổng trường, Thuấn xô luôn xe phải xe thầy. Trời tối, trò chỉ nhận ra ông thầy qua tiếng xin lỗi rối rít:

- Xin lỗi ông! Tôi xin lỗi ông!

Anh chàng Thuấn buồn cười quá, không dám lên tiếng, vội vàng chuồn thẳng.

Khi thầy đã làm Cục trưởng, chức to lắm rồi, chúng tôi có chuyến đi thực tập xuống vùng đất Mỹ Văn, Hưng Yên bây giờ. Vớ phải ca bệnh gia súc phức tạp, các trò nghĩ tới thầy Ninh. Anh em bàn nhau, hôm nay là chiều thứ bảy, chắc thầy về nghỉ, thử đến nhà hỏi và xin một lời khuyên của thầy.

Tôi và anh Ký lớp trưởng đạp xe đến. Nghe trò trình bày, không những nhiệt tình giảng giải, ông Cục trưởng còn xách luôn xe, cùng trò xuống cơ sở. Đêm đó thầy ngủ lại nơi thực tập cùng với sinh viên. Mấy hôm sau bà chủ, nhà chúng tôi trọ, kể và cứ khen ông giáo nhiều chữ. Bà bảo, hôm qua ông giáo mơ, toàn xì xỏ nói tiếng Tây. Bà già nhà quê đâu ngờ rằng, ông khách ngủ lại ở nhà mình to và lắm kiến thức lắm.

Sáng hôm sau chúng tôi cứ ngỡ ngàng cho thầy. Trò chỉ muốn mời



thầy tư vấn, còn việc cụ thể, thì phó cho trò làm. Đứng trước cửa chuồng lợn, thấy các trò bắt lợn, thầy cũng xắn quần, nhảy ngay vào cùng sinh viên. Một ông Cục trưởng bắt lợn và giảng dạy cho sinh viên ngay trước cửa chuồng gia súc, có là ông thầy số một.

Thầy Hoàng Văn Năm là chủ nhiệm lớp đại học của tôi. Ngày cưới thầy, cả lớp xúm vào góp tiền mua đồ mừng, mà chỉ tặng nổi cái chậu thau hoa Trung Quốc. Hôm chúng tôi đến mừng, phòng cưới của thầy là gian nhà giáp khu trại thực hành. Bên này là phòng cưới, bên kia trâu bò kêu ò ò.

Nay thầy Năm đã là Phó cục trưởng. Mới đây Vận, Hoàng và tôi kéo đến thăm nhà thầy. Đợi một lúc thầy mới ở Cục về. Thầy mặt đỏ bừng bừng, vẻ mặt của người có hơi men. Thầy giải thích:

- Tớ vừa làm mấy cốc bia. Mình vốn có bia bọt gì đâu. Nhưng chiều nay bực quá! Mấy tay nhà báo, hỏi thế mà cũng hỏi!

Tôi liền đùa:

- Thầy ơi, trò của thầy cũng nhà báo đây. Không biết đảng nào mà hỏi là nghề của chúng em!

- Cậu khác. Thôi, hôm này thầy trò mình làm châu bia nhé.

Thầy liền vào phòng trong, bê ra két bia và mặc cả, phải uống hết mới được về. Thầy và trò chúng tôi là vậy. Nay thầy trò tóc đã bạc cả lượt rồi. Khi lũ trò ra về, mới đến cổng, tôi nghe thầy bảo, đợi một tý. Rồi thầy xách ra chai rượu Tây cho tôi. Nhận chai rượu thầy cho, tôi đùa:

- Thầy ơi, lại chương trình rượu giả phải không ạ?

- Giả, giả là thế nào! Rượu biếu ông Cục phó, mà còn giả à!

Thầy ơi, biết đâu được đấy! Có thật chẳng là thật cái cuộc lũ học trò hôm nay đến thăm thầy!

Một ông thầy nữa mà hỏi sinh viên tôi hay tha thân xuống thăm. Ông là Đặng Thế Huỳnh, dạy môn truyền nhiễm, một ông thầy hom hem, gày yếu. Thể xác gày, nhưng tinh thần, thì tràn đầy nhiệt huyết, truyền đạt kiến thức đời thầy cho trò.

Xuống chơi mà tôi cứ buồn. Thầy có chiếc bếp dầu nhỏ xíu, ba chân kiềng nhỏ như ba cái nan hoa xe đạp. Ngọn lửa vàng nhón nhén, nấu đồ ăn cho thầy, như hầm thuốc bắc. Thấy bảo, bữa ăn sáng của thầy là xuống khu chợ của trường, mua một quả chay chín. Tôi không dám hỏi ông, chuyện ấy có thật không. Sao khổ đến thế thầy ơi!

Cuộc đời ông là chuỗi buồn. Dân miền Nam tập kết, chơi đàn hay và say mê khoa học. Một cô sinh viên vì tiếng đàn ghi ta đã đến với thầy. Lúc phụ nữ yêu, người ta mộng mơ lắm, sống trong lãng du.

Khi bước vào cuộc sống gia đình, họ chẳng còn mơ mộng nữa, không thể yêu những giấc mơ lãng đãng của chồng. Thế là thầy đơn độc trên con đường đi tới tòa lâu đài khoa học và cả trong mái ấm gia đình của mình.

Con đường khoa học lắm chông gai, nó gặm nhấm, tĩa rĩa ông. Thầy cũng bị những vụn vặt của cuộc đời, như tem gạo, đậu phụ, nước mắm, phiếu vải năm mét giày vò. Đến thời dạy chúng tôi, thầy vẫn nhiệt huyết, cái nhiệt huyết chảy ra của một ông thầy mệt mỏi, già nua.

Năm ấy lớp tôi tham gia hội diễn văn nghệ của trường. Nhìn cái áo ba đờ xuy của thầy, thấy hợp với nhân vật chúng tôi đang xây dựng, một nhà nghiên cứu tâm huyết, hùng hực với khoa học, học trò liền mượn áo của thầy. Sau buổi diễn, hể hả về thành công của vở kịch, chúng tôi quây quần uống chén chè nhạt, chúc tụng lẫn nhau. Trong khi đang chén chú, chén anh, thì thầy Hiền ghé vào. Chợt nhìn thấy nhân vật diễn vẫn mặc cái ba đờ xuy, thầy bảo:

- Các em chưa trả áo cho thầy Huỳnh à? Thầy chỉ có tấm áo ấy. Cho các em mượn, thầy rét đấy!

Vì vô tình, chúng tôi không đưa nào biết rằng, ông thầy chỉ có mỗi tấm áo chống rét, lũ trò lại mượn.

Dù đêm đã khuya, trời lạnh, chúng tôi, những sinh viên nghèo và cũng rét, vội vã mang áo lên khu cán bộ trả lại áo cho thầy.

Giấc mộng khoa học không thành, chuyện gia đình dang dở, cuối cùng, thầy chọn con đường kiếm tiền cứu mình, tức là thi chuyên gia sang châu Phi. Số thầy long đong. Chuyên môn, kiến thức dễ dàng vượt qua, nhưng cái cửa tưởng như bình thường, lại không vượt nổi. Khi khám sức khỏe, bác sỹ phát hiện, thầy bị suy dinh dưỡng. Ông giáo đại học bị suy dinh dưỡng. Thầy phải vào bệnh viện Việt - Xô điều trị. Ngày thầy nằm viện, một xe ô tô năm mươi sinh viên tự nguyện sang tiếp máu cho thầy.

Những tấm lòng thơm thảo của học trò, không cứu nổi ông thầy. Sau vài ba tháng, thầy Đặng Thế Huỳnh vì suy dinh dưỡng, mà ôm lâu đài khoa học về thế giới bên kia.

Ngày ấy trời đói, thầy khổ. Kết thúc giờ học buổi sáng, tới mười một rưỡi, đám con trai lên giảng đường thường giắt theo thìa trong túi. Hết giờ là lủi ngay xuống nhà ăn, không phải tốn sức, phí thời gian leo lên mấy tầng cầu thang ký túc xá lấy thìa, bát. Thiếu và đói tới mức, có năm Nhà nước hết gạo, có chính sách, cho sinh viên tét nghỉ sớm và hè kéo dài. Hồi ấy ở khoa Cơ điện, có vụ thách đố, vì đói quá, một anh chàng bạo phổi cời tròng lồng lộng chạy ra giữa

sân để lấy năm cân tem phiếu thách đố. Còn chuyện cấm quán rồi chạy làng, thưởng bánh, thưởng chuối của mấy bà bán quà vặt là bình thường.

Chúng tôi ăn cơm sinh viên, sáu đĩa một mâm, lũ con trai cứ nháo nhào đổ tốt thức ăn vào một xoong, xúm lại lấy thìa, xúc. Cái xoong lũng bưng cơm, rau, đậu và xào xào bột, trông phát khiếp. Việc chung đụng làm bệnh truyền nhiễm lây lan mạnh trong sinh viên và cảnh ăn uống chả văn hoá tí nào, nhà trường phải viết, vẽ khẩu hiệu khắp tường nhà ăn: Cấm ăn cơm bằng thìa. Hồi đó lắm khẩu hiệu và cấm lắm thứ lắm. Cấm ỉa đái bậy lung tung, đặc biệt cấm ỉa đái bậy trên mái thượng, cấm rửa ráy, hắt nước từ trên gác xuống, cấm tụ tập nói chuyện và yêu đương trước nhà sinh viên nữ, cấm hái hoa quả ở vườn thực vật, cấm ra ngoài làng ăn quán, cấm đun điện, cấm chặt bồ giường và lan can gỗ đun, cấm....

Chúng tôi học môn triết năm thứ nhất. Giảng dạy môn này là thầy Lô Dài. Thầy, trán gồ bướng, miệng chầu ra, cái mũi chun chun, trông rất hề.

Môn triết vốn khô khan, nhưng với cách giảng hài hước của thầy, lũ sinh viên học không ngán. Dù không chán, nhưng đánh đu với các khái niệm triết học, nào vật chất, cặp phạm trù,... sinh viên vẫn chặt vật học. Nhất là cái định nghĩa vật chất của ông Lênin, thuộc như cháo chảy, mà vẫn chẳng rõ ông nói gì.

Giảng về tương lai, khi bước vào thời kỳ cộng sản, ông bảo mọi người hưởng theo nhu cầu. Nghe ông nói, tôi hỏi:

- Thưa thầy, lúc đó muốn hưởng theo nhu cầu thế nào cũng được ạ?  
- Đúng, như anh muốn mấy đĩa thịt bò xào cũng được. Cứ việc ngủ, cứ việc ăn, thoải thích.

Cái món thịt bò xào tôi, tác giả là thầy. Trong các tiết học, thầy Lô thường đưa ra nhiều minh họa cho phần nội dung bài giảng. Minh họa thầy mang ra nhiều nhất là món thịt bò xào tôi, minh họa rõ tới mức, chúng tôi thuộc lòng cách thức xào thịt bò như thế nào, mặc dù đa phần lũ sinh viên chưa một lần được rờ chân đến hàng ăn. Thầy cứ chun mũi, nhú trán, tả cách thức anh đầu bếp xào thịt bò:

- Thịt bò thái mỏng nhé, mỏng tang ra thế này này. Thầy giơ tờ giấy minh họa. Mỡ... mỡ nhé, tỏi nhé, phi già lên, rồi thả thịt vào. Đảo nhanh. Xèo... xèo, thịt nó xoắn lại. Thơm... thơm là!

Ông chun mũi, khịt khịt hít, còn giọng... dài ra. Buổi trưa học sinh đói, bụng kêu ùng ục, lại ngủi thấy mùi thịt bò thơm lừng của thầy Lô, chị nào anh nấy tứa nước miếng. Có cậu còn thò tay xuống túi quần, sờ cái thìa, vô tình làm nó rơi xuống nền nhà, kêu đánh keng.

Thầy Lâu Dài nghe thấy, cười:

- Đói rồi hả? Thôi không ngủi, không ăn thịt bò xào tỏi nữa. Cho giải tán!

Chuẩn bị cho môn thi triết, thầy Lâu Dài phụ đạo cho lớp. Ban cán sự lớp chụm đầu lại, xem trong giờ phụ đạo, lớp bồi dưỡng món gì cho thầy. Hồi ấy chưa có đoạn trò biếu thầy phong bì. Ban cán sự quyết định bồi dưỡng món nước chè đường.

Không rõ ai mượn được cái ca nhôm ở đâu ra mà to thế, phải chứa hết cả lít nước. Ca nước chè đặc, hoà cả lạng đường hoa mai, đặt trên bàn của thầy. Thầy Lâu Dài say sưa tổng kết, tập hợp các kiến thức triết học. Tất nhiên, trong phần minh hoạ về vật chất, ông không thể quên anh thịt bò thái mỏng, xào tỏi thơm lừng. Khoảng gần cuối buổi, học trò thấy thầy giờ cao cái ca:

- Các em cho biết, đây có phải là vật chất không?

Học trò râm ran:

- Đúng ạ, đúng ạ! Vật chất đấy ạ!

Thầy Lâu Dài cao giọng, hỏi tiếp:

- Thế vật chất là cái này phải không?

Trong khi nói, thầy dốc ngược cái ca, giờ lên:

Lác đác có tiếng trả lời và vội dừng ngay. Cái ca nước chè to tướng, pha đậm đặc đường hoa mai đã hết từ lúc nào không hay. Đến mức, thầy dốc ngược lên, không còn thấy một giọt nước đường nào rõ xuống. Mấy vị trong ban cán sự vội nháy mắt cho nhau, nhanh tay ra pha tiếp cốc nước chè đường, mang lên bục giảng cho thầy phụ đạo triết học.

Học nghề thú y sau này giúp khối cho tôi trong nghề báo. Một lần tôi đang ngờ ngợ trước mấy hàng ăn, định lấy tư liệu viết bài vệ sinh thực phẩm vào hè, thì nghe tiếng gọi giật giọng. Hoá ra một ông bạn quen, lâu ngày không gặp nhau. Thế là tôi bị lôi tuột vào bàn nhậu. Bàn nhậu còn có mấy vị nữa. Sau cốc bia trăm phần trăm, tôi liếc xuống bàn, hy vọng có đồ mời gì, kiểu “dô” thế này xin mát. Nhưng chết cha, trên bàn chỉ có bát mắm tôm đỏ au, vắt chanh sủi bọt, cùng đĩa lòng xe điếu vơi nửa, miếng nào miếng nấy tròn căng, trắng hồng. Tôi thờ dài, buông đũa, nghĩ bụng, tránh vỏ dừa, gắp vỏ dừa...

Chả là gần nhà tôi có anh chuyên nghề chế biến lòng lợn, nên tôi biết và cách đến già, không nhúng đũa vào móm lòng lợn bán đường bán chợ.

Cứ theo sách thì, thức ăn được dạ dày co bóp, rồi chuyển xuống ruột non. Ở đây có quá trình tiêu hoá chuyển thức ăn thành dưỡng chất, đẩy lên phía trên, đoạn ruột sát dạ dày. Quãng ruột đó dài cỡ

hai mươi phân. Phần cận bã thì bị tổng xuống ruột già, gọi là phân. Nơi thôn quê, khi giết lợn người ta bắt phèo, tức là túm đoạn ruột dài độ hai mươi phân, luộc ăn ngon.

Nay các nhà hàng sáng tạo ra, bắt phèo đoạn lòng dài tới vài mét. Họ không tĩa, ken qua, rồi nhúng tái. Đoạn lòng ấy chứa dưỡng chất, phân non và rất nhiều giun sán. Gặp nước nóng, đoạn lòng căng tròn ra, người ta gọi thứ ấy là lòng xe điều. Lúc khách xin, hay vợ phải khách sành ăn, nhà hàng tính kha khá.

Nề lời ông bạn mời và ông ta cứ nắc nỏm khen món lòng xe điều hôm nay giòn sừn sựt, tôi đành cầm đũa chọn một miếng, rồi gấp bỏ vào cái đĩa rếch ở giữa bàn. Tôi cẩn thận cầm đũa day day miếng lòng. Thấy hành động lạ, mấy ông cùng bàn bĩa dừng ăn, uống, đổ dồn mắt vào đầu đôi đũa của tôi. Bất thần từ hai đầu miếng lòng, một khối nhờ nhờ, dùng đục phùn ra, tiếp đây là một vật hình bầu dục to bằng hạt bưởi tuồn ra tiếp. Tôi khẽ nói, đây là con sán tai hồng, các nhà thú y học gọi là sán lá ruột lợn. Ở miền Bắc, gần như một trăm phần trăm lợn nhiễm loại sán này.

Tôi còn giải thích, may là không phải lợn gạo. Nếu ăn phải lợn gạo, thì theo lý thuyết, mỗi người chỉ chứa được một con sán dây, do cạnh tranh sinh tồn mà. Con sán dây dài chừng vài chục mét. Lợn gạo phải huỷ, tức là đem chôn. Nhưng bây giờ có thấy ai đem thịt đi chôn đâu.

Mua phải thịt lợn gạo, nhà hàng sẽ tẩm phẩm đỏ xanh, gia vị hành tỏi tra vào. Hỏi vào quán, ai lại cứ nhăm nhăm gấp miếng giả cày, hay miếng thịt bò tái trong bát phở đưa lên mắt xem có gạo không, ăn thế mắt ngon, ăn mà toàn nghĩ tới sán, ăn sao nổi. Mà phải ông nhà hàng cao tay, đem xay cho nhuyễn, làm thành... giò chả gạo. BỐ ai biết.

Ta ăn lợn gạo, không phải là ăn sán, mà chỉ là ăn ấu trùng sán thôi. Vào đến bụng rồi, nó mới nở ra thành con sán dây dài tới vài chục mét kia. Và thỉnh thoảng, nó đứt vài đốt chứa đầy trứng, trứng theo phân thải ra ngoài. Lợn, bò ăn phải trứng sán, nó sẽ chuyển thành ấu trùng, ngụ ở các phần cơ, như cơ đùi, cơ lưng, cơ hoành, đó là gạo, tức ấu trùng sán.

Nghe tới đây mấy ông bạn kia há hốc mồm, chẳng hiểu các vị quá ngạc nhiên, hay vì miếng lòng xe điều còn dang dở trong miệng và lo cho cái bụng của mình, có con sán dây dài tới vài chục mét không.

Tôi cam đoan, mấy ông ấy, chẳng cần phải đọc bài báo của tôi về an toàn vệ sinh thực phẩm, từ đây sẽ vệ sinh thực phẩm lắm.

## Bụi vết tháng năm

### CHƯƠNG III - 20

#### Trâu cười

"*Dân Thanh Hoá ăn rau má phá đường tàu*". Mới đầu tôi cứ tưởng chỉ mỗi Thanh Hoá nhà ta mới ăn rau má, sau này vào Nam, thấy hàng giải khát bày bán nước sinh tố rau má, tôi cứ ngạc nhiên.

Năm học thứ tư chúng tôi về thực tập ở một huyện đầu tỉnh Hải Hưng, giáp ngay Hà Nội, huyện Mỹ Văn bây giờ, hình như tên xã đó có nghĩa là con đường vui. Tôi không nhớ tên ông chủ nhà lữ sinh viên chúng tôi trọ.

Nhà có ông, bà chủ và bà mẹ già, họ đều cao tuổi. Bà mẹ khoảng gần tám mươi, cụ bị ốm đau gì đó, suốt ngày nằm trong buồng. Trọ, song sinh viên chỉ ngủ, còn ăn uống, thì hợp tác lo, làm thôn nào, ăn cơm thôn đó. Khoảng trưa, hay chiều tối, chúng tôi mới về nhà trọ.

Những lúc về nhà trọ, tôi đều thấy ông chủ lóc cóc bằm đám rau. Ông ta bằm kỹ càng lắm và cũng chỉ có một nhúm rau thôi. Tiếng bằm canh cách, đều đặn. Tôi dân ăn gạo sỗ, nhà không chăn nuôi lợn bao giờ, nhưng nay học nghề liên quan đến lợn gà, nên nay cũng biết chút kiến thức dinh dưỡng cho gia súc. Thấy cảnh ông già cần mẫn bằm rau lợn, ngạc nhiên, tôi hỏi anh bạn lớp trưởng Ký, người cùng nhóm thực tập:

- Ông này, tôi thấy lạ, trưa, chiều nào ông chủ cũng chí chát bằm rau lợn. Rau lợn gì phải bằm kỹ thế, lại chỉ có một nhúm?

- Lợn đâu mà lợn! Bằm cho người ăn đấy! Bằm rau má để ghế vào cơm.

- Ăn rau má? Độn rau má?

- Chứ còn gì nữa! Không biết à? Ngày nào ông ta chẳng bằm. Để độn rau má, người ta phải bằm kỹ. Cơm sắp cạn, thì ghế vào. Đói,

dân ở đây đói lắm!

Đến lúc này tôi mới ngấm ra. Làng quê hiu hắt, gia đình chúng tôi trở còn hiu hắt hơn, như nhà hoang. Tôi cứ tưởng tượng, căn nhà này như ngôi nhà trong một truyện ngắn *Quái dị* của Nam Cao. Trừ lúc lũ sinh viên có mặt, thì có tiếng người, còn tịnh không nghe thấy một âm thanh nào, ngoại trừ tiếng húng háng ho của bà già ốm trong buồng vọng ra và tiếng lách cách băm rau má độn cơm của ông chủ. Đến tiếng chó sủa, mèo kêu cũng không.

Trong khi dân đói, thì cơm tiếp sinh viên bữa nào cũng thịt cá ê hề. Chúng tôi về thực tập ở đây theo hợp đồng của nhà trường với các hợp tác xã trong huyện để chăm sóc sức khỏe đàn trâu bò tập thể. Hợp đồng là dạng manh nha kế hoạch ba, làm ăn kinh tế, đổi mới sau này. Công việc gồm hai phần: Trước hết là tiếp nước đường cho trâu và sau khi vực sức khỏe chúng lên, sẽ tiến hành thẩm mỹ - tức vá mũi. Con trâu hai ba tạ, tiếp mấy chục gam đường glucô, khỏe mạnh lên thế nào được, ngang bằng voi uống thuốc gió! Đám trâu bò còn bị lũ sinh viên chưa quen tay tìm vein, dùng xơ ranh đâm chọc cho, máu vãi ra hàng bát.

Ngay buổi đầu tiên, kiểm tra số lượng trâu bò của hợp tác xã cấp cao toàn xã, chủ nhiệm thông báo: bầy thôn còn tất cả mười lăm con trâu. Bao năm quản lý chặt chẽ, muốn giết trâu, phải đơn từ trình lên tận chủ tịch huyện, vậy mà trâu bò cả xã còn mười lăm con. Đói, rét và vất vả cày kéo ruộng đất tập thể, chúng chết hết mất rồi. Sinh viên hỏi, thế thì lấy sức kéo ở đâu, ông chủ nhiệm thờ dài, thiếu đấy, thôi thì lấy sức người ra cày cuốc ba trăm ha ruộng đất của hợp tác.

Sau khi bàn bạc, nhóm sinh viên đưa ra phương án, với số lượng trâu bò trên, chỉ tập trung làm độ dăm hôm là xong. Xong việc, tất cả về thăm nhà. Tâm lý sinh viên, ai chẳng thích tranh thủ biến về quê vài hôm. Vừa nghe vậy, ông chủ nhiệm giã nảy: Sao chỉ dăm hôm. Lên kế hoạch rồi, phải đủ mười hôm. Nói xong, ông ta đọc luôn, chi tiết từng ngày, từng thôn và giờ bản kế hoạch có chữ ký cùng dấu đóng đỏ chót, nhấn mạnh, Ủy ban xã duyệt rồi đây này.

*Con trâu là đầu cơ nghiệp*, bao đời nay có câu ca vậy. Chỉ đến khi bước vào thời kỳ làm ăn tập thể, con trâu chẳng còn là đầu cơ nghiệp của riêng nhà nông nào nữa. Nó là cơ nghiệp chung, toàn

dân cùng giữ. Sau biết bao lý luận và giáo dục về tinh thần làm chủ tập thể, nó sinh ra cái thứ tinh thần làm chủ: tôi nghĩ anh giữ, anh nghĩ chị giữ, chị lại nghĩ ông thôn bên giữ, ông thôn bên nghĩ bà xã bên giữ, để cuối cùng, ai cũng nghĩ ai giữ.

Trâu cười, chắc chỉ có trong truyện tiểu lâm. Thế mà dưới thời hợp tác, lũ trâu toàn toe toét cười. Của chung, nên ai cũng thẳng tay giật kéo. Cái mũi bằng thịt, không chịu nổi, toác ra thành cười.

Vụ con trâu ở thôn đầu tiên chúng tôi chăm sóc, ông chủ dắt ra. Con trâu đã gầy, ông chủ còn khăng khiu hơn. Ông này tính vui nhộn, vừa dắt trâu ra, vừa oang oang nói với nó, nói với trâu mà như nói với người:

- Sung sướng nhé! Chuyến này mày được xã hội quan tâm, chăm sóc sức khỏe đấy! Được tiếp cả nước đường nữa. Đến như vợ tao là người, ốm đặng phải khênh lên nhà thương huyện, mới được tiếp chai nước đường. Báo cho mày biết, các cô chú sinh viên còn đem mũi mày ra đẽo, cho mày đẹp. Lúc ấy, không còn kiêu khinh mạn, cười nhạo chúng tao nữa!

Rồi ông tiếp:

- Sao mày cứ nghênh mặt lên cười? Mày có biết kế hoạch tiếp khách không? Còn cười nữa, ông đề nghị cho mày vào kế hoạch tiếp khách, thì rồi đời con ạ!

Ông ta nói, còn lũ sinh viên cười rinh rích. Mới đầu nghe ông nông dân dọa dẫm con trâu về kế hoạch tiếp khách, tôi không rõ ông ta nói gì, sau đó mới hay kế hoạch đó là gì.

Trong quá trình phát triển của xã hội loài người, thì phát hiện ra lửa, ra chữ viết, rồi dùng tiền thanh toán là văn minh của nhân loại. Các phát kiến này, đôi lúc người ta lại bỏ đi, không dùng nữa. Như cái xã tôi đến thực tập, họ sáng tạo ra vật trung gian thanh toán là chó, gà, lợn, thóc.

Một cân lợn hơi bằng sáu cân thóc, một cân gà hơi bằng ba cân lợn hơi, một cân chó hơi bằng ba cân lợn hơi, một cân chó hơi bằng mười tám cân thóc. Đây là công thức hợp tác xã áp dụng tính cho xã



viên. Khi nộp sản phẩm chó, gà, lợn, dùng cho các bữa tiếp khách, xã viên ứng trước, không ứng cũng phải nộp. Nếu cần, cán bộ cứ nhảy vào chuồng, vào sân nhà xã viên mà bắt. Đến vụ, hợp tác quy ra thóc, trả. Tất cả tính vào công điểm, chia đều, xã viên cùng đóng góp. Công bằng, dân chủ, phát huy được tính quần chúng, mà lại công khai.

*Anh làm chủ nhiệm đã ba năm*

*Ba năm vật lộn với khó khăn*

Cái nhà ông chủ nhiệm, nơi chúng tôi đến thực tập, khác với anh chủ nhiệm của nhà thơ Hoàng Trung Thông miêu tả. Ông chủ nhiệm này chỉ bận rộn với kế hoạch bắt chó, giết lợn, bố trí nhà xã viên nấu ăn để tiếp khách. Thảo nào nhà ông chủ tôi trọ, không có tiếng chó sủa, gà kêu.

Hợp tác xã lên kế hoạch tiếp chúng tôi rất chi tiết: từng ngày, từng thôn, từng nhà, từng bữa, tiếp bằng lợn, hay chó, bao người ăn, đặc biệt cái vùng này có khoản tiết canh chó, tiết đở lòm, ăn mát và bổ! Có tất cả năm khách sinh viên, mà hằng ngày hợp tác xã bố trí tới ba mươi cán bộ tiếp đón. Thành phần chủ nhà gồm: đại diện đảng uỷ, uỷ ban, xã đội, an ninh, hội phụ nữ, mặt trận, thanh niên, y tế, người cao tuổi,....

Riêng ông chủ tịch xã tiếp khách từ tờ mờ sớm. Ông này rất ưa khoản tiết canh và đôi bầu dục chần tái. Khi sáng con lợn vừa được ngã ra, trước khi ra trực Ủy ban nhân dân, ông chủ tịch tạt vào, xơi trước bát tiết canh và đôi bầu dục chần, cùng dấm chén rượu nhạt.

Sáng đó chúng tôi chăm sóc sức khoẻ cho một con trâu. Con này yếu quá, anh em tiếp nước lại nhanh, nên nó xốc. Sinh viên phải hồi sức cấp cứu mãi, tiêm mấy xơ ranh ca-phê-in, nó mới tỉnh tỉnh. Mãi mười một rưỡi mới xong việc, chúng tôi kéo tới nhà một xã viên, hợp tác bố trí nấu nướng tiếp đoàn bữa trưa.

Khi tới nơi, chỉ còn mâm cơm phần sinh viên bày ở chiếc chiếu góc nhà. Đợi khách lâu quá, các mâm khác, chủ nhà đành tiếp trước hết rồi. Nhìn thấy mâm bát còn vương vãi, lũ trẻ ba, bốn đứa con nhà chủ đang mút mát xương và húp canh dờ các mâm. Mồ mề xương

xấu đồ thừa xong, lũ trẻ quay ra ngắm nghía đám sinh viên ăn. Nhìn lũ trẻ xanh xao, đũa thò lò mũi, đũa bụng ổng chăm chăm nhìn, tôi không nuốt nổi. Chả ai bảo ai, lũ sinh viên vội ăn cho nhanh và bỏ lại gần nửa mâm, để đám trẻ còn có cái hôi tát.

Ăn xong, chủ nhà mời khách xuống nhà ngang. Bước vào nhà, thấy đủ văn võ bá quan đoàn thể, họ đang quây quần quanh mấy chiếu bạc. Mặt mũi ông nào ông ấy đỏ gay vì bữa rượu, họ mới tiếp khách sinh viên. Dịp ấy là vào khoảng giữa năm 1984.

## **Bụi vết thán năm**

### **CHƯƠNG III - 21**

#### **Bầu cho con bò**

Vào dịp cuối năm thứ tư, tôi đi thực tập tốt nghiệp. Tôi và Nga, quê thị xã Phủ Lý cùng một nhóm. Chúng tôi về thực tập ở trung tâm nghiên cứu vịt.

Khi mới đến, Nga bảo tôi, anh giả vờ là người yêu em, thật tình cảm vào. Tôi chả rõ, sao phải làm vậy, nhưng cũng nghe theo bạn, đóng mình như người yêu thật. Việc đóng không phức tạp gì, chỉ cần xưng anh, gọi em và một vài việc quan tâm giúp, thế là thành yêu nhau rồi.

Cũng vì giả đóng tình yêu, tý nữa tôi mất anh bạn. Tôi và Lũy ở cùng phòng ký túc. Cậu quê Gia Lộc, giờ làm Phó giám đốc Trung tâm Thú y Hải Phòng. Lũy và tôi thân nhau như anh em ruột. Cậu mấy năm đơn phương yêu Nga và bao lần thổ lộ với tôi. Khi thấy tôi tình cảm với Nga, anh bạn tưởng rằng chúng tôi yêu nhau, thế là cậu chàng lẳng lặng buồn và đau khổ. Mãi mấy năm sau Lũy mới tâm sự ra điều đó. Tình cảm, suy nghĩ của con người phức tạp thế. Cũng chả trách Lũy, tin bạn còn mất vợ nữa cơ mà!

Việc giả yêu, sau này khi thực tập ở đây, tôi mới hay, phụ nữ thật khổ. Và Nga biết trước những chuyện phức tạp này. Là con gái đi thực tập, lại chưa có người yêu, sẽ rất mệt, mấy ông lãnh đạo xúm vào. Mất bao tháng ngày ăn học, có vượt qua ngưỡng này, mới giành được tấm bằng đại học, nhiều cô đành cố mà chịu.

Y như rằng, cái ông lãnh đạo ở trung tâm vịt có cái máu dê. Tôi không chứng kiến cảnh dê của ông ta, vì dù có dê, ông ta cũng không dê với tôi. Chỉ nghe kể một câu chuyện đã thấy lộn ruột.

Có hai sinh viên mấy khoá trước về thực tập, ông ta thích một cô. Họ ở cùng phòng, ngủ cùng giường. Một đêm, ông kia máu quá, mò vào. Cô sinh viên mà ông ta định tòm tem, lại nằm phía trong. Muốn vào, ông ta phải trườn qua cô sinh viên nằm ngoài. Trong lúc đang trườn, cô này tỉnh giấc. Ông kia vội bịt mồm cô ta, trấn an: *Anh... không em đâu.*

Việc kín như thế mà nó cứ toé ra. Sau đó ở trung tâm, nhiều người chào nhau bằng câu cửa miệng: *Anh... không em đâu.* Chuyện nghe như tiểu lâm, thế mà việc hành sự của ông ta vẫn xong.

Xin tả một chút về ông này. Người cao lêu đêu, gày như ống sậy, mặt dạng lưỡi cày. Ấn tượng nhất là đôi mắt tèm nhem, di chứng của tục rửa nước ao tù, nên đau mắt hột. Thứ nữa là cái bình và cảnh ông ta xịt thuốc vào mũi. Bị bệnh phế quản, ông ta luôn giắt theo mình cái bình xịt thuốc kháng sinh dòng streptomycin. Cứ lên cơn là ông ta đút cái vòi vào lỗ mũi, xịt xịt, bóp bóp, trông đến tởm. Hình dong như vậy mà ông ta xơi được khối sinh viên thực tập. Phải chịu với ông ta, kể cũng khiếp!

Phép của Nga áp dụng lại đâm ra hiệu nghiệm. Cái ông máu dê kia không dám đụng vào Nga. Chỉ khổ nổi, cả hai chúng tôi bị hành, phải thực tập y như là thực tập thật. Trung tâm vịt được đầu tư khá lớn. Thấy bảo trung tâm này sẽ thành nơi nghiên cứu vịt tầm cỡ quốc gia, tầm cỡ khu vực và quốc tế. Nghe nói nó được các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu đổ vào rất nhiều tiền, quy đổi ra tới cả triệu rúp - đô la.

Tầm cỡ thế nào chưa biết, chỉ thấy rằng, trứng đưa vào ấp, đa phần thành trứng vịt lộn và lũ vịt Tây Anh đào gốc nhập về, nặng ba bốn cân, lai ra thành giống vịt trắng đen, chạy khắp các cánh đồng vùng Từ Liêm, Hà Nội, đến mấy huyện vùng cầu Giẽ, Hà Tây,..... Một thành quả nữa là cái lò ấp vịt thủ công, dùng dầu hoả, công trình nghiên cứu khoa học của Viện Nuôi vịt đưa xuống, rất tai quái, cứ sênh người ra, nhiệt độ lên vù vù. Có lúc nhiệt kế báo tới bốn trăm độ

xê. Vịt, chứ người nhét vào ấp, cũng thành người đẻ.

Thế nên công nghệ ấp vịt chính của trung tâm nghiên cứu này là chảo gang và thóc rang ủ trứng, còn điều khiển quy trình ấp trứng là một anh nông dân hợp đồng. Anh này tính hơi bị dở, thích thì làm, không thích thì thôi. Máy tay kỹ sư chăn nuôi, cán bộ nghiên cứu của trung tâm, nghiêng răng nghe anh ta sai phái. Họ phải nghe, bởi anh ta được ông lãnh đạo mắt tèm nhem kia cưng chiều.

Nhiệm vụ của trung tâm rất nhiều, song quan trọng nhất là khâu đón tiếp kính thưa các đoàn khách của Bộ chủ quản qua đây. Trong khi đón tiếp, ít thì đưa khách ra đánh chén lòng lợn tiết canh ở mấy quán xá khu vực thị trấn gần đó, rồi kính tặng mỗi thành viên đoàn vài ba chục trứng nghiên cứu ấp dở, sắp thành vịt lộn. Trứng nghiên cứu đưa vào ấp đều đánh sỗ, ghi tỷ mỹ vào sổ về lý lịch cụ kỵ hai bên nội ngoại con vịt. Công việc của Bộ nhiều, nên các đoàn của Bộ qua đây cũng sẵn, họ cứ đều đặn vào thăm Trung tâm, một tuần chí ít cũng tới mười đoàn.

Thời gian chúng tôi thực tập khoảng hơn nửa năm, từ tháng mười đến tháng sáu năm sau. Do hoàn cảnh khó khăn, các cơ sở bung ra làm kinh tế. Tùy theo sự tháo vát và cách làm ăn của từng nơi, kế hoạch ba rất đa dạng. Kế hoạch ba của trung tâm này là dùng quỹ công đoàn mua một con bò. Dịp mua bò đúng vào đợt chúng tôi đến thực tập ở đây.

Đất của Trung tâm rộng, không trồng cấy gì, để cỏ mọc hoang, con bò kia ăn tự do. Không như trung tâm nghiên cứu bao đề tài, như: nuôi vịt thế nào lớn nhanh, mà không tốn thức ăn; trứng vịt loại nào ấp, tỷ lệ ấp ra nhiều... trứng vịt lộn. Đại loại toàn nghiên cứu tầm vĩ mô. Còn con bò kia chỉ chăm chỉ ăn, chẳng cãi cọ với ai, chẳng phấn đấu chỉ tiêu nào, cũng không phải ra tiếp khách từ Bộ xuống.

Đến kỳ chúng tôi hết đợt thực tập, cũng vào dịp trung tâm bình bầu, xét duyệt lao động tích cực giữa năm, bọn sinh viên thực tập chúng tôi chẳng thuộc loại dạng nào, vẫn vinh dự được lôi vào họp. Ngồi cho có mặt, dự cho có đủ thành phần, tôi biết vậy, nên yên phận tìm một góc, im im họp bình bầu.

Cuộc họp rất căng, moi móc ra đủ chuyện. Ông lãnh đạo mắt tèm

nhem còn sùi bọt mép giảng giải về chỉ tiêu, mục đích phấn đấu của Trung tâm, về nghĩa cử cao đẹp mà các nước phe xã hội chủ nghĩa anh em Đông Âu, dành cả triệu rúp-đô la ra viện trợ cho chúng ta,...

Đến mục bình bầu lao động tích cực, nghĩa là những thành viên nhiệt huyết, hết lòng phấn đấu vì trung tâm, trong không khí tranh đấu của mọi người, bất chợt tôi ngó ra ngoài cửa sổ, trông thấy con bò, nó đang nhờn như gặm cỏ.

Chỉ sau năm, sáu tháng được hít thở khí trời tự do, thoải mái gặm cỏ, và chẳng có ai định hướng cho nó cả, chú bò gầy gơ xương trước kia, nay thành mũm mĩm. Ôi, con vật ít tư duy kia lại đem cho xã hội một đồng của cải, vật chất cụ thể. Giá trị của nó là mấy chục cân thịt nạc. Chẳng như một lô cán bộ nghiên cứu họp trong phòng này, toàn là trứng vịt lộn. Bất chợt phát hiện ra điều lý thú kia, suýt tôi giơ tay, bầu con bò là lao động tích cực, không, phải lao động xuất sắc cơ. May mà tôi mới chỉ thoáng có ý nghĩ trong đầu. Hôm ấy mà bầu con bò là lao động xuất sắc, thì tôi chẳng có cái bằng đại học như ngày hôm nay.

## **Bụi vết tháng năm**

### **CHƯƠNG III - 22**

#### **Khoán cả cúng**

Bạn bè lớp tôi tốt nghiệp ra trường, đa phần hành nghề mình học. Chỉ có vài đứa rẽ ngang. Hai đứa học sinh giỏi, giật giải thành Nam Định hồi phổ thông, là Thềm và Tùng, xin mãi không được việc. Thềm đành ở nhà bán vật liệu xây dựng, còn Tùng rẽ sang nghề bảo hiểm. Với sức học như Thềm, một, chứ hai, ba bằng tiến sỹ, giật nhẹ như lông hồng. Kể thứ ba bỏ nghề thú y là tôi, ra làm báo. Tiếp đó đến Hoàng, sản xuất kinh doanh.

Hoàng quê huyện Tứ Kỳ. Lần tôi và Hoàng đến nhà thư pháp Nguyễn Xuân Hoà, xin chữ, sau khi hỏi quê Hoàng, cụ giảng giải, Tứ Kỳ là bốn lá cờ, đất nghèo, mà xưa, vùng ấy đổ đát và làm quan nhiều lắm. Thảo nào, hồi học đại học, Hoàng cũng tay học tâm cơ trong khoa.

Ra trường, mới đầu Hoàng vẫn làm nghề mình học, phụ trách thú y xưởng chế biến thực phẩm, sau đó lên phụ trách xưởng. Tuy không học kinh tế, nhưng cậu chàng có đầu óc kinh doanh. Trong cảnh nửa đổi mới, nửa bao cấp, phụ trách cái xưởng ngót trăm công nhân, không những Hoàng giải quyết đủ đầy lương, mà mỗi năm còn nộp lên công ty cả tỷ đồng lãi.

Điều trái khoáy là vị giám đốc hơi tham. Đáng lý ra, vị ta cứ ngồi trên mà hưởng, thì lại nghĩ, cái xưởng này còn bỏ nữa. Ông ta liền nhét chân tay vào và hất anh chàng Hoàng ra.

Lãnh đạo công ty của Hoàng hình như có bệnh tham tiền sử. Ông cựu giám đốc trước, vì xơi nhiều quá, nên phải vào tù cỡ mười năm, cái án tù kinh tế nổi tiếng tỉnh này một thời.

Đến ông giám đốc này cũng không kém cạnh. Ông ta làm xiếc tởm. Từ tởm Tàu biến hoá thành tởm xuất xứ ta, rồi đem ra xuất khẩu, lấy phần trăm tiền của Chính phủ hỗ trợ nông sản xuất khẩu. Ông này vẽ dự án đại tài. Cái dự án tuyệt mỹ và thành công nhất là việc đem trụ sở công ty ở ngay ngã tư nhà máy sứ, vương thành sắc cạnh, đẹp đẽ vậy, bỏ ra làm đôi, bỏ cả đất lẫn nhà, rồi bán cho anh ngân hàng. Ông giám đốc này điển hình cho lớp cán bộ một thời yêu và toàn sống dựa trên các chính sách của nhà nước, bòn rút công quỹ giỏi và di dòi an toàn, trước khi tàu đắm.

Anh chàng Hoàng bị ỉn bằng cách điều ngược lên trên. Tiếng là phó giám đốc, nhưng là phó hờ, ngồi chơi xơi nước và nghiên cứu báo Nhân dân. Đang làm việc, giờ bị đầy ra xơi nước, Hoàng chán quá. Cuối cùng, anh chàng giấu, hùn vốn với mấy anh em, mở cơ sở kinh doanh. Việc đó thì không giấu được ai. Giám đốc tìm mọi cách đi Hoàng, đi tới mức, cậu ta có nguy cơ bị khai trừ khỏi Đảng. Lúc đó Hoàng thường đùa, giờ em là loại đảng viên xấu nhất, nhì tỉnh.

Hỏi Hoàng còn ở Công ty cũ, tôi và Tô Quang Nam, nay là Trưởng ban Thời sự báo Tiền phong, từng nửa đêm lên xe lợn của công ty đi Thái Bình điều tra, xem người ta hành chính sách khuyến khích nông sản xuất khẩu như thế nào. Trên xe, tôi và Nam được cả đêm ngủi phân lợn, trưa hôm sau đói quá, phải mua trứng vịt lộn ăn lấy no.

Trong khi công ty cũ, Nhà nước đầu tư mấy chục năm trời, đất cát, vốn liếng tới vài ba chục tỷ, vẫn làm ăn lẹt đẹt. Còn công ty Thắng Lợi của Hoàng, thuê được vốn vẹn ba ngàn mét vuông đất, vốn tự bỏ ra, mà nay sản lượng xuất khẩu lợn sữa đứng đầu trong các công ty cùng ngành hàng các tỉnh phía Bắc.

Có lần tôi đi với Hoàng tới một công ty bạn. Gần hai trăm cán bộ công nhân, một nửa là chân gián tiếp. Mới cuối chiều, khoảng sân rộng ngót ha, cánh hành chính nô nức chơi cầu lông, còn công nhân dưới xưởng đang ề nhau chọc tiết và vật lông lợn.

Chả bù cho công ty của Hoàng, chỉ mười người ăn lương gián tiếp, còn lại việc gì cũng khoán. Đến như việc cúng lễ cuối năm cũng khoán. Một năm ngày áp Tết, tôi cùng Lê Việt Hùng, phóng viên báo Nông nghiệp xuống cơ sở Hoàng chơi, thấy ông thầy lui cui ngồi gõ mõ, khấn lễ, bên cái miếu dựng trước khu nhà xưởng. Hoàng giới thiệu:

- Ông thầy đang cúng đấy. Nghề sát sinh này phải chu đáo. Bao sinh linh lang thang quanh đây. Chúng mà quấy nhiễu là mệt.
- Sao có mình ông thầy. Nhân viên công ty đâu, không có người phụ lễ?
- Khoán, khoán cả rồi. Cứ cúng hết ba tiếng là xong, năm giờ chiều đến tám giờ tối.

Tôi đùa:

- Khoán thì khoán chứ, cũng phải kiểm soát. Không người giám sát, nhớ cứ lộc lá thầy khấn hết về nhà thầy, hay mang tuốt tên tuổi anh em, con cái ra kêu cầu, thì các ông mất toi tiền à!

## **Bụi vết tháng năm**

### **CHƯƠNG III - 23** **Kiếp họ nhà trư**

Tôi tốt nghiệp đại học vào cuối năm 1985, năm đầu tiên Nhà nước áp

dụng chế độ sinh viên tự xin việc. Thế là thoải mái quá. Ngay từ khi bước chân vào trường, sinh viên ao ước, ngày ra trường, được tự đi liên hệ. Tôi được mấy đồng hương khoá cuối quân sự cho, cứ nhận chân cán bộ lớp, nghiêm nhiên khi ra trường, được suất liên hệ. Nghe theo lời quân sự, trong buổi bình bầu, sắp xếp cán bộ, tôi hăng hái đề cử mình và được luôn chân lớp phó phụ trách quỹ.

Một cái lớp vốn vẹn hai mươi tám sinh viên, có tới năm cán bộ, gồm: lớp trưởng phụ trách chung – Ký; lớp phó phụ trách học tập – Tùng; lớp phó phụ trách đời sống - Huệ; lớp phó phụ trách lao động - Toại; lớp phó phụ trách quỹ là tôi, chưa kể mấy vị công tác Đoàn. Bộ máy như vậy công kênh quá. Có lẽ vì ảnh hưởng từ trứng nước, nên các cơ quan nhà nước của ta, bộ máy mới công kênh chẳng?

Năm năm làm cán bộ tôi mất khá nhiều công sức học và giữ tiền của lớp, quỹ toàn những giấy và chữ ký. Đùng một cái, lúc ra trường, hoà cả làng, ai cũng được tự do liên hệ công việc. Nhà nước đã tháo khoán sinh viên, muốn liên hệ ở đâu, thì liên hệ. Lúc này, có thể do các cơ quan, doanh nghiệp thừa mứa trí thức rồi.

Sau vài tháng liên hệ, tôi xin được chân hợp đồng, lại làm đúng nghề mình học và ngay giữa thành phố. Đó là lò mổ lợn, cơ sở giết mổ tập trung phục vụ thịt cho cả thành phố. Tôi bác sỹ thú y, giờ làm chân kiểm dịch, hợp quá. Công việc hơi nhàn, sáng tám giờ đến cơ quan, ngồi ngay cửa sau lò mổ nhập lợn, kiểm dịch bằng mắt, chẩn đoán xem con nào ốm, con nào khoẻ.

Công việc thì nhàn, chỉ tội lương hơi ít. Chi cục trả mười cân gạo một tháng. Tôi chưa phải chân biên chế, mà hợp đồng, hợp đồng miệng. Điều vất vả và độc hại là suốt ngày phải ngửi phân và tiếng eng éc lợn kêu. Trong đội trực trước cửa lò nhập lợn có ba bộ phận, tôi thuộc Chi cục Thú y thành phố cử xuống, một ông Bộ Nội thương, ông này chuyên kiểm tra, ghi chép cân đo, đếm số đầu lợn và một ông bên lò mổ, cũng cân đo, đong đếm.

Có làm mới biết, kiểu quản lý bao cấp, dân không đói mới lạ, cha chung chả ai khóc. Nhập lợn thì giờ hành chính. Lợn thu mua từ các tỉnh xa về, bị nhốt chen chúc mấy chục con trên một xe, lại nóng bức, lợn khoẻ cũng thành ốm.



Cái kiếp họ nhà Trư đã khổ rồi, kiếp họ Trư dưới thời bao cấp, còn khổ hơn. Sinh ra, lớn lên, thì đói khát, chỉ toàn cơm thừa canh cặn, đến khi xuất chuồng đến chỗ chết, bị nhồi nhét mấy chục con một xe và rông rần hàng trăm cây số mới đến được nơi chết.

Chúng đã thoát đâu, cả một đời đói khát, trước khi về chầu trời, các ông bà chủ lại tống tiền bằng bữa ăn lòi kèn tổng nhĩ. Họ chẳng ưu ái, thương xót lợn đâu, mà chỉ cốt nhồi cho thật no, khi cân, tăng thêm được dăm, bảy cân hơi. Thế nên đám lợn trên xe, cả đực lẫn cái, con nào con nấy trông như lợn chửa. Vẫn chưa hết. Về đến lò mổ chúng chưa được giết ngay đâu, còn phải đợi, phải chết theo kế hoạch tiêu thụ thịt của thành phố. Theo kế hoạch thịt, lũ lợn thường phải đợi hai, ba ngày, có khi cả tuần. Trong những ngày đợi chết, người ta chẳng có kế hoạch lương thực cho chúng ăn.

Đói, lũ nhà Trư kêu la suốt ngày. Kêu do đói một phần, phần khác chúng kêu gào bởi những vết thương trên mình hành hạ. Khi xe chở chúng áp dít vào bệ cân, để xua chúng xuống, người ta dùng gậy. Đây là với những con nhát. Vớ phải con gan lì tướng quân, đánh đuổi không xuống, thì dùng móc sắt lôi xuống.

Thanh sắt dài chừng hơn hai mét, một đầu nhọn, uốn cong. Thanh sắt móc kia sẽ thẳng cánh bồ xuống con lợn, đâm sâu, móc chặt da thịt chúng. Có con lì lợm, phải hai người nhất loạt bồ, nhất loạt lôi, mới kéo xuống được. Giống lợn khoẻ thật, vết thương sâu là vậy, lại bị nhốt đói nhiều ngày, vẫn dai dẳng sống. Nhiều con vết thương quá sâu, nhốt cả tuần, thân mình lở lói, giết ra, xẻo đến một phần ba con lợn. Để đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, dù là đói, đám thịt thối này vẫn phải đem đi chôn.

Dịp gần cuối năm, ba cơ quan ngồi lại với nhau. Trước số tiền kiểm dịch ông Chi cục thú y định thu, ông nội thương liền lý luận: Lợn xuống nhanh, nhiều như vậy, chúng tôi mấy người kiểm tra, chỉ việc đếm còn không xong. Bên các ông, có mỗi cậu thú ý mới ra ràng, bằng cách nào mà kiểm dịch nổi. Mấy ông Chi cục đuổi lý, chẳng thu được đồng nào. Gần năm trời trả công cho tôi hơn tạ gạo, thành ra công cốc. Ngay sau đó, cái hợp đồng bằng miệng với tôi, bị huỷ.

## **Bụi vết tháng năm**

## CHƯƠNG IV - NƠI LÀNG VỢ

### 24. Cô sư đi giải hạn

Cứ đôi tháng tôi lại phi xe về làng Lại Đà, thăm ông bà nhạc. Con rể, bố vợ hợp chuyện, cứ gặp là chuyện nỏ như ngô rang. Hết chính trị, lại xoay sang lịch sử Đông, Tây. Thôi thì tạp pín lù tôi đều hầu chuyện được ông cụ. Lắm chuyện ông nhạc kể hay đáo đẽ. Cái chuyện thời bao cấp nhà ông giết lợn lậu, nghĩ tức cười. Ngày giỗ, nhà giết vụng con lợn đẹn. Chờ đến khuya, nó mới được lôi ra chọc tiết. Ông nhạc tôi dân giáo học, chân yếu tay mềm, nhát dao vừa bổ xuống, con lợn đẹn không chặt, giã ra, vụng chạy thoát. Đêm hôm làng quê thanh vắng, tiếng lợn kêu eng éc, quá bằng lay ông tôi ở bụi này. Tôi hỏi ông:

- Thế sau vụ ấy, nhà mình có sao không ạ?

- Thôi thì quanh xóm, toàn trong họ ngoài làng, người ta cũng lờ đi cho, ai nở tở.

Lại cái chuyện chia len. Nhà trường được phân phối cuộn len. Giáo viên thì đông, để công bằng, công đoàn liền dỡ cuộn len ra ... chia. Cuối cùng, mỗi đoàn viên được cuộn len bằng quả chanh. Dem ra đan găng tay, thì chỉ đủ cái thân bàn tay, còn ngón tay lại cụt. Cuối cùng, mọi đoàn viên đành để cuộn len làm kỷ niệm.

Ông là người hay nhớ chuyện xưa, chuyện sử nước, sử làng, sử họ. Ông bảo:

Các cụ ta trước có câu, hát hồng là cái nghề xướng ca vô loài. Thế mà họ nhà tôi có nghề con hát đấy. Xưa, cùng với đất Lỗ Khê, Trịnh Xá, thì làng tôi cũng là đất sinh ra nhiều ả đào có tiếng. Làng có hai giáo phường, một giáo phường thuộc họ Nguyễn. Liên chị ca trù nổi tiếng họ Nguyễn tôi là cụ Nguyễn Thị Khuy (1686 – 1764). Cụ từng vào hát trong phủ chúa Trịnh.

Thời phong kiến, nhà con hát bị cấm thi cử, lều chõng. Thế nên có chi trong họ tôi phải đổi họ. Chi ấy giữa thế kỷ XIX, đi thi có người đỗ đạt, về làm Tri huyện Phù Cừ. Con cháu chi này, xưa nay nhiều người danh hiển. Nay có cụ Tú Bảo từng làm đại sứ Tây, Tàu, cụ Cử Huấn tham dự hội nghị năm Năm tư Giơ - ne - vơ,...

Một lần vừa về tới quê, ông nhạc khoe, chùa làng ta mới có cô sư về trụ trì. Cô sư này xinh lắm - ông nhạc nói. Mà sư cô biết cả tiếng Anh, tiếng Pháp, có mấy bằng cử nhân nhé. Nói rồi ông bình luận: Chẳng biết sao, người xinh như vậy lại đi tu. Chắc thất tình. Nói tới đây,

chợt ông cất tiếng chào rõ to:

- Chào cụ ạ!

Tôi quay ra, một bà già đang bước vào sân. Bà tới nhập hội với mẹ vợ tôi chơi tam cúc. Cứ chiều chiều các bà lại hội tam cúc ở hiên nhà.

Ông bố vợ tôi hạ giọng xuống. Chắc ông cảnh giác với bà vợ và mấy bà hàng xóm kia:

- Cô sư này hình như phải lòng anh sư chùa Sủi. Cứ mấy hôm lại sang đây gọi điện thoại cho anh sư kia.

Sao bố vợ tôi biết được cô sư kia phải lòng anh sư chùa Sủi? Hồi đó điện thoại còn hơi hiếm, nhà bố vợ tôi mắc cái điện thoại, vừa để nhà nghe, vừa dịch vụ. Nhưng tôi hơi ngạc nhiên. Vẫn biết ông nhạc lâu nay hơi nghễnh ngãng. Chắc là cô sư kia trong lúc tâm sự, nói to quá, nên dù nghễnh ngãng, ông nhạc tôi vẫn nghe rõ. Trai gái bây giờ nói chuyện thường tự nhiên và tình cảm, đâu có yêu đương gì. Mà người ta bậc tu hành, làm gì có chuyện trai gái, trăng hoa! Tôi nghĩ bụng vậy.

Nghe bố vợ kể có sư mới, vừa trẻ lại xinh, đến trụ trì ở chùa làng, tôi đâm tò mò. Nhân lúc bố vợ bận chút việc, tôi lảng ra thăm sư. Đúng như lời ông bố vợ nói, cô sư trẻ và xinh thật, trông người cứ mơn mớn, áo nâu sòng càng tôn làn da trắng muốt. Dù là trai có vợ, tôi vẫn hơi bị sốc đến mấy mươi giây. Lúc tôi tới sân chùa, sư cô đang cúi húi quét lá đa, tôi nấn ná lại gần:

- Nam mô a di đà Phật!

Sư cô đáp lại:

- Nam mô a di đà Phật!

Tôi tần ngần chưa biết nói gì tiếp. Bảo ngoài đời thì huyền thuyên tán chuyện lảng nhãng. Chứ đằng này người ta đã đi tu, núp bóng cửa Phật... Bí quá, tôi lại tiếp:

- Nam mô a di đà Phật!

Bị bắt ngờ và theo phản xạ tự nhiên, cô sư cũng vội đáp lời:

- Nam mô a di đà Phật!

Nghe nhà chùa đáp vậy, tôi bật cười thành tiếng. Tiếng cười cất lên làm sư cô đỏ cả mặt. Sau một lúc lúng túng, tôi cũng tìm ra cách tiếp cận được sư cô, đó là xin phép nhà chùa cho thắp hương, thỉnh lễ. Thỉnh chuông, lễ Phật làm cho phút lúng túng ban đầu của sư cô qua nhanh. Chỉ một thoáng, tôi và sư cô đã hăng hái tranh luận về sự cao siêu, về cái huyền diệu của Phật pháp, về sự sâu xa trong triết lý nhà Phật. Thời gian qua nhanh, loáng một cái đã tới tầm trưa. Chỉ đến khi bố vợ tôi đánh tiếng ngoài sân chùa, tôi mới biết, thời gian đi nhanh

quá.

Ông bố vợ đoán chàng rể đang ra thăm chùa, thăm sư, nên ông đến chùa tìm chàng rể về ăn cơm. Tôi ngỡ ngàng nhìn bố vợ, chỉ lo ông cụ đi guốc vào bụng chàng rể.

Sau này thỉnh thoảng tôi về quê, vẫn ra thăm chùa và hỏi thăm qua ông nhạc về cô sư. Còn ông, thỉnh thoảng ra chùa, gọi chàng rể về ăn cơm. Một hôm vừa về đến nhà, bố vợ đã thông báo:

- Sư cô chùa làng ta mất rồi!

- Sao? Mất rồi ư? Sao lại mất hả bố?

- Sư cô đi giải hạn. Giải hạn cho người xong, trên đường về, bị ô tô cán phải.

Khổ thân thế! Thiên cơ bất khả lộ. Sao đi tu rồi, cái lẽ giản đơn ấy lại không biết. Kiếp người trời đã định, ai lại cưỡng lại, mà đi giải hạn cho người, tôi xót xa nghĩ vậy. Và rồi tôi chợt nghĩ: Ủ, có lẽ vì kiếp sư cô như vậy chăng.

Trên bãi tha ma, ngôi mộ sư cô cỏ lấm tấm mọc. Không rõ trong đám ma của sư cô, có bao dân làng đưa đám và có anh sư chùa Sủi đi đưa tiễn không?

Đã xem 30493 lần.

Cho đi?m



23 Phiếu

---

**truyện dài**

**Bụi vết tháng năm**

**CHƯƠNG IV - 25**

**Du xuân lễ chùa**

Hồi mới cưới nhau, dịp đầu xuân nào, tôi và vợ bao giờ cũng làm một chuyến văn chùa, du xuân. Vết đi là chùa, đền vùng Kinh Bắc, đi bằng xe máy, thời gian trọn một ngày.

Điểm đầu tiên là đền Đô, thờ tám vị vua nhà Lý. Đền ở làng Đình Bảng, cách Hà Nội khoảng hai mươi cây số. Đường qua Gia Lâm,

cầu Chui, cầu Đuống, đi tiếp đường I là tới làng Đình Bảng. Lễ đền Đô xong, chúng tôi thường tạt sang thăm đình Đình Bảng. Đình chỉ cách đền Đô non cây số. Dưới thời người Pháp đô hộ, họ đánh giá đình có kiến trúc đẹp nhất xứ Bắc kỳ. Nó được xây dựng vào năm 1700, sau ba mươi sáu năm mới hoàn thành. Người chủ trì là cụ Nguyễn Thạc Lượng, từng là Trấn thủ Thanh Hoá.

Từ Đình Bảng đi tiếp năm cây số thì đến Chùa Phật Tích. Chùa ngự trên đất huyện Tiên Du, tọa lạc trên sườn núi Lạn Kha. Nằm trong vùng trung tâm Phật giáo đầu tiên của Việt Nam, nơi đây nhà sư Ấn Độ Khâu Đà từng dựng chùa, truyền đạo. Vào thời Lý, chùa Phật Tích mới được xây dựng với quy mô lớn.

Chùa có bức tượng Phật A di đà bằng đá xanh nguyên khối, một pho tượng Phật cổ và đẹp nhất vùng Bắc bộ. Bên phải chùa có miếu thờ Đệ nhất cung tần của chúa Trịnh Tráng – bà Trần Thị Ngọc Am. Bên trái chùa là nhà thờ tổ Đệ nhất Chuyết chuyết Lý Thiên Tộ. Ông mất năm 1644, hiện trong chùa còn bức tượng táng của ông. Trước chùa có mười tượng thú đá lớn, sau chùa là vườn tháp xây bằng gạch và đá, hiện còn tới ba mươi tư tháp.

Từ Chùa Phật Tích, qua sông Đuống, qua bằng đò hay cầu Hồ, ven theo đê đi tiếp năm sáu cây số là tới chùa Bút Tháp. Đây là một ngôi chùa có quy mô lớn và kiến trúc độc đáo ở Bắc bộ. Chùa có hàng lan can đá bao quanh thượng điện và tháp đá. Pho tượng gỗ Quan thế âm nghìn mắt nghìn tay là một tác phẩm Phật giáo độc nhất vô nhị ở Việt Nam. Tượng được tạc vào năm 1656.

Điều đáng chú ý nữa là chùa có nhiều tượng gỗ: Thái hậu Trịnh Thị Ngọc Trúc, công chúa Lê Thị Ngọc Duyên, Quận chúa Trịnh Thị Ngọc Dung. Sau chùa có ngôi tháp đá năm tầng, cao mười ba mét.

Từ Bút Tháp đi tiếp khoảng năm cây số sẽ tới chùa Dâu, một ngôi chùa cổ xưa nhất Việt Nam. Gian giữa có bức nữ thần Phong Vân, hai bên là Kim Đồng, Ngọc Nữ, bên trái có tượng Trạng nguyên Mạc Đĩnh Chi. Giữa sân chùa là ngôi tháp đồ sộ, tháp Hoà Phong. Trước tháp cao chín tầng, nay chỉ còn ba tầng, nhưng chiều cao tới mười bảy mét. Tháp có một số tượng, đáng chú ý là con cừu đá, dấu vết duy nhất còn sót lại của nhà Hán tại ngôi chùa này. Chùa được xây dựng năm 187, tức là cách đây hơn mười tám thế kỷ.

Lần đi thăm chùa đầu xuân năm ấy, điểm cuối cùng, vợ chồng tôi vào lễ một ngôi đền gần chùa Dâu. Trong khi vợ đang thành kính lễ các ban ở gian điện phía trong, tôi ngồi ở bàn nước gian ngoài. Ngược nhìn lên ban thờ trước mặt, tôi thấy đồ lễ là mấy quả cau, lá trầu.

Thoáng một chút phân vân, rồi tôi tiến lại, chấp tay, làm bẫm

khán mấy câu lấy lệ và hạ luôn cau trầu xuống, bụng nghĩ, mình hưởng lộc trước, thử xem sao. Lấy con dao bổ quả cau, tôi mới ấn nhẹ một cái, con dao bậm luôn xuống ngón tay tôi. Hoảng quá, tôi vội bỏ dao, đặt ngay quả cau lên bàn, lấm lét nhìn lên ban thờ. Lúc vợ bước ra, tôi giấu vội ngón tay đang nhỏ máu, bảo vợ về thôi. Thấy tôi vội vàng, vợ lại tưởng chiều muộn, phải về cho kịp. Lên xe, tôi cầm đầu phi. Mới được khoảng hai trăm mét, suýt thì đâm vào chiếc ô tô ngược chiều. Trong đầu tôi chỉ còn lòng bùng cau: Thôi, con lạy các Ngài! Tha cho con!

## Bụi vết tháng năm

### CHƯƠNG IV - 26 Chàng rể trúng đề

Được tin bố vợ ra Hà Nội chơi, tôi đến thăm ông. Ông bà sinh được ba người con, hai trai đầu, vợ tôi là gái út. Trước bố mẹ vợ tôi cũng có thời gian sống ở Hà Nội. Gần chục năm nay ông bà về quê. Tuổi già hợp với cảnh quê thanh bình, người quê tình nồng ấm. Nay thỉnh thoảng ông bà ra chơi với cháu, con.

Trong câu chuyện, ông phàn nàn, sao dạo này ngõ nhà mình ồn ã quá. Mười một, mười hai giờ còn tiếng xe máy ra vào. Nghe bố nói vậy, anh vợ tôi cười cười, không tiện giải thích. Lý do là, trong ngõ có mấy cô gái trẻ mới tới thuê nhà. Mấy cô này làm ca ve. Nhà vừa trọ, vừa làm nơi hành nghề. Nói ra sợ cụ lại nghĩ ngợi, lo cho con cái mình, gần mực thì đen, mực ở đây là mực ca ve, nguy hiểm quá.

Người già cứ hay lo xa, bây giờ phải biết chung sống và xã hội hoá: chung sống với lũ, chung sống với aids, có khẩu hiệu hằn hoi. Vậy thì gần nhà đám ca ve, cũng phải chung sống với họ chứ, miễn là nhà mình không đi làm nghề ấy và ngõ không xã hội hoá công tác mại dâm là được.

Có anh bảo, làm nghề báo, thì sự gì cũng phải biết, thí dụ uống rượu được, mới có bài tán rượu, lái được ô tô thì mới viết bài an toàn giao thông, biết đá bóng, mới tường thuật được bóng đá. Thế thử hỏi, nếu

viết mại dâm, thì cũng phải mại dâm chẳng. Tôi có bài mại dâm rồi, mà có bao giờ đi mại dâm đâu. Có người đi mà không viết, bảo viết là không đạo đức, chỉ mại dâm xương thôi.

Vía tôi nó xấu, đây là anh em bảo thế. Tôi rất thích karaoke, cứ nhậu sỉn là đi hát, chỉ hát thôi. Tôi karaoke cũng được, hay là đặng khác, như ca sỹ ngọng. Đã bảo vía tôi xấu, một lần đi cái quán kia, thấy quán hay, tôi liền rủ mấy anh bạn đến. Lòng vòng mãi mà không tìm thấy quán ấy đâu, vẫn số nhà, cảnh nhà, cảnh phố, mà không thấy quán. Sau đó mới hay, nó mới bị bắt, chủ nhà sợ, dỡ cả biển hiệu xuống. Sau lần đó anh em đùa, thôi khỏi viết mại dâm nữa, vía ông, chỉ việc chỗ nào có, đưa ông đến là nó bị dẹp ngay.

Chúng ta xã hội hoá nhiều thứ, riêng mại dâm thì chưa xã hội hoá. Khoảng năm 1995, ba chục nhà báo học một lớp của tổ chức nước ngoài về phòng chống aids. Theo tổ chức này, muốn hạn chế lây lan aids, thì phải chấp nhận mại dâm, chỉ có điều quản lý chặt chẽ nó. Đa số các nhà báo tán thành quan điểm trên. Thế nhưng chính sách vẫn không chấp nhận điều này. Trong khi đó các biện pháp cấm lại nửa chừng, cấm mà như không, chỉ tổ béo ông phờng, ông công an và cái khổ lại đổ lên các cô gái và bệnh tật thì cứ lan truyền.

Giờ từ ca ve phổ cập đến mức đưa trẻ bé tẹo cũng được nghe. Có chuyện hài rằng, một bà cụ nhà ở phố Hoà Mã, cụ ít ra ngoài đường, suốt ngày chỉ quanh quẩn trong nhà. Con cái nhà này đông và vui nhộn. Thứ Bảy, Chủ nhật anh em thường tụ tập về nhà mẹ đẻ và lời ra khóai đủ chuyện. Trong các từ ngữ con cái dùng, bà cụ thỉnh thoảng nghe thấy từ ca ve. Một hôm, các con bàn về món ăn, bà mẹ bảo:

- Tôi ngoài tám mươi rồi! Sơn hào hải vị hưởng đủ cả. Chỉ có cái anh,... anh gì các anh, các chị hay nói ấy nhỉ, là tôi chưa được ăn. Hôm nào mua cho tôi một đĩa nóng.

Các con không rõ mẹ yêu cầu mua món gì. Gặng hỏi mãi, bà cụ mới nhớ ra, cụ muốn một đĩa ca ve, thử ăn xem nó ngon đến mức nào.

Mại dâm là xấu, chứ anh đề đóm chẳng đến nỗi xấu lắm. Giờ ở đâu chẳng có mấy anh bán đề. Từ thôn quê, thành phố, bao hàng bày ra bán đề. Xã hội hoá bán đề nhiều tới mức, có hẳn người đi bán đề

dạo. Nhà nhà chơi đề, người người chơi đề. Có nhà bố chơi, mẹ chơi, con chơi.

Có nhà vào đám giỗ, cậu con nghe bảo bà cô chết trẻ, nên thiêng. Cậu ta tính, rồi ra mua theo con số ngày tháng bà cô mất. Đổ ra mấy trăm nghìn, đến lúc đề về lại không trúng. Giữa lúc cả nhà đang xơi cỗ, cậu con trai kia oang oang:

- Cứ bảo bà này thiêng. Thiêng gì! Thằng cháu chơi con đề, phù giúp không xong. Giỗ sau, không phải cúng cấp gì nữa.

Con cháu thế là láo! Đến ông bà cũng đem ra đề đóm, thì còn gì là kính trọng ông bà tổ tiên.

Cái hôm bố vợ tôi ra Hà Nội chơi, mấy bố con đang hàn huyên, chợt có anh hàng đề dạo ngấp nghé ở cửa. Vừa thấy anh ta, anh vợ tôi vội nháy mắt, ra hiệu. Anh hàng đề khá tinh ý, định lảng đi. Tôi biết anh vợ không phải dân đề đóm chuyên nghiệp, chỉ thỉnh thoảng chơi một con cho vui, hôm nay có bố đẻ ra, anh giữ ý. Tôi chợt nảy ra một ý đùa, liền gọi ngay anh hàng đề vào nhà. Anh vợ tôi hãi quá, lùi ngay. Tôi hỏi han rất kỹ, nào hôm qua đề về con nào, hôm nay theo anh ta đề sẽ về là con bao nhiêu,... Cứ như dân rất sành và chuyên chơi đề.

Sau một hồi, tôi rút ra mười ngàn, đánh một con, trước con mắt ngỡ ngàng của ông bố vợ. Đến bữa ăn, trong khi cả nhà đang quây quần, anh hàng đề xuất hiện. Tôi đoán ngay, mình trúng đề. Ý rằng, tôi trúng thật. Bỏ ra 10 nghìn, trúng luôn bảy chục, ngon ơ. Nhận tiền xong, tôi hào phóng thưởng cho anh hàng đề mười ngàn và xách luôn cái can ra đầu ngõ làm năm lít bia, còn mua thêm một túi tai lợn và mấy chục cái nem chua.

Bố vợ tôi hôm ấy vẫn uống bia trúng đề của chàng rể, nhưng xem ra uống chẳng hào hứng lắm. Đến cậu chàng rể nhà báo, cũng chơi đề ư?

## **Bụi vết tháng năm**

### **CHƯƠNG IV - 27**

#### **Loa Thành và vụ thảm án nhà Lý**



Giáp ngay làng bố vợ tôi là kinh thành Cổ Loa xưa.

Cổ Loa là đô thị đầu tiên ở nước ta. Trước đây người ta còn nghi ngờ toà thành hiện nay có thể do Mã Viện xây. Như vậy vào khoảng năm bốn mươi ba sau Công nguyên, hoặc do Ngô Quyền dựng năm 939. Tiếp đó có ý kiến rằng, Mã Viện đắp thành dựa trên cổ Loa cũ. Những phát hiện và nghiên cứu gần đây, như việc đào được hàng vạn mũi tên đồng, trống đồng, đã chứng minh cho ý kiến này.

Theo ý kiến của các nhà khoa học, hai vòng ngoài là vết tích thành cũ của An Dương Vương, và sau này Mã Viện lợi dụng thành cũ của An Dương Vương, bồi đắp thêm. Riêng vòng thành trong là phần mới do Mã Viện xây sau này. Người ta cũng tìm thấy di vật Hán, như ngói, gạch, mộ táng... và nhiều viên gạch xây mộ mang niên hiệu thời Đông Hán. Vết thành hiện nay nằm trên diện tích khoảng bốn trăm ha. Thành gồm ba vòng bằng đất.

Theo truyền thuyết và sử cũ, Thục Phán sau khi thôn tính nước Văn Lang của vua Hùng đã hợp nhất nhà nước Văn Lang, lập nên nước Âu Lạc và xưng là An Dương Vương, đóng đô ở Phong Châu, Bạch Hạc, Phú Thọ bây giờ. Năm 218 trước Công nguyên, quân nhà Tần tràn xuống phương Nam, chinh phục đất Việt. Dưới sự lãnh đạo của An Dương Vương, nhân dân Âu Lạc đánh tan quân xâm lược. Sau chiến thắng, An Dương Vương dời đô và dựng thành Cổ Loa. Truyền thuyết kể rằng: Đã nhiều lần, thành sắp xây xong, do yêu quái Gà Trống phá hoại, nên bị đổ. Sau nhờ có thần Kim Quy, mới xây xong. Thành xây chín lớp, xoáy tròn ốc và có vũ khí lợi hại, nỏ thần.

Nhà Tần suy yếu, phong kiến các nơi ở Trung Hoa nổi lên cát cứ. Ở quận Nam Hải, vùng Quảng Đông, quan Nhâm Ngao đã nhiều lần nhòm ngó đất Âu Lạc, nhưng chưa thực hiện được mưu đồ thì mất. Rồi Triệu Đà lên thay. Triệu Đà nhiều lần huy động binh mã chiếm Âu Lạc, song đều thất bại. Cuối cùng, Triệu Đà dùng kế giả hoà hiếu, cho con trai là Trọng Thủy sang làm rể An Dương Vương. Vì sự mất cảnh giác, năm 208 trước công nguyên, Triệu Đà chiếm được nước Âu Lạc. Triệu Đà sáp nhập Âu Lạc cùng quận Nam Hải, lập ra nước Nam Việt.

Triệu Đà gốc người Hán, sinh năm 256 trước Công nguyên, quê ở

tỉnh Hồ Nam. Sau khi chiếm nước Âu Lạc và lập ra nước Nam Việt, đóng đô ở Phiên Ngung, nay là Quảng Châu, nhà Tần suy yếu, Triệu Đà xưng đế. Triệu Đà ở ngôi bảy mươi một năm, thọ 121 tuổi. Nhà Triệu trải qua năm đời vua. Năm 113 trước Công nguyên, nhà Triệu rối ren, nhà Hán đem quân sang, chiếm được Nam Việt, rồi đổi là bộ Giao Chỉ.

Năm 1983 các nhà khảo cổ Trung Quốc tình cờ phát hiện ra khu mộ cổ của Nam Việt Vương, cháu nội Triệu Đà. Ngôi mộ lưu giữ nhiều di vật và xác Nam Việt Vương, nhân vật liên quan đến cuộc đánh chiếm thành Cổ Loa, xoá nước Âu Lạc cùng vua Thục An Dương Vương.

Về nhân vật Triệu Đà và nhà Triệu, sử sách nước ta qua các thời đại có sự đánh giá, nhìn nhận khác nhau. Có quan điểm chỉ nhìn Triệu Đà ở góc độ là kẻ xâm lược có tội, nhưng có quan điểm lại đánh giá ông như ông vua khai sáng của nước ta. Bộ sử *Đại Việt sử ký toàn thư* chép nhà Triệu như một triều đại chính thống của Đại Việt. *Bình Ngô đại cáo* của Nguyễn Trãi ghi: *Trải Triệu, Đinh, Lý, Trần nối đời dựng nước...* Tại làng Đồng Xâm, huyện Kiến Xương, Thái Bình còn có đền thờ Triệu Đà, ông vua Nam Việt cách đây hơn hai ngàn hai trăm năm.

Làng bố vợ tôi còn giáp nơi xảy ra vụ án tàn sát tôn tộc nhà Lý. Trong bộ *Đại Việt sử ký toàn thư*, bộ sử đồ sộ nhất còn lại của nước ta, bản khắc in cũ nhất năm Chính Hoà, năm 1697, ghi: “Mùa đông năm ấy, năm 1232, nhân người họ Lý tế lễ các vua nhà Lý ở Thái Đường, Hoa Lâm, Thủ Độ ngầm đào hố sâu, làm nhà lên trên, đợi khi mọi người uống rượu say, giật máy chôn sống hết”. Các sách hiện nay khi ghi chép địa danh Thái Đường, Hoa Lâm đều chú thích nơi đó thuộc huyện Đông Ngàn cũ và ghi chú nay thuộc đất Tiên Sơn, Bắc Ninh.

Vậy vùng đất Thái Đường xưa nay là đâu? Vùng đất ấy, nay chính là đất xã Mai Lâm huyện Đông Anh. Nếu ai có dịp từ Hà Nội qua cầu Đuống sang Đông Anh, quãng năm trăm mét, đến dốc Vân, phía bên tay trái chính là vùng đất Hoa Lâm Viên xưa.

Thái Đường, Hoa Lâm thuộc huyện Đông Ngàn, một huyện nổi tiếng đất Kinh Bắc và cả nước bởi số người đỗ đạt cao nhất thời xưa trong các phủ huyện cũ dưới thời phong kiến Việt Nam. Năm 1905 một

phần huyện Đông Ngàn nhập vào tỉnh Phúc Yên, phần còn lại, có Thái Đường Hoa Lâm, nhập vào phủ Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh. Từ năm 1961 vùng đất Thái Đường về huyện Đông Anh, Hà Nội.

Xưa các vua Lý lập vườn hoa lớn ở Thái Đường, với tên Lâm Hoa Viên. Từ Thăng Long theo đường thủy độ non chục cây số, các vua Lý về chơi vườn thượng uyển Hoa Lâm. Tại vùng này, huyện Đông Anh ngày nay còn rất nhiều di tích, truyền thuyết gắn với vườn hoa xưa và các vua triều Lý. Các tên như Danh Lâm, Du Lâm, Mai Hiên, Đông Trù,... là gắn với Hoa Lâm xưa. Dân xã Mai Lâm ngày nay đều biết về truyền thuyết thảm án tôn tộc nhà Lý. Tám thôn thuộc xã Mai Lâm nay đều có đền chùa đình miếu thờ cúng, tế lễ liên quan đến sự kiện xưa.

Đình làng Thái Bình, một di tích liên quan trực tiếp đến sự kiện vụ "thảm án", thờ ba vị thành hoàng là Lý Chiêu Hoàng, Trần Cảnh và Trần Thủ Độ.

Trước đình ở ven sông Đuống, sau bờ lở, sông chạy sát vào đình, năm 1990, dân làng chuyển đình vào trong đê. Đặc biệt là khu rừng Mai Lâm, dấu tích Hoa Lâm Viên xưa, nhiều người ở đây còn biết cánh rừng cũ. Họ kể lại, khi sang ga Yên Viên phải qua khu rừng Mai Lâm rậm rạp. Trong rừng, sung là loại cây nhiều nhất. Đến tận năm năm bảy, vì lấy đất hàn khẩu đê vỡ, vụ vỡ đê nổi tiếng hồi đó, rừng Mai Lâm bị chặt phá. Khu rừng xưa thành bãi đất, trồng ngô khoai như hiện nay.

Vậy tại sao nhà Lý lập vườn thượng uyển ở Mai Lâm? Đất Cổ Pháp, Đình Bảng là quê nội nhà Lý, còn quê ngoại nhà Lý ở đâu? Trong cuốn lịch sử xã Mai Lâm, thì thôn Thái Bình có ngôi mộ bà Phạm Thị Ngà, mẹ vua Lý Thái Tổ. Vậy phải chăng quê ngoại ở đây nên nhà Lý lập Lâm Hoa Viên?

Sau khi Lý Chiêu Hoàng nhường ngôi cho chồng là Trần Cảnh, vai trò của nhà Lý chấm dứt vào năm 1225. Thái sư Trần Thủ Độ ép Lý Huệ Tông phải tự vẫn ở chùa Chân Giáo, nay thuộc địa phận quận Ba Đình. Trong bộ sử *Đại Việt sử ký toàn thư* có ghi về vụ "thảm sát" tôn tộc nhà Lý ở Thái Đường, nhưng cũng chính trong bộ sử này còn tồn nghi sự kiện đó và chua rằng: "việc này chưa chắc đã có thực", lại dẫn thêm, vào đời vua Trần Anh Tông còn có người họ Lý làm

tướng.

Cứ theo bộ sử trên ghi vụ "thảm án" thì lúc đó tôn tộc nhà Lý đến tế lễ các đời vua Lý ở Thái Đường, Hoa Lâm. Tại sao không tiến hành tế lễ các vua Lý tại Đình Bảng là quê nội nhà Lý, một điều thông thường của phong tục người Việt Nam, mà lại tiến hành tại quê ngoại?

Vào năm xảy ra vụ án, lúc đó nhà Trần đã cầm quyền được sáu năm, tình hình chính trị đã tương đối ổn định, bởi trước đó, vào năm 1228, Chiêm Thành phải sang triều cống Đại Việt; tiếp năm sau, hai lực lượng chống đối tương đối quyết liệt là lực lượng của Nguyễn Nộn cát cứ ở vùng Bắc Giang, lực lượng chống đối của Đoàn Thượng cát cứ vùng Hải Dương và Hưng Yên, đều đã bị tiêu diệt; đặc biệt cùng năm đó nhà Tống chính thức công nhận và phong vương cho vua Trần là An Nam Quốc vương.

Với tình hình như vậy, một con người khôn ngoan, mưu lược như Thái Sư Trần Thủ Độ, ông đủ sáng suốt thấy không cần thiết phải tàn sát tôn tộc nhà Lý, để lại tiếng xấu muôn đời cho mình.

Đã xem 30496 lần.

Cho di?m   23 Phiếu

---

**truyện dài**

**Bụi vết tháng năm**

**CHƯƠNG IV - 28**

**Cuộc đoàn viên sau năm thế kỷ**

Hơn năm trăm năm trước, trong đoàn quân theo vua Lê Thánh Tông chinh phạt phương Nam, có một người trong tộc họ Nguyễn của bố vợ tôi. Ông định cư lại vùng đất miền Trung và trở thành một trong những Thủy tổ ở thôn Yển Nê, thành phố Đà Nẵng. Binh đao và cách

trở, đặng đặng hơn năm thế kỷ, họ Nguyễn ở Yên Nê không liên hệ được với dòng tộc bản quán.

Hoà bình Bảy lăm là cơ hội để họ dò tìm về quê tổ. Những vị cao niên trong họ đau đầu công việc này và bằng mọi cách tìm lại gốc gác. Khi nghe tên họ ông Nguyễn Phú, công tác ở bộ Ngoại giao, các cụ thư từ liên hệ. Nhưng lại không phải. Trong dịp ông Nguyễn Trọng, lúc đó là Bí thư một thành phố lớn vào thăm Đà Nẵng, các cụ trong họ tìm cách tiếp cận. Ông cho biết quê quán mình và giới thiệu các cụ hãy đến làng mình tìm hiểu.

Tháng tư năm 1999, tôi có dịp cùng bố vợ trong đoàn đại diện họ Nguyễn làng bố vợ tôi vào đáp lễ nhận họ và dự giỗ Tổ họ Nguyễn ở Đà Nẵng. Năm trăm năm, anh em đồng tộc tìm được nhau, một câu chuyện thật lạ lùng.

Sau cuộc đón tiếp xúc động, chưa chan tình cảm của bà con dòng tộc Nguyễn ở Yên Nê, chúng tôi được bố trí nghỉ tại nhà chú Mười. Nằm mãi không chợp mắt được. Tôi cứ miên man suy nghĩ về cuộc gặp mặt mừng mừng tủi tủi giữa những ông già râu tóc bạc phơ, nước mắt rưng rưng. Ít đâu trên trái đất này có cảnh, năm thế kỷ một một cuộc đoàn viên. Tôi ngồi dậy, ra bàn uống nước. Tò mò quan sát cách bài trí của một gia đình miền Trung, ánh mắt tôi chợt dừng lại trên hai tấm Bảng vàng liệt sỹ. Đang lẩm nhẩm đọc tên người và ngày, tháng hy sinh, sau lưng tôi tiếng ông chủ nhà:

- Đó là anh trai và em gái tôi – cái giọng nặng nặng miền Trung, chú Mười kể - Đất nhà tôi đang ở là ấp chiến lược. Còn cánh đồng trước mặt là làng Yên Nê cũ. Năm 1966, khi quân Mỹ tràn vào miền Nam, dân làng bị dồn ấp. Cách ngôi nhà này năm trăm mét là cứ điểm trung đoàn thiết giáp Mỹ. Xung quanh còn tiểu đoàn dù, tiểu đoàn pháo và hai đại đội nghĩa binh. Cách đồng sát núi trước mặt là vùng trắng.

Ông Mười kể tiếp:

- Vùng này ngày xưa chiến tranh khốc liệt lắm. Cả chục năm trời không lúc nào ngớt tiếng súng. Tôi hoạt động vùng này từ năm sáu sáu, đến giải phóng thì làm chủ tịch xã Hoà Tiến.

Thế ra ông từng là du kích. Tiếng ông vẫn nhỏ nhẹ:

- Hồi ấy có một tiểu đội du kích. Gọi vậy, những quân số chỉ có tám người. Ban ngày anh em lặn ngụp, ẩn nấp ngoài hầm. Ban đêm về áp chiến lược móc nối, tuyên truyền vận động bà con và tiếp nhận lương thực. Bọn địch thường xuyên rình rập, vây bắt du kích. Một lần địch bủa vây, tôi và ông Đáng, từng là bí thư huyện Hoà Vang sau ngày giải phóng, nhin đói ba ngày, ngâm mình dưới nước. Địch rút, hai người nằm lả, anh em tìm thấy công về.

Hoà Tiến được phong là xã anh hùng. Sau giải phóng, địa phương tổng kết, có tới bảy trăm ba mươi liệt sỹ. Một xã dân số khoảng bảy, tám nghìn nhân khẩu, liệt sỹ bằng một phần mười dân số. Mát mát lớn quá.

Trong lúc tôi và ông Mười đang nói chuyện, mấy ông già trong dòng tộc lục tục kéo tới. Chú Mười thản nhiên chỉ tay giới thiệu một ông già nhỏ thó, dáng rụt rè:

- Ông đó là Nguyễn Phú Bai, bố anh hùng liệt sỹ Nguyễn Văn Hường. Ông này còn là chồng và em ba bà mẹ Việt Nam anh hùng. Hồi chủ tịch nước Võ Chí Công vào thăm địa phương, đã tới thăm nhà ông ta.

Thời gian trôi qua, vết thương mát mát dịu đi, hay ở tuổi ngoài bảy mươi, người ta chai sạn, bàng quan với cuộc đời. Ông già Nguyễn Phú Bai bình thản kể về những người thân anh hùng của mình: Bà ấy, tức vợ ông, hy sinh đúng vào năm hoà bình Năm tư, khi con trai mới được mấy tuổi. Ông gọi người anh hùng, đưa con trai ông bằng thàng. "Thằng Hường bị giặc giết, xác kéo lê khắp áp chiến lược". Trong ông, người anh hùng vẫn bé bỏng và như anh vẫn còn, đâu có đi xa. Ông nói: "Ừ, thàng Mỹ, Nguy sợ thàng Hường lắm. Nó diệt hai trăm tên, cả Mỹ lẫn Nguy". Anh Hường ra đi ngày cận kề chiến thắng, năm bảy tư.

Giữa ngày giỗ tổ họ Nguyễn Phú Yến Nê, tôi thấp nén nhang, mà lòng nao nao. Bên bàn thờ Ngài Thủy tổ là ban thờ các bà mẹ Việt Nam anh hùng, các liệt sỹ trong dòng tộc. Mát tôi nhoè lệ vì khói hương, hay vì nỗi xúc động trước sự mát mát, hy sinh quá lớn của một tộc họ: năm bà mẹ Việt Nam anh hùng, bốn mươi tám liệt sỹ. Số

người hy sinh bằng một phần năm số đình trong họ. Vậy cuộc chiến tranh giành độc lập dân tộc của chúng ta, xương máu đổ xuống là bao nhiêu? Một triệu một trăm ngàn liệt sỹ, như con số của Bộ Lao động thương binh xã hội đưa ra, hay như hồi ký của Mc. Namara, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Mỹ, ba triệu người Việt Nam chết trong cuộc chiến tranh?

Trong ngày giỗ tổ họ Nguyễn phú, tôi chú ý người phụ nữ có cái vẻ thị thành. Thấy vậy, ông Trưởng họ Nguyễn Phú Nam giới thiệu:

- Bà ta là du kích có tiếng đấy. Địch từng đặt giá, ai bắt được Nguyễn Thị Chát sẽ có thưởng. Sau giải phóng, bà ấy là Phó bí thư Hoà Vang. Nay nghỉ hưu ở thành phố Đà Nẵng.

"Đàn ông còn đỡ. Ở vùng trắng, phụ nữ chúng tôi cực lắm, nhất là tới tháng"... Đó là câu chuyện về chiến tranh, mà bà Chát kể cho tôi. Giọt máu duy nhất, đưa con gái bé bỏng của bà đã ở lại trên núi.

Cuộc chiến tranh đã qua hơn hai mươi năm, làng xóm Hoà Tiến giờ nhiều đổi thay. Hầu hết các nhà xây gạch, lợp ngói.

Buổi chiều trước hôm chia tay, chúng tôi tới thăm gia đình ông trưởng họ. Ông từng là bộ đội tập kết ra Bắc, đi nhiều vùng, rồi sau đó trở lại miền Nam chiến đấu. Chiến tranh không chỉ để lại trên cơ thể ông vết thương nhức nhối mỗi khi trở trời, và còn cả trong miền sâu thẳm, nó lắng trong khoé mắt ông, mà mơ hồ tôi cảm nhận được. Cùng tới thăm với chúng tôi, có ông già sống ở phố cổ Hội An, ông cũng về giỗ tổ. Năm Bảy lăm từ miền Bắc trở về, vợ ông bước qua tuổi bốn lăm. Hai mươi năm chờ đợi và sự truy bức của địch, người đàn bà đặng đặng đợi chồng ấy, không còn sinh nở được nữa. Phút giây xum họp vừa bùng lên, đã chợt lắng xuống. Bởi tương lai trước mặt họ, một tuổi già cô quạnh, để ông già tuổi ngoài sáu mươi phải bước thêm bước nữa. Giọng nghẹn ngào, ông tâm sự điều sâu kín:

- Ở tuổi chú, bảy lăm bảy sáu, như người ta có cháu, có chắt. Thế mà bây giờ vẫn còn nuôi con nhỏ.

Nói rồi ông lặng lẽ chấm nước mắt. Tôi ngoảnh mặt đi, không dám nhìn cảnh một người già khóc.

Trên chuyến tàu Thống nhất ra Hà nội, ngồi cạnh tôi là một thanh niên đi du lịch, quốc tịch Hoa Kỳ. Anh ta chăm chú ngắm nhìn cảnh cánh đồng, làng mạc qua cửa sổ tàu. Người thanh niên ấy sinh ra sau cuộc chiến Việt Nam.

Có lẽ trong chuyến đi này, anh ta như bao khách du lịch khác, tò mò tìm hiểu về cuộc chiến tranh của Mỹ gây ra ở Việt nam. Điều họ được nghe, hay đọc qua sách báo. Tôi chỉ đủ vốn tiếng Anh chỉ cho anh chàng người Mỹ thấy hố bom nằm rải rác hai bên đường tàu. Các hố bom cỏ chớm mọc xung quanh, hình thù đâu còn rõ ràng. Người thanh niên Mỹ ra chiều hiểu, gật gù đầu. Có thể trong ý nghĩ của anh ta, chiến tranh là như vậy.

Tôi lại nhớ đến bữa cơm chia tay với bà con tộc họ Nguyễn Phú Yên Nê. Anh Phú Thanh, từng là du kích ở vùng trảng Hoà Tiến, nay là Phó bí thư quận Hải Châu, suốt bữa cơm trên tay chỉ ly nước trắng cụng với khách. Con người ấy cơ thể đầy thương tích. Sức khỏe đã làm anh, đến ly rượu lúc chia tay người anh em đồng tộc, cũng phải kìm nén, khước từ.

Chiến tranh, tôi không thể hình dung hết được sự khốc liệt, sự mất mát của nó. Người thanh niên Mỹ chắc nghĩ, chiến tranh là những hố bom, cỏ dại mọc xung quanh. Còn Hoà Tiến, và bao miền quê khác, chiến tranh đã qua hơn hai mươi năm rồi, nỗi đau vẫn còn âm ỉ.

## **Bụi vết tháng năm**

### **CHƯƠNG IV - 29**

#### **Những người nổi danh**

Bố vợ tôi làm nghề giáo, tính điềm đạm, khoan hoà. Ông sinh năm Giáp Tuất. Tuổi mới lớn ông đã chứng kiến cuộc kháng chiến chín năm. Trong một trận càn, giặc bắn chết bà nội ông. Bố con còn đang khâm liệm bà cụ, thì Tây càn quay lại. Những năm kháng chiến ông theo học ở trường Hàn Thuyên, sơ tán lên tận đất Phú Bình, Thái nguyên, rồi sang Trung Quốc học tại Khu học xá trung ương, Nam Ninh, với bao ông thầy nổi tiếng, thầy Hoàng Như Mai, thầy Lê Bá Thảo, thầy Nguyễn Lân,...



Trong chín năm kháng chiến, giặc càn quét, đánh phá làng quê bố vợ tôi ác liệt. Chỉ trong trận càn ngày 29/7/1948, giặc giết tới hai mươi mốt dân làng.

Có ông xã đội trưởng chiến đấu rất ngoan cường. Một lần giặc vây làng, ông cùng hai thiếu niên du kích trốn dưới hầm bí mật. Vì có mật báo, nên chúng phát hiện ra ba người. Họ bị giặc tra khảo dã man. Sau đó chúng thả hai thiếu niên du kích ra, còn ông xã đội trưởng bị chúng đưa sang Hà Nội. Biết rõ là du kích, mà tụi Pháp đành chịu, vì đánh mãi ông không khai.

Bọn Tây rất xảo xiên, chúng nghĩ ra mẹo, bỏ cho ông xã đội trưởng cái chân Phó tổng. Mẹo này chắc là của mấy anh Việt gian, chứ lũ Tây khù khờ, làm sao có cái mưu thâm nho thế!

Ông Phó tổng tề áo the, quần trắng, được các chú lính nguy ta áp súng, diễu khắp mấy làng. Du kích được phen phát hoảng, không dám trú ở các hầm bí mật trước đây nữa. Ông Phó tổng chỉ diễu quanh làng, chẳng chỉ cho giặc Tây căn hầm bí mật nào. Được vài tháng, Pháp không dùng ông Phó tổng nữa, chúng thả ra. Lúc này ông xã đội trưởng cũng không thể liên hệ với du kích được, vì ta đâu còn dám tin đồng chí ta. Hoà bình Năm tư, ông xã đội trưởng bị đi tù dăm tháng, vì cái tội làm Phó tổng tề. Người thiếu niên du kích năm nào cùng bị bắt với ông xã đội trưởng, sau này từng làm Phó giám đốc sở Văn hoá thành phố.

Ông nhắc tôi là tác giả cuốn *Lại Đà xưa và nay*. Dịp đó tôi tham gia giúp ông tra cứu tư liệu và biên tập một phần cuốn sách.

Qua cuốn sách, tôi biết một số nhân vật có tiếng của làng, của nước. Thế kỷ XV, dưới triều vua Lê Thánh Tông, có cụ Vương Khắc Thuật. Ông đậu Thám hoa năm 1472, từng là nhà ngoại giao xuất sắc triều Lê. Do thời gian trôi qua đã lâu, sử sách thu thập được về ông không còn nhiều.

Thế kỷ hai mươi, điểm thấy mấy nhân vật có tiếng. Nhân vật thứ nhất là Giáo sư, tiến sỹ Nguyễn Phú, giờ đang đảm nhận một chức vụ quan trọng của đất nước.

Nhân vật thứ hai là Cụ Nguyễn Bá Bảo, người đỗ Tú tài Tây đầu tiên ở làng. Tháng tư năm bốn sáu, ông là chủ tịch đầu tiên của Ủy ban hành chính xã và sau này, từng là Đại sứ đặc mệnh toàn quyền Việt Nam tại Úc.

Nhân vật thứ ba là Cử nhân Hán học Ngô Quý Doãn. Cụ đỗ cử nhân vào năm 1900, đời vua Thành Thái. Đậu cử nhân, nếu khéo chạy, cũng được bổ ra làm chân Tri huyện. Có lẽ Hán học không còn được trọng, lại trong thời buổi nhiễu nhương, cụ không ra làm quan, mà ở làng dạy học. Cụ mở trường vào quãng những năm 1920, dạy chữ Nho và sau này dạy thêm Quốc ngữ. Cụ dạy học đến tận năm bốn lăm. Nghe nói cụ có tham gia phong trào Văn thân chống Pháp. Là người đức cao vọng trọng, cụ được làng mời ra làm chân tiên chỉ và giữ cái chân tiên chỉ đến mấy chục năm.

Trong cuộc Cải cách ruộng đất năm năm sáu, ông cử nhân Hán học bị quy là địa chủ. Thật là một đại họa. Cụ chết trong cô quạnh và bi thương. Đám chôn chỉ có hai ba người thân, ván ghép vội bằng mấy cánh cửa và âm thầm đi vùi xác trong đêm tối. Có tin đồn, cụ chết vì đói! Chắc là không phải vậy. Đói thì tất nhiên rồi. Nhưng người có học, thường nặng về suy ngẫm. Tai họa bất ngờ đổ xuống, ông cụ ngỡ ngàng, không hiểu nguyên do là sao. Chẳng lẽ có chữ, có học lại là tội? Không sao hiểu được! Lịch sử cổ kim, lần duy nhất có Tần Thủy Hoàng đốt sách, diệt Nho.

Hơn bốn mươi năm sau, học sinh của cụ lúc này đều đã tuổi thất thập cổ lai hy, tổ chức đến giỗ thày. Bố vợ tôi là lớp học trò cuối cùng học chữ Nho của cụ. Hôm học trò đến giỗ, người con trai trưởng, tuổi ngoài tám mươi, rưng rưng nước mắt, cảm ơn các học trò xưa của cha đến làm cái nghĩa, cái đạo giỗ thày. Dù có muộn màng, thôi thì một nén nhang thơm của trò, cũng an ủi người chết và kẻ sống.

## **Bụi vết tháng năm**

### **CHƯƠNG V – HÀNH NGHỀ BÁO**

#### **30. Bài học nghề**

Tôi về Đài vào tháng 10/1987. Sau đây xin giới thiệu những bài học làm báo, khi tôi mới vào nghề:

*Bài học thứ nhất.* Về làm việc ở nhà Đài, những ngày tháng chập chững vào nghề, tôi được các bậc đàn anh thuyết giáo những lý thuyết cơ bản về nghề nghiệp, về sự cao quý của nghiệp báo: "Làm báo là làm chính trị, là nhà chính trị!" Vinh dự quá! Tôi đâm ra thấy mình oách. Giờ mình trở thành nhà chính trị, lời ăn tiếng nói phải giữ gìn. Mình nói, viết một câu, cả ngàn, cả vạn người đọc, người nghe. Sau mấy tháng lắng nghe, học tập miệt mài, tôi được theo một bậc nhà báo đàn anh đi cơ sở.

Một ngày, hai ngày, ba ngày của chuyến đi, mọi động tác của bậc nhà báo đàn anh tôi đều chú tâm quan sát, tự nhủ với mình, phải cố mà học hỏi từng lời, từng chữ, từng động tác của ông.

Qua mấy ngày, mà tôi chưa học hành được gì, đâm phân vân. Hay mình chưa chú tâm quan sát. Việc cứ lặp đi lặp lại, chỉ quanh quẩn, đại ý như sau: tối trước nhà báo đàn anh ngồi tính toán cung đường, gọi điện thoại liên hệ và nhắm tính hôm sau ăn sáng, ăn trưa ở đâu, cơ sở nào lo. Còn nội dung, tôi chưa thấy vấn đề chính trị, quân sự đâu, chỉ thấy mấy câu, ông hỏi quanh đi quẩn lại. Ví dụ, xin đồng chí đánh giá về những nỗ lực trong nhiệm vụ chính trị của huyện nhà; động cơ và nguyên nhân nào thúc đẩy các đồng chí có những ý tưởng táo tợn ấy; vân vân và vân vân.....

Lạ nhất là việc nhà báo đàn anh dắt theo cô con gái. Cô nàng đang học dở năm thứ hai ngành xã hội. Ông bảo, cho nó đi luyện chuyên môn, bổ sung kiến thức. Nhà báo đàn anh giới thiệu với cơ sở, con gái mình là đồng nghiệp và xưng hô anh anh, em em với con. Bổ sung kiến thức, chuyên môn đâu chưa thấy, chỉ rõ, nhà ông kiếm thêm suất quà. Quà thì chẳng ảnh hưởng đến ai, chỉ chối nhất là cô nàng này hay ngủ gật. Mới đầu cô nàng cũng giả vờ ghi ghi, chép chép. Đến khi ông bố phồng vấn, người ta trả lời, thì cô nàng gật gù ngủ. Lắm lúc ông bố đá chân, huých tay, cô con gái rệu vãn ngủ. Có bận ngủ say quá, dãi trên miệng đổ thành vệt dài, còn nghe rõ cả tiếng ngáy nhè nhẹ của cô nàng.

Trước chuyến đi, bậc nhà báo đàn anh dặn đi dặn lại, cậu nhớ chuẩn bị hai cái giấy đi đường nhá. Vậy mà đến hôm thứ ba, thứ tư, tịnh không thấy ông nhắc nhở tới nó. Hay là ông quên? Đến hôm thứ năm, cũng là gần hết hạn chuyến đi, đoàn tới một huyện vùng bán

sơn địa.

Từ trụ sở uỷ ban, nhìn về phía chân trời, thấy những đỉnh núi nhấp nhô. Trong khi ông chánh văn phòng cầm giấy giới thiệu của đoàn lên trình chủ tịch huyện, bậc nhà báo đàn anh tranh thủ cầm ống nghe điện thoại đặt trên bàn ông chánh văn phòng, trước đó ông giương mục kính tra cuốn sổ bé tẹo, sổ ghi số điện thoại, nhoay nhoáy bấm, rồi ông áp tai vào ống nghe:

- Đây, tôi đây... Tôi ở Đà đây. Phòng Tài vụ đây phải không? Làm ơn cho hỏi, tôi đang ở huyện.... Đây đã là địa bàn xã vùng ba chưa? Sao, chưa á?

Ông hét oang oang, như cãi nhau với cái máy. Tôi nghĩ bụng, à hoá ra ông đang xác định vị trí xã vùng ba. Tôi nghĩ: Chắc nhà báo đàn anh muốn dẫn dắt tôi tới một điểm khó khăn, để rèn nghề cho nhà báo trẻ. Đúng lúc bậc đàn anh gọi điện xong, ông chánh văn phòng quay lại. Nhà báo ta hỏi ngay, huyện nhà có mấy xã vùng ba?

Khi gặp và làm việc với đồng chí chủ tịch huyện, nhà báo đàn anh nói:

- Báo cáo chủ tịch! Chúng tôi biết huyện nhà gặp rất nhiều khó khăn, đặc biệt là mấy xã vùng ba. Nơi đây đời sống của đồng bào còn khó khăn lắm. Trong chuyến đi này, ngoài nắm tình hình chung, chúng tôi rất muốn thị sát cụ thể một xã vùng ba.

Nghe nhà báo nói, ông chủ tịch nở nụ cười phấn khởi:

- Ôi, thế thì còn gì bằng. Huyện chúng tôi rất mong cấp trên quan tâm các xã vùng ba. Nếu không, khó mà đồng bào thoát được cảnh nghèo đói. Nhưng cũng xin thông báo, đường lên đây xấu lắm.

- Ồ, tưởng gì. Chúng tôi đi được. Miễn là huyện giúp cho chuyến xe.

Quá đơn giản, ông chủ tịch chỉ đạo và điều ngay cho đoàn chuyển xe, Huyện còn cử ông chánh văn phòng tháp tùng. Đúng là khó khăn thật. Đường xấu, ngồi trên xe mà chúng tôi cứ nhẩy tênh téch, hết dúi bên này, lại đổ sang bên kia. Ông chánh văn phòng luôn miệng: Các nhà báo thông cảm! Đây, đường sá khó khăn vậy. Có đi thực tế,

các nhà báo mới thông hiểu đời sống các xã vùng ba.

Khởi hành từ tám rưỡi, đến mười một giờ, mà xe chưa tới trụ sở xã vùng ba. Ông nhà báo đàn anh có vẻ sốt ruột, mấy lần hỏi. Khi ông chánh văn phòng thông báo, còn vài cây số nữa, thì xe chợt dừng lại. Trước mặt là cây cầu, người đứng ngòai lổ nhỏ. Thấy xe ô tô chạy tới, một người đứng ra xua xua tay, ra hiệu phải dừng xe. Đêm qua có trận lũ lớn, cuốn trôi mất chân cầu. Giờ dân bản đang sửa chữa.

Cũng may nhờ có ông chánh văn phòng huyện đi cùng, nói tầm quan trọng của đoàn nhà báo: Đoàn lên là lên tìm hiểu các xã vùng ba. Sau chuyến công tác này, qua nhà báo, nhân dân xã nhà sẽ nhận ổi dự án. Mấy người dân đang sửa chữa, xúc động quá, nên một nhoáng, cầu đã sửa xong. Chúng tôi đến uỷ ban xã đúng mười hai giờ. Uỷ ban lúc này vắng ngắt, chỉ có mỗi ông cán bộ định canh. Túm được ông cán bộ trên, bậc nhà báo đàn anh hỏi ngay, phụ trách văn phòng xã ở đâu, dấu uỷ ban ai giữ.

Nghe ông cán bộ nói, nhà ông văn phòng ở gần đây thôi, dấu cũng do ông này giữ, nhà báo đàn anh khẩn khoản nhờ ông cán bộ kia gọi giúp cho. Ông còn không quên nhắc:

- Nhớ, nhớ nhé, bảo ông ấy mang theo cả dấu nữa.

Không thấy nhà báo nhắc tới việc tìm chủ tịch xã, ông chánh văn phòng nhắc thêm:

- Gọi cả chủ tịch nữa.

Một loáng đã thấy ông cán bộ văn phòng xã đến. Vừa thấy ông ta, bậc nhà báo đàn anh đã hốt hải bảo tôi, lấy hai tờ giấy đi đường ra, đưa ông này đóng dấu ngay. Sau khi dấu đóng xong, nét mặt nhà báo đàn anh giãn ra. Ông cán bộ văn phòng uỷ ban ngó nhìn trời chép miệng:

- Gió mây thế này, khéo lại lũ lớn. Lũ lớn là cây cầu nguy đấy!

Mới nghe có thể, bậc nhà báo đàn anh hốt hoảng:

- Sao, sắp có lũ à. Vậy thì,... chúng ta phải ra gấp. Cây cầu kia mà

sập, thì biết bao giờ mới ra được?

Ông chánh văn phòng huyện tròn mắt:

- Ờ kìa! Thế chúng ta không làm việc với chủ tịch xã để lấy tư liệu vùng ba?

- Xong rồi, xong rồi... Tư liệu chẳng vừa lấy xong rồi đấy thôi. Chỉ riêng chi tiết cây cầu đã là minh chứng sinh động cho khó khăn xã vùng ba.

Mặc cho ông cán bộ văn phòng xã níu kéo, bậc nhà báo đàn anh vẫn cương quyết cáo từ. Sự việc xảy ra làm tôi đâm khó hiểu. Lúc trước thì nằng nặc xin đi, huyện người ta nhiệt tình điều hãnh chuyển xe, lúc đến nơi, chưa làm việc gì, đã vội vã quay về.

Buổi tối ở phòng khách của huyện, trước khi đi ngủ, bậc nhà báo đàn anh nhả nha giải thích: Chuyển đi này công tác phí vị chi là sáu ngày, đã có cái dấu xác nhận công tác sáu ngày xã vùng ba. Cậu có biết, thanh toán ở vùng bình thường là bao nhiêu không? Còn xã vùng ba, gấp rưỡi đấy. Sáng nay chúng ta bò được lên đấy, đóng cái dấu, vị chi mỗi người thêm được mấy chục đồng. Nếu không, chả ai dờ hơi mất công, mất sức leo lên đấy.

Bài học làm báo, làm chính trị đơn giản quá, hiệu quả quá, mà mãi đến lúc nghe giải giải, tôi mới nhận ra.

*Bài học thứ hai.* Phàm đã là cán bộ trung ương, thì đều oách. Mình ở Hà Nội, toàn cán bộ trung ương sẽ không thấy đâu. Thử xuống địa phương xem, càng xuống thấp, càng xuống cơ sở, càng thấy sự trọng thị. Tôi có dịp đi cùng với một ông chuyên viên của Bộ Thủy nông. Hồi ấy Bộ còn độc lập, chưa sáp nhập vào đâu. Ông ta thuộc bộ phận tuyên truyền của Bộ. Trông ông này đúng là cán bộ trung ương, com lê, cra vát, tay xệ nệ xách ca táp, bụng thầy lầy to. Vừa thấy tôi lò dò đến Bộ đón xe, ông đã đơn đả:

- Nhà báo... Nhà báo phải không?

Ông xởi lời hỏi và cười với cái giọng cấp trên.

Trên xe, chuyện của ông nở như ngô rang. Tôi thầm nghĩ, ông là người quảng giao, rộng rãi. Tương ông này còn tiến. Chuyển đi công tác do Bộ tổ chức cho cánh nhà báo xuống cơ sở nắm tình hình, viết bài tuyên truyền về Bộ. Ông cán bộ kia dẫn đoàn đi. Điểm đầu tiên là sở thuộc một tỉnh miền núi. Sau khi giám đốc sở giới thiệu về tình hình hoạt động, cùng thành tích của sở, ông cán bộ tuyên truyền khéo léo dẫn dắt để giám đốc nêu ra những khó khăn, đề xuất các kiến nghị lên trên. Được lời như cời tấm lòng, ông giám đốc nêu một loạt khó khăn và một lô kiến nghị. Trong khi giám đốc nêu kiến nghị, ông cán bộ tuyên truyền hí húi ghi chép, thỉnh thoảng còn ghéch kính lên:

- Ô tô hả, các đồng chí xin Bộ ô tô hả? Chuyện vặt! Máy cái?

Giám đốc sở phấn khởi ra mặt.

- Báo cáo, chỉ cần một cái.

- Tưởng gì. Quá đơn giản. Loại xe nào? Đã xin, thì cứ xin hẳn cái TOYOTA mà đi. Như cái xe của chúng tôi đỗ ngoài sân kia kia.

- Không dám. Thôi thì, các bác trung ương thái ra cái nào, chúng em địa phương vui vẻ nhận cái đó.

- Việc gì phải dùng đồ thái. Cứ trình bày đi, cái đơn kiến nghị ấy, về tôi sẽ trình bày với ông Vụ Tài chính Kế hoạch, một câu là xong bém. Một, chứ hai ba xe, ký roẹt là xong. Thế còn dự án thủy lợi.... triển khai đến đâu rồi.

Ông Giám đốc sở gãi gãi tai.

- Khó khăn quá anh ạ. Đã trình mấy bận...

- Không đúng chỗ rồi. Cứ đưa cho tôi. Qua anh Thứ trưởng là xong ngay tấp lự. Nếu cần, văn phòng Chính phủ cũng xong.

- Ôi, thế thì còn gì bằng. Chuyện này...

- Được rồi. Các vị còn kiến nghị, đề đạt những gì nữa không?

Ông giám đốc sờ sung sướng ra mặt, như vớ được mỡ khoai bở. Mặc dù đột xuất, chưa hề chuẩn bị, ông cũng kịp liệt kê một loạt kiến nghị ...

Sau buổi làm việc rất kết quả, Sở tổ chức bữa thịnh soạn, cá thịt ê hề. Nhìn lên mặt bàn thấy bia hộp bày la liệt, ông cán bộ tuyên truyền mắt sáng long lanh:

- Bia, bia hộp hả? Thế mới chịu chơi. Được!

Đón cái phong bì rất nhanh từ tay giám đốc sờ đưa, ông cán bộ tuyên truyền rôm rả khoát tay mời chủ khách vào bàn. Vừa ngồi xuống, ông đã nhoay nhoáy mở bia, cụng người này, chúc người kia. Bữa ăn vui vẻ làm chủ, khách ngà ngà say. Đến lúc cánh nhà báo và chủ nhà nhiều người đã rời bàn, vẫn thấy ông cán bộ tuyên truyền vô tư ăn uống.

Cho đến lúc mấy nhân viên phục vụ vào dọn dẹp bàn, thì ông cán bộ tuyên truyền cao giọng, bảo cho xin vỏ hộp các tông. Nhân viên chưa rõ ý ông lấy làm gì, thì ông sai họ luôn, nhật tất cả vỏ hộp bia cho vào đấy. Nhật đến vỏ hộp cuối cùng, cũng là lúc ông chùi mép, đứng lên, tiến lại bê luôn cái hộp. Mấy nhân viên ngỡ ngàng, không rõ hành động của ông là gì. Ông cán bộ điềm nhiên bê cái hộp, khệnh khạng bước về phòng nghỉ.

Trận bia làm tôi say, về đến phòng vật ngay ra giường, mắt díp lại. Tôi ngủ từ lúc nào không hay. Chợt tôi choàng tỉnh giấc, bởi tiếng động bùm bụp ngay bên tai. Nhồm người dậy, mắt nhắm mắt mở nhìn, tôi thấy ông cán bộ tuyên truyền ngồi chồm hổm giữa phòng. Tay ông lăm lăm thanh gươm cao, dưới nền nhà là một đám vỏ lon bia bị đập dập.

Thấy tôi ngỡ ngác, ông cán bộ tuyên truyền hề hề cười, giải thích: Tớ đập vỏ lon bia ấy mà. Thứ này về Hà Nội, gọi đám ve chai, bán được giá lắm. Nói xong, ông lại giáng thanh gươm xuống nghe đánh bụp. Tôi ngỡ ngàng không tin nổi mắt mình. Khu nhà khách, giữa đêm hôm khuya khoắt, tiếng đập rầm rầm, khua máy ông nhà báo ngủ phòng khác cùng dậy. Không hiểu chuyện gì, chạy sang, họ ngỡ ngác nhìn ông cán bộ tuyên truyền, với đống lon bia bị đập dập.



Sau khi đập dập xong đám vỏ hộp lon bia, ông cán bộ tuyên truyền lôi từ trong ca táp ra cái bao tải dứa, cho tất cả đám lon bia đập dập vào đấy. Hình như tôi còn nghe tiếng ông lẩm nhẩm đếm. Sáng hôm sau, ngoài ca táp xách tay, ông còn toong teng bao dứa. Trên xe cứ nhìn cái bao tải trên sàn xe, tôi lại nghĩ, ô tô là cái tép, hệ thống thủy lợi là cái tép! Còn cái gì là cái tép nữa đây?

Chuyện hơn chục năm rồi, chắc ông kia giờ đã nghỉ hưu. Nếu ai không tin, cứ đi hỏi mấy ông gốc ở phòng Tuyên truyền của Bộ Thủy nông là khắc rõ.

*Bài học thứ ba.* Lần tôi cùng Đặng Quang đi công tác huyện Phù Yên, Sơn La. Buổi tối anh Nhuận, Bí thư huyện, sau này là Phó bí thư Sơn La, đưa chúng tôi xuống một bản Thái, dự đêm xoè. Tôi nhớ mãi hình ảnh trên nhà sàn, bên bếp lửa hồng, trai gái bản say mê xoè múa. Được một bà mẹ hướng dẫn, chỉ cho cách gõ cồng, tôi hăng hái phụ trách chiếc cồng. Đêm xoè đang vui thì r...ì...nh một cái,... cả đám người trên sàn hăng xuống. Khói lửa mù mịt. Khách, chủ được bữa khiếp vía. May không ai bị sao và căn nhà sàn không bị cháy.

Trên đường về, xe qua nhà anh Nhuận trước, mọi người xuống chào bí thư. Lúc lên xe, tôi và Đặng Quang trèo lên trước. Là xe com măng ca, phải lật ghế trước và trèo qua nó, mới vào được ghế sau. Chúng tôi lên rồi, mà dưới đất, thấy mấy ông cứ quẩn quanh. Chợt nghe anh lái găt:

- Lên thì lên không nào. Hay ông nào muốn lên, lên luôn ghé lái xe này, tôi nhường cho.

Tôi không rõ tại sao anh tài lại bực và nói thế. Rồi mấy người kia cũng lục tục lên xe. Trên đường về huyện uỷ, xe đỗ từng chặng để thả người xuống. Đến một điểm, ông ngồi ghế trên vừa xuống, một ông ghé sau trườn qua mấy người khác và trèo lên ngồi ghế trước. Tôi nghĩ, chắc điểm tới sẽ dừng ở nhà ông ta, nên ông ta trèo lên để chuẩn bị xuống. Xe lại dừng, một ông ngồi phía sau trèo lên và trườn qua ông ngồi ghế trên, để xuống đất. Xe lại dừng ở một điểm, ông ngồi ghế trên xuống. Thấy cái ghế trên trống, tôi định trườn lên như mấy ông vừa trườn, thì thấy Đặng Quang bám vào tay tôi. Không biết Quang có ý gì. Một ông nữa lại bắt đầu trườn lên cái ghế trước.

Về đến phòng, tôi được Quang giải thích, ghế ngồi phía trước xe là ghế quan trọng. Trên xe, người nào có chức tước cao nhất, thì ngồi chỗ đó. Lúc trước mấy ông cứ dùn đẩy nhau là do có hai ông ngang chức, ngang quyền nhau, một ông trưởng ban tổ chức, một ông chánh văn phòng. Thế là hai ông không chịu nhường nhau. Ông nào lên sau sẽ ngồi ghế trước, nên chả ông nào chịu lên trước.

Nghe Quang giải thích, tôi mới biết, cái ghế quan trọng thật!

### *Bài học thứ tư*

Tôi và anh Diễm Như có chuyến đi Yên Bái. Chúng tôi được đưa xuống một bản người Mông. Sáng sớm đi, hơn tám giờ mới tới nơi. Chúng tôi vào thẳng nhà ông chủ tịch xã. Có lẽ nghe tiếng Việt chưa sôi, nên ông chủ tịch triệu tập đủ thành phần của xã đến dự, khoảng chục thành phần và đến mười giờ họ mới có mặt đông đủ, có đại diện còn dẫn theo hai, ba đứa trẻ đi cùng, có đứa tông ngồng, mũi dài thè lè.

Tại trụ sở uỷ ban, ba ông khách, chủ nhà và đám trẻ, đến hơn năm chục người. Không khí ồn ã như cái chợ, chúng tôi lúc này chẳng còn phỏng vấn, ghi âm được thành phần nào, đành giở sổ ra ghi chép. Đến mười một giờ thì làm việc xong. Thấy chúng tôi cáo từ ra về, ông chủ tịch nhất quyết mời ở lại ăn trưa. Ông bảo, chỉ một tý là xong. Trước lời mời quá nhiệt tình, chúng tôi đành ở lại.

Trong khi chờ xã làm cơm, chúng tôi lạo dạo ra xóm người Mông trước trụ sở uỷ ban, họ mới di dời về định cư ở đây. Mấy cô gái Mông Hoa thấy tôi xách máy ảnh, cười xấu hổ, bảo chụp ảnh cho họ. Nghe tôi đồng ý, các cô vội vàng về nhà thay váy áo mới, những cái váy Mông, hoa văn sắc sỡ đẹp thật! Con gái Mông Hoa có nước da cũng rất đẹp, đỏ hồng và mịn như quả bồ quân. Tiếc là sau đó mấy bức hình tôi đều chụp hỏng, không gửi lên cho họ được.

Mười hai rưỡi quay lại, vẫn chưa thấy bữa ăn đâu, chúng tôi đành ngồi nói chuyện suông. Một giờ, bát ô tô thức ăn đầu tiên được đưa ra, cứ từng cô gái Mông, lững thững bê ra. Thấy người bê cơm và thức ăn, mấy con chó xô vào trụ sở uỷ ban, chúng đảo quanh dưới gầm bàn và gầm ghế nhau.

Sau khi thức ăn bày xong, ông chủ tịch đứng lên phát biểu. Ông nói dài lắm, phát biểu về đời sống đồng bào khó khăn, dân số của xã, kế hoạch hoá dân số đặt vòng, trẻ em bỏ học,.... Bài phát biểu dài chừng gần nửa tiếng, mấy bát thức ăn bày ra, lúc trước bốc khói, đến lúc phát biểu xong, đám ruồi xúm vào đậu kín. Trong lúc ông chủ tịch xã phát biểu, đại diện ngồi quây quần quanh bàn, còn đám trẻ, khoảng hai chục đứa, bám cửa sổ, cửa ra vào và đứng dựa tường xoi mói cá và cơm bày trên bàn.

Cuối bài phát biểu, ông chủ tịch rào đón, do đến đột xuất, nên chỉ có cơm rau mời khách. Tôi cứ nghe cải mè, có thấy tý rau nào đâu. Mỗi mâm gồm hai bát ô tô, mỗi bát có hai con cá nhỏ nằm trong nước canh, hai bát ô tô cơm và hai chai rượu loại hơn nửa lít, trông đùng đục.

Bữa ăn được bắt đầu, sáu người một mâm, gồm khoảng ba chục chủ nhà và ba ông khách. Lũ trẻ con không được dự, vẫn đứng dựa quanh tường nhà nhìn người lớn chuẩn bị ăn, còn đám chó nghe tiếng bát đĩa va chạm, mõm chầu hầu cả lên. Chủ nhà không có ý kiến gì về đám trẻ, mình là khách, chẳng lẽ lại kéo chúng vào ăn.

Nhìn mâm cơm chỉ có từng ấy thứ thức ăn, chẳng lẽ nhắm rượu với cơm, tôi đành xới bát cơm, chan tý canh và đưa lên và xò. Cơm thì màu đỏ đỏ nhạt, nhão nhoét. Mấy vị chủ nhà cũng xới cơm và chan canh, họ đều xắn cá và gắp vào bát. Sau khi và xò vài nhát, đồng loạt họ gắp miếng cá trong bát, chìa về phía đám con nhà mình. Thấy bố chìa khúc cá ra, bốn năm cánh tay đồng thanh giơ ra, vồ lấy, đứa nào vớ được, đứng luôn tại chỗ, thản nhiên đút vào mồm nhai.

Dưới gầm bàn, đám chó ngóng mãi không thấy miếng xương nào, xô vào cắn nhau kêu ăng ẳng. Tôi hoảng quá, sợ chó nó tức, cắn cho, định thu chân lên ghế, song nghĩ khách ngồi ăn như thế, không được đẹp, đành liều cứ để chân dưới gầm bàn, vừa và xò cơm, vừa liếc chó. Tôi chỉ được một lần xới, đến bận thứ hai định xới tiếp, thì cơm và cá sạch nhẵn.

Một bài học về cái đói, về khó khăn vùng đồng bào, tôi không phải ghi chép vào sổ, không phải ghi âm, vẫn nhớ.

## **Bụi vết tháng năm**

## CHƯƠNG V – 31

### Về đài

Đến hôm nay sau hai mươi năm về Đài và trong nghề, tôi thấy mình yêu nghề và cơ quan. Có lẽ số tôi may mắn chăng? Mái nhà lớn của tôi, nhà Đài, rất ấm áp tình người - đồng nghiệp là các bác, chú, anh đi trước và lãnh đạo.

Mái nhà nhỏ: Hồi mới về tôi được phân công làm việc ở phòng Đồng bào, tiếp theo làm ở phòng Khoáng sản. Anh em hoà thuận, không bè phái và các sếp đều mát tính. Đôi lúc có va chạm giữa anh em với sếp, nhưng là công việc, điều tất nhiên thường xảy ra.

Sếp trưởng phòng đầu tiên là anh Đinh Sơn, người dân tộc Mường, quê Thanh Sơn, Phú Thọ. Anh hiền hoà, nói ít, sống công bằng và ít chạnh chọe với nhân viên. Hiện anh là phó ban Đồng bào. Chị Nguyễn Yến là sếp trưởng phòng thứ hai của tôi, chị thẳng, ruột để ngoài da, cái gì không nói ra là không chịu được. Chị nay nghỉ hưu rồi.

Nguyên do tôi về Đài cũng rất tự nhiên. Bắp bệnh hợp đồng cả năm ở lò mổ lợn thành phố, dùng một cái, được tiếp nhận về một cơ quan rất oách. Được việc mà chẳng tốn đồng quà bánh nào, đến bao thuốc lá, lạng chè xã giao cũng không có.

Tôi ở nhờ nhà ông chú ruột, căn hộ tập thể nhà A2, khu 128 C La Thành, giáp nhà ông Hoàng Văn, lúc đó là trưởng phòng Nông dân và ông Trần Sơn, phóng viên cùng phòng, nay là giám đốc cơ quan thường trú Đà Nẵng.

Chủ nhật, ông chú tôi từ trường Thường Tín về, ông Hoàng Văn và ông Sơn thường sang uống nước, chuyện trò. Bà thím tôi có ý sẵn, định dấm cho thằng cháu, nên thỉnh thoảng giới thiệu với khách, hồi ở trường, nó viết cả kịch cho hội diễn trường đấy! Câu giới thiệu đã giúp tôi vào nghề báo, điều mà trước đó tôi chưa hề nghĩ tới. Một lần, ông Sơn nói, Phòng đang cần phóng viên, hay chú mày lên thử xem sao. Tôi đang hợp đồng bắp bệnh, có cơ hội tìm việc mới, thì tốt quá.

Vội vàng tôi nhận lời ngay.

Trước đó cả thời kỳ dài, quãng mười năm, Đài nhận rất ít người, hình như khối phóng viên cho các Ban trong nước, chỉ khoảng năm, sáu phóng viên. Sau này về Đài, sinh hoạt Đoàn khối Văn phòng, Đối nội và Đối ngoại, có chưa đầy hai chục người, trong đó chỉ có hai đoàn viên tuổi dưới hai lăm.

Để thử khả năng viết báo, ông Hoàng Văn bố trí tôi theo chuyến công tác cùng ông Đặng Hồng, lúc đó là phó phòng và ông Trần Sơn. Chuyến đi tới hợp tác xã Hợp Thịnh, tỉnh Vĩnh Phúc, một hợp tác nông nghiệp có tiếng về canh tác cây ngô đông và quan hệ mật thiết với Đài. Tiếp chúng tôi là bác Bùi, một tỉnh uỷ viên, được cắm ở đây, ngay quê hương mình. Con người này có công lớn với Hợp Thịnh, đưa thành công cây ngô vào vụ đông trên đồng đất ở đây. Nó là mô hình được khá nhiều hợp tác gần xa đến tham quan.

Tôi cố tâm quan sát hai nhà báo kỳ cựu kia lấy tư liệu và làm việc ra sao. Sau hai ngày tiếp xúc cơ sở, tôi chưa thu thập được gì, chỉ thấy trưa, chiều, chúng tôi được tiếp đãi thịnh soạn. Trước khi đoàn về, hợp tác bán cho đoàn bao gạo khá to. Bao gạo được mang về, chia đều cho anh em trong phòng.

Công tác về, tôi được ông Hoàng hỏi về chuyến đi và nội dung sẽ thử việc. Ông đưa ra cho tôi mấy sự lựa chọn: thứ nhất biên tập bài của cộng tác viên; thứ hai viết phóng sự về chuyến đi và cuối cùng, tự chọn thể loại, đề tài, miễn sao phù hợp với nội dung phát thanh nông nghiệp.

Tôi còn nhớ, ông Hoàng Văn đưa một bài viết, với cái tit: "*Con tôm ôm cây đước....*", chữ viết rõ ràng, dễ đọc. Đọc lướt qua, tôi đã thấy, mình không sửa sang, thêm bớt được từ nào, một tay viết chuyên nghiệp, lại là vấn đề nóng đang diễn ra ở vùng rừng ngập mặn Cà Mau. Nghĩ lại chuyến vừa mới đi, tôi biết viết gì đây, chẳng lẽ viết phóng sự mua gạo giá thấp, hay những bữa ăn cơ sở đón tiếp? Đâm hoảng, tôi thần mặt ra.

Quan sát tôi, ông Hoàng Văn hỏi, chọn lựa phương án nào. Tôi lúng túng một lúc, cuối cùng quyết định, chọn thể loại câu chuyện truyền thanh. Ông Hoàng đồng ý và hỏi, thời gian bao lâu thì nộp tác phẩm.

Tôi xin hai tuần.

Về nhà đóng cửa suy nghĩ. Biết chọn đề tài gì đây. Không thể viết câu chuyện trong đợt thực tập về Văn Giang, cả hợp tác toàn xã, sức kéo còn mười lăm con trâu, chỉ còn biết dùng sức người cày kéo. Cuối cùng, tôi cũng nghĩ ra tứ viết. Trong khi tôi "sáng tác", thỉnh thoảng ông Trần Sơn lại hỏi, cậu viết đến đâu rồi. Tôi ậm ừ...

Hai tuần sau, tôi đưa cho ông Sơn bản thảo viết tay. Chữ tôi quá xấu, to như con gà, nên bản thảo dày tới gần ba chục trang. Nhờ có ông Ngọc biên tập và Linh Phi đánh máy, bản thảo mới được hoàn thiện. Khi tôi đưa lên cho ông Hoàng, ông hỏi, có phải chuyện ấy tôi viết, hay ông Sơn, tôi khẳng định là mình viết, ông Sơn có sửa chữa, bổ sung thêm chi tiết và biên tập. Câu chuyện của tôi được ông Hoàng ký duyệt, trình lên Ban, không rõ là sếp Ban nào, có lẽ là bác Trần Thụ duyệt. "Tác phẩm" đạt và Ban cho phát.

Hôm mời diễn viên dựng chuyện, ông Sơn bảo tôi lên xem. Đứng ngoài phòng thu, nhìn diễn viên nổi danh Văn Hiệp, lòng tôi lâng lâng. Đứa con tinh thần của mình được công bố. Tự hào, sung sướng quá!

Ngay khi câu chuyện được phát, tôi nghe ông Hoàng thông báo, Tổng biên tập khen, chuyện có nội dung mới. Trong khi mọi người đang ngợi khen đổi mới, thì tôi lại nêu ra vấn đề, có những kẻ nhân danh đổi mới, để tiêu cực - đổi mới giả danh. Ngay sau đó, câu chuyện được phát lại. Thật là một tin quá tốt với tôi. Thế rồi, tôi được nhận quyết định tiếp nhận về Đài, một việc không ngờ, như lộc trên trời rơi bịch xuống.

Cùng đợt về với tôi có tất cả sáu người, trong đó có Chu Nguyễn, nay là Phó trưởng ban Văn hoá. Năm 1975, Chu Nguyễn nằm trong cái tốp học sinh giỏi Hải Hưng tham gia miền Bắc. Cái tốp ấy có nhà thơ Trần Đăng Khoa, nhà báo Trịnh Bá Ninh, giờ họ vẫn rất thân nhau.

Tuyển tôi về Đài là phòng Nông dân, nhưng tới khi nhận việc, tôi lại được phân công về phòng Thời sự. Mới kịp gặp anh Trần Trọng, tôi xin nghỉ vài ngày, một tuần sau, lại được thông báo, lên gặp bác Mai Phạm, Phó tổng. Bác Mai nói, điều tôi về phòng Đồng bào.

Về Đài rồi tôi mới biết, bác Mai là đồng hương huyện. Quê bác cách nhà tôi bốn cây. Bác hiền, tính dễ chịu, một con người "*không có gì là quan trọng*", việc lớn thu thành chuyện nhỏ... Bác Mai quan to, mà sống bình dân. Bác nghiện thuốc lào nặng, có cái điều trong phòng, tôi cũng dân nghiện, cứ lên cơn là vào phòng bác, dúm vào một góc hút, kể cả khi bác có khách.

Đáng lý suất về phòng Đồng bào số là của Chu Nguyễn. Từ vùng đất Tri Tôn, đồng bằng sông Cửu Long, nhiều năm Chu cộng tác với phòng Đồng bào. Qua các câu chuyện truyền thanh, chuyên mục Chuyện Buôn sóc bản mường, Văn hoá các dân tộc, Chu Nguyễn được phòng Đồng bào chấp nhận. Đường xa, nhận quyết định rồi, mà Chu Nguyễn chưa ra kịp. Tôi đến trước, nên thế chân Chu Nguyễn. Trong chuyện này, đôi khi tôi cứ nghĩ, mình "tranh chỗ" của bạn.

Sau này tôi và nhà văn Chu Nguyễn có dịp trò chuyện văn chương và cả chuyện đời và những chuyện linh tinh. Tôi rất thích tập truyện ngắn *Tổ ấm bờ cau* của Chu Nguyễn. Cái chi tiết ghép chim, què quá. Văn Chu Nguyễn nhẹ nhàng, man mác, man mác như vùng đất Hưng Yên quê Chu Nguyễn, những làng quê êm đềm *Bụi tâm xuân*, *Khu vườn cổ tích*,... từ cái truyện anh hàng xóm của Chu, tôi đã bắt chước, mà viết được truyện ngắn *Hàng xóm*.

## **Bụi vết tháng năm**

### **CHƯƠNG V – 32**

#### **Những người từng gặp**

Đời làm báo, tôi gặp gỡ và làm việc với khá nhiều người. Xin kể trước một kỷ niệm, tôi vinh hạnh được gặp Đại tướng Võ Nguyên Giáp.

Chuyện lý thú là, bác Giáp chủ động rẽ vào gặp tôi. Đó là vào khoảng đầu những năm chín mươi. Hồi ấy Đại tướng đến dự hội nghị về môi trường. Trước khi diễn ra hội nghị, bác Giáp đang đứng ngoài hội trường. Tôi chỉ tay và giới thiệu vị danh tướng thế giới với Êvít, Trưởng đại diện Quỹ Động vật hoang dã thế giới tại Việt Nam, WWF.

Đêvít bảo, biết vị danh tướng này từ hồi còn là sinh viên ở Mỹ. Rất hâm mộ Đại tướng, anh đến chào Đại tướng. Tiếc rằng tôi không có máy ảnh, nếu chụp được một bức, Đêvít sẽ quý lắm.

Cũng hội nghị này, trong giờ giải lao, tôi ngồi lại một mình, trên bàn có biển đề Nhà báo. Tôi vừa uống nước, vừa nhấm nháp chiếc bánh kem. Chợt bác Giáp tiến lại phía bàn tôi. Bác cười và hỏi: Nhà báo hả..... Tôi cảm động quá, đứng lên chào bác. Bác giơ tay cho tôi bắt. Tôi vội mở chai nước suối và bóc phong bánh kem mới, mời bác. Nhận chiếc bánh từ tay tôi, bác Giáp nhúng luôn bánh vào cốc nước suối. Tôi ngỡ ngàng nhìn hàm răng trắng ngà và đều đặn, bác cười giải thích, răng giả hết ấy mà.

Tôi cứ tiếc mãi, hôm đó giá có anh bạn nhà báo nào chụp cho mình bức hình, tôi được ngồi hầu chuyện Đại tướng, thì quý biết bao. Nghĩ, tôi còn tiếc đến bây giờ.

Giáo sư Đặng Hùng Võ là người hóm hỉnh, thông tuệ, dễ gần,... Có buổi chúng tôi tổ chức diễn đàn trực tiếp. Đón ông ở cổng cơ quan, tôi ngong ngóng nhìn các xe con chạy qua cơ quan. Bất chợt một chiếc xe máy ập đến, đổ xích. Sau xe, Giáo sư Võ trèo xuống. Tôi hơi bất ngờ, vội vã ra chào và tò mò hỏi ông, sao... lại dùng xe ôm. Ông cười, bảo: Buổi trưa, cho cậu lái xe về. Mình bắt xe ôm cho tiện. Đơn giản, tiện lợi quá, chẳng kích dích, phiền hà ai.

Một lần khác, khi ngồi bàn nước chờ đến giờ thu, chúng tôi chuyện phiếm. Giáo sư Võ tủm tỉm, kể cái chuyện trước đây ở cơ quan ông. Tôi không nhớ là cục nào, đại khái nó liên quan đến bản đồ. Nơi ông làm việc, lãnh đạo mâu thuẫn lắm. Mâu thuẫn đến mức, mấy năm liền chẳng có công văn nào được ký. Không có cục trưởng, còn mấy cục phó, chẳng ông nào chịu ông nào. Giáo sư kể:

- Vì mâu thuẫn nặng, cấp trên biết, phải tổ chức hẳn đoàn về thanh tra. Sau ba bốn tháng làm việc, đoàn ra mấy kết luận. Trong đó kết luận thứ nhất là: sự mâu thuẫn này, trước nhất, không có bàn tay địch.... Ôi dào ơi, cơ quan to bằng cái ngón tay. Có phải quốc phòng, an ninh quan trọng gì đâu. Chẳng phải thanh kiểm tra, ai chẳng rõ, làm gì có bàn tay địch! Chỉ có mấy ông lãnh đạo nhà ta mâu thuẫn, đấu đá nhau....



Lần ấy tôi có chuyến đi công tác mấy tỉnh miền núi cùng bác Cư Hoà Vần, lúc đó bác là Trưởng ban Định canh định cư, thuộc Bộ Lâm nghiệp và sau này từng là Chủ tịch Hội đồng dân tộc Quốc hội. Chuyến đi cũng nhiều chuyện đáng nhớ.

Tỉnh đầu tiên là Hoà Bình. Xe theo đường B52, nay là Trường Chinh ra hướng Thanh Xuân. Gần đến Ngã Tư Sở, thì bất ngờ từ hướng đường Thanh Xuân, một chiếc xe tải lao tới ào ào, nó leo cả lên vỉa hè và phóng thẳng về phía chúng tôi. Mọi người trên xe hốt hoảng, chỉ còn biết ơ ơ kêu. Nó lao thẳng vào xe ô tô phía trước chúng tôi. Máy chiếc xe xô vào nhau, dồn đống. May có chiếc xe trước làm vật đệm, nên xe tôi chỉ bị xây xát chút ít và người trên xe chỉ va đập nhẹ.

Chúng tôi vội vàng thoát nhanh khỏi đám tai nạn, chạy tới gần thị xã Hà Đông liền tạt vào quán nước cho anh em hoàn hồn. Mọi người trên xe vẫn còn bàng hoàng trước tai nạn suýt xảy ra với mình trong gang tấc, riêng bác Vần vẫn bình thản, như không có chuyện nguy hiểm vừa xảy ra.

Làm việc với Ủy ban huyện Đà Bắc xong, theo lời mời của ông chủ tịch huyện, chúng tôi về chơi quê ông. Bản của chủ tịch cách huyện lỵ Đà Bắc khoảng ba mươi cây, nằm ở độ cao năm, sáu trăm mét. Đường đi khá xấu, toàn đường đất leo dốc.

Đến một đoạn, xe trước dừng lại, ông chủ tịch huyện nhảy xuống, chỉ con suối cạn, bảo nếu đi theo đường này, về nhà ông gần được dăm cây số, chỉ tội đường xấu. Bác Vần gật: Đi được. Nói rồi ông bảo lái xe, để ông lên cầm vô lăng. Hồi đó một cán bộ to thế, mà lái xe là chuyện lạ. Bác Vần thuộc hạng tay lái cứng. Lòng suối cạn chạy ngoằn ngoèo, đá cuội lớn nhón, xe chúng tôi vẫn bám sát xe trước.

Nhà ông chủ tịch huyện ở một vị trí khá đẹp. Trước nhà nhìn xuống cái vực, cây rừng ngàn ngạt xanh. Chủ nhà và mấy dân bản tíu tít chuẩn bị bữa cơm đãi khách. Đồ ăn được bày ra sàn, có thịt rừng khô, măng tươi,... Trong lúc người nhà chuẩn bị bữa ăn, ông chủ tịch hàn huyên với khách. Ông say sưa nói về thông thổ, dân tình trong vùng. Trong lúc trò chuyện, ông bỏ ra cái chai:

- Các vị có biết, con gì đây không?

Nói xong ông giải thích ngay, con tắc đấy. Một con sâu ngâm trong rượu, dài và to cỡ ngón tay giữa. Tôi nghĩ bụng, chắc một vị thuốc nam. Ông chủ tịch tức tắc kể về con tắc kia. Loài này sống trong nước, chỉ những vùng nước lạnh hay tù. Một lần ông đi bộ, cắt rừng về nhà. Thời tiết nóng nực, ông dừng lại một quãng suối, vục nước rửa mặt. Chỗ dừng chân, quãng suối lạnh.

Chuyện bình thường, ông chẳng để ý nữa. Hai, ba tuần sau, ông ho liên tục, mũi thì nhức. Dùng mãi kháng sinh không chuyển, ông đành sang bệnh viện huyện khám. Cuối cùng bác sỹ đã phát hiện ra nguyên nhân, trong mũi ông có vật đang ký sinh. Kể tới đây ông giơ cái chai:

- Con này đấy. Tôi ngâm nó để nhớ.

Nhìn con tắc trong chai rượu tôi thấy rùng mình. Nó to thế mà sống trong mũi người, khiếp thật!

Bữa cơm diễn ra vui vẻ. Người miền núi chân tình, hiếu khách. Hôm đó chúng tôi uống nhiều rượu. Quãng chín, mười giờ đêm, bữa ăn mới xong. Sau khi dọn dẹp, chủ nhà trải chiếu ra sàn. Đoàn khách hơn chục người, bốn, năm cái chiếu được trải ra, riêng chiếc chiếu giữa là đặt đôi gối. Thấy bác Vân ngả mình, tôi nhanh nhẩu cầm một chiếc gối đưa cho bác. Bác Vân lắc đầu, từ chối. Chúng tôi đều ngả lưng xuống các chiếu trải xung quanh. Chiếu giữa chưa ai nằm và đôi gối vẫn còn nguyên.

Một lúc sau khi đèn đóm tắt. Trong nhà nhờ nhờ sáng. Tôi thoáng nghe tiếng bước chân. Kia, vợ chồng chủ nhà bước vào cái chiếu trải giữa. Đến lúc này tôi mới chợt hiểu, tại sao lúc trước, tôi đưa gối, mà bác Vân từ chối. Đây là phong tục của đồng bào vùng này, vợ chồng chủ nhà ra ngủ "tiếp khách" và đôi gối ấy dành cho họ.

Lâu nay nghe chuyện ông này, bà kia đến phát biểu nhằm hội nghị. Thôi thì cao tuổi, ngày dự và chỉ đạo hai, ba hội nghị, có rút và đọc nhằm báo cáo chuẩn bị sẵn trong túi cũng là chuyện thường. Đằng này có vị chỉ đạo hội nghị cả buổi sáng, mà vẫn không biết mình chỉ đạo nhằm.

Khoảng năm chín mươi, tôi được Phòng phân công đi viết hội nghị

về định canh. Hội nghị vinh dự được đón một ông tướng đến phát biểu chỉ đạo. Ông này từng đảm nhận chức vụ khá to ngoài quân đội. Dự hội nghị là đại biểu đồng bào các dân tộc thiểu số và vùng cao, có khoảng 300 đại biểu. Khi ông tướng lên phát biểu, nghe giới thiệu danh tính, các đại biểu trân trọng và cảm động lắm, mọi người rào rào giở sổ tay ra ghi chép.

Ông này nói to, chỉ tội hay ho khạc. Có lẽ ông bị viêm xoang, hay viêm họng gì đó, cứ mười giây lại ho khạc một nhịp. Tiếng ho được cái mi cờ rô phóng thanh lên oang oang, thành ra hội trường cứ ào ào như hội nghị ho. Ông này nói được một lúc, các đại biểu cũng ghi chép được một hồi, song lúc này, nhiều đại biểu dừng viết và ngóng tai lên nghe ngóng, ánh mắt phân vân. Hình như ông lãnh đạo nói cái gì ấy, chẳng liên quan đến đồng bào, cũng chẳng liên quan đến vùng núi cao, mà toàn chuyện thế giới đâu đâu. Nhiều đại biểu nghĩ, có thể lãnh đạo mào đầu rộng, đi từ xa đến gần, tức là từ vĩ mô mới đến vi mô.

Mười lăm phút, nửa tiếng, một tiếng, ông lãnh đạo vẫn cứ vĩ mô nói. Lúc này chẳng còn đại biểu nào ghi chép nữa, có ghi chép cũng chẳng lấy đủ giấy đâu ra mà ghi, ông ấy nói dài đến thế cơ mà. Người thì lơ đãng nghe, người thì nói chuyện riêng, người thì ngủ gật, có người ra sân hội trường hóng gió. Trong khi ông lãnh đạo nói, đọc anh thư ký là chú ý nhất, nhưng anh ta nghe mà nhấp nhồm, cứ như ngồi trên tổ kiến lửa, còn mặt mũi khá lạ.

Ông tướng nói hăng thật, nói từ tám giờ ba mươi, đến mười một giờ rồi, vẫn nói. Đến quá mười một rưỡi, chắc nói mệt, ông này mời dừng lời. Khi nghe ông dừng chỉ đạo, đại biểu thở phào nhẹ nhõm, chen vội ra hành lang để đi ăn, họ làm như ông lãnh đạo kia sẽ giữ họ lại để chỉ đạo tiếp.

Người ta đặt về xếp các bà vợ vào loại nói dai. Xếp đối tượng nói dai chỉ có các bà vợ, như vậy là còn thiếu. Các cụ dạy, nói dài, nói dai, đâm nói dai. Nói dài đến ba tiếng, mà lại nhảm, thì gọi là nói gì?

Vừa thấy thủ trưởng dừng lời và từ bục bước xuống, anh thư ký vội vã tiến lại, thì thào. Nghe anh ta báo cáo, ông tướng quắc mắt lên và tiếng ông oang oang. Lúc này tuy không có mic phóng to, nhưng mấy đại biểu đang đi qua gần đấy, đều nghe rõ:

- Tôi chỉ đạo nhằm nội dung à? Có thể mà cậu không nhắc. Thư ký mà làm ăn như thế à!

Chiều đó, ông lãnh đạo lại đến chỉ đạo gỡ thêm hai tiếng nữa, từ hai giờ đến quá bốn giờ chiều. Lần này thì ông nói đúng nội dung, đúng hội nghị, nhưng ho khạc thì vẫn như buổi sáng.

## Bụi vết tháng năm

### CHƯƠNG V – 33

#### Cụ Lý Trần Quán

Nhà thơ Đạo Tĩnh gây ấn tượng với tôi trong một lần tổng kết Ban, khi chị vừa về công tác ở Đài. Nhà thơ Ngọc Trần giới thiệu chị lên đọc thơ. Lần ấy chị đọc bài *Bùa lá*.

.....  
*Đêm dài tôi thả bùa mê*  
*Cho con đom đóm bờ đê lạc đường*  
*Buồn tình ngòi ngắm trăng sông*  
*Chẳng ai thương đến thì thương lấy mình*  
.....

Thơ đâu mà buồn thế! Sau này biết chị và đọc thơ chị, tôi thường nghĩ, thơ ám vào đời, hay đời chị ám vào thơ.

Một lần tôi và vợ đang đi, bất chợt gặp chị, tôi giới thiệu vợ với chị Đạo Tĩnh. Vợ tôi vồ vập nói, chị thì bây giờ em mới biết mặt, nhưng em rất thích bài *Bùa lá* và cô ấy đọc luôn mấy câu. Chị Tĩnh cảm động vì có người hâm mộ và yêu thơ chị thế. Quen chị, tôi cảm nhận, chị sống nhẹ nhàng, kín đáo và như khép mình. Đây là tôi nghĩ thế thôi, chứ riêng hành động *từ quan* của chị, dù chỉ là cái chức quan Phó trưởng phòng nho nhỏ, để làm biên tập viên, cũng thấy, một con người bản lĩnh.

Tôi viết bài về nhân vật Trần Quán, đăng trên báo Hà Nội mới. Sếp Phó tổng viết bài đăng trên tạp chí của Đài, phản đối quan điểm trong bài viết của tôi. Mới đầu tôi cũng không biết. Qua giao ban, tôi mới

hay. Thông tin giao ban không bàn về quan điểm bài viết, mà chỉ nêu, bài đăng trên tạp chí ngành là không hợp, vì tạp chí chỉ dành đăng về chuyên môn nghiệp vụ Đài.

Độ hai tuần sau, hôm đó tôi rẽ vào phòng Văn hoá, định vào nói chuyện với chị Đạo Tĩnh. Lúc đó sếp Phó tổng đang ngồi ở trong phòng. Thấy tôi vào, nhà thơ Tĩnh Đạo cười, giới thiệu:

- Đây, ông Lý Trần Quán đây!

Nghe chị Đạo Tĩnh giới thiệu, sếp buông câu:

- Tưởng thằng nào. Hoá ra mày!

Tiếp đó sếp thuyết giáo cho tôi một chặp. Tôi là lính chẳng tiện tranh luận với sếp về quan điểm của mình đưa ra trong bài báo. Để đến khi sếp dừng lời, tôi nhỏ nhẹ:

- Thôi, lúc nào chú cứ gửi bài viết của chú cho cháu. Cháu đưa sang báo Hà Nội.

Tối đó sếp còn gọi điện thoại đến nhà tôi tranh luận. Tôi vẫn giữ thái độ như buổi sáng. Như hứa, tôi lấy và gửi bài của sếp cho báo Hà Nội mới. Họ đã đăng quan điểm của sếp. Rất công bằng. Sau đây chỉ xin nhắc nguyên lại nội dung bài viết của tôi, không có lời tranh luận gì hơn. Ấu cũng là một kỷ niệm đáng nhớ trong nghề:

"Người Nhật rất tự hào về truyền thống võ sĩ đạo và sự gan dạ, trung thành của họ. Người Trung Hoa ngợi ca, truyền tụng gương các bề tôi trung quân, xả thân vì chủ. Lịch sử Việt Nam cũng ghi lại nhiều bậc trung thần quên mình vì chúa, sẵn sàng xả thân cho lý tưởng mình phụng thờ. Những gương ấy sẽ còn mãi mãi lưu truyền hậu thế, như Nguyễn Biểu, Lê Lai,..."

Lý Trần Quán và cái chết của ông, một cái chết tôi trung có thể nói khác lạ nhất trong những trường hợp tuấn tiết vì đạo trung quân ở Việt Nam - ông tự chôn sống mình.

Nguyễn Huệ với danh nghĩa diệt Trịnh phù Lê kéo quân ra Bắc. Trước sức mạnh như vũ bão của Tây Sơn, quân Trịnh tan vỡ, chúa

Trịnh Tông phải bỏ chạy lên Sơn Tây. Lúc trước Lý Trần Quán là một viên quan được phục mệnh đi chiêu dụ dân binh và đang ngụ tại làng Hạ Lôi. Khi Trịnh Tông qua đây, đã vờ Lý Trần Quán, ông yết kiến chúa và nhờ cậy Nguyễn Trang, kẻ từng là học trò của mình, hộ vệ chúa qua vùng ấy.

Thật không may, Lý Trần Quán nhờ phải một tên phản thầy, phản chủ. Từng có thời theo học chữ Thánh Hiền, nhưng Nguyễn Trang không nương nung nghĩ và nói ra miệng điều: "Sợ thầy chưa bằng sợ giặc, yêu chúa chưa bằng yêu thân mình.". Nguyễn Trang nộp Trịnh Tông cho Tây Sơn. Dọc đường Trịnh Tông tự sát. Tây Sơn an táng Trịnh Tông theo lễ nghi quân vương.

Nghĩ mình là người có lỗi trong cái chết của chúa, Lý Trần Quán hết sức ân hận, tự dẫn vật dầy vò khôn nguôi. Ông nghĩ: Kẻ bề tôi vì lầm lẫn nhằm người đến hại chúa, thì chỉ có cái chết mới tỏ được tấm lòng tôi trung trước trời đất.

Lý Trần Quán người làng Vân Canh, huyện Từ Liêm, đỗ tiến sĩ năm 1766. Xin trích trong Hoàng Lê nhất thống chí đoạn miêu tả về cái chết bi hùng và hết sức đặc biệt đó:

" Quán sai người đào huyệt ở ngay vườn sau nơi nhà mình ở, đặt sẵn chiếc quan tài xuống đó. Lại lấy vải trắng xé ra làm một chiếc khăn đội đầu và một chiếc dây lưng. Sau đó đội mũ, mặc áo chỉnh tề, hướng về phía Nam lạy hai lạy. Lạy xong lại bỏ mũ, lấy khăn trắng chít lên đầu, lấy dải khăn trắng chít ngang lưng; rồi nằm vào trong quan tài, bảo chủ nhà đậy nắp lại.

Tám ván vừa đặt lên, bỗng Quán ở trong áo quan nói vọng ra: Hãy còn thiếu một câu nữa, phải nói hết cái đã. Chủ nhà lại mở nắp ra, Quán liền đọc hai câu rằng: Đạo hiếu ba năm đã trọn. Chữ trung mười phần chưa xong. Rồi Quán bảo với chủ nhà: Phiền ông đem câu ấy dặn lại con ta, bảo nó sau này dán ở nhà thờ mà thờ ta. Nói xong câu ấy lại tiếp luôn: Đa tạ ông chủ, ta vĩnh biệt ông từ đây nhé! Chủ nhà và năm sáu người đầy tớ cùng sụp lạy, chào ở trước quan tài, rồi đậy nắp và lấp đất lên. Người đời sau coi ông là một bậc nghĩa khí."

Phán xét về vai trò lịch sử của Tây Sơn, của dòng chúa Trịnh và nhà

Nguyễn là một vấn đề lớn, cần có thời gian và những công trình lịch sử nghiên cứu tỉ mỉ. Gần đây có những công trình nghiên cứu, đánh giá lại vai trò của các chúa Trịnh, hay công cuộc thống nhất đất nước của phong trào Tây Sơn và triều Nguyễn. Đó là công việc của các sử gia.

Về trường hợp Lý Trần Quán, thì hiển nhiên cái chết của ông là cái chết khí phách, trung liệt, được người đời sau ngưỡng mộ. Chỉ có kẻ phản thù, phản chủ Nguyễn Trang thật đáng phỉ nhổ.

Thời đại nào cũng có tiêu chí về đạo đức và nó mang dấu ấn của thời đại ấy. Việt Nam dưới thời phong kiến, tôn sùng khổng giáo, thì đạo bề tôi là hết lòng thờ vua, lấy chữ trung làm gốc, chữ kính làm đầu.

Một thời có ai đó từng mỉa mai, coi cái chết của Lý Trần Quán là sự trung quân mù quáng. Chính sự giấu cợt, mỉa mai ấy mới là điều phi đạo lý, bôi nhọ lịch sử, ngược với đạo đức truyền thống của người Việt Nam ta. Chẳng lẽ lại có thứ trung thành, tử vì đạo, vì lý tưởng cơ hội chẳng? Và thử hỏi như vậy, sẽ giáo dục các thế hệ đời sau ra sao đây về lý tưởng, về đạo đức, về sự trung thành, nghĩa vụ của mỗi công dân với quê hương đất nước? ”

## **Bụi vết tháng năm**

### **CHƯƠNG V – 34**

#### **Giai thoại nhà Đài**

Giai thoại đến nửa nhà Đài biết:

*Giai thoại một.* Có lái xe mới được phân công đưa đón ông Phó chủ nhiệm Ủy ban. Sáng đầu tiên đến nhà riêng đón, sau khi lên xe, thủ trưởng xã giao hỏi anh tài:

- Cháu tên là gì?

Anh tài lễ phép:

- Dạ! Cháu tên là An!

- Tốt!

Buổi trưa, đưa thủ trưởng về nhà, sau khi lên xe, thủ trưởng xã giao hỏi anh tài:

- Cháu tên là gì?

Anh tài lễ phép:

- Dạ! Cháu tên là An!

- Tốt!

Đầu chiều đến nhà riêng đón, sau khi lên xe, thủ trưởng xã giao hỏi anh tài:

- Cháu tên là gì?

Anh tài rất lễ phép:

- Dạ! Từ sáng đến giờ cháu vẫn tên là An ạ!

*Giai thoại thứ hai.* Một ông Phó chủ nhiệm khác, đi nước ngoài về, anh lái xe ra sân bay đón. Sau khi lên xe, thủ trưởng tươi cười:

- Bây giờ chưa tiện mở hành lý! ... À mà cậu có hút thuốc lá không?

- Dạ! Cháu không hút thuốc ạ!

- Thế á. Vậy mà quà, tớ định tặng cậu là viên đá lửa đấy. Thế thì thôi nhá!

*Giai thoại thứ ba.* Có đoàn nhà báo bốn người ở Đài đi công tác, khi về, được cơ sở biếu bốn chai nước mắm. Món quà quá quý. Nước mắm xịn, đâu như thứ pha nước lã với kẹo đắng bày bán ở chợ, hay thứ thum thum, phân phối tem phiếu ở cửa hàng mậu dịch.

Xe là xe com măng ca. Xe yếu, đường xóc, ổ trâu, ổ bò, nên cứ nhảy tênh tếch. Dù lái xe cẩn thận, vậy mà mấy bạn sa xuống ổ gà, ổ lợn. Mỗi lần sa xuống, trên xe người hăng đi như nhảy dù. Tới một đoạn đường, hình như xe sa xuống ổ trâu, chỉ nghe thấy tiếng rốp. Chết cha rồi, ai trên xe chẳng biết, tiếng rốp kia là sự xô nhau của mấy chai mắm, lại còn thoang thoảng cái mùi đặc trưng. Thôi, có chai mắm vỡ!

Cửa đau con xốt, trên xe mọi người lặng đi, nhưng chưa ai tiện nói ra. Trong đầu ít nhà báo không nghĩ, chốc nữa chia chác thế nào đây. Còn đang phân vân, bất chợt ông trưởng đoàn phá tan bầu không khí căng thẳng:

- Chắc chai mắm vỡ vừa rồi của chú lái xe!

Vừa nghe ông nói xong, thoáng có tiếng thở phào nhẹ nhõm của ai



đó. Xe đi một đoạn, lại sa xuống ổ trâu, lại tiếng rắc tiếp. Rất bất ngờ, cậu phóng viên trẻ lên tiếng:

- Chắc chai vỡ vừa rồi là của cháu?

Ông trưởng đoàn cười khờ khờ, nói:

- Đúng quá!

*Giai thoại thứ tư.* Quy trình sản xuất của nhà Đài khá chặt chẽ. Bài vở sau khi phóng viên viết ra, biên tập viên trực sẽ rà soát và đưa vào chương trình. Tiếp đó đưa lên lãnh đạo cấp phòng, cấp ban duyệt. Chặt chẽ vậy, mà đôi khi vẫn còn lỗi. Chuyện kể rằng, có một biên tập viên nọ, khi biên tập chương trình, vì bí bài, nên lôi ra một bài cũ của sếp đưa vào. Nhất cử lưỡng tiện. Cậu kia nghĩ, sếp có thêm phần năng suất, chương trình lại êm thấm, trôi nhanh. Đưa lên phòng, vì hôm đó trưởng phòng đang vội cái hội nghị, nên chỉ liếc qua, ký roẹt.

Chương trình đưa lên Ban, sếp đang ngồi trong phòng. Thấy nhân viên đưa chương trình, ông ghé kính nhìn, rồi buông câu: Cứ để đấy. Một lúc sau, lính nhận được điện thoại, cậu lính tí tởn, tưởng chương trình đã xong. Vào phòng sếp, cậu ta nhìn thấy nó bị tãi ra trên bàn, bài vở thì bị gạch toé toét. Lúc đó, nhìn cái bài bị gạch, mặt cậu lính ớ ra.

- Dạ...

- Dạ cái nổi gì!

- Cái bài này...

- Viết thế mà cũng viết hả. Bài này của ai?

- D...ạ ... bài của ... của chú đấy ạ. Bài viết lâu rồi...

- Thế á! Sao không báo trước. Thế mà tao quên bém đi rồi đấy.

Ông nhà báo này thâm niên tới ba mươi năm trong nghề, tức dạng cây báo đa đề. Nay nếu ai có thời gian, mở sổ chương trình ra xem

mặt tác phẩm của cây đa đề báo này, sẽ nhòm thấy toàn dạng tác phẩm hút tiếng. Nghĩa là xuống cơ sở, đưa cái mic vào mồm người ta, hút tiếng vào máy, rồi về nhờ công nhân cắt trích cho, phát lên không trung. Nhà báo này có bận xuống địa phương, làm việc bằng cách, đưa mic cho ông cán bộ trả lời phỏng vấn, còn nhà báo ta chạy đi đâu đó. Độ một tiếng sau quay lại, ông cán bộ địa phương vẫn say sưa phát biểu với cái mic, nào là kính thưa quý thính giả, nào là kính thưa đồng chí Trưởng ban nhà báo, tương đương chức vụ Vụ trưởng, huyện nhà rất phấn khởi và nô nức..... kính thưa.

Nếu ai có nghe, hay xem những tác phẩm hút tiếng kể trên ra đi ô, hay truyền hình, thì thông cảm, cắt hộ cái kính thưa giúp nhé!

### *Giai thoại thứ năm.*

Chuyện này tôi định không kể, kể ra họ bảo mình tởn mủn, tầm nhìn không vượt nổi cái phong bì... Song nó thành giai thoại rồi, ai cũng rõ vị phong bì kia.

Đoàn đi công tác, cơ sở tặng chung cho cái phong bao. Ông này rút ruột trước, sau mới chia. Rút thì phải bí mật, tức là nhồi phong bì vào túi quần, rồi lén nó trong túi. Thế quái nào, ông này lại lén hết ráo tiền bên trong, lúc đem ra chia, nó là cái phong bì không. Ông ta bí, đành chửi bọn cơ sở là bố láo. Giai thoại này còn đỡ, cũng về ông này, giai thoại ở nhà vệ sinh mới kinh:

Có chuyến công tác kia, đoàn gồm mấy người. Sau buổi làm việc căng thẳng, toàn những vấn đề to tát nhà báo đặt ra, như tháo gỡ cơ chế chính sách, lo cho nước cho dân thế nào cho tốt,... Cuối buổi làm việc, ông lãnh đạo cơ sở trân trọng đưa cho trưởng đoàn cái phong bì. Nội dung công việc của ông trưởng đoàn đã xong, chỉ có cậu phóng viên trẻ trong đoàn dở chứng, lại hỏi thêm vấn đề nữa, hỏi lại hăng.

Ông trưởng đoàn đứng lên, ra ngoài, kiểu như ông buồn đi... giải. Đi giải thì tự do rồi, ai cấm. Khi ông trưởng đoàn đứng lên, một đồng nghiệp khác tần ngần nhìn theo. Không phải ông ta nghi ngờ gì thủ trưởng mình đâu. Hình như anh này cũng buồn đi... giải. Anh đồng nghiệp ta lại đứng lên... đi. Trong phòng chỉ còn ông lãnh đạo cơ sở tiếp tục trả lời cậu phóng viên trẻ còn đang hỏi dở.

Tại nhà vệ sinh kia, diễn ra cảnh bi hài. Nền nhà nhớp nháp nước và lả tả những tiền là tiền. Nguyên do, ông trưởng đoàn xuống đây, ông không đại, trung, tiểu tiện gì, mà lại rút phong bì ra xem. Nếu chỉ dùng tay xem độ dày, mỏng, to nhỏ của nó, thì không sao. Đằng này ông ta lại định xem nó cả trong ruột. Trong khi đang xé, bất ngờ thấy đồng nghiệp, ông giật mình, tuột tay,... Cái phong bì cứ liềng liệng rơi. Khi chạm đến mặt đất, thì tiền đi đằng tiền, phong bì đi đằng phong bì.

Chẳng rõ sau đó nhà báo ta có nhặt tiền lên không. Sạch cũng là tiền, bẩn cũng là tiền, tiền rơi trên nền nhà vệ sinh cũng là tiền. Vớ phải tôi, tôi sẽ nhặt, rồi đem đi rửa, tiền sạch chán.

*Giai thoại thứ sáu.....*

*Giai thoại thứ bảy.....*

## **Bụi vết thán năm**

### **CHƯƠNG V – 35**

#### **Xứ Hà Tiên**

Tôi cùng Phùng Quang có chuyến đi khá nhớ. Chuyến đi vào quãng năm 1998. Lịch trình chuyến đi: Hà Nội, Hà Tiên, rồi quay lên Đắc Lắc. Từ Hà Nội chúng tôi bay vào thành phố Hồ Chí Minh, xuống Cơ quan thường trú Cần Thơ. Anh Cộng Trương, Giám đốc, định đưa xuống mấy nơi trong tỉnh, nhưng anh bận khách, không chờ được, thế là chúng tôi xuống luôn thị xã Rạch Giá. Phùng có bà chị dạy học ở Rạch giá. Chị gái cậu ta rất xinh. Anh em nhà này toàn người đẹp, xinh.

Hôm ở Cần Thơ, tôi gặp lại cô Miện, giáo viên chủ nhiệm, dạy văn hồi lớp mười. Nhận điện thoại, cô phi xe đến. Chiếc cúp làm ăn đời bảy tám xịch đổ trước mặt, tôi không nhận ra cô chủ nhiệm của mình. Cô gái Hà Nội thướt tha mái tóc dài, nay cắt ngắn cụt, cô bảo tôi lên

xe, rồi đèo ra thăm bến Ninh Kiều. Trong lúc cô trò ôn lại mái trường xưa, tôi kể kỷ niệm về thầy Cao Đại Môn, một đồng nghiệp ngày trước của cô:

Dạy môn địa lớp tám của chúng tôi là thầy Môn. Thầy dạy hay và có tài vẽ bản đồ rất nhanh. Trong lúc học trò trả lời, thầy đưa vài đường là bản đồ của một quốc gia nào đó sẽ hiện hình trên bảng.

Hồi đó trường cấp ba của tôi còn ở nơi sơ tán. Phòng học nhà tranh vách đất, nhỏ bé, khoảng vài ba chục mét vuông, bàn ghế kê sát vào nhau. Bục giảng của thầy đắp cao độ 40 phân, giáp ngay trước bàn học sinh. Hôm đó đầu giờ không kiểm tra, thầy Môn lúi húi vẽ bản đồ, còn trò được tự do. Lũ trò, nhóm chơi cờ vây, nhóm thì kháo chuyện. Có mấy đứa đầu bàn, giáp ngay bục giảng, thì thào to nhỏ gì đó. Trong khi cả lớp đang lúi húi, người nào việc nấy, bất ngờ nghe tiếng thầy Môn quát to:

To, to... cái mả mẹ chúng mày.

Học trò ngơ ngác nhìn lên! Không hiểu ông thầy quát gì. Trên bục giảng, thầy Môn mặt đỏ gay. Thầy chỉ xuống bàn thứ hai, quát mấy đứa ngồi đấy đứng lên. Cả bàn sợ rúm lại. Lớp ngơ ngác, chẳng hiểu chuyện gì, lại nghe tiếng thầy quát:

- Ra. Ra ngay khỏi lớp.

Không rõ lũ kia ... mả mẹ cái gì. Chúng cậ rập bước ra. Thầy Môn cũng không húng khởi giảng như mọi khi. Tiết học căng thẳng qua đi.

Vừa nghe tiếng trống hết giờ, học trò ùa ra khỏi lớp. Tại góc sân trường, mấy đứa bị đuổi ra, mặt mũi tiu nghỉu, lo sợ. Bạn bè túm lại điều tra xem chuyện gì.

Nguyên nhân từ cái tên của thầy, Cao Đại Môn. Trong khi thầy bận vẽ bản đồ, mấy đứa học sinh rồi việc, mang tên thầy ra chiết tự: Đại tức là to, môn tức là cửa, cứ như vậy chúng chiết tự. Cuối cùng, đám

nhất quỷ nhì ma kia chiết ra thành: cao đại môn tức là đít to!

Chúng đâu ngờ, ông thầy đang chú tâm vẽ bản đồ trên bảng lại nghe thấy. Hết giờ ra chơi, thầy Môn bảo lớp trưởng gọi mấy đứa kia vào học, không thấy thầy nhắc lại chuyện trước. Tiết dạy tiếp của thầy lại sôi nổi, lôi cuốn như mọi khi. Vài năm sau ngày giải phóng miền Nam, để bổ sung giáo viên cho các tỉnh phía Nam, thầy được phân công vào đồng bằng sông Cửu Long. Nghe nói thầy công tác tại Cần Thơ. Chắc bây giờ thầy đã nghỉ hưu rồi.

Gọi lại chuyện xưa cô Miện như thoáng buồn, bảo tôi:

- Cô "*mát dạy*" mấy năm rồi. Nay buôn cá.

Cô vẫn nhiệt tình, nhiệt huyết, song cái chất lãng mạn văn chương, nhẹ nhàng thanh lịch của con gái thủ đô, nay thay bằng cái chất gập gáp làm ăn. Cô khoe, nhà có mấy căn ở Cần Thơ và cả Vũng Tàu, thành phố Hồ Chí Minh nữa. Cô còn rủ:

- Hay em kinh doanh thủy sản đi. Được lắm! Cô chỉ mối cho. Cả mối hàng xuất khẩu nữa.

Bất chợt tiếng điện thoại di động của cô kêu tin tít, cô hồi hả hỏi, hồi hả trả lời. Tôi biết, khách hàng đang gọi và cô phải đi rồi. Té nhị tôi bảo, mình còn ở Cần Thơ vài hôm nữa.

Ngày xưa ấy, mỗi tối cô đi vài cây số khắp lượt nhà học trò để kiểm tra chúng học bài. Nhìn cô giáo cũ, tôi ước ao, giá mà trở lại được ngày xưa nhỉ. Nghèo đấy, nhưng nhàn nhã, thanh bình!

Cô trò tôi chào nhau bên bến Ninh Kiều.

Một cái đích chuyến đi của chúng tôi đặt ra là đảo Phú Quốc. Từ Rạch Giá chúng tôi định ra bằng máy bay, nhưng bị đe: Nguy hiểm lắm. Kèo trên trời lại rơi tòm xuống bể. Nếu muốn, xuống Hà Tiên mà đi, theo đường thủy. Chúng tôi đành phải đi vòng vèo. Làm việc với Ban chỉ huy quân sự Biên phòng Kiên Giang, họ cử một viên thượng úy tháp tùng chúng tôi xuống Hà Tiên. Viên sỹ quan trẻ, người miền Trung, khá cởi mở.

Năm ấy vết tích và chuyện chiến tranh Tây Nam còn in đậm nhiều nơi. Trong khi trò chuyện, vị đồn trưởng bảo, tối phải có người ngủ kèm, có động tĩnh gì, còn người chỉ đường, dắt lối. Tưởng họ đùa, thế mà thật. Tôi thức khá khuya, bên bếp lửa có nồi cháo gà. Nhân mấy câu sỹ quan cứ phân biệt kẻ Bắc, người Nam, tôi mới nói về lịch sử mở nước từ Lý, Trần, Lê đến Nguyễn và hiệp ước giữa ba quốc gia An Nam, Xiêm La và Cao Miên, cùng mảnh đất biên cương Hà Tiên đó.

Đêm ấy, tôi được một bữa hoảng hồn. Khi đi nằm, thấy có anh lính đến ngủ cùng phòng, tôi đâm thấp thỏm. Đúng là vùng này chưa yên. Lên giường được một lúc khá lâu, lại lạ nhà, tôi cứ chập chờn. Đang nằm, bỗng nghe bộp. Tôi lo lo, lựu đạn chẳng. Mãi không thấy tiếng nổ. Sáng sau nhìn ra, có quả dưa rụng trong sân. Mình thần hồn nát thần tính.

Tôi và Phùng Quang còn ra chợ giáp biên, uống rượu với mấy viên sỹ quan biên phòng nước bạn. Biết chúng tôi từ Hà Nội vào, lúc đầu họ ngoại giao, nói bằng tiếng Miên, phải có người dịch. Sau thấy anh chàng Phùng Quang đùa, định mua chiếc Dream Thái, thì họ xoắn lẩy và chẳng cần phải ai phiên dịch nữa, nói luôn bằng tiếng Việt, giá bao nhiêu, quy đổi từ tiền Việt ra tiền Riên thế nào. Buôn bán, thị trường ở đâu, lúc nào cũng nhanh nhạy thế.

Chuyến đi này chúng tôi còn ghé vào xã Thổ Sơn, huyện Hòn Đất, địa danh nổi tiếng được nhà văn Anh Đức dựng thành tiểu thuyết *Hòn Đất*. Chúng tôi tới thấp hương đài tưởng niệm anh hùng Phan Thị Ràng. Nhân vật chị Sứ trong truyện, tên thật là Phan Thị Ràng. Tại đây chúng tôi gặp bà Thi Cà My, được xây dựng là nhân vật Cà My và ông Doanh Khoanh, người chứng kiến trận tra tấn và sự hy sinh anh dũng của chị Ràng. Ông Doanh Khoanh kể:

Chúng tôi hay gọi là cô Tư Phùng. Tư Phùng không phải người Hòn đất, mà sinh ở Lương Phi, Tri Tôn, An Giang. Tư Phùng thấp, nước da đen, nhìn chẳng khác gì người Khơ Me chúng tôi. Thời gian Tư Phùng ở nhà tôi là lúc tôi làm Phó ban Nông hội. Tôi cũng bị giặc bắt cùng ngày với Tư Phùng. Lúc đó Tư Phùng bị địch phục kích, bắt trên đường lên núi. Còn tôi đang xay lúa để tiếp tế cho hang, thì chúng bao vây quanh nhà, bắt đi. Giãi trói tôi cách chỗ cô ấy khoảng năm, sáu bước chân. Cô Tư bị chúng buộc hai ngón tay lại, rồi treo

lên càn xoài, mỗi tên một bên, đưa qua đưa lại và đánh đập, tra khảo. Tôi ở bên cạnh, nghe cô Tư trả lời không xót câu nào:

- Mà làm việc bao lâu rồi?

- Bốn năm

- Mà làm việc với ai?

- Tao không biết.

- Không biết thì chỉ có chết

- Tao chết, mà chết.

Trong suốt thời gian bị tra tấn, cô Tư chỉ nói hoài câu: "Tao chết, mà chết." Cuối cùng tức quá, bọn lính lấy cọc rào vót nhọn, đâm vào đùi cô Tư cho đến khi cô chết. Khi cô hy sinh, cô Tư mặc áo bà ba màu huyết, nằm nghiêng, đầu xéo về hướng Hòn Đất, bên cạnh là bụi tre, chân quay ra hướng đường lộ. Lúc chôn, chỉ có tôi và vài ba người.

Sau chuyến đi, Phùng Quang có bút ký về Hòn Đất, đăng kín cả trang báo Nhân dân số Chủ nhật.

Ở Hà Tiên, chúng tôi ra bến tàu mua vé ra Phú Quốc, đứng vào hôm biển động. Nếu không có anh chàng Phùng Quang nhát chết, chắc hôm ấy tôi đã liều ra đảo. Không ra được đảo, chúng tôi đành quay về Rạch Giá. Bữa cơm chia tay, vợ chồng chị gái Phùng Quang còn mời một đồng nghiệp người Bắc. Ông này vui tính, xồn xã. Tôi nhớ câu chuyện vui ông kể về các đồng nghiệp:

Giáo viên ở các vùng sâu, vùng xa trong tỉnh, cuộc sống tẻ nhạt lắm. Những vùng đất nước phèn trong vắt, nhìn rõ đáy nước. Nước sắn mà không dùng được, chỉ toàn lau lác mọc ngút đầu. Với giáo viên người địa phương, thì không sao. Thầy cô nơi khác tới, ngày nghỉ buồn tẻ, không biết làm gì. Thường các thầy rủ nhau sắm đồ, nấu nướng nhậu nhẹt, hay la cà khắp xóm, tham dự hết lượt mọi đám xá trong xóm. La cà, dự cỗ bàn nhiều, nên giáo viên nắm chắc ngày vui, việc buồn của học sinh. Hôm đó là sáng thứ hai, trong tiết sử kiểm tra đầu giờ, anh giáo trẻ gọi một học sinh lên:

Hôm qua, cậu có biết là ngày gì không?

Cậu học trò nghệt mặt ra. Cuối cùng cũng nặn ra được cái ngày hôm qua là ngày gì, giải phóng Điện Biên, đại phá quân Thanh,... Nghe cậu học trò trả lời linh tinh, thầy giáo gắt:

- Tôi không hỏi các ngày đó. Tôi hỏi, hôm qua là cái ngày gì cơ mà!

Cậu học trò rụt rè:

- Dạ con ... thưa thầy, hôm qua là... Chủ nhật.

- Không phải! Hôm qua là ngày.... giỗ nội cậu. Thế mà ông bà già cậu không thềm mời tôi.

## **Bụi vết tháng năm**

### **CHƯƠNG V – 36**

#### **Ông Chánh văn phòng Đài**

Ông Hoàng Văn là một trong những nhà báo của Đài đầu tiên tôi biết. Hơn tôi chín tuổi, tôi gọi ông bằng chú, nhưng không có họ hàng gì với nhau. Lý do gọi bằng chú, bởi trong khu tập thể, nhà ông sát nhà ông chú ruột tôi, thỉnh thoảng ông Trần Sơn và ông sang nhà chú tôi uống nước, đôi khi làm chén rượu. Bạn của chú, tất nhiên thằng cháu là tôi, phải gọi các ông bằng chú.

Tôi về Đài do chính ông Hoàng là người kiểm tra khả năng làm báo và quyết định nhận tôi. Phải nói rằng đây là cơ chế tuyển người hay, nếu đơn vị sử dụng, trực tiếp tuyển, sẽ chọn được người theo yêu cầu của mình, nhưng với điều kiện người tuyển phải công tâm. Kiểm tra và nhận tôi, nhưng chín năm sau, tôi mới làm lính của ông, khi ông từ Văn phòng trở lại ban Kinh tài. Sau này có dịp hỏi, nếu hỏi đó



tôi không đạt, có nhận không, ông bảo, không nhận. Tôi thêm phục ông. Việc đã xong cả chục năm rồi, giá như tôi, sẽ trả lời ngược lại.

Hồi nhận tôi về Đài, không hiểu sao tôi lại không có chút quà cáp gì biếu ông, dù chỉ bao thuốc lá, hay lạng chè. Đây là tình người, là xử sự của người Việt ta. Có lẽ lúc đó tôi còn trẻ, còn ông chú ruột cũng không nhắc cháu, có lẽ ông chú tôi tính như vậy. Nay nghĩ, tôi vẫn còn áy náy.

Ông Hoàng tính quảng giao, công tâm. Hồi là sếp của tôi, ông duyệt bài nhanh, bắt vở và đã sửa là chính xác, lính chịu cứng. Dân học sinh giỏi, giật giải toán cấp ba miền Bắc, vẫn khác.

Thời bao cấp thật khổ. Hàng xóm nhà ông, một nghệ sỹ nổi tiếng, có chiếc ti vi. Con ông nghịch quá, nên nhà họ đóng cửa, không cho vào xem. Con về báo bố, ông nghĩ thương con, quyết tâm mua cái ti vi cho nó xem. Làm báo, mà không thể bằng nghề để kiếm tiền, phải chọn con đường lợn, tức nuôi lợn.

Lúc ấy phong trào nhà nhà nuôi lợn, nuôi ngay trên tầng, lợn với người sống chung. Nhà Đặng Quang trên tầng năm cầu thang bên cạnh nhà chú thím tôi và cũng cùng cầu thang nhà ông Hoàng. Tôi hãi nhất là đến kỳ nhà Đặng bán lợn. Nhà Đặng, người nuôi lợn và lợn nuôi người. Nhà này nuôi lợn mát tay, lợn xuất chuồng đều cỡ bảy mươi cân. Mẹ Đặng Quang rất tài, bà huấn luyện thế nào, con lợn vào nhà vệ sinh của người, tự đi ị được, không phải dọn phân cho nó. Có hôm tôi sang chơi nhà Đặng, nó ủn ỉn ra chào khách. Động viên lợn, tôi gãi gãi vào lưng, nó phấn khởi, nằm ình luôn ra sàn. Mẹ Đặng phải lấy cán quạt, vọt cho mấy cái vào mông, nó mới chịu đứng lên, ủn ỉn đi về phòng. Lợn cũng có phòng riêng, nhà Đặng ngăn hẳn một góc bếp cho nó.

Khi nhà Đặng Quang bán lợn, tôi được mời sang khiêng giúp từ mái tầng năm xuống đất. Con lợn to, tôi và Đặng xúm vào khênh đầu phía trước, anh thợ lợn đầu phía sau. Cầu thang dốc, đầu khiêng trước chúm xuống và con lợn lại dẫy giữa. Xuống đến mặt đất, tôi chỉ còn nước, ước mình được mang đi cất tiết như con lợn.

Về chuyện nuôi lợn để mua ti vi của nhà ông Hoàng, lần đầu nuôi con lợn được sáu mươi cân, đem bán, thiếu một ít, chưa đủ tiền mua

ti vi . Vợ chồng bảo nhau, nuôi lúa tiếp. Con thứ hai, nặng bảy mươi cân. Xuất chuồng, thì lúc này giá ti vi tăng, lại thiếu một ít. Nuôi đến con thứ ba, thứ tư, vẫn thiếu, vẫn chưa đủ tiền mua ti vi. Con đường nuôi lợn không thể sắm được ti vi và cải thiện đời sống gia đình, ông Hoàng quyết định đổi sang nghề dệt. Bán con lợn, ông mua cái máy dệt len và đi học dệt. Lúc này ông là Trưởng phòng phòng Nông dân. Đã tính đi học, không phải học nghề cho mình, mà về hướng dẫn bà vợ nhà báo thành thợ dệt. Còn với mình, ông có hướng khác rồi. Một người bạn mách nước, tách gạo bạc từ ni tơ rất bạc trong dung dịch nước tráng rửa ảnh, ông có thể dùng kiến thức hoá học tu nghiệp mấy năm ở Triều Tiên ra áp dụng.

Những ngày bình thường trong tuần, ông Hoàng phải đi làm báo trên cơ quan. Chỉ có chiều thứ Bảy và Chủ nhật, ông xách can đến các cửa hiệu ảnh mua lại nước tráng rửa phim, ảnh. Nghề mới thu nhập được. Hành nghề chừng ba, bốn tháng, thông tin tách bạc của ông không còn bí mật nữa, có người biết, bắt chước theo. Khi thứ Bảy, Chủ nhật ông xách can đến hiệu ảnh, người ta thu gom hết rồi, họ còn mua với giá cao. Ông Hoàng đâm mất nghề.

Cái máy dệt len, bà vợ sử dụng không thành thạo. Nhiều hôm đang viết bài, bà cứ bảo ông ra hướng dẫn, thế thì còn tư duy bài vở, tuyên truyền định hướng cho nông dân làm ăn gì nữa. Rồi hàng hoá ế ẩm, đồ ở chợ chẳng được bao nhiêu, dệt len chả bằng nuôi lợn. Ông quyết định giải thể nghề dệt, bán tổng bán tháo cái máy dệt len đi. Lúc này nhà ông vẫn chưa mua được ti vi.

Ngày càng nhiều gia đình dùng ti vi. Dùng nhiều, nhu cầu sửa chữa lớn, đây là cơ hội kiếm ăn được. Nhà báo tư duy vốn nhanh nhạy, ông Hoàng quyết định đi học sửa chữa ti vi. Thầy dạy là ông Cần, một ông thầy nổi tiếng cả nước, mở lớp dạy ngay trong khu tập thể La Thành. Ông Hoàng học nhanh và hành nghề cũng nhanh.

Cái ti vi đầu tiên nhà ông dùng là từ cái sát xi Nép - tuyn cũ, tức bộ khung của ti vi, còn đèn hình đã hỏng, ông mua đèn hình mới lắp vào, giá thành là ba mươi lăm nghìn đồng. Sau này cái ti vi sanyo cửa lùa danh giá, mà nhà ông dùng nhiều năm, là mua lại của một đơn vị quân đội. Nó hỏng lâu ngày, đơn vị kia quyết định bán, ông tới xem, thấy bóng hình không sao, mua lại, giá ba mươi lăm ngàn. Về sửa chữa, nghiêm nhiên nhà có cái ti vi oách để dùng. Còn cái Nép -

tuyen cũ, bà vợ bán đi được sáu mươi ngàn, dôi ra hai mươi lăm ngàn đồng. Thật sung sướng. Cát kỹ tiền rồi, nghĩ vợ chồng vẫn sung sướng!

Nghề sửa chữa ti vi kiếm ăn được, là nguồn thu nhập khá của gia đình. Ông Nhà báo trưởng phòng, tối tối xách đồ nghề đi sửa chữa. Ông Hoàng hành nghề sửa ti vi khá lâu và thành thạo cứng. Sửa chữa ti vi kiếm nhất là những nhà có máy mới. Thường nhà giàu mới có dạng máy này. Ti vi mới hồng hóc nhẹ và chủ nhà trả công hậu. Với loại máy cũ, những cái ba bốn lần se cần hen, thứ gì cũng hồng. Khắc phục được pan này, nó lan sang pan khác, hồng tiếp. Giải thích cho nhà chủ, thì họ không hiểu. Thường những nhà dùng ti vi cũ là nhà nghèo, tiền trả công đã ít, lại còn phải sửa đi sửa lại.

Ông nhà báo không sống nổi bằng nghiệp viết báo, phải nuôi lợn. Làm nghề tuyên truyền sản xuất nông nghiệp cho nông dân, nhưng nhà mình nuôi lợn không xong. Là kỹ sư hoá, tu nghiệp tận nước ngoài, không hành nổi nghề hoá, phải chạy sang nghề sửa chữa ti vi. Từng ấy nghề mới mua nổi cái ti vi cũ cho vợ con xem. Kể cũng buồn. Ngày đó, cảnh dạng trớ trêu này, không phải là trường hợp riêng biệt của ông Hoàng. Có chuyện hài, nhà một ông giáo sư nuôi lợn. Nó gây mất vệ sinh khu nhà tầng. Người ta đến kiểm tra và bảo, sao nuôi lợn, ông cứ nằng nặc, nó nuôi ông, chứ ông có nuôi nổi nó đâu.

Lúc là Chánh văn phòng, ông Hoàng vẫn hành nghề sửa chữa ti vi. Đến tận năm 1993 mới dừng, tức là sáu năm Chánh văn phòng kiêm thợ sửa chữa. Đây là trường hợp hiếm, một ông trí thức thợ, kiêm chánh văn phòng cơ quan thuộc Chính phủ, tương đương cấp Trưởng vụ, tối tối xách đồ đi sửa chữa ti vi.

Trong cơ quan, trưởng phòng hành chính, rồi cơ quan to, chánh văn phòng là chân thơm, kiếm ra tiền. Có một ông lãnh đạo to ở Đài nói ra mồm với nhiều người rằng, ông Hoàng giàu lắm, cái chân văn phòng kiếm bẫm. Ông ta đồ nhà ông Hoàng có mấy cân vàng và bao tải đô la. Nếu ông Hoàng có như vậy, kể cũng mừng cho ông ta. Không thấy ông lãnh đạo kia khoe nhà mình có bao nhiêu. Cứ so chức của ông, to gấp rưỡi ông Hoàng, chắc hẳn nhà ông này giàu và kiếm được khá. Khiếp, thế thì giàu quá.

Sau này khi ông Hoàng về Ban Kinh tài, có lần ngồi uống rượu, tôi nói, người ta bảo nhà chú vàng lắm lắm. Chú để nó ở đâu. Ông Hoàng cười:

- Tao độn nó xuống nền nhà. Nhưng tại mày, nó hỏng hết. Mày ngồi uống rượu, cứ bi bủm, làm ố nó đi. Có bận cần vàng tiêu, tao cạy lên một cục, mang ra cửa hàng, thì cửa hàng nó chê, vàng non quá.

Người ta kiếm tiền cốt để mà tiêu, để dùng, để mua đất, mua cát, hay cho bớt họ hàng. Chả ai kiếm, tích thành vàng để khi chết mang đi chôn cho đám ma nó sang. Ông Hoàng về làm trưởng ban Kinh tài được một năm, ba năm, năm năm,... thời gian đủ để an toàn. Chắc lúc này ông phải mang ra dùng chứ? Vẫn không thấy ông dùng. Ông này kín đáo tợn.

Chín năm làm Chánh văn phòng, rồi chín năm sang ban Kinh Tài và nay lại về Văn phòng, chờ về cái chân thơm. Có bận tôi lên phòng, ông đang lúi húi dỡ phong bì. Công nhận chánh văn phòng lắm phong bì, lúi húi bóc suốt, một đống đến mấy chục chiếc, toàn loại phong bì dán kỹ, có dấu, chính tôi liếc trộm thấy.

Hồi ông Hoàng còn là Trưởng ban tôi, thấy tôi cặp kè rượu bia với ông, có dư luận, tôi bợ dít thủ trưởng. Nhân viên bợ dít thủ trưởng là thói thường của người đời, tôi cũng thế. Đến thời ông sang lại văn phòng, tôi vẫn rượu bia với ông, lúc này dư luận chẳng rồi hồi, kệ đám này uống với nhau, cho say, cho bợ dít nhau. Thôi, lại thói đời và tôi kệ thói đời.

Tôi cứ ước ao, giá mình được cái chân Chánh văn phòng, ước ao được dư luận đồn rằng, mình có một thúng vàng, cùng bao tải đô la.

## **Bụi vết tháng năm**

### **CHƯƠNG V – 37**

#### **Nghề lên voi xuống chó**

Lên voi xuống chó, câu nói này khá đúng với nghề báo, có khi chuyển công tác trước lên voi, ngay chuyển sau đã xuống chó. Lần xuống chó của tôi vào cuối năm 1987, khi tôi mới về Đà. Kể ra ngay

vào nghề, mà thảm hại vậy, sẽ nản. May mà tôi vẫn yêu nghề. Đặng Quang dắt tôi đi huyện Sơn Dương.

Chuyến đi Sơn Dương, chúng tôi đến bến Nứa vào khoảng bảy giờ sáng. Bến Nứa như cái chợ. Người ta nói, muốn tìm hiểu văn hoá vùng, miền nào, cứ kéo nhau ra chợ. Ra đó sẽ thấy văn hoá nơi ta đến. Có lẽ thời bao cấp, ra bến ô tô là họp nhất. Bến xe là nơi bộn bề đầy đủ bộ mặt kinh tế, văn hóa, xã hội nước nhà. Người già, kẻ trẻ, nam thanh, nữ tú, ốm đau bệnh tật, ông bán nước, bà bán hàng, thằng kẻ cắp, con làm tiền, bà hát sẩm, đứa ăn mày, ông thầy bói, bộ đội, thương binh, công an, cán bộ, đánh chửi, lừa lọc, đồ nghề, gạo thóc, củi lửa, bếp núc, xe vệ sinh, quầy tắm rửa, mùi mồ hôi, cống rãnh, trải chiếu giăng màn khách ngủ đợi qua đêm,...

Về chuyến đi Sơn Dương, chúng tôi đến bến sớm, mà nhà chờ đã đông nghìn nghịt. Dân phe vé ở bến Nứa xúm vào gạ chúng tôi. Hồi ấy bán vé xe khách thường có hai ô cửa, ô ưu tiên và ô thường dân. Đối tượng ưu tiên gồm nhiều chủng loại, thương binh, bộ đội, công an, nhà báo, con nhỏ, người bệnh,.... còn lại là ô dân thường. Chúng tôi thuộc diện ưu tiên, Đặng Quang có thẻ nhà báo. Lúc chúng tôi tới, còn hai tiếng nữa mới đến giờ bán vé. Dãy ưu tiên rỗng rảnh tới ba, bốn chục người. Dãy thường dân, tính cả suất xếp lót dân phe vé, dài tới trăm suất. Cái xe khách dù có nhồi cứng, xếp chồng lên mui, cũng chỉ chứa hết một nửa. Một trận chen vé quyết chiến.

Chín giờ, cửa ưu tiên bắt đầu mở. Người ta xô đẩy. Lúc đó thì chẳng ai nhường ai, chẳng có nếp sống văn minh xã hội chủ nghĩa. Già trẻ, trai gái đè ép vào nhau, không còn ngượng ngùng, giữ gìn. Chen đến lòi áo, tốc quần, vẫn chen. Mấy ông thương binh cụt tay, què chân, lúc trước dùng nạng mới đi được, lúc này chen khoẻ ra phết.

Giữ trật tự trước ô cửa bán vé, nhà bến bố trí hẳn một trật tự viên. Ông này đứng trên lan can cao, chòm chòm đè dít vào đầu khách, hò hét, quát tháo, dúi người này, đập người kia. Chúng tôi phải chui qua háng ông ta mới chen sát được vào ô cửa bán vé. Ô cửa to bằng cái quạt nan, bốn, năm cánh tay cùng chen, cùng đút tiền và đóng giấy tờ vào trong đó. Người ngoài gào lên trình bày, kẻ trong gắt gỏng, quát ra. Lắm người trình bày đến khản giọng, song tra xét xong, phía trong vẫn ném tiền, ném giấy ra. Chưa đủ tiêu chuẩn ưu tiên. May nhờ có thẻ nhà báo, chúng tôi mua được đôi vé. Chúng tôi chẳng kịp xót thương cho một bà bị kẻ cắp rạch túi, móc sạch tiền, nhều dãi khóc, mà vội vàng ra xe.

Lại một trận tranh cướp lên xe nữa. Xe chật chội và nóng. Hành khách tự giác lên ngồi hành tộ mình thêm hai tiếng nữa. Hầy còn

may, khối kẻ dưới bến thềm thuồng nhìn người trên xe. Họ lại phải đợi đến chiều, chen nhau tiếp, không thì ngủ lại bến.

Cho đến sát chiều chúng tôi mới đến được Ban Định canh tỉnh Hà Tuyên. Làm việc rất nhanh, Ban giới thiệu chúng tôi lên công tác ở Sơn Dương và khách cứ tự sang nhà nghỉ mà ngủ. Đây là cách tổng tiền vừa nhanh, vừa tiện, lại khỏi mất tiền. Tờ mờ sớm hôm sau, chúng tôi lọ mọ ra bến, nhảy xe về Sơn Dương.

Ngay khi bắt đầu làm việc, ông chánh văn phòng huyện hỏi, khách ăn uống suất bao nhiêu. May chúng tôi không tham, tưởng người ta bao, mà vống lên, không cuối đợt công tác, phải thanh toán ốm. Chúng tôi ăn mức phổ thông. Cả nhà ăn phục vụ có hai người là chúng tôi. Suất ăn, món sang trọng và độc nhất là bì trâu khô xào rau muống.

Chiều muộn, trong khi chờ hai ông khách nhai bì trâu và rau muống, cô nhân viên nhà ăn lúi húi trát bún ủ bếp, giữ lửa lò cho ngày hôm sau. Cô này tuổi quá thì, da đen, mặt xấu, người thô. Lúc ngồi rửa bát sau bữa khách ăn, để làm công tác dân vận, tôi lân la trò chuyện, cô nàng tưởng tôi tâm sự thật, thẹn đỏ cả mặt. Thế mà lúc sau còn rủ tôi đi xem phim bãi ở huyện. Tôi phải từ chối ngay, kéo không, lại kẻ ăn ốc, kẻ bị đổ vỡ oan.

Ăn ở nhà ăn tập thể huyện, dù thanh đạm còn đỡ lo, hai nhà báo được bữa cơm mời, nghỉ lại mà kinh. Hôm đó ông chủ tịch huyện đưa khách xuống cơ sở, đến trưa, xã có bữa cơm tiếp khách cấp trên. Cỗ bàn thịt thà bày ra, nhìn các món đều một màu xám xịt. Mới đầu tôi nghĩ, có thể do cách nấu nướng và gia vị họ cho vào, nên có màu này.

Trước khi ăn, ông chủ tịch xã người dân tộc thật thà giới thiệu, có con bò toi của dân bản, xã mua cỡ lòng và vài cân thịt, xương đãi khách. Thảo nào, tái như thịt trâu toi. Trong bữa ăn, tôi gấp lấy lệ, chỉ lo con bò mắc bệnh nhiệt thán. Ông chủ tịch xã lại hiểu khách, cứ thuận tay gấp cho tôi liên tục, làm cái bát trên tay tôi tú hụ những thịt trâu toi.

Ăn ngủ đã khổ, song khổ nhất là cảnh ngày cuối, hết đợt công tác, dốc ngược túi thanh toán, hai đứa chỉ còn chút tiền chen xe khách về Hà Nội trong những ngày đầu năm mới 1988.

Ngay sau chuyến đi xuống chó, tôi lại được lên voi. Chuyến đi gần một tháng qua mấy tỉnh Tây Nguyên và xuống tới tận Đất Mũi.

Chuyến đi với nhà báo Trần Sơn.

Ông Sơn là người nóng tính. Trong chuyên môn, ông là tay cự phách số một về viết phóng sự điều tra của Đài. Chính những bài viết của

ông đã làm lung lay và đổ vài ba ông Thứ, Bộ trưởng.  
Từ Hà Nội chúng tôi bay vào thành phố Hồ Chí Minh. Đây là lần đầu tiên tôi biết thế nào là máy bay. Hồi hộp quan sát quang cảnh nhà chờ, thủ tục lên máy bay,... Mọi động tác tôi đều kín đáo quan sát và bắt chước y chang ông Sơn. Phòng đợi mở cửa, khách ào ào lên xe, ào ào chen chúc lên cầu thang máy bay. Ông Trần Sơn lưỡng thững đi. Thầy lưỡng thững, làm trò cũng đành lưỡng thững theo sau. Lưỡng thững, mà tôi chỉ lo, lên chậm, tý nữa hết chỗ, phải đứng. Tôi và ông Sơn là hành khách cuối cùng leo vào máy bay. Trên máy bay, tôi mới hay, ngồi theo số ghế đề trên vé, không phải cứ chen trước là giành được chỗ tốt.

Tuy háo hức lần đầu đi máy bay, nhưng vốn nhát, khi đã bay trên không trung, tôi mới lo, nghĩ nó như cái quan tài bay. Tờ báo giờ lên, mà tôi không tập trung đọc nổi mẩu tin. Thình thoảng liếc xéo ra ô cửa, thấy mây trắng bồng bênh trôi, tôi càng sợ tợn. Bụng nghĩ, cao thế này, nói đại nó rơi xuống, thì mất xác. Đúng là thích không bỏ lo, lo suýt chết. Chỉ đến lúc nghe tiếng kích máy bay tiếp đất, tôi mới thở phào nhẹ nhõm. Đây là tôi lại nghe ông Sơn nói, chứ đã bao giờ bay đâu mà biết, nghe tiếng kích máy bay tiếp đất là an toàn.

Xuống sân bay Tân Sơn Nhất có ô tô đón chúng tôi thẳng lên Đà Lạt. Xe đón oách thật, cái Toyota láng coóng của ông Giảng, giám đốc Trung tâm Giống lâm nghiệp Đà Lạt. Hồi ấy, ngoài Bắc đường xấu, xe cũ, tốc độ rùa bò, giờ ba, bốn chục cây số. Vào trong này, xe mới, đường đẹp, lái xe phóng vèo vèo. Nhìn hai bên đường tôi thấy chóng mặt. Cứ thình thoảng liếc nhìn công tơ mét, kim đồng hồ chỉ bảy, tám mươi cây, nghĩ mà kinh. Trong đầu tôi lăm lăm khẩn trời, khẩn Phật cho xe không đâm. Xe mà xô chắc chết.

Đất cao nguyên màu mỡ, lá mỏng tươi to bằng cái quạt nan. Chỉ hái vài ba lá, nấu đủ nồi canh. Thành phố Đà Lạt lãng đãng sương mờ và thông. Con gái Đà Lạt nhẹ nhàng tà áo dài, bên ngoài khoác hờ tấm áo lạnh. Hoa quả xanh đỏ xếp tràn khắp chợ và biệt thự lô nhô đủ mọi dạng hình kiến trúc Âu châu. Tôi cứ như người đi trong mơ. Chúng tôi được bố trí ở toà biệt thự sang trọng, nhà khách Hà Nội tại Đà Lạt. Cả toà biệt thự chỉ có tôi, ông Trần Sơn và Đặng Quang vào sau đó, là khách nghỉ. Biệt thự này của một viên trung tá nguy. Rảo qua căn biệt thự, tôi đếm được tới mười mấy phòng. Ở gì mà khiếp thế. Tôi ao ước, giá như nó là của mình.

Đêm ngủ, nhìn qua ô cửa, kính trắng suông, không chấn song bảo vệ, tôi đâm sợ. Đêm hôm, nhớ trộm cặp đập kính, chui vào, mất ráo cả bây giờ. Nghĩ lại, mình có cóc khô gì, ngoài tấm thân gày nhảnh

và đói khát. Vậy là bình tâm lại, ngủ tiếp.

Mười lăm ngày ở Đà Lạt, gần như tối nào, ông Nhu, giám đốc công ty Thương nghiệp Lâm Đồng cũng tổ chức tiệc tùng. Đón tiếp đến mức tôi phát sợ. Lại sợ. Lần này sợ ăn uống. Có hôm tôi thoát được ra ngoài cuộc tiếp, đi lòng vòng mấy phố, tạt vào một quán, xơi đến hai ly chè, quay lại, nhìn lên gác, vẫn thấy đèn sáng và tiếng zô... zô bia tiếp.

Khổ thế đấy, những thứ nhiểm vào mình rồi. Ra đến cái mới, gặp gì cũng khiếp. Lên máy bay, thì sợ máy bay rơi; ô tô sang, lại lo phóng nhanh, nhớ xô nhau; nhìn ô cửa sổ kính trong suốt, kính kẻ trộm nó đập; người ta cho uống, kinh say...

Đợt ấy ông giám đốc Nhu dành hẳn chiếc pô giô, hàng ngày, đúng bảy rưỡi xe đậu dưới sân, pim còi, đón chúng tôi. Lái xe người Nam, nghiêm chỉnh, chĩnh chu. Tác phong chủ thợ và công nghiệp ngấm vào họ, chứ không kiểu dân chủ, cá mè một lứa như ngoài ta, chủ không ra chủ, tớ chẳng ra tớ. Hàng ngày xe đến đón, chúng tôi muốn đi đâu, bảo lái xe đưa đi ngay. Đến nơi, bác tài chỉ quanh quẩn đâu đó, thoáng thấy khách ra là có mặt ngay. Còn nếu chúng tôi ngẫu hứng, yêu cầu rẽ vào quán, dù nhiệt tình mời, lái xe vẫn từ chối, ngồi ngoài xe đợi.

Có lần anh lái xe kể: Vì lái xe người Nam đùa sếp người Bắc một từ, mà sếp đuổi ngay tấp lự. Ngoài Bắc dùng từ ăn để chỉ mức độ phanh hãm của xe, còn trong Nam dùng là từ thắng.... Anh lái xe đùa, dùng từ xơi, khi sếp hỏi phanh xe ra sao.

Từ Sài Gòn xuống thị xã Cà Mau, tối đó chúng tôi nghỉ tại nhà khách tỉnh ủy. Buổi tối lạo dạo mấy phố. Giáp nhà nghỉ có cây cầu lớn. Cầu dài tới hơn trăm mét. Trên cầu và hai đầu cầu ngàn ngạt những người. Cứ từng tốp ba, bốn cậu trai lượn đi vòng lại. Quầy giải khát đèn đóm sáng choang, tùm tùm bốn, năm cô đứng, ngồi, phấn son choe choét. Bán giải khát mà không thấy ai uống gì. Lạ quá, chúng tôi ghé vào xem. Nước non gì đâu, mà là mua bán dâm. Công khai, rầm rộ, mặc cả cứ như mua bán cá ở chợ.

Tôi tuổi trẻ, tò mò, lại hăng tiết vịt, định lấy tư liệu làm cái phóng sự, liền chọn một cô, mặc cả. Nghe giọng nói Bắc kỳ, cô này tưởng của bờ, sán vào. Cô ta táo tợn thật, chưa tiền xong, đã chiêu đãi tay tôi luôn. Phát hoảng, tôi tháo lui bằng cách, chỉ vào nhà khách tỉnh ủy, bảo quên tiền trong ấy, chờ vào đó lấy. Nghe vậy, cô ta bĩu môi:

Tưởng ở đâu. Ở đó mà dám dùng của này à.

Ngoài Bắc cũng có chuyện mua bán dâm, nhưng thời đó, nó còn xì xầm. Chứ đây, ngay cạnh nhà khách tỉnh ủy, cứ công khai, hồn nhiên



mua, bán. Tôi lo, không biết các ông tỉnh uỷ có biết không. Độc lo bò trắng răng.

Nhớ một chuyện trước văn phòng sở Lâm nghiệp Minh Hải. Khi ngồi uống cà phê trong quán trong khuôn viên Sở, trông sang bên kia đường là khoảng ao rộng, trên mặt ao có nhà vệ sinh. Đang dùng cà phê, thì từ trong đó, phen quây lung lửng, nhìn rõ cả phần trên người ngồi, một ông oang oang chỗ sang tâm sự với bạn đang uống cà phê quán bên này. Dân miền Nam tự nhiên thật. Tôi lạ mãi về cái văn hoá đi cầu tiêu mà cứ tâm sự oang oang.

Chiếc vỏ lãi đưa chúng tôi từ thị xã Cà Mau ra Đất Mũi. Sông nước mênh mông, bạt ngàn rừng đước. Có quãng đi trong rạch, tài công mất phương hướng, đành nhìn trời và xem hướng nước chảy để định vị. Hồi ấy dư luận ầm lên về nạn phá rừng, Chủ tịch nước vào tận nơi thị sát. Tỉnh đưa đi những con kênh chính, hai bên rừng còn rậm rạp, có thấy cảnh phá rừng đâu. Nếu đi như chúng tôi, thì thấy ngay cảnh phá rừng hầm than và đào vuông tôm khắp nơi.

Đưa chúng tôi đi là hai cán bộ trẻ sở Lâm nghiệp. Sóng nước làm chiếc vỏ lãi chòng chành, tôi thấy một cậu nhăn nhó. Qua câu chuyện thì thăm của họ, tôi mới hay, một anh chàng mới bị bệnh lậu. Bệnh hoa liễu này dễ lây lắm. Khi phát hiện ra cậu ta bị mắc bệnh kín, tôi đâm ngại ngùng. Trên cái vỏ lãi bé con con, tôi không dám ngồi vào những chỗ cậu ta ngồi nữa.

Trên đường đi, chúng tôi tạt vào vài nhà dân nằm hai bên kênh rạch. Một nhà dân anh em ghé vào, vừa thấy khách, ông chủ rồn rảng:

- Các chú trên tỉnh xuống à? Vào nhà qua uống chén rượu cho vui.

Chỉ có thể thôi, cho đến lúc chia tay, ông chủ chẳng biết chúng tôi là khách tỉnh nào. Khách vừa vào nhà, ông chủ đã giục vợ đi mua rượu. Bà vợ nhanh nhẩu xách can chạy đi liền. Trong khi bà vợ đi mua rượu, ông chồng mang luôn ra chai rượu dờ, rót một lượt cho khách. Cụp trước một ly, rồi ông lôi bịch tôm khô ra, nồi lửa than đước, nướng. Cứ như câu chuyện ông chủ, thì chuyện làm ăn ở đây dễ lắm. Tính nhanh, diện tích vuông tôm và số rừng đước ông hầm than, nhà này phải thu tới mười cây vàng.

Tôi theo mấy đứa trẻ ra dây vuông tôm chạy dọc trước cửa nhà, thả câu. Chỉ mấy cần câu, một nhóang lũ trẻ đã nhắc lên dăm con cua bề to tướng. Tôi nhắc trọt một con, xuýt xoa tiếc. Đúng là rừng vàng biển bạc.

Căn nhà mái tranh, tường thương lá, rộng gần hai chục mét vuông, sàn gỗ cao hơn mặt đất khoảng một mét. Sàn nhà ghép cao để phòng thủy triều lên xuống hằng ngày. Nhìn căn nhà tênh toàng và

mức thu nhập của chủ nhân, trong lúc ông chủ có việc, ra ngoài, chúng tôi đùa nhau, vàng nhà này giắt hay chôn ở đâu, thường lấy vài cây, tiêu đỡ cho ông chủ.

Lai rai tôm khô, cua bể, cả chủ lẫn khách sáu người, đi hết chai dờ và can ba lít để bà vợ xách về, chúng tôi lảng tráng say.

Khi chia tay, ông chủ hẹn, hôm nào xả vuông tôm, chúng tôi nhớ quay lại làm một trận tới bến. Chưa kịp trận rượu xả vuông tôm, hôm sau chúng tôi đã được ông chủ tịch Đất Mũi cho một cuộc lên bờ xuống... kênh. Hôm đó trên đường nhậu về, say, ngã tòm xuống nước, về chẳng thay quần áo ướt nước lợ, tôi ngủ luôn. Muối rừng được lại được một bữa nhậu tôi. Hôm sau, tôi mặt mũi, cánh tay, cẳng chân, vết muối đốt đỏ rực như ma tịt cắn.

Gần một tháng công tác, đến lúc về, Trưởng phòng Đinh Sơn hỏi bài vở, tôi ú ớ. Rất may anh Đinh Sơn dễ tính và hiểu, cả chuyến đi toàn đồng bằng và thành phố, lấy đâu ra đồng bào thiếu số mà viết. Lại nữa, chuyến đi này với ông Trần Sơn, lính mới chỉ nhìn ông giao tiếp, uống rượu và đối thoại đã là học rồi.

## **Bụi vết tháng năm**

### **CHƯƠNG V – 38** **Nhà báo trộ**

Nghề báo là nghề sang trọng, viết lách mà.

Nhưng lời nói đọi máu. Chỉ một bài viết thôi, có ông tự tử nhảy lầu, có người khuynh gia bại sản, có người mất tiết công danh.

Nhà báo cũng có nhà giả nhà thật, ngoài nhà báo, còn nhà tranh, nhà đất, nhà nợ nhà kia, họ cũng có thể, cũng bút danh, đi đứng nói năng khúc triết, oai vệ, chỉ mỗi tội là không viết bài.

Tôi nay đã làm báo hai chục năm, tuổi nghề ấy, phải gọi là hàng chú báo, bác báo. Kinh nghiệm nghề khắp mình. Nhiều khi tôi lo, của quý này không truyền ra, nhờ nó thật lạc, thì phí. Tôi định in kinh nghiệm ra thành sách, nhưng văn chương lờm khờm, bán không ai mua, mà sợ nhất tặng rồi, người ta biến thành sách lộn và in là phải mất tiền đấy. Thôi cứ nói ra cho đàn em học tập, vừa đỡ phí, vừa tiện. Sau

đây xin nêu loạt kinh nghiệm, tiếp đó đi sâu phân tích, lý giải:

Báo đạo văn, báo phô tô ninh lược, báo xào nấu, báo doạ, báo trộ, báo thổi kèn, báo...

### *Báo đạo văn*

Đạo văn tức là thuổng văn của người khác. Không phải đạo chích, như cô nhà báo nọ ra nước ngoài đạo chích tại siêu thị, bi tung lên mạng, thành nhà báo nổi tiếng cả nước.

Trò đạo văn được tôi áp dụng khi mới vào nghề, cứ thuổng từng đoạn của người khác, rồi trộn với văn mình là thành tác phẩm. Nhớ là tác phẩm dạng này chớ mang đi thi, hay đăng báo viết, chỉ gửi phát thanh, truyền hình thôi. Phát lên trời, lời nói gió bay.

### *Báo ninh lược*

Hồi mới về làm báo, tôi cũng chăm chú viết, chúí mũi vào điều tra, thế mà vẫn không đủ định mức, còn nhuận bút chẳng được bao nhiêu. Cuối cùng nghĩ ra cách, sao không ninh lược báo nhĩ. Mình cứ lấy bài của người khác mà ninh lên. Vậy là tôi dành cả tháng tư duy cho ngấu, hý hoáy viết cả lý luận ninh lược báo, dài cỡ trăm trang. Dài thế đọc rất mất thời gian, nói ra nhanh hơn, thôi cứ kê cụ thể công đoạn ninh lược nhé:

Tôi sắm một cuốn sổ tay, kẻ cột dọc ngang cẩn thận, gọi là sổ *Theo dõi*. Sáng tôi đọc nhanh các báo, chọn các bài đỉnh mang ra phô tô, phô lấy hai bản, đánh số thứ tự, rồi ghi chép vào sổ theo dõi. Đám báo phô tô đó lưu lại. Trước đây mười năm, công nghệ in ấn, internet và báo chí chưa phong phú như bây giờ, thường các phòng chỉ có máy tờ, tờ không thể thiếu là báo Nhân dân. Báo cũng không được lưu, vì cuối tháng, hay một quý, nó được mang ra bán giấy lộn, khoản quan trọng để liên hoan phòng.

Sau khi ngâm một thời gian, sao cho bài báo kia đủ rửa ra, chả còn ai nhớ được nội dung và từng có bài báo ấy, thì mang ra đánh máy lại, chỉ cần sửa ngày tháng, địa danh và chú ý điền thêm tên mình là tác giả vào, thế là nghiễm nhiên có một tác phẩm mới. Lúc đó, dù ông trưởng phòng có là tài thánh cũng không phát hiện ra.

## Báo xào

Dạng báo ninh lược mới chỉ dừng ở cấp độ tư duy cơ bản. Phải đạt đến công nghệ xào báo mới ăn. Dạng xào báo này hơi kỳ công, mất thời gian và hơi có tư duy chất xám.

Trước hết cũng phải thực hiện công đoạn đầu như công nghệ ninh lược báo. Sau khi ngâm cho báo rửa ra, thì chọn cỡ dăm bài, đem đấu với nhau. Phải chú ý chọn cùng đề tài, cùng thể loại, kéo không lại dạng ông chằng bà chuộc, thì đấu làm sao được. Tỷ như bài khen trộn với khen, bài chê trộn với chê, chứ đấu kiểu, cái thì chống tiêu cực, cái thì khen, hay bài miền núi, bài vùng biển, đấu làm sao được với nhau.

Kinh nghiệm này tôi học từ vùng quê tôi, đấu thuốc Lào. Quê tôi họ dùng thuốc Lào lá ngọn và lá gốc đấu với nhau. Tôi cũng áp dụng như vậy, tức là đều cùng thuốc Lào đấu với nhau, không thể thuốc Lào đấu với thuốc lá. Về kinh nghiệm phun nước chè đặc để hồ thuốc cho đậm và êm, tôi cũng đem ra áp dụng, tức là thêm thắt mấy từ, hay lời dẫn vào giữa các bài báo khi đem đấu chúng với nhau.

Ví dụ bài cũ của người ta có cụm từ *tích cực*, thì nối dài nó sang đoạn đầu sau bằng từ *độ*, thế là có đoạn văn: *tích cực độ*, hoặc trong bài gốc có đoạn *huyện nhà nô nức làm kinh tế*, thì thêm và sửa thành: *trong không khí hùng hực ra quân, huyện nhà ta già trẻ trai gái cùng xông ra làm kinh tế*. Vân vân và vân vân. Thế là xào xong rồi. Tiếp đó nộp bài cho Ban. Dạng báo xào này nhiều khi còn được toà soạn nhận xét là có tư duy, chiều sâu và ăn năng xuất cao đấy.

## Báo trộ:

Nhà báo trộ là cứ đem mấy ông to ra khoe mình quen biết, thân thiết như anh em, họ hàng với họ, tưởng tượng ra tính tình, sở thích của họ. Khi rượu chè với thuốc cấp của nhân vật kia, thì đem ra kể bô bô. Xin lưu ý, làm báo trộ cũng phải cẩn thận, vì tôi có kinh nghiệm xương máu.

Một lần tôi khoe thân quen với một ông rõ to. Hôm ấy ngồi ở quán bia, tôi huyền thuyên với bạn bè, dạng thuộc cấp của ông kia:

- Hôm qua tớ mới ăn cơm ở nhà anh ấy. Nhà ông này có món hầm đá ngon quá.

Tôi tả nhiều thứ lắm, như mình đến nhà anh ấy, bà chị biết mình thích mắm tôm, khẩu vị y như ông chồng, nên bữa cơm nào mình đến, bà chị cũng thừa bát mắm tôm đỏ au, vắt chanh. Thịt gà chấm mắm tôm ngon ra phết. Tuần trước, tớ dự đám giỗ ông già anh ấy. Cỗ giỗ có món gà quê, ông anh gắp một miếng, chấm mắm tôm, cho vào bát của tớ. Ngon, gà luộc chấm mắm tôm ngon thật.... Tôi kể đến đây, thì ông cụ già uống bia ở bàn bên cạnh, cắt lời:

- Cậu ăn hôm nào ở nhà anh ấy đấy? Thành con trai tôi tuần trước công tác ở thành phố Hồ Chí Minh. Mà tôi, sống sờ sờ đây, giỗ cúng thế nào được!

Tôi lúc đó chỉ còn nước chui xuống đất. Chả nhẽ lại cãi nhau với ông già lắm cảm kia, rằng, rõ ràng là ông chết rồi, chính tôi dự bữa giỗ con cháu nó cúng ông. Tôi còn định khi viếng ông chết, vòng hoa và cái phong bì một trăm ngàn đồng nữa cơ.

Câu chuyện trở thứ hai của tôi là gọi điện cho chính thủ trưởng to nhất của cơ quan mình.

Phép trở này khối anh em ở cơ quan sợ tôi. Mình phải kể cứ như thân thiết với sếp lắm, dạng đệ tử ruột. Một bữa ăn nhậu với anh em, sau khi miêu tả tởm chuyện tuần trước mình đi chơi và tâm sự với sếp thế nào, liền sau đó bốc điện thoại lên tâm sự với sếp.

Xin nhắc là nếu tâm sự qua điện thoại với sếp trước mặt anh em, thì tâm sự càng lâu càng tốt. Cứ anh anh em em, suồng sã được càng hay. Chú ý khi bấm điện thoại, di động có 10 số, ta bấm lầy tám, chín số thôi, rồi áp vào tai, khoảng mười giây, thì bắt đầu bô bô tâm sự. Nói phải như nói thật, mặt mũi cũng khi tươi, khi nhú, cả cười nữa, phải ngắt quãng, đổi thoại mà.

Nói về cuộc tâm sự với sếp qua điện thoại bận uống bia, tôi tâm sự rất hăng, cứ oang oang. Anh em cơ quan ngồi quanh kính phục quá. Đang lúc tôi tâm sự hăng, thì cái điện thoại chết tiệt của tôi reng reng kêu... Thôi chết rồi! Điện thoại đang gọi mà chuông kêu mới lạ chứ.

*Báo doạ hay là hôi tát:*

Làm báo dạng này hơi mất công, nhưng được cái không phải tư duy và nhiều khi vớ bẫm, chí ít cũng được bữa rượu trưa và cái phong bì dày. Làm báo hôi tát như sau: Buổi sáng đọc nhanh các báo, báo nào càng uy tín càng tốt. Tìm xem có vụ đánh tiêu cực nào không, rồi ghi chép thông tin vụ đó lại, càng chi tiết các tốt. Nhớ ghi tên công ty và nhân vật trong bài. Tiếp đó lấy danh bạ điện thoại ra tra số công ty, số giám đốc. Nếu cơ sở ở tỉnh ngoài, thì tìm qua giải đáp đường dài. Tiền tra cứu rẻ lắm. Biết số rồi, gọi ngay đến cơ sở ấy, úp mở rằng, mình có thông tin và cũng đang định đánh đây. Cam đoan, giám đốc chỉ mới nghe, đã hãi. Có báo đánh rồi, nay thêm báo nữa, chắc chết. Sau khi dọa cho tay giám đốc kia rúm rúm lại, mới hạ giọng, rằng, thì... là.... mà... mình cũng rất quý tiền.

Bằng cách báo hôi tát này, có bữa tôi xơi mười triệu.

Ngoài ra còn một loạt cách làm báo nữa, như báo mạo danh, báo tranh phong bì đi họp, báo hóng hớt thông tin hội nghị để đi họp, báo nhận xí bài người khác viết là do mình chỉ đạo, hay mình là sếp nó, báo quảng cáo, báo thăm cuối năm, cuối quý đến hỏi thăm tình hình sản xuất, báo....

Những kinh nghiệm trên tôi truyền cho cánh nhà báo trẻ, nhưng xin giữ lấy dùng riêng. Đừng nghĩ, ai cũng biết cả đâu. Nó bí mật lắm, bí mật đến mức, có lần, hôm trước tôi mới rút ruột phong bì xong, hôm sau lên cơ quan, mấy cậu phóng viên trẻ hàng con cháu, nhìn tôi như vật lạ từ cung trăng rơi xuống, còn cánh thân hữu, thì dí vào tai tôi thì thào: hôm qua ông rút được bao nhiêu, uống bia đi. Tôi dễ tính đấy, chiêu đãi luôn. Chứ vớ phải người khác, nhục như thế còn gạ, uống bằng uống nhục.

Sau đây tôi truyền một kinh nghiệm nữa, nó không thuộc nghiệp vụ báo chí, mà thuộc về đạo đức nghề nghiệp báo.

Đến một doanh nghiệp làm việc, tôi khá choáng khi thấy tay giám đốc kia toàn dùng đồ sịn. Tay hắn đeo cái nhẫn lapis lánh viên ru bi, không biết tới bao nhiêu ca ra, quần áo, dày dép toàn đồ hiệu, phòng ốc thì choáng lộn. Sịn nhất là con di động. Tôi biết con này đời mới toanh, ước cũng tới 20 triệu. Trong khi phỏng vấn tay giám đốc, thỉnh

thoảng tôi lại liếc nhìn nó. Trong đầu tôi nảy ra niềm ao ước, giá mình được sở hữu con di động đó.

Dự kiến buổi làm việc độ một tiếng, được nửa tiếng, thì tay giám đốc xin lỗi có việc, ra ngoài một chút. Rồi việc và vốn sẵn thềm con di động kia, tôi vươn tay cầm nó lên xem. Mê ly thật!

Khoảng năm phút sau, tay giám đốc quay lại. Trong đầu tôi lúc này lại tưởng tượng ra mình có cuộc hẹn với cơ sở khác nữa, liền thông báo, tư liệu đã hòm hòm, xin dừng cuộc làm việc ở đây. Vị giám đốc ngỡ ngàng. Trong khi tôi cất máy ghi âm và sổ ghi chép vào túi, tay giám đốc bốc điện thoại bàn gọi nhân viên, tiết mục phong bì tiền khách đây. Tôi chẳng cần thứ ấy. Gọi xong, tay giám đốc nhìn quanh, như muốn tìm thứ gì và lại bốc điện thoại lên gọi. Quái, sao trong túi tôi có tiếng điện thoại kêu tưng tưng. Tôi đành thọc tay vào túi và về mặt quá ngạc nhiên, khi sờ thấy cái điện thoại của tay giám đốc kia, nó lại ở trong túi quần mình.

## **Bụi vết tháng năm**

### **CHƯƠNG V – 39** **Chuyện say**

Rượu là một phát minh của nhân loại! Thế nên, trong các buổi tiệc tùng, chiêu đãi, bao giờ người ta cũng dùng rượu.

Triết lý của dân rượu: Uống mà không say, thì uống để làm gì? Phí rượu!

Lại triết lý nữa: Uống mà không say uống là không phải uống.

Uống để ta tỉnh người say.

Uống say mà ta vẫn tỉnh.

Uống.....

Nghe đồn ông Chu Ân Lai là bậc cao thủ. Chẳng biết có thật không, vì đã uống với ông ta bao giờ.

Nhà thơ Lâm Huy Nhuận, con trai nhà thơ Yến Lan, có thơ say:

*Có một lần say khóc*

*Nỗi buồn thả dây cương*

*Tỉnh lại ân hận mãi*

*Có vương ai trên đường*

Sếp Hoàng, tôi và Hùng Béo đôi chiều uống với nhau. Quán góc ngã tư Khâm Thiên là điểm chúng tôi ưa ngồi. Chúng tôi uống có lúc tỉnh, lúc say, có lúc khi say mà tỉnh, có lúc khi tỉnh mà say. Nhưng say như cụ Lý Bạch, thì chưa bao giờ có.

Nói về say rượu, thì ngày bé tôi có một bữa uống vụng rượu, bị say chí chết. Không ngờ, lớn, lại làm đúng nghề phải say. Ngay khi về Đài, có buổi liên hoan phòng, tôi lính mới, vì biết nấu ăn, liền lao vào bếp.

Hôm ấy, ngoài anh em trong phòng, còn có bác Đặng Tình. Bác vốn trước chỉ đạo mảng nội dung của phòng Dân tộc. Nhà văn Đặng Tình giành hai giải nhất truyện ngắn báo Văn nghệ và giải ba truyện ngắn tạp chí Văn nghệ quân đội. Bác từng là Trưởng ban Đồng Bào. Cái tên ông Thào mà nhiều người đùa gọi bác là nhân vật trong truyện ngắn bác viết. Một dịp tôi định ngo ngoe viết chuyện miền núi, sau khi đọc truyện của bác Đặng Tình, nghe văn chương và thấy một người quá am hiểu phong tục, tập quán, ngôn ngữ của đồng bào, chuyển tải được cái thần của đồng bào dân tộc sang ngôn ngữ Việt, tôi không dám viết nữa. Văn thế mới là viết!

Bữa liên hoan, nấu nướng ngay tại phòng. Củi lửa là gỗ gõ ra từ mấy thứ lung lay khắp các bàn, ghế, còn tử thì tám nào một một, cho vào nồi lửa luôn. Thiếu, dùng thêm giấy báo.

Lúc tôi ngồi chặt thịt gà, anh Đinh Sơn ngắm lính mới, bông câu: Thăng Mới! Và anh cười hề hề. Tôi cú quá. Ông này dân ngôn ngữ, văn chương nhiều, tưởng tôi anh chàng học hoạn lạn, nên gọi xỏ mình là thăng Mới. Thế có cú không cơ chứ. Tôi nhớ và thù mãi. Bữa



liên hoan đó tôi được trợn say chí chết. Nghĩ lại, mình mới về cơ quan, sao không biết giữ gìn, cứ thực mạng, hết mình uống.

Trợn say nhớ đời là chuyển đi công tác Lạng Sơn. Tối đó Ban Định cư tỉnh đãi khách. Trừ sếp Phán Lương không uống, còn chủ, khách say khướt. Say đến mức, mấy ông trong Ban định canh túm vào đánh nhau, còn khách chúng tôi hô hố cười, vỗ tay tiếp sức. Vui nhất là một ông cán bộ định canh chồm chồm ngồi lên bàn nhặt xương ăn tiếp.

Sáng hôm sau sếp Lương vào phòng, thấy anh Nhung nằm thiêm thiếp, hỏi, như thế này nó say đến bao giờ. Anh Thuận, phải mấy ngày nữa. Sếp hoảng. Đúng lúc ấy anh Đình Sơn nhồm lên, tỉnh như sáo.

Tôi còn nhớ chuyện đợt ấy chúng tôi tranh luận với ông lãnh đạo Sở Tài chính Lạng Sơn. Ông này nói rất hay và có lý của ông ta. Khi tôi hỏi về ngân sách tỉnh dành cho công tác nghiên cứu khoa học, ông say sưa trình bày, say sưa tới mức, coi chúng tôi như kẻ đi xin kinh phí.

- Nghiên... nghiên cứu cái gì. Các ông cứ dài ra đòi kinh phí. Tôi hỏi, xưa nay nông dân Lạng Sơn nghiên cứu cây thuốc lá bao giờ. Vậy mà thuốc vẫn ngon, khói vẫn đậm. Còn các ông vùi tiền, tỉnh đầu tư không biết bao nhiêu rồi. Cây thuốc lá chưa nghiên cứu, thì cao tới cả mét mới có hoa, lá to bằng tàu lá chuối. Còn các ông nghiên cứu, thuốc mới cao bằng cây lúa, đã trổ hoa, lá thì to bằng cái lá hẹ. Đấy, nghiên cứu đấy! Tôi mà có quyền ấy à, cứ đuổi ráo đám khoa học nghiên cứu ấy đi.

Không biết đuổi được những ai, chỉ biết rằng, chính ông này suýt bị đuổi. Hình như ông dính vào tham nhũng. May thay, tự dưng ông lăn đùng ra bán thân bất toại, nên không phải hầu toà. Sau này mỗi khi gặp anh Thuận, tôi thường đùa, chào anh: Nghiên cứu, nghiên cứu cái gì...

Với anh Thuận có nhiều chuyện công tác Tây Bắc và vùng cao. Ông này là cái kho tiểu lâm phóng tác và thu nhặt lăm thứ chuyện ở Đái. Thường người miền núi rất hồn nhiên, hay hỏi đi nhờ xe, anh Thuận gọi đùa các chàng trai trẻ Mông là anh cu Tìn. Một lần chúng tôi đến

huyện lỵ Bắc Hà, vùng quê rượu ngô của người Mông ngon có tiếng, nghỉ tại nhà khách huyện, là khu dinh thự của viên quan người Mông Hoàng A Tưởng, xây năm 1919.

Hôm đó chúng tôi đến đúng vào dịp có cuộc họp cán bộ các xã. Đường từ xã, bản lên huyện, nhiều nơi mất cả buổi xe ôm, nên cán bộ xã thường lên ngủ đêm trước ở huyện, hôm sau họp. Buổi sáng tôi và anh Thuận ra đánh răng, rửa mặt.

Tôi múc chậu nước, vắt khăn lên thành chậu và ngồi đánh răng. Mải đánh răng, khi quay lại, tôi thấy một anh cán bộ người Mông hồn nhiên dùng khăn và chậu nước tôi múc sẵn, rửa mặt. Tôi ngạc nhiên, nhưng nín lặng. Chờ cho anh ta rửa mặt xong, tôi tráng và múc lại chậu nước khác, dùng tay mà rửa. Rửa mặt xong, quay sang, thì lại thấy cả bản chải và ca đang được anh ta sử dụng tiếp. Còn đang ngây ra nhìn, thì ông cán bộ kia, sau khi đánh răng, rửa mặt xong, hồn nhiên trả lại bàn chải và khăn mặt cho tôi. Còn anh Thuận lúc này sáng sủa cười:

- Thế nào, biết anh cu Tỉn chưa?

Trở lại buổi sáng, sau bữa say rượu đêm trước ở Ban định canh Lạng Sơn, chúng tôi tới làm việc với đồn biên phòng Tân Thanh. Thôi rồi, lại sa vào ổ say. Bia đổ như nước, cả đoàn được trận say tiếp. Say, mà ngay sau đó, chúng tôi vẫn lên xe. Liều thật.

Xe theo đường số 4 đi Bắc Sơn. Đường núi vắng hoe. Nhìn bên đường ngăn ngắt đá vôi cao xanh thẳm. Ban Lương sợ lạc, mấy lần bảo dừng xe hỏi đường, nhưng sợ trấn lột, lại thôi.

Tới một quán nước, xe dừng, gặp được ông khách. Ông này giới thiệu là chánh văn phòng Tràng Định và còn hỏi đi nhờ nữa. May quá, chúng tôi rước vội ông ta lên xe. Trên xe, thấy ông này líu lo nói. Thôi chết rồi, vớ phải một ông say. Xe bốn người, thì ba ông say, kiếm được tay dẫn đường, lại phải ông say nốt. Được cái trên xe toàn kẻ say, nên câu chuyện rôm rả. Có lúc anh Thuận vừa điều khiển xe, vừa ngó sang bên đường:

- Lãng phí quá! Sao lại xây những hai cái nghĩa trang liền nhau.

Ban Lương đã sẵn sợ ông lái say, vẫn không nhin được, phá lên cười:

- Có mày say, một, nhìn thành hai.

Sau chuyến đi này, say thế mà anh Đinh Sơn viết được cái ký thật hay.

Đài có hai vị cùng họ, cùng đệm, nhưng không phải anh em, họ hàng, là nhạc sỹ Dương Nhật, Trưởng phòng Tham quan Minh Nhật. Tôi và họ có mấy bạn say.

Minh Nhật tâm huyết với nghề và cũng là một tay viết cứng. Còn trẻ mà cũng say ra phết. Một bạn tôi và Minh đi uống. Lúc về say, tôi đèo Minh phóng như bay. Qua quăng Cửa Nam, có anh béo cảnh sát giao thông đứng chỉ đường. Lúc đó đường đông, xe chạy chậm chậm. Tôi phải tạt sát vào anh cảnh sát. Minh ngồi sau, giơ tay, đập một nhát vào cái mông béo của anh ta, miệng quát to:

- O, cái đít!

Anh cảnh sát giao thông bất thành linh bị đập đít, ngớ ra nhìn. Thấy kẻ say, đành chỉ biết cười nhìn theo.

Còn một bạn tôi đi uống với Dương Nhật nhạc sỹ, tôi say và Dương Nhật tỉnh. Lúc về, anh bạn lại đại dột trèo lên xe tôi. Tôi say lướt xe vù vù. Vừa phi, tôi vừa quay lại chửi bạn. Chửi rất hăng. Kẻ say nó chửi, thì không sao, kệ xác nó. Đàng này nó lại cầm tay lái, mình ngồi sau và nó chẳng nhìn đường, cứ ngó ngang mà chửi. Anh chàng Dương Nhật sợ, xuống không được, ngồi không xong, chỉ còn cách xuống nước, mặc cả với kẻ say:

- Thôi, ông cứ chửi đi! Nhưng thẳng mặt lên mà chửi.

Nghe bạn bảo vậy, nghĩ, tôi càng tức, nó khinh mình. Chửi mà không nhìn vào mặt nhau, thì chửi cái nỗi gì. Tôi liền quay hẳn lại chửi. May chả xô vào ai.

Hôm sau Dương Nhật hỏi tôi:

- Hôm qua ông chửi gì thế?
- Chửi ai, chửi cái gì?
- Ông chẳng chửi hăng lắm cơ mà!
- À, tao thấy mấy thằng đi đường, phi xe nhanh quá. Bảo chúng từ từ thôi, kéo không, tai nạn giao thông, chết bỏ mẹ cả lũ!

Tôi làm quen và chơi với Dương Nhật cũng vì quá hâm mộ nhạc sỹ. Sau chơi rồi, thấy anh chàng này rất sát giải, cứ dự thi là trúng, mà trúng toàn giải to, đậm nể. Nhưng khoản nghe nhạc của Nhật, tôi hãi, toàn thính phòng, giao hưởng, ngang bằng đêm nghe buổi nhạc đải của cậu em Trường Doãn.

Tôi phải kể thêm trận say ở Khu bảo tồn Pù Mát, Nghệ An. Chuyến ấy tôi vào Pù Mát để phản ánh dự án rừng do anh bạn trẻ Đậu Phi Tú theo dõi. Tú nhà ở ngay thành Vinh, nay phụ trách một dự án liên doanh với Đài Loang, tới hai mươi triệu đô. Một anh chàng năng động và dễ mến. Bữa trưa, các thầy cô trường trung học phổ thông Con Công mời cơm nhà báo. Các thầy cô nhiệt tình quá, tôi lu bù được chuốc rượu. Kể ra mình hơi tham, nếu khéo từ chối, chả say thế. Lúc về, nhà trường cử một ông thầy đỡ say, đèo tôi. Đưa đến cổng trụ sở Khu bảo tồn, thầy giáo lão đảo quay xe luôn.

Tôi loạng choạng bước vào nhà bảo vệ, nằm vật ra chiếc võng mắc sẵn ở đây. Tường người lạ, anh bảo vệ vừa thay ca, bước lại phía tôi. Anh ta nói nhiều lắm, mà tôi chẳng rõ anh ta nói gì. Thấy anh ta nói mãi, tôi đành ngóc đầu lên, phun cho một bãi. Anh chàng hoảng hồn, may còn né kịp, không thì hưởng trọn bãi nôn tôi tặng. Chiều ấy ông Giám đốc Khu bảo tồn có bữa chiều đải. Đến lúc này anh bảo vệ kia mới nhận ra khách. Cầm ly rượu, anh chàng tiến về phía tôi, bẽn lẽn xin lỗi khách. Giám đốc không hiểu anh chàng dưới quyền xin lỗi khách cái gì, hỏi, tôi liền gạt phất:

- Nôn say ấy mà!

## **Bụi vết tháng năm**

## CHƯƠNG V – 40

### Người xưa cũ

Anh Huy Quang, trưởng phòng Kinh tế cũng là bạn rượu của tôi. Anh và Nhà thơ Trần Thụ cùng quê Nam Định. Bác Trần khen văn anh Huy Quang, sang trọng và điệu dàng. Uống với nhau, anh và tôi toàn nói chuyện lảng nhãng, ít khi bàn văn chương. Một lần anh khoe, đang thai nghén cuốn tiểu thuyết vùng quê anh, trong đó anh tâm đắc, nhắc nhiều tới chi tiết, vụ cứu cô gái chết đuối, anh sẽ viết trong cuốn tiểu thuyết.

Tháng bảy xập xì mưa Ngâu. Ban tôi tổ chức chuyến nghỉ mát tắm biển Sầm Sơn. Trong lúc trò chuyện ở bãi biển, anh rủ mùa thu sẽ cùng lên Điện Biên, vừa công tác vừa thăm đứa con trai dạy học trên đó.

Chưa kịp, thì anh đã đi rồi. Âu cũng là số phận, một kiếp người đào hoa và lận đận, buồn như chuyện anh trở lại thăm *Chị Thìn*. Thôi thì tôi chỉ có vài dòng này, như trái khế đặt lên ban trong ngày giỗ, quả khế trong truyện ngắn *Cây khế* của anh đấy, anh Huy Quang ơi!

Bác Trần Thụ là trưởng ban Chuyên đề, còn cô Khánh Hồ và chú Phán Lương là phó ban. Bác Trần Thụ và chú Lương, thì sửa bài để dãi.

Chú Lương trước đó là Trưởng phòng Khoa học và trước đó nữa là Trưởng phòng Phụ nữ. Anh em có vẻ vui vẻ chức trưởng phòng: *Viết Nam dân chủ cộng hoà, Trưởng phòng Phụ nữ lại là đàn ông*.

Với cô Khánh Hồ, ngôn từ, câu cú, cô sửa rất kỹ. Cô thâm thúy, sắc sảo, từ ngữ dùng thì thôi rồi Lượm ơi là chính xác. Tôi đã học được rất nhiều về cách dùng từ ngữ của cô. Trong tập truyện ngắn đầu tay *Người con gái năm Ất Dậu*, tôi nhờ cô, người thầy ngôn ngữ, sửa giúp, trước khi gửi tới nhà xuất bản.

Khi tôi về Đài thì nhà thơ Trần Thụ đang là phó ban Các chương trình trong nước. Bác sống đại lượng, ôn hoà, thu phục nhân tâm. Tôi còn nhớ, trong một buổi dự giao ban, có người phát biểu khá

hăng. Trong lúc nghe, bác thủng thẳng kéo ngăn bàn, cầm mẩu bánh mì khô lên, thản nhiên nhấm nháp. Để cho diễn giả nói tới khi chán, bác tung tưng:

- Chuyện này tớ nói từ lâu rồi, nói từ hai mươi năm trước cơ! Người bảo rằng hay, người bảo không hay.

Và bác Trần Thụ thơ thẩn cười. Anh Diễn Như rất khoái triết lý ẩm ương trên của bác. Thỉnh thoảng anh còn mang ra nhại trộm, *người bảo rằng hay, người bảo không hay*. Nhớ có lần vào nộp chương trình, bác Trần Thụ đang bận tiếp khách thơ, bác ký cái rẹt và nói:

- Tớ ký, cậu chịu trách nhiệm nhé!

Một lần tôi đến chơi nhà bác Trần Thụ. Lúc đó nhà thơ Thu Lệ ra họp Quốc hội, bác Lệ đang bế thằng cháu nội, con trai của Nam Trần. Nói chuyện loanh quanh, tôi và bác Trần Thụ chuyển sang bàn chuyện chính trị. Đến lúc này bác Lệ mới góp chuyện. Vừa nghe nhà thơ thu Lệ nói, bác Trần đã nhíu mày bảo:

- Bà thì biết cái gì!

Bà nghị sĩ, mà bác bảo không biết gì về chính trị. Đấy, bác Trần cứ thế đấy!

Tôi thích giọng văn trong những truyện ngắn của Nam Trần. *Những vật thể tròn*, hiện đại và suy tư. Rất tiếc Nam ít viết. Hồi Nam phụ trách mục *Chuyện thật như bịa*, nó đã làm rúng động khối nhà quản lý và các ông doanh nghiệp. Mục đó nổi đình đám đến mức, phải dừng, không phát tiếp nữa. Dịp Nam có chút tai nạn nghề nghiệp, khi đang làm ở báo, tôi sang chơi, Nam đưa truyện ngắn mới viết. Đọc xong, tôi hỏi Nam, buồn đến thế ư, dòng đời dài chèn chức?

Hồi mới về cơ quan, sáng sáng, bác Trần hay sang phòng Thiếu số của tôi. Còn sớm, nên cơ quan chưa có ai. Mới vào đến cửa, bác đã khoe, đêm qua tớ sáng tác được bài thơ. Thơ bác Trần nhiều bài được phổ nhạc. Bài *Em vẫn như ngày xưa* được thế hệ tuổi trung niên rất ưa nghe.

Trong khi anh Diễn Như pha nước, bác Trần ngâm nga đọc thơ.

Người làm ra thơ, rất thích được kẻ khác bình. Biết ý vậy, anh Diễn Như buộc phải bình thơ thủ trường. Nhiều lần anh Diễn Như đã hết lời khen, vẫn bị sắp mắng cho một chặp. Cái cậu này, thơ người ta ý thế này, cậu lại tán ra cái ý kia.

Khổ thế đấy, chê không được, mà khen cũng không xong. Tôi và Đặng Quang, đám hậu sinh, không dám ho he, chỉ biết ngồi thưởng thức nước chè và nghe thơ, bố dám bình thơ bác. Lớ xớ là vợ phải trận mắng. Sau mấy lần nghe thơ, bình thơ và bác Trần Thụ mắng anh Diễn Như, rút kinh nghiệm, những sáng sau, vừa thấy bác vào khoe, *đêm qua tớ sáng tác được bài thơ*, tôi và Đặng Quang vội lĩnh ngay. Chỉ còn lại anh Diễn Như ngồi lại bình thơ và lại nghe bác Trần mắng.

Tôi còn nhớ một lần, không hiểu sao, anh em lại đem chuyện, nếu như quan chức thời phong kiến xưa, thì phẩm, hàm của bác Trần thuộc loại cỡ nào. Nhà văn Thành Phạm, bình bầu bác Trần vào cỡ bát phẩm. Thực ra, chức trưởng ban của bác, ít ra cũng hàng tòng ngũ phẩm, hay chánh lục phẩm, tức khoảng gần tri phủ, hay ngang tri huyện, anh Thành Phạm lại hạ cấp bác xuống mấy hàng, ngang cụ chánh tổng. Lúc ấy, không thấy bác Trần nói gì. Đúng như có người nhận xét, ông nhà Nho sinh ra không phải thời Nho.

Anh Thành Phạm hay hầu chuyện bác Trần. Kể cũng lạ, hai người tính khí khác nhau, mà lại hay chuyện với nhau. Tôi đồn rằng, một ông cò cưa, chuyện này tớ nói *từ hai mươi năm nay rồi* và một ông cứ: không, không, *Hậu Chí Phèo* làm gì mà anh đã biết.

Có lẽ từ đó Thành Phạm là người biết nhiều về bác Trần. Chẳng hạn, khi nước ta ồn ã tiểu thuyết "Báu vật của đời" – nguyên nghĩa là vú to, mông nở, của nhà văn Mạc Ngôn, thì Thành Phạm kể, bác Trần tuyên ngôn, đại ý là: Một dân tộc biết có cường thịnh hay không, hãy nhìn vào mông và vú người phụ nữ. Hoặc như, cũng nhờ Thành Phạm mà hai bài thơ "Vui xuống cấp" và "Đường hàng tỉnh" của bác được nhiều bạn bè biết tới. Nhà văn Hoàng Minh Tường đã đưa cả hai bài thơ này vào tập hai của tiểu thuyết "*Thủy hỏa đạo tặc*"... Ngược lại, tên truyện "Hậu Chí Phèo", của Thành Phạm lại do chính bác Trần đặt. Lúc đầu tác giả định đặt là *Tạp lục Chí Phèo*.

Hồi ấy ở huyện ven biển Nam Định, trong khi làm thủy lợi, người ta

phát hiện ra bộ xương lớn. Anh Kháng Nguyễn, Trưởng phòng Khoa học, báo cáo tin đó với bác Trần. Cứ như anh Kháng Nguyễn nói, thì đây là bộ xương con khủng long.

Nghe xong, bác Trần rất mừng, quê mình phát hiện ra khủng long. Vốn cẩn trọng, bác Trần hỏi đi hỏi lại ông Trưởng phòng Khoa học. Sau cả tuần, anh Kháng Nguyễn vẫn như đinh đóng cột, các nhà khoa học khẳng định là khủng long. Lúc này, bác Trần phấn khởi quá. Bác so sánh, phát hiện trên ngang bằng sự kiện Hoa Kỳ phóng tàu vũ trụ A pô lô. Vậy là Nam Định quê bác không phải vùng đất biển mới bồi, như lâu nay người ta vẫn nói, mà nó phải có lịch sử tới cả vạn, triệu năm. Tự hào quá, một miền đất văn vật và văn hiến!

Bác gọi điện về cho lãnh đạo xã, huyện, dặn dò phải có kế hoạch chu đáo cho sự kiện này. Cứ như bác Trần tiên đoán, thì tới đây, cả vạn, triệu khách sẽ đổ xô tới tham quan con khủng long. Không lo trước, người ta đến du lịch, giẫm nát hết lúa. Xã, huyện phải quy hoạch vài sào, không, phải vài ha để làm nơi tham quan cho khách.

Hỡi ôi, tin từ ông Trưởng phòng Khoa học là tin vịt. Bộ xương kia chỉ là cốt con cá voi. Thôi, thế là vùng đất văn vật ven biển Nam Định vừa nâng cấp lên vạn, triệu năm, lại bị hạ xuống còn vài ba trăm năm tuổi. Trước sự thật lịch sử phũ phàng ấy, Bác Trần rất bực, bực đến mức vắng cả tục ra với ông Trưởng phòng Khoa học. Ông lão nhà thơ Trần Thụ *ngày xưa đi cày* và anh Kháng Nguyễn nay đều đã mất. Họ thành những người ngày xưa rồi.

## **Bụi vết tháng năm**

### **CHƯƠNG VI - HỦ HOÁ HỐI LỘ ĐÂY**

#### **41. Hủ hoá ở**

Năm ấy tôi quăng mười bốn, mười lăm, ra Hà Nội chơi. Lúc đó tôi còn trẻ con và quê mùa lắm. Nhìn Hà Nội cái gì cũng lạ. Một buổi trưa, tôi đang lơ mơ, chợt nghe tiếng rao vòng vọng ngoài phố. Thấy lạ, ngồng tai lên nghe, đúng, tôi không nghe nhầm:



- Hủ hoá ơ!

Lạ thật. Ở quê cái chuyện này nghiêm trọng lắm. Người ta chỉ dám thầm thì rỉ tai nhau. Thỉnh thoảng tôi nghe trộm được bố mẹ to nhỏ kháo nhau, ông này, bà kia hủ hoá với nhau. Những chuyện này là tà đình. Thế mà ra Hà Nội, người ta công khai rao giữa phố phường. Kìa, lại nữa:

- Hủ hoá ơ!

Tận đến khi kẻ rao dạo kia đến trước nhà, tôi mới hay rằng, mình nghe nhầm. Người ta rao, chữa khóa ơ!

Theo định nghĩa từ điển Hán Việt của cụ Đào Duy Anh thì hủ hoá, nghĩa là hoá ra hủ bại. Còn một thời ta hay dùng theo nghĩa đàn ông và đàn bà quan hệ bất chính với nhau, tức là thông dâm. Một thời, hủ hoá là một trong những loại tội nặng, chỉ sau tội *phản động*. Hủ hoá mà rình bắt được quả tang, có khi còn bị giữ nguyên hiện trạng, cứ thế lập biên bản.

Có khi chỉ vì chuyện hủ hoá, nhiều cơ quan, đoàn thể dành cả tuần, cả tháng họp hành, kiểm điểm. Họp kiểm điểm sâu sắc đến mức, người ta bắt cả đôi uyên ương kia tường trình từng ly, từng tý. Lắm khi việc tường thuật sống động quá, người nghe phát ngượng, yêu cầu đương sự đừng mô tả nữa. Một thời gian dài, hủ hoá cướp đi khối cán bộ. Nay, hình như nó bớt đi. Có người bảo, người ta bây giờ bớt dâm, có người bảo, bây giờ vẫn dâm, nhưng do sẵn anh karaoke, nên người ta bớt hủ hoá đi. Chả rõ tin ai.

Về nhà Đài, tôi được một anh chỉ cho biết cái cô hủ hoá và bảo cô được phong đến hàng *Dũng sỹ diệt cán bộ*. Chuyện này hồi đó làm ra to phe lắm, họp hành và nhiều tổ chức kiểm điểm nữa cơ. Còn một vụ khác, người ta bắt tươi một đôi làm cái việc xấu xa kia ở ngay trụ sở cơ quan. Không rõ họ có để nguyên trạng và trói gô cổ đôi kia lại, lập biên bản không. Hôm đó anh em các phòng ban bỏ cả công việc, nô nức đến tận hiện trường, xem hai kẻ vô văn hoá và đòi truy kìa, xem cho nó xấu hổ, mà chữa đi.

Tôi từng được nghe câu, phàm những giống gì nuôi đều thịt. Đúng, gà nuôi, thịt; lợn nuôi là thịt. Người nuôi, như em nuôi, cháu nuôi, con

nuôi, cũng thịt ư? Thế mà có ông thịt đấy. Cô con nuôi bị ông bố thịt, tôi biết mặt, biết tên, biết phòng. Ông này từng thịt người rồi, mà hay nói đạo đức đáo đẽ, có khi còn lên lớp về đạo đức phi hủ hoá.

Lại có một ông khác ở cơ quan, ông này hủ hoá bằng mắt và anh em đặt luôn tên cho ông ta là Yêu Xô. Cái nhà vệ sinh ở cuối dãy tầng. Tôi phải miêu tả kỹ nó cho mọi người dễ hình dung. Nó được ngăn đôi, một cho nam, một cho nữ. Qua nhà nam mới tới nhà nữ. Trước nhà nữ có bể và vòi nước. Ngày ấy cửa giả còn sơ sài, đứng trước bể nước là nhìn thấy hết phía trong. Thực ra, bể này chỉ để mấy bà dọn vệ sinh lấy nước lau chùi hành lang và sàn nhà, còn bên trong, nhà nào cũng có vòi nước cả.

Buổi trưa sau khi chợ mắt xong, ai chẳng đi vệ sinh. Cái ông Yêu Xô này cũng vậy, nhưng ông ta vốn cẩn thận tính, ngoài rửa mặt ông ta còn đánh răng trưa và rửa ráy nhiều thứ lắm, chải đầu, cạo râu nữa. Rửa nhiều, nên ông ta thừa hẳn cái xô đổ chót và mang đi cùng. Đã giới thiệu ở trên là nhà nam có vòi nước chảy rồi, nhưng ông ta cứ mang xô ra vòi ở chỗ bể để hứng nước. Nước ngày trước vốn chảy yếu, mà có khi ông này còn vịn cho nó yếu đi. Hứng như thế được đầy xô nước, có mà cả tiếng. Cửa nhà nữ nó cứ hở hênh, không kín đáo được bên trong.

Có lần một đồng nghiệp nữ ở phòng tôi, mặt đỏ rùng rục, chạy về. Tôi hỏi thì cô ta ngắc ngứ như người phải gió, chẳng nói gì, nhưng vẻ tức và ngượng quá. Tôi nghĩ, hay đồng nghiệp mình bị đũa nào bắt nạt. Gặng hỏi, để nếu có đũa nào, thì tôi đánh cho nó một trận. Mãi sau này, tôi mới nghe vụng được mấy bà, mấy cô xì xầm nhau, họ tức việc cái nhà ông kia, nhòm trộm khi họ đang ấy.

Tức là đúng, nhưng ông ta là quan, lính không dám phản ứng. Cả tầng có mỗi cái nhà nữ, mà ông ta cứ án ngữ cả tiếng, thì ai chịu nổi. Có trưa chính mắt tôi nhìn thấy, khi ông này xách xô đến hứng nước, chị em như vịt từ trong ấy chạy ra. Sau đó, chị em rút kinh nghiệm, chuyển lên tầng khác. Ông này khôn ra phết, cũng biết rút kinh nghiệm, thấy chị em chuyển tầng, ông ta chuyển theo.

Một dạo, ông ta chả duyệt, hay ký cốt bài vở gì cả, suốt ngày chỉ xách xô đi hết tầng nọ, tầng kia hứng nước. Nghe nói, có bận lên tầng năm, cửa nhà nữ trên ấy hơi cao, ông này phải kiễng chân lên

ngó, ngã, suýt bị gãy chân. May đấy, nó mà rơi từ tầng năm xuống, thì toi đời. Thôi chẳng nói chuyện này nữa, rơ quá, chỉ độc kể lại thôi, người kể đã thấy ngược, nói chuyện khác đi.

Một chuyến tôi tới công tác tại huyện vùng cao thuộc tỉnh giáp vùng Đông Bắc cũ. Ông chủ tịch huyện rủ sớm hôm sau lên rừng đi săn. Chúng tôi súng ống chuẩn bị sẵn, khoảng bốn giờ sáng đầy đủ trên xe. Xe ra tới cổng uỷ ban huyện, thì vợ ngay hai con chó đang chồm chồm lên nhau. Dù ánh đèn pha ô tô sáng quắc, dọi vào, chúng vẫn hỏn hển hỏn nhiên như không. Ông chủ tịch tức quá, văng tục. Gặp chuyện xúi thế này, thì còn sẵn bắn gì nữa. Chúng tôi đành quay xe về. Đấy, đến súc vật hủ hoá, mà còn xấu và người ta còn kiêng như vậy. Thảo nào....

Trong chuyến công tác ấy, tôi làm việc với một ông cán bộ huyện. Ông này tính nhộn, vui đáo để. Trong bữa rượu hàn huyên do ông tự bỏ tiền ra, lại tiếp ngay tại phòng làm việc của ông, rượu vào lời ra, anh em mang đủ chuyện ra bình. Tôi đã quan sát, thấy phòng làm việc của ông có cái tủ đứng oách hơn phòng mấy anh cán cùng chức như ông, chỉ vào cái tủ, tôi hỏi:

- Hỏi không phải, hàng ngũ chức sắc như anh, sao được phân cái tủ oách vậy.

Nghe tôi hỏi, ông tùm tùm:

- Cậu có biết, gốc tích cái tủ này là thế nào không? Nó là đồng phạm hai lần lật đổ chủ tịch đấy. Thấy nó xúi quá, ông chủ tịch kể nhiệm, thải nó ra. Thế là mình được hưởng cái.

Cái cái này ban đầu được kê ở phòng ông chủ tịch. Nó ba buồng, to lừng lững, cánh gỗ lát, khung gỗ lim, toàn loại gỗ tốt, gỗ đẹp. Ông chủ tịch huyện có năng lực, tháo vát và thẳng tính, chỉ mỗi tội, hơi máu gái. Bảo trong một huyện, không có mâu thuẫn, không tranh chấp ngôi thứ là không đúng. Có điều, nơi thì công khai, nơi thì ngầm ngầm. Cái huyện này cũng vậy, song sự tranh giành diễn ra ngầm ngầm thôi.

Ông bí thư sẵn ghét vị chủ tịch, vì cái tội ngang ngang, không theo ý ông. Bí thư liền lập mưu và giương ra cái bẫy trai gái. Một cô phục vụ

xinh đẹp được bố trí tạp vụ chè nước cho chủ tịch. Lửa gần rơm lâu ngày cũng bén. Một chiều thứ bảy trời đột ngột mưa, chủ tịch không về nhà được. Cô phục vụ kia vì cũng vì trời đột ngột mưa, đành ở lại. Tối đến rồi việc, cô ta xách phích nước lên phục vụ chủ tịch. Ủy ban tối thứ bảy, trời mưa, nên vắng hoe.

Khung cảnh mời gọi như vậy. Mới đầu họ còn tâm sự tình hình anh em cán bộ ở huyện, sau đến hoàn cảnh riêng tư, rồi chẳng biết ai trước, ai sau, hai bàn tay họ cứ bện vào nhau. Và những việc kể tiếp khỏi phải kể.

Lúc đôi trai gái đang trong cảnh bông lai tiên cảnh, thì nổi lên những tiếng đập cửa thình thình. Ông chủ tịch huyện nhà ta đang tồng ngồng cuống cuống lên, chỉ kịp mặc mỗi cái quần đùi và dúi cô phục vụ kia vào trong tủ. Có mà giấu đằng trời, người ta âm mưu sắp sẵn cả rồi, ba bốn người súng ống kè kè, ủa vào. Cuộc khám xét chớp nhoáng được thực hiện ngay, cho dù ông chủ tịch huyện cương quyết phản đối.

Chưa kịp khám tủ, thì cô nhân viên từ trong tủ tự nhiên tòi ra. Ông chủ tịch hét đường chối cãi. Không thể bảo cô ta đến phục vụ, rồi nhảm đường, bước vào trong đó. Cũng không thể bảo cô ta vào đó dọn tủ. Biên bản viết sẵn, ông chủ tịch chỉ còn việc ký và... mất chức. Rồi ông thứ hai, hoàn cảnh sập bẫy cũng y chang, cũng ân ái mặn nồng và đang lúc lên tiên, cũng đang tồng ngồng thì tiếng đập cửa chan chát và lại cô nhân viên từ trong tủ tự dưng... tòi ra.

Đến đận, cái tủ tai tiếng quá, ông chủ tịch kể nhiệm không dám dùng. Khi nhậm chức, việc đầu tiên công việc chủ tịch huyện của ông là cho thải loại cái tủ kia đi, nó là thủ phạm làm hủ hoá đến hai đời chủ tịch.

Khoảng hai năm, sau ngày miền Nam giải phóng Bảy lăm, nước ta lúc đó kinh tế rất khó khăn. Trong khi miền Nam đất đai mênh mông, màu mỡ, nên các tỉnh rộ lên phong trào xây dựng kinh tế mới. Thường người ta tổ chức đi tập trung theo xã, theo huyện. Mỗi nơi vài chục, đến cả trăm hộ.

Quê tôi hồi ấy tổ chức đi thành đoàn, có cả cán bộ thị trấn đi cùng. Vùng kinh tế mới là Tây Nguyên. Không rõ làm ăn ra sao, nhưng

một, hai năm sau, vọng về nhiều tin đến kinh, trong đó có cả tin hủ hoá.

Mấy cô gái trẻ, có học có hành hẳn hoi, nay đến vùng rừng thiêng nước độc, sau một hồi lao động kinh tế mới, nhòm ra, tương lai chẳng thấy đâu. Nếu muốn phát triển, họ chỉ có con đường học y tá, hay vợ chân kế toán. Nơi hoang vắng này, quyền uy cán bộ to lắm, các ông ấy mà không gặt, thì cứ chờ đấy. Muốn họ gặt, phải có giá. Một trong những cái giá đó là... hủ hoá. Có mấy cô đành nhắm mắt đồng ý hủ hoá để thoát thân.

Chuyện gì thì giấu được, chứ chuyện này, nó vòng vọng về quê. Đến mức, có gia đình, con gái bị mấy ông cán bộ kia hủ hoá cho, tức quá tuyên bố, cái thằng ấy mà về đây, thì.... bố thiếu.

Doạ đấy thôi, giết được ai đâu. Vài năm sau, vẫn thấy ông cán bộ kia về thăm quê. Ông ta còn mang theo cái sản phẩm hủ hoá về cùng, đưa trẻ đến mấy tuổi. Lúc này, kẻ hủ hoá lại thành chàng rể, có ông bố vợ nào đang tâm đánh, giết rể đâu, dù chàng rể đã ngang tuổi bố vợ và từng hủ hoá với con gái mình. Chỉ có cô con gái nước mặt sậm sùi!

Hồi ở trường, lớp tôi có đôi yêu nhau. Dịp ấy là nghỉ hè, sinh viên phải đến trường trực bảo vệ một ngày. Đôi kia đăng ký lịch trực giáp nhau và cùng có mặt ở ký túc xá. Hôm đó thầy Phó khoa đi kiểm tra, thấy phòng trực không có ai, nhìn danh sách, thầy biết mặt và biết phòng ký túc của anh chàng trực hôm đó, liền chạy xuống phòng anh ta tìm. Khi thầy gõ cửa và bước vào phòng, thì hai cô cậu đang âu yếm nhau quá. Thầy quay ra. Anh chàng kia hoảng loạn, chỉ kịp mặc quần áo và vội vã chạy ra, lắp bắp xin lỗi thầy. Thầy bảo, thầy có lỗi gì đâu mà xin và nhắc anh chàng kia rút kinh nghiệm. Anh chàng sượng quá, cảm ơn thầy rồi rít, hứa sẽ nghiêm túc rút kinh nghiệm, không bao giờ dám thế nữa. Không biết anh chàng rút kinh nghiệm được những gì và không bao giờ dám thế nữa. Chỉ biết đôi này phải tổ chức cưới ngay trong trường và sinh con đúng vào thời kỳ làm luận văn tốt nghiệp. Giờ vợ chồng họ sống ở Thanh Hoá.

## **Bụi vết tháng năm**

## CHƯƠNG VI - 42

### Vật ra làm thuế

Mẹ tôi là dân buôn bán gốc. Mười hai, mười ba tuổi, bà đã gánh hàng đi chợ. Suốt trong cuộc kháng chiến chống Pháp, bà hết buôn bán ở vùng tự do, đến vùng tề. Sau này, chỉ đến khi ta tiến hành cải tạo công thương 1958, bà mới không buôn bán nữa và xin vào hợp tác. Tới năm bảy hai, do chiến tranh, xã viên tan tác mỗi người một ngã, bà quay lại nghề buôn.

Bà buôn từ thuốc Lào, thuốc lá, vải, giấy, đến thuốc Tây, toàn thứ Nhà nước cấm. Nguồn hàng, lại chính từ các cửa hàng Nhà nước tuồn ra. Máy ông phòng thuế, tài chính biết, nhưng họ ăn cả rồi. Ăn tiền thì ăn tiền, họ vẫn sẵn bắt, lòng đuổi. Bởi nếu vớ được, họ còn kiếm hơn, nhiều khi cướp trắng hàng, gọi là tịch thu.

Vào dịp nghỉ hè tôi thường phụ giúp mẹ chở hàng. Mẹ gom hàng từ thị trấn Vĩnh Bảo, tôi chở về nhà. Một lần đèo súc vải, đã né tránh và tính giờ sao cho an toàn, vừa đèo được dăm cây số, ngoái lại nhìn, tôi thấy mấy ông phòng thuế đang phi theo. Toát mồ hôi, tôi vội vàng guồng lái guồng để, tẩu thoát. Từ đường cái, lao vào đường làng, tôi ngoằn ngoèo chạy các ngõ, được một lúc, quay lại, không thấy ai nữa.

Đã thở phào nhẹ nhõm, bất ngờ, phía trước, phía sau, lù lù mấy ông phòng thuế. Tôi bị họ tóm cổ, giơ về trụ sở. Hết lời xin xỏ, trình bày, rằng các chú đã biết mẹ cháu, rồi cháu mới đi lần đầu,... đều vô dụng. Họ vẫn lạnh lùng, hàng bị tịch thu, không giấy tờ biên nhận, còn bị xỉ vả cho một trận. Nhục, nhục thật, mình cũng là người, lại ăn học, mà phải hạ mình.

Về những người này thì tôi biết, biết họ ngay tại chính mảnh vườn nhà tôi. Nhà tôi án ngữ bên đò Ảnh, một địa điểm lý tưởng cho cánh phòng thuế chặn gác những kẻ buôn lậu. Thế là nhà tôi thành địa điểm rình rập. Khó chịu đấy, mà nhà tôi tịnh không ai dám nói ra. Mẹ tôi buôn bán, còn chị dâu tôi người Sài Gòn, theo chồng ra ngoài này, mở cửa hàng may. Nhà như vậy, dây với họ là phiền.

Cái ngõ dẫn vào khu vườn sau nhà tôi. Cổng ngõ trông thẳng ra bên đò. Nơi đây mấy anh phòng thuế thường tụ tập, rình rập đám buôn lậu dưới đò lên. Cánh buôn lậu chạy đằng trời!

Phòng thuế ngày ấy canh gác gắt gao. Một bà đội nôi chân nước giải đi qua trước cửa nhà tôi, mấy ông phòng thuế nom thấy, nghi ngờ bà kia buôn lậu. Họ bắt bà ta dừng lại, hạ nôi chân xuống. Nước giải ngàu đục, nhìn xuống đáy chẳng rõ. Nghi ngờ, ông phòng thuế lấy que, khoắng khoắng, mùi khai sực nức lên. Bà kia bữu môi:

Cái mùi này cũng quẩn sao?

Quẩn tất, khám tất!

Đến nước này, câu tiết, bà ta xốc quần ngang bẹn:

- Còn cái này nữa, các ông có khám không?

Một buổi tối, tôi đi chơi về, ra sân sau rửa chân. Thoáng tôi nghe tiếng sột soạt, tiếng người thì ào. Hốt hoảng, tôi vội lia đèn pin vào mấy gốc cây. Trời ơi, có người, cả đàn ông lẫn đàn bà. Hình như họ đang vật nhau. Ăn cướp? Giết người ư? Định hét lên, thì tôi nghe giọng quen quen:

- Không. .. không ... gì đâu. Các chú, các chú..... đang làm thuế. Thì ra mấy ông phòng thuế. Rình chán ban ngày chưa đủ, họ còn rình cả ban đêm. Chắc họ mới chộp được mấy chị chàng buôn lậu thuốc Lào từ dưới đò lên, đem vào vườn, vật ra làm thuế.

## **Bụi vết tháng năm**

## CHƯƠNG VI - 43

### Tao không ăn cướp

Ta bây giờ có cả một uỷ ban chống tham nhũng. Như thế quá đúng. Chuyện tham nhũng, hối lộ, không phải ở ta, mà ở Tây, Tàu đều có tuốt. Không chỉ bây giờ, mà tham nhũng, hối lộ xảy ra từ cổ chí kim. Câu chuyện xưa có ông quan tuổi Tý, đến khi về hưu, bà vợ đem con chuột bằng bạc người ta hối lộ bà trước đây, kể với chồng. Ông chồng cứ tiếc, ông trách sao bà không khai ông tuổi trâu. Ai trong chúng ta chẳng từng nghe chuyện đó.

Tham nhũng, tham ô là xấu.

Lại kể về ông chú hiệu trưởng của tôi. Ông là người có tiếng liêm khiết, sống khá ngang. Ngang tới mức, người ta kèm thêm tên ông chức Chánh mà gọi. Mấy năm tôi sống ở nhà ông. Sống gần, nên tính tình ông tôi khá rõ. Ông thường nói với cháu con:

*Ăn cơm mắm cáy thì ngáy o o!*

*Ăn cơm thịt bò thì lo ngay ngáy!*

Bài học đạo đức của ông với con cháu đơn giản quá. Song học được, thì hơi khó. Ăn cơm thịt ngon hơn chứ!

Một lần, ông giúp ai việc gì đó, sau người ta mang túi quà đến nhà biếu cho bà vợ. Bà đem chuyện kể với chồng. Nghe vậy, ông quắc mắt bảo:

- Không biết! Bà đem trả ngay người ta.

Bà vợ vừa tiếc của, vừa bực mình, vừa bị trận chồng xỉ vả, vẫn phải cum cúp mang quà đi trả. Cái vụ ấy tôi cứ tiếc, nghĩ, giá như bà im đi, ông chồng đâu biết. Dù sao ông đã giúp người ta, việc xong rồi.

Một năm vào dịp tết Nguyên Đán, quăng hai tám, hai chín. Vợ chồng và con cái chú thím tôi đã về quê ăn tết, chỉ mình tôi còn ở lại. Tôi



đang dở công việc, về sau. Sáng hăm chín đang ngon giấc, thì bị đánh thức bởi tiếng gõ cửa đùm đụp. Choàng tỉnh, tôi hoảng hốt tưởng có việc cướp.

Trời còn tối, lại nghe tiếng người ngoài hành lang, không vội mở cửa, tôi cẩn thận bật điện ngoài hành lang lên. Bên ngoài thấy có người đang đứng. Ông ta ngập ngừng hỏi chú thím tôi. Biết họ đã về quê, khách vẫn nhờ tôi mở cửa cho ông vào. Nhìn chỉ có mình ông, lại thấy người chân chất, tôi đành mở cửa.

Ông khách xách theo chiếc bu gà, bên trong có con gà trống to tướng, đến hai cân rưỡi. Ông trình bày mình có con gà quê, tết đến biếu chú thím tôi. Tôi đăm lúng túng, không biết xử lý ra sao, đành bảo sau tết, chú thím tôi lên, ông quay lại mà biếu gà quê. Đun đầy mãi, cuối cùng, trước lời nài nỉ của ông, nể quá, tôi đành nhận chiếc bu gà quà biếu.

Trao con gà xong, ông khách cũng vội ra bên, đón xe về quê ăn Tết. Nhận quà, nghĩ lại, tôi thấy lo lo, ông chú có chịu nhận quà hối lộ không, song tặc lưỡi, thôi Tết lên hăng hay. Đặt bu gà vào nhà tắm, chuẩn bị cho nó bát cơm, chậu nước, tôi còn cẩn thận đề lên chiếc thớt.

Mùng ba tết tôi mới lên. Vừa tới hành lang, bà thím chặn lại thì thầm, chú mày đang hỏi con gà đấy. Liệu mà ăn nói với ông ấy. Tôi biết ăn nói sao đây. Đúng là quà biếu, đúng của hối lộ rồi, thôi thì cứ đành sự thật, nào cháu có biết họ là ai đâu, chuyện lại xảy ra vào tờ mờ sớm, cháu nửa thức nửa ngủ, ông khách thì vật nài là gà quê... Nghe cháu trình bày một hồi, ông chú lặng thinh, mặt khó đăm đăm. Bà thím dàn hoà, thôi, bây giờ biết trả ai. Nghe vợ nói vậy, ông chú chỉ còn biết trút bực lên vợ:

- Bà thì...

Chiều ấy hai thím cháu tôi hì hụi thịt con gà. Lúc dọn cơm ra, tôi lấy chai rượu vừa mang từ quê lên. Rót rượu cho chú, rót rượu cho mình, tôi vẫn hời hợt, ngắm ngòm quan sát ông chú. Lúc này thái độ của ông không còn khó đăm đăm nữa. Trong bữa ăn, tôi thỉnh thoảng thấy ông cũng gấp thức ăn, lúc miếng gà luộc, lúc miếng lòng xào, nhưng không thấy ông chú khen thịt gà ngon. Thôi thì nó cũng là

prôtít. Dù là prôtít gà hồi lộ, hay prôtít gà nhà mình nuôi, nó có tội tình chi mà ghét bỏ, không ăn nó!

Năm về hưu rồi, ông gọi khách bán căn hộ tập thể để xây nhà. Trước đó ông tụ tập mấy đứa cháu. Trong bữa ăn, ông nói ý định sẽ xây nhà và tham khảo các cháu. Ông giáo trước mức đầu tư căn nhà, nó vừa bằng số tiền sẽ rao bán căn hộ.

Lũ cháu được chú hỏi ý kiến, nhao nhao đóng góp. Đứa thì bảo xây kiểu thế này, vật liệu thế kia, toàn loại xịn. Cứ theo các cháu, mức đầu tư tăng lên gấp rưỡi, gấp đôi số tiền căn hộ sẽ rao bán. Nghe các cháu góp bàn, ông chú lắc đầu. Các cháu thuyết phục, tiền ít như vậy, nhà sẽ lom nhom lắm. Mặc các cháu thuyết phục, ông vẫn bảo lưu ý kiến. Thấy vậy, tôi gặng hỏi:

- Thế nhà chú không còn khoản nào nữa ư?

- Không!

Ơ hay thật đấy! Trong thâm tâm từ lâu vẫn biết, ông là người bôn, nhưng giữ thì giữ chứ, làm gì mấy chục năm hiệu trưởng, đầu tư bao công trình, chả lẽ ông không chắt mút được tý gì. Chỉ cần cái phết phẩy phần trăm, phần ngàn thôi, là có khoản vài trăm triệu giắt túi. Giờ về hưu rồi, còn sợ gì nữa, mà giữ tiếng. Tôi đánh bạo:

- Thế... chả lẽ trước đây, chú không...

Nghe cháu nói vậy, ông quắc mắt:

- Không, không làm sao. Mà bảo tao không ăn cướp được phải không?

Ông chú tôi chắc lại ám ảnh sợ câu: *Cướp đêm là giặc cướp ngày là quan*, nên làm quan, ông đã không dám ăn cướp ư?

Chú tôi sống khác người, đó là việc riêng của ông ấy. Tại khu tập thể trường, ông hiệu trưởng ở gian phòng cấp bốn, nằm tít góc cuối trường, rộng hơn chục mét vuông. Hết giờ làm, chú tôi thú nhất chơi bóng chuyền, về đến phòng riêng là không muốn gặp gỡ ai, nhất là phụ huynh và đám học sinh.

Chắc ông nghĩ, phụ huynh, học sinh tới thăm, tình cảm thì ít, mà mang quà biếu là nhiều, nên ông chủ động nuôi con chó lai rất to. Ông đặt cho nó một cái tên Tây và rất yêu quý nó. Con chó thường được thả luẩn quẩn trước sân nhà. Nhiệm vụ của nó là ngày ăn mấy bát cơm và nhìn thấy ai bèn mặng đến gần nhà là sủa và xô ra cắn.

Con chó dữ lắm, bất kể ai, nếu không có mặt chủ, là cắn liền. Nhà người ta như vậy, đi biếu quà, chẳng lẽ khách cứ réo to, gọi chủ thì lộ ráo, mà liều mình vào, không thoát nổi con chó dữ dằn kia, nó chắc sẽ cắn đau. Biện pháp của ông xem ra rất hiệu nghiệm.

Người ta bảo chó nó cũng biết chọn người mà cắn, những người sang, thì nó nhàn ra. Đàng này con chó kia rất ngu, khách nghèo, sang nó cắn tuốt. Một hôm, ông chủ tịch tỉnh miền Trung đến thăm ông chú tôi. Lý do là đưa con ông vừa được nhận vào trường. Nhân chuyến công tác ra Hà Nội, để biếu thị lòng biết ơn ông hiệu trưởng, ông chủ tịch tỉnh tạt vào thăm. Khi đi, ông không quên mang gói quà to tướng.

Chiếc xe con đẹp xịch đỗ giữa sân trường, ông chủ tịch ngổn nghện xách gói quà vào nhà ông hiệu trưởng. Đã là chủ tịch, mà lại chủ tịch tỉnh, còn sợ ai. Ông có đầu ngò, đón tiếp ông là con chó lai to. Không biết ông là ai, gói quà giá trị đến đâu, vừa thấy người nghênh ngang bước về phía nhà chủ nó, con chó xô ra, xoi luôn cho ông khách kia một miếng. Chó cắn, lại chó to, ai chẳng đau, chẳng hoảng. Mãi đến khi chủ nhà ra quát, nó mới chịu buông ông chủ tịch tỉnh ra.

Xin lỗi rồi rít khách, ông chú tôi mời vội khách lên văn phòng, lại còn thông báo mấy cán bộ trong trường cùng tiếp. Tiếp đón đông vui, công khai thế, ông chủ tịch tỉnh khó mà biếu thị được tấm lòng riêng. Chẳng lẽ đi biếu quà, con chó đã làm ầm lên, rồi chủ đưa ra công đường, có mấy người cùng tiếp, khách chả tiện chuyện biếu xén.

## **Bụi vết tháng năm**

### **CHƯƠNG VI - 44**

#### **Nhận hồi lộ ly cam vắt**

Có kẻ ví nghề báo là nghề đâm thuê chém mướn, hay thổi kèn. Ví thế là bậy. Có dịp cứ nghe điện thoại của một ông bạn là tôi kinh. Thôi lại kiện cáo rồi.

- Ông cứ viết cho tôi một bài. Đánh cho chết bỏ mẹ nó đi....

Ồi giờ ơi, cái anh nhà báo, đánh được ai đâu!

Tôi vài ba lần tham gia đánh tiêu cực. Nói chung, dẫy vào việc này hơi mệt, chịu nhiều áp lực. Chỉ riêng áp lực từ đồng nghiệp báo bạn đã nhức đầu, chưa kể từ người bị đánh.... Áp lực tới mức, có lần đánh, tôi phải sắm mũ bảo hiểm, đề phòng bị tạt a xít, giờ đi làm, giờ về nhà và đường đi, phải thường xuyên thay đổi. Tôi từng viết tay một bản đề phòng, chỉ ra tên thủ phạm, cất vào trong ngăn tủ cơ quan và dặn chỉ Yến, Trưởng phòng, nếu có việc gì bất trắc xảy ra với tôi, thì chị lấy ra, đưa cho công an. Bạn ấy mấy anh xã hội đen đã hỏi thăm thông tin về tôi. May họ hỏi đúng vào chỗ người quen, mà tha cho.

Đó là vụ tôi xông vào "đánh" ở Bộ Ngoại giao. Sau vụ này tôi chờ dẫn hơn năm, chẳng còn thiết viết lách gì. Lúc ấy hai địa chỉ gần như kiêng kỵ là công an và ngoại giao. Biết là tham những đấy, nhưng tư liệu mình có, hơi mỏng. Chúng tôi xác định chiến thuật: bám lưng địch mà đánh, vừa thi công vừa thiết kế, dương đông kích tây,... Nghĩa là mang các bài học, từ tân hiện đại đến cổ học Trung Hoa ra triển khai.

Bay vào thành phố Hồ Chí Minh, tôi gặp ông cựu Cục trưởng Nguyễn Công Quang. Ông Quang từng bị họ đánh tơi tả, suýt phải vào tù. Gặp ông, quả thật sao trong tôi thấy ái ngại thế. Ông cựu cục trưởng trên vai toồng teng gánh đất, mình trần, chỉ đánh cái xà lòn khoe nước da nâu bóng.

Mãi tới khi nói chuyện, mới hay, ông vẫn lạc quan và tính rất Anh hai Nam bộ. Chúng tôi tới làm phu nhân cục trưởng cảm động phát khóc. Bà nói, chúng tôi đến làm vụ này là do ông Quang ở hiền gặp lành,

Trời, Phật phù hộ. Phật, Thánh đâu chưa biết, chỉ biết rằng, sau vụ bị đánh, ông phải bán hết gia sản ở Hà Nội, lánh nạn vào Nam. Vợ chồng mua mảnh đất ngoại ô. Lúc ấy đất rẻ. Đùng một cái, trước cửa nhà ông, con đường lớn chạy qua và đô thị Sài Gòn mở rộng, đất nhà thành đất vàng, đất kim cương.

Chỉ huy và tham vấn vụ đánh này là sếp Hoàng Văn, Trưởng ban của tôi. Còn thực hiện là tôi và Chiêu Chiêu Lý, một đồng nghiệp trong Ban. Bút danh Chiêu Chiêu Lý do anh em vui vẻ đặt cho và Lý cũng vui vẻ nhận. Lý là con gái rựu cựu Tổng thư ký hội Điện ảnh.

Trong quá trình điều tra, chúng tôi có cả công văn xin được gặp Thứ trưởng Bộ, nhưng không thấy hồi âm. Vụ đánh này, sếp Hoàng khá cẩn trọng và cũng hơi lo. Trong khi đó, thì tôi và Lý nhiều lúc lại bỡn cợt. Một lần, kẻ bị đánh kia xin gặp riêng chúng tôi. Phương châm, bám lưng địch... , nên chúng tôi đồng ý gặp. Trước đó, chúng tôi báo cáo với sếp Hoàng. Trong khi báo cáo, Lý đùa đùa:

- Nhỡ chiều nay gặp, họ đưa tiền, thì sao...

Sếp nghiêm sắc mặt:

- Cô, cậu phải tuyệt đối giữ gìn.

Lý nhìn sếp, cười cười:

- Giữ gìn là giữ gìn cái gì. Nếu họ đưa năm nghìn đô...?

- Tuyệt đối không nhận!

Lý tiếp tục:

- Nhỡ họ đưa hơn nữa thì sao, mười nghìn chẳng hạn?

Sếp liếc quắc mắt:

- Tôi cảm. Tuyệt đối cảm các cô các cậu!

Chúng tôi đùa sếp tý thôi, chứ giống đánh mà ăn, thì đánh được ai. Và đã đánh mà ăn là hóc. Muốn ăn thì chỉ đánh bằng báo dọa hay báo thổi kèn thôi.

Nơi hẹn gặp nay là nhà hàng, nằm ngay ngã tư Lý Thường Kiệt và Hàng Bài. Tôi và Lý cùng đi. Đến nơi, chúng tôi lượn một vòng, quan sát trước. Khi tiến vào, nhân vật kia hấp tấp đứng lên, nhũn nhặn ra chào. Chờ khi an toạ, người ấy hỏi chúng tôi, dùng đồ uống gì. Tôi lưỡng lự, có nên từ chối không? Nhưng nghĩ, như thế hơi khiếm nhã. Đang nghĩ vậy, Lý lên tiếng:

- Anh cho ly cam vắt!

Trong lúc chờ, người mời chúng tôi như vô tình phát hiện ra người quen. Anh ta gật đầu chào và đứng lên, bước về phía ấy. Sau khi chào hỏi nhau, rất tự nhiên, ông khách kia tiến lại phía chúng tôi, một cử chỉ lịch sự chào đáp lễ. Khi bắt tay nhau, chúng tôi được nghe giới thiệu về ông ta. Cứ như lời giới thiệu, thì ông này to cấp tá, cấp tướng, chức vụ cục trưởng, cục phó gì đó ngành công an. Thôi rồi, phép cáo núp oai hùm, tôi nghĩ bụng. Nghe giới thiệu, Chiều Chiều Lý cười, hỏi luôn:

- Ở, thế sáng nay anh có dự cuộc họp của Bộ không. Trong cuộc làm việc, đồng chí Thứ trưởng bộ anh thông báo nhiều vấn đề lắm!

Lý nói rất tự nhiên, còn ông khách hơi lúng túng. Chẳng rõ ông ta nói gì, sau đó xin phép trở lại bàn mình. Tôi nghĩ bụng, chả rõ sáng nay có cuộc họp của *bộ anh không*, hay cái bà Lý này phịa chuyện ra để trở lại ông quan to kia. Thôi, thế là phép cáo núp oai hùm thành công cốc.

Buổi đó chúng tôi nói chuyện khá lâu, chủ yếu nghe người kia trình bày. Trình bày dài lắm, dài đến mức chỉ nhắm nháp, mà ly cam vắt cạn đến gần đáy. Chợt nhìn ly nước cạn, người kia vội hỏi:

- Ở kìa, anh chị dùng thêm chút gì nữa chẳng?

Tôi lắc đầu. Không ngờ Lý lại bảo:

- Anh cho ly cam vắt nữa.

Nghĩ bụng, sao con mẹ này tham thế. Tham không đúng nơi đúng chỗ. Dù có khát, cũng phải cố mà khước từ. Cuộc giải bày tâm sự của người kia và việc bám lưng địch mà đánh của chúng tôi kéo dài thêm khoảng ba mươi phút nữa. Thấy đã khai thác thêm được một số tư liệu, tôi chủ động ngắt lời, xin phép dừng ở đây. Vừa nghe thế, ông khách cười rất nịnh:

- Ô kìa! Hôm nay tôi mời anh chị dùng cơm cơ mà!

Đến lúc này tôi cương quyết từ chối, không để cái bà Chiều Chiều Lý dấm dớ, nhớ ra nhận lời đi ăn cơm, thì há miệng mắc quai, nó lại vu cho mình ăn hăn của nó một bữa cơm.

Sau cuộc tiếp xúc trên, tôi nhận được khá nhiều cuộc điện thoại của người kia và những người ở đâu đâu đâu, hẹn ăn cơm và hẹn nhiều thứ lắm.

Có ông nhà văn và là Tổng biên tập một báo, từng mời tôi xơi cơm ở Lake Side hotel và xin mượn cho mấy kẻ kia. Ông này cách đây độ dăm, ba năm, mới bị mất chức vì tài chính. Thế nhưng, các phóng sự về vụ việc vẫn tiếp tục được phát trên Đài và đăng trên nhiều báo khác, như Pháp luật, Hà Nội mới, Nông nghiệp,... Trong vụ viết bài chống tiêu cực này có hai phóng viên báo bạn tham gia tích cực là Mai Loan, trước ở phòng Phụ nữ nhà Đài, lúc đó là đại diện thường trú báo Pháp Luật tại thành phố Hồ Chí Minh và Lê Việt Hùng, báo Nông nghiệp.

Một hôm, tôi nhận được điện thoại của một vị Phó tổng gọi lên trình bày vụ việc. Gặp sếp, tôi trình bày tỷ mỉ quá trình điều tra và tỏ rõ thái độ, quan điểm của mình trước vụ việc. Nghe xong, sếp thông báo, người kia cũng đến trình bày với sếp rồi. Cuối cùng sếp nói: Có thông tin ... các cậu nhận tiền. Tôi còn nghe, chính người kia nói.

Nghe thấy vậy, tôi điếng cả người. Biết trình bày thế nào đây. Trầm giọng xuống, tôi nói với sếp:

- Nếu vậy... tôi đề nghị, đồng chí cứ bảo anh ta, tố cáo chúng tôi với các cơ quan chức năng. Họ sẽ điều tra tất cả vụ việc. Còn chúng tôi, xin cam đoan, không hề nhận bất cứ một thứ gì. Tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước những việc đã làm.

Nói tới đây, tôi bình tĩnh trở lại...

- Ngoại trừ... hôm trước, gặp họ ở nhà hàng, tôi... à... em và Chiều Chiều Lý có nhận hối lộ của họ ba ly cam vắt, em một ly và Lý, hơi tham, uống tới hai ly.

## Bụi vết tháng năm

### CHƯƠNG VI - 45

#### Tôi mơ ước là con chó

Kẻ nhận hối lộ thì không rõ thế nào, thích hay không thích và nhiều hay ít kẻ thích. Những phải đi hối lộ, thì chắc chắn khối người chẳng thích tý nào, vừa xấu hổ, vừa nhục, vừa tiếc của.

Tôi là một trong những người từng phải đi hối lộ. Âm ảnh chuyện ấy sâu đậm đến mức, sau này cánh sinh viên thực tập, hay học việc ở Phòng, tôi chẳng bao giờ nhận, dù chỉ một bữa bìa chúng mời. Nếu có điều kiện, còn cố gắng viết cái nhuận bút vài trăm ngàn cho chúng. Cứ nghĩ, ăn uống thế, bằng ngang ăn cứt sốt trẻ con.

Năm ấy tôi mới ra trường, về làm hợp đồng miệng tại Chi cục thú y. Ở Chi cục chẳng ai gạ gẫm tôi hối lộ đâu, toàn những người tốt cả, như chú Phó giám đốc, Phó tiến sỹ học ở Tây về, chú Triệu, Giám đốc. Khốn nỗi, mấy ông này tốt thật, hết lòng giúp thật, song ngoài họ ra, còn phải qua nhiều cửa nữa. Một cái cửa không thể không qua là Sở và tôi phải đến hối lộ cửa này.

Cái ông quan tôi phải hối lộ, tuy chưa bao giờ nghe thấy ông ta bảo tôi hối lộ, nhưng quà mang tới, bà vợ ta nhận thun thút. Những gói



quà từ nguồn thu nhập chết đói của tôi.

Lúc đó, thu nhập mỗi tháng của tôi là mười ki lô gạo, do Chi cục trả công hàng tháng. Ngoài ra là chỉ vàng mẹ tôi cho, bán đi, đem gửi ngân hàng, lấy lãi. Lãi suất ngày đó cao, tháng trên mười phần. Nguồn thu nhập nữa là tối tối đi gạ dạy dỗ trẻ, mấy đứa cấp một, cấp hai. Nếu so với giá cả hiện nay, thì mỗi tháng tổng thu nhập vào khoảng hai trăm ngàn đồng. Số tiền ấy, hai phần ba dùng để sinh hoạt, còn lại phải đem đi hối lộ. Hối lộ bảy mươi ngàn đồng một tháng, chính xác và đều đặn.

Căn hộ kẻ nhận hối lộ kia ở khu Liên Kim. Ông này người phương phi, cao trắng như Tây, đứng dáng ông quan. Mỗi tháng tôi đến nhà ông ta một lần. Khoảng bảy giờ tối, tôi như thằng ăn trộm, thập thò trực ngoài hành lang. Vào giờ ấy nhà họ đang xơi cơm. Tôi đồng tai lên nghe động tĩnh trong nhà, khi nào thấy tiếng dọn bát đĩa, đoán bữa cơm tối nhà người đã xong, tôi rụt rè gõ cửa. Cửa mở ra, khếp nép tôi xách túi quà vào.

Túi quà khi là cân xoài và gói bánh, khi là táo, hay dưa và tút thuốc lá. Nghĩa là giá trị không quá bảy mươi ngàn đồng. Gói quà được bà chủ niềm nở đón tiếp. Chả khách khí, bà xách ngay xuống bếp, gọt vỏ nó, rồi bày lên bàn. Quà hối lộ thật tiện cho nhà họ, có món tráng miệng sau bữa tối. Tôi vào nhà, ông chủ chỉ gật gật, không rõ có biết tôi là anh cu nào không. Lúc cả nhà tráng miệng, bà chủ không quên hào phóng mời kẻ hối lộ tráng miệng cùng. Tôi vội vàng từ chối, rằng mình cũng mới tráng miệng xong. Tôi chỉ không tâm sự ra, bữa cơm nhà bà thím mình đang sống nhờ toàn ăn rau muống, muối vừng, cần đếch gì phải tráng miệng!

Trong khi nhà họ nói cười, tráng miệng vui vẻ, thì tôi ngồi ngắm con chó lai Tây nhà chủ. Con chó to quá, cứ sục mõm xuống cái bát ô tô tú hụ những cơm, ruột lợn, phỉ bò,.... Nhìn con chó ăn, có bận tôi ao ước, giá mình được làm thân con chó lai kia. Thế thì tháng tháng, không phải đi hối lộ nữa, lại ăn sướng.

**năm**

## **CHƯƠNG VI - Chương kết**

### **Nhớ cánh vờ vờ trôi**

Dịp mới về Đài, tôi có chuyến đi công tác với một nhà báo đàn anh. Hai thầy trò tới một huyện thuộc tỉnh Hà Bắc. Chỉ một huyện thôi, mà chúng tôi cày kéo gần tuần. Giáo dục, y tế, thương nghiệp, công nghiệp, nông nghiệp,... không còn lĩnh vực, cơ sở nào không mò tới.

Lúc ấy, tôi thấy nghề báo oách thật. Xe ô tô đưa đi khắp cơ sở huyện. Còn tại phố thị, dân nhẩn mặt hai ông phóng viên. Hai nhà báo cứ máy ghi âm kè kè, lúc nào cũng có cán bộ huyện tháp tùng.

Tuy không nói ra, nhưng tôi sướng nhất là đám quà cáp cơ sở biểu. Nào lớp xe đạp, khi làm việc với công ty xuất khẩu ngoại thương, nào túi ba kích và xấp tắc kè khô, khi làm việc với ông công ty dược, nào bút Kim tinh khi làm việc với Hiệu trưởng trường Dân tộc, nào tấm vải trắng pô lơ lin khi làm việc với thương nghiệp, nào bao lạc vỏ tới ba mươi cân khi làm việc với phòng Nông nghiệp, nào.... Nghĩa là lấm lấm. Gần một tuần công tác, đồng quà biểu chúng tôi tha về phòng khách ở huyện, xếp đầy ngăn tủ, còn tràn cả lên mặt bàn. Có tới nhà báo đàn anh ngủ rồi, tôi nằm trong màn lén ngồi dậy, ngắm nghĩa quà. Sung sướng thật!

Sung sướng, nhưng tôi không dám nói ra. Chỉ bản khoản, hôm này về vào lúc nào đây. Một đôi lớp, hai túi ba kích, hai xấp tắc kè, bao lạc vỏ mấy chục cân, rồi vải, xà phòng,... chắc chắn phải khệ nệ khênh vác mới hết. Không lẽ cứ ngổn nghện vác quà trước bàn dân thiên hạ ư? Cả tuần hai nhà báo hoành tráng diễu phố, dân huyện biết mặt, biết danh. Nhà báo không lẽ đeo lớp lên cổ, lễ mễ xách ca táp căng đầy quà và khệ nệ khênh bao lạc, vậy trông đớ quá.

Chiều trước hôm chuẩn bị về, tôi lưỡng lự thăm dò:

- Anh này! Sáng mai chúng mình về vào lúc nhỉ?

- Tớ cũng đang tính.

Tôi định tư vấn cho nhà báo đàn anh, mình về thật sớm, ra bến ô tô từ từ mờ sớm, nhưng chưa dám. Đành ướm lời:

- Về muộn, em sợ .... nắng!

- Đúng! Nắng!

Đàn anh nhà báo gật gù, rồi lấp lửng :

- Mà khênh vác đám quà kia diều phố, kể hơi.... chương.

Được lời như cởi tấm lòng, tôi sốt sắng:

- Đúng, trông chả tiện chút nào!

Hai tư tưởng lớn gặp nhau. Chúng tôi chào cô quản lý phòng khách từ chiều tối hôm trước, sáng hôm sau, còn tờ mờ đất, chúng tôi đã vội vã rời phòng khách, mò mẫm ra bến ô tô huyện, đáp chuyến xe đầu tiên về Hà Nội. Trên xe, lòng tôi phơi phới với đống quà biếu. Tôi chẳng còn phân vân, ngượng ngùng và sợ hãi ai nhìn ngó thấy.

Phong bì, có người còn nâng lên thành văn hoá phong bì Việt Nam ta. Cưới hỏi phong bì, giỗ chạp phong bì, hội nghị phong bì, quà biếu, hối lộ phong bì tuốt. Làm báo, món phong bì thành khoản thu nhập của ổi người. Chuyến tôi và Chiều Chiều Lý cùng một số phóng viên báo bạn đi tìm hiểu Ban dự án xây dựng nhà máy xi măng Hải Phòng mới có chuyện khá hài. Chúng tôi túm được thông tin dự án có vấn đề, nên anh em kéo xuống. Khi phóng viên tới, cán bộ Ban dự án bắt buộc phải gặp, nhưng tiếp cảnh giác và hãi chúng tôi. Trước đó cánh nhà báo thống nhất, thái độ làm việc nghiêm túc, thông báo rõ giờ giấc, nếu họ mời ăn, cương quyết từ chối. Có người hỏi, nếu họ đưa phong bì thì sao. Người bảo không nhận, người bảo cứ nhận, nhưng cảnh giác.

Chúng tôi thực hiện như kế hoạch. Buổi làm việc diễn ra khá căng. Sau buổi làm việc, cán bộ Dự án mời chúng tôi dùng cơm, đoàn từ chối ngay. Chủ nhà rụt rè cuốn sổ lấp ló xấp phong bì, ngó thăm dò chúng tôi.

Nghĩ tới chuyện anh em bàn lúc trước, tôi nảy ra ý đùa, liền tươi tỉnh nhìn ông cán bộ lấp ló phong bì kia. Được lời như cởi tấm lòng, ông ta liền mạnh dạn đến trao phong bì cho từng nhà báo. Vừa nhận phong bì, tay tôi nhoay nhoáy xé ra luôn, rồi cẩn thận đếm từng đồng, đếm thành tiếng. Máy ông cán bộ ngạc nhiên quá trước hành động của tôi, mặt đỏ ra. Sau khi đếm xong, tôi nói to:

- Đúng năm chục ngàn nhá. Chưa phải mức hồi lộ. Xin cảm ơn các đồng chí!

Một dịp báo chí xì xầm địa phương nọ diễn ra đại công trường thủ công. Các chủ thầu như ngồi trên đồng lúa, công trình xây xong, địa phương chưa chả đồng xu nào.

Dịp ấy mấy nhà báo lên địa phương đó công tác, chúng tôi tới nhà riêng ông chủ tịch. Cái nhà ông này cũng buồn cười, nhà có bốn tầng, mà thừa hẳn quả cầu thang máy. Trước đó ông tính gỡ ra rồi, nhưng chưa kịp. Trong lúc chúng tôi ngồi nói chuyện ở phòng khách, đứa con nhà ông dùng thang máy chạy vào phòng khách hỏi bố gì đó.

Anh em nhà báo biết trước cái thang máy tai tiếng này, liền chạy cả ra xem và cứ trầm trồ, khen nó đẹp. Người thì đồ, giá nó tới chục nghìn đô la, người bảo, tới trăm nghìn đô ấy, có anh còn vào đi thử và khi ra, khen thang êm, chạy nhanh quá. Lúc này, ông chủ tịch không còn hơi sức đâu phồng mũi về cái thang máy của nhà mình. Lúc chúng tôi về, anh em mỗi người được ông chủ tịch tặng cho cái phong bì. Đây là lần đầu tiên đi công tác, đến nhà riêng làm việc, tôi được tặng phong bì.

Năm 1994 tôi cùng Quách Mạnh Đồng đến Ủy ban dân số Vĩnh Phúc, Ủy ban cử người đưa chúng tôi đến huyện Yên Lạc, huyện đưa luôn xuống cơ sở. Dân số là vấn đề quan trọng, nên hôm đó xã có nhiều thành phần tham dự, đại diện đảng uỷ, uỷ ban, hội Phụ nữ, đoàn thanh niên, hội nông dân, mặt trận,... Tại trụ sở uỷ ban, sau khi ổn định, tôi đứng lên phát biểu:

- Kính thưa các đồng chí! Không biết trưa nay, xã nhà sẽ tiếp đón nhà báo bằng khoản gì. Theo tôi, ta nên giết lợn, khoản tiết canh lòng lợn ngon lắm.

Các đại biểu sùng sờ. Dân số là vấn đề quan trọng. Trong không khí nô nức, đại biểu ban ngành đều chuẩn bị phát biểu về tầm quan trọng của dân số, ông nhà báo lại quan tâm đến tiết canh lòng lợn. Còn ăn trưa, xã đã dự kiến kỹ rồi, trưa đó đưa tất cả ra quán, đâu phải giết lợn như ngày xưa, khách ba chủ nhà bầy.

Tôi làm cái chức trưởng phòng, một chức quan con con, vậy mà thỉnh thoảng có lính mang quà biếu. Thôi thì nghĩ, có phải trước khi giúp đỡ, mình mặc cả, ra giá đâu. Đây là tình cảm anh em, đành nhận. Nhận thì nhận, nhưng nhiều khi cũng lo, biết đâu, sẽ làm gương xấu cho con. Con cái nhìn, nghĩ ông bố ăn hối lộ.

Một tết có lính đến chơi, mang gói quà. Trước đó lính nói mấy lời chúc năm mới gia đình mạnh giỏi. Tôi cũng chẳng tiện từ chối, đùn đẩy đâm bất tiện, đông cả năm.

Khách vừa rời nhà, hai con gái xúm lại xem. Con nhỏ, cháu tám tuổi, bô bô với bố, họ hối lộ bố đấy phải không? Tôi bật cười trước câu nói của con và đùa, giọng thì thầm: Chúng mày nói nhỏ thôi! Công an họ biết, đến trói gô cổ bố chúng mày lại bây giờ, đồ ăn hối lộ. Con gái tôi tưởng thật, im thin thít, vội giấu ngay gói quà vào tủ. Đấy, giá trị gói quà đấy, bài học nhần tiền về đạo đức và tấm gương cho con, bày ngay ra trước mắt.

Một lần tôi được cậu lính biếu cho chai rượu. Gọi cậu ta là lính cũng không đúng lắm. Có dạo cậu ta nhờ tôi chạy giúp về cơ quan, việc không thành. Sau này cậu ta vào được cơ quan khác. Chai rượu Tây cậu ta biếu đẹp quá! Cái nhãn in hình ông Tây chống gậy trông rất oai. Uống thì tiếc, chai rượu đẹp cỡ vậy. Nghĩ ngợi đến mấy tuần, hay mình lại đi biếu. Biếu sếp nào đây? Mãi mà chưa nghĩ ra ông sếp nào quan trọng nhất.

Cuối cùng, nhân vợ chồng về quê trong dịp hội làng, loé ra trong tôi sáng kiến, mang chai rượu Tây về biếu ông nhạc. Cầm chai rượu Tây của chàng rể, ông nhạc run run, cảm động đến lạc cả giọng. Chai rượu này mà chưng ra, thì mát mặt trước bàn dân thiên hạ. Chai rượu bày đến mấy tháng và chắc nó được giới thiệu với hàng xóm láng giềng tỷ mỹ góc gác: Thằng rể làm báo, lính nó biếu; chai rượu Tây này đắt lắm, nghe nói mua từ Pháp; thấy bảo, tới mấy ngàn đô cơ...

Quý thì quý cũng phải đem ra uống. Rượu có phải tranh, hay tượng đâu mà bày mãi. Nhân một cuộc họp mặt đông đủ gia đình, chai rượu được mang ra dùng. Tôi long trọng cầm chai rượu rót vào mấy cái ly pha lê sáng long lanh. Những giọt rượu sóng sánh, vàng xuộm chảy xuống. Rượu quý nên tôi chỉ rót chừng non nửa ly. Hết một

lượt, tôi khẽ nhón ly rượu lên. Trong khi đó, ông bố vợ tôi cũng nhanh nhẩu nhấc ly. Tôi biết, ông chỉ quý rượu chàng rể biếu thôi, chứ có uống được bao nhiêu. Tôi nghe tiếng ông bố vợ khen:

- Thơm! Đúng là anh rượu Tây có khác!

Tôi cũng kịp đưa ly rượu lên. Ô hay, hình như mùi nó khum khum. Hay là mình không quen anh rượu Tây, mùi rượu Tây nó phải vậy. Tôi thoáng nghĩ ngợi, không tin vào khứu giác mình, ông nhạc vừa chả khen thơm đấy ư?

Rồi mọi người nâng ly. Vì có thời gian thăm dò trước, nên tôi dè chừng, chỉ làm một ngụm nho nhỏ. Ôi chao, rượu Tây gì, sao lại có hương vị này! Nó lờ lợ, chua chua và khăn khăn. Ông nhạc và hai người anh vợ tôi vừa tớp một tớp nhỏ, mặt mũi đã nhú lại. Đến lúc này thì không dừng được nữa, thôi vớ phải chai rượu giả rồi, tôi đành phải lên tiếng:

- Hình như... là rượu rởm!

Bố vợ tôi vội đỡ lời:

- Không... rượu Tây đấy chứ!

Đấy là ông bố vợ muốn vớt vát thể diện cho chàng rể. Đến nước này thì không còn được nữa, tôi cương quyết khẳng định:

- Đúng, đúng là rượu giả bố ạ!

Hai anh vợ tôi cũng khẳng định vậy. Hơi bẽ mặt, không biết gỡ gạc bằng cách nào, chợt trong tôi nghĩ tới kẻ biếu rượu kia! Thôi đúng rồi, thằng này chơi khăm mình. Quên bém cả ông nhạc và hai anh vợ đang ngồi quanh mâm, tôi buột miệng:

- Xỏ lá thật !

Buông ra rồi tôi mới thấy mình bất nhã, vội vàng thanh minh, tôi tức là tức thằng lính biếu đồ rởm kia. Nghe giải thích, ông nhạc vội xoa dịu:

- Có khi người ta cũng không biết.

- Không biết là không biết thế nào. Chắc thằng này không xin được vào cơ quan con, giờ nó xỏ lá. Con là con không để yên vụ này cho nó đâu. Sếp cơ quan nó con biết, chuyện này phải viết bài đánh cho thằng sếp nó một bài.

Thấy chàng rề nổi xung, ông bố vợ tôi đâm hải, sợ việc nhỏ thành sự to:

- Ấy, ấy... anh đừng thế! Việc này làm to ra, mình cũng là người có lỗi! Chẳng gì cũng nhận.... hồi lộ đấy sao.

Không phải vì há miệng mắc quai, song sau đó tôi cũng chẳng viết bài đánh cho thằng sếp nó một trận nào cả.

Đã từng nhận hồi lộ rồi, mà có bận tôi còn dám đi răn dạy người khác. Đó là một lần về Hải Dương chơi với cậu em Nguyễn Trọng. Giờ Trọng là Giám đốc sở Nội vụ. Anh em chơi với nhau từ hồi đại học. Lần về chơi đó tôi bảo:

Giúp được ai thì giúp, vị đừng có hành người ta.

Nghe tôi nhắc, Thừa "*bầu*" luôn, quê tôi nói từ "bảo" thành "bầu":

- Không, em chả chơi. Giúp được ai thì giúp, một đồng em cũng không nhận. Anh tính, ở cái tỉnh quê này, dân còn nghèo. Xin việc, đi hồi lộ, hết nước là mười triệu. Mà đâu phải một lần đến là được. Phải rình rập, châu chực trước cửa nhà người ta. Cứ đứng trực cả tuần, hàng xóm hai bên biết tất. Chả thà, vợ em gắng thêm kinh doanh, bằng tỷ lần chồng nhận hồi lộ.

Hồi Nguyễn Trọng về quê nhậm chức Bí thư huyện được một tuần, tôi xuống phủ lý chúc mừng tân quan. Anh em tôi lạo rạo trên đê, vừa ngắm dòng sông quê vừa nói chuyện, tôi bảo Trọng:

- Thôi, chẳng gì, giờ vị cũng là ông phủ, ông huyện. Dưới thời phong kiến, quan không được về trị nhậm ở quê đâu nhá. Tránh là tránh trù úm, rồi bao che, thiên vị họ hàng.

Trọng Hỏi tôi có biết ông quan nửa thực dân, nửa phong kiến cuối cùng trị nhậm phủ này là ai không?

Biết chứ, biết cả ông Chủ tịch Ủy ban cách mạng lâm thời.

Trên đê, nhìn dòng sông mùa nước đông ken, tôi lại nhớ đến những cánh vờ vờ tuổi thơ .... mỏng mang, lơ vờ,.../.

*Hà Nội, viết trọn tháng 8/2007*

ĐT:0912398702

Email:tronghuandtnvn@yahoo.com

---

Nguồn: Trọng Huân / VNthuquan.net

Người đăng: Ct.Ly

Thời gian: 21/09/2007 1:53:18 CH



## Trọng Huân

### Cái ghế

Ông già đi qua đồng rác.

Có cái gì như quen quen. Trông kỹ ra, thì là cái ghế cũ, ai đó vứt đi. Điều lạ là ông già có cảm giác thấy nó quen quen. Ông định đi nhưng lại dừng lại. Một thoáng nghĩ ngợi, thế rồi ông tạt vào bãi rác. Cái ghế tựa bọc vải, gãy một chân. Ừ vứt đi kể hơi phí. Mình có thể khâu về làm một thứ gì đó. Ông già nghĩ ngợi, rồi quyết định bê chiếc ghế. Sức già, chẳng còn như thuở ông làm bảo vệ ở cơ quan, vác cái ghế đến là vất vả.

Nhìn chõng khệ nệ khiêng vác, trán lấm tấm mồ hôi, vợ ông cần nắn, bảo ông mang cái của nợ đó về làm gì, thứ chỉ đáng vứt vào đồng rác. Không nói gì, ông lặng lẽ đặt nó trước sân và quay vào nhà. Một thoáng ông ra, tay mang nào cưa, nào búa, lúi húi cưa cưa đóng đóng cái chân ghế gãy.

Chiều ấy khi thằng cháu nội học mẫu giáo về, nó tròn mắt nhìn cái ghế lạ. Ông bảo thằng cháu ngồi thử. Thằng bé vốn hiếu động, ông nội chưa dứt lời, nó đã nhảy phốc lên. Cái ghế gãy, tấp lại, chân đóng không bằng, đâm ra cạp kênh, khi thằng bé nhún nhảy, nó cứ

bập bênh theo nhịp. Thằng bé cười khanh khách. Đầu óc trẻ thơ, trên cái ghế khấp khểnh, nó tưởng tượng ra mình đang trên lưng ngựa. Khoái chí nó càng rập rình tợn hơn. Cảnh đó làm hai ông cháu, một già một trẻ, cười như nắc nẻ. Bà già ngó ra, chép miệng, già rồi còn như trẻ con. Nói vậy nhưng bà nghĩ, lâu rồi, từ khi nghỉ hưu, mới có dịp thấy ông lão vui như vậy. Cũng từ hôm ấy, chiều chiều, cái trò cưỡi ngựa của cháu, ông đứng xem, lại diễn ra, tiếng cười rộn rã trong sân. Và quái lạ, ông già vẫn thấy có cảm giác quen quen, mà ông chưa nhận ra. Tuổi già, quên quên nhớ nhớ vậy đấy.

Ông không nhớ ra cũng phải. Cái ghế cũ, trước đây đã bao giờ ông được ngồi lên nó đâu. Có chăng là ngày đó, khi còn làm bảo vệ cơ quan, nghe anh em bàn tán, tự dưng đâm tò mò, một lần nhân mọi người về hết, ông dò dẫm leo lên gác, xem. Cái ghế cũng bình thường, có gì đặc biệt đâu - một cái ghế bành, lớp vải bọc lâu ngày nên nhiều chỗ sờn rách. Nhìn cái ghế ông nghĩ bụng, có thể thôi mà người ta cứ rì rầm. Cái ghế chỗ ông - phòng bảo vệ - còn cũ hơn, sao chả ma nào bình phẩm. Đây là ông nghĩ, chứ so sánh cái ghế bảo vệ chỗ ông ngồi với cái ghế kia thế nào được. Ghế người ta, ghế giám đốc, dù là giám đốc đã nghỉ hưu.

Hồi ấy, nhân viên văn phòng mua cái ghế về cho giám đốc. Thời đó nó thuộc diện sang, người ta chỉ quen ngồi ghế tựa, ghế băng. Giám đốc vốn là người xuề xòa, ông bảo, lãng phí quá, ông ngồi ghế nào chẳng được, trả lại có được không. Nghe vậy nhân viên nhao nhao, sao lại trả, lý ra thủ trưởng còn ngồi gáp mấy lần cái ghế này cơ. Ông biết đó là sự quan tâm của anh em, chẳng lẽ từ chối lòng tốt của họ. Thôi thì ông ngồi vậy. Vì cái ghế khác kiểu các loại ghế bành trong cơ quan, không thể kê cùng dãy được, nên một mình nó đặt ở đầu dãy.

Từ khi có cái ghế mới, tự dưng các cuộc họp, ông giám đốc ngồi giữa hai dãy bàn, nhân viên cấp dưới dàn ra hai bên.

Nếu chuyện chỉ vậy thì cũng chẳng có gì đáng nói. Và nếu như ông giám đốc không về hưu, cũng sẽ không có chuyện cái ghế bị đem ra bán tán. Giám đốc đến tuổi hưu, ông thanh toán nhận quyết định.

Lúc đó cơ quan hai phó. Xét các tiêu chuẩn: năng lực, trình độ văn hoá, quan điểm chính trị, thành phần xuất thân, vân vân và vân vân, hai ông phó, tiêu chuẩn đều ngang nhau chần chẹn. Thật khó xử cho cấp trên và cả ông giám đốc, về hưu rồi mà vẫn chưa chọn được người kế nhiệm. Thế là công việc cơ quan đặt chung lên vai hai ông phó. Từ trước đến nay, cả hai phó đều là cánh tay trái, tay phải của giám đốc, họ rất thương yêu, đùm bọc nhau. Ngay cả thời gian đầu khi giám đốc về hưu, chưa nhân viên nào thấy họ hục hặc. Thực ra thì thuộc cấp ngầm hiểu, hai ông phó có mâu thuẫn đấy. Cuộc ganh đua để thấy nhất chính là từ cái ghế. Hai ông phó, không ai ngồi lên cái ghế đó. Các cuộc họp, cái ghế như ranh giới của hai ông phó, tiếp đó là nhân viên, ngồi theo ngôi thứ. Tuy chẳng ai nói ra, nhưng họ đều ngầm biết, ai ngồi dãy bên nào, là ủng hộ ông phó ngồi bên đó. Do vị trí hai ông phó ngồi, anh em trong cơ quan đặt luôn tên: ông Phó Tả, ông Phó Hữu. Lâu dần gọi thành ông Tả, ông Hữu cho tiện.

Một tháng, hai tháng, ba tháng, tình hình cơ quan không có gì thay đổi, các cuộc họp người ta vẫn ngồi như vậy. Có điều lạ, cái ghế không ai ngồi mà nó vẫn sạch, sạch như lau như lý, sạch tường như cái ghế vẫn có người ngồi. “Lạ thật” - đấy là ý nghĩ của cả hai ông phó, chứ còn nhân viên ai người để ý. Nhòm ngó vào, khéo không người ta lại tưởng mình cũng muốn ngồi vào đấy.

Lạ thật, sao nó sạch sẽ thế, không một hạt bụi. Ông Tả nghĩ, Ông Hữu trong thâm tâm cũng vậy. Vì chưa bổ nhiệm trưởng, thứ rõ ràng, nên công việc cơ quan tạm phải phân công, cách phân công là mỗi ông phó trực một phiên - trực luân phiên, có khi luân phiên ngày, có khi luân phiên tuần, luân phiên buổi. Mỗi ca trực cũng là dịp họ có điều kiện tìm hiểu tại sao cái ghế lại sạch sẽ thế. Và cả hai ông phó thắm nhận ra nguyên nhân. Ấy là vào phiên trực của ông phó nào, thường thì người đó về muộn, khi nhân viên đã về hết, ông sẽ hùng dũng tiến lại cái ghế cũ, ung dung ngồi vào đó. Mắt dõ nhìn bao quát, tay khoát về dãy bàn trước mặt, tất nhiên lúc này là dãy bàn trống không, miệng ừ hự, ông phó ta đang chỉ đạo... Điều bí mật như thế mà không hiểu sao, cả hai ông đều biết, cái ghế không ai ngồi nó vẫn sạch. Khi đã phát hiện ra nguyên nhân, họ đâm ra bực tức. Chỉ có điều chẳng ai trong hai ông tiện nói ra.

Tuần ấy đến phiên trực của ông Tả, ông Hữu có chuyển công tác xa. Ai cũng biết, cơ quan của ta, vốn lâu nay tài sản là của công, từ vật rẻ tiền mau hỏng đến loại tài sản cố định, nhiều vô kể. Đã nhiều vậy chúng còn thường xuyên được bổ sung, không hỏng cũng mua, mua rồi thì tranh thủ thanh lý. Cái tài sản chung ấy nhiều tới mức người ta chẳng còn rõ cơ quan có những gì. Số phận cái ghế kia cũng vậy, mua nó lâu năm rồi, đến mức hoá đơn, giấy tờ, hoá đơn và biên bản kiểm kê hàng năm, xếp đầy một tủ. Để lâu quá giấy tờ mục nát hết. Mua sắm hàng quý, hàng năm là cách cải thiện cho cánh nhân viên quản trị, còn tiến hành thanh lý là cách cải thiện đời sống vật chất, tinh thần cho toàn bộ anh em cơ quan - gấp thăm, mua được cái tủ mới, cái phích cũ, cái xoong công đoàn méo. Cũ là cũ cơ quan, chứ với gia đình, thì còn sang chán. Phiên ông Tả trực, đúng vào dịp tiến

hành thanh lý hàng năm. Hôm thanh lý, công nhân viên chức cơ quan như sống trong ngày hội. Đấu giá kín sẽ bảo đảm bí mật không thiên vị, đấu giá hở sẽ bảo đảm dân chủ công khai... Trước hội đồng thanh lý, khi thấy cậu nhân viên giơ tay trước tiên, vừa nghe cậu trình bày, mọi người mắt tròn mắt dẹt, không ai tin nổi điều mình vừa nghe, tại sao có kẻ bạo gan, dám đòi mua cái ghế giám đốc cũ. Mấy vị hội đồng còn đang lúng túng, thì lạ thay, ông Phó Tả tươi cười gật đầu, ừ nó là cái ghế cũ, thanh lý được.

Sau buổi thanh lý, nhân viên cơ quan thì thào, cậu nhân viên mua cái ghế cũ kia để làm gì nhỉ. Thôi đúng rồi, nó là âm mưu của một trong hai ông phó, họ muốn gạt chướng ngại vật trên con đường thăng quan tiến chức của họ.

Lâu nay cả hai ông phải khó chịu nhìn cái ghế lắm. Thực ra người mua thanh lý cái ghế cũ không phải là cậu nhân viên kia, mà chính là ông Tả, ông chỉ nhờ cậu nhân viên đứng tên thôi. Ngay chiều đó, ông Tả châu trực ở nhà đón ghế. Cái ghế được ông đặt ở một nơi trang trọng trong phòng làm việc. Kể từ hôm đó, bà vợ ông thấy lạ: chiều ông chồng về làm sớm, sáng ông không còn dậy muộn và ông ở luôn ở lì trong phòng làm việc của mình. Một lần tò mò, bà ngó trộm qua khe cửa. Thật sững sốt, bà thấy chồng đang ngồi trên ghế, vung tay, vung chân, giữa cái phòng chỉ có mỗi mình ông. Vợ ông lo lo, hay là chồng bà mắc bệnh gì. Bà hỏi thì ông gạt phất đi, phụ nữ biết gì việc đại sự. Đúng bà biết làm sao được, hàng ngày ông đang thường thức sự ngồi lên cái ghế, ngồi để lấy khước.

Hết phiên trực ông tả, thì ông Hữu đi công tác về. Thật khó tả sự tức bực của ông Hữu đến cỡ nào, ông nhanh chóng điều tra ra cái ghế đang ở đâu. Biết thì biết, nhưng ông Hữu không làm gì được. Người

ta không tham ô, không lợi dụng chức quyền, chẳng lẽ trình bày với cấp trên về việc thanh lý, mua bán chiếc ghế cũ. Được, nhưng ông không để yên đâu. Rất may ông Tả hết phiên trực, lại nói rằng, ông có chút việc riêng, sẽ nghỉ ở nhà cả tháng. Không thầy ông Hữu ý kiến gì, hình như chỉ thấy ông hơi nhếch mép. Phiên trực ông Hữu được ba hôm, từ nhân viên bảo vệ, thủ kho, đến lái xe đều sững sờ nghe tin, ông Hữu có quyết định bổ nhiệm được lên ngôi trưởng. Tin quá bất ngờ, đến mức vây cánh thân tín của ông Tả, nhìn cái quyết định còn chưa tin, họ tất tả phi về báo cho ông Tả. Ông Tả nhận được tin trong lúc ông đang ngồi luyện ghế. Ông giận một trận lôi đình, nạn nhân gánh chịu trước tiên chính là cái ghế. Nó bị ông nhấc lên và giáng mạnh đến mức, một chân ghế rời ra. Nếu không có bà vợ, thì không biết đồ đạc trong phòng còn bị đập phá đến cỡ nào. Bà vội ôm chặt lấy chồng, cuồng cuồng nhờ cậu nhân viên giúp sức, tống vội cái ghế chết tiệt kia sang phòng khác. Sau lần ấy, ông phớt lờ bị trận ốm thập tử nhất sinh, tới mức ông phải nghỉ hưu. Ông trưởng mới nhậm chức, chẳng rõ có sắm cái ghế mới không, nhưng chức trưởng chưa nóng chỗ, ông đã bị vướng vào chuyện gì đó...

Số phận cái ghế ra sao? Sau lần bị đập gãy chân, nó bị quẳng vào căn phòng trống. Lúc đó còn ai để ý, con cái ông bà phó Tả thì đi xa, ông lại ốm đau. Để đến lúc đưa con ông từ phương xa về, căn phòng riêng, nên nó thu dọn lại căn phòng. Thằng con hơi lạ khi thấy cái ghế cũ, lỗi một và một chân bị gãy. Nó sai người khuôn cái ghế vứt ra bãi rác.

Ông già bảo vệ từ khi nhặt được cái ghế, hai ông cháu thường chơi đùa. Ông bảo vệ vẫn thấy có cái cảm giác quen quen. Để đến một buổi chiều, cũng vào tầm thằng bé tan lớp mẫu giáo, ông đưa cháu

ra phi ngựa ghế, thằng bé cười như nắc nẻ. Ngắm cháu cười, tự dưng ông già nhận ra cái ghế. Bế thằng cháu xuống, ông thông thả ngồi lên, tủm tủm cười, ông đưa tay vuốt râu, cao giọng kiêu phùng tuồng:

- Như ta đây là vua ... khà khà...

Thằng cháu nhìn trò chơi mới của ông nội, càng cười như nắc nẻ. Khi thằng bé ngồi, nó nghĩ, ấy là con ngựa, còn khi ông nó ngồi vuốt râu, nó lại nghĩ, ấy là vị vua trong câu chuyện cổ tích, mà ông nội thường kể cho nó nghe./.

## Chị tôi

Tôi thờ phào nhẹ nhõm vì ở quê mọi chuyện bình thường, chị Gái lên chỉ cốt đón chúng tôi về quê ăn Tết.

Đúng là tôi sơ ý quá, không báo trước làm chị vất vả, Tết này chúng tôi đã có kế hoạch về quê. Tôi thấy ân hận, lâu nay mãi mê công việc, bận bịu chuyện gia đình, đâm lơ là, ít về thăm nom chị. Lần này chị lên, linh tính mách bảo, chắc chị còn việc gì nữa, mà chưa tiện nói ra.

Việc gì thế nhỉ? Hay câu đùa của tôi lúc chị em mới gặp nhau là thật, chị sắp xây dựng gia đình. Đang miên man, chợt tiếng chị cắt dòng suy nghĩ của tôi: "Lâu nay... em có nhận được thư của thầy và dì không?". Tôi giả vờ như không nghe rõ, lại thấy chị hỏi tiếp:

- Em có biên thư cho thầy và dì không? Vẫn còn giận thầy sao? Thầy năm nay tuổi đã cao, ngoài sáu mươi rồi. Đến bao giờ chị em mình mới gặp lại được thầy?... Nhiều lúc nghĩ, chị thấy thương thương thầy quá!"

Chị vẫn nghĩ tôi còn giận ông, chị đang thuyết phục em gái. Không, tôi có còn giận nữa đâu. Có đêm mơ, tôi gọi thành tiếng: Thầy ơi! Khi tỉnh giấc thấy nước mắt chảy dài trên gò má. Song tôi cố lấy giọng gay gắt:

- Thì có ai bắt thầy phải vậy đâu. Chính thầy đã gây ra như thế. Em

không thể quên được cảnh chị em mình ôm nhau khóc và u ngồi lặng. Ông ấy - thầy... thầy đã bỏ chị em mình, bỏ u. Vì thầy mà u, mà chị...

- Kìa Tý... em - chị ngắt lời tôi - Nếu u còn sống, chắc u cũng không còn giận thầy nữa!

\*

Ngày ấy tôi đã giận thầy tôi lắm. Mãi sau này khi đã làm cha làm mẹ tôi mới hiểu. Mỗi khi chợt nghĩ đến ông, trong tôi cảm giác tui tui và hờn dỗi của đứa con sớm mồ côi mẹ và bản bật xa cha từ khi mới lên bảy, lên tám tuổi.

Với tôi, tuổi thơ trôi qua thật nặng nề. Dù lúc đó còn nhỏ, tôi vẫn cảm nhận thấy không khí gia đình mình. Thầy tôi lạnh lùng với vợ. Tuy chưa một lần nghe ông quát tháo, nhưng cũng không bao giờ nghe thấy một lời ngọt ngào của ông với u tôi. Tôi biết, bà rất sợ và yêu chồng.

U tôi, một người đàn bà nhu mì, lại không được khỏe. Sau này tôi mới biết, nguyên nhân đau ốm của bà. Lần sinh nở tôi, ca sinh khó khăn, phải mổ, u tôi không còn khả năng sinh đẻ nữa. Và rồi tuổi thơ ấy, dù là nặng nề cũng có được kéo dài đâu, nó quá ngắn ngủi, kết thúc thật bất ngờ.

\*

Tết năm ấy nhà tôi dựng nửa đui lợn, có gói giò, nấu nồi thịt đông. Sáng hai chín Tết, thầy tôi đi đâu đó, tôi hỏi, không thấy u tôi nói ông đi đâu, chỉ nghe tiếng bà thở dài, nom bà đến tội nghiệp.

Biết mẹ buồn, tôi không dám hỏi nữa. Lúc mẹ cùng chị Gái lúi húi gói bánh chưng ngoài sân, tôi quanh quẩn nghịch rá gạo và nồi đậu xanh. Tôi làm gạo đổ vương vãi và lợn xộn đám lá dong. Chị Gái hết dỗi dành sẽ gói cặp bánh đẹp, luộc rền cho tôi, rồi đến hứa mừng tuổi cho em Tý đồng năm xu mới bỏ ống, để tôi ra ngõ chơi, tôi vẫn không chịu. Đến khi tôi làm đổ rỏ lá, bực quá chị phát cho một cái. Đúng lúc ồn ã đó, thì cánh cổng xích mở, thầy tôi xuất hiện. Cùng về với ông có người đàn bà lạ, tôi chưa lần nào nhìn thấy bà ta. Thấy tôi đang ăn vạ lăn lộn trên sân, gạo đổ thì vung vãi, thầy tôi quát mắt:

- Khốn nạn. Tường sung sướng lắm mà mày còn hành...

Sau mỗi tiếng quát là những cái phết của ông. Đau thì ít, tủi thân thì nhiều, tôi nấc lên, khóc không thành tiếng. U tôi thương con van vỉ xin chồng và người đàn kia cũng vậy. Bất chợt tiếng chị tôi thất thanh:

- U, u ơi, u làm sao thế!

Còn đang tức tưởi tôi vẫn kịp nhận ra tiếng kêu lạc giọng của chị, tôi



ngoái đầu nhìn về phía u và chị Gái. Kia, sao mặt u tôi xanh xám, người mềm oặt, ngồi dựa nghiêng vào chị Gái. Thấy ồn ào, hàng xóm đổ sang, mọi người xúm vào lay gọi u tôi, một bà hàng xóm cầm bát chạy đi xin nước tiểu trẻ con, mấy bà tìm tóc rối. Chỉ loáng sau bà hàng xóm bê bát nước tiểu tới, người ta thả búi tóc vào bát nước giải, rồi múc từng thìa, cố đổ vào miệng u tôi. Mãi mới thấy mặt u tôi he hé. Rất lạ, cảnh tình như vậy mà thầy tôi lại thờ ơ. Suốt cả thời gian hàng xóm cứu chữa u tôi, ông và người đàn bà kia không hề lộ ra sân. Tôi loáng thoáng nghe người lớn nói, u tôi ngất vì ghen. Tôi không hiểu ghen là cái gì và tại sao bà phải ghen.

Khi u tôi đã tỉnh, hàng xóm tản về hết rồi, tôi thấy thầy tôi bực dọc bước ra sân, người đàn bà lạ bèn lên bước theo ông, họ lặng lẽ ra đi, cả hai không một lời nói với chúng tôi.

Mấy ngày Tết không thấy ông về, còn u tôi nằm bệt giường. Gần rằm tháng giêng mới thấy thầy tôi về, theo sau vẫn là người đàn bà hôm trước. Nhưng lần này thầy tôi có vẻ buồn, ánh mắt ông nhìn chúng tôi là lạ. Ông nói qua chị Gái tôi, bảo có chuyện muốn nói với u con tôi. Trong lúc chị Gái còn lưỡng lự, chưa vào buồng gọi, thì u tôi húng háng ho, vịn cửa bước ra. Thầy tôi ngập ngừng, dáng vẻ căng thẳng, mấy lần châm lửa mà ông hút không xong điều thuốc.

- U cái Gái... tôi có chuyện muốn nói...

Tiếng ông trầm và nhỏ:

- Chắc u nó cũng biết... nào tôi muốn cảnh này đâu. Bạn sinh con Tý, u nó phải mổ, không sinh nở được nữa. Nhà lại chỉ hai mụn con gái. Tôi đã buồn, biết u cái Gái còn buồn khổ hơn. Mà thôi, không nhắc tới chuyện ấy nữa. Lâu nay, chưa nói ra, thì u nó đã biết... đây là cô ấy, người làng Hạ. Con Gái, con Tý chúng nó sẽ gọi bằng... dì. Cô ấy không ở đây đâu mà u con mày lo. Thầy và cô ấy sẽ đi xa, đi vùng kinh tế mới Sơn La. Thủ tục xong xuôi rồi. Hôm nay thầy về gặp mẹ con mày, chiều thầy và dì ra ga, ngược chuyến tàu tối. Thầy đã tính rồi, nhà cửa ruộng vườn thầy để lại hết mẹ con mày. Giờ cái Gái đã lớn, thầy đi rồi mày phải giúp u, bảo ban em Tý.

Chị tôi nức lên, còn u tôi lặng đi, không nói nên lời, mắt bà nhoà lệ, những giọt nước mắt thánh thót nhỏ xuống vạt áo.

Tuy mới bảy tám tuổi tôi vẫn cảm nhận được điều bất hạnh đang xảy ra với mẹ con tôi. Thầy tôi lục lục xếp xếp đám quần áo. Ông làm khá vội vã và cố giấu vẻ mất bình tĩnh của mình. Tôi kịp nhận thấy, khuôn mặt ông cũng nhoà trong nước mắt, mấy lần ông để tuột dây góit túi đồ. Người đàn bà - tức là dì - phải giúp ông thắt buộc lại. Bất ngờ tôi lao về phía thầy tôi, ôm ghì lấy ông. Thầy tôi hai tay giữ đôi vai bé

bồng của con gái đang rung lên:

- Tý ơi, con còn giận thầy phải không? Hôm trước thầy nóng, thầy đánh Tý, Tý đau không? Thầy có muốn thế này đâu. Bao giờ các con lớn, các con hiểu, các con sẽ tha thứ cho thầy...

Thầy tôi tay ôm, vai xách mấy gói quần áo, người đàn bà líu ríu khoác tay nải bước sau. Trước đó tôi nghe bà áp úng mấy câu gì đó, hình như là chào và xin u tôi tha thứ.

Tôi nghe tiếng chị Gái nấc thành nhịp, tôi cố vùng ra mà không thoát nổi cánh tay ghì siết của chị. Ghì mãi, ghì mãi, tận khi thầy tôi đi đã khá xa, chị mới buông ra và cả hai cùng vọt ra sân. Chị em tôi đứng lặng nhìn theo bóng thầy tôi. Tôi còn nhớ, ông và người đàn bà bước vội vã, họ đi như là chạy trốn. Chúng tôi trần trần ngó theo, tận khi hai người khuất sau rặng cây xa xa trên cánh đồng...

Hình ảnh ấy khắc sâu trong đầu óc non dại và qua suốt những năm tháng cuộc đời của tôi.

Sau dịp ấy, sức khoẻ u tôi suy giảm rất nhanh, vài tháng sau thì bà mất.

Chị tôi phải nghỉ học. Mười ba tuổi chị thành lao động chính, nuôi mình và nuôi em ăn học. Nhờ có người chị tàn tảo mà tôi tiếp tục được đến trường, tôi là người đầu tiên ở làng bước chân vào đại học.

Mấy năm học xa nhà, những dịp nghỉ hè, nghỉ Tết, tôi biết có người đang theo đuổi chị, không hiểu sao, chị không nhận lời. Tôi hỏi thì chị chỉ ập ù, trả lời cho qua chuyện hay chị lảng sang chuyện khác.

Trong thâm tâm tôi biết, lý do - chị quyết chí nuôi em ăn học đến nơi đến chốn.

Bao năm dằng dẳng nuôi em ăn học, em ra trường và xây dựng gia đình, chị vẫn phòng không. Người con gái có cái nóm đồng tiền rất duyên và đôi mắt đen thăm thăm năm nào, nay đã quá tuổi xuân.

\*

Lại nói về thầy tôi. Sau ngày ông bỏ đi xây dựng kinh tế mới Sơn La, chúng tôi thỉnh thoảng nhận được thư ông. Cuộc sống của ông bà khá khó khăn, lại sinh nở nhiều, chúng tôi có thêm bốn em gái và hai em trai nữa. Rồi thư ông cũng thưa dần, năm hay vài ba năm một lá. Có thể do thư về mà không có thư đi, chúng tôi giận ông, nhận được mà không một lần đáp lại.

Trên chuyến xe về quê ăn Tết, bất chợt tôi nghe chị Gái nói, mới nhận được thư trên ấy. Cậu em trai lớn của chúng tôi vừa sinh cháu thứ hai, còn cậu út mới lập gia đình... Tôi buột miệng:

- Thôi thế thì thầy và dì giờ cũng đỡ vất vả. Chắc cuộc sống đã ổn

định. Tuổi già của thầy sẽ đỡ khổ.

Nghe tôi nói vậy chị có vẻ rất vui, tiếng chị nho nhỏ:

- Thế là em không còn giận thầy và dì nữa. Chị lên chuyến này bảo các em về quê ăn Tết cũng là chuyện ấy...

Từ lúc nghe chị nói vậy tôi thấy sốt ruột quá, rất muốn rõ chuyện gì. Về đến nhà, cổng ngõ không khép, giữa sân có đôi trai gái vừa gói bánh vừa chí choé đùa nhau. Hai đứa con gái tôi, ỉn em lanh tranh chạy trước, thấy cảnh đó chúng dừng cả lại. Quá bất ngờ tôi thấy thầy tôi đang đứng trên hiên nhà. Hơn ba mươi năm rồi tôi vẫn không quên khuôn mặt ông. Tôi đứng như trời trồng, không rõ có thốt nên câu gì không, kể cả câu chào cha. Tận khi chị Gái thẳng thốt giục, tôi mới nhớ:

- Thầy!

Lâu lắm rồi tôi mới được gọi lại câu gọi ấy. Vợ tôi, tuổi thơ quá thiếu thốn tình cảm, tình cảm của cha, của mẹ, chợt nay nó mới đến, đến trong muện mẩn. Lâu lắm rồi tôi mới thấy chị Gái vui như vậy. Chị như trẻ đi đến chục tuổi. Nhìn chị Gái cười tôi lại thấy cái núm đồng tiền rất duyên và đôi mắt thăm thăm như xưa./.

---

Nguồn: vov.org

Người đăng: Ct.Ly

Thời gian: 12/10/2005 10:27:56 CH

**Trọng Huân**

**Con nhà sấm**

Giáp căn hộ nhà tôi là nhà ấy - vợ làm báo, chồng PTS, nay gọi tiền

sỹ. Ngay buổi đầu họ mới dọn tới, nhìn anh chồng tôi đã ngờ ngợ. Lục mãi trí nhớ, vẫn không ra. Anh chàng trán dô, tai chuột. Dù cố ra cái vẻ khinh khỉnh, khuôn mặt vẫn không dấu được cái nét tội tội, hạ mình. Anh chồng kém tôi độ dăm, ba tuổi, cô vợ còn ít hơn. Là vợ chồng họ muộn tuổi, mà vẫn chân son, chẳng thấy móng con nào. Nhà họ chuyển đến tuần trước, tuần sau gia đình tôi bị cái vạ, nghe nhà ấy cãi, chửi nhau. Và từ đấy... cứ đều đặn, tháng dăm ba bận, nhà tôi phải cái vạ, nghe họ chửi nhau. Không phải tò mò chuyện gia đình nhà người, nhưng khôn nổi, căn hộ áp tường, hai nhà lại chung hành lang, có đóng chặt cửa, bên này động nhẹ, bên kia vẫn nghe rõ mồn một.

Họ cãi nhau vì hai lý do: cô vợ ghen, còn anh chồng luôn nghi vợ chi tiêu hoang tàng và lợi dụng chằm mút khoản đóng góp chung. Nhà ấy, vợ chồng đều kiếm được, kiếm ngang nhau. Cứ mỗi lần cãi cọ, họ phô ra, thì hàng xóm biết: Anh chồng kiếm bằng khoản cấu véo từ kinh phí đề tài nghiên cứu, từ quà cáp phong bì từ nghiên cứu sinh, cao học sinh cho đến sinh viên - kính biểu thầy hướng dẫn. Còn cô vợ, kiếm bằng khoản cơ sở bo cho những bài báo - bo thẳng bằng tiền, hay bo qua quảng cáo. Cứ như giọng anh chồng gọi, thì tiền ấy cơ sở bo cho công thổi kèn, khóc mướn: “Báo chí gì. Rặt cái thứ ...” Anh ta cười sảng sặc khi vô tình nhìn thấy bài báo có bút danh của vợ: “Khởi sắc trong thế đi lên” “Một giám đốc năng động” “ Nhà doanh nghiệp nặng lòng với công tác từ thiện”... Mỗi lần như vậy, anh chồng đọc oang oang lên. Nghe giọng ngân nga, lên bổng xuống trầm, mà toàn nhấn vào những từ, những chữ không cần phải nhấn, với cái chất giọng mỉa mai, biết ngay là anh ta chẳng thường thức các thông tin giật gân, hay sốt dẻo trong bài báo của vợ. Trong khi đọc,

thỉnh thoảng anh ta lại tung tởng: “Thiếu cái dấu chấm”, hay “Cụt cái vị ngữ”, hoặc là “Thừa cái...”. Và thường sau khi đọc, anh ta thản nhiên tuyên bố, tuyên bố thẳng vào mặt cô vợ nhà báo:

- Nếu là Tổng biên tập, tôi ấy à, cấm. Phí tiền, tốn giấy, mất thời gian đọc dạng bài vô bổ này . Thối kèn, khóc mướn...

Cô vợ chẳng kém, đáp lại:

- Thối kèn, khóc mướn! Còn hay hơn chán vạn sấm nhị cò cưa (!)

- Câm ngay!

Không rõ tại sao, cô vợ mới nhám nhẳng đối có thể thôi, anh chồng đã gầm lên. Thường là sau đó, vợ chồng ấy chấm dứt cuộc tranh luận chuyên môn, chuyển sang tiết mục tính tiền.

Tự biết, đàn ông, mà đàn ông trí thức hẳn hoi, ai lại đi quản tiền, thiên hạ trông vào, nom chẳng tiện chút nào, nên những khoản chi tiêu lặt vặt, như đi chợ mua đồ ăn, thức uống, sắm chiếc phát trần, thùng đựng rác,... anh chồng giao quyền cho cô vợ, anh ta chỉ tối tối kiểm tra, đối chứng, rồi ghi lại, để cuối tháng, vợ chồng chia nhau cho minh bạch. Vào tầm cơm tối xong, bên nhà tôi hôm nào cũng nghe vợ chồng họ bô bô công khai tài chính: khoản rau mua hết bao nhiêu, thịt cá chi tiêu như thế nào, nước mắm, mì chính,... nghĩa là chi tiết, cụ thể, công khai. Có hôm nghe cô vợ kê vừa mua gói mì chính, anh chồng tra ngay: “Làm gì hết nhanh thế. Mới thấy còn nửa gói...” “Thì xuống bếp mà nhòm. Còn nửa gói hay đầy cả gói đấy!”. Lắm hôm nghe sốt ruột, tôi không con tâm trí đâu tập trung xem nổi chương trình thời sự trên ti vi.

Một lần có khách của cô vợ nhà báo đến chơi, khách đến vì cô vợ vừa có công “ca ngợi” cơ sở, giúp họ một bàn thua trông thấy. Tất nhiên khách không đến chơi suông, mà có quà và phong bì kính

biểu. Tiễn khách xuống cầu thang, khi quay lại, cô vợ lục ngay túi quà và quắc mắt hỏi chồng: “ Sao cái phong bì trống không thế này?”. Anh chồng thản nhiên trả lời: “ Tôi biết làm sao được phong bì của họ có những cái gì”.

- Chẳng lẽ họ mang phong bì không đi biểu - cô ta lạc cả giọng...

- Rút ruột. Chắc mấy thằng nhân viên rút ruột. Tôi còn lạ gì trò này.

- Người ta, ai lại làm cái trò khỉ ấy.

Nói rồi cô ta sán lại, thọc ngay tay vào túi quần của chồng, lôi tuột ra đám giấy bạc mới cứng. Anh chồng trơ tráo cười “Đùa một tý ấy mà”. “Đùa” - cô vợ bĩu môi.

Không biết trong thời gian tìm hiểu yêu đương, cô nhà báo kia có rõ tình yêu của anh chàng PTS dành cho mình, nó có sâu nặng bằng sự quan tâm đến đám tài sản nhà đăng vợ tương lai hay không, chứ bây giờ, ông bố vợ còn sống lù lù ra đấy, rể ta cứ hồn nhiên tuyên bố với hai cậu em vợ và thẳng vào mặt ông nhạc:

- Ngôi nhà và đất, nếu bây giờ chia, dứt khoát phải phân bốn. Như giá thị trường nhà đất Hà Nội hiện nay, 200 cây, vị chi mỗi người 50 cây. Sau này cậu mất (tức ông nhạc), phần của cậu lại chia ba. Gái cũng như giai, không được hơn kém, dù là một cây. Thế mới công bằng chứ! Bây giờ, thời buổi bình đẳng, con nào chẳng là con.

Mấy sáng liền tôi mang tài liệu về làm việc ở nhà, vô tình thấy, sáng nào một cô sinh viên váy áo cũn cỡn thập thò đến nhờ thầy hướng dẫn luận văn. Hôm đó trò đến được một lúc. Mới đầu tôi còn nghe tiếng ông thầy giảng giải, phân tích, nào là mỹ học, nào là chân thiện mỹ, cặp phạm trù phạm chiếc gì đó. Rồi bên đó yên lặng. Thoảng hoặc nghe tiếng kình... kịch. Chợt cái cửa rầm rầm mở - đấy là cách thức mở cửa hành lang của cô vợ, kèm theo tiếng nện giày cao gót

công cốc. Sao hôm đó cô nhà báo lại về lưng chừng buổi. Được một tý thì nghe tiếng cô học trò ấp úng: “ Xin phép thầy, Xin phép cô” và tiếng cô vợ mát mẻ đáp lại “Không dám”.

Buổi tối hôm đó họ kê khai chi tiêu sớm hơn mọi ngày. Sau tiết mục tính toán các khoản, được một lúc, bên ấy ảm ỹ. Thôi rồi, tôi lại mát buổi xem chương trình thời sự. Không như mọi bữa, thường anh chồng khai mào, lần này cô vợ khởi sự trước. Lý do vì chuyện cô sinh viên buổi sáng. Tiếng cô nhà báo the thé:

- Thứ gì đây. Úi giời ơi! Hướng dẫn thế này đây! Còn chối được không! Gái này sáng nay lơ đi không thèm nói. Cái của bản tưởì này, chắc thầy hướng dẫn trò phòng chống ết! Thằng dê cụ!

Cô ta vưỡn gọi chồng bằng cụm từ thằng dê cụ.

- Câm!

Sau tiếng quát của anh chồng tiến sỹ là tiếng bóp rõ to, nối tiếp là những lời tru tréo của cô vợ. Chát, bóp... Chắc bữa nay có đập phá to. Bình thường thì anh chồng rất hà tiện, nhưng khi cãi cọ nhau, anh ta lại đâm ra hào phóng, có bữa anh ta đập cả cái gương treo tường to tướng và vị tiến sỹ này hay dùng tay chân, chứ không đem vốn học vắn ra giáo dục vợ. Bóp, bóp... nghe còn to hơn loạt bóp chát trước. Chắc anh chồng phải thẳng tay giáng vào mặt vợ. Tiếng cô vợ rống lên, to cũng không kém. Cũng chả đau đến thế đâu, nhưng đàn bà uất ghen, hét to phải biết. Còn từ ngữ, thì vẫn như mọi bận, thôi rồi... như nhóp quá!

- Mà ý tưởng thứ mày danh giá lắm à? Thằng bản tiện kia! Tông giống gì! Cái thứ con nhà sấm trôi sông, chết đò. May mà quạ chưa tha, cá chưa rửa, còn xác chôn ở cái bến đò.... Tranh.

Ô kia, cô vợ nói gì thế nhỉ? Tôi có nghe nhầm chẳng? Lâu nay nom

cái mặt anh chồng, thấy quen quen. Hoá ra anh chàng là một trong những đứa con nhà sấm ngày ấy.

Bến đò ấy ở quê tôi. Đò đưa khách từ Ninh Giang sang Vĩnh Bảo, một vùng đất trồng thuốc lá nổi tiếng của tỉnh Hải Phòng. Khách đò không đông, đa phần là người đi chợ và ít khách qua đường.

Thường thì nửa tiếng, hay cả tiếng, mới có một chuyến sang ngang. Thế mà bến đò vẫn có một gia đình nhà sấm kiếm ăn.

Không rõ quê quán họ ở đâu. Cặp vợ chồng này thật khéo chọn: Ông chồng mù hẳn, mù không nhìn thấy gì. Chẳng cần phải như bao tay sấm khác, đeo kính đen sì che mắt giả mù, mà ông ta cứ dương dương tròn mắt trắng, kéo dài hai hố mắt, kéo nhị và hát.

Còn cô vợ thì mù dờ, như các cụ gọi - thong manh. Họ không ngụ suốt năm ở cái bến đò này, mà mỗi năm chỉ thấy độ lại dăm ba tháng, rồi bồng bế nhau dời đi bến khác. Nửa, hoặc cả năm sau, mới thấy gia đình sấm quay lại. Khi trở lại, nhà sấm chẳng có gì khác, vẫn hát những bài cũ rích, vẫn cái nhị cò cựa kéo cựa, khi hát, ông chồng gương gương cặp mắt trắng nhờn, gân cái cổ gầy nhẵn lầy hơi,... hát. Có khác chăng là vợ chồng sấm gầy yếu, tiều tụy hơn và thường đàn con tăng thêm một đứa, hay cái bụng cô vợ lùm lùm ra. Năm ấy họ đến. Lần này những bốn đứa, đứa này nhỉnh hơn đứa kia chỏm tóc. Lạ cái, con cái nhà sấm mà đứa nào, đứa nấy, béo nung núc. Thành nếp, nhà sấm đến, họ ngụ luôn mái hiên cái nhà đợi của bến đò. Nó thành nơi che mưa, che nắng, thành nhà của gia đình sấm.

Ban ngày thì chồng xuống đò hát. Thằng con lớn độ năm, sáu tuổi, xách cái nón trơ vành, theo bố xuống thuyền. Đợi khi bố hát xong vài bài, đò sang được hai phần ba sông, thằng bé ngửa nón, riều một



lượt trước mặt khách. Người vợ trên bờ khá bận rộn, không chỉ đánh vật với mấy đứa nhỏ, mà còn khối việc: kiếm củi, hái đám rau hoang và lúi húi đổ bếp cả ngày.

Buổi tối cũng như bao gia đình khác, sau bữa cơm, nhà sẩm quây quần dưới mái hiên cái nhà đợi. Họ cũng nói chuyện, cũng cười đùa. Ông chồng mù rất quan tâm đến thời tiết, cứ luôn mồm hỏi vợ, giảng sao, trời đất ra sao...

Bọn trẻ con xóm tôi thường hay tụ tập ở bến đò. Cái nhà đợi là điểm chơi ồn ào nhất. Chúng sà quanh gia đình sẩm. Có đứa còn trà trộn, lấp vào cái gia đình đông đúc ấy trong trò chơi trốn tìm. Hôm đó trăng rất sáng, lại đúng tối thứ bảy, bọn trẻ được nghỉ học, ra bến đò chơi rất đông. Nhà sẩm không ngủ sớm như mọi tối. Ông chồng chắc có điều gì phờn chí, hát cả ngày mỗi mồm, mà vẫn đem nhị ra cò cưa. Cũng như mọi hôm, chốc chốc ông ta lại hỏi vợ, chuyện giảng sao, trời đất ra sao.

Không ai để ý, có một người đàn ông lạ lân la gần gia đình sẩm từ lúc nào. Anh ta không phải người trong xóm, cũng không phải khách qua đường, nhớ đò ngủ lại. Nhìn vóc dáng và cách ăn mặc, có thể là dân thuyền bè, hay đợi cát dưới bến. Loanh quanh, cuối cùng anh ta đã ngồi vào cái chiếu của nhà sẩm.

Lũ trẻ con ồn ã chơi xung quanh. Người đàn ông bắt chuyện được với cô vợ sẩm. Ông chồng mù hình như cũng biết. Không rõ câu chuyện của người đàn ông kia và cô vợ sẩm thông minh nói với nhau những gì, cứ rầm ra rầm rứ. Lâu lâu thấy người này hỏi, người kia rầm rứ trả lời. Chồng sẩm thỉnh thoảng còn góp chuyện: “Hử? Cái gì? Hả...”. Rồi cô vợ phản ứng, nhăm nhẳm như là gắt gỏng với người lạ. Ông chồng mù ngước cái mặt về phía vợ, hỏi: “Hử, cái gì?”

Hả...” Bất ngờ, đáp lại câu hỏi của chồng sầm là giọng một đứa trẻ con trong xóm:

- Đồng một mục. Người ta bảo đồng một mục.

- Hử? Cái gì? Hả...

- Người ta hỏi, đồng một mục, vợ ông có đồng ý không?

Sau tiếng đáp của đứa trẻ kia là đồng thanh tiếng cười cợt, rú rít của lũ trẻ: “Đồng một mục, ưng ý không?”. Chợt hiểu ra, chồng sầm hét lên. Người mù, lại làm nghề sầm, lúc tức giận hét to lắm. To đến mức xung quanh đang ồn ào, vẫn mồn một nghe rõ tiếng sầm chồng. Sau tiếng hét, sầm chồng quơ cái gậy, hướng về phía vợ và người đàn ông lạ mà khua, mà đập. Cô vợ bất ngờ bị ăn quật, rống lên. Tiếp đó là đàn con sầm vô phúc bị đòn lây, đồng thanh kêu khóc rầm rĩ.

Người đàn ông lạ lủi nhanh từ lúc nào rồi, không ai rõ.

Mãi tới khuya, dân xóm bên đò còn nghe tiếng người đàn ông mù chửi vợ - cái giống dĩ thoã. Còn người vợ oan ức, lượn quanh, đề phòng cây gậy của chồng và rấm rức khóc.

Sáng sớm hôm sau, ngồi đợi chuyến đò sớm, mấy bà chạy chợ, thấy nhà sầm quây quần bên bếp lửa, ăn cơm. Nhìn cô vợ gấp gấp rau cho chồng, ông chồng mù hươ hươ cái bát ra đón, khách đi chợ ai đó chõ vào: “Vợ chồng sam có khác, tình cảm quá!”. Chẳng thấy nhà sầm đáp lại, chỉ nghe cô vợ rinh rích cười, hoà cùng tiếng cười khờ khờ của ông chồng sầm. Không ai hay biết, tối qua vợ chồng sầm có trận đánh chửi nhau to. Chẳng rõ họ làm lành với nhau từ lúc nào. Khác với mọi khi, buổi sáng đó, chuyến đò sớm, vợ nhà sầm thay thằng con lớn, xách cái nón cùng chồng xuống đò. Vợ chồng nhà ấy đâu có biết, đó là chuyến đò cuối cùng cầu xin sự bố thí của người đời. Đò gần cập bến, bất ngờ có cơn giông lớn áp tới. Gió xoáy lật

chìm đò. May trong mưa giông có sấm, sét, xác nhà sấm nổi lên rất sớm, nổi lên ngay ở khúc sông sát bến đò. Cho đến lúc được kéo lên bờ, hai cái xác vẫn ghì chặt nhau. Người ta phải rưới và bóp mấy chai rượu, rồi kéo mãi, hai kẻ xấu số mới rời được nhau. Bố mẹ chết, đám con nhà sấm bơ vơ. Dân xóm bến đò không rõ số phận chúng ra sao.

Bữa đó, cho đến tận lúc vợ chồng nhà hàng xóm đánh chửi nhau, tôi mới biết, một trong những đứa con nhà sấm ngày ấy, nay là anh chồng tiến sỹ.

Giờ thì vợ chồng nhà hàng xóm ấy, mỗi người một ngã rồi. Tất nhiên, trước khi ly dị, căn hộ được bán để chia đôi, đồ đạc cũng vậy, phân đôi rất công bằng. Chẳng như bố mẹ họ, chết rồi mà còn dùng rượu rưới bóp, mới rời được nhau./.

- Hà Nội 1999 -

Đêm khuya. Khu tập thể chìm trong giấc ngủ mệt nhọc. Bất chợt khung cảnh yên ắng đó bị khua dậy bởi bước chân đuổi nhau thành thịch và tiếng người giật giọng. Không phải tiếng kêu cướp mà là giọng trai gái níu kéo, người thì tức bực, kẻ thì uất ức. Một vài nhà trên tầng cánh cửa mở ra, những cặp mắt ngái ngủ tò mò ngó xuống. Dưới ánh sáng dây đèn điện khu tập thể, họ nhận ra đôi trẻ chiều nay vừa tổ chức lễ cưới, chiếc xe hoa trắng muốt đưa cô dâu, chú rể về căn hộ trong khu này.

Đám cưới của họ là kết quả một mối tình mới lái, dàn xếp và cũng diễn ra khá chóng vánh. Nàng bước sang tuổi hai lăm, cái tuổi không còn thơ ngây, đã nhiều suy nghĩ và mơ hồ lo lắng cho tương lai, số phận. Song tuổi đó không phải không còn nhiều mộng mơ. Bốn năm đại học, đôi lần hình bóng vài bạn trai thấp thoáng trong ý nghĩ nàng. Rồi nàng gạt đi, hãy tập trung học tập. Hai mươi một tuổi cô cử nhân văn chương ăm ắp hoài bão, tự tin bước vào đời bằng những cuộc tìm việc, cả thi tuyển, cả quen biết nhờ vả... Suốt ba năm trời cố gắng, lúc chờ đợi hồi hộp, lúc phấn khởi hy vọng, khi chán nản buồn bực, để cô cử nhân vẫn quần quanh ở nhà, ăn bám bố mẹ. Kể đó đến trong đêm sinh nhật lần thứ hai tư của nàng. Nàng đâu quen, đâu mời và hẳn thì cũng đâu vô tình. Hẳn đi cùng người bạn của chị dâu nàng. Chính chị dâu nàng là bà mối, tổ chức cuộc làm quen. Có lẽ chẳng có bà chị dâu nào không tích cực ủng hộ việc lập gia đình của các cô em chồng. Giặc bên Ngô... Mà đây lại là bà cô đang không công ăn việc làm, suốt ngày ở nhà, nhõn nhõn ngắm vuốt. Hẳn hơn nàng bảy tuổi, cao, to, đẹp trai, nói năng hóm hỉnh, nghĩa là rất đàn ông, ga lăng... Nàng tiếp nhận cuộc giới thiệu, mối lái không ra thờ ơ, cũng chẳng hẳn là vồn vã - bình thản nàng ngồi nghe chị dâu giới thiệu về tương lai, sự nghiệp của hẳn: Tốt nghiệp đại học; đầy triển vọng ở một công ty làm ăn phát đạt; bố mẹ địa vị, kinh tế khá giả, họ vừa tậu cho hẳn căn hộ khép kín ba buồng tại khu nhà cao tầng giữa trung tâm thành phố. Đều là các tiêu chuẩn đẹp của một tám chồng. Đám cưới diễn ra sau chưa đầy nửa năm, kể từ buổi gặp mặt làm quen đêm sinh nhật.

Hôn lễ rất linh đình. Hai họ tổ chức chung tại khách sạn. Khách khứa nhà trai quá đông, nhà gái có phần hơi ít. Tiệc tùng đón tiếp suốt

ngày mà tận đến mười giờ đêm, xe hoa mới rời khách sạn, đưa đôi trẻ về căn hộ riêng của họ. Gần mười rưỡi nàng tiễn mấy bạn gái, họ đi cùng nàng theo tục đưa cô dâu về nhà chồng. Lúc đó nhìn về bùng bực, sốt ruột của hắn, nàng thoáng mỉm cười nghĩ bụng, chắc anh chàng nôn nóng vì chuyện ấy... Lần đầu tiên từ khi quen nhau, nàng chợt có cảm giác thương thương hắn. Tiễn khách ra khỏi nhà, chồng nàng vội vàng sập cửa, hấp tấp vào buồng tắm và cần nhả gì đó. Tiếng nước xối ào ào. Nàng hình dung cái sự tắm vội của chồng, lại mỉm cười. Một loáng đã nghe tiếng bước chân chồng hấp tấp vào phòng khách... Trong nhà tắm, nàng chậm chậm gỡ từng món đồ trang sức, ngược nhìn trong gương tắm thân trần và mái đầu xịt gồm nom ngồ ngồ của mình. Lúc này nàng cảm thấy thấm mệt. Ngâm mình trong bồn nước ấm thật dễ chịu. Thôi, thế cũng qua một ngày, một sự kiện, một kỷ niệm thiêng liêng liêng giữa từ thời con gái. Buồn hay vui? Sao nàng như muốn kéo dài khoảnh khắc này. Chợt tiếng động bên ngoài cắt dòng suy nghĩ của nàng. Bất giác nàng lại mỉm cười: Anh chàng sốt ruột, có ý nhắc mình. Đản ông gì mà nhát thế. Từ lúc quen nhau, đôi lần đi chơi khuya bên dải lan can ven hồ hay trong một nhà hàng kín đáo, yên tĩnh nào đó, bàn tay hắn rụt rè thăm dò, đôi lúc cũng tham lam đòi hỏi, song thấy vẻ cương quyết của nàng, hắn không dám nữa. Lau khô mình, khoác bộ váy ngủ mỏng manh, nàng nhẹ nhàng rời buồng tắm. Từ hành lang, nàng thoáng nhìn thấy chồng nằm dài trên chiếc sa lông da ở phòng khách, lưng quay về hướng nàng. Lần đầu tiên thấy cảnh đàn ông ngổn nghện và quá gần như vậy, xấu hổ, không qua phòng khách nàng theo cửa khác vào phòng ngủ. Tiếng bước chân và chần nệm sột soạt, chắc chồng nàng nghe thấy. Mấy phút qua đi yên ắng. Hay hắn chưa biết? Nàng đành khẽ háng giọng. Bất chợt tiếng chồng nàng vọng vào:

- Nay em, tổng số 89 phong bì, 18 chiếc của em, còn... bảy mươi mốt chiếc của anh.

À, hoá ra chồng nàng đang đếm phong bì. Chắc chờ lâu sốt ruột, giết thời gian, anh chàng mang phong bì, thiếp mừng ra xem. Lại mấy phút yên tĩnh trôi qua, nàng vẫn chưa thấy tiếng bước chân của chồng. Hình như có tiếng xé giấy, tiếng chồng nàng lẩm nhẩm đọc gì đó, rồi tiếng hỏi vọng vào:

- Hoa là cô nào?

- Dạ... con bé xinh xinh, có cái răng khểnh. Lúc chúng mình tới bàn, em trêu... Nó cũng vừa mới xin việc được ở viện...

- Thảo nào, phong bì năm chục!

Nàng hơi sửng. Lại tiếng xé phong bì và giọng chồng đều đều, lạnh

lạnh: “Nguyễn Bạch Kim, năm chục... Đỗ Hải Yến, năm chục. À thêm cái thiệp mừng. Phan Huyền Tố Anh... cha cha, thi vị chưa! Không tiền, nhõn chiếc thiệp mừng. Hừ... lời chúc mới tốt đẹp, thướt tha làm sao! Hai bạn mãi mãi hạnh phúc... Hảo!” Tiếng chồng nàng dài ra. Đây đâu phải chuyện đùa mà cười cợt! Mặt nàng nóng bừng. Nàng xấu hổ với bạn bè thay cho chồng. Tại sao anh ta cười cợt, mỉa mai trước những tình cảm chân thật của bạn bè nàng? Chồng nàng vẫn tiếp, giọng khô khốc:

- Thôi! Tổng cộng phong bì của em 18 chiếc nhé! Anh cuộn gọn vào rùi đấy. Mấy cái chưa bóc đâu. Hừ,... chắc lại điệp khúc năm chục! Tiếp tục tiếng xé. Sao lúc này nó thô bạo, cứ xoèn xoẹt, xoèn xoẹt. Nàng rùng mình như nghe phải tiếng cạo tinh nữa. Trong nàng nổi buồn chợt đến mênh mang... -“Ơ hơ... hên rùi! Thế chứ, một tờ. Thằng này khá! Mà phải thôi, hồi nó cưới, mình đi năm mươi đô.” Lại tiếng xoẹt. “ Năm mươi đô, khá!” Lại xoẹt. -“Hừ, phong bì dày kiểu này, phèo rùi. Trăm nghìn. Bà dì ruột giàu nứt đố, lúc nào cũng dì dì, cháu cháu, thế mà mừng có một lít! Giống giàu, toàn quân kiết”. Xoẹt. -“Ba mươi đô”. Xoẹt tiếp. -“Hai mươi đô. Mẹ cha thằng bunn xỉn! Hồi nó cưới, mình phải mò tận lên thị xã Vĩnh Yên...”. Tai nàng ù đi trước những tiếng xoèn xoẹt xé phong bì, tiếng cười ha hả, tiếng văng tục thô lỗ. Mắt nàng cay cay. Chẳng biết thời gian trôi đi bao lâu, mười lăm phút, nửa tiếng, một tiếng...? Người chồng đáng kính của nàng vẫn say mê xé, cười, văng tục. Nước mắt nàng chảy dài trên gò má, lăn xuống chiếc gối thêu đôi bông hồng bạch trắng tinh. Giọt nước mắt ấy có khi lăn đến lớp vải ga cũng trắng tinh, xuống đến tận... đệm. Nàng cảm thấy ân hận. Sao mình đồng ý con người kia? Trước đây đôi lúc nàng mơ hồ nhận thấy ở hắn điều gì khó nói, khó diễn tả. Nhưng rồi nàng gạt đi, nghĩ mình khát khe, kỹ tính quá. Lần hắn tặng nàng bó hồng nhân ngày mừng tám tháng Ba, vẻ như vô tình, hắn để nàng biết hắn đã mua, giá mỗi bông hồng là bao nhiêu và phải mất bao thời gian mặc cả, chọn lựa trong cái ngày cực nhiều người mua hoa - bảy lăm nghìn 5 bông hồng Đà Lạt. Lại một lần đi chơi, vô tình giày hắn bị bunn bunn, hắn gọi, chọn, hỏi giá đến hai ba chú bé đánh giày. Bất ngờ, lúc đó nàng nhớ mình có cuộc hẹn, phải về gấp, thế mà hắn đợi kỳ được, tận khi chú bé đánh giày đi đổi tiền lẻ quay lại, trả tờ một nghìn.

- Em! - chợt tiếng hắn đầy kích động vang vang- Tổng cộng là mười tám vé ba và... chín triệu bảy trăm nghìn! Giá đô hôm qua mười một hai. Thắng con dream rùi. Ờ... mà còn phần phong bì ông bà già nữa, mình "nghĩa" toàn cỡ phong bì thiên thần. Hai cụ khốt làm gì

không viện trợ thêm cho cục cưng này chục tờ nữa... Ha... ha...  
Tiếng cười của hắn vô tình như tiếp thêm cho quyết định của nàng.  
Nàng vùng dậy. Đúng lúc thằng đàn ông nhồng nhống bước vào  
phòng, nàng lao ra. Bất ngờ, không kịp tránh, nàng đẩy mạnh và  
băng qua mặt hắn. Hơi sửng lại, mới đầu hắn tưởng cô vợ đùa,  
nhưng thấy nàng giật cửa vọt ra ngoài. Sự việc diễn ra quá nhanh  
làm hắn đứng ở ra độ mười giây, rồi như là bản năng, gã vọt theo  
vợ. Trong đầu hắn sùng sục ý nghĩ: Cô có biết, đám cưới này nhà tôi  
chi hết bao nhiêu không?./.

Trọng Huân

---

Nguồn: Vovnew. org

Người đăng: Ct.Ly

Thời gian: 17/05/2005 1:55:53 SA

**Trọng Huân**

**Hàng xóm**

Cô nghe tiếng cửa căn phòng bên cạnh mở, tiếng líu ríu cười đùa,  
đun đẩy của đám trẻ.

- Vào, vào đi....

- úi chà, tươm đây nhỉ. Đẳng ấy cá kiếm giỏi thật đấy!

Một giọng nam đáp lại:

- Cá kiếm gì.

- Một tháng bao nhiêu?

Tiếng hỏi, tiếng trả lời. Thế là căn phòng bên cạnh đã cho thuê. Gọi là phòng cho sang, chứ nó vụn vụn ch? có 7 mét vuông, líp fibro xi măng. Chủ căn phòng ấy cũng người trong ngõ. Cứ như câu chuyện họ đối đáp với nhau, thì căn phòng thuê trăm rưỡi một tháng và cậu thuê nhà tên là Cường, sinh viên trường Kinh tế quốc dân, giáp ngay khu tập thể này. Hôm nay nhân dọn đến nhà mới, cậu ta đưa bạn bè tới. Kể ở gần với đám sinh viên cũng rách việc, nào sinh nhật, nào bạn bè,... ồn ào, vô tổ chức. Nhưng cũng may, cậu ta ở có một mình. Tuy chưa giáp mặt, mới chỉ nghe giọng nói, có vẻ cũng tạm được - một giọng trầm và nam tính.

Sáng hôm sau cô đang lúi húi khóa cửa, thì nghe tiếng chào:

- Em chào chị. Em là hàng xóm mới. Chị chuẩn bị đi làm ạ!

Cô liếc nhìn, một cậu trai mười tám, đôi mươi, người cao ráo, khuôn mặt sáng sủa, nhất là đôi mắt, thật sáng sau cặp kính trắng. Buổi chiều đi làm về, cô thấy cửa nhà hàng xóm mở và nghe tiếng ghi ta bập bùng, cùng giọng hát nghêo ngao. Vừa làm bếp cô vừa chú ý lắng nghe cậu chàng hàng xóm đàn hát. Phải nói rằng giọng cậu chàng rất khá. Được một lúc, cô thấy cậu hàng xóm ngáp ngừng ngoài cửa:

- Chị, chị cho em xin xô nước. Em mới đến, chưa trữ được tý nước nào. Bà chủ bảo sẽ sửa cái vòi.

Cô bảo cậu ta cứ tự nhiên. Nước ấy mà. Lấy đầy xô nước xong, cau ta nhỏ nhẹ cảm ơn. Chập tối, đang ngồi xem ti vi, lại thấy cậu chàng lấp ló ở cửa. Cô mời vào nhà, hỏi có chuyện gì, cậu ta nhón nhén cười, nói sang làm quen với hàng xóm. Là những câu chào hỏi xã giao, biết nói chuyện gì với nhau, nhưng cứ chỉ sang chào hàng xóm,



cô cho là một biểu hiện, con người cũng biết nghĩ.

Quan hệ với hàng xóm mới diễn ra bình thường, chào nhau mỗi dịp giáp mặt, thi thoảng cậu ta sang xin nước. Qua những câu chuyện với bạn bè đến chơi vọng qua tường, cô sơ sơ biết về cậu chàng: quê Thái Bình, là sinh viên năm thứ hai,... Quan hệ của họ có lẽ không có gì tiến triển thêm, nếu như sáng đó....

Khi cô khởi động chiếc xe máy, mãi nó không nổ. Lúc đó cậu hàng xóm chưa đi học, thấy vậy liền chạy ra:

- Chị để em khởi động cho.

Sau khi máy nổ, cậu ta bảo cô, chiều nên ra hiệu xem lại bình ắc quy, có thể nạp điện, hoặc đổ thêm nước. Cậu ta còn xăng xái nói, nếu cô không ngại, cậu ta sẽ đưa xe ra hiệu xem giúp. Tưởng chỉ là câu nói xã giao, vậy mà ngay chiều đó, khi cô vừa đi làm về, cậu ta đã mau mắn hỏi thăm. Biết xe chưa được kiểm tra và chưa rõ cô có đồng ý không, cậu ta đã nhanh nhẩu dắt cái xe đi. Cậu ta đi rồi, cô lúi húi làm bếp. Được một lúc, cô chợt nghĩ ngợi: ừ, nhớ ra... Sao mình dễ tin người đến thế. Cậu ta mới chuyển tới đây, biết là người thế nào. Cô bồn chồn, không còn bụng dạ đâu mà làm bếp nữa. Chạy ra ngoài sân, cụ ngó sang phòng cậu ta, phòng trống huơ trống huyếch: một cái hòm gỗ, chiếc màn tuyn, dăm bộ quần áo và vài ba chồng sách. Cậu ta chuồn, thì mình biết đằng trời nào mà tìm. Càng nghĩ, cô càng thấy mình dại. Điềm lại, ừ có khi cậu ta lập mưu từ trước cũng nên. Thảo nào, khi thì sang xin nước, lúc vô vấp hỏi chào, hôm qua còn sang hỏi, mình có kìm, có mỏ lét không. Mình là phụ nữ độc thân, sấm của nợ ấy làm gì. Ngốc, ngốc thật. Đã mất của, còn dại mặt. Người ta cũn dăm ti?u, gái già, mất của vì thằng trẻ ranh. ừ, không chạy đi tìm nhanh, nó chuồn mất. Phải ra ngay mấy hiệu sửa

xe, hay vào hỏi thăm bà chủ cho thuê nhà, có khi còn phải ra đồn trình báo. Đang hấp tấp khoá cửa, thì cô nghe tiếng xe máy. Ngẩng lên, thấy cậu chàng hàng xóm đang cưỡi chiếc xe, vè vè chạy vào ngõ.

- Chị, chị định đi đâu thế?

Cô lúng túng. Còn đang ậm ừ trả lời, cậu ta đã liến thoắng:

- May quá, dầu đen kịt, ắc quy thì sạch nước. Chị nhớ, cứ đi độ ngàn cây là thay dầu. Vài tháng phải xem lại ắc quy. Chị ngại, cứ bảo em...

Cô cảm ơn và tránh sang một bên cho cậu ta dắt giúp cái xe vào nhà. Nhìn thấy vòi nước đang chảy, cậu ta ngồi xuống, rửa tay, miếng tíu tít dạn dò cô phải thế này, phải thế kia với cái xe. Thấy cái vẻ nhanh nhẩu của cậu chàng, cô thoáng mỉm cười, nghĩ mình chỉ được cái giỏi, nghĩ xấu cho người.

Cũng từ hôm đó, quan hệ của họ có vẻ thân thiện hơn. Cô cũng hay tò mò quan sát, hoặc lắng nghe nh?ng câu chuyện của cậu chàng hàng xóm với bạn bè. Bạn của cậu ta là đám trai, gái cùng lớp và mấy cô cậu sinh viên đồng hương. Thỉnh thoảng cô còn thấy cậu ta hò hét, đá bóng cùng lũ trẻ trong ngõ. Tắm thân trần lực lưỡng của cậu chàng đôi khi vô tình cứ đập vào mắt cô.

Một chiều chủ nhật, có cô bé ngập ngừng ngoài cửa:

- Cô.... cô cho cháu hỏi, anh Cường...

- Cường nào?

- Anh Cường.... ở trọ....

- Cậu ta... không có nhà.

- Dạ, cô có biết anh ấy....?

- Không!

Đúng lúc đó cậu hàng xóm từ đâu về. Thì ra đó là cô em họ, cũng là

sinh viên, vừa từ quê lên. ừ... sao mình lại khó chịu với cô ta? Có phải cô bé gọi mình bằng cô,...? Trong lúc anh em Cường trũ chuyện, có đám bạn kéo tới. Họ nói cười ồn ỉ, bắt cậu hàng xóm khao vì lý do gì đó. Một giọng nữ cất lên "ốc luộc, khao ốc luộc đi!". Họ ồn ào định ra phố, thì có ý kiến, mua ốc về nhà luộc. Cả lũ nhao nhao tán thành. Ai đó phi xe ra chợ, còn cậu trai chạy sang nhà hàng xóm. Cậu chàng sang hỏi mượn cái xoong to to. Chỉ một loáng, đã thấy người mang ốc về. Tiếng chí choé phân công nhau, người luộc, người pha nước chấm... Không ngâm, chỉ rửa qua loa, đã nghe tiếng ốc đổ công cốc vào xoong. Một chốc thấy mùi ốc luộc thơm lừng. Cô lại thấy chàng trai lúng túng trước cửa, tay bê bát ốc luộc, khói bốc nghi ngút. Đúng là một anh chàng chu đáo, mượn cái xoong, nên trả công đây. Cô không tiện từ chối.

Bên này nhà, cô vẫn tiếp tục theo dõi câu chuyện của đám trẻ quanh nồi ốc luộc. Những câu chuyện không đầu, không đuôi, chuyện này dính vào chuyện kia, ốc mùa nào là béo, ở quê đi bắt ốc thế nào.

Mấy cô bạn nghe câu chuyện tiếu lâm đánh đậm ở quê, ré lên cười, làm cô cũng phải tủm t?m cười theo. Lại tiếng cậu chàng: " ở quê tớ ấy, một lần có nhà tát ao. Khi đã bòn bắt chan chê, gia chủ cho phép mọi người xuống hôi. Dân tình già trẻ gái trai ào áo kéo xuống. Có ông nọ đang xùng xục khua tay, múa chân trong bùn dận cá, chợt một bà nọ lao về phía ông. Mọi người bất ngờ thấy cảnh hai người như dính chặt vào nhau, ông thì sảng sảng kêu, còn bà hai tay túm chặt dưới háng ông, miếng oai oái kêu, đây rồi, đây rồi, con sộp. Cá mú không thấy đâu, chỉ thấy mặt ông tái dại, sau đó mọi người phải xúm vào khiêng ông kia lên bờ, may là chưa phải đưa ông đi viện." Tiếng cười ré lên, tiếng đám lưng thùm thụp. Nghe họ đùa vui, cô

chợt nghĩ, giá mà mình còn ở cái tuổi mười tám, đôi mươi như họ. Ừ, mình đã già rồi ư? Ba lăm, ba sáu còn gì. Tuổi xuân qua nhanh, dăm ba mối tình, người mình yêu, thì người ta không yêu, kẻ sẵn đón, thì cô lại hững hờ. Để đến bây giờ... Mấy người đàn ông ở cơ quan thỉnh thoảng trêu đùa: "Em gái ngày càng xinh. Trưa nay anh mời em...". Biết là họ ỡm ờ, nghe cô chỉ thấy buồn. Người xấp xỉ tuổi, thì vợ con đề huề, trêu chọc cho vui. Còn mấy ông ngoài năm mươi, có tán tỉnh, theo đuổi, cũng là thứ bồ bịch, già nhân già, non vợ chồng, sa vào cho thêm mệt.

Rồi đám trẻ nhà bên cũng giải tán, chỉ có một cậu trai, vì trọ ở xa nên ngủ lại. Tiếng sột soạt giường chiếu, chắc họ chuẩn bị đi ngủ. Được một lúc nghe rinh rích tiếng cười, tiếng thì thầm to nhỏ. Ở bên này cô nghe câu được, câu mất. Tiếng giường chiếu cọt kẹt. Cô thoáng nghĩ, hay hai cậu trai này... Tự dưng cô thấy bưng bực anh chàng ngủ lại kia. Lại nghe tiếng họ thì thầm, vẫn câu được câu mất, hình như chuyện về phụ nữ, một cô bạn gái ở quê. Chợt tiếng cậu hàng xóm rinh rích cười, vì anh bạn kia hình như kể đoạn tán tỉnh, gã gặm cô gái. Được một lúc, thấy tiếng ngáy o o. Họ đã ngủ say. Bên này cô vẫn thao thức. Đầu óc chập chờn, nghĩ hết chuyện nọ, đến chuyện kia. Thế rồi hình ảnh cậu hàng xóm lại thoáng hiện trong cô. Một khuôn mặt thông minh, đẹp trai. Ừ, đúng rồi, cậu chàng rất giống một diễn viên Hàn Quốc, nhất là nụ cười. Tại sao hình ảnh cậu ta đá bóng, vòng ngực nhể nhại mồ hôi, bắp chân, bắp tay cuộn cuộn, cứ l?n v?n trong đầu óc cô....

Sáng hôm sau cô thấy cửa phòng nhà bên khép. Buổi chiều khi đi làm về cũng vậy. Lúc đang lúi húi làm cơm, bên này tường, cô loáng thoáng nghe như có tiếng húng háng ho. Đúng rồi, có tiếng người ho.

Chợt cô thấy lo lo. Chẳng lẽ hôm qua còn cu?i đùa, hôm nay đã ốm?  
Có lẽ cậu ta ốm thật, sáng không thấy đi học, chiều cửa phòng im ỉm  
đóng.

- Cường,... có làm sao không đấy?

Không thấy tiếng trả lời. Được một lúc, lại nghe tiếng ho. Đúng là cậu  
ta ốm rồi. Ngần ngừ một lúc, rồi không tìm mình được, cô bước ra  
sân. Gõ cửa đến mấy lần, không thấy tiếng trả lời. Tặc lưỡi, cô đẩy  
nhẹ cửa. Trên giường, chàng trai nằm, người phủ kín chăn. Tận đến  
lúc này, khi nghe cô hỏi, cậu ta mới kéo chăn khỏi đầu, khuôn mặt rù  
đỏ:

- Chết, Cường ốm mất rồi?

- Em... em như bị cảm,... Người gai gai lạnh...

Đặt tay lên trán Cường, cô thấy nóng hầm hập. Vội vàng về nhà, lục  
được mấy viên thuốc, sau khi cho cậu ta uống xong, cô chạy luôn ra  
chợ, mua ít lá xông. Đặt nồi nước xông, cô đặt luôn nồi cháo. Bê nồi  
nước xông sang nhà, giục mấy lần, cậu chàng hàng xóm mới chịu rời  
chăn. Nhìn Cường trùm chăn, cô thấy thương thương lạ. Con trai xa  
nhà, những lúc đau ốm một mình thế này là khổ lắm!

Cho đến lúc đi ngủ, mấy lần cô chạy qua chạy lại, xem cậu ta ăn  
uống, ngủ nghe thế nào. Cậu ta kêu đã đỡ, nồi cháo cô mang sang,  
vơi gần một nửa.

Lại một đêm cô mất ngủ, đầu óc nghĩ ngợi linh tinh. Cô thoáng nhớ  
đến lúc mình múc bát cháo, chàng trai đưa tay ra đón, ánh m?t cậu  
chàng nom đến lạ. ánh mắt người ốm nó như vậy chẳng? Bát cháo  
hành trong chuyện của Nam Cao, bát cháo hành Thị Nở đưa cho anh  
Chí. Giá mà... Đúng là mình nghĩ lảng nhãng. Ở kia, còn cả tấm thân  
trần vạm vỡ, vòng ngực l? lộ trước khi cậu ta trùm chăn xông, sao

mình lại nghĩ tới...? Cô đỏ mặt. Mãi, giấc ngủ mới nặng nề đến. Sáng sớm hôm sau cô nghe tiếng bước chân cậu hàng xóm đi lại. Tiếng cậu ta vọng sang, "Em khoẻ rồi". Trước khi khoá cửa, cậu ta còn ngó đầu sang, nói lời cảm ơn và toét miệng cười, hàm răng trắng loá. Trưa đó, lúc ngồi ăn cơm húp một mình ở cơ quan, cô lại nghĩ đến anh chàng. Hình ảnh cậu ta cứ lớn vờn trong đầu cô cả buổi chiều, làm cô không sao tập trung được vào công việc. Thôi hôm nay về sớm vậy. Qua cửa nhà hàng xóm, dù đã có ý tránh, cô vẫn thoáng đánh mắt nhìn vào. Bất gặp ánh mắt cô, chàng trai tíu tít:

- Kìa, em đợi chị mãi!

- Có chuyện, có chuyện gì thế Cường?

Cô hỏi hộp, trống ngực rộn lên.

- Lớp em được nghỉ mấy hôm. Tý nữa em ra bến, về chuy?n xe cuối.

Có ai đến chơi, chị bảo giúp, em về quê nhé!

Cậu ta đi rồi, cô chợt thấy trống vắng lạ, thoáng nhớ nhớ bước chân bên kia tường. Giờ này anh chàng ở quê đang làm gì nhỉ? Chắc đang vui vẻ nói chuyện với bố mẹ, hay đang chòng ghẹo cô em gái, hay đi câu ở cái đầm trước nhà, cái đầm mà cô vẫn nghe cậu ta kể cho bạn bè? Cảm giác trong cô một nỗi buồn pha chút tui tui. Cậu ta về quê, sao mà vui vẻ, hý hửng thế. Hình như chẳng nghĩ tới ai.

Một hôm, hai hôm, cô sống trong chờ đợi. Sao mãi cậu ta chưa lên, khéo lại ốm đau, hay ở nhà xảy ra việc gì. Đến tận chiều hôm thứ ba, cô giật mình, khi nghe tiếng mở khoá cửa phòng bên. Cô vừa mừng, vừa giận. Được một lúc, chàng trai xuất hiện:

- Chị ... ? Em vừa lên. Có tí quà quê, mấy quả ổi. ổi vườn nhà em đấy!

Cô lặng đi không đáp và cố vẻ như đang mãi tập trung vào công việc

đang làm. Chàng trai cứ hồn nhiên đến bên tủ bếp lấy dao, gọt, rồi bày ổi lên đĩa.

- Chị thử xem ổi quê em. ổi Bo ngon có tiếng.

Miệng nói, tay cầm miếng ổi, cậu ta đưa cho cô. Cô gái vẫn lặng im, đón miếng ổi một cách lạnh nhạt.

- Kìa, chị.... Hay chị chờ ổi quê em. ổi Bo giòn, lại ít hạt....

Chàng trai đến lúc này mới chợt nhận ra cái vẻ khang khác của chị hàng xóm. Cậu lúng túng đến mấy giây và cô gái cũng chợt nhận ra sự vô lý của mình, cô làm gì có cái quyền hờn giận người ta.

Trần trở, thao thức, lại một đêm cô mất ngủ. Dằn vặt, tự vấn lương tâm, để cuối cùng cô đi đến quyết định, phải dời bỏ nơi này, phải dời bỏ càng nhanh càng tốt. Việc mua bán căn nhà diễn ra chóng vánh. Trước khi dời nhà, cô đắn đo mãi, có nên nói đôi lời gì chẳng? Cho đến lúc trao chìa khoá cho chủ mới, cô đánh mắt sang nhà bên, đập vào mắt cô là chiếc khoá treo lủng lẳng. Chủ nhà mới thấy cô chơm chớp mắt, nghĩ cô lưu luyến căn nhà cũ, ông có vẻ thông cảm.

- Bác, cháu nhờ bác một chuyện. Lúc nào cậu hàng xóm về, bác đưa giúp cháu lá thư.

Chàng trai trẻ nhận lá thư từ tay ông hàng xóm trao. Phong bì không tên, không địa chỉ người gửi, người nhận. Chàng trai ngạc nhiên, trong phong bì chỉ một tờ giấy mỏng mang trắng muốt, tịnh không một dòng chữ./.

- Mùa đông Hà Nội 2004 -

## Trọng Huân

### Hổ và mèo cùng họ!

Hổ ở gần nhà chị em mèo, mèo A và B. Trước đây vài lần hổ sang vồ mèo để xơi thịt, nhưng chị em mèo biết trèo cây, nên hổ ta chỉ còn nước đứng dưới gốc cây, ngược nhìn, nuốt nước bọt suông. Ngoài kế sách trèo cây, mèo còn được giúp sức bởi đám chuột. Mèo vốn chúa tể của bầy chuột. Hổ chúa tể rừng xanh. Mỗi bận sang vồ mèo, hổ bị lũ chuột múa máy, cản chí như kiểu muỗi đốt, có bận bị sốt xuất huyết lử khử. Thế là bỏ cuộc bắt mèo.

Hai chị em mèo lâu nay mỗi ngày vẫn vồ vài ba chú chuột. Tuy ăn thần dân, nhưng mèo và chuột vẫn là mối quan hệ thần dân bền vững trong chuỗi thức ăn của hệ sinh thái. Thỉnh thoảng chúng còn lôi nhau ra chơi trò, mèo đuổi chuột, vui đáo để.

Gần đây hổ sang chơi và bảo chị em nhà mèo rằng: Xưa nay chúng ta là láng giềng tốt đẹp, gần gũi. Rồi thỉnh thoảng hổ lân la sang thăm nhà mèo. Một lần hổ rỉ tai hai mèo: Chúng mình còn có họ với nhau đấy! Không tin, các cô cứ giở tự điển sinh học ra mà coi. Mèo mở từ điển, thấy đúng thật, mèo và hổ cùng họ. Họ hàng đã quý rồi, nhưng



chị em mèo quý nhất gói quà hổ biếu, cao hổ cốt.

Thấy hổ lân la sang thăm, lũ chuột xúm lại can, đừng chơi với nó. Đã không nghe, mèo bịt bông vào tai, sau đó thấy lũ chuột cứ tâu trình mãi, liền vồ lấy vài thàn dân, nhai tươi, lại vật trụi đuôi dăm con nữa. Chuột cụt đuôi, còn đâu ngoáy được lọ mỡ. Từ đấy, chẳng con nào dám can chị em chúa tể mèo.

Một lần hổ sang nhà mèo. Lúc này không con chuột nào dám bén mảng đến, vì mèo có lệnh, cấm tiệt chúng khi láng giềng hổ sang thăm viếng.

Hổ thì thào vào tai mèo: Hôm nay tôi bàn với hai em láng giềng về dự án liên doanh. Nghe hổ nói, hai chị em mèo mắt sáng long lanh, rỗng tai nghe. Hổ to nhỏ:

- Lãi, lãi lắm. Mà không phải vốn.

Mèo hỏi:

- Liên doanh gì?

- Liên doanh xuất khẩu thịt chuột. Bắt tiệt lũ chuột, đem xuất khẩu. Xuất sang mấy làng ở Bắc Ninh, Hưng Yên, họ tuyền ăn thịt chuột luộc ép lá chanh.

Kế sách hổ đưa ra là dùng thuốc diệt chuột do nhà hổ sản xuất.

Thuốc này cực nhạy, giết cả lượt nhà chuột, mèo chả phải rình bắt nữa, thỏa thuê ăn, còn dành xuất khẩu mỗi đợt hàng bao tải. Vụ liên doanh này, không cần tiền, mèo chỉ cần thế chấp cái sổ đỏ thôi.

Ngoài dự án liên doanh, hổ còn biếu tiếp một tạ cao hổ cốt.

Đúng là cơ hội vàng, trời cho. Thế là mèo nhập thuốc của hổ về, rải khắp nhà. Những gói thuốc bì mაც óng ánh, đẹp lắm, trên đề rõ to bằng chữ chuột: Thuốc này không độc, lại bổ!

Vốn là thần dân của mèo, thấy chúa tể ban phát ân lộc, chuột nào chẳng tin, cứ xúm vào xơi thuốc bổ.

Đêm rải thuốc, sáng ra chị em mèo được bữa thịt chuột thỏa thuê. Sau bữa thịnh soạn xong thịt chuột, chúng rủ nhau lên phố Hàng Hành, uống cà phê. Chúng dùng cà phê sáng quen rồi, sài sang quen rồi, ông chủ cà phê nhăn mặt. Chúng gọi cà phê phin để còn có thời gian tâm sự, để còn ngắm những giọt đen đen lách tách rơi. Trong khi ngắm cà phê rơi, em mèo A ngó sang chị mèo B và buông câu:

- Chị có.... cái mũi dài và đẹp thế!

Chị mèo B mũi nở ra vì sung sướng. Sung sướng thật. Chị ngồi đến một lúc thưởng thức cái sự người ta khen và sướng. Rồi chị mèo B nghĩ ngợi, chả nhẽ mình hưởng sướng suông lời em khen, phải khen lại chứ. Chị liền cất giọng:

- Em ạ, em có..... cái đuôi ... đẹp và dài thế!

Nghe khen đuôi mình dài, em mèo A ngây ngất sướng, ngả ra ghế hưởng sướng. Dài thật, đuôi mình dài thật, nó lại còn vẫy... vẫy được nữa. Cái đuôi mình nó vẫy.... vẫy kia! Chao ơi, sao ở trên đời này lại có cái đuôi đẹp, dài đến thế! Lịm đi hưởng sướng đến cả tiếng, em mèo A lại nghĩ, mình được khen sướng quá, thế thì mình cũng phải khen đáp lễ lại chị mình chứ. Em A liền khen chị B:

- Chị có.... có... cái lông dưới mũi đẹp thế, như ria con kiến ấy...

Chị mèo B vội vàng vuốt ria, và mang cả gương ra soi. Đẹp... bộ ria đẹp thật! Đến bộ ria của diễn viên nổi tiếng người Mỹ : Oách – Xà – Đùng cũng không đẹp bằng. Đẹp quá đi mất thôi. Nó mới óng ả làm sao, dài đến cả thước, đi trùm quét đất. Chị mèo B lân lân cả tiếng lãng du về bộ ria mép dài, bóng, dày,... đẹp của mình. Rồi chị lại ngó sang em A và nghĩ, đến lượt mình khen rồi đấy. Chị cất cao giọng:

- Em ... em có cái.... cái ấy, đẹp quá!

Em mèo B nghe khen, mũi nở ra. Được mười phút em chọt ơ ơ ra, quay sang hỏi chị:

- Chị ơi, cái đẹp... chị khen ấy là cái gì... nhỉ?

Chị mèo B hơi sững. Đúng rồi, mình đã nghĩ ra cái đẹp ấy gì đâu, vội vàng lấp liếm:

- Cái... cái ấy... ấy mà!

Em mèo B đến lúc này mới hay, người ta khen cái gì ấy của mình đẹp. Trong đầu em mèo A lóe lên sung sướng. Đúng là cái ấy ... ấy của mình, đẹp thật! Em mèo B ta vội vàng mang gương ra soi, soi mãi chẳng thấy cái ấy... ấy của mình đâu... nhưng nó vẫn thấy đẹp. Đẹp thật. Nó gật gù sướng.

Chị em nhà mèo cả sáng ngồi khen nhau và sướng. Thời gian trôi đi... Bụng mèo B chọt ngâm ngâm, rồi đau dần lên, đến ...quặn đau. Nó không thể ngồi được nữa để hưởng sự khen đẹp của em, nó phải đứng lên đi làm cái việc thiên nhiên kia. Nhấn mặt, mèo B vịn bàn đứng lên:

Thấy nét mặt chị nhăn nhăn, em mèo A vội khen:

- Ôi... nét mặt chị buồn .... đẹp quá!

- Ủ... ử - Chị mèo A đáp.

Đáp xong, chị lử đử bước. Thấy chị bước ....., em mèo B lại vội cất tiếng:

- Ôi, bước đi của chị.... yếu điệu thế!

Nhưng lúc này, chị mèo B đau quá, đau quặn ruột, chả còn hơi sức đâu thưởng thức sự khen của em, chị bước... bước lẩy bước để...

Hôm sau, ông chủ hàng cà phê không thấy chị em nhà mèo đến dùng cà phê sáng.

Còn ở nhà mèo, cổng treo tờ cáo phó: Đau buồn báo tin, cả hai chị em nhà mèo chết ráo. Chủ tang là ông hàng xóm hổ. Ông ta phúc đức quá, đứng ra lo việc tang ma cho hàng xóm. Trong bài điếu, hổ rưng rức khóc và đọc đoạn văn: chị em nhà mèo khen nhau. Ông hổ ta trình luôn trước bàn dân thiên hạ, cái sỏ đở và treo luôn tám biển, đây là nhà ông hổ. Ông ta còn vớt ra ngoài đường gói quà cao hổ cốt. Nó là miếng xương con lảng giềng tốt đẹp gần gũi xưa nay hổ vẫn khoe.

Sau đám tang, hổ thu lại hết thuốc diệt chuột. Nó phải để cho đàn chuột sinh sôi mà làm thịt dần đám thần dân mới chứ./.

## Trọng Huân

### Kẻ trông chùa

Chùa làng tôi nằm trên gò đất cao cuối làng, cây cối um tùm. Từ xa thấy tháp thoáng mái chùa và cây si già. Ngày bé, quãng chín mười tuổi tôi thường theo bà đến đấy. Bà tôi già lắm. Cứ mùng một hôm rằm bà đi lễ Phật. Bố sai tôi theo bà, bố sợ bà già yếu đi một mình. Bà rất nhớ ngày sóc vọng, trước một hai hôm, đã nhắc sắp và tắm gội sạch sẽ. Bà giở bộ quần áo mới trong bồ hay chọn thứ lành lặn mặc, khoác ngoài tấm áo dài nâu. Tôi xách làn đựng nải chuối, thẻ hương, lẵng xăng bước theo bà.

Trông nom chùa là một nhà sư nữ. Cụ cũng già như bà tôi, mặt mũi răn reo. Cụ luôn trùm chiếc khăn nâu nhưng có lần tôi phát hiện, đầu cụ sư nhăn thín. Tôi ghé tai bà nội hỏi:

- Bà ơi, sao đầu cụ sư nhăn thế? Tóc rụng à?

- Hồn nào! Cụ đi tu, cạo đầu. Lần sau cháu không được nhìn cụ thao láo như vậy!

Đến cổng chùa bao giờ bà tôi cũng dừng lại, soát hàng cúc, vuốt vạt áo, đưa gậy cho tôi hoặc kẹp vào nách, hai tay bà chấp lại trước ngực thành kính. Tôi cảm thấy sờ sợ, bước sát theo bà. “Nam mô a di đà Phật!” - tiếng bà tôi dưới sân chùa. “Nam mô a di đà Phật!” - tiếng

nhà sư trong chùa vọng ra. Bà tôi thành kính xếp lễ lên ban. Khi bà lùi ra chuẩn bị lễ cũng là lúc sư cụ thỉnh chuông. Tiếng chuông ngân nga... Tôi khép nép túm vạt áo bà đứng sát vào hơn. Nghe tiếng chuông tôi cứ tưởng tượng, các vị thần linh trên trời đang chứng kiến lời thỉnh cầu khẩn lạy của bà tôi. Qua làn khói hương, tôi thấy các pho tượng như xao động, mắt chăm chăm nhìn vào tôi. Sợ hãi, tôi cúi gằm, miệng luống cuống: “Cháu không phá tổ chim, cháu chỉ xem thôi. Cháu đi mót lúa hợp tác, chứ không bóc tuốt trộm đâu. Cháu...”

Lễ xong bao giờ bà tôi cũng ngồi nói chuyện và uống nước với sư già, thứ nước với nhân nhận đắng và ngọt, quê tôi nhà nào cũng uống. Hai người già nói chuyện về con đường trước chùa, khéo mưa xuống lầy lội mất; về thời tiết thay đổi, các khớp xương đau; nói về thu hoạch mùa màng... Câu chuyện không mấy thú vị, đã nhiều lần nghe, tôi bỏ ra sân chơi, nhặt hoa dại hay trái si vàng nhỏ rụng đầy sân chùa. Lần nào ra về bà cũng được nhà chùa phát lộc, khi chiếc oản, khi thì mấy quả chuối, có bận là vài trái chay chín vườn chùa. Miệng tôi ứa nước bọt, đến cổng đã háo hức mở ra xem, bà mắng: - Hư nào! Để về bà chia, cả nhà thụ lộc.

Trẻ con nhanh nhớ chóng quên, chỉ quăng ngán tôi đã quên chỗ lộc vì mãi hỏi bà những điều nhìn thấy ở chùa:

- Bà ơi, cái người nhỏ tẹo, đen sì, một tay giơ lên gò, một tay trở xuống đất là ông gì đấy?

- Hồn nào! Không được gọi Ngài bằng cái. Ngài là Phật Tổ.

- Thế cái Ngài nhiều tay là ai?

- Hư nào! Ngài là Phật Bà Quan Thế Âm Bồ Tát, ngài thấu hiểu mọi điều đau khổ của chúng sinh. Người làm điều tốt Ngài phù hộ; kẻ làm

điều xấu Ngài quở phạt.

- Thế thằng Hải hôm qua trầy trộm bươi nhà ông Sửu ăn Ngài biết không?

- Chết chết! Ngài biết. Lần đầu Ngài tha; lần sau thì Ngài phạt đấy! Bà tôi hay kể câu chuyện Ngài trị kẻ ác làm việc xấu. Hồi ấy Tây càn, Tây bắn súng cối vào làng tôi, một viên trúng chùa nhưng đạn thối. Bọn Tây không vượt nổi hàng rào lũy tre làng, nhiều đứa phải bỏ mạng. Bao giờ bà cũng kết thúc câu chuyện một cách thành kính: Nhờ có Ngài phù trợ đấy! Và những câu hỏi bất tận, lời giải thích rĩ rả của bà cứ từ từ thấm vào đầu óc non nớt của tôi lúc nào không hay biết: Không được bắt giết chim chóc, không hái trộm quả nhà người, hãy thương kẻ khó... Song có những điều lớn lên tôi mới hiểu, như về cõi trời đất, về tạo hóa, về thế giới tâm linh, tinh thần, vật chất, về đạo sống ở đời. Giờ đây, có lúc chợt nhớ đến câu chuyện bà kể và những giấc mơ đẹp tuổi thơ, Bụt hiện lên, Ngài cho tôi đồ chơi, bánh kẹo, con ngựa hồng... tôi lại ước ao, giá được sống lại tuổi thơ. Hồi ấy, một lần, bố tôi đi họp về. Trong bữa cơm tối, bố nói chuyện với bà và mẹ, làng sắp dọn chùa, tất cả tượng và đồ thờ chuyển xuống nhà tổ, người ta phân công bố vào đội dọn.

- Trời! Sao lại dọn chùa. A di đà Phật! Không được làm điều ác! Bà tôi bỏ ăn đứng lên, bố nói thế nào bà cũng không ngồi xuống ăn tiếp nữa. Ngay tối đó bà sai mẹ tôi đốt ngọn đèn bão đưa bà ra chùa. Khuya mới thấy tiếng gậy khua lóc cóc trên sân của bà, hai người đã về. Lúc đó tôi lơ mơ ngủ, loáng thoáng nghe bà bảo bố:

- Con ơi! Con đừng theo ai làm điều xấu. Mẹ già rồi chẳng nói làm gì, đừng con phải nghĩ tới các cháu...

Tôi nghe bố dạ một tiếng nho nhỏ. Sáng hôm dọn chùa, bố mẹ tôi đi

sớm. Nghe mẹ nói với hàng xóm, có tin nhắn sang, ông ngoại mệt - quê mẹ tôi ở làng bên. Hôm đó bà cấm tôi không được ra ngoài. Thấp hương quỳ trước ban thờ, bà khóc nặn. Trẻ con hiếu động, nghe tiếng người lao xao kéo xuống cuối làng, không chịu nổi, tôi lên đi xem. Ngoài chùa, trẻ con người lớn vòng trong vòng ngoài, ông Hội là người chỉ huy việc dọn chùa. Chiều ấy bố về, tôi bị trận đòn nên thân. Tôi gào gọi bà như những lần bị bố đánh, bà không ra can, chỉ thấy mắt bà đỏ hoe, trong nhà nhìn ra.

Tượng, đồ thờ của chùa làng tôi gom hết lại, chất đống vào nhà tổ. Xếp không hết, chỗ thừa theo lệnh ông Hội chuyển đến trại chăn nuôi và lò gạch HTX. Ông Hội nói: Đám ấy toàn gỗ khô, than đượm, trại chăn nuôi và lò gạch không đun đốt cả tháng. Khu chùa dọn rồi, dãy nhà trống thành mấy lớp học của bọn tỳ nhau chúng tôi. Tỉnh thoảng tôi thấy sư già quờ quạng gậy, bước dưới sân sau chùa. Được vài tháng thì cụ sư mất. Đám ma của cụ nhiều dân làng đưa tiễn, nghĩa tử là nghĩa tận. Khổ thân, sư cụ về tu chùa làng tôi ngót nghét năm chục năm trời, vậy mà... Vài năm sau thì bà tôi mất. Tôi nhớ, buổi chiều ấy đi học về, mẹ bảo bà muốn gặp tôi. Tôi vội chạy vào, bà quờ, nắm tay tôi lỏng lẻo, giọng thều thào:

Cháu ơi... bà sắp về nhà bà đây... Lớn lên cháu nhớ: Đức Phật... Ngài có ở khắp mọi nơi.... Ngài biết việc ta làm... Khinh bỉ... căm ghét của người đời... cũng là sự quả phạt của ngài đấy... cháu ạ!

Tôi hiểu bà đang nói với tôi điều gì.

Thấm thoát đã ba chục năm rồi tôi xa làng đi học và ra công tác. Vì công việc lại bận rộn chuyện gia đình tôi hiếm khi về làng. Đợt này tôi mới có dịp cùng chồng con về thăm bố mẹ, thăm quê. Lâu ngày mẹ con bà cháu gặp nhau, biết bao chuyện. Đang câu chuyện chợt mẹ



khoe:

- Làng ta sửa chùa rồi con ạ! Đình thì không dựng lại được, Tây càn đốt cháy tiệt... mà tiền của đâu. May còn ngôi chùa mới chỉ dột nát...

- Thế ai trông nom chùa làng mình? Sư già mà còn sống nay cụ ngoài trăm tuổi!

Không thấy mẹ trả lời câu hỏi của tôi, chỉ thấy mẹ ngược nhìn ảnh bà nội trên ban thờ. Bố tôi ngòai đó chép miệng:

- Ôi dào, cái lão nhập nhằng sổ sách thời hợp tác, bị...

Bố vừa nói tới đây mẹ đã gạt đi:

- Thôi ông... có giờ...!

Rồi mẹ quay sang bảo tôi, mai vợ chồng nhớ đưa các con đi lễ chùa.

Sáng hôm sau mẹ chuẩn bị sẵn đồ lễ trong chiếc làn, nải chuối bó hương cùng đĩa hoa hái vườn nhà. Trước khi đi, tôi thắp nén hương lên ban thờ bà nội:

- Bà ơi, cháu chuẩn bị ra chùa làng mình lễ đây! Cháu đưa cả thằng chắt Cún của bà đi lễ đấy, bà có dặn cháu gì không?

Từ xa đã thấy mái chùa làng tôi đỏ tươi màu ngói mới. Đám cây cỏ thụ quanh chùa không còn nữa. Xung quanh chùa bờ tường cao mới xây vôi quét trắng toát. Nghe tiếng đẩy ken két của chiếc cổng sắt, cổng mới dựng, một ông già dáng đậm chạy ra. Tôi sửng lại, ông Hội. Ông Hội chưa nhận ra tôi, tiếng ông dềnh dảng:

- A di đà Phật! Cậu mợ là cánh con cháu nhà ông bà nào mà tôi chưa nhận ra nháy? à... à, cánh nhà cụ Nhất phải không? Giờ ơi, có Phật đây chứng giám, tôi nghe nói cậu mợ trên Hà Nội làm ăn phát đạt lắm! Trời Phật phù hộ đấy. Hôm làng quyên giáo sửa chùa, hỏi thăm các cụ đảng nhà dựng Hà Nội rộng lớn vậy, biết đâu mà tìm. Có Phật đây...

Thoạt trông, có vẻ ông ta khác ông Hội năm nào, mềm mại trong bộ đồ ta màu hạt dẻ, ăn nói nhún nhường, mỗi câu lại để thêm từ “có Phật”, nhưng nhìn kỹ tôi vẫn nhận ra cái ông Hội xưa. Ông đơn đả dẫn khách đi giới thiệu việc công đức sửa sang nhà chùa. Nào pho tượng Thiện, ác là cánh con cháu nhà cụ Tuất ở Hà Nội cung tiến, ông nói, để làng ta nhiều điều thiện, ít cái ác. Còn pho tượng Thích Ca, chi phái nhà Mão, con cháu ở thành phố Hồ Chí Minh công đức. Nghe ông say sưa giới thiệu, tôi thoáng nghĩ, hay giờ ông ta ân hận những điều mình làm trước đây, ông ra chùa trông nom để chuộc lại...? Chờ tôi bày lễ thắp hương, ông Hội lùi xuống thỉnh chuông. Tôi lạnh người nhớ đến tiếng chuông của sư già thuở nào. Sao tiếng chuông ông Hội thỉnh nghe không giống tiếng chuông chùa ngày trước. Khi tôi lễ xong các ban, ông Hội mời vợ chồng tôi đến trường kỷ xơi nước. Tiếng cánh chèo rơi loong coong trong chiếc ấm trà Trung Quốc làm tôi chạnh nhớ đến những chiếc bát sành cũ kỹ sư già mời bà tôi uống nước với xưa. Ngay đối diện với bộ trường kỷ là bệ xây, ngày trước có đâu! Cùng với đồ thờ, trên bệ còn có chiếc hòm gỗ đỏ, đập vào mắt khách là hàng chữ CONG ĐUC vàng chói. Vừa mời vợ chồng tôi xơi nước, ông Hội vừa giới thiệu việc cung tiến của dân làng, đặc biệt là người xa quê. Ông nói, chùa làng còn nhiều công trình cần công đức lắm, như cất tháp mộ sư già, xây sửa lại nhà tổ, sắm đồ thờ thiếu... Xen mỗi câu là tiếng cười của ông Hội.

- Cậu mợ... vâng, đây là điều để phúc cho con cháu. Phật, Ngài không quên đâu... He he he...

Tôi như đã nghe tiếng cười đó ở đâu? Còn chồng tôi, thấy ông Hội gợi ý, anh nhanh nhẩu rút ví. Rất nhanh cái đĩa đã sẵn trên tay ông Hội từ lúc nào, đón lấy những tờ xanh xanh đỏ đỏ.

- He he he... Phật, Ngài nghìn mắt nghìn tay, Ngài sẽ phù hộ độ trì cho cậu mợ và các cháu... He he he...

à, tôi nhớ ra tiếng cười ấy rồi, khi đôi tay ngài đầu rồng gãy cật, sự già rúm ró sợ, là lúc tiếng cười he he của ông Hội cất lên trên sân chùa thuở nào.

1996

## **Trọng Huân**

### **Khi người ta đói**

Có kẻ từng mỉa mai về người viết sự đói, người đói, rằng tầm nhìn không thoát khỏi miếng ăn(!) Đúng rồi, nếu người ta no thì miếng ăn quá khẩu thành tàn, còn nếu đói, như các cụ nói, đói rã họng ra ấy à...

Chủ nhật vừa rồi tôi đi uống bia với anh bạn cùng cơ quan và vài người nữa ở quán bia Bò Tùng Xẻo trên đường Thái Hà. Anh bạn béo tốt, béo tốt tới mức, anh em trong cơ quan gọi đùa - Dũng Di Lặc và cậu ta là cỗ thước đo mức tăng trưởng của nền kinh tế nước nhà mấy năm qua.

Vốn người sành ăn, hễ đi nhậu, anh em đều tín nhiệm cậu ta khoản “đi chợ”. Tôi lần đầu tiên tới quán bia đó, còn bọn họ là khách quen. Quán đang đông, sau cú trăm phần trăm vại bia hơi Hà Nội, mới thấy

anh bạn béo gọi đồ nhậu.

- Cho đĩa ... rau bí xào!

Bữa đó tôi là chủ chi, nên hơi áy náy, nhắc bạn, xem gọi thêm vài món gì nữa. Ông bạn bảo từ từ thôi, cậu ta khề khà nhắc chủ quán: chọn rau non, tước kỹ rồi xào nhiều tỏi vào... Nghĩa là chỉ đĩa rau thôi, ông béo hành nhà hàng đủ thứ. Chưa hết, cậu ta còn nhấn rõ, làm đĩa năm nghìn. Sau hai, ba lần trăm phần trăm nữa, vẫn chưa thấy ông bạn kêu thêm, mà lại gọi nhân viên tới, huơ huơ đũa, trở miếng bã rau trên bàn, cậu ta hát hàm hỏi:

- Này, rau chần nuôi hay sao mà ăn phải nhả bã thế này!

Để cho cậu chàng chạy bàn phân trần một lúc, anh bạn béo mới tiếp:

- Cho đĩa thịt trâu xào cần! Mười nghìn.

Tôi hơi ngạc nhiên, lấy đầu ra thứ oái oăm đó, hay tay này tếu. Lại tiếng cậu ta cao vồng:

- Xem nào, có đúng thịt trâu không!

Đầu bếp phải giương miếng thịt trâu sát mặt cho cậu ta kiểm tra. Hoá ra quán đây có thịt trâu. Đĩa thịt 10 nghìn, còn xem có đúng không, mà tiếng ông bạn tôi đầu nhỏ, chắc không ít khách bia bàn khác phải nhìn sang. Sau tiết mục kiểm tra thịt, ông bạn Dũng Di Lặc oang oang tiếp:

- Miếng ăn là miếng nhục, nhưng miếng nhục lại là miếng thịt... Giống thịt trâu nó đậm hơn thịt bò, quán này có thịt trâu, không biết mà gọi thịt bò, nó mang thế bằng trâu, trâu mà tưởng bò, bò lại tưởng trâu... nó đã chém, lại còn cười mình con vịt... Nên cái gì bây giờ cũng phải xem, giả giả thật thật. Thôi nào, rước các chú chuẩn bị xơi món thịt trâu xào nào... H..à h...à!

Nghe tiếng mời giễu của bạn, tôi chợt nhớ tới từ “rước” trong bữa

được mời cơm khách cũng trong một bữa ăn cách đây tròn ba mươi năm.

Ấy là mùa hè năm 1969, sau khi Giôn Xơn phải ngưng cuộc bắn phá miền Bắc lần thứ nhất, tôi được chuyển ra thăm Thủ đô, lần đầu tiên biết Hà Nội. Bầu đàn chúng tôi khá đông, ông chú ruột, 3 đứa em họ và tôi, tất cả 5 người. Quá hiểu và thông cảm với hoàn cảnh người nhà ở Hà Nội, sau chiến tranh khó khăn, nên dù là khách, ông chú tôi vẫn tự túc mọi thứ phục vụ cho sự ăn uống của đoàn. Trong bốn đứa, cậu em họ hơn tôi một tuổi, lớn nhất, được giao nhiệm vụ nặng nề, vác bó củi. Bó củi sắp tày tặn, chẳng bó cẩn thận, nặng không dưới 30 cân. Cậu thứ hai bằng tuổi, nhưng vóc dáng hơn tôi, được phân công vác bao tượng gạo chẵn mười lăm bơ, loại ống cân chín lạng. Đó vừa là lương thực của đoàn trong chuyến viếng thăm thủ đô, vừa là quà nhà quê đem đi biếu. Còn tôi đội quả dưa hấu. Không phải quả dưa mang đi làm đồ giải khát dọc đường, nó là món quà cho một người họ hàng danh giá bên ngoài của chú tôi. Sau chặng chen lấn ô tô khách từ quê tôi - Ninh Giang lên thị xã Hải Dương, chúng tôi lại tiếp chầu nữa rông rấn xô đẩy xếp hàng mua vé, rồi tranh cướp nhau lên tàu hoả. Khoảng sáu, bảy giờ tối, tàu đến ga Hàng Cỏ, thầy trò tôi lách thếch tìm đến người nhà ở ngã tư Khâm Thiên, khu 2A bây giờ. Dù cả ngày vất vả, hai ba giờ sáng xếp hàng tranh vé ô tô và khoảng bảy tiếng đồng hồ ngồi tàu xe trên quãng đường vồn vện 87 km, tôi vẫn mê mẩn Thủ đô. Một đứa trẻ nhà quê lần đầu tiên ra tỉnh, thật cái gì cũng lạ. Có lẽ mãi héch mắt ngắm nhà, ngắm xe, ngắm tàu điện, lại loạng quạng vì đèn đường, tôi vấp rế cây, ngã lăn cu chiêng, quả dưa hấu - món quà mang đi biếu, đội trên đầu - lăn lông lốc và... vỡ toác. Tôi không rõ ông chú mắng mỏ, quát

tháo những gì, chỉ nhớ đại ý rằng, lúc ấy ông cáu lắm. Thôi thế là món quà nhà quê có ý đồ đem biếu bị vỡ mất rồi!

Chuyến đi thật nhiều kỷ niệm và là kho chuyện cho tôi kể với đám bạn bè quê: Hồ Gươm to rộng bằng trăm cái ao đình làng mình, mà không bèo, nước xanh biêng biếc cơ; xì, cây gạo làng mình chưa đi đến đâu, vườn Bách Thảo cây to mùi mấy người ôm mới xuể; ôi kem lạnh toát, thì kem là kem chứ còn là cái gì, thế mới lạ, lạnh mà lại bốc khói nhé, tao vừa mút vừa phải xuýt xoa cho răng đỡ bu?; quày bán xi rô Hà Nội chỗ nào cũng có, ngọt lắm, lại ngọt... không như xi rô trên thị trấn, nhạt thêch;... Phải đến cả tháng tôi tự hào kể với đám bạn như vậy, những đứa chưa một lần rời chân tới phố huyện, chứ nói gì tới Thủ đô, chúng cứ tròn xoe mắt nghe. Có một chuyện mà tôi không kể, thực ra mới đầu về quê tôi đã kể, sau mấy cậu em họ nhắc nhở, bảo chú tôi dặn, đừng kể chuyện ấy nữa - đó là bữa được mời cơm.

Hà Nội vui quá, người đông quá, phố xá tấp nập, tưng bừng. Ba hôm ở thăm mà tôi thấy thời gian đi vèo vèo. Rồi bọn trẻ được ông chú thông báo, chiều mai có người họ hàng bên ngoại nhà chú tôi mời cơm. Mấy hôm thăm chơi Thủ đô, chúng tôi ở một nhà người họ hàng, tự nấu ăn lấy, củi gạo đã mang sẵn từ quê lên rồi. Lâu nay ở quê nghe nhiều về người Hà Nội. Ôi cái gì người Hà Nội cũng đẹp cũng hay, người Hà Nội lịch sự lắm, người Hà Nội nấu ăn ngon lắm, cỗ Hà Nội to, to lắm! Biết tin mai được mời cơm, tuy không nói ra, song chắc chắn trong thâm tâm mấy đứa trẻ chúng tôi, ai nấy đều khắp khởi mừng thầm, sẽ được một bữa thoả thuê, cỗ bàn Hà Nội mà, thịnh soạn, thịt cá ê hề, cứ thoả sức ăn.

Trước và trong chuyến đi, điều thường xuyên chúng tôi được nhắc

nhỏ, khi công khai, lúc thầm thì, kể cả dùng ám hiệu nhắc nhở về vấn đề ăn uống. Bài học “Phải, không” có rất nhiều điều: phải ăn uống từ tốn; phải mời trước khi ăn; không nhai nuốt nhồm nhoàm; không tự tiện múc gắp;...! Nội dung bài học nhắc đi giảng lại đến mức tôi thuộc lòng. Dù vậy vẫn sợ hớ hênh hay quên, thỉnh thoảng tôi còn đem ra ôn tập, lẩm nhẩm đọc thành lời: không gắp, không nhai, không... Tức là phải lịch sự như người Hà Nội. Nếu không lịch sự được cái gì, thì chí ít gắp mà giữ cái sự ăn uống. Vâng, giấy rách phải giữ lấy lề, cái lề nhà quê. Trong lúc ở quê dạy các lễ nghi “Phải, không” kia, ông chú cao hứng, làm luôn một tràng, chẳng rõ nói với lũ tỳ nhau chúng tôi hay nói với ai:

- Người nhà quê vẫn bảo, lời chào cao hơn mâm cỗ cơ. Đúng quá! Đâu phải đói, mà cũng đâu phải người nhà quê sĩ.

Người mời cơm chúng tôi ở một phố tôi không còn nhớ rõ nữa, hình như nhà ở quãng quá Cửa Nam một chút. Ngoài chú cháu chúng tôi, gồm năm người và vợ chồng chủ nhà (ông bà không con cái), cùn cú người em ruột của ông ta. Nhà ông em ấy thì tôi biết, bởi chú cháu tôi một lần đã tới thăm gia đình đó. Gọi là nhà, nhưng thực ra đấy chỉ là hòm chân cái cầu thang. Trước đây ngôi nhà là của ông ta, sau gia đình đi xây dựng kinh tế mới, nơi rừng thiêng nước độc, dân Hà Nội không quen cuộc cày, quyết tâm chưa cao, đã không vượt nổi cái hói hựng chốn chim kêu vượn hú, đành quay về Hà Nội. Lúc quay về nhà ông ta người khác ở rồi, gia đình tám khẩu đành tạm trú nơi chân cầu thang của chính nhà mình ngày trước.

Trở lại chuyện bữa cơm mời khách, tất cả chủ khách gồm 8 người.

Phải nói rằng bát đĩa đẹp, mâm đồng sáng loáng, không nhồm nhoam mâm gỗ sứt mẻ kiểu làng tôi. Tôi chỉ hơi thất vọng, cơm mời

khách sao sơ sài thế. Hay người ta để cho thức ăn nóng, chưa bày ra mâm. Đến khi chủ khách đã quây quần hết cả, tôi mới hết thấp thỏm hy vọng, sẽ còn nhiều món nữa.

Trên mâm có đĩa rau sống, cái đĩa rất to và đẹp, diềm đĩa lượn sóng, phía trên lòng bông mấy cây hành chẻ tĩa như nhành hoa, rau muống cuộn lại tròn vo, xen vào đó là những nhánh rau xanh nhỏ, trông tựa tựa rau húng quế tôi, nhưng cuống màu lại tĩa tĩa, lá thì nhỏ sần hơn. Trong bữa ăn tôi mới biết là húng Láng, một đặc sản của Hà Nội, ông chủ nhà cứ luôn miệng giới thiệu, còn chú tôi thì xuýt xoa khen rằng ngon, thơm thế!

Bày kế đĩa rau sống là món rau muống xào, cũng đựng trong cái đĩa to tương xứng với cái đĩa rau sống. Món rau muống xào không có gì đặc biệt so với món rau muống xào quế tôi, ngo?i trừ nó điểm hoa trắng bằng những mảnh tỏi đập dập, cay xộc mũi.

Tiếp nữa là hai cái đĩa nhỏ, lòng đĩa to hơn miệng cái bát ăn cơm, đĩa trứng trắng và đậu rán.

Thứ sang và lạ mắt nhất với tôi là bát ô tô có con chim bồ câu nằm gằn ngấp mình trong nước váng mỡ và được đặt trang trọng giữa mâm. Bồ câu thì tôi không lạ, chỉ lạ là dưới làn nước váng mỡ và dùng đũa, thấy những hạt tròn tròn trắng trắng. Sau này tôi được giải thích, ấy là món chim ninh hạt sen, thứ đó ăn vào đại bổ và dễ ngủ. Đếm ngấm các món, tôi nghĩ bụng, hoá ra cỗ Hà Nội cũng không sang và to tát gì, thậm chí còn kém cỗ giỗ hay cỗ Tết quê tôi. Chắc là bởi vì người Hà Nội ăn uống thanh cảnh, như lâu nay người nhà quê chúng tôi thường đàm luận.

Anh em tôi khoanh chân ngồi theo sự sắp xếp ngấm của ông chú. Tôi nhớ, quy trình từ động tác soạn đĩa, chia bát, đến rót rượu và “rước



nhau xơi” kéo dài chừng 15 phút.

Đợi quá lâu tôi đành ngấm con chim câu ninh trong cái bát ô tô sứ đẹp. Tự dưng lúc đó nước b?t tôi cứ tứa ra. Vì tôi ngấm nghĩa món chim ninh kỹ quá, cậu em họ lớn hơn tôi đã huých một nhát vào mạng sườn tôi, đấy là tín hiệu nhắc nhở, không được nhìn như vậy nữa, cả không được tứa nước bọt nữa...

Dù dềnh dàng bao nhiêu, bữa cơm thết khách cũng phải đến lúc bắt đầu, người ta mời nhau đến đây ăn, có phải đến xem cơm đâu, tôi nghĩ bụng vậy. Người lớn thì nhấm rượu, còn chúng tôi “xơi cơm”, đấy là từ ngữ nói như ông bà chủ dùng, vì từ đầu bữa ông bà chủ toàn dùng từ xơi: “Rước ông xơi!” và chú tôi đáp lại “Ông cứ để em dùng tự nhiên...” Tuy gạo mậu dịch, thổi khô, không thơm như gạo quê, mà mùi hôi xộc lên, vậy mà chỉ cơm không - chúng tôi được học tập trước rồi, không tự nhiên mà múc gắp - tôi vẫn cảm thấy ngon thế. Mà có muốn ăn, muốn gắp thì gắp thứ gì đây, món chim ninh tất nhiên là không được rồi, đĩa đậu rán cũng vậy, nó nhỏ xíu xếp lát cỡ chục miếng...

- Ngon, bà chị nấu ngon quá!

Tiếng ông chú tôi. Chẳng rõ chú tôi khen món nào. Không thể là rau sống và rau xào được. Cơm ở quê, ngày nào chẳng ăn rau muống, cả một rổ rau muống đầy tú hụ.

Hay là ông khen món trứng tráng? Tôi được bà chủ gắp cho một miếng, đĩa trứng trông thì vàng ngậy và dày, nhưng bở bùng bục, tôi lại nghĩ có lẽ do trứng gà ung, sau mới hay, người ta cho nhiều bột mỳ vào độn.

Hay là món chim? Ông chú đã dùng đâu, làm sao biết được nó ngon thế nào.

Sau những lời rước nhau xơi trịnh trọng, thời gian khoảng được nửa tuần rượu, ông chủ nhà hướng đôi đũa về phía bát chim ninh:

- Rước ông xơi! Kia các cháu gấp ăn đi!

Ông chủ chưa kịp dứt câu, đã thấy tiếng chú tôi đỡ lời:

- Dạ vâng, ông cứ để em dùng tự nhiên!

Câu tiếp lời hơi to và rõ của chú, tôi biết đây là sự cảnh báo ngầm của ông, chúng mày đừng có mà sa đà, tưởng người ta mời là gấp đây nhé! Vâng, thưa chú chúng cháu nhớ chứ! Gi?y rách phải giữ lấy lè!

Tôi vừa thăm nghĩ vậy thì ông chủ ra đũa. Phải đến lúc này tôi mới thấy con chim được ninh nấu kỹ lắm. Ông chủ dùng đôi đũa đụng nhẹ một cái, thân hình con chim đã rời ra làm đôi. Ông dùng đũa gấp và cả cái muôi đỡ nửa con chim lên. Như chú tôi, động tác đồng loạt của các em tôi là giật lùi cái bát của mình lại một chút. Theo lý trí, cái bát của tôi cũng được điều khiển lùi lùi lại.

Quả thật, tuy lùi lùi bát, nhưng đầu óc tôi lại cầu mong: Bác ơi, bác gấp cho cháu nhé! Kia cháu ngồi sát gần bác cơ mà! Và suýt nữa thì thứ tình cảm thắm kín trong tôi buột ra thành lời và cả xui khiến cả đôi tay tôi làm cái việc đưa bát của mình vươn ra. May sao phần lý trí trong tôi đã thắng.

Nửa con chim về bát ai, bởi ai cũng rứt bát cả lại?

Chắc nó lại phải trở về vị trí xuất phát ban đầu thôi!

Không, tôi thấy đôi đũa và cái muôi của ông chủ thu lại... và rồi, nửa con chim vào bát của ông.

Không khí bữa ăn hình như lặng đi, ngoại trừ đâu đó tiếng xương gãy, kêu r...ắ...c r...ắ...c!

Thời gian trôi đi dăm, ba phút, cả chủ và khách không thấy ai rước

mời nhau xơi, nhau dùng gì nữa, chắc mọi người - lũ nhỏ chúng tôi ăn cơm thì thường thức cơm, còn ông chủ thì thường thức món chim ninh, mấy người lớn kia nhắm rượu thì thường thức rượu...

Lát sau tôi mới thấy lại tiếng ông chủ, trước đó ông rót tuần rượu thứ hai vào các chén, tất nhiên lần này không phải câu ông rước xách gì đâu, mà là đề tài mới, nội dung chuyện thăm thú Hà Nội của chúng tôi: “Thế các cháu đi được những đâu rồi?” “Ồ phải ra hồ Gươm!” “à ra rồi à!” “Thế thì nên đưa tiếp các cháu ra Bách Thảo!” “Đền Quan Thánh đẹp lắm!” “Nghe bảo bức tượng đồng đen nặng đến mấy tấn cơ. Tôi là người Hà Nội mà đã đến được đâu.” “Thế nào, kem Hà Nội các cháu ăn có thấy ngon không?”

Sau những nội dung thăm hỏi và giới thiệu các điểm hấp dẫn cần tới thăm, tôi lại thấy ông chủ “Rước ông xơi” và điệp khúc của chú tôi đáp lại “Ông cứ để em dùng tự nhiên!”

Kìa, đôi đĩa của ông chủ nhà đang hướng xuống bát chim ninh kia. Lần này, đôi đĩa không dềnh dàng như trước, cũng không thấy ông nói câu “rước” nữa, chỉ thấy cái bát của ông đã đón sẵn và nửa con chim còn lại rơi gọn vào bát ông.

Tại sao bao nhiêu năm rồi tôi không quên bữa cơm khách đó và vẫn còn hình dung con chim bồ câu ninh như, như là, rất béo và ngậy nữa?

## Trọng Huân

### Khóc ngựa nghè

Hắn khóc vợ, khóc thảm thiết. Sao trên đời có người đâu khóc vợ thế lương đến vậy! Tiếng khóc khàn khàn, lặng tặc như phát ra không phải trong họng mà từ phổi ruột tim gan. Nghe, chú ý mới rõ lời than khóc. Hà nghệ sĩ, dân làng gọi như vậy, hắn khóc kể về tình cảm buổi ban đầu, kỷ niệm như tươi nguyên nóng hổi. Rồi hắn kể bày con dại cùng hắn bơ vơ cô cút trên cõi đời này. Đàn bà khóc chồng là thường tình, cảnh đàn ông khóc vợ nghe thật náo lòng. Lắm lúc khóc hắn kể cả cái chuyện ái ân, nghe phát ngượng. Nghĩ, ai lại than chuyện ấy làm gì. Nhưng thôi, người ta đận mất vợ, đầu óc không tỉnh táo, biết đâu chọn lựa câu khóc:

- Hu hu... em ơi, em ơi!... Sao em nở chết khi anh còn sống... Hu hu hu... em ơi tình ta dang dở!... Hu hu

“ Choang... choang”- mấy cái bát vỡ tan. “ Xoảng”- lại chiếc mâm vèo ra sân. Tiếng trẻ con giật mình ré lên.

- Ông cấm chúng mày nhặt, đám ăn hại đái nát... kia! Xéo, xéo mẹ chúng mày đi cho khuất mắt ông. Hu hu hu... em ơi! Nếu mai anh chết thì cõi lòng ai tan nát em ơi!

Thế là bắt đầu kể lễ đoạn trường. Hàng xóm biết hết đoạn này sẽ tới

đoạn hấn chửi rồi lại bắt đầu khóc cha, khóc mẹ. Hấn khóc cha mẹ giọng cũng ai oán, lâm li vậy:

- Hỡi cha mẹ ơi, bao công sinh thành nuôi dưỡng... hơ hơ... Cha ơi mẹ hỡi có hay! Linh hồn xin giáng về ngay linh sàng! Hoặc cha mẹ ở thiên đường cực lạc, xin lệnh trên cửoi hạc kịp về. Hoặc về địa phủ âm ty, xin đức Địa tạng, hộ trì cho lên... hu hu... cha mẹ hỡi!

Hoá ra thằng cha đó bố mẹ đều chết. Thảo nào tiếng khóc nghe buồn thế. Khổ thân hấn thật! Sao có người số phận đến không may. Như hấn chẳng hạn, vợ đã chết, bố mẹ lại cũng chết! Có lẽ chết tai nạn giao thông. Còn giọng hấn chửi phẫn uất, chắc đưa thất nhân nào lừa đảo hấn. Tiếng khóc chửi nhỏ dần, yếu dần, hực cái, hực cái, lịm hấn. Khốn khổ hấn chưa khóc chửi mệt không còn sức lả đi rồi.

Vợ hấn người đàn bà mảnh như dải khoai, xanh như tàu lá, hai tư tuổi mà gặp ai cũng đồ đến ba lăm. Nhìn khuôn mặt cô ta đoán ngay một cuộc đời khổ ải. ánh mắt len lét ngược nhìn vội sụp xuống.

Không phải ánh mắt vụng trộm gian xảo, nó tội tội và khiếp nhược. ở cái làng này, con gái mười sáu mười bảy là lấy chồng, học cao hết cấp hai, đại học chẳng đến lân, có trúng lấy tiền đâu theo đuổi, chưa kể ra trường ngược xuôi chạy việc. Vậy vào cấp ba mà làm gì? Tiền ấy, sức ấy, thời gian ấy, còn ở với bố mẹ, chịu khó đồng áng, khéo léo dành dụm giấu diếm được chỉ vàng là của hồi môn ngày cưới, không đốn hèn thì may lấy vài bộ quần áo, kéo khi về nhà chồng mang tiếng tay không. Người đàn bà nom như dải khoai kia lúc cưới tròn mười bảy. Đám cưới nhà trai tổ chức to, ngả hai lợn tổng cộng chín mươi mâm, ba ngày ăn chưa hết cỗ. Chú rể, thằng Hà không hiểu tán tỉnh cách nào qua mặt được mấy đứa. Đẹp giai không bằng chai mặt. Giống con gái mới lớn thích ăn bánh phính cộng thêm tính

huyénh, một tấc lên đến gò của thàng Hà và thời buổi yêu đương tự do, tìm hiểu kiểu dấm dúi bờ bụi, bụng phưỡn ra, thàng Hà chứ thàng phát vãng nào chả phải đồng ý.

Cưới cỗ bàn chưa ráo mâm bát, ngoài sân người còn dờ rập khênh bàn, bố mẹ thàng Hà đã lôi vợ chồng nó vào công khai tài chính, chứng kiến việc bóc phong bì và liệt kê đồ mừng. Tính ra, đồ tiền mừng không đủ khoản vay mượn cưới, lồm một triệu không trăm ba bảy nghìn đồng chẵn. Bố mẹ thàng Hà gằn trước rồi, bảo cưới nhỏ nhưng thàng này hổng không nghe, quyết cưới to. May bố mẹ nó mặc cả trước, giao kèo ba mặt một lời hăn hoi, cưới to, lỗ vợ chồng nó hoàn toàn gánh chịu. “Vợ chồng mày ăn chung với nhà hết tháng là ra ở riêng. Sau mày còn đóng em. Khu đất nhà ngoài trại tao tạm giao cho vợ chồng mày. Ra ở riêng, thế là sướng quá. Ngày trước chúng tao ấy à... tay trắng” Nghe bố nói sốt ruột, thàng Hà nhếch mép cười, kiểu: “Biết rồi, ông bà muốn vĩ tuột thàng tôi cho nhẹ nợ. Đây cũng đếch cần.” Chẳng phải chờ đến cuối tháng, ngay đêm tân hôn thàng chồng quyết, vợ chồng chúng chẵn gói nôi xoong téch thàng ra trại luôn.

Năm năm ba đứa trẻ liên tiếp ra đời, đứa này nhỉnh hơn đứa kia chỏm tóc. Năm miệng ăn chỉ anh chồng kiếm, thàng Hà lại vốn chơi bời rượu chè nhà càng thêm túng. Cái làng nó kiếm việc không dễ, quanh đi đội cát, đóng gạch, quần lại phụ nề, thồ than... Thàng Hà làm đủ, dăm tháng nó lại bỏ. Cai không thái thì nó chán cũng bỏ, mà chủ yếu là cai bỏ, thàng nghiện ngập cờ bạc, lúc cần thì nó lại say bí tỉ hay dúi ở chiếu bạc. Máy bạn nó suýt ngã trên giáo xây cao tít vì ngái ngủ hoặc lơ mơ say. Giờ ở làng đổ ai dám gọi nó đi làm nữa. Thàng Hà đâm thất nghiệp.

Cơ may thế nào trong một bận say nó hát, cười, ngâm đủ giọng bi ai hài tiếu. Hôm ấy là ở đám cưới trong làng. Thành lệ rồi, làng cứ đám xá mời hay không mời dân làng già trẻ tới ăn cỗ ráo. Cỗ bàn thì phải rượu, không rượu thịt tử tế có đĩa đốc chúng cà khịa là khôn. Lâu rồi thằng Hà chưa được bữa rượu nào hả hê vậy, hẳn say. Tính thằng này rượu vào là hát, nó trích đủ tuồng, chèo, cải lương. Lão cai Bền khách xã bên sang mừng đám cưới thấy thằng Hà hát đến vỡ vai làm quen. Lão khen: “Này thằng em, cái giọng chú mày vang, khoẻ! Hừm... đi làm với anh đi. Ngày cơm nuôi ba bữa, rượu thịt đánh thẳng rồn còn giắt về cho mẹ đĩ mười nghìn. Đây là mới vào nghề, sau giới giang tay nghề lên còn kiếm nhiều, có đám... tiền trăm. Chết đuối vớ được cọc, dù lơ mơ thằng Hà vẫn tỉnh ngay, đồng tai nghe. Hẳn cười hỏi khách, giọng vừa nghi ngờ vừa khấp khởi hy vọng: “Ông anh không đùa thằng em chứ?... hì hì...” Khách liền rí tai. Khách nói thằng Hà chưa rõ hỏi lại. Nghe thủng ra mắt nó chọt cụp xuống, lưỡng lự. Vốn lỏi đời, khách biết cu cậu sĩ diện, ngượng, liền khích:

- Xi... Việc quái gì mà ngượng! Có phải đánh đĩ trộm cắp đâu... Khỏi đùa đánh đĩ ăn cắp đây ra đây vẫn vênh váo, diện ngất trời. Chú mày không tin à? Lên thị xã, phố huyện mà xem. Anh hỏi mấy cái quán kara ô kê chẳng bán tròn nuôi miệng công khai à! Hò hát gì!

Thằng Hà nghĩ: Có lý. Mà thá nó con ông cháu cha gì đâu phải giữ gìn! Hẳn bùi tai, nhưng vẫn gãi gãi đầu, làm mẽ với khách:

- Em là em ô kê... đừng bác thư thư cho thằng em về hỏi thử ý kiến mẹ đĩ...

- Vẽ!- ông khách bĩu môi khích- Đàn ông mà phải hỏi vợ, vút! Chỗ quý chú anh mới bảo. Giờ ới cái người có cả đồng. Nào chú quyết đi,

tôi chờ!

Làm quái gì có chuyện không đồng ý. Khách rút ngay tờ mười nghìn mới khựng nhét vào túi thằng Hà, hợp đồng mồm luôn.

- Có việc, anh ới chú phải đi ngay. Còn tuần sau sang anh tập trước vài buổi. Tất nhiên tập chỉ cõm nuôi thôi. Không có anh bán xới đi ăn mày à!

Thằng Hà về bảo vợ. Vừa nghe cô vợ giã lên như đĩa phải vôi:

- Anh không sợ dân làng cười cho à?

Nghe vợ nói vậy thằng Hà quắc mắt:

- Thằng nào con nào dám cười tôi. Ông tha cười cho chúng là phúc! Mà tôi nói cho cô hay, tôi biết tổng ra rồi, nhà cô, bố con cô cười chứ ai. Này, cô đừng tưởng nhà cô danh giá, cảnh vàng lá ngọc nhé! Bố cô, cái chức chủ tịch xã về hưu chục năm nay, vứt ra đường chó nó không thèm ngửi. Mà thằng này kiếm không đỡ riêng lỗ mồm nó. Đổ... đổ cho tất cả lũ lũ nhà cô kia kìa. Hừ... khóc, ông đã chết đâu mà khóc. Ha ha ha... khóc được đấy, lời dài, giọng khoẻ như chúng nó vừa khen ông!

Người đàn bà còn biết nói gì nữa, thằng chồng cô chuẩn bị đi làm nghề khóc mướn. Những giọt nước mắt thánh thót rỏ xuống cái bụng tháng thứ tư, thứ năm nhinh nhỉnh của cô. Hấn đi làm. Buổi đầu gặp người làng hấn cũng sừng sượng. ánh mắt họ nhòm ngó, cạnh khoẻ, mỉa mai. "Chúng mày khinh ông à- hấn nghĩ- Đây thịt xôi giò chả bọc tưng ông mang về, vợ con ông cắn ngập răng. Nhìn thấy, chúng mày lại không thèm rỏ dãi, không ghen lồng lên thì ông đi đầu xuống đất!". Đám con cháu chục mỗi bận hấn về, hau háu lục ca tấp lấy đùi gà, xôi, chân giò ngấu nghiến ăn. Tiền hấn mang về cho vợ nhiều dần, một chục, hai chục, ba chục, có bận cả tờ năm mươi



ngành cạo râu được. Nghe mọi người xỏ xiên gọi mình là Hà nghệ sĩ, Hà nhà báo, hẳn chẳng lấy thế làm nhục. “ừ , nghệ sĩ đấy, nhà báo đấy! Được như ông chúng mày đã phúc bầy mười đời”. Và thế là từ dạo ấy hẳn vênh váo hãnh diện luôn với cái danh hiệu nghệ sĩ người làng mát mẻ gắn cho. Hẳn là nghệ sĩ khóc mướn. Đi làm chưa đầy nửa năm hẳn nổi như cồn. Khắp huyện, dần dần lan ra cả tỉnh, phường kèn trống lão cai Bền nổi tiếng nhờ tay khóc mướn Hà nghệ sĩ. Tiếng khóc của hẳn mới thảm thiết bi ai làm sao, giọng to, lời dài... Từ khi có hẳn các phường khác trong huyện vêu mồm, nhìn phường hẳn hốt bạc thiên hạ mà tức. Tiếng đồn nhanh thế, đến cái huyện Hải Tiên cuối tỉnh nhà đám cũng lặn lội đến nói khó rước kỳ được phường kèn trống cai Bền. Hà nghệ sĩ được cả phường trọng vọng. Lão cai Bền nhũn như con chi chi, một điều chú, hai điều anh với hẳn. Làm gì không anh anh em em, nhờ hẳn mỗi ngày lão đút túi ngon ơ trăm nghìn, chưa kể tiền thưởng.

- Nhìn chú vất vả anh xót quá! Thôi cố mà giữ cái sức khỏe chú Hà ạ. Ăn đi, ăn đi em. Này miếng phao câu,... Không không gì cả, anh gấp chú phải cố- đấy là lão cai Bền đang chăm sóc, cời gan cời ruột với Hà nghệ sĩ trong bữa ăn khuya nhà đám phục vụ- Bảo việc khác như gánh nặng thì anh em san đỡ , chứ khóc, không năng khiếu, có tài như chú, cứ chịu!

Vất vả quá đi chứ, có ngày buổi sáng lăn gô bỏ chừng gào khóc đám này, chiều đã ngồi sau xe lão Bền phi đến hờ đám khác. Ngang diển viên hát sô, chạy rập ngoài thành phố. Hẳn biết người ta cần, nên cũng làm mình làm mẩy ra phét, yêu sách đủ điều. Mà phải thế nào mới mình mẩy được, không tài như hẳn, khóc có mà có nghề, khối ra chúng cầu cạnh. Phải nói thẳng cha giỏi. Còn nó thì nghĩ: Trước đây

nhờ nghe nhiều nhạc vàng, lại sẵn đầu óc biến báo, mồm miệng ứng khẩu nhanh, mới mấy tháng đã khỏi kinh nghiệm. Khóc mướn xú ta đâu có bài bản dạy truyền. Vào nghề học lỏm được câu nào, đoạn nào thì được, như bài khóc bố mấy câu thế này, khóc mẹ mấy câu thế kia, quanh đi quẩn lại có vậy, đến hẵn còn thấy nhàm. Chón quê đám xá lẩm thầy nhiều ma, bình luận khen chê mỗi người một kiểu. Người ta đến nhà đám để ý kỹ lắm. Khóc phải sao cho nó thật, giả mà như thật. Khó là vậy đấy. Cứ xem người đến phúng viếng kia kìa, họ có buồn thương đến vậy đâu, nhưng mặt đều buồn rười rượi. Kể cầu cạnh thì đến cốt phúng viếng người sống; còn kẻ tò mò thì đến xem nhiều thứ lắm: chia cửa; xem anh em mâu thuẫn cạnh qué nhau; xem con cháu đứa nào đóng góp nhiều và ai bài bậy, quyt, không chi đóng góp. Càng có chuyện giạt gân càng hay, tở như, tự dưng nẩy nòi ra đứa nhận bố, nhận mẹ, khăn trắng áo xô chở người khuất. ái chà chà, chuyện ấy tha hồ kháo, cả tháng chưa hết. Đấy người dự nhà đám vậy đó. Mà ở quê đến chỗ ma chay như đi xem tuồng xem hát, cứ mấy lời cũ rích ai người ta còn thiết nghe, thiết rung động buồn thương nữa. Chưa kể đồng tiền bát gạo bỏ ra, nhà đám họ phải gở lại cho xúng.

Nghĩ vậy nên hẵn để ý. Đầu tiên tới nhà đám hẵn hỏi tỉ mỉ thân thế, sự nghiệp, nếp ăn nhẽ ở người khuất, tình cảm quan hệ với họ hàng thân tộc ra sao, thế là đầu hẵn phác hoạ nhanh sườn bài khóc. Riêng với nhà đám chết trẻ cần nhất cái bi ai. Thứ này lời điệu hẵn thiếu giống, cứ mô ni phê anh nhạc vàng, tân cổ giao duyên, miễn đừng bê nguyên xi, như “Nếu mai anh chết em có buồn không...”, lại nữa “Anh đâu ngờ, có ngày đàn đứt dây tơ... hơ hơ”, rồi thì “ Một hôm mưa bay được tin em chết... ớ ớ ”. Vô thiên ửng. Vậy là thẳng cha

tha hồ thả hồn khóc. Một bận có tay giám đốc già ở thị xã, vợ chết. Thằng cha quá yêu cô vợ trẻ. Đoán trước mở vàng thỏi đây, hẳn chuẩn bị lời điệu bài khóc rất chi là cẩn thận. Y rằng, lần đó hẳn trúng quả đậm. Nhà đám này quan hệ rộng toàn khách khứa sang, tay chồng dù tiếc thương vợ vẫn phải kìm nén đứng gượng đáp lễ người phúng viếng. Thằng cha giàu nên cầu kỳ cho tận xe con về đón phờng kèn trống, yêu cầu đích danh Hà nghệ sĩ. ở nhà đám, thằng Hà vừa cất giọng lời khóc khúc mở màn- kể lẽ nỗi chồng đau mắt vợ, gã giám đốc kia đã nức lên, rồi mặc quan khách cứ thế vật vã gọi vợ. Cảnh tượng thương đau đến độ, tự dưng chủ khách- cả rạp tu tu khóc theo. Đám xức dục nhiều nhưng chưa có bận nào hẳn thấy đám tang mà buồn đến thế. Tang ma xong anh chồng ghi công cậu chàng khóc mượn, kẻ thay gã nói lên tác lòng thương tiếc cô vợ yêu, gã hào phóng thưởng riêng Hà nghệ sĩ năm trăm nghìn đồng. Ơ hơ ngon ơ ba tạ thóc, lại còn đánh bạc nhòè! Phờng kèn trống mỗi người được năm chục nghìn tiền thưởng. Chưa có đám nào công xá hậu hĩnh vậy. Hẳn nổi tiếng càng trở nên nổi tiếng. “Cứ đà này chẳng mấy nổi chú lên rim, có khi tận cả mô bin phôn đeo đít”- lão cai Bền nịnh hẳn. “Chứ không à. Lúc ấy ông thềm vào bám đít cái bầy tám ghé của nhà mày”- thằng Hà nghĩ bụng vậy.

Sông có khúc người có lúc, đang lên như diều, đánh đùng cái, giọng như chuông như khánh của hẳn tự dưng khàn khàn tịt tịt, tiếng khóc nghe chẳng thấy đâu mà cứ khùng khực. Người ta bảo lộc trời cho hẳn thế thôi. Lúc trước tiếng tốt giọng dài lão cai Bền sẵn đón, phất cái lạnh nhạt liền. Đến khi giọng hẳn khóc không ra hơi, tiếng tắt lịm trong họng, ngay lúc nhận tiền công gia chủ thanh toán, lão Bền gọi thằng Hà tới cắt hợp đồng. Vừa nghe lão cai nói, Hà nghệ sĩ quáng

quàng trình bày lễ thiết hơn, tình cảm lâu nay và hoàn cảnh gia đình hẳn. Lão Bền cười khẩy:

- Tôi thương cậu nhưng gia chủ người ta không thương tôi. Mà họ không thương là không thương thật! Không kiêu thương vay khóc mượn như loại nhà cậu. Thôi ông biến cho tôi nhờ. Cất!

Nói tới đây lão tót lên xe, rồ ga phóng thẳng, để lại Hà nghệ sĩ trần trần ngó theo. Cái thá thẳng Hà đấu sao lại với cai Bền. Hấn dàn dựa nước mắt, những giọt nước mắt thật hẳn hoi, tuy không lời kể bi ai như lâu nay hẳn thường rặn ra ở nhà đấm nhưng lòng hẳn buồn rười rượi. Lúc kiếm ra tiền ngày hơn bù ngày kém, bình quân tháng già triệu bạc, tưởng là nhiều. Khi thất nghiệp tiêu vèo một cái, tra tiền vợ thấy sạch như chùi. Lâu nay ăn uống ngày ba bốn bữa rượu thịt nhà đấm thành quen, tật nghiện rượu của Hà nghệ sĩ càng nặng. Kiếm không ra nhưng sáng trưa chiều tối hẳn vẫn phải có chai rượu. Ngồi uống suông một mình thẳng cha nghĩ ngợi tợn. Càng nghĩ càng căm lão Bền, đồ bất nhân, phường giả dối, quân khóc thuê hờ mượn. Căm, thẳng Hà chửi. Chửi lâu ngày thành tật. Nó nói cũng như chửi, chửi cũng như nói. Chửi chán lão cai nó quay sang chửi vợ, con vợ lười chảy thây, chỉ biết ăn và đẻ, không biết kiếm tiền để hẳn khổ. Cho hả cơn giận, hẳn lôi vợ ra đánh. Phàm đã say, nó không phân biệt đâu là hiện tại đâu là quá khứ, nhằm lẫn thời nọ, thì kia. Ngồi nhà mà hẳn tưởng mình còn đang buổi nổi như còn- Hà nghệ sĩ khóc mượn, oanh oanh liệt liệt. Cái giống hành nghề, phải bỏ, người ta nhớ nghề ghê lắm. Hấn cũng nhớ nghề khóc mượn của hẳn y vậy. Lúc tỉnh còn giữ ý với xóm giềng hẳn chỉ lẩm nhẩm bài khóc trong miệng, song khi say hẳn nào biết ý tứ gì, cứ rống lên: Con khóc cha, anh khóc em, vợ khóc chồng. Trong các bài, bài khóc vợ là hẳn hay

mang ra nhiều nhất.

Hôm nay cũng vậy hẳn uống rượu và say. Người vợ ngồi trong buồng, cô cho lũ con ăn cơm trưa. Khi đứa nhỏ mới đầy chín tháng bú xong, lừa nó xuống giường, giao đứa lớn trông, người vợ lên đi ra. Cô định nhân lúc thằng chồng say không để ý mà lên ra ngoài. Mấy tháng nay từ khi nó thất nghiệp cô ra bờ sông đội cát thuê kiếm mấy nghìn đồng gạo. Không làm chết đói cả nút mắt. Vừa mới lò dò bước, thằng Hà nhìn thấy quắc mắt lên, quát:

- Đi đâu? Mày định... mày bỏ ông... theo giai à... con đĩ kia! Mày... mày định giờ mặt như cái thằng phường kèn trống kia phải... kh..ô..ng...?”

Vừa nói nó vừa giơ cái chai không lên như như. Người đàn bà rúm lại. Nó phang thật đấy, không đùa đâu. Bao trận đòn thì biết rồi, nó đánh vũ, phu man rợ, khắp người cô còn đầy vết tím bầm. Người vợ lại len lét vào buồng ôm con, nước mắt lưng tròng. Sao ông trời sinh ra giống người lại còn đầy ải, có những kiếp người như mẹ con cô. Cô có thể cắn răng chịu đựng, nhưng lũ trẻ kia chúng có tội tình gì? Như mẹ chúng, đám trẻ nép vào nhau sợ. Chúng biết tý nữa người đàn ông kia sẽ đánh mẹ, đánh đau lắm, có khi còn đánh cả chúng nữa. Người vợ chờ đợi thằng chồng đánh. Càng say nó càng đánh vũ phu. Chờ mãi... chờ mãi nó vẫn chưa vào cô sót ruột. Cứ vào đi, con cầu Trời cầu Phật nó đánh nhanh lên. Người ta chỉ sợ khi roi giơ lên chứ khi vọt xuống rồi là hết sợ hết đau. Mà cái lệ thằng chồng đánh cô xong, mệt nó lăn ra ngủ. Nó đánh sớm, ngủ sớm, thì cô mới kịp ra đội cát ca chiều. Chủ bãi họ thuê công nhật, không khoán khối khoán thúng, đến làm muện, chủ bãi cắt buổi ấy liền. Thế là người đàn bà mong thằng chồng vào đánh mình nhanh. Còn điều nữa cô

mong hấn vào đánh - tiếng khóc. Tiếng khóc của hấn cô sợ lắm, sợ nhất bài chồng khóc vợ. Thà nó đánh còn hơn.

Thằng Hà lại rề rà chưa vào buồng đánh vợ. Người đàn bà đợi hấn đến khi bóng nắng xiên xiên hấn vẫn chưa vào. Hấn còn tiếp tục chửi thằng cha cai phường kèn trống. Rồi bất chợt bật tiếng. Im lặng...“

Choang... huých” Người đàn bà tưởng tượng cảnh thằng chồng đứng lên. Chắc hấn loạng choạng ngã nghiêng, nó đang quơ quéo tìm thứ gì, như đoạn gậy, chiếc cán vò thậm chí cả cái chày giã cua để vào đánh vợ. Song, sao lâu thế? Chợt giọng hấn hực lên. Trời ơi... thôi chết rồi! Người đàn bà hai tay vội vàng bịt lấy tai. Thằng say bắt đầu bài chồng khóc vợ. Lời bài khóc và thứ tiếng lờ phờ, ào phào của hấn như tiếng ma tiếng quỷ- thể lương, rùng rợn. Nghe nó người đàn bà kinh hoàng tưởng tượng: Cô và bầy con như đang nằm dưới huyết sâu; trên kia, nơi trần gian, thằng chồng- một con quỷ- dang tay phủ phục huyết mộ, gào thét./.

12/1997

### **Kỷ niệm thơ**

Thấy tôi mở cái hộp, Ủn và Ỉn, hai con gái rượu của tôi xán lại. Vốn chúng vẫn tò mò muốn xem trong cái hộp ấy của mẹ chúng có gì. Mấy thứ linh tinh thôi, của tuổi thơ và riêng tư thời con gái, ai mà

chẳng có: cuốn nhật ký, cái nhẫn dứa za, tập thư từ...

- Mẹ, cái gì thế này? Cho con nhé!

Tiếng con gái cắt dòng suy nghĩ tôi.

- Đồng xu đẩy con ạ! Đồng năm xu.

Đồng xu trên tay con, chợt nhắc tôi nhớ đến câu chuyện thời thơ ấu của mình.

Ông già ấy hom hem lấm. Bao giờ cũng thấy ông khoác bị, lóc cóc gậy và đội chiếc nón rách. Không hiểu dải dề mưa nắng hay lâu ngày hươ hươ ra xin làm chiếc nón tả tơi, nó chỉ còn cái chóp cũn cỡn như nón anh tốt rỉn. Cứ định kỳ dăm bữa nửa tháng, ông lão lại đến xin ở xóm tôi, một xóm nghèo hẻo lánh.

Đường vào xóm gập ghềnh, quanh co trên cánh đồng. Nhà tôi ngay rìa làng. Hễ ai vào xóm, từ nhà tôi đều trông thấy. Giáp cánh đồng và kế xóm có bãi trống, chơ vơ cây si già.

Các cụ trong làng bảo, cây si trồng từ hồi xưa hồi xưa, buổi mới lập làng, để đến mấy trăm năm.

Còn thày tôi bảo, hồi nhỏ ông đã thấy cây si xum xuê. Không hiểu sao tôi hay đem so cây si với ông lão ăn mày nọ, cây si và ông lão giống giống nhau, đều già nua và tội nghiệp.

Mỗi lần vào xin xóm tôi, hành trình của ông không thay đổi, lão cứ chầm chậm lần gậy, điếu khắp các nhà trong xóm. Có điều lạ, không bao giờ ông già ghé vào nhà ai, chỉ lóc cóc gậy, dừng lại gần cổng ngõ nhà ai đó, tận bên ngoài hàng rào, miệng lầm rầm và mắt thần thờ, chẳng ra chờ đợi, chẳng ra cầu xin. Tiếng lầm rầm nhỏ, lại đứng mãi xa, người trong nhà sao nghe rõ. ấy thế mà khi ông già tới, dừng cổng nhà ai, nhà đó khắc biết.

Xóm tôi nuôi nhiều chó. Con người già nua khốn khổ kia, dù bao lần

đến cái xóm quanh hiu của chúng tôi, lũ chó vẫn không nhận đây là người quen, chúng cứ xúm lại, sủa râm ran. Rồi con này truyền con kia, ngõ này truyền ngõ khác, lão ăn mày tới đâu là người xóm biết tới đấy. Có con chó sủa chưa hả, còn những nhặng đuổi theo. Một bạn có con chó để không sủa, lão ăn mày vừa lóc cóc khua gậy dừng trước hàng rào chủ nhà nó, con chó xô ra đớp ngay một nhát. Vết cắn sâu quá, có người thương tình, cho lão nắm thuốc lào tướng, rịt vào máu còn chảy đẫm gấu quần, lượm thướt ướt xuống cả gót chân. Mấy tuần sau, lão già ăn mày quay lại xóm tôi xin, chân đi còn cà nhắc.

Xóm tôi nghèo, ông già đến xin ít người cho. Vậy mà dù nắng mưa, chả bao giờ lão thay đổi vệt hành trình.

Không như các nhà khác, lão ăn mày chỉ đứng ngoài xa, duy nhất với nhà tôi, bao giờ lão cũng vào tận sân. Rất chiếu lệ lão làm rằm cầu xin, lời cầu xin hình như nhỏ hơn các nhà khác. Và thường là sau đó, lão chậm chậm tệt xuống đầu hè, để cái gậy, cái nón xuống một bên, ngả bị trên vai. Lần nào tôi cũng tò mò ngó nghiêng bị của lão, xem trong ấy xin được những gì. Hôm thì mấy củ khoai lang, hôm ít lát sắn khô, hôm củ hùng tinh, nhà ai mới bới, chưa kịp rửa, vỏ còn bám đất. Trong bị có cái ruột tướng đen rách, vá buộc chằng tùm. Cái ruột tướng ông già dùng đựng gạo người ta cho.

Nhà tôi không nuôi chó, nhưng mỗi khi lão tới, bu tôi vẫn biết. Nếu không do tiếng lục vắn đủ điều, hay tôi đòi xem trong bị có gì, thì tiếng gậy lóc cóc của lão đã đủ báo hiệu lão ăn mày đến. Từ trong nhà tiếng bu tôi vọng ra, trách mắng tôi sao lục vắn ông lão và cấm tôi không được thốc mách nhòm ngó bị của lão. Rồi bà chạy ra.

Một bạn ông già đến vào đúng bữa cơm trưa nhà tôi. Chắc nghe



tiếng bát đũa lách cách và cả mùi cơm độn khoai khô thơm lừng, lão ăn mày biết đang bữa cơm nhà người. Hình như lão đã định bước đi, rồi lại thấy gậy lóc cóc gõ xuống sân. Tiếng gậy ngập ngừng, nhỏ hơn mọi bận. Bu tôi biết ông lão đến. Bà sai tôi lấy thêm bát đũa, tự tay xới bát cơm đơm đầy, rưới tương và gấp mấy gấp rau lang, rồi bà dời mâm. Tiếng mẹ tôi mời ông lão vào nhà, đến mấy lần bà giục, mới thấy ông lão thập thò ở cửa. Dù cả thày tôi mời nữa, nhưng ông cụ chỉ run rẩy đón bát cơm, lúi lúi ra, lặng lẽ ngồi ở bờ hè ăn. Lúc thày bu tôi mời, tôi nghĩ ghê ghê, chỉ sợ lão ăn mày ngồi xuống, người ông ta hôi bẩn lắm.

Ông lão tới nhà tôi, không bận nào là bu tôi không cho, lần thì dùm khoai lang khô, lần dùm gạo... Cứ mỗi lần, nếu cho khoai thì bà nói, hôm nay nhà cháu không có gì, chỉ có mấy củ khoai đái cụ; hôm dùm gạo thì bà nói, hôm nay nhà cháu không có gì, chỉ đái cụ giúm gạo. Tôi rất lạ, sao đã cho, mà lại cho một ông ăn mày, việc gì phải nói “đái”. Tôi thắc mắc hỏi bà:

- Bu ơi, sao phải nói vậy? ông ấy là ăn mày cơ mà!

- Ăn mày là ai? Ăn mày là ta! Đói cơm rách áo hở ra ăn mày!

Đó là câu mẹ tôi, một người đàn bà chưa bao giờ được cấp sách đến trường, dạy bảo con. Sau này nghe từ “đái” ấy, tôi không còn thắc mắc với bu tôi nữa.

Ngoài tiếng chó sủa và tiếng gậy gõ, tín hiệu lão ăn mày đến, cũn là tiếng nheo nhéo của lũ trẻ lau nhau kéo theo.

Xóm tôi hẻo lánh, ít người lạ đến, mỗi khi lão ăn mày tới, lũ trẻ đều bu lại, chúng lẳng nhẳng bám theo và bày ra đủ trò. Chúng nhòm ngó xem trong bị có gì, ào sát vào người ông già, rồi lại tán loạn chạy xa và bịt mũi kêu oai oái: Eo ơi, chúng mày ơi, hôi hôi lắm! Có đũa nhạt

đất, bẻ que rào, ném lên người lão. Sự trêu chọc của đám trẻ không làm lão ăn mày tức giận. Hình như lão không biết tới sự vây bủa, trêu chọc của đám trẻ, lão ăn mày chỉ làm lũi bước. Tuy thích, nhưng chưa lần nào tôi dám hòa theo trò chơi của đám trẻ. Tôi biết thầy bu tôi rất ghét trò ấy. Có bận ông già vào sân nhà tôi, lũ trẻ bám theo. Ông lão vừa ngả cái nón để xuống hè, một đứa chộp lấy, chụp vào đầu đứa khác và cả lũ hô hố cười. Thầy tôi tức quá, quát cho một trận, cái thằng chộp nón suýt bị ăn vút.

Một lần thầy bu tôi ra đồng, tôi cùng đám trẻ trong xóm đang chơi ngoài bờ rào dưới trước nhà. Chúng tôi chơi trò đánh cóc. Bốn chân con cóc bị căng ra, mỗi đứa cầm một roi dâu vụt. Con cóc bị những trận roi túi bụi, mới đầu còn phình bụng, đầu nghênh nghênh chịu trận, sau bụng xẹp dí, nằm đơ đơ.

Chơi mãi trò đánh cóc đã chán, chợt lũ trẻ thấy ông ăn mày tới, chúng hò reo vây quanh ông lão. Thế là lũ trẻ có trò mới, như mọi bận chúng thường bày ra với ông lão. Tôi nghe một đứa hét to: Con cóc cụ, cho lão ăn mày con cóc cụ chúng mày ơi! Đám trẻ nhao nhao hưởng ứng. Lúc đầu tôi chỉ nghĩ, đó là câu nói đùa hoặc dọa ông lão. Lão ăn mày đâu có biết đâu trò đánh cóc vừa diễn ra, lão vẫn bình thản như mọi khi, chậm chậm lần gậy bước. Kể đầu têu xách dây buộc con cóc, tôi vừa ghê sợ vừa tò mò ngó xem. Thằng ấy giơ tay làm dấu cho đám trẻ chúng tôi im lặng, nhằm đánh lạc hướng chú ý của ông lão ăn mày, còn nó rón rén bước về phía sau lưng lão. Rất nhanh, ào một cái, nó tuồn con cóc vào cái bị. Tưởng chúng chơi trò giăng lục bị như mọi hôm, ông ăn mày vội kẹp tay cho cái bị chặt hơn. Nhìn phản ứng của ông già, đám trẻ nhảy cẫng lên, hò reo. “Ông ăn mày cóc chúng mày ơi! Ê ê! làng nước ơi có ông ăn mày

cóc. Trong bị của lão ấy đựng cóc ê ê...” Con người khốn khổ kia dù già nua, phản ứng chậm chạp, cũng nhận ra đám trẻ vừa dỡ trò tai quái với mình. Cảm giác về sự động chạm cái bị vừa nãy, chắc chúng lại nhét vào một thứ bần thiêu gì đó. Lão ăn mày ngồi tét xuống đất, chậm rãi gỡ cái bị trên vai xuống. Tôi rùng mình hình dung, trong bị một con cóc máu mê, nhớp nháp mủ trắng, nằm sõng soài trên mấy củ khoai hay những lát sắn khô... Đám trẻ tò mò nhìn lão ăn mày thò tay rờ rẫm khua bị. Chúng chờ đợi. Thật ghờ sợ, tay ông ăn mày giơ ra và từ từ đưa vật lạ lên sát mặt. Khi nhận ra con vật bần thiêu và sổng dỡ chết dỡ, lão lẳng lẳng vứt tọt con vật xuống ngay bên cạnh chỗ lão ngồi. Đờ đẫn lão ăn mày quay ra nhìn đám trẻ. Từ đôi mắt già nua, cùi trắng lèm nhèm, dòng nước mắt rịn rịn, cái miệng lão thì méo xệch. Không làm rằm như mọi khi, tiếng lão rên lên thống thiết:

Các con ơi, các con tôi đâu rồi. Sao để bố khổ thế này!

Đấy là lần đầu tiên tôi thấy một người già khóc, khóc thành tiếng, những tiếng khóc hàng hặc...

Nghe tiếng khóc của ông già, tôi sợ hãi chạy vụt về nhà, đám trẻ cũng sợ hãi, tán loạn chạy. Hôm đó không thấy ông già vào sân nhà tôi như mọi bận.

Tôi nhớ mãi dáng đi của lão, trên con đường giữa cánh đồng thất thế rời xa khỏi xóm.

Tôi đứng lặng nhìn theo, nhìn khi lão ăn mày bước qua cây si già, nhìn tận khi bóng lão còn như cái chấm, rồi mất hút trên cánh đồng. Thày bu tôi không rõ bọn trẻ bày trò gì trên ông lão, song biết chuyện ông ăn mày thất thế khóc.

Ông cụ ở làng bên, nhà ven sông. Xưa ông cũng có nhà, có ruộng,

có vợ cùng hai người con. Ông vừa làm ruộng vừa thêm nghề sông nước, chống bè thuê. Mới đầu còn chân chống bè thuê, sau dần có lưng có vốn, ông mua một vài hộp nứa, tự mình xuôi dòng. Vừa làm chủ, vừa làm công, nhà khá lên. Những chuyến xa nhà sông nước của ông cũng lâu hơn, nửa tháng, một tháng. Cho đến một bận ông về cầm nhà, cầm ruộng. Nghe nói để có vốn xuôi bè lớn. Cũng từ đấy, cả vợ chồng con cái nhà ấy cùng nhau xuôi bè. Cậu con trai mười bốn tuổi đủ sức giúp bố làm chân chống sào, cô con gái mười hai phụ giúp mẹ cõm nước trên bè. Chuyến bè đó lớn lắm, nghe nói đến hơn chục hộp nứa, cả gỗ nứa và thuê đến mấy tay sào. Quá rằm tháng chín, ai cũng yên tâm chẳng còn bão lớn. Chuyến bè tận bến chợ Mới sông Đà, xuôi dòng. Nhỏ sào được hai ngày, đã qua ngã ba Việt Trì, từ sông Đà vào sông Cái. Trời đang quang, mây đang tạnh, bất chợt một cơn bão lớn ập đến. Cứ như các cụ nói, trận bão ấy lớn lắm, bão làm đổ cả đình. Sóng to gió lớn, con bè chống chọi chẳng được mấy nổi thì tan tác. Đến mấy tay chống sào quen sông nước, mà cũng kẻ mất, người còn. Gia đình ông chủ hai đứa con đều bị dòng nước cuốn mất, may vợ chồng ông chủ túm được cái mảng, dạt vào bờ mà thoát chết. Mất con, trắng tay, sau lần ấy người vợ ông trở lên điên dại. Gần mười năm sau thì bà ta chết....

Kể câu chuyện ấy, thầy tôi chép miệng: Đấy buôn tàu buôn bè không bằng ăn dè hà tiện. Người ta có số, chả ai biết đời người thế nào. Còn bu tôi thì nói: Giá mà không chết đuối, người con trai lớn của ông lão giờ cũng trạc tuổi thầy tôi, người con gái thì cỡ tuổi bu tôi. Tôi thấy ân hận. Dù không phải kẻ đầu têu nhưng tôi đã a dua theo lũ trẻ. Sao lúc ấy tôi không ngăn cản?

Ý nghĩ cứ dần vật. Thế là tôi moi hai đồng xu trong ống tre, những

đồng xu tiền mừng tuổi, mà chỉ khi thật thèm tôi mới dám moi ra một đồng mua cái bánh đa.

Thấp thỏm chờ đợi ông lão quay lại, tôi sẽ đãi ông lão ăn mỳ hai đồng xu. Một tuần, hai tuần trôi qua, tôi ngong ngóng về hướng cây si già, về con đường dẫn vào xóm. Thấp thoáng bóng ai đấy, tôi lại hy vọng, đó là ông lão ăn mỳ.

- Khổ thân chưa! Cái ông lão ăn mỳ vẫn đến xóm ta, chết rồi đấy! Vừa chết rét, vừa chết đói. Thấy bảo sáng ra, gác chợ biết thì người đã lạnh cứng...

Đấy là người xóm tôi đi chợ về kháo nhau. Hai đồng năm xu ngày ấy tôi chuẩn bị đã không bao giờ còn được đãi ông lão ăn mỳ nữa./.

### **Trọng Huân**

### **Kỷ Vật**

Tốt nghiệp ra trường, tôi về dạy học ở một huyện vùng trung du. Cái thị trấn nho nhỏ. Ngôi trường ngự ngay trên đồi. Từ khu trường có thể nhìn bao quát xuống thị trấn, những mái nhà lô xô, cái mái ngói, cái mái tranh, trông đến vui mắt. Xa xa nữa, là những vạt chè xanh, trải dài ngút ngát. Một thị trấn thanh bình, mơ mộng!

Lũ học trò hiền lành, chăm chỉ. Cứ nhìn chúng tròn xoe mắt, lắng nghe từng câu, từng chữ trong các tiết học, trong những bài giảng

của tôi, thấy chúng thật đáng yêu. Công việc, cuộc sống chỉ đến thế là cùng, mình có ước ao gì hơn nữa.

Năm dạy học đầu tiên qua đi tốt đẹp. Vào cuối năm ấy, tôi có người yêu, anh công tác ở một cơ quan trong huyện và hơn tôi dăm tuổi. Bước vào năm thứ hai, mọi việc diễn ra vẫn bình thường, nếu như không có chuyện, một cậu học trò thường gây khó chịu cho tôi. Ngay tiết học môn văn đầu tiên, lên lớp được chừng 5 phút, đang giảng bài, tôi chợt nghe có tiếng thưa rõ to:

- Thưa cô!

Nhìn ra cửa, một cậu học trò cao lớn, không cặp, không sách, áo bỏ ngoài quần và nhất là cái đầu - trọc lóc - nghênh nghênh đứng. Trong lớp nổi lên những tiếng cười khinh khích. Tôi khó chịu, song cố nén, cất tiếng hỏi:

- Cậu... tên gì?

- Thưa cô, em là Nguyễn Lê Tùng Sơn, mười tám tuổi, học sinh tổ bốn, ngồi bàn cuối, nhà ở thôn Chùa,....

Cả lớp rộ lên tiếng cười

- Thôi! Cậu vào lớp ngay cho tôi nhờ!

Trường hợp này, chỉ còn cách xử lý như vậy. Nếu giảng co, làm căng, mất hết cả tiết học, mà lại là tiết học đầu năm. Cậu học sinh khuynh khuynh đi vào lớp, vừa đi, vừa đưa tay như như cậu này, hất hàm với cậu kia. Tôi cố nén, tiếp tục tập trung vào bài giảng. Một lúc sau nhìn xuống chỗ cậu ta, cậu học trò cũng kiếm đâu được cây bút, đang hý hoáy viết vẽ gì đó. Đến giữa tiết học, cậu ta không viết vẽ nữa, cái đầu trọc lóc gục trên mặt bàn. Cho đến tận lúc ra chơi, cậu học trò vẫn ngon lành ngủ. Biết làm gì với thứ học trò này đây, một loại học sinh cứng đầu, cứng cổ. Tôi băn khoăn tự hỏi, cần phải áp

dụng biện pháp cứng rắn, hay mềm dẻo. Nghe tôi phàn nàn ở văn phòng, cô giáo dạy văn năm trước của cậu ta, nhún vai:

- À, cái cậu Nguyễn Lê Tùng Sơn chứ gì? Chịu! Đến Tài thánh cũng chịu. Loại đó, chỉ có.... đuổi.

Đuổi thì đơn giản, tôi nghĩ. Trong những tiết học tiếp theo, cậu ta còn nghĩ ra nhiều trò quỷ quái khác. Cả lớp đang cắm cúi chép bài, bỗng dựng một cái máy bay giấy phi đánh vèo. Truy hỏi thủ phạm, cả lớp ngồi im lặng. Hay có lần, ngay trên mặt bàn giáo viên, một tờ giấy nguệch ngoạc những hình vẽ bậy bạ... Một hôm, tôi đang giới thiệu về tác giả, thì cậu ta đứng lên, cắt ngang:

- Thưa cô, cô cho em hỏi một câu ạ?

- Cậu hỏi gì?

- Thưa cô! Thế nhà thơ Nguyễn Khuyến ở đâu ạ?

- Cậu đã học chương trình văn học lớp dưới chưa?

- Thưa cô, rồi ạ! Sách viết, ông Nguyễn Khuyến quê ở Hà Nam, đỗ tam nguyên, ra làm quan,... Thế mà nay ở quê em, hàng ngày vẫn thấy ông Nguyễn Khuyến dắt trâu ra đồng?

Cả lớp cười rộ lên. Tức quá, không kìm được, tôi quát to:

- Ra, ra ngay! Cậu ra ngay khỏi lớp!

- Thưa cô, em phải ra ngay ạ? Cô bảo em về mời ông Nguyễn Khuyến đến đây! Vâng, thưa cô em đi, đi ngay đây ạ!

Nói rồi, cậu ta tót nhanh ra khỏi lớp. Tôi chỉ còn biết nhìn theo, uất ức, không nói lên lời. Cố kìm nén mà nước mắt cứ trào ra. Học trò cả lớp cùi gằm. Ngay ngày hôm sau, theo kiến nghị của tôi, Ban giám hiệu nhà trường yêu cầu cậu ta lên văn phòng làm kiểm điểm. Tối ấy tôi đang ngồi chấm bài. Đây là bài kiểm tra văn đầu tiên của năm học. Nhìn đến cái tên Nguyễn Lê Tùng Sơn, tôi đã định cho con hai

rõ to, song chợt dừng lại. Kể chữ viết của cậu ta cũng đẹp, nó có cái vẻ khoáng đạt. Chữ như thế này mà sao người lại có những hành động như vậy nhỉ? Tôi chậm rãi đọc bài văn của cậu ta. ừ, cậu ta viết khá, câu cú chuẩn xác, văn phong súc tích, ý tưởng của bài văn khá mới lạ. Đang vu vơ nghĩ, chợt nghe tiếng động cửa, ngẩng lên nhìn, tôi thấy cậu học trò tai quái kia:

- Thưa cô...

Khác với mọi khi, cậu học trò lúc đó lại rụt rè. Tôi nghĩ bụng, hoá ra biện pháp cứng rắn lại có tác dụng. Tôi bảo đến mấy lần, cậu ta mới lúng túng ngồi xuống. Thấy cậu ta cứ ấp a ấp úng, tôi đành chủ động:

- Cậu.... Cậu đã thấy khuyết điểm của mình chưa?

- Dạ... thưa cô!...

- Tôi vừa đọc bài kiểm tra của cậu xong. Sơn ạ, tôi thấy buồn và hơi lạ, một học trò viết được những điều như thế, sao có thể....

- Thưa cô .... Em....

- Em làm sao?

- Dạ.... em phải nghỉ học.

Cậu học trò vốn có cái vẻ phớt đời, ngông nghênh, giờ hiền khô, tội nghiệp. Tôi thoáng thấy ái ngại và hơi tủi lòng:

- Sao, sao Sơn lại nghỉ học?

- Thưa cô.... hoàn cảnh nhà em.... Hôm nay em đến xin lỗi và chào cô....

Sơn đặt bản kiểm điểm lên mặt bàn, rồi lặng lẽ đứng lên. Bất ngờ khi biết ý định bỏ học của Sơn, tôi bảo cậu ta ngồi xuống, định có vài lời khuyên nhủ. Cậu ta vẫn đứng, lý nhí chào và dứt khoát ra về. Khi cậu ta đi rồi, tôi thoáng ân hận. Có phải vì mình mà cậu học trò bỏ học?



Vài ngày sau, vào sáng chủ nhật, hỏi thăm địa chỉ, tôi đạp xe đến thăm nhà Sơn. Nhà Sơn nằm lưng chừng một quả đồi, căn nhà tranh ba gian, có vườn chè bao quanh. Sơn cởi trần, đang lúi húi sửa cái xe cải tiến. Nhìn thấy tôi dắt xe vào sân, cậu ta có vẻ bất ngờ, miệng ấp úng chào. Trong khi tôi đang tìm nơi dựa xe, thì Sơn vội vã chạy vào nhà. Tôi ý tứ đứng lại ngoài sân, đợi cậu học trò mặc quần áo. Từ trong nhà, một người đàn bà xấp xỉ tuổi năm mươi, tong tả chạy ra:

- Cô giáo.... cô giáo đến chơi. Thằng cháu Sơn nhà tôi nó chẳng báo trước gì cả. Mời cô, mời cô giáo vào nhà...

Tôi bước vào nhà theo người đàn bà. Một căn nhà tênh toàng, nền đất gồ ghề, giáp tường có mấy bao sắn và bao thóc chõng lên nhau. Tài sản đáng giá nhất là ban thờ và cái giường gỗ rẻ quạt. Người đàn bà lúng túng giải thích, nhà chỉ có hai người, nên chẳng nước non gì cả. Nói rồi bà xách cái ấm xuống bếp. Từ trong buồng, Sơn ngập ngừng bước ra:

- Sơn.... sao hai ba hôm rồi , không thấy Sơn tới lớp?

- Thưa cô...

Vẫn chưa hết lúng túng, cậu học trò tay vân vê gấu áo...

- Có điều gì mà Sơn lại nghỉ học? Có phải tại tôi...

- Dạ... thưa cô, không, không... Nhà em có chuyện. Khó...

- Khó thì mới phải cố gắng. Chỉ còn dăm tháng nữa. Sơn không nghĩ tới tương lai của mình sao?

Chúng tôi đang dang dở câu chuyện, thì bà mẹ từ dưới bếp xách ấm nước lên. Bà ngỡ ngàng khi hay tin con trai định bỏ học:

- Báo cáo cô giáo, thảo nào, mấy hôm nay, thấy nó cứ ở nhà. Hỏi thì nó bảo....

Sơn cắt ngang lời mẹ:

- Kìa mẹ! Mẹ biết gì mà.... Con, con đã quyết rồi!

- Thế có chết không cơ chứ. Đã đến đận gì mà phải bỏ học. Việc của bố mày là việc của bố mày. Làm sao mày phải bỏ học....

Tôi đã biết lý do vì sao Sơn bỏ học qua câu chuyện của bà mẹ. Vừa dấm dứt khóc, bà vừa kể: Bố Sơn là thợ xây, ông thường đi vùng nọ, vùng kia xây cất nhà cửa. Trước đây ông còn có trách nhiệm với gia đình, thỉnh thoảng mang về chút tiền cho vợ con. Hai ba năm lại đây, đã rất ít về, mà tiền nong cũng tịnh không thấy một đồng nào. Mãi cho đến gần đây, mẹ con Sơn mới biết, ông có vợ bé. Giờ đây mọi công việc đều trút lên vai người vợ. Bà lại hay đau ốm. Thương mẹ, Sơn quyết định bỏ học, để kiếm một công việc nào đó. Tôi ngồi lại qua trưa, ăn bữa cơm đạm bạc với hai mẹ con họ và rì rầm khuyên nhủ Sơn. Sau buổi tối đến nhà, Sơn trở lại lớp học.

Từ buổi ấy Sơn như người khác lạ. Cậu học trò ngỗ ngược ngày nào, nay trầm tĩnh. Đúng là một học sinh có năng khiếu môn văn, những ý tưởng lạ, mơ mộng, những bài phân tích, bình luận sắc sảo, khúc chiết. Trong những giờ tôi lên lớp, cậu yên lặng, chăm chú nghe bài giảng. Một lần đang ngồi xem sổ điểm, trong khi cả lớp cắm cúi làm bài, bất chợt ngẩng lên, tôi vô tình bắt gặp cái nhìn của Sơn, cậu ta lúng túng, vội nhìn nhanh sang hướng khác. Tôi nghĩ ngợi, hình như gần đây Sơn có cái nhìn khang khác.

Lại một đợt chấm bài kiểm tra. Xem đến bài của Sơn, tôi hơi bất ngờ. Cậu ta không làm theo đề ra, mà kể một câu chuyện yêu đương, chàng trai yêu thiết tha, còn cô gái... Thế là linh cảm của tôi chính xác, Sơn đang yêu tôi, yêu cô giáo của cậu ta. Xử lý thế nào đây, một chàng trai mới lớn. Tôi đâm ra lúng túng. Không thể mang ra

kiểm điểm, hay nói trước lớp. Khi trả bài kiểm tra, tôi giữ bài của Sơn và bảo cậu ta, cuối giờ ở lại gặp tôi. Nhìn cậu học trò mặt mũi đỏ rừ, ngắc ngư ngồi sau bàn, tôi nhẹ nhàng nhắc, Sơn làm lại bài kiểm tra, còn câu chuyện mà cậu ta viết ra, thì ở cái tuổi và vào thời điểm cuối cấp học này, là chưa nên. Sau buổi đó, Sơn tránh gặp mặt tôi.

Nhưng đôi lần, vô tình tôi vẫn bắt gặp ánh mắt của cậu ta, từ xa dõi nhìn tôi.

Giữa năm học đó tôi xây dựng gia đình. Đám cưới của chúng tôi diễn ra vui vẻ, nào bạn bè, đồng nghiệp hai cơ quan, rồi học trò các lớp. Trên hội trường khi cùng chồng đến các bàn chúc rượu và cảm ơn, tôi bắt gặp cái nhìn đượm buồn của cậu học trò sau khung cửa sổ. Rồi năm học sắp kết thúc, học trò tập trung vào kỳ thi tốt nghiệp, thi đại học. Trong buổi liên hoan chia tay, lớp Sơn tổ chức ăn uống, đàn hát đến khuya. Tránh tiếng đàn hát, chúc tụng ồn ào, tôi bước ra khỏi phòng liên hoan. Đêm hè sân trường yên tĩnh. Cái nóng gắt gao ban ngày đã dịu bớt. Ngẩng lên, thấy bầu trời đầy sao. Lâu lắm rồi, có lẽ từ khi ra trường, tôi mới có dịp ngắm sao. Nghĩ nhanh thật đấy, ngày nào còn là cô sinh viên mơ mộng, bao lần cùng đám bạn bè leo lên gác thượng, ngồi tán gẫu và ngắm sao. Đang thả hồn vẫn vợ giữa bầu trời đêm thăm thẳm, tôi chợt thoáng nghe có tiếng chân người bước sau lưng và đứng lại. Linh tính mách bảo, đó là ai. Một lúc khá lâu, vẫn không thấy cậu ta lên tiếng. Hình như có tiếng thờ dài. Tôi chủ động quay lại, hỏi:

- Sơn đấy hả?... Sao không ở trong lớp vui với các bạn!

- Dạ....

- Chuẩn bị thi tốt chứ? Phải cố gắng lên nhé, Sơn!

- Dạ...

Rồi cả hai im lặng. Thời gian trôi đi. Chắc đã muộn rồi, tôi quay mình định vào chào mọi người, đến lúc này Sơn mới lên tiếng!

- Dạ... Cô .... Cô cho Sơn gửi....

Sơn trao nhanh cho tôi lá thư, rồi vội vã bước vào khoảng tối trên sân trường. Lá thư tỏ tình chứa chan lời yêu đương. Phân vân, cuối cùng tôi quyết định, đưa lá thư của cậu học trò cho chồng tôi xem. Xem xong, anh mỉm cười, nói một mối tình học trò, chỉ tiếc là không có đoạn kết. Sau mùa thi, Sơn trúng vào trường sỹ quan công binh. Tiếp đó, thỉnh thoảng tôi nhận được những thông tin rời rạc về Sơn. Ra trường cậu ta được điều về một đơn vị công binh. Nghe nói đơn vị không đóng ở một chỗ cố định, mà nay đây, mai đó. Còn tôi, do bận bịu công việc và chuyện chồng con, nên ít có thời gian nghĩ về cậu học trò ấy nữa.

Số phận con người ai mà biết được. Cuộc đời của tôi tưởng như êm đềm, bất ngờ bị đảo lộn. Chồng tôi không may mắc một căn bệnh hiểm nghèo, bao thuốc thang, mà anh không qua khỏi. Những ngày tháng đó tôi như kẻ mất hồn. Ban ngày vì công việc có thể còn nguôi ngoai, chứ đêm xuống, trong gian nhà vắng lặng, nhìn đứa con nhỏ, tôi tưởng như không sao chịu nổi. Để dịu bớt đi nỗi buồn, tôi chỉ còn biết lạng lẽ thắp nén nhang lên ban thờ chồng. Nhìn làn khói hương chao lượn, cảm giác trong tôi như thấy anh đang về cùng với mẹ con tôi. Sau lễ cúng trăm ngày, lúc đó khoảng tám giờ, tám rưỡi tối, tôi nghe có tiếng ai gõ cửa. Thật bất ngờ, Sơn sừng sững đứng trước hiên nhà. Bộ quần áo sỹ quan làm Sơn thêm già dặn, cứng cỏi. Sơn đặt bó hương lên ban thờ và thắp một nén nhang. Tôi đứng khốc lặng sau Sơn. Đến lúc này tụi cảm giác, càng thấy mình mất mát lớn quá. Sơn nói mấy lời chia buồn, rồi lạng lẽ ngồi hút thuốc. Tôi cũng

ngồi yên lặng.

Tối hôm sau Sơn lại đến. Một tối nữa, một tối nữa, cho đến hôm trước khi trở lại đơn vị:

- Lan.... tôi yêu Lan. Biết Lan đang đau khổ... Nói chuyện vào lúc này thật không hợp, nhưng...

- Thôi, đừng nói nữa Sơn. Tôi biết, tôi biết Sơn.... Nhưng... không thể. Có lẽ, không bao giờ tôi quên được anh ấy. Hãy hiểu tôi....

- Không,.... Sơn sẽ đợi. Dù là bao lâu.... anh sẽ đợi.

Sơn trở về đơn vị. Qua những lá thư, tôi biết Sơn đang ở đâu, khi thì một thị xã miền Trung, lúc tại một khu phát triển công nghiệp. Nhận thư của Sơn, nhưng tôi không hề đáp lại. Có lẽ đó là cách trả lời tốt nhất. Tháng tháng, vẫn những lá thư Sơn đều đặn gửi cho tôi. Chợt bỗng đi một, hai tháng, tôi không nhận được thư của Sơn nữa. Thôi, thế cũng hay, có lẽ Sơn đã hiểu. Một buổi chiều đang đứng lớp, tôi thấy đám học trò lao xao, ngó ra ngoài sân. Trên sân trường, tôi nhìn thấy từ phía sau lưng, ông bảo vệ đi cùng một anh bộ đội. Tự dưng tôi lại nghĩ tới Sơn. Hết tiết học, đang ngồi trong lớp, thì một cậu học trò chạy vào báo, tôi có khách, đang đợi ở văn phòng.

Tôi hồi hộp nghĩ, hay là Sơn. Bước vào văn phòng, thì biết mình nhầm. Anh bộ đội từ tốn đứng dậy:

- Chào cô giáo!

- Chào anh!

- Có phải, cô là Nguyễn Thị Huyền Lan?

- Vâng....

Anh bộ đội vẻ ngần ngừ, chưa biết bắt đầu chuyện ra sao. Rót chén nước mời anh, tôi chủ động:

- Dạ... Có việc gì thế ạ?

- Dạ. Tôi.... Tôi cùng đơn vị với Sơn.

Anh bộ đội tần ngần lôi từ trong cặp ra cuốn sổ nhỏ.

- Đây là cuốn sổ tay của Sơn.

Tôi hơi bực mình nghĩ, cậu ta còn bày ra trò gì nữa đây. Thư từ gửi mãi rồi, chưa đủ sao. Giọng hơi bực bội, tôi hỏi:

- Sao.... Sao lại gửi cho tôi?

- Đây là kỷ vật của Sơn. Cậu ấy đã hy sinh rồi!

- Sao?

- Hai tháng trước Sơn nhận nhiệm vụ tháo gỡ một quả mìn... Trước khi tắt thở, Sơn nhắn lại, muốn cuốn nhật ký này đến tận tay Lan.

Thế là một người nữa lại ra đi! Đặt cuốn nhật ký lên ban thờ, bên tấm ảnh của chồng, tôi thắp nén nhang. Chắc chồng tôi sẽ rộng lượng, cảm thông cho nén nhang thắp chung này, thắp cho một người đàn ông và một chàng trai, một người tôi yêu tha thiết và một người tha thiết yêu tôi.

2004

## Trọng Huân

### Làng Ma

Tôi đã định về sớm nhưng sa đà chén rượu, câu chuyện, dứt không nổi, ba giờ chiều mới lên xe. Trên con đê ven sông Hồng thuộc huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam, nhằm tính 70 km vẫn kịp tới Hà Nội trước khi trời tối. Bất ngờ mây đen ập đến. Trời như trút nước, tôi ướt lướt thướt, người ớn lạnh. May có cái điểm canh đê vào trú. Mưa dai dẳng gần hai tiếng đồng hồ. Đường xấu lại sũng nước, cái xe Honda cà khổ đời 78 không bốc lên được. Ra đến đường I Phủ Lý chắc tối mất.

Lối rẽ. Trên đê tôi phi xe xuống. Sau mưa, ráng chiều đỏ ối. Bất thần trên nền trời trước mặt sừng sững cây đa ba đầu. Tôi nổi da gà, xung quanh tối sầm, người hẫng đi, rơi vào chốn mung lung. Cảm giác ấy diễn ra chẳng biết bao lâu. Rồi tôi nghe tiếng người lao xao, đầu nhúc như búa bổ. Hình ảnh cây đa ba đầu ở cái làng Ma chập chờn. Sao nó ở đây nhỉ? Mình đang ở Hà Nam cơ mà? Loáng thoáng tôi nghe tiếng ai nói xa gần:

- Người nóng quá... Chắc gặp mưa cảm lạnh...

Tôi gượng lắm bậm hỏi:

- Đây... là... đâu? Sao có... cây đa ba đầu? Làng Ma...?

- Anh ta nói gì...? Làng Ma! Ô hay, anh ta gốc ở đây ?

- Thế... thế cụ Tĩn?

- Kìa... anh ta biết cụ Tĩn à, ông lão ở làng Ma...

Sao lại là làng Ma? Đây đất Hà Nam, đâu phải Hải Dương? Đầu óc tôi lùm nhùm những câu hỏi.

\* \* \*

Hồi ấy, đang thời chiến tranh đánh phá miền Bắc ác liệt của không quân Mỹ, những năm sáu bảy sáu tám. Lúc đó tôi tròn mười tuổi. Mẹ gửi tôi sơ tán ở nhà người họ hàng với bác cùng cơ quan mẹ. Làng thuộc huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương. Mẹ tính đây là vùng xa quốc lộ, không nhà máy xí nghiệp, máy bay ít oanh tạc. Cứ chủ nhật cuối tháng, từ cơ quan ở Hà Nội, mẹ lóc cóc đạp hơn bảy chục cây số theo đường tắt đèo những thức cần thiết cho tôi. Những ngày đầu một mình chón lạ, tôi nhớ nhà, nhớ mẹ, thường ra đầu làng ngóng hay lủi vào góc kín thút thít khóc. Dần dà tôi cũng quen với cuộc sống mới. Có lẽ bởi nông thôn nhiều trò lạ trước đũa trẻ thành phố như tôi. Trò trò cây xem ổ chim non, mấy con chim ra ràng đỏ hồng, ngẩn cổ chiêm chiếp đòi ăn; xem trận kịch chiến giữa bầy ong vàng và tên hung thần ong đen đến đánh cướp ong non; theo lũ trẻ ra bờ sông câu cá lác, loại cá mắt thối lỗ như cái đèn pha, vắt vẻo trên đầu... Thú nhất vẫn là đi câu. Cũng vì trò ấy tôi quen cụ Tĩn, ông già cất vó ở rìa công, giáp sông. Chẳng rõ cụ Tĩn có người thân nào không, chỉ thấy cụ thui thui một mình ở cái chòi cất vó. Một bận tò mò tôi hỏi, nhà cụ ở đâu, cụ Tĩn chỉ vào trong đê, nơi bọn trẻ bảo đây là làng Ma. Trước có cái chợ họp ở đó. Năm đói người dồn về, chết, xác chôn chung nên có gò gọi là mả Chung, Những đêm trở trời, ma



đói tụ tập họp chợ dưới gốc đa. Sợ thì sợ, nhưng học xong chiều nào tôi cũng ra bằng được. Không biết ham câu hay vì những câu chuyện cụ Tĩn kể. Phải nói cụ Tĩn là kho chuyện cổ tích. Cụ kiên nhẫn trả lời, giải thích các câu hỏi dường như vô tận của tôi, một đứa trẻ lên mười.

Trưa ấy đi học về, ăn vội vàng, rồi cầm chiếc cần, câu tôi phóng ra bờ sông. Vào chòi chẳng thấy cụ Tĩn đâu, chỉ thấy bốn gọng vó không lưới đựng đũa trên mặt nước. Tôi dáo dác tìm quanh. Cụ ở đâu nhỉ? Hay ốm nằm nhà? Mà từ trước đến giờ chưa thấy người thân nào của cụ. Thử vào nhà xem sao. Phân vân một lúc vì sợ, nhưng nghĩ cụ Tĩn ốm, tôi đánh liều vào làng Ma. Lâu rồi làng Ma thành vườn cây các cụ. Tuy lần đầu vào đây tôi vẫn tìm được nhà cụ Tĩn ngay. Khu vườn có ngôi nhà cụ là duy nhất, ba gian lợp rạ, ọp ẹp cũ.

- Ông ơi... !

Tiếng vòng vọng trong vườn cây. Nghe, tôi rờn rợn, hốt hoảng gọi liên tiếp. Từ chái nhà có tiếng cụ:

- Thằng cháu đấy à?... Ông đây, ông ở đây.

Xộc vào, tôi thấy cụ Tĩn đang lúi húi trong bếp. Một nồi mười cháo to vật, đang sùng sục khói trên cái bếp, kê bằng mấy ông bù rau. Tôi vội hỏi:

- Ông ốm à? Sao ông nấu nhiều cháo thế?

- Ồ không (cụ Tĩn trả lời). Hôm qua ông quên mời thằng cháu. Chiều nay ở đây ăn cơm, à... ăn cỗ với ông. Hôm nay rằm tháng bảy, lễ xá tội vong nhân.

Nói rồi cụ Tĩn nhờ tôi ra vườn hái lá mít, cụ thì rọc những tàu chuối.

Hai ông cháu mang đám lá xuống cầu ao rửa, cả đám lá đa, chắc cụ

Tĩn nhậт dưới gốc cây đa ba đầu từ trước. Rửa xong, ông cháu tôi bê rỏ lá vào nhà lau cẩn thận. Tôi chẳng biết đảм lá để làm gì. Lúc này tôi mới có dịp quan sát nhà cụ Tĩn. Ngõi nhà tềnh toàng, ngoài ban thờ ám khói, đầy tan nhang và chiếc chõng tre cũ, đồ đạc chẳng còn gì nữa. Tôi tò mò hỏi:

- Ông ơi, thế bà đâu? Các cô chú đâu?

Mải lau lá hay suy nghĩ gì, cụ lơ đãng trả lời:

- Ờ... Ờ... bà và các cô chú... Kia, nhanh tay lên cháu... Họ đang chờ... Đói, ma đói mà!

Tôi lạ quá và cảm thấy sờ sợ, lấm lét nhìn quanh. Chẳng có ai. Cụ Tĩn bước lại ban thờ, bày mấy gói bỏng ngô và thắp nén hương, rồi bảo tôi rải những chiếc lá mít, lá đa đã lau sạch ra sân và cụ bê nồi cháo theo. Tôi trở mắt ngạc nhiên khi cụ Tĩn cầm muôi múc cháo đổ vào từng chiếc lá. Xong rồi cụ lại sai tôi bê rỏ lá không ra vườn rải tiếp. Vườn cây um tùm rậm rạp. Đến lúc này tôi mới thấy mấy mô đất cụ Tĩn chỉ cho, cỏ mọc xanh rờn: - "Hai đống liền kề kia là nhà ấ... à nhà cô Mít, cô Na; đống cuối vườn là nhà bà; đống..." Rồi giọng cụ nghèn nghẹn: -"Thày bu ơi, các con ơi, mẹ... mẹ cái ấ... về nhà mà ăn cháo, cháo trắng bố Tĩn nấu". Tiếng cụ nức nở. Chiều ấy tôi nghe câu chuyện cụ Tĩn kể về làng Ma, về chuyện đói, về những người thân của cụ.

Trước, đây có tên là xóm Trại, không phải tên làng Ma như người ta gọi. Xóm Trại đông đúc, gần hai chục nóc nhà, ngót nghét trăm rưởi khẩu. Nhà cụ Tĩn có chín người (lúc đó dân Trại gọi cụ là bố Tĩn), gồm ông bà Nhiều, vợ chồng bố Tĩn và năm đứa con, cả trai lẫn gái. ấ lớn chưa đầy mười ba, cu bé đang bú. Nhà bố Tĩn có năm sào công điền. Vụ mùa ấy lúa bị bệnh, gọi là hoàng trùng. Năm sào

ruộng, thóc gặt về, trừ sưu thuế và các khoản, còn chưa đầy mười thùng thóc. Mười thùng thóc, nhà chín miệng ăn, từ tháng mười đến tháng tư vụ chiêm, đói là cái chắc. Đã thế thóc lại lép, xay giã đón như kê, nấu ăn đắng ngắt. Trong làng ra đến xóm Trại nhao nhác, chuyển này đói to. Ngày mùa mà nhiều nhà cháo cám hay cơm độn rau. Gạo ở chợ giá tăng vùn vọt, từ 15, 20, 30 rồi lên tới 80 đồng một thùng. Cái chợ toen hoئن đầu đê cũng có người phủ Ninh Giang đến đong thóc. Nghe nói cân thóc tạ cho Nhật. Mẹ Tĩn vốn dân hàng xáo, trước quen biết họ nên nhận được phần xay giã. Nhờ thế nhà cũng đỡ, kiếm chút cám bồi.

Xóm Trại mới giữa tháng chạp nhiều nhà đứt bữa, nhưng chưa ai chết. Kẻ chết đói đầu tiên là người thiên hạ, chết ở cái chợ đầu đê và cái chết thật hãi hùng. Chợ họp hai hôm một phiên, chớp nhoáng buổi sớm, vậy mà người đói cứ ùn ùn kéo đến. Có người đàn bà chữa không biết từ đâu tới. Chị ta trở dạ tầm xế trưa. Người đàn bà chẳng còn sức vật vã. Dân đói ở chợ chỉ lơ ngơ nhìn. Đói làm người ta thờ ơ mọi chuyện, vô cảm đứng đưng trước đồng loại. Chẳng ai biết chị ta đẻ lúc nào. Tận khi nghe tiếng trẻ khóc và tiếng chó ăng ẳng, mấy con giẻ rách làng nhàng đám nhau thai chạy... Qua tết, trong làng ngoài trại lác đác người chết. Nhà bố Tĩn còn cầm cự được nhờ nguồn cám bồi xay giã thuê, rồi bố đánh dậm, gái lớn kiếm rau, lại khoản tiền công chôn xác đói. Lúc đầu công chôn đồng một xác. Khi chết rộ, giá xuống một hào. Sau chỉ mấy xu. Cuối cùng không công. Không đi không xong. Trương tuần đốc, lòi thối ăn gậy ngay. Buổi đầu còn sức, lại hai ba trai đình, nên xác được khiêng ra đồng, có quan tài hoặc ghép cánh cửa, không thì bọc chiếu, bọc dát giường. Sau nhiều quá, cứ chôn đại. Trong làng ngoài Trại chôn

cánh đồng gàn đậy, đào huyết lấp đất qua loa; xác ở chợ hất xuống hố chung, phủ đất. Đã chôn nhiều người, vậy mà bố Tĩn vẫn hết hồn bởi một lần bị nã đi. Người ấy chết mấy hôm, bụng trương to. Cái xác nằm còng queo giữa nhà. Bố Tĩn định kiếm tấm dạt giường, ngó thấy cái chiếu nằm lòng bông trên giường, bố Tĩn kéo. Động, từ trong ấy rinh rích nhảy ra mấy con chuột. Bố Tĩn giật mình, chiếc chiếu vừa kéo ra, để lộ đứa trẻ hai hố mắt sâu hoắm, dòi trắng lỏm ngòm bò trên mặt...

Nhà bố Tĩn, bà mẹ là người chết đầu tiên. Cháo cám lâu ngày, cụ mắc bệnh kiệt lực. Rồi đến cháo cám cũng không có, chỉ mỗi thứ ốc tép nấu rau. Hết thóc, hết người đến cần thóc tạ, nhà bố Tĩn mất nguồn xay giã. Không còn sức đưa xác mẹ ra đồng, bố Tĩn đành chôn mẹ ngay trong vườn. Bố Tĩn cố đào cái huyết sâu. Lúc đào gắng sao khỏi quy, người đi chôn mà quy sẽ không đứng lên được, chính bố Tĩn đã nhìn thấy cảnh đó. Ghê quá, đi chôn người mà người ta phải chôn luôn mình. Sau cái chết của bà mẹ, đến lượt vợ và đứa con út. Bố Tĩn biết trước vợ sắp chết. Buổi sáng thằng bé lóp chóp mút vú, mẹ nó thì lã chã nước mắt. Lúc sau thấy vợ lủi vào góc nhà. Thường người sắp chết đói hay lảng vào chỗ khuất, giấu mặt, họ buồn và lo sợ. Chết đói khác chết bệnh, cứ từ từ, thoi thóp. Bố Tĩn nhòai đến lay vợ, lần đầu người còn ấm, lần sau thì lạnh rồi. Nghe tin mẹ chết, có cái đĩ lớn phều phào khóc, còn mấy đứa nhỏ ngo ngo đứng, ngó theo chị và bố đưa xác mẹ cùng em ra vườn. Trừ bố Tĩn, liên tiếp mấy hôm ấy, ông cụ nhiều và lũ cháu lần lượt ra đi... Nghĩ sắp đến lượt mình, nên đói mà bố Tĩn cũng chẳng thiết kiếm gì nhét vào bụng. Người ta bảo ăn độc rau má thôi, ăn linh tinh là chết. Nhà bố Tĩn đã gắng kiếm rau má, vậy mà vẫn "đi" hết.

Mưa rả rích mấy hôm. Sáng đó khát quá, bố Tĩn lão đào ra sân kiếm chút nước. Đói làm bố Tĩn sa sầm, nhìn mọi thứ hoa hoa. Bất chợt bố Tĩn thấy mảnh đất gờ rau lang rìa bờ ao có mậ khoai đở tía, mưa làm trời mồm củ khoai lên mặt đất. Lạ, đám đất đào bới bao lần, vẫn sót củ khoai. Bố Tĩn sà xuống, hai tay bới móc. Không kịp rửa ráy, cứ thế tống vào mồm, ngấu nghiến nhai. Củ khoai nhãi giúp cơ thể đói hồi sức. Lúc này người đàn ông mới thấy lạ: Sao mấy hôm rồi trương tuần không đến nã đi chôn xác đói. Mà xóm trại vắng lặng quá. Chết hết rồi sao? Bố Tĩn khật khưỡng ra khỏi nhà. Chả gặp ai. Ra đến cánh đồng đầu xóm, cũng không thấy ai be tát, đánh dậm. Bố Tĩn trở mắt nhìn thửa ruộng trước mặt, lúa đã ngậm sữa. Không còn sợ hãi và chẳng biết ruộng ấy của ai, bố Tĩn lật bật xuống tuốt. Kể đói nhai, nuốt, nhổ, rồi lại tuốt, nhai, nuốt, nhổ. Gió mát cùng dòng sữa lúa non làm bố Tĩn tỉnh hẳn. Ngồi một lúc trên bờ ruộng, bố Tĩn chợt nảy ra ý vào làng. Chã nhẽ cả làng chết hết rồi ư?

Làng vẫn còn người. Thấy bố Tĩn họ rất ngạc nhiên. Người trong làng tưởng dân xóm trại chết hết rồi. Bố Tĩn càng ngạc nhiên hơn, lúc trước xin vãi bọt mếp không ai cho nổi củ khoai, giờ bỗng dưng có người cho cả rá thóc. Nghe họ nói đã phá kho thóc nhà cụ Bá, chia cho dân làng, đang phòng quân Nhật vào trả thù. Lúc đó bố Tĩn nào còn để ý gì. Hình ảnh bố mẹ và đàn con thoi thóp đói... " Các con ơi, sao không cố mà sống! Bố có thóc... có gạo nấu bát cháo trắng rồi".

\* \* \*

Câu chuyện cụ Tĩn kể về làng đói, về những cái chết cứ ám ảnh tôi. Đến nỗi nhiều đêm, tôi hét trong mơ, bà chủ nhà phải lay gọi. Dịp ấy tôi bị ốm bệnh tình khá nặng, phải đi viện. Các bác sĩ chẩn đoán sốt thương hàn. Tóc rụng, đầu trọc, tôi gầy da bọc xương, mẹ về chăm

sóc cả tháng. Đang thời kỳ máy bay đánh phá ác liệt, năm sáu bảy, sáu tám, tôi vừa khỏi, mẹ vội đưa về Hà Nội. Gần ba mươi năm trôi qua, tôi không quên kỷ niệm cái làng hẻo lánh ấy, về những lần đi câu cá, về cây đa ba đầu... Nhiều lần tôi tự nhủ sẽ trở lại thăm chốn cũ, nhất là thăm cụ Tĩn. Chắc cụ già lắm rồi. Vậy mà... tôi vẫn chưa có dịp trở lại. Trận cảm mưa và một làng Ma vô tình, gợi tôi nhớ về cái làng Ma và những kiếp người./.

### **Trọng Huân**

#### **Lão buồn thân**

Hàng phố thấy lão ăn mày lạ thất thểu đi qua. Trông lão già tiều tụy, đói khát, đội cái nón sùm sụp, nhìn không rõ mặt. Xin, lão chỉ chìa tay, chẳng nói năng gì. Dân phố nghĩ lão câm. Một tuần, hai tuần, lão ta vẫn lang thang khắp phố. Có điều, nếu để ý, thường thấy lão luẩn quẩn trước lũ con nhà Đồng Cái. Những lúc ấy lão ăn mày già bỏ nón nhìn vào lấm lét. Lão chính là kẻ coi đèn ngày trước. Dân phố không ai nhận ra, duy có người đánh cá nay thành cụ già coi đèn còn nhớ. Như mọi ngày, lúc bố thí, phân phát đồ lễ thì lão ăn mày tới, cụ vẫn bình thân bố thí cho kẻ đó. Lòng không gợn chút căm tức hay khinh bỉ, mà chỉ thoáng thương hại, cụ nghĩ: “Luật nhân quả đâu chỉ đến kiếp sau. Đời cha ăn mặn thì ngay đời cha đã khát nước”.

\* \* \*

Phố ấy dưới dãy núi, bên dòng sông. Dãy núi như dải phân cách, chỉ qua đèo là tới vùng thâm sơn cùng cốc, vượt sông là sang miền đồng bằng trải rộng ra biển, nơi có thành phố làng mạc. Con đường đèo là thang bắc từ đất lên trời. Thế đất ít ác nhiều thiện. Toà đền ngự sừng sững chân đèo. Đền hướng ra sông, thờ thủy thần. Ngày ấy, giữ đền lộng lẫy kia là một lão đồng, dân phố không gọi tên tục mà thường gọi lão là Đồng Cái. Đồng Cái có dáng người ẻo lả, giọng eo éo như đàn bà. Lão để tóc dài, búi một búi củ hành và chuyên vận kiểu áo quần ta, thứ lụa mỡ gà vàng bóng. Tay thì ba bốn ngón, nhẵn vàng tương. Đi đâu người lão cũng sực nức nước hoa. Hình như mồm Đồng Cái không lúc nào ngơi nghỉ, không nói, không chửi thì chóp chép nhai, quét tràu đồ đọng mép. Lúc phờn chí hấn cười, mồm ngoác ra trông rõ hàm răng bọc vàng choé. Ghét ai chẳng nể nang hấn võ mặt hoặc xỏ xiên ngay. Chửi, một tay Đồng Cái kéo quần đến tận bẹn, tay kia xĩa xói hay vỗ bành bạch, chân nhảy tênh téch. Nhà hấn cách đền không xa, vậy mà hấn rất ít đi về. Đồng Cái có tính mê đàn ông, đứa trai nào càng to khỏe, càng dữ dằn, hấn càng thích. Chẳng biết có thật vậy không, bởi hấn vẫn có bà vợ béo nung núc cùng đàn con bảy tám đứa. Cả lũ không nghề ngỗng gì, chỉ nhõng nhõng rong chơi. Dân phố biết mọi khoản chi tiêu của nhà ấy đều từ tay lão Đồng Cái tất. Khinh người, đồng Cái nhìn dân phố bằng nửa con mắt. Riêng người đánh cá là hấn ky, nhác thấy xa đã lánh, bắt đắc dĩ giáp mặt, cái bản mặt vốn vênh vang của hấn, thoát biến thành lấm lét, như chó ăn vụng bột. Hấn sợ người đánh cá vì ông biết rõ chuyện xấu xa của hấn.

Đền thủy thần có khu vườn rộng. Đồng Cái mượn một đứa trẻ gái

làm vườn. Tiếng là mướn mà thực ở không công, ngày hai bữa cơm thừa, chỗ Đồng Cái và lũ trai ngủ qua đêm với hẳn ăn không hết. Dân phố không rõ đứa trẻ ấy từ đâu tới, họ chỉ nhớ, một sáng có đứa trẻ lạ ngơ ngác đứng góc chợ. Nó xấu xí, đen đúa, ai hỏi chỉ giơ tay quơ quơ. Nó là đứa trẻ câm. Sau đền có khoảng ao hoang rộng, người đàn ông đánh cá thường hay tới đó. Ông chứng kiến bao lần cảnh lão Đồng đánh con bé. Đánh vì nhiều cớ, nó ngủ quên, nó làm gãy nhành mẫu đơn hay Đồng Cái cãi nhau ở đâu về, trút tức lên con bé. Đánh thì cán cuốc hoặc rút guốc ra phang. Đánh bao giờ cũng chửi. Đánh chửi mệt hẳn mới bỏ đi. Thương quá, nhưng người đánh cá can ngăn thế nào được. Chủ ngược đãi người ăn kẻ ở nhà nó, biết làm gì. Đợi đến lúc Đồng Cái bỏ đi, người đánh cá mới giúp được con bé. Ông hái lá láng, nướng lên, xoa những vết tím bầm khắp người nó. Câm, nhưng con bé biết. Lúc bị đánh không hề nghe thấy tiếng nó kêu hay khóc, nhưng lúc người đánh cá tới, nó nhìn ông ràn rụa nước mắt; nó lấy tay và đầu làm dấu, đau lắm. Dù không dư dả, người đánh cá khi mua nắm xôi lúc cái bánh đa, lén cho. Nhìn nó ăn đến tội nghiệp, nhồm nhoàm, cổ rướn lên như rắn nuốt ngoé. Nó đói.

Bận đó người đánh cá tới ao hoang. Ông thoáng nghe tiếng rầy rụa, tiếng ơ ơ và cả tiếng vật vã. Con bé lại bị đánh, người đàn ông nghĩ. Nhưng sao không thấy tiếng chửi như mọi khi? Vườn rậm rạp... hay nó bị rắn cắn? Chết! Người đánh cá vội áp thuyền lao vào vườn. Ông khựng lại, quá bất ngờ cảnh lão đồng cái cưỡng bức con bé. Mất đến mấy giây người đánh cá mới kịp phản ứng, ông lao lại, thẳng tay túm đám tóc củ hành trên đầu lão đồng. Thành linh bị giật ngược, Đồng Cái ngã ngửa và sừng sững trước mặt lão người đánh cá. Sợ, Đồng



Cái rữ ra như con gà bị cắt tiết. Thoáng cái hấn chấp tay, quỳ lết về phía người đàn ông, vừa lết vừa vái, hấn vái như thăng đồng, chỉ khác mồm không hú hét. Nhìn dáng quy luy ấy, người đánh cá thấy ghê tởm, ông nhổ bãi nước bọt vào giữa mặt thăng chó má. Bước lại phía con bé, ông quyết định đón nó về nuôi, không thể để đây với con quỷ đực cái ác dục. Người đánh cá vừa chạm vào con bé, nó đã giật ra, lết lùi, lết lùi, rồi bất ngờ vùng dậy, chạy thục mạng ra hướng bờ sông. Hôm sau đang bơi mùng thả lưới ven sông, vô tình nhìn rặng cây ven bờ người đánh cá giật mình, hình như có xác người lập lờ mé nước. Đó là xác con bé câm. Người đánh cá đứng ra chôn cất kẻ xấu số. Đám ma không thấy bóng dáng Đồng Cái. Dân phố có người xì xầm, tại sao con bé câm tự vẫn, tại sao người đánh cá đứng ra làm ma cho nó. Người đánh cá chỉ im lặng. Từ đó hễ gặp ông, lão đồng len lét như rắn mòng năm.

Dân phố vốn ghét lão đồng, họ ghét luôn cả ngôi đền, rất ít người đến lễ. Thế nhưng đền vẫn đông khách. Họ từ các thành phố xa xôi về lễ, toàn những bậc giàu có béo tốt, có bà ngòi chạt cả chiếc xích lô, tay cổ trạ vàng. Bồng lộc của Đồng Cái ai trong phố cũng rõ, từ nguồn những người khách phương xa đó. Làm gì không tính ra, riêng khoản nhảy đồng, mỗi giá đồng con nhang đệ tử cung phụng số tiền bằng một nhà dân phố ăn cả tháng. Hợm của, Đồng Cái đem phô với bàn dân thiên hạ. Hấn phá ngôi nhà cổ. Dạo đó phố toàn nhà tranh, thàng hoặc mới có gian nhà ngói cổ, thế mà hấn xây ngát ngư cái mái bằng. Tám ô văng đến lạ mắt, xĩa ra như vành mũ anh chàng bán phở. Dịp hoàn thiện ngôi nhà Đồng Cái khệnh khạng leo lên giáo, tay kéo quần lụa ngang háng, tay kia chỉ trở thợ tô trát tám ô văng, phía trên đắp ba ô vuông, phía dưới đục bảy lỗ tròn. Dân phố

nhìn thấy ngõ ngàng, chẳng biết kiểu ấy là gì. Đúng là cái thứ không giống người! Mãi họ mới luận ra, ngầm ý của Đồng Cái phô với thiên hạ:

Ba vuông sánh với bảy tròn

Đời cha sung sướng, đời con sang giàu!

Dân phố trông mà tức nhưng làm gì được, nhà người ta muốn bơi trát gì là quyền của họ. Dây vào, nó réo tổ tiên sư cho thì khốn. Dân phố chỉ còn biết thì thầm cùng nhau: ừ, cứ đợi xem! Hay là đời cha ăn mặn, đời con khát nước! Năm ấy có chuyến bè xuôi dòng. Bè thả neo nghỉ lại quãng sông kè phố. Lệ qua đây, các ông lái làm mâm cỗ cúng đầu bè. Xong tuần hương họ lên lễ trình đền thủy thần. Như vô tình, hôm đó có chuyến xe hơi cũng về lễ. Nghe nói hai đám khách xin nhà đền cho hầu thánh. Cổng đền cửa đóng then cài từ sớm. Về thì dẫu mà như khoe, dân phố đều hay, tối đền có hầu bóng. Ngay sân đền, lão đồng còn ẹo ợt với khách:

- Nhà đền chỉ sợ mấy ông dân quân. Các ông ấy tuần tra mà túm được hầu bóng thì phiền lắm... Nhưng các vị cứ an tâm đi, trần sao âm vậy, cô có khoản tạ trước rồi...

Nói đến đó lão cười phe phé. Kiểu giấu diếm đến lạ. Mới chập tối đèn đuốc trong đền đã sáng choang. Lão đồng khăn châu áo ngự ngồi xếp bằng, xung quanh cô con nhang đệ tử quỳ cung kính. Tiếng đàn dạo, tiếng hát châu văn cất lên, hoà với tiếng xì xầm khấn lạy. Lão đồng đảo nhẹ, mâm lễ trên đầu lão cũng đảo nhẹ. Mூరి ngọn lửa nén bắc lượn lờ, chao đảo trong những ngón tay kẹp của lão. ánh sáng nén hắt tường, lúc sáng, lúc tối, mờ ảo. Lão đồng đảo nhanh dần, nhanh dần; mâm quả cũng chao đảo nhanh dần. Có tiếng thì thầm:

- Ngài nhập! Ngài nhập!

Cùng lúc ấy tiếng con nhang đệ tử rộ lên cầu khẩn. Mùi khói hương, tiếng đàn hát, hú hét, lửa nến chập chờn... Không khí thật rùng rợn ma quái. Con nhang đệ tử thi nhau dâng trà, dâng thuốc lên Thánh, cô một lúc xơi hai ba miếng, mồm ngậm năm bảy miếng thuốc, mỗi lần cô rít, bó thuốc đổ rục, rồi cô phì phì nhả khói. Các thứ dâng lên, cô chỉ thường thức qua lại ban phát luôn. Ai được lộc Thánh, miếng trà, miếng thuốc hút dở đều hỉ hả hưởng. Hết một giá đồng, mọi người xúm vào chăm sóc cô, người quạt, người mời nước, kẻ lau mồ hôi. Sắp giá đồng mới họ, thay cho Đồng Cái bộ khăn áo chầu mới. Lần này cô trùm khăn, tay cầm roi, đó là roi ngựa của Thánh- giá chầu quan Tuần Tranh. Bắt đầu đảo, bắt đầu múa, vòng đảo nhanh dần, tiếng roi vun vút. Con nhang đệ tử lại thành kính kêu cầu Thánh phù hộ... Thành linh, tiếng còi ré lên, mọi người giật mình nhón nhác. Tiếp đó, tiếng hô, tiếng lên quy lát súng rôm rốp. Như đồng loạt, đàn hát cầu khẩn ngưng bật. Cô- Thánh cũng hết nhập, ngồi đơ đơ. Chỉ có đôi mắt cô còn trừng trừng, chẳng hiểu cô cảm tức hay Thánh còn nhập dở. Chợt thấy công an, mặt Đồng Cái tái dại, rũ xuống. Đọc lệnh khám, công an lục soát, tìm thấy bó thuốc phiện giấu dưới điện thờ. Lúc đó dân phố mới té ngựa, Đồng Cái và đám khách lễ là dây buộc đồ quốc cấm. Lão đồng đi tù, dân phố nghĩ, chuyện này rục xương.

\* \* \*

Có người trong phố nhìn lão ăn mày thấy khuôn mặt quen quen, hình như kẻ coi đền xưa? Nhưng họ lại phân vân, có lẽ mình nhầm. Vì nếu là Đồng Cái thì lũ con phải nhận ra bố chứ. Chẳng biết lũ con có nhận ra bố chúng không, hay nhận ra mà cứ lờ đi? Hồi ấy sau khi bố

vào tù, đám con Đồng Cái hùa nhau bán cái nhà ba vuông sánh với bảy tròn, đến lúc tiêu hết tiền, chúng đánh chửi nhau một trận toi bời, rồi mạnh đũa nào đũa ấy sống, coi như không anh em, quen biết gì nhau nữa. Chúng làm đủ nghề, từ lừa đảo, đánh đĩ, đến trộm cắp. Trong lũ con có thằng cả phát nhanh. Hấn vốn là đũa tinh ranh. Bây giờ dân phố đồn nhà nó có bạc tỉ. Lão ăn mày lảng vảng trước nhà thằng cả đã mấy ngày mà vẫn chưa giáp mặt con. Nhà ấy đông khách, toàn người sang đến giao dịch. Có lần Đồng Cái mon men qua được cổng thì gặp mấy thằng tá túc trong nhà nó. Lũ ấy tổng ngay Đồng Cái ra ngoài. Không gặp con, Đồng Cái còn bị bồi thêm mấy cái đá và cốc bia uống dở lũ đó hất theo. Không nản, Đồng Cái nghĩ: “Nó giàu, bỏ ra chút tiền nuôi bố thám thập vào đâu. Ắt thằng này sẽ nhận mình, sẽ không như mấy đũa mắt dạy kia.”

Tự dưng phố ấy náo loạn, cảnh bắt nợ, nhà này xiết nợ nhà kia; người khiêng ti vi, kẻ bắt tử; có người còn tróc con nợ cả giấy thổ trạch. Phố, mấy chục nhà khóc khóc cười cười vì vỡ nợ. Mới đầu họ còn giằng xé nhau, sau cả con nợ lẫn chủ nợ rầm rầm kéo đến nhà thằng cả, con lão đồng. Chính hấn là thủ phạm, lừa đảo người này, lường gạt người kia. Đám giật nợ đang ùng ùng trên đường kéo tới thì có chiếc xe con rú còi ầm ầm chạy vào phố. Xe ập vào nhà thằng cả. Phố càng náo loạn hơn, từ đũa cời trường đến ông lão cập kê miệng lỗ, suốt ngày chỉ kháo nhau, kẻ tưởng giàu nhất phố lại là đũa lừa đảo và còn trong đường dây buôn ma túy. Đúng là rau nào sâu ấy.

Đồng Cái biết ngay tin đó. Mặt lão rũ buồn. Lão khóc, khóc tức tưởi. Từ lúc ấy Đồng Cái không cầm lạng nữa. Dân phố đã rõ lão là ai. Thấy tay lão hươ hươ, người bảo lão giống con bé cầm ngày trước

thế! Hay hồn ma con bé cầm nhập vào lão? Thấy lão nhảy múa, vừa nhảy vừa hú như nhập đồng, người bảo lão điên rồi. Riêng cụ già coi đền - người đánh cá xưa, nghĩ: Không, kẻ ăn mày già nua ấy không điên, lão chỉ giả điên. Nhìn vào mắt lão, cụ thấy sự sám hối.

1996

## **Trọng Huân**

### **Lỗi em**

Cậu phóng viên trẻ rủ tôi về làng cậu ta chơi:

- Sếp ơi, làng em rất quê. Vào hội, khách tứ phương, người xa quê về lễ chùa, thăm đình đông nghìn nghịt. Nghe nói, chùa dựng từ thời Lê. Mà làng em còn nổi tiếng khoản... rượu. Không phải vì lời giới thiệu đình, chùa đẹp hay rượu ngon, mà một lý do khác, tôi đã quyết định về theo cậu ta. Ngay hôm cậu ta đến phòng nhận việc, xem tờ sơ yếu lý lịch, thấy phần quê quán và tên ông bố của cậu ta, tôi đã ngờ ngợ, định hỏi, nhưng chưa tiện...

Sáng ấy thầy trò tôi lên đường. Xe phóng vù vù. Ngồi sau thỉnh thoảng tôi phải nhắc: "Phi vừa vừa thôi. Tao vợ đẹp, con khôn...".

Nghe vậy, cậu ta khi khi cười:

- Sếp vô tư đi. Em tay lái lẹ... Sếp xem này! Hà hà...

Cứ như mô tả, thì hình như làng cậu ta ở gần quãng mà ngày ấy tôi

gặp em. Tưởng chuyện rồi quên, lạ sao, nay tóc điểm bạc, lúc buồn, lúc vui, lại hay nghĩ tới. Mình đã già rồi chẳng? Khi về già, người ta thường hồi tưởng, sống trong kỷ niệm, nhớ về quá khứ?

Con gái tôi đang học năm thứ tư, cháu theo nghề bố. Tuần trước nó dẫn bạn trai về giới thiệu. Không chỉ tôi sửng sò, mà bà xã cũng vậy.

Tối ấy khuya rồi, tưởng vợ đã ngủ, tôi vừa trở mình, thì nghe vợ hỏi:

- Anh nghĩ ngợi gì thế?

- Về thời gian.

Tôi trả lời. Rồi cả hai im lặng. Chắc vợ tôi cũng vậy, đang chìm trong không gian riêng tư. Tôi đã giấu vợ câu chuyện về em. Bằng linh cảm người vợ, qua những bài thơ, truyện ngắn đăng báo của tôi, cô ấy biết.

Em, giá như ngày ấy... thì chúng ta sẽ ra sao nhỉ? Giờ này em ở đâu? Chắc cũng một tổ ấm. Biết đâu trong những đứa con của em, có đứa vừa dẫn người yêu về trình bố mẹ. Tôi từng giằng xé, ân hận về cái thưở sinh viên ấy, mấy ngày nghỉ hè còn lại, mà không tìm được em. Sau này có lúc định, toàn là định, rồi lại nghĩ, giờ người ta yên ấm, có nên xáo động chẳng. Để rồi trăn trở, dằn vặt...

Ba mươi năm trước trên con tàu rì rì, dịp nghỉ hè năm thứ ba tôi từ Rumani về nước. Thật sốt ruột, chỉ ước ao giá như sau giấc ngủ, tỉnh dậy là quê mẹ. Nhà tôi ở cái thị trấn giáp Hà Nội. Thư nhà gửi sang, viết bom đạn bắn phá tan nát, thị trấn dân sơ tán hết. Lá thư mới nhận được, mẹ tôi cho hay, bố tụi đang phục vụ trên cung đường mạn khu Bốn, nơi máy bay đánh phá rất ác liệt. Cơ quan của mẹ sơ tán mạn Hưng Yên. Còn các em chạy theo trường. Về nghỉ hè đợt này, tôi tìm đến chỗ mẹ là dễ nhất.

Tôi đi học Rumani đầu năm 1965, mấy tháng sau sự kiện vịnh Bắc

bộ. Ngày ấy chiến tranh với tôi khá mơ hồ, không hình dung hết tính khốc liệt của nó. Khái niệm về chiến tranh trong tôi ấy là: Dịp đó có chiếc máy bay trinh thám vèo qua thị trấn quê tôi. Chẳng ai nhìn thấy hình dáng nó thế nào. Bất thần âm thanh xé tai. Chưa hiểu gì, ngẩng lên đã thấy vệt khói trắng vắt ngang trời. Người ta gọi đấy là máy bay không người lái, chúng do thám tình hình. Sau sự kiện đó thị trấn nhỏ quê tôi nhốn nháo. Có người mang loa đi rao dọc phố, giải thích máy bay vào thám thính, kèm theo là kêu gọi mọi người khẩn trương sơ tán. Người người, nhà nhà vội vã thu xếp đồ đạc, tưởng như máy bay sắp rải bom, bắn phá đến nơi. Vì gấp gáp, chỉ những cửa nỏ gọn nhẹ mới mang đi, mẹ tôi xếp gánh đồ: chăn bông, nồi xoong,... đại ý là những vật dụng quý giá trong nhà. Tôi thấy sơ tán thật vui quá. Cả đoàn người lũ lượt tản về các làng xóm lân cận. Đám trẻ được dịp tụ tập. Tôi còn nhớ, thấy anh em tôi hơn hớn, mẹ đã máng cho một trận. Cuộc sơ tán diễn ra chóng vánh. Đi hai ba hôm chẳng thấy máy bay đâu, lương thực mang theo cạn, và rất nhiều thứ bất tiện khác, các gia đình lục tục kéo về. Đấy, khái niệm chiến tranh của tôi là vậy - vui vẻ, ồn ào.... Sau này bên Rumani, tin về cuộc chiến tranh Việt Nam đăng tải hàng ngày trên các báo đài, nhìn cảnh làng mạc, trường học, bệnh viện bị ném bom, tôi mới hiểu tính khốc liệt của nó. Tàu liên vận quốc tế dừng ở bên kia biên giới. Qua cửa khẩu Lạng Sơn, phải đi từng chặng, lúc thì đi tàu, lúc tăng bo ô tô, đoạn cước bộ. Có trăm cây số từ Lạng Sơn về Hà Nội, phải đi hơn ngày rười trời. Tối mịt tàu mới bò về ga Gia Lâm. Không nhớ phải hỏi thăm bao người, những người đi xe đạp hay cước bộ, lủi cũi trong đêm, tôi mới mò ra cái bến xe sơ tán về tuyến Hưng Yên. Lúc đó khoảng quá nửa đêm. May hôm ấy cuối tháng, trăng muộn. Bến xe núp dưới lũy tre,

xung quanh đen ngòm những hố tăng xê và lù lù mấy cái hàm kèo. Khách đợi nằm ngòì vật vờ. Tôi chọn một chỗ trống, ngòì tệt xuống. Gió đêm lạnh. Chợt nhớ đến túi áo còn bao thuốc dở, tôi lấy ra một điếu. Vừa đánh diêm đã nghe tiếng người quát:

- Muốn chết hay sao mà hút thuốc. Máy bay nó không bắn cho bỏ mẹ bây giờ...

Tiếng ồn ỉ đánh thức những người đang lơ mơ ngủ. Tôi tự dưng thành điểm chú ý của mọi người. Mấy người lúc trước nằm ngòì gần tôi, tự dưng tản dần qua chỗ khác. Rồi những tiếng bâng quơ:

- Như quân du côn...

- Thằng đảo ngũ thì có...

Ấy là họ đang nói tôi, một kẻ vừa từ nước ngoài về, mái tóc cạo vai... May mà ban đêm, chứ ban ngày, nhìn cái vẻ béo tốt, hồng hào, bởi xoi lấm bơ, nhiều sữa của tôi, chắc họ còn ghét nữa. Tôi chỉ biết im lặng. Cuộc cạnh khoẻ không biết diễn ra bao lâu nữa, nếu như không có tiếng động cơ ô tô rì rầm. ai đó kêu toáng lên, có máy bay, nhiều người nhón nhác. Rồi sau lại hô, ô tô. Ngoài đường thấy chiếc xe tải từ từ dừng, động cơ vẫn nổ, thùng xe có người đứng ngòì lố nhố.

Trên ca bin người lái nhòai ra:

- Xe bộ đội đây! Ai về phố huyện không?

Nhiều người ồ lên, quáng quàng thu dọn và nháo nhác chạy ra xe.

Tôi cũng lếch thệch kéo chiếc va li, chạy. Vừa bị xô đẩy, vừa vướng chiếc va li, tôi loay hoay mãi mà chưa leo lên được thùng xe. Chợt có giọng con gái vọng xuống: Anh gì ơi! Đẩy lên, em đỡ cho. Tưởng cô ta nói với ai, nhưng ngoái lại, duy nhất còn mình tôi. Hoá ra cô ta nói với tôi. Cô gái khom mình, hai tay giơ ra, tôi vội vàng nâng chiếc va li và chỉ kịp đu lên, xe đã chuyển bánh.



- Cảm ơn...!

- Dạ,... không có gì... Anh... về đâu?

- Phó Giác! Còn em... về đâu?

Tôi không nghe rõ tiếng em trả lời. Định hỏi lại thì mấy người khách lên cùng quay lại nhìn, tôi đành im lặng. Dù trong đêm tôi vẫn biết, họ còn khó chịu với tôi lắm, cái thằng du côn, áo trắng bôm bốp, bằng nhử mời cho máy bay,...

Trong ánh trăng tôi nhận ra người vừa kéo giúp chiếc va li - em đẹp và rất trẻ, trẻ lắm, một cô bé thôi. Bé bao nhiêu tuổi nhỉ? Tôi kín đáo quan sát. Mười sáu hay mười bảy? Trên xe chật cứng, cả tôi và em đều phải vịn vào thành xe cho khỏi nghiêng ngã. Khuôn mặt em kề sát bên tôi. Cảm giác như tôi có thể chạm vào hơi thở em. Hình như biết ánh mắt tôi đang chăm chăm nhìn mình, em ngượng ngùng, cúi xuống.

- À...

- Gì thế e...m?

- Không có gì... Vừa nãy em cũng đợi dưới bên xe. Chắc anh g...i...ậ...n...?

- Không! Có gì đâu... Anh vừa từ Rum... về!

- Em cũng đoán anh từ nước ngoài về... Anh họ em cũng học đại học ở Liên xô đấy!

- Thế à! Thành phố nào?

- Ki... ép.

- Anh ấy học năm thứ mấy?

- Dạ, năm...

- Tên anh ấy là... gì?

- Dạ... tên Th..à...nh.

- Gì cơ...ơ ? Cùng năm học với anh đấy. Ngày ấy đoàn lưu học sinh của bọn anh đông lắm! Tiếc là anh không biết anh Th...à... em. Nhóm sang Rum là toán cuối cùng, xa nhất trên chuyến tàu chở lưu học sinh.

Động cơ ô tô ầm ầm và gió ào ào, tiếng em, tôi nghe câu được câu mất. Em giơ tay vuốt vuốt lọn tóc gió bay bay. Xe lúc lắc làm tay em va nhẹ vào cằm tôi. Em ngượng ngùng rút lại. Tôi mỉm cười trong đêm. Gió lại tung tóc em bay, những sợi tóc quấn quýt vào má, vào cằm, vào cổ tôi. Tôi ước ao giá mà... và tưởng tượng. Ý nghĩ làm tôi rạo rức. Thoang thoang hương sả từ tóc em. Mấy năm rồi tôi mới gặp lại hương thơm xứ sở. Vô tình tôi buột miệng:

- Hương sả...?

- Gì cơ?

Em hỏi và tôi thì thầm nhắc lại. Bé nhìn nhanh sang tôi, rồi thẹn thùng cúi xuống. Cái nét thẹn thùng của bé đáng yêu và duyên quá. Thật khác với phụ nữ âu châu...

- Em học... lớp mấy?

Em nhại lại từ lớp mấy của tôi và khúc khích cười. Tiếng cười em trong vắt, ngây thơ thế. Rồi lại tiếng em:

- Em đang đi thực tập. Cô giáo làng...

- Cô giáo?

Tôi ngạc nhiên và lại thấy tiếng em cười.

Cười... ?

Tôi hỏi và em đáp lại:

- Cười anh hút thuốc bị người ta mắng. Thấy bảo trên máy bay, phi công nó nhìn cái cặp tóc to bằng chiếc đòn gánh. Ban đêm, đom đóm bay, chúng còn nhìn rõ cơ mà!

Tôi thoáng nghĩ, em thật trẻ, trẻ như câu chuyện của em. Vẫn tiếng em:

- Thế mà có người dám bật lửa hút thuốc. Họ hiền đấy, chứ phải em...

Tôi chen lời em:

- Thì sao...?

Không biết từ lúc nào, bàn tay vịn thành xe của tôi đã áp lên bàn tay em. Như không biết, bàn tay em vẫn trong lòng bàn tay tôi. Rồi cả tôi và em im lặng, im lặng như để cùng tận hưởng cái cảm giác lạ lẫm, ngỡ ngàng. Bất chợt xe dừng đánh khục, mọi người trên xe nghiêng ngả, ngã dúi dụi vào nhau. Em cũng xô dạt, cả thân hình em, mái tóc em trợn trong vòng tay tôi. Như con thiêu thân, không biết xung quanh có ai, không biết mình đang ở đâu, ghì mạnh và cuồng nhiệt, tôi thì thào vào tai em. Em dùng dằng, nửa muốn thoát, nửa như nấn ná. Chợt anh chàng lái xe cắt ngang phút giây ngẩn ngủ ấy:

- Đến phố... G..iác rồi đó. Ai xuống, nh...a...nh l...ê..n!

Xung quanh tiếng người giục nhau í ới, tiếng cảm ơn chú bộ đội lái xe cho đi nhờ... Em và tôi cũng bừng tỉnh, dứt khỏi cơn mê. Phố Giác, nơi mẹ tôi sơ tán. Tiếng em nhón nhác giục, tiếng tôi hỏi lại, chìm trong tiếng người và động cơ. Dưới mặt đất, tôi đang chơi với đống chiếc va li, thì một người nhảy uych xuống. Cú đẩy bất ngờ làm tôi loạng choạng, chiếc va li đè sập lên người tôi. Trên xe, em thất thanh hỏi. Tôi còn đang lồm cồm bò, xe đã ì ì chuyển bánh:

- Đợi... đợi đã. Em, em ở đ..â..u....?

- Em ở... - Tiếng em nghe câu được câu mất - Nhớ tìm em! E...m đ...ợ...i!

Tôi luống cuống chạy theo xe. Chỉ còn ý nghĩ đuổi theo em, tôi cuống

dại chạy. Trên xe bóng em chói với, hai tay vẫy vẫy. Xe xa dần, xa dần, chỉ còn lại tiếng động cơ ì ầm và mờ mờ bóng em. Tôi thở dốc dừng lại, tự quở trách mình: sao lại xuống xe, sao ngốc nghếch vô hồn vậy, đến tên em, mà cũng không rõ... Trong đêm chỉ còn mình tôi bơ vơ. Đường khuya vắng lặng càng làm tôi thêm ân hận. Tôi ngồi phịch lên chiếc va li.

Không biết thời gian trôi qua bao lâu. Chợt xung quanh tiếng keng keng vang lên dồn dập. Gì thế nhỉ? Bất thán trên trời âm thanh chói tai xoẹt qua. Bầu trời đêm loé sáng, vun vút những vệt lửa đan chéo nhau, cùng tiếng nổ đòm đọp. Bất chợt theo hướng con đường, bùng lên quầng lửa sáng, tiếp đó mặt đất như chao đảo. Tôi chợt hiểu, bom. Sau tiếng nổ phập phập, xung quanh ắng lặng đi. Im ắng đến ghê người. Vẫn hướng con đường, quầng lửa bùng sáng hơn. Rất nhanh, ý nghĩ trong tôi, ô tô em đang đi bị máy bay oanh tạc. Phản xạ tự nhiên, tôi vụt nhồm dậy, thực mạng chạy về nơi vàng sáng. Tôi chạy, chạy như kẻ điên. Tôi đã bỏ em, bỏ trong lúc em gặp nạn,... Mỗi lúc khoảng sáng trước mặt tôi một rõ hơn. Hình như có người chạy ngược lại phía tôi. Tôi vội vàng hỏi và tiếng đáp: ô tô bị rốc két bắn. Tim tôi thất lại. Mặc cho người ta hét bảo: chạy lại làm gì; máy bay có thể quay lại oanh tạc. Rồi tôi ngửi thấy mùi cháy khét lẹt và lù lù bóng đen chiếc xe tải giữa đường. Tôi hốt hoảng hỏi mấy người đang dập nốt những đám lửa cuối cùng. Cậu lái xe cho biết, mọi người kịp tản ra trước khi xe bị bắn. Có hai người đàn ông trên xe bị thương, họ vừa được đưa đi cấp cứu. Những người khác tản vào trong làng rồi, họ sẽ theo đường tắt đi tiếp. Tôi thở phào nhẹ nhõm, em không việc gì. Biết tôi là khách trên xe, lại nghe ý định tôi rượt tìm em, mấy người xúm lại gàn, đêm hôm khuya khoắt thế này,

tìm sao được. Tôi thất vọng nhìn vào khoảng không tối mênh mông. Đúng, không thể tìm nổi. Chán nản, tôi đành quay lại. Chiếc va li của tôi để giữa đường, một toán dân quân tuần tra phát hiện thấy. Khi tôi quay lại, mấy họng súng bất ngờ bủa vây. Tôi lại phải trình bày, giải thích, đưa cả hộ chiếu. Cũng may, cơ quan của mẹ tôi sơ tán ngay gần đấy, mấy vị dân quân dong tôi đến tận nơi, xem lời khai có thực không. Mẹ tôi được bữa hoảng hồn, giữa đêm khuya, có người đập cửa và bất ngờ nhìn thấy con trai bị vòng trong, vòng ngoài dân quân vây bọc.

Hơn hai tuần về nước trôi vèo. Tôi đạp xe đèo mẹ vào tận Thanh Hoá thăm bố, tới mấy trường các em học sơ tán, rồi thăm viếng họ hàng nội, họ ngoại. Định dành mấy ngày cuối cùng tìm em, thì tôi lăn ra ốm...

Đúng như cậu phóng viên trẻ nói, làng cậu ta cổ và đẹp. Con đường làng quanh co vỉa gạch, nhiều cổng ngõ rêu phong. Vốn Trung văn học mấy năm cấp III, đủ để tôi lồm bồm đọc được dăm ba chữ, có cổng xây từ đời vua Tự Đức, có cổng xây từ đời vua Thành Thái... Tiếp chuyện tôi là ông nội của cậu phóng viên. Tuổi ngoài tám mươi, râu tóc bạc phơ, da đỏ như quả bò quân, cụ còn rất minh mẫn. Cụ cứ gọi tôi bằng ông, mặc dù mấy lần tôi thưa, mình chỉ hàng con cháu cụ. Cụ hỏi thăm tình hình chính trị, hỏi tôi nhận xét xem ông Thủ tướng hiện nay điều hành đất nước ra sao, rồi chuyện chiến tranh Chesnia.

- Tiếc quá, giá hôm nay có bố cả nó ở nhà, tiếp cơm ông...
- Dạ thưa cụ, trước lạ sau quen, rồi sau này thiếu gì dịp anh em cháu gặp nhau.
- Đường xá xa xôi, mãi tận thành phố Hồ Chí Minh. Bố cả nó một

năm chỉ một hai lần ra, dịp công tác. Ngày trước bố cả nó nhà tôi học giỏi lắm, thế mới được cử đi Liên Xô học đấy!

- Thưa... anh nhà ta đi học năm nào ạ?

- Đi sau cái đận thăng Mỹ gây hấn...

- Dạ có phải học ở Ki-ép không... anh ấy tên Th...à anh phải không ạ?

- Ồ kìa, thế ra ông cũng biết thằng cả nhà tôi! Đúng là đánh nhau võ đầu mới nhận ra người quen...

Tôi chưa kịp giải thích với ông cụ, nào tôi có học với anh Th...à...nh hay anh Th...à con của cụ đâu. Tôi chỉ đoán vậy. Trí nhớ của tôi còn đọng lại cái âm thanh trong đêm, về tên người anh họ của em. Từ lúc ấy trong tôi cảm giác hồi hộp, chờ đợi. Mình đã tìm đúng quê em rồi ư? Số phận chẳng? Hiện nay em ra sao? Tôi sốt ruột muốn hỏi,

nhưng thấy chưa tiện. Tiếng ông cụ cắt ngang dòng suy nghĩ của tôi:

- Tính đến lớp bố cả nó nhà này, làng có nó và con em họ là học cao nhất đấy ông ạ. Thằng anh thì sang tận Liên Xô, còn con em nghề giáo học. Chỉ tiếc là... - nói rồi ông cụ hươ hươ đưa chỉ về hướng cái ao rộng trước nhà - Nhà con em nó ở bên kia cái ao kia kìa. Khở, người ta có số cả đấy ông ạ!

Tôi lo lắng chờ ông cụ nói tiếp, nhưng ông cụ dừng lại nửa chừng và chuyển sang chuyện khác. Không lẽ tôi lại hỏi. Ngay sau bữa ăn, lấy lý do thăm cảnh xóm làng, tôi loanh quanh ra ngõ. Cứ theo hướng tay ông cụ chỉ trong bữa ăn, thì chắc là lối nhà em đây.

Cổng tre cũ dựa hờ, xiêu vẹo. Con đường nhỏ chạy men sát bờ ao. Sao vắng lặng và quạnh hiu thế?

Tôi thoáng lo lo cho em, rồi lại tự trấn an, đã chắc gì, biết đâu chỉ là điều ngẫu nhiên, trùng tên, trùng tuổi. Ngày đó nào mình nghe có rõ đâu. Ý nghĩ vậy làm tôi mạnh dạn, bước tiếp vào ngõ và hy vọng,

không phải là em.

Ngôi nhà chênh chếch, hướng ra ao. Mái rạ lâu ngày mục xẹp. Vách đất tua tũn, nhiều chỗ trơ cả rường tre. Trong sân có người phụ nữ cúi húi bấm bèo. Từ phía sau tôi có thể quan sát mà người đó không hay biết. Một người phụ nữ gầy guộc, khó đoán tầm bao nhiêu tuổi. Qua cách ăn mặc, chiếc áo nâu bạc thếp, trên vai còn mấy miếng vá... thì đó là một phụ nữ đã đứng tuổi. Đúng, không thể là em. Em tôi khác cơ. Nhận xét ấy làm tôi hơi yên tâm, tiếp tục quan sát.

Dáng ngồi của chị ta hình như không được tự nhiên, người lệch về một phía. Đúng là nhàm lẫn rồi. Đã định quay ra, song tôi lại phân vân. Mái tóc người phụ nữ xoã dài, mái tóc chảy qua vai, chảy buông quét xuống mặt sân... Tóc em ngày ấy rất dài. Người phụ nữ vẫn cúi húi bấm bấm chặt chặt, không hề biết có khách. Tôi quyết định lên tiếng:

- ư ...m h...ừ. Dạ... tôi hỏi không phải...

Nghe tôi đánh tiếng, người phụ nữ chậm chạp ngoái đầu lại. Mái tóc xoã phủ, làm tôi nhìn không rõ khuôn mặt. Tôi chưa biết xưng hô thế nào cho phải phép, nhưng đủ thời gian kịp quan sát, khuôn mặt người phụ nữ da rám xạm, không linh động, mà dài dại, nhất là một bên mắt. Chắc là di chứng của một căn bệnh nào đó.

- B...á...c h..ỏ...i a...i...?

Giọng nói đơn đót - người phụ nữ hỏi và nhìn tôi, ông khách lạ. Tôi lúng túng cất lời xin lỗi, nói rằng mình vào nhầm nhà và giải thích là khách của nhà bên kia ao. Đã định quay ra, tôi chợt thoáng thấy hình như khuôn mặt người phụ nữ có sự biến đổi, ánh mắt dại dại hơn... Kia đôi mắt người ấy trân trân nhìn tôi. Sao đến tận lúc đó tôi mới nhận ra, cái nét quen quen. Rồi những âm thanh lấp bắp, ngọng

nghe phát ra. Tôi nghe nhầm chẳng? Không biết lúc đó tôi có động tác hay cử chỉ gì, chỉ thấy người phụ nữ chậm chạp quay lưng, một bên vai lệch xuống và bước đi khó nhọc.

Kìa em!

Tôi như một kẻ vô hồn thốt lên! Không quay lại, em vẫn tập tễnh bước. Mái tóc em buông dài lơ phơ... Tôi như trong mê... Tận khi em khó nhọc bước lên hiên nhà, tận khi em bước khuất sau khung cửa, tôi vẫn trân trân nhìn theo. Nếu không có bà cụ già khua gậy, rờ rẫm trong nhà bước ra, tôi sẽ còn đứng như trời trồng bao lâu nữa:

- Nghe như ai đến nhà ta? Có phải các ông bên uỷ ban... hay ông giáo bên trường sang chơi? Lâu lắm rồi các ông mới sang...?

Tiếng bà cụ thều thào, nghe câu được câu mất. Tròng mắt trắng đục, ghéch ghéch lên. Xen lẫn tiếng bà cụ là tiếng khóc thút thít từ trong nhà vọng ra. Lại tiếng bà cụ:

- Khổ! Khóc. Ngày nào cũng khóc. Ai người ta biết, mà ngóng, mà trông!

Tôi ngập ngừng định cất tiếng chào, nhưng nghe câu nói của bà cụ chợt tôi sững lại. Mình mộng du ư? Không, bên tai tôi, kìa... còn tiếng em tan loãng trong đêm:

- Nhớ tìm em! E..m đ...ợ...i!./.



## Lời nguyện

Làng tôi ven sông Đuống. Nếu tính đường chim bay, làng cách trung tâm Hà Nội dặm cây số. Đứng trên đê là nhìn thấy mấy khách sạn liên doanh sừng sững mới xây. Tuy gần thành phố nhưng quê tôi ít ảnh hưởng cuộc sống thị thành, nếp quê vẫn giữ. Phải chăng nét quê sâu đậm mà đình làng còn giữ được. Hồi chiến tranh Tây không đốt sau làng cũng không phá. Nay người làng tôi tự hào lắm, quê mình đình cổ to nhất vùng, Thành hoàng là thượng đẳng thần còn sắc mấy đời Vua phong...

Chẳng phải đến khi dân làng tự hào, ngày bé tôi đã yêu quý ngôi đình, có nhiều kỷ niệm về nó. Dịp nghỉ hè, tuần trăng, chúng tôi sinh hoạt thiếu niên nhi đồng trống gõ lòng tùng suốt đêm. Mấy bạn tôi ngủ quên, mẹ ra tận nơi tìm. Còn câu chuyện lời nguyện- chiếc đình đóng trên cột đình ông nội kể, nhiều lần vào đình tôi tò mò xem nó ở đâu. Sau này lớn, xa nhà, mỗi dịp về quê tôi đều tranh thủ ghé qua, thư thả thì chiều xuống thả bộ mấy vòng quanh sân đình, ngắm dáng cong cong đình đao hay lớp lớp ngói cổ rêu phong. Những lúc ấy, tôi thường suy ngẫm về cuộc đời, về thời gian, về cái ân tình, sự cố hữu của người dân quê... Và rất lạ tôi cứ liên tưởng mái đình kia

phủ dày quá khứ, mỗi viên ngói như một giọt thời gian. Đến khi đình chuyển thành nhà kho hợp tác xã, ít khi tôi tới nữa. Chợt lúc nào đó nhớ về quê mình, mái đình cổ kính lại thấp thoáng trong ký ức, cả câu chuyện lời nguyện hư hư, thực thực... Làng quê, nơi ẩm áp những phong tục, cổ lệ, người ta sống trong khuôn mẫu lệ tục. Tục lệ là thứ nhiều khi ruồng rẫy, dồn đẩy dân quê đến chỗ lìa bỏ nơi chôn nhau cắt rốn, song cũng lại chính là nó, gắn hút họ với mảnh đất quê làng.

Các cụ làng tôi truyền rằng: Xưa, đã lâu lắm rồi, chẳng còn nhớ là năm nào, thầy địa lý Tả Ao qua làng. Cảm động trước tấm lòng của dân làng, thầy Tả Ao chỉ cho chỗ đất quý dựng đình. Theo thầy, ấy là kiểu đất: hổ trực quần dương. Tả hữu có thần Bạch Hổ, thần Thanh Long- hai gò đất cánh đồng bên đình. Hậu trẩm là gò đất cao sau đình. Thầy lại mách dân làng phá bờ cho thông thương chuối ao hồ trước mặt đình và khơi con ngòi ra sông Đuống, long mạch sẽ khai thông, giữ được vượng khí. Về gò Cái Cờ, ngay đầu làng, chính hướng cửa đình, thầy Tả Ao dặn, phải hết sức giữ gìn. Đây là tiên án không cho tà thần hung khí xâm tới phạm chính đường. Nhớ lời thầy, dân làng tôi xem trọng gò Cái Cờ lắm. Cây cối trên gò um tùm. Trừ việc hương đăng ngôi miếu cổ, chẳng mấy ai dám lai vãng đến gò, kể cả đám trẻ trâu.

Thế mà một năm có chuyện. Ngày ấy không rõ ai tố giác trước quan viên có kẻ giấu diêm táng cốt cha ông vào gò Cái Cờ, nhà nào táng thì kẻ tố không nói rõ. Quan viên được triệu tập gấp ra đình. Hay tin các cụ xôn xao. Người lo xúc phạm chôn tôn nghiêm, chuyện này khôn. Thảo nào trong làng dịch lợn gà rộ lên, bao người đau bụng, đau mắt. Số quan viên khác nói lo cho dân làng nhưng

thực bụng họ sợ kẻ táng mả ông mả cha kia, chúng sẽ phát. Mọi bần phàm đã việc làng thế nào quan viên chẳng ngả ra dăm mâm đánh chén, vậy mà lần ấy diễn ra chóng vánh, cụ tiên chỉ quyết ngay. Việc phải nhanh, kéo lỗ động, chúng biết, nó chuyển đi thì lấy gì làm bằng. Ngay chiều đó ông lý ộp đám lực điền, đích thân cụ tiên chỉ cùng nhiều quan viên giám sát. Trai đình sấm soi thuôn khắp gò, thứ cần tìm đã thấy. Một gã trai đình thuôn thấy kịch, đứng kiêu gập gối. Người ta xúm vào đào. Cỗ quách vàng tâm mái cong mai rùa lộ ra. Bật nắp tám thiên, hát gạch đậy tiểu, các cụ sững sờ, trong tiểu bộ cốt “vàng” ươm, đầy ăm ắp. Không thể tưởng tượng nổi! Quan viên tức giận, cụ rửa xả đòi quẳng ra sông, cụ hàm hàm giật mai đòi đập nát. Riêng cụ tiên chỉ chỉ cười nửa miệng tuy sắc mặt có tai tái. Chờ mọi người nói hả cụ mới lành lạnh phán, đưa về làng. Quan viên nhìn nhau chưa rõ ý.

Cỗ quách bị điệu sênh sếch về sân đình. Theo lệnh cụ tiên chỉ, trai đình lôi ra đoạן chảo thông lọng cỗ quách lại, trói gô nó vào góc si. Lúc đó là chập choạng tối, ông Lý vẫn sai mõ đi rao khắp ngõ, dân đình phải đến tập trung ngay. Tối xuống, sân đình đuốc đốt như đình liệu. Người ta điếm xem chi giáp nào thiếu vắng ai. Đám đồng xì xầm: thiếu cánh cháu con ông lý cụ. Lý trưởng trình với cụ tiên chỉ mà giọng oang oang như nói với dân làng:

- Bẩm cụ, cánh con cháu nhà Lý Cụ... ồm, vắng mặt ạ!

Được phép cụ tiên chỉ, ông lý thông báo việc tây đình vừa xảy ra. Dân làng hồi hộp nín thở nghe. Thật là một tin sét đánh. òn ào càng òn ào hơn khi cụ tiên chỉ phán: tất cả dân đình bước qua cỗ quách, nhổ nước bọt, táng một vò. Đột lặng im, rồi tiếng lao xao, kẻ tán đồng, người ghê sợ thất đức quá. Ông lý phải quát át đi. Nghi

thức rùng rợn đã diễn ra. Từng người từng người một tiến đến. Có gã ráng sức nện vồ đến mức chiếc vồ nảy lên, xương cốt bắn cả ra ngoài. Đa số dân đình gượng gạo, làm chiếu lệ, nhất là phe cánh nhà Lý Cựu. Tới quá nửa đêm, lúc này bộ cốt như tử cùng mảnh vỡ tiểu sành lộn xộn thành đống trong quách, tưởng đã xong, chỉ còn việc lôi ra sông đổ, dân làng lại nghe cụ tiên chỉ sai. Loáng cái có tay trai nọ, mang chiếc đình sắt tướng tới khúm núm đưa cụ tiên chỉ.

- Trên có thần linh chứng giám, dưới có dân làng...- tiếng cụ tiên chỉ sắc lạnh, giữa sân đình đêm khuya nghe mà rờn rợn, dân làng như đứng sát vào nhau hơn- Cái đình này sẽ đóng lên cột đình. Hẹn cho ba hôm, tên lão xược kia chúng bay được phép nhỏ, nhỏ bằng tay. Bằng không, còn ở cái làng này, truyền rằng con cháu bay, đời đời kiếp kiếp không mọc mũi sủi tăm...

Chúng bay ở đây là ám chỉ ông Lý Cựu, là con cháu và vây cánh nhà Lý Cựu. Bộ cốt kia, lúc này mười phần chắc bảy tám là bộ cốt bố ông Lý Cựu. Ai vào đây nữa! Biết vậy nhưng vô bằng, làng bắt vạ sao được. Thời Lý Cựu còn đương chức, phe cánh ông mạnh nhất làng. Vật đổi sao dời, ông tính sai nước cờ nên tranh trượng cái triện đồng lý trưởng. Sau này làng đình đám, ông vẫn ra dự song ngồi chiếu các ông cụu. Tuy vây cánh chẳng còn bằng trước, nhà ông vẫn giàu nhất làng. Giàu tới mức ngày bố mất, ông chả vẫn tự hào trước hàng tổng, đưa ma bố ra đồng, rước xách đâu thềm nhờ vả qua đất ai. Từ nhà đến nơi hạ huyệt máy cánh đồng, toàn rước trên đất ruộng tư điền nhà ông. Bố mất đã năm năm, chưa thấy Lý Cựu sang cát. Dân làng biết không phải thiếu tiền, ông đang chọn đất để mả. Một đạo dân làng kháo nhau, nhà Lý Cựu đón thầy Tàu về xem đất. Chỉ lạ, mãi không thấy động tĩnh gì. Đến khi chuyện vỡ ra

mọi người mới hay...

Sau vụ hành hình bộ cốt cửa đình mở suốt ba đêm. Có người rình xem kẻ vào đình. Rình đâu để bắt. Trước có thù oán với nhà Lý Cựu nay được dịp nhìn cho bố tức; rình vì tò mò hay rình chỉ để mà rình. Nào ai thấy gì! Sân đình tối om, đèn đuốc có đâu hoặc người rình chán nản không đợi được. Chỉ biết, qua đêm thứ nhất, đêm thứ hai, sáng sớm quan viên lũ lượt ra xem, chiếc đình vẫn trơ trơ. Chẳng phải tinh mắt cũng nhìn thấy những vết sẫm xung quanh chiếc cột và cả dưới sàn gỗ. Qua đêm thứ ba các vết ấy không chỉ sẫm màu mà còn có chỗ nhơm nhớp đỏ. Đã rõ đấy là máu. Có kẻ cố sức nhỏ. Đình dài, cắm sâu vào cột lim, nhỏ bằng tay làm sao được!

Câu chuyện nhà Lý Cựu mời thầy Tàu, giờ dân làng kháo nhau mỗi người một phách, không rõ thực hư thế nào. Người thì kể: nhà Lý Cựu mời thầy Tàu, thầy phán được ngôi đất tại gò Cái Cờ, táng mả bố ở đó còn phát nhưng vì không hậu đãi nên thầy phản mới ra nông nỗi này. Có người lại bảo, ông Lý đón phải thầy Tàu rởm, mắc mưu phe cánh trong làng vốn có thù oán cũ... Chuyện nhiều lắm. Nhưng thôi, kén đất kén cát mà kết phát đâu chưa biết, đã thấy bị quật lên rồi. Kháo mãi rồi câu chuyện cũng nhạt- còn phải làm ăn chứ, việc nhà người góp bàn được lợi lộc gì. Chỉ những kẻ nhớ dai thù sâu vẫn nhắc, rồi xem.... Thế mà có chuyện thật. Vài năm sau tự dưng Lý Cựu đang khoẻ mạnh lăn đùng ra ốm, ốm nặng. Được dịp, ông Lý ốm chưa chết có kẻ đã kháo như chết rồi. Thật trùng hợp sao, Lý Cựu chết cũng nhanh, chết chưa kịp chia tài sản hay lập di chúc. Thế là xảy ra tranh chấp giữa các bà, bà cả, bà hai, bà ba và đàn con trai gần chục đứa. Việc phức tạp phải lên cửa quan kiện tụng, xác ông Lý cứ quàn lại. Lúc ấy vợ con còn đầu óc đâu làm ma.

Rồi tài sản chưa phân, phí tổn tang ma ai là người gánh chịu? Vụ kiện cáo đố quan xử giằng dai, lâu quá. Tranh chấp tài sản xử chưa xong lại tiếp luôn cái án mạng giữa đám con nhà Lý Cựu. Từ lúc ông Lý nằm xuống đến khi ma ra được đồng tròn ba tháng. Xong vụ kiện, dân làng đồn, tài sản nhà Lý Cựu vơi quá nửa. Số còn lại phân chia, kẻ được hưởng thì đang ở tù hay bị đâm chết mất rồi, đám con trai các bà lẽ trắng tay.

Mấy mùa đình đám dân làng thấy cánh con cháu ông Lý Cựu cứ vơi dần. Họ lạng lẽ rời khỏi làng, đến lúc không còn ai nữa. Câu chuyện về lời nguyện cái đình, lâu quá rồi, qua mỗi người, mỗi đời kể, lại thêm mắm thêm muối nên càng huyền hoặc, không rõ đâu là thực, đâu là hư. Đến mức nhiều người nghĩ chuyện ấy có thật chẳng? Đến như vết đình trên cột đình ai đã chỉ được nó ở đâu ?

Làng tôi vắng đi mấy chục năm không mở hội. Gần đây, tục xưa được phục hồi. Hội làng năm nay câu chuyện thời sự ồn ào nhất: Trước hôm hội có chiếc xe con chạy về làng. Xe đỗ sân đình. Các cụ làng tôi tiếp ông khách lạ, sang trọng. Khách nhận mình vốn gốc ở làng, nay phiêu bạt nơi phương trời xa. Về thăm quê hương bản quán, ông còn có một nguyện vọng thành kính, xin dân làng rút lời nguyện cái đình xưa. Ồ, ra lời nguyện cái đình là có thật! Mười mấy chiếc cột đình đen bóng, to vượt vòng tay, được các cụ trong làng và ông khách lạ sẫm soi. Không một dấu vết. Cho đến tận chiếc cột cuối cùng, tìm mãi vẫn không thấy. Chợt có người nhìn nơi cao cao, hình như có vết sẫm hơi gợn lên trên thân cột. Khách vừa chạm tay, những vảy tựa gỉ sắt lả tả rơi. Trên gò má ông khách già lăn dài những giọt nước mắt!

1996

## Mắt ngựa

Tôi ra ngoại ô thăm sếp, tổng biên tập cũ, nay đã nghỉ hưu. Chưa đến cái tuổi thích cảnh điền viên nhưng nhìn sếp chăm chút vườn cây cùng đứa cháu nội bi bô theo chân, “Hạnh phúc cuộc đời đấy.” - tôi chột mồm cười nghĩ - “ Câu nói đó của ông. Mình nói năng, triết lý hao hao giống sếp mất rồi! Có người bảo mình bắt đầu gàn, lập dị. ” Sếp, một người uyên thâm, bao dung. Nhận xét đó là qua tiếp xúc, sống và làm việc sau này, chứ buổi đầu gặp ông, nghĩ đến tức cười. Khoảng mười giờ hay mười rưỡi gì đó, như lời hẹn tôi đến, tổng biên tập đang... dở việc - một ông già hom hem, luộm thuộm. Phòng làm việc của toà soạn thiết bị cũ kỹ, tồi tàn, lúc đó vào năm 1987. Chỉ cái cặp lồng trên bếp may xo đỏ rực, nước sùng sục sôi, Ông nhìn tôi cười xuề xòa, bảo đợi một chút và đưa tờ báo cho tôi đọc. Đánh mắt quan sát phòng làm việc của sếp, bộ bàn ghế xộc xệch, tủ tài liệu và cả trên mặt bàn sách báo khá lộn xộn. Ngay góc nhà, giáp với bếp điện là chiếc xô tôn Liên Xô lưng lửng nước, cạnh đó cái chậu nhôm cáu cặn, dùm dỏ. Tôi ngồi đọc báo nhưng vẫn kín đáo quan sát sếp nấu ăn. Sếp đổ nhúm gạo từ túi ni lông, khoảng lạng gạo vào ca

men, thứ gạo sỗ mậu dịch vàng khè, nấu lên nở bung, hôi rình, đã ăn thì đừng ngủi. Ông vục ca gạo vào chậu nước, lấy đũa khoắng rồi gạn, làm tiếp vài lần, tức là vẩn nước ấy, chậu ấy, mức khoắng rồi đổ. Tiếp đó ông nhón mấy ngọn rau trên sàn thả vào chậu, lại dùng đũa khoắng. Nước trong chậu lấm tẩm bèo, dùng đục trắng. Nghĩ chậu nước sẽ đổ đi, tôi đứng dậy định bê cho sếp, thấy vậy ông xua tay:

- Ấy ấy, cậu cứ để đó. Dùng được nữa, còn sạch chán. Đổ đi có phí à!

Chắc ông để đó rửa đồ rách sau bữa ăn trưa, tôi ngồi xuống tiếp tục đọc báo. Sếp đến ghé cạnh tôi ngồi, tháo bít tất, đôi tất rinh rích cũ, thủng cả mũi lẫn gót. Vì ngồi quá gần tôi thấy phảng phất mùi mồ hôi chân. Trừ khi ngăn tôi đổ nước, đến lúc này sếp mới lên tiếng, gọi là nói chuyện, giọng đùng đĩnh:

- Cậu nghĩ rằng chậu nước đó bẩn, nhưng tôi lại không, nó còn sạch chán. Suy nghĩ của mỗi người đôi khi là vậy đấy. Anh bảo rằng hay, tôi bảo không hay.

Bất ngờ sếp thả chân vào chậu nước, chạm rãi kỳ cọ. Buồn cười về cả triết lí lẫn hành động của ông, tôi cố nhịn. Sau này nhiều lần còn thấy sếp dùng cái chậu cóc cách dùm đó đó, ngâm rau sống, chứa bã chè. Đến khiếp!

Sếp nói có điều mới nghe đến lạ tai.

- Đời người nó ngắn ngủi lắm cậu ạ! Tại sao cứ khó chịu, mà “chịu vui” đi, thanh thần không?

Những lúc tâm sự riêng hay khi trao đổi hợp hành tòa soạn, ông thường mang triết lý sống, triết lý đối nhân xử thế mình rút ra, đặc biệt ông hay dẫn cái anh điển tích Tàu. Đến mức, mỗi khi ông chuẩn



bị nói, nhiều anh em, nhất là đám trẻ cứ bám nhau tùm tùm hoặc ở phòng lại lôi ra bắt chước giọng ông, trêu chọc nhau. Đại ý những câu: “à, điều này tớ biết 20 năm rồi!...” Cái điển tích Tàu ông lão nước Hồ mất ngựa, sếp tâm đắc lắm. Tôi nhớ mấy câu sếp trích: “Mất ngựa, thế mà phúc cho tôi đấy, biết đâu! .... Được ngựa, thế mà họa cho tôi đấy, biết đâu!”

Có người bảo ông lập di, gàn. Họ kể nhiều chuyện gàn của ông. Hồi ông là trưởng ban, thời ấy đi nước ngoài như cơ hội đổi đời. Nếu đi Đức, không được chiếc mô kích thì ít ra cũng kiếm cái đi a mãng. Còn đi Nga là chiếc đài mô nô đi a. Ngủ ngờ thì dăm chiếc bàn là, cái nôi áp suất. Anh nào đụp cũng khuân về cho vợ chiếc chậu nhôm Liên Xô, đụp cả thùng nước, thả con vào tắm sung sướng không. Thế là tranh cướp nhau đi. Họ nói xấu, dựng chuyện, moi móc nhau đủ điều: từ chuyện cổ xưa nhất, tay ấy từng có tin đồn trái gái hủ hoá, bắt được quả tang; đến chuyện, hấn hể xuống cơ sở là xin xỏ, nghe nói có thư về toà soạn phản ánh. Toàn kiểu thông tin nghe với đồn hoặc loại thư nặc danh. Đủ chết rồi. Lần ấy có suất đi Nga, bình đi chọn lại mãi trong danh sách đề cử ứng cử trừ ông ra, không anh nào không có vết. Ngay từ đầu, biết mình trong danh sách, ông xin rút. Mọi người nghĩ, lẽ đời từ chối là một chuyện, nhưng bụng nghĩ thế nào lại là chuyện khác, có trời biết. Đến khi làm hộ chiếu ông vẫn khăng khăng từ chối, lại tiến cử một tay phóng viên trẻ. Ông bảo: “Cậu ta đi là xứng. Đi học hỏi, mở mang đầu óc, chứ đi mua nôi áp suất, bàn là đâu.” Gàn đấy! Nếu không ai lại nói ra mồm vậy. Tết năm đầu tiên tôi về báo. Vào quăng đầu tháng chạp, chúng tôi có chuyến công tác Tây Bắc. Kể đi viết tết thế là quá muộn. Đoàn có ba người: sếp, tôi và lái xe với chiếc com mãng ca cà khổ. Đây là

chuyến đi xa đầu tiên đời làm báo viết tết của tôi. Tôi biết sếp muốn trực tiếp đưa đi nhằm dìm dất truyền kinh nghiệm cho lính mới. Chuyến đi suôn sẻ, gần như dự kiến. Đường về chỉ còn điểm nữa chúng tôi vào làm việc. Tuy sát tết bề bộn công việc, nhưng vừa thấy đoàn, anh em Ban Định Canh Định Cư tíu tít đón chào. Tình người ngày ấy rất chân thật. Làm việc xong trưởng ban ĐCĐC huyện nhất quyết kéo chúng tôi về nhà, gọi là ăn tết sớm. Lại trưa sau, chiều sau, người này mời, người kia giữ, chúng tôi không biết từ chối ai. Sếp vốn cả nể, tôi còn cả nể hơn, nhất là ai nữ khước từ lời mời rượu. Chủ nhà bữa cơm trước hôm chia tay là vị phó ban, người Thái. Tôi lính mới tò te chưa có kinh nghiệm, lại ngựa non háu đá, thích khăng định mình, nên liên tiếp mấy trận say bí tỉ. Với người miền núi, đã làm khách đến nhà uống rượu, chưa say là không được. Bữa cơm cuối cùng tôi còn say hơn mấy bạn trước. Tối đó không rõ chúng tôi về phòng khách bằng cách nào, bò, dìu hay gia chủ phải khênh. Có người lay gọi, trời còn tối om, tôi cố loạng choạng ra xe. Rét thế mà anh em trong Ban ĐCĐC huyện vẫn tận tình ra tiễn. Một quá, tôi bắt tay chiếu lệ và tót trước vào xe. Lên sau, sếp loay hoay ngoái lại hàng ghế tôi ngồi, ông xếp đồ, bấm đèn pin soi soi gì đó. Chợt tiếng sếp hốt hoảng: “ Rắn xổng...!”. Sếp lao bật khỏi xe. Ô hay, anh lái xe cũng như điện giật, vọt khỏi ghế trước. Nghe tiếng la và họ lao ra, tôi giật mình, chẳng hiểu mô tê răng rứa gì, theo bản năng rụt vội chân thu lu lên ghế. Lúc đó tiếng người hô ngồi yên, tôi chẳng rõ thế nào, sợ toát mồ hôi. ánh đèn pin dưới đất rọi lên trên ghế và cả sàn xe. Tôi đánh mắt nhìn xuống. Quái, có cái lông nửa chành ềnh trên sàn. Trong lòng... trời ơi! Một con rắn vằn vện to cỡ ngang cổ tay. Lưỡi và mắt nó bắt đèn loang loáng. Lúc này tôi mới hiểu. Thảo

nào người ta hét, bảo chớ động đây. Tôi nổi da gà nghĩ bụng, nhờ mà nó bổ cho một nhát thì toi đời. Mặc ai hô tôi vẫn co giò phi tót qua cửa xe, đầu va một cái đau điếng. Cũng mừng không bị sao. Ai đó bắt đầu dùng gậy gõ vào thành xe, một cậu thanh niên bạo gan bám vào khung cửa, ghéch đèn soi kỹ. Chẳng thấy rấn xồng đâu. Chắc chúng cao chạy xa bay từ khuya rồi.

Trên xe hỏi anh lái tôi mới hay, quý khách, ban ĐCĐC huyện chuẩn bị bộ tam xà, tối qua đưa cái “lồng quà” biếu lên xe luôn. Lúc đó say, tôi nào biết gì. Khi sếp soi đèn kiểm tra, giật mình thấy còn mỗi con, mới hay chúng xồng. Xe chạy được quãng xa sếp vẫn im lặng. Nghĩ sếp chưa hoàn hồn sau sự cố vừa xảy ra, thì chợt tiếng ông cười, rồi cất giọng đủng đỉnh, phong thái mọi khi:

- ừ, trong cái không may, có cái may. “Mất ngựa thế mà phúc cho tôi đấy, biết đâu! Được ngựa thế mà họa cho tôi đấy, biết đâu!” Như cái chuyện xồng rấn của cánh ta vừa nãy, tưởng là không may à? Chưa hẳn. Nếu hôm qua tỉnh, cẩn thận đem lồng rấn vào phòng ngủ thì...

Nghe sếp nói tôi nghĩ mà kinh! Đúng là may thật, không thì đêm qua có vị rấn quán cổ. Xe chạy quãng xa tôi vẫn ngơ ngợp, thỉnh thoảng ngoái cổ kiểm tra con rấn sót lại đó, nó xồng nữa là khôn. Định bụng bảo sếp quẳng bég cái của nợ đó thì tiếng sếp nhả nha:

- Các cậu ạ, cái giống này đại bổ. Quý lắm, quý lắm! Các cậu còn trẻ không biết, chứ già như cánh tớ, trở gờì là mình mẩy ê ẩm. Nhưng nếu được cái tang anh rượu rấn, dẫn xương dẫn cốt.

Sếp nói vậy tôi sao dám bàn quẳng cái thứ đại bổ, đại quý kia đi. Ngồi ghé sau, chốc chốc tôi lại liếc mắt xem thứ của quý đó còn

không. Gần tới Hà Nội sếp quay lại nhắc tôi:

- Cậu xách con rắn về ngâm cho cụ nhà. Quý, quý lắm đấy!

Vừa nghe tôi đã thất kinh, khước từ liền. Có lẽ anh lái xe cũng như tôi, khiếp mà từ chối... Chuyện con rắn tưởng hết, thôi không đại bổ tam xà thì cũng hoá kiếp nó vào chai cho độc xà tiểu bổ. Chả phải lo lắng nữa. Đi công tác về tôi được sếp cho ở nhà viết bài vài hôm rồi mang lên sếp sửa. Ngày hẹn tôi đến nhà sếp trình bài. Căn hộ gác ba tập thể vốn vẹn 15 m<sup>2</sup>, gồm cả bếp, lẫn ban công. Chật vậy nên đồ đạc lỉnh kỉnh, chòng đống xếp hai ba tầng. Nhà chỉ còn khoảng trống bằng cái chiếu một. Lúc tôi tới có mâm cơm úp lòng bàn, để ở khoảng sàn ấy. Sếp giải thích, phần cơm bà xã làm ca chưa về. Sếp tiếp tôi trên chiếc giường một duy nhất. Trước khi đưa bài sếp xem, tôi hỏi thăm độc xà ngâm tẩm ra sao. Nghe tôi hỏi, giọng sếp thản nhiên:

- Nó lại xổng rồi!... Mát là rủi nhưng rủi... biết đâu rồi lại may đấy?

Đang ngồi giường, chân đặt trên sàn, nghe vậy tôi hoảng quá vội lén thu chân lên luôn. Kể khách đến nhà ngồi thu lu vậy, lại ngay trước mặt sếp là bất nhã quá, tôi cũng biết, nhưng... sợ. Định bảo sếp hãy cẩn thận, song thấy ông bình thản như không, nên tôi ngại, sợ sếp nghĩ mình thần hồn nát thần tính. Hỏi ý kiến sếp về bài vở tết mà đầu óc tôi cứ loay hoay với ý nghĩ, tý nữa ra bằng cách nào đây. Lớ xớ con cạp nong hay cạp nia ở đám xá xinh đồ đạc nhà sếp xô ra thì rồi đời. Sợ nên tôi nấn ná mãi chưa dám về. Còn sếp, hình như đang dở việc gì, giục: “Thôi cậu về được rồi, chỉ cần sửa đôi chút. Về cơ bản, ý tứ khá. Văn cậu ít lời nhưng nhiều ý. Khá!” Cuối cùng tôi cũng phải chào sếp, ngồi mãi thế nào được, nhà độc cái giường, tý nữa vợ người ta lại về. Lúc trước tôi tính kỹ, chào sẵn sếp trên giường, rồi

phi thật nhanh, quăng từ giường đến cửa ra vào ấy. Thực hiện đúng vậy, song khốn khổ thay, tôi mới sải được vài bước chân, đã đến cửa đâu thì sếp giật giọng gọi. Tôi giật bắn cả mình, nhắm mắt phi ào ào, nghĩ sếp hô rần. Ra đến ngoài hành lang mới biết, mình nhầm, sếp gọi tôi để quên bài viết. Giờ thì bố tôi cũng không dám quay vào. Dù không bản nháp nào ở nhà, tôi vẫn nói dối vọng vào với sếp :

- Em... em còn bản thảo nữa mà!

Lúc ngồi uống nước trên giường thì lo cho mình, khi về đến nhà đi nằm, tôi lại nghĩ ngợi, lo cho vợ chồng sếp, nguy hiểm quá. Song chả nhẽ đêm hôm khuya khoắt, tới nhà người ta gọi, bảo cẩn thận, rần xổng đấy(!) Sáng sau lên toà soạn, tôi thấp thỏm đợi, thấy sếp tới, mới thở phào nhẹ nhõm, sếp chưa bị rần cắn. Tâm trạng pháp phởng diễn ra mát mấy hôm. Chiều hai chín, khi chào nhau nghỉ tết, sếp có lời mời anh em trong toà báo chiều mừng hai đến nhà uống rượu. Tôi vội từ chối luôn, lấy cớ tết này mình về quê. Thực ra tết ấy tôi có về quê đâu. Tôi không nhận lời vì... sợ con rần xổng. Nó mà còn luẩn quẩn trong nhà là khốn.

May... không may, rủi... không rủi. Trong cái rủi có cái may, trong cái may có cái rủi. Ôi, đến rồi rầm. Hồi ấy tôi chỉ đơn giản nghĩ sếp duy tâm, kiểm nghiệm thuyết rủi may bằng con rần xổng, tôi không dám.

8/12/1997

## Người con gái năm Ất Dậu

Đi làm về tôi thấy mẹ mình đang nói chuyện với khách trong nhà, bà cụ và người đàn ông trạc bốn mươi. Cách ăn mặc biết là người miền Nam ra. Tôi thoáng nghĩ: Ai thế nhỉ? Mẹ mới ra Hà Nội sống với vợ chồng tôi mấy năm, quen biết ai đâu. Có thể người ở quê vào miền Nam sống, nay ra chơi rẽ vào thăm mẹ? Hay khách công việc của mình? Bà cụ trông khuôn mặt phúc hậu. Tuổi cụ đã cao nhưng... tóc xanh dày. Thấy con vào chào khách, mẹ tôi giới thiệu với bà cụ, giọng gần gũi:- Thằng út đây bà ạ! Nó sinh năm Canh Tuất, gần bốn mươi mới được mụn con gái. Nói đến đây mẹ hướng về tôi: -Anh biết ai không nào? Cô, à... bà Tĩnh Bé đấy!... Cái người năm đói bốn năm, cụ Trương Tùng cứu...

À, tôi nhớ ra rồi, người từ xe xác đói, bạn hàng xóm thuở thiếu thời của mẹ. Câu chuyện mẹ kể nhiều lần đến mức, chúng tôi biết tất cả tên hàng xóm quanh nhà bà ngoại tôi. Mẹ tôi sinh ra và lớn lên ở phủ Ninh Giang, tỉnh Hải Dương. Khi mới chiếm và cai trị Bắc kỳ, phủ ấy người Pháp đánh giá là quan trọng và đặt là một trong những đại lý của hai mươi tám tỉnh thuộc xứ Bắc kỳ. Nhà bà ngoại tôi ở phố bờ sông- phố Bè. Bà buôn hàng nan, bán cát, gàu, dậm... Năm 1945 lúc

đó mẹ tôi chừng mười bốn, mười lăm tuổi. Hàng ngày mẹ theo bà ngoại hay các bạn chợ của bà đi bán hàng: đi chợ Hà, chợ Gùrng - phủ Vĩnh Bảo, chợ Gạch - huyện Tứ Kỳ, chợ Mụa huyện - Quỳnh Côi... Đầu năm bốn lăm nhiều người đói tụ tập về phố phủ Ninh Giang. Bến tàu thủy, bến ô tô, bến đò Nhóng, đò Tranh, quán Ga và các phố nhan nhản người đói vật vờ xin ăn. Đầu tháng hai đã lác đác người chết đói. Gần nhà bà ngoại tôi có gia đình, vợ chồng ông bà Khang. Nhà ấy nghèo lắm, chuyên đan cót gàu đặt- nhận tiền công trước, giá rẻ, rồi đan trả nợ. Ông bà có hai mụn con gái, Tĩnh Lớn và Tĩnh Bé. Người gái đầu bằng tuổi mẹ tôi. Chớm vào trận đói, nhà họ cháo độn rau, sau cám trộn củ chuối. Người lớn chịu đói hơn lớp trẻ. Ông bà Khang gầy guộc vì đói nhưng còn nhúc nhắc được. Hai con gái đang sức ăn, gặp đói lâu ngày, chân tay sưng phù, da vàng bủng, người cứ rũ ra. Đói mà chỉ biết nhìn nhau, lúc ấy đến cót gàu đặt cũng chẳng có mà đan. Sàn tuổi nhau, mẹ tôi thường qua lại với Tĩnh Lớn, Tĩnh Bé. Biết mình sẽ chết, hai chị em Tĩnh, cứ mẹ tôi sang là tủi thân, rầm rức khóc. Thương bạn, thỉnh thoảng mẹ giấu nhà, khi cho bát gạo, lúc cho tấm bánh. Con gái đến tuổi biết ngượng, Tĩnh Lớn quần áo vá chằng vá đụp, hở cả da thịt, mẹ tôi cho bộ quần áo cũ. Một hôm, sau phiên chợ Gùrng về, mẹ hay tin, Tĩnh Lớn chết. Biết chuyện cho quần áo, mấy người bạn chợ nói, người chết mặc đi, mình sẽ điên, sợ quá mẹ tôi phải đến năn nỉ xin lại... Ông bà Khang chỉ đủ sức khiêng con gái ra xe. May có chiếc chiếu mới - chiếu phát chẩn, phu tùm mấy vòng lạt. Nhìn phu kéo xác đi, hai người đói không còn nước mắt khóc con.

Người đói kéo về phủ Ninh Giang ngày một đông; người chết ngày một nhiều. Sáng có nhà phố dọn hàng, thấy người dựa hiên, mắt

trùng trùng mở, ra xua hoá ra là xác chết ngò. Sợ xúi quẩy, chập tối, người ăn kẻ ở mang nước đổ ra tu-toà (vĩa hè). Ướt, kẻ đói không nằm được nữa. Sáng sáng xe ba gác lọc cọc các phố gom xác đói. Ít thì một chuyến, nhiều thì ngày bốn năm chuyến. Xác chết chôn chung, xe chở ra từng bê xuống hố. Đổ ngày nào phủ đất ngày đó cho đỡ thối.

Nhà ông Khang, Tỉnh Lớn chết rồi, hàng xóm ai cũng đồ đến lượt Tỉnh Bé, thế mà ông bà Khang chết, nó vẫn lay lắt sống. Như đón chờ cái chết, Tỉnh Bé không đi xin, từ bé chỉ biết chăm chỉ làm ăn có bao giờ ngửa tay xin ai. Hôm nào trên phố có phát chẩn nó mới cố lết đi. Tuần một hai lần, bát cháo chẩn chỉ kéo lùi thêm ngày chết. Sau hôm Tỉnh Lớn chết, mẹ tôi không dám sang và cho gì nữa. Nghĩ cảnh nhà người mà lo cho mình. Thỉnh thoảng thấy Tỉnh Bé mẹ tôi đành lánh. Rồi nghe nói Tỉnh Bé lần ra bến tàu thủy mấy ngày, không thấy con bé về. Mẹ tôi đồ rằng, nó nghĩ bến xuất nhiều thóc tạ, sẽ có thóc gạo rơi vãi. Làm gì có chuyện rơi vãi. Kẻ đói mà bén mảng đến, cai phu đánh chết. Ở bến tàu đám người đói chỉ dám đứng từ xa nhìn thóc tạ chuyển xuống tàu. Và ngày nào xe cũng xuống bến thu xác đói.

Hôm ấy là phiên chợ Gạch. Trong đám đàn bà con gái đi chợ, mẹ tôi ít tuổi nhất. Chớm hè nắng oi ả. Xế trưa đám người về đến gần phủ. Mẹ tôi gánh gánh hàng lút cút theo sau cùng. Đi đầu là bà Trương Tùng, lặc lè gánh nôi đất. Bà dân gốc làng Cây, làng có tiếng ở Hải Dương, chuyên làm nôi đất, bát, đĩa, tiểu sành... Goá chồng, không con nhiều năm mà bà chưa tái giá. Vốn thương người, hôm nào đi chợ bà cũng dành phần nắm cơm trưa bố thí cho kẻ đói. Đang kéo kệt theo nhịp gánh hàng, mẹ tôi loáng thoáng nghe tiếng bà Trương



Tùng:

- Lại xe chở xác đỏi. Giờ mà vẫn còn chuyển..! Thôi các bà ơi, nghỉ một tí! Lên đê cho cái xe đi qua. Xú uế người chết tanh tưởi lắm!  
Theo lời bà Trương Tùng, mọi người hạ gánh tản lên đê. Dưới đường chỉ còn mình mẹ tôi, một bà ngại trèo. Từ xa phu rập mình ngắc ngư kéo xe xác. Xe khô dầu kêu rin rít. Xác nhiều xếp chồng đống. Bánh xe lóc cóc lăn trên đường đá. Chợt mẹ tôi nghe tiếng rên rĩ:

- Hờ hờ ... Lạy ông ... Van ông... Cháu... hờ hờ  
Tiếng rên trên xe. "Quý nhập tràng"- mẹ tôi sồn gai ốc, chẳng kịp phản ứng gì cả, trân trân đứng. Cái xe nặng nề trườn qua sát mặt. Mẹ chết lặng nhìn theo, thấy cả những con nhặng bay lên đậu xuống các xác chết.

- Hờ hờ...Van ông... Cháu... chưa... hờ hờ  
"Đúng là tiếng người. Giữa ban ngày ban mặt, làm gì có ma quỷ". -  
Mẹ tôi trấn tĩnh lại, lăm lét nhìn. Cái xác trên cùng chổng ngược, chân bị dây ghì dây, đầu cái xác dốc xuống đít xe. Cánh tay khẳng khiu mềm oặt, lác lư theo nhịp xe. Mớ tóc chảy dài, lệt bệt, lệt bệt trên mặt đường, rê lên vệt bụi nho nhỏ. Ô hay, mẹ tôi như thấy... mồm cái xác hờm hớp. Đúng, nó hớp thật. Chợt mẹ nhận ra, buột miệng thét lên :

- Cái Tỉnh... Cái Tỉnh! Bà Tùng ơi... Bà Tùng ơi! Nó... nó còn s..ố..n..g.

Trên đê mấy người đàn bà lúc trước hình như cũng nghe thấy tiếng rên, họ đứng lặng sợ hãi. Có người nhận ra cái Tỉnh Bé. Đến khi nghe tiếng kêu của mẹ tôi, mọi người nháo nhác. Bà Trương Tùng là người đầu tiên luống cuống chạy xuống, vừa chạy vừa thất thanh gọi

:

- Ông... ông gì ơi! Ông phu xe ơ..i!

Nghe người hét rồi tiếng người gọi, phu xe chậm chậm ghéch nón, ngoái lại:

- Cái gì... hở? Nhà bà kia gọi phải không?

Bà Trương Tùng và mẹ tôi lúc này chạy đến gần. Giọng bà Trương hét hải:

- Ông... ông ơi, nó vẫn còn s..ố..n..g!

- Giời ơi! Tưởng gì... (phu xe bực dọc cắt ngang). Đang mệt bỏ mẹ lên đây này. Chết... không chết nay thì chết mai. Còn sống (!)... Hừ, định chiều nay chờ mình nó một chuyến chắc?

Đến đây tiếng rên lại cất lên:

- Hờ hờ... Bà ơi... cứu...vớì...

Bà Trương Tùng hét hoảng:

- Đấy, nó còn sống. Ông làm phúc!... làm Phúc!

- Bà muốn làm phúc hả? Thì đấy, khuôn xuống. Càng nhẹ. Hừ, bây giờ còn được chôn chứ! Cái thân tôi đây này, khéo lúc chết chẳng ma nào nó nhặt.

Nói đến đây phu xe rướn mình kéo nhanh hơn. Hốt hoảng, mẹ tôi nhìn bà Trương Tùng cầu cứu. Một thoáng lưỡng lự rồi bà Trương quyết. Bà bám bồ chạy vượt lên. Vừa chạy tay bà vừa tháo cái ruột tượng. Đến ngang tầm phu xe, bà ấn mấy đồng xu vào tay ông ta, miệng van vỉ:

- Ông làm phúc... ông làm phúc!

Thấy tiền, phu từ từ kìm xe lại. Xe dừng, uể oải hạ càng, ông ta gác một chân lên cho xe khỏi tùng bê, một tay cởi dây, đoạn dây níu chân "xác" Tỉnh Bé cho khỏi tuột. Bà Trương và mẹ tôi nhào vào, chưa kịp

đỡ, “xác” con bé đã đổ xoài xuống đường. Động, đám ruồi nặng ào ào bay lên.

Câu chuyện diễn ra đã hơn năm mươi năm. Hai người con gái xưa gặp lại nhau nay đều lên bà. Đêm ấy, mẹ con bà Tĩnh Bé nghỉ lại nhà tôi. Bao năm, chuyện cũ hai người già rĩ rả đến khuya. Sau đận ấy Tĩnh Bé được bà Trương Tùng nhận làm con nuôi, ngày ngày theo mẹ nuôi gánh hàng đi chợ. Cách mạng tháng Tám thắng lợi. Hưởng độc lập tự do chưa được bao lâu thì giặc Pháp lăm le quay lại. Phó phủ Ninh Giang tiêu thổ, dân tản cư. Trong loạn lạc cái chết chẳng tha ai. Cuối năm năm mươi, một lần chạy càn, bà Trương Tùng bị Tây bắn. Bà mất ở cái làng xa lạ. Chôn cất mẹ nuôi xong Tĩnh Bé theo đám người tản cư chạy khỏi vùng Tây càn. Tháng ngày cực nhọc, đám người tản cư và Tĩnh Bé phiêu bạt vào tận Thanh Hoá-khu tự do hồi đó. Hoà bình 1954 vài năm, Tĩnh Bé lập gia đình, chồng là bộ đội tập kết công tác ở Thanh Hoá. Đường xa, lại hoàn cảnh gia đình, bà chưa có dịp trở lại Ninh Giang. Giải phóng, bà theo chồng về quê Đà Nẵng. Con cái bà Tĩnh Bé nay đều phương trưởng, người giáo viên người bác sĩ. Đến giờ bà mới có dịp về thăm quê mình, tìm mồ mả người thân. Mộ cha mẹ và chị ruột làm sao tìm được, xác người đối chôn chung. Bà vẫn nhớ ngày mất và tên cái làng nơi cụ Trương Tùng mất. May mắn khi bà tới, dân làng ấy còn nhớ người đàn bà lạ chạy tản cư bị Tây càn bắn chết. Bà Tĩnh sang cát, đưa cụ Trương Tùng về nghĩa địa Ninh Giang, gần với mộ cụ ông.

Lúc tiễn đưa mẹ con bà Tĩnh Bé, người con trai bác sĩ xúc động nắm tay mẹ tôi, cảm ơn bà từng cứu mang bác và mẹ anh ta. Mẹ tôi rưng rưng:- Con ơi! Người đời làm phúc, ai mong nhận trả ơn. Còn nếu kẻ

nào chỉ mong nhận ơn, họ đã không làm ơn và không có phúc phần để hưởng./.

### **Nhân cách đối**

Tôi và vợ chồng hấn ngồi trước bàn, thức ăn bày la liệt: cá hấp, vịt quay, bò nhúng dấm... Việt là chủ nhà, hấn mời tôi bữa cơm hôm nay. Nhìn vợ chồng hấn như hai bức tranh đối nghịch: anh chồng phốp pháp, hả hê, cô vợ gầy nhẳng, rầu rầu. Có lẽ vì muợn con hay quanh quẩn trong căn nhà ba tầng, năm buồng, ngày phục dịch chồng mấy bữa ăn nên cô ta như vậy chăng?

- Hừm... Chúng ta uống noại gì nhỉ?

Việt nhìn tôi, hỏi. Giọng hấn vẫn đặc sệt cái chất miền quê lúa. Nói rồi hấn ngược lên ngăn rượu ở chiếc tủ gương kính ngoài choáng lộn ở phòng ăn. Cũng như ở phòng khách, nó đập vào mắt tôi dãy rượu Tây, mỗi thứ một chai, tất cả gần như nguyên mác, chưa mở. Lại vẫn tiếng Việt:

- Bia nà tôi kiếu. Cai từ nâu rồi. Uống giống đó nặng bụng lắm! Ông biết không, giờ tôi bảy năm ký, vòng bụng ngót trăm. Ông ạ, trong các noại rượu Tây, tôi khoái nhất anh giôn đỏ, năm-bơ-oằn, năm-bơ-oằn đấy!

Việt lạ gì hăng tôi, cái anh kỹ sư chuyên ngành “hoạn lộn”, công

tác tại tình lễ, biết gì mà thích với chả không thích loại rượu Tây nào! Cái chai rượu dở, còn độ một phần ba mà Việt gọi là “anh giôn đở”, thứ hần ưa thích, được mang ra. Hần cố ý hướng hàng chữ Tây trên mác chai rượu về phía tôi- Johnnie walker. Tôi biết kiểu thông thả mở, thông thả rót kia, Việt đang biểu diễn với tôi sự sành điệu, quen dùng rượu Tây của hần. Việt nhẹ nhàng nghiêng chai, dòng dung dịch vàng sẫm trôi xuống chiếc ly pha lê trong suốt, nhỏ nhắn. Nó xuống không nhanh, không chậm, đủ đến mực gần chiếc ly như quy phạm rót rượu, dùng rượu, mời rượu thết khách thì dùng.

- Nào, ô kê! (hần mời).

Giờ Việt lại sính dùng tiếng Anh, cái môn hồi ở trường, mỗi kỳ thi, hần chạy ngược chạy xuôi mới kiếm được con bốn, thoát khỏi điểm liệt.

- Chúc gì nhỉ? Hà... hà... Chúc cuộc hội ngộ sau then ia ra trường...

Ngửa cổ, hần tợp gọn ly rượu, rồi nhìn về phía tôi khà khà. Tôi đã định chỉ nhấp môi cho phải phép, thì thấy Việt lắc đầu.

- Phải dzô trăm phần trăm. Kiểu uống nó phải dzậy! Hà... hà...

Tôi đành gượng dốc ly. Nào phải rượu Tây không ngon hay tôi dân tửu lượng xoàng, nhưng sao tôi thấy nó đắng ngắt. Nhìn cái nhăn mặt của tôi, tôi biết, Việt đang hả hê sướng. Chắc hần nghĩ, một kẻ quê mùa, từ thửa cha sinh mẹ đẻ đến giờ, mới được nếm mùi anh rượu Tây. Việt rót tiếp rượu vào ly của tôi, rồi cười khùng khục. Nghe tiếng cười đó tôi thấy hần vẫn nguyên là cái thằng Việt ngày nào, kẻ cả, huyênh...

- Ông ạ! Khôn thì sống, đời nó dzậy. Phải xanh đỏ, đỏ xanh đổi màu như con kỳ nhông...

à, hẳn vẫn cái giọng lên lớp xưa, chỉ hơi khác lớp lang đã đổi màu. Trước đây chính hẳn từng nói, từng lên lớp về lẽ sống, sự cống hiến, lý tưởng, phấn đấu... Người như hẳn mà hồi đó nói những điều ấy thấy chướng quá. Việt và tôi học cùng lớp, khoá học vào đầu những năm 80. Sau chiến tranh, trong khó khăn chung của đất nước, thì lương thực là thứ khan hiếm, thiếu thốn nhất. Đến mức, thời kỳ đó có năm Nhà nước phải cho sinh viên về ăn Tết sớm, hay nghỉ hè kéo dài. Trường tôi may mắn hơn các trường khác nhờ có ruộng thí nghiệm và trại sản xuất nông nghiệp. Bữa ăn của sinh viên thường thêm xoong canh bí đỏ, bí xanh đại tướng. Nhớ lại: Bếp ăn hai nghìn sinh viên, chỉ mấy cái bể xây, bốn mùa thiếu nước, rau rửa làm sao sạch, nên chuyện chúng tôi vừa ăn, vừa ‘làm cỏ’ rau là thường. Lắm lúc đang ăn, ai đó gậy ra con sâu xanh nhớn, dài thượt, mọi người vẫn thản nhiên: “Chà, cũng là một dạng prôtit(!)”. Lắm đứa nghịch, tải dài con sâu trên đồng rau hay gấp bỏ vào bát một anh chàng mắt mũi còn mãi héch con cú cu nào đó. Dù thêm xoong rau đại tướng, chúng tôi vẫn đói. Đói lắm. Toàn những đứa đang sức ăn, tiêu chuẩn ba lạng một bữa (tháng mười bảy cân lương thực), khi dọn mì sợi, lúc ngô, lúc bột mì, lại bớt đầu bớt đuôi, từ ông quản lý ăn trên sổ sách, đến bà cấp dưỡng giấu diếm xúc gạo đổ túi giắt cặp quần, hay vào cặp lồng, không thì ra sức tống cơm, tống cháo xuống chảo nước gạo cho lợn, thử hỏi đến miệng sinh viên còn được là bao? Cái đói hành hạ chúng tôi, cả lúc chơi, lúc ngủ và cả trên giảng đường. Đói là thứ có thể kiểm định nhân cách con người, nó cũng biến không ít kẻ nhân cách thấp bé đi một tí. Trong số kẻ nhân cách thấp bé đi một tí ấy có Việt. Giữa những người đói và suất ăn ít ỏi, giành giắt lấy nhiều là ý thức của Việt. Hẳn có thủ thuật ăn hẳn hoi. Bộ

dụng cụ ăn Việt chuẩn bị rất chu đáo: cái thìa Liên Xô dày, chiếc bát sắt B52 bự. Hãy quan sát khi Việt vào cuộc ăn. Đầu bữa, hắn thoăn thoắt xúc, nhưng chỉ xúc đến lưng bát, rồi chan canh luôn. Bát cơm như vậy hắn và sò mấy nhát đi veo. Xong bước một, hắn khoan thai hạ chiếc bát không xuống mặt bàn, từ tốn múc từng muôi cơm, mỗi lần xới, hắn không quên lèn một cái, cho đến khi bát cơm đầy tú hụ, hắn mới dừng. Cái bát B52 đã đầy lại nén, gần hết góc xoong cơm. Thế là khối đũa trong mâm không được bận xới thứ hai, đổi. Mọi người đặt cho hắn biệt danh: thằng Máy Xúc. ở nhà bếp, hẳn thấy Máy Xúc, mọi người trong lớp đều lảng, song cách lảng cũng phải ý tứ, bởi Việt không phải là kẻ thường, hắn là lớp trưởng. Năm thứ nhất, thứ hai, giữa một lũ học sinh phổ thông lau nhau, Việt vốn đã thoát ly, trải đời, có chút quyền hành là hắn tác oai tác quái. Hắn thiếu gì cách trừng phạt lũ chúng tôi, sáng dậy tập thể dục muộn, thứ hai điểm danh vắng, hắn lại thường xuyên trao đổi, gặt gỡ các thầy cô... Đấy còn chưa kể, có muốn phấn đấu không? Hết năm thứ hai, hắn gây cho lớp tôi không ít điều đáng buồn: ba người khoác ba lô về quê, hai đũa xuống khoá dưới và còn khá nhiều chuyện khác. Rồi cũng đến lúc quyền lực của hắn bị lung lay, ngay đầu năm thứ ba, cả lớp đứng lên đấu tranh, hắn bị bãi chức lớp trưởng.

Mất chức, Việt ngang con chó cụp tai, hắn sống như cái bóng. Song bản chất hắn thì làm sao thay đổi được, chỉ có điều nó thể hiện ở dạng khác. Thời kỳ này, chế độ quản của trường cởi mở hơn, sinh viên có thể nấu ăn riêng. Là cán bộ đi học, Việt có lương, hắn sắm chiếc hòm rất to. Hắn dùng để làm gì? Đó là cái nhà bếp của Việt. Trong hòm Việt đựng chiếc bếp dầu, hộp gạo, lọ muối, bộ ấm trà và vại dưa. Mới đầu Việt chưa cho vại dưa, lọ muối vào hòm. Việt muối

dưa cà, không hiểu sao hẳn thấy mãi nó không chua. Lần thì dưa cà thâm xì và quắt lại; bận thì trắng nhờn, mùi khang kháng. Sau Việt đoán ra, có kẻ chơi khăm hẳn. Mấy dưa trong phòng tôi nghịch, nhân lúc Việt đi vắng, họ thả đầy muối hoặc gạn nước ra, đổ nước lã vào. Kiểu ấy dưa sao chẳng khú! Anh chàng đối phó bằng cách nào? Chẳng nhẽ suốt ngày ở phòng gác vai dưa. Từ ấy Việt cho tất cả vào hòm khoá lại. Bị anh em tẩy chay, Việt không lấy thế làm buồn, hẳn có những trò tiêu khiển của mình. Từ khi nấu ăn riêng, Việt đóng cuốn sổ con bé tí, bìa xanh. Đó là sổ ghi chép chi phí từng bữa ăn. Có dưa trong phòng xem trộm được cuốn sổ, ngoài phần ghi khoản dưa cà mắm muối, còn xen những câu triết lý đối nhân xử thế ở đời. Đến lạ(!)

Tính toán ghi chép là thú đam mê hàng ngày của Việt. Cứ vào quãng sáu giờ chiều, cơm canh chín, hẳn dọn ra góc phòng, vừa nhẩn nha ăn, vừa làm rầm tính toán. Có lúc quên, hẳn nhắm to tới mức, chúng tôi biết bữa đó Việt chi cho nửa mớ rau là bao nhiêu, mì chính hết chừng nào, bữa ăn mấy hào và tổng số tiền ăn ngày hôm đó. Trong khi Việt tính toán, Việt ăn, thì chúng tôi vẫn đói. Mà mỗi ngày hẳn nấu ăn nhiều bận lắm: trưa, chiều, cộng thêm hai bữa sáng sớm và đêm khuya. Hẳn cứ phi hành, phi tởm, xào rau, bác trứng. Sao thứ gì hẳn nấu cũng thơm! Có lần đã khuya rồi, trong phòng chúng tôi đang tranh luận hăng hái, hình như về tình hình chính trị ở Ba Lan năm 1981-1982, cuộc tranh luận bỗng dung uể oải, không phải mọi người buồn ngủ, mà mùi cháo hành của Việt bốc lên thơm quá! Lúc đó tôi kéo chăn trùm kín mặt, tự nhiên nước bọt trong miệng mình ứa ra. Tôi biết dưới sàn nhà, trong ánh sáng lửa xanh rập rờn của chiếc bếp dầu, Việt mỉm cười khoái trá. Hẳn đang hành hạ lũ đói.



Chuyện xảy ra đã hơn mười năm. Sau khi ra trường, chúng tôi mỗi người một ngả, đưa thì vào Nam công tác, đưa đến một nông trường chăn nuôi Tây Nguyên, đưa xin việc ngay Hà Nội. Tuy hiếm khi gặp mặt nhưng chúng tôi vẫn thư từ liên hệ, biết các thông tin về nhau. Riêng Việt, hần lặn mất tăm. Song, cuộc đời đến oái oăm, tôi bất ngờ gặp lại Việt, hoàn cảnh gặp, trở trêu thay. Ra trường, ngành tôi công tác có quan hệ chặt chẽ với cơ quan trung ương. Khi mới về, công việc của tôi ít phải tiếp xúc, gần đây tôi được đề bạt phụ trách phòng kế hoạch. Đây là chuyến công tác đầu tiên tôi lên cơ quan trung ương ngành mình. Thật bất ngờ, người tôi phải gặp, nhờ vả lại là Việt. Đó là lý do tôi nhận lời mời bữa ăn bất đắc dĩ hôm nay. Giàu có giờ Việt hào phóng chẳng? Hay là hần ân hận lối sống xưa... ? Chỉ biết rằng, bản dự trù kế hoạch của cơ quan tôi qua được, hần bỏ túi vài chục triệu...

Suốt bữa ăn vợ Việt ít nói, có thể cô ta ý tứ để chồng tâm sự cùng bạn. Bữa cơm rồi cũng đến đoạn kết. Ăn uống xong Việt đứng dậy, mời tôi sang phòng khách. Lúc đó tôi đang dở câu chuyện với vợ anh ta nên còn ngồi lại, Việt sang phòng khách trước. Nghe tiếng bước chân chồng xa rồi, vợ Việt nhìn tôi, giọng nhỏ đi :

- Anh... anh là bạn học đầu tiên của chồng em tới chơi nhà. Em biết... đến em... cũng chẳng sung sướng gì. Mẹ đẻ anh ấy, cụ còn không chịu nổi. Cụ bỏ về quê sống...

Thảo nào, ngay phút gặp đầu tiên tôi đã nhận thấy vẻ buồn rầu, nhẫn nhục ở người phụ nữ ấy. Quả thật tôi không thể ngồi nói chuyện lâu và không biết nói gì. Dù sao đây mới là lần gặp đầu, lại là chuyện riêng tư của gia đình họ. Khi bước vào phòng khách, hình như Việt chưa biết tôi vào, hần vẫn ngả lưng trên chiếc ghế bành da.

Trên mặt bàn hai phin cà phê từng giọt đen sánh nhỏ tí tách. Khói thuốc lan toả, lượn quanh mái tóc uốn bồng bênh của Việt. Từ giàn compact phát ra bài hát giai điệu nhảy tênh tếch: “Tình là tình nhiều khi không mà có. Tình là tình nhiều lúc có như không...” Bất chợt tôi thấy trên tay Việt cuốn sổ nhỏ màu xanh và hình như nghe thấy cả tiếng Việt làm rằm. Không rõ hẳn đọc những câu triết lý về đối nhân xử thế ? d?i hay nhằm tính số tiền chi tiêu sau mỗi bữa ăn- cái thú ngấm vào máu, vào xương của hắn. Ôi, một nhân cách đói(!)

1997

### **Nhục cũng không xong**

Người phụ nữ đang chờ người đàn ông tới.  
Thình thoảng nàng lại liếc nhìn đồng hồ và còn thăm nhăm đếm, như để mong thời gian trôi nhanh hơn. Nàng không còn cảm giác nhục nhã, hay phải hạ mình. Nàng đã vượt qua được chính mình. Cuộc vật lộn không hề đơn giản. Nó trải qua nhiều tháng, nhiều năm, qua những đêm dài mất ngủ. Nhưng cũng cho tận đến lúc này, khi đang đếm thời gian trôi, chờ đợi người đàn ông tới, nàng vẫn còn cảm giác

thẹn thùng. Chốc chốc, gò má nàng nóng bừng. May mà dưới ánh đèn dầu và nhà chỉ có một mình, chứ ban ngày, hoặc dưới ánh điện, nàng ngượng lấm. Người ta sẽ nhìn thấy mặt nàng đỏ như gấc, đỏ đến từng chân tóc.

Đã bao tháng ngày nàng phải tự đấu tranh với mình, nên hay không nên. Tất nhiên là nàng rất muốn, muốn tới mức thèm khát. Cái chính là nàng có dám không. Nàng phải hạ mình cầu xin người ta, sẽ nhục nhã, ê chề. Có lẽ nàng không làm nổi. Nàng vốn là người tự trọng. Chỉ cần nghĩ đến ánh mắt tò mò, xoi mói của hàng xóm, những người cũng giống hoàn cảnh nàng, nàng đã không chịu nổi. Huống hồ còn bao kẻ khác.

Nhớ lại hôm hai người đàn bà trong xóm chửi nhau. Nàng thấy việc ấy như của chính mình, nàng xấu hổ quá. Suốt cả cuộc chửi bới kia, nàng không dám lộ mặt ra khỏi nhà. Chứ đừng nói như đám đàn bà và lũ trẻ con trong xóm, nhua nhúa ra xem tận nơi. Nguyên nhân của cuộc chửi bới bắt đầu từ hai thằng bé. Mới đầu hai người mẹ lòi ra những chuyện thông thường xỉ vả lẫn nhau. Cuộc cãi lộn mỗi lúc một hăng. Họ moi móc tất cả những điều có và không có để thoá mạ, hạ nhục nhau. Cuối cùng, khi đã hết chuyện, họ lòi ra chuyện ấy. Khởi đầu là người đàn bà nhiều tuổi. Chị ta rửa người đàn bà trẻ là dĩ non, có biết ngủ với đũa nào không. Với lão già đáng tuổi bố mình, để kiếm đũa con.... Nhục! Người đàn bà trẻ không kém, đối lại: Mụ dĩ già, ngủ với thằng trẻ ranh... Nhục! Nàng biết khi hai người đó đấu khẩu, thì cái xóm này, xóm của nàng, tất cả đàn bà trong xóm đều đồng tai lên nghe. Lâu nay họ vẫn rình mò chuyện ấy, khát tìm xem “thằng bố” của những đũa con nhà người khác, là ai. Khi hai người đàn bà tự dưng phô ra điều bí mật kia, thật là một dịp hay, họ sẽ chắt

lọc, dò tìm trong những thông tin đó, để đoán định xem ông bố của hai đứa trẻ nọ.

Cái xóm nhỏ của nàng xuất hiện được mười năm rồi. Giờ ở nông trường và quanh vùng, người ta quen gọi là xóm Không chồng, hay xóm Xin con. Thực ra nó không hẳn là cái xóm, mà chỉ là dãy nhà vài mươi gian, nằm hơi biệt lập. Khởi đầu nó là khu tập thể cho các phụ nữ độc thân. Các nhà đều có bếp, có cửa, có sân riêng, mỗi người một gian. Không hiểu sao, ngay sau khi dựng xong và phân phối, người ta cứ đùa đùa thật thật gọi, xóm Không chồng, xóm Xin con. Chuyện những người phụ nữ lỡ thì không con, đâu hiếm, nhất là các nông, lâm trường. Họ, những người một thời phơi phới ra đi, đem sức trẻ biến rừng già thành đồi chè, đồi trầu... Tuổi xuân đi qua lúc nào không hay. Đến khi tự nhận ra, thì muộn mất rồi. Họ thành những người cô độc. Và nơi sinh sống vẫn heo hút như khi xưa họ tới.

Nhớ ngày vừa chân ướt chân ráo tới đây, nàng đã phải chứng kiến một vụ kiểm điểm hủ hoá. Trong những vòng phê bình, người đàn bà chữa hoang mặt cúi gằm, dấm rức khóc. Hai bàn tay chị ta khư khư đặt trước bụng, như che chở cho đứa con còn trong trứng nước. Chị nhất quyết không nói ra ai là thủ phạm. Giờ mỗi lần đi qua ngọn đồi chơ vơ có ngôi mộ người đàn bà chữa hoang, xót thương nhớ đến người đã khuất, nàng lại không khỏi chạnh nghĩ tới thân phận mình, lỡ thì, cô quạnh...

Xóm Không chồng ở giáp ngay văn phòng đội. Mấy hôm trước, lúc nàng đang hái chè ở khoảng đồi nhận khoán, thì nghe tiếng ông đội trưởng gọi. Ông nhờ nàng về nấu giúp cơm khách. Có toán khách Hà Nội lên công tác. Họ sẽ ăn nghỉ ở văn phòng đội khoảng ba, bốn

hôm. Nàng giấp mặt với người đàn ông ấy, khi nàng mang ấm nước lên phòng khách. Lúc ấy mấy người khách đang cười đùa ầm ĩ. Thấy nàng vào, họ ngưng ngay câu chuyện. Trừ người đàn ông kia, còn lại, họ đều rất trẻ. Rót xong phích nước, ngẩng lên, nàng bắt gặp ánh mắt anh ta. Nàng thoáng lúng túng, tránh cái nhìn của người ấy và vội vã rời phòng khách. Nàng biết, phía sau, người đàn ông đang nhìn mình. Lại nghe tiếng cười hi hí của đám thanh niên, nàng thấy ngỡ ngàng quá. Nàng biết, cái tên xóm Không chồng, Xin con, đâu phải điều bí mật. Nhiều khi nó còn là chuyện được mang ra đùa cợt của đám đàn ông nông trường, hay chuyện làm quà với khách.

Tối ấy, không hiểu sao, ánh mắt người đàn ông cứ chập chờn trong suy nghĩ của nàng. Lúc nàng dọn mâm bát, hình như người ấy lại nhìn nàng. Anh ta bao nhiêu tuổi nhỉ? Nàng đoán, bốn lăm hay hơn một chút. Người đâu mà to, to thế. Khiếp, râu thì quai nón rậm rì. Chợt nàng tự thẹn với ý nghĩ của mình. Dơ quá, sao cứ nghĩ tới người ấy. Mà người ta đến công tác dăm, ba hôm rồi sẽ đi. Những ý nghĩ linh tinh làm nàng không chợp mắt nổi. Tận gà gáy canh hai nàng mới thiếp đi. Hôm sau nàng dậy khá sớm. Nàng rất muốn đi, chợt lại phân vân, còn sớm quá. Nàng nấu nướng xong bữa sáng, mấy người khách vẫn chưa ai dậy. Đã định đi, rồi nàng lại nấn ná đợi. Có tiếng bước chân, nàng đoán là... người ấy. Tự nhiên tim nàng đập thình thình, má nóng bừng. Nàng biết, phía sau anh ta đang nhìn mình. ý nghĩ vậy làm nàng thêm luống cuống. Không còn bình tĩnh, nàng hấp tấp rời khỏi phòng ăn. Bữa cơm chiều, nàng cố gắng tập trung vào công việc bếp núc. Lúc thu dọn mâm bát, không hiểu sao nàng lại đánh mắt nhìn về phía ấy. Không ngờ, chạm ngay vào cái nhìn của người ta.

Tận cho đến lúc này, khi đang chờ người đàn ông tới, nàng vẫn không hiểu nổi, mình can đảm thế. Nàng còn nhớ, lúc đó tim nàng như ngừng đập. Không hiểu nếu người đàn ông từ chối lời cầu xin, sự hạ mình của nàng, nàng sẽ bẽ bàng, xấu hổ đến cỡ nào.

Chiều nay, vì là buổi cuối cùng của chuyến công tác, giám đốc nông trường có bữa cơm mời khách, cả đoàn lên nông trường bộ, nàng không phải nấu cơm giúp nữa. Nhìn đồng hồ mới bảy giờ, thời gian sao trôi đi chậm chạp quá. Chắc phải tám giờ bữa cơm tiếp khách mới xong. Tại sao không mời mấy hôm trước, hôm nay giám đốc mới mời - nàng nghĩ. Lâu nay nàng ước ao và thường tưởng tượng về bữa cơm tiếp người ta. Biết người đàn ông ăn cơm đãi, song nàng vẫn làm mâm cơm để tiếp người ấy. Nàng đã chuẩn bị mâm cơm rất thịnh soạn: đĩa thịt gà luộc, đĩa trứng tráng, bát canh măng. Chập tối, khi nấu nướng, bày dọn xong, nàng chợt nghĩ: cơm thì phải có rượu. Nàng vội kiếm chiếc vỏ chai nửa lít, cẩn thận bỏ vào túi, không thể để chai rượu khắp xóm. Nàng ra tận quán nước ngoài cổng nông trường. Ông chủ quán vốn là công nhân nông trường nghỉ một cục, lúc rót rượu, cười cười hỏi nàng:

- Hôm nay có khách quý à?

Nghe câu hỏi đầy hàm ý, nàng xấu hổ, đỏ cả mặt.

Tiếng tích tắc của chiếc đồng hồ làm nàng thêm sốt ruột. Chín giờ rồi, sao họ vẫn chưa về. Hay họ về mà nàng không biết? Không thể. Chẳng lẽ tiếng ô tô ầm ầm nàng không nghe thấy ư. Nhớ họ đi bộ về thì sao? Vô lý.

Ý nghĩ luẩn quẩn làm nàng không yên tâm. Nàng ra sân, ngó sang văn phòng đội. Các phòng cửa sổ đều tối om. Họ chưa về.

Mười giờ, mười một giờ...

Tiếng con thạch thùng kêu chếp chếp, làm nàng thêm sốt ruột. Ăn uống tiễn đưa gì mà lâu thế, nửa đêm chưa xong. Nàng thấy tức ông giám đốc, nàng cũng giận luôn người đàn ông kia, sao quá vô tình. Ừ, muộn rồi thì có thể đứng lên xin phép, hoặc nếu mọi người trong đoàn còn ở lại, thì anh ta có thể về một mình.

Mãi quá nửa đêm mới nghe tiếng ô tô rầm rầm, tiếng người say nói cười nhộn nhạo. Tuy rất giận người đàn ông, nàng vẫn thở phào nhẹ nhõm. Cuối cùng người ta đã về. Nàng vội vàng nhóm bếp, hâm lại mấy món ăn đã nguội tanh, nguội ngắt. Năm phút, mười phút trôi qua, nàng lại hồi hộp chờ đợi.

Cánh cửa nhà nàng khép hờ. Chắc là người ta còn rửa ráy, nàng nghĩ và mặt chợt nóng bừng. Thời gian tiếp tục trôi, mười lăm phút, nửa tiếng...

Hay trời tối quá, người ta không nhận ra gian nào là nhà nàng. Không, không thể như vậy được. Cửa sổ phòng khách mà người đàn ông nghĩ, đối diện với nhà nàng, nó chỉ cách vài mươi bước chân. Hay là... anh ta nghĩ lại, không đến nữa? Hay anh ta đùa bỡn nàng? Nàng chợt thấy hờn tủi quá, nàng cố kìm mà những giọt nước mắt cứ lăn dài trên gò má. Hình như nước mắt làm nàng tĩnh tâm lại. Nàng nghĩ: Không, không thể thế được. Đó là một người đứng đắn, ánh mắt ấy, khuôn mặt ấy...

Nàng mở cửa, ra sân. Cuối tháng trăng hạ tuần vàng vạc sáng. Tiếng gà gáy râm ran. Dãy nhà khách bên kia ánh trăng chiếu dọi. Cửa sổ căn phòng người đàn ông nghĩ mở toang.

Ừ, tại sao đến lúc này nàng mới nghĩ ra, người ta đang say rượu. Chuyện tiếp khách ở nông trường, chủ và khách say bí tỷ, xảy ra như cơm bữa. Hôm nay bữa ăn lại kéo dài, làm gì không say.

Đàn ông say... nàng từng nghe những người đàn bà có chồng và cả những người đàn bà trong xóm kháo nhau về đàn ông say. Những lúc ấy nàng giả vờ như không để ý, nhưng tò mò nghe. Thấy họ rúc rích cười, nàng đoán là chuyện gì. Nàng đỏ mặt.

ý nghĩ đàn ông say làm nàng thêm can đảm, nàng có thể sang với người ta được chứ.

Phòng người đàn ông cửa không khép. Căn phòng ánh trăng hắt sáng. Không buông màn, nguyên quần áo và giày, người ấy ngủ vật trên giường. Căn phòng nồng nặc hơi rượu.

Lần đầu tiên nàng được nhìn một người đàn ông ngủ gần đến thế, miệng há hốc, tiếng ngáy khò khò. Nhìn tư thế nằm ngủ mệt nhọc của người ta, nàng thấy thương thương. Cái thiên chức tự nhiên - làm chị, làm mẹ,... đã điều khiển đôi chân nàng bước về phía người đàn ông. Từ từ ngồi xuống, nàng tháo dây giày cho người ta.

Kẻ say vẫn ngủ. Bất chợt người ấy lảm nhảm nói gì đó, cánh tay hấn quấy đập, vát lên chân nàng. Nàng rùng mình. Phản ứng tự nhiên, nàng suýt hất cánh tay gã đàn ông ra, song nàng đã không làm vậy. Người say lại lảm nhảm và trở mình, gác tiếp chân lên... Da nàng sồn nổi gai ốc, đầu óc bấn loạn. Lúc này nàng tự trách mình, sao lại tới đây.

Sau những quấy đập, kẻ say nằm yên, chỉ còn tiếng ngáy khò khò. ánh trăng hắt vào mặt người đàn ông, hắt cả vào bộ ngực hàng cúc không cài, phanh hết cả ra. Nhìn bộ ngực vòng lên của người ta, mà nàng thẹn thùng. Rồi nàng lại nhìn... Bản tính nhút nhát, cả thẹn của nàng lúc này tự dưng biến mất, nàng trở nên bạo dạn thế. ánh mắt nàng mơn man vòng ngực đang phập phồng thở của người ta. Như ma quỷ xui khiến, bàn tay nàng đưa ra, run rẩy chạm nhẹ vào vòng



ngực đó. Cảm giác va chạm làm nàng thêm rạo rức. Bàn tay nàng mạnh dạn đặt lên ngực chàng. Từ lúc ấy lý trí không còn điều khiển được nàng nữa, nàng cứ âu yếm vuốt ve, một vòng ngực đàn ông nở nang, bắp cơ rắn đanh... Bàn tay ấy lần đầu tiên được biết da thịt đàn ông, nó rờ rẫm ve vuốt. Mồ hôi rượu nhớp nháp càng làm nó thêm đam mê, kích thích. Rồi cách tay nàng miết mạnh, thân hình nàng gập xuống, di miết da thịt nàng lên da thịt chàng. Cảm giác trong nàng như đốt cháy... Ham muốn đàn bà làm nàng thêm bạo liệt, nàng không còn là mình nữa, chỉ còn sự đòi hỏi đam mê... Lưỡi nàng khô ráp, không gian xung quanh dường như chỉ còn hơi thở gấp gáp và thỉnh thoảng tiếng con tim bất loạn của nàng. Tai nàng ù đi... Cúc áo nàng đã bật tung tự bao giờ. Nàng cúi xuống nhìn đôi gò ngực mình trắng ngần, lấp lánh dưới ánh trăng. Cũng như cơ thể nàng, cái cơ thể đã teo đét, thoát cái đôi bầu ngực và tất cả, tất cả đều như căng rướn, khát khao chờ đợi. Nàng nắm bàn tay to ráp của chàng, đặt lên bầu ngực mình. Cả bầu ngực nàng một cảm giác nóng ran.

Kẻ say vẫn đắm đuối trong cơn say. Khi nàng buông tay, chờ đợi cái thiên chức khai mở của bàn tay kia... Không còn tay nàng nương đỡ, nó tuột tuột và rơi phịch xuống.

Nàng thoáng hụt hẫng, nhưng vẫn không thất vọng.

Khát thèm làm cho nàng thêm cuồng nhiệt. Cặp môi đã tham lam, bàn tay nàng còn tham lam hơn, nó lang thang, lang thang tới những nơi mà trong đời nó chưa một lần được tới...

Ngoài khung cửa bình minh đã hé rạng. Người đàn ông không còn phì phò thở nữa.

Kìa, hấn trở mình... và như là thì thào gì đấy.

Nàng hy vọng, chờ đợi.

Bất chợt đầu người đàn ông rướn... rướn lên. Nàng mừng rỡ, kẻ say đã tỉnh.

Cho đến tận lúc ấy, căn phòng chỉ có hai thân hình loã thể, chỉ có âm thanh háo hức, thèm khát sắp được làm đàn bà.

Bất thần bật ra âm thanh ộc... ộc.

Cái khuôn mặt đang tràn trề hy vọng và ham muốn nhục dục kia, đã không tránh kịp./.

Tây Bắc 2000

### **Phát kiến số một...**

Đêm qua tôi có giấc mơ lạ quá. Tôi lang thang lên mặt trăng – nước Mặt Trăng. Trên ấy mọi thứ đều lạ lẫm với tôi. Người ta không chỉ đi bằng chân, mà đi cả bằng tay. Đầu họ bé choắt, miệng to phình và cứ lằm bằm điều gì đó.

Trang phục đều mẫu một loại, đàn ông như đàn bà và toàn màu đen. Trông vẻ mọi người sợ sệt, sợ sệt nhìn nhau và sợ sệt nhìn tôi. Người ta cứ cằm mặt xuống mà đi. Cái xứ sở mặt trăng này như mắc

bệnh sợ. Tôi nhìn thấy cả thằng Cuội và chị Hằng Nga, hình như cả hai cũng mắc bệnh sợ. Cuội vẫn ngồi gốc đa, nhưng chẳng thấy nói dối nữa. Chị Hằng Nga trông không xinh như chúng ta dưới trái đất nhìn lên. Thấy bảo đạo này, chị xấu đi, xấu vì học - hạp và thôi trang điểm cho dân dã.

Trên con phố tôi đi có một cái rất lạ, không phải cửa hàng, không ra hội trường, nghĩa là không giống gì cả... và mọi người lũ lượt chen vào đó. Họ gồm đàn ông, đàn bà, người già, kẻ trẻ, có người ngồi trên cang cho con cháu khênh tới, có đứa trẻ khóc ời ời vì nhớ mẹ... tức là mọi tầng lớp trong xã hội nước Mặt Trăng.

Ngoài cửa cái nơi “không gì cả ấy” trưng bảng chữ to tướng: Lớp hạp – học vẽ tranh: Trắng... tròn.

Điều lạ nữa là mọi người len lét chen nhau vào, chen vội vã, chen hối hả và vừa chen vừa sợ.

Tôi cũng chen vào xem trong ấy dạy hạp - học gì.

Thật nhiều chỗ ngồi to nhỏ khác nhau, tôi chọn một chỗ bé bé, cu cũ,... Trong hội trường thấy cái bục rõ to, thép vàng rực rỡ, ngự ở vị trí cao vợi vợi. Phía trên cao có bức hình to.

Được một lúc, trên bục đột ngột thấy một ông to béo, da mặt trắng đỏ, bóng nhẫy, đầu hói, chỉ còn dăm ba sợi tóc, tuổi ngoài cỡ một

trăm. Đồng loạt mọi người đứng lên chào, đồng thanh hô to: Trắng... tròn .... vạn, vạn tuế. Nét mặt họ vẻ sợ hãi hơn là thành kính.

Ông béo cắp bên nách này một cuộn giấy dài, nách kia một cuốn sách rõ dày, còn trên tay là cái trông... tựa tựa như cây thước gỗ lim, cũng không hẳn vậy, nó có phần giống chiếc roi mây.

Ông đặt cuốn sách lên mặt bàn, nó dày và cũ lắm.

Rồi ông mở cuộn giấy ra và treo lên. Tôi nhìn, một bức tranh với những vật thể hình ô van... méo và màu đỏ tươi.

Tôi quay sang hỏi ông ngồi bên cạnh, ông này đầu gối quá tai, trông vẻ người nhiều chữ, nhưng vì ngồi quá nhiều, nên tai dài ra, mặt bạc théch:

- Bức gì đấy cụ?

Tôi không rõ ông ta bao nhiêu tuổi, đoán cũng tới 100.

Ông ta nhìn tôi như từ sao Hỏa đến, rồi thì thào: Bức Trắng.. tròn. Cả Nước Trắng chúng tôi, mọi người đều biết bức tranh gốc này và mọi nhà chỉ treo tranh chép bức tranh gốc này thôi. Ở Nước Trắng chúng tôi, duy nhất có bức tranh Trắng... tròn, cũng chỉ duy nhất có ông thầy tuyệt vời này giảng và đọc nhất cuốn sách kim chỉ nam kia. Sách và tranh rước từ mãi tận nhà ông Tổ nghề vẽ ở nước Mặt Trời về. Đây, ảnh treo trên kia là ảnh anh em các ông Tổ vẽ nước Mặt Trời đấy. Sách ấy viết bằng chữ Mặt Trời, chỉ ông thầy kia đọc được, ông dịch sang chữ Nước Trắng chúng tôi. Vì mình thầy biết, nên thầy dịch, thầy hiểu, thầy nghĩ thế nào, thì chúng tôi hay thế.

Tôi hỏi:

- Ông đến học ở đây lần thứ bao nhiêu?

- Bao nhiêu á ??? Tôi học từ thuở tuổi ấu thơ đến... bạc tóc bây giờ. Đây là lần học Trắng... tròn thứ ba vạn chín nghìn buổi. Trước đây Nước Trắng chúng tôi chỉ vẽ như bức tranh mẫu kia, nay vẽ thêm vài kiểu khác nữa, vẽ kiểu khác để hội nhập ra khắp hệ Mặt Trời, như Nước Sao Kim, Nước Sao Thủy, Nước.. Cách pha màu nay cũng khác trước.

Rồi ông giải thích về cách thức pha màu theo kiểu nước Mặt Trăng trước đây, nó khác hẳn cách pha màu của Nước Mặt Đất và cả Hệ Mặt Trời.

Trong khi nói, ông ta lăm lét nhìn trước, nhìn sau, như sợ ai đó nghe, nhìn thấy. Hình như ông ta định nói tiếp điều gì đó, thì tiếng ông thầy trên bục cất ngang:

- Điềm danh!

Những tiếng thừa yếu ớt thứ tự cất lên, nghe ê a giống kiểu tụng kinh. Rồi một kẻ rè rụt:

- Dạ thưa... Bà nội con hôm nay ốm! Xin phép...

Kẻ kia nói chưa dứt câu, ông thầy xỏ xàng cất ngang:

- Ốm cũng học!

Anh chàng kia vội vàng đứng lên, chấp tay lia lịa vái và cuống cuồng lao ra khỏi lớp. Chắc chạy về nhà đón bà nội mình đến lớp.

Lại điềm danh tiếp.

Một lúc người kia dắt bà già cỡ ngoài trăm tuổi, rên hừ hừ, lừ rừ như con bù nhìn rơm, lập cập bước vào lớp. Lúc bà già đi ngang qua ông thầy, bị ông này vọt cho một vọt, đau quắn đít.

Điềm danh xong, một người về là lớp trưởng đứng lên, xun xoe: Hôm nay học viên cả Nước Mặt Trăng, tỷ lệ đạt 100,00001%, vì có thêm

một học viên từ trái đất đến.

Lớp trưởng chỉ tay về phía tôi và ông thầy gườm gườm nhìn. Ánh mắt kỳ lạ, soi mói của ông ta làm tôi toát cả mồ hôi hột.

Lớp học bắt đầu.

Ông thầy đồng dạc hô:

-Ôn lại bài cũ!

Đồng loạt hô:

- Trắng... tròn!

-

Những tiếng trắng ... tròn được hô to đến rung trời chuyển đất. Vừa hô, họ vừa vung cao tay.

Sau gần cả tiếng đồng hồ hô Trắng tròn, ông thầy bắt đầu hấp hứ thử giọng, rồi bắt đầu giao giảng. Trong khi giảng, ông thầy thỉnh thoảng giở cuốn sách dày cũ ra xem và lại lấy cái thước - roi chỉ chỉ vào những vật thể trong tranh. Cái cách ông múa may tay và thước, cứ như thuật thôi miên. Tôi liếc mắt sang bên, mọi người há hốc mồm, nghe nuốt lấy từng lời. Họ không còn là họ, mà là những cái xác đờ đẫn, nói gì nghe ấy. Như ông thầy nói, thì đây là bức tranh vẽ về cõi Niết Bàn. Trên ấy sung sướng lắm, Phật Tổ và chúng sinh suốt ngày ăn đào tiên, muốn bao nhiêu cũng được, đào tiên nhiều đến mức, Tôn Ngộ Không, Chư Bát Giới chả thèm ăn vụng nữa, cứ thoải mái xơi. Riêng vườn đào tiên nhà Phật tổ, vườn đào tiên sạch, không dùng thuốc sâu, ăn vào thọ cả tỉ năm. Người trên giới ăn nhiều đào tiên thế, nên thọ cả ức, triệu tuổi. Mọi người nghe đến đoạn này, mặt giãn nở ra sung sướng và ao ước cõi niết bàn.

Nhưng nghe ông thầy nói, tôi thấy lạ, những vật thể trong tranh hình ô van, mà ông bảo rằng: tròn, tròn xoe; lạ nữa là ông bảo, màu nó trắng tinh. Không tin vào mắt mình, tôi dụi dụi mấy cái, vẫn thấy nó thế, tức là vẫn ô van méo... xệch và màu đỏ tươi. Lại sợ cả tai nghe nhầm, tôi ngoáy ngoáy tai mấy bận, để nghe cho rõ hơn, vẫn thế:

- Trắng... tròn.

Lạ không?

Chợt ông thầy chữa thước - roi vào một người, kẻ kia háp tấp đứng bật dậy. Thầy hỏi:

- Nó hình gì?

Người kia đáp ngay:

- Trắng .... Tròn

-

Ông thầy khua thước - roi xuống hết lượt học viên, tức thời tất cả học viên đồng loạt đứng bật lên, đồng thanh hô, hô to, hô náo nhiệt, hô phồng mang trợn má, hô phọt cả nước bọt ra, tiếng hô làm rung chuyển cả hội trường. Tôi không tin vào tai mình, những tiếng hô trời long, đất lở:

- Trắng.... tròn....

Rồi đến giờ thực hành, mỗi người một bản toan, một bút vẽ và một hộp màu giống y hệt nhau. Ông thầy vẽ những đường vòng vèo, vuông, tam giác, có cả tua rua nữa. Ông thầy bảo: Bây giờ phải vẽ như thế, tranh mới bán, mới hội nhập được. Càng lạ hơn khi ông hướng dẫn cách thức pha màu. Tôi thấy, cách thức pha màu giống kiểu pha màu Nước Trái Đất chúng ta, nhưng ông lại kèm thêm cụm từ... Mặt Trăng, tức là kiểu pha màu mới, Trái đất - Mặt trăng. Ông

tâm đắc lắm vì phát minh ra kiểu gọi ấy – kiểu ái nam ái nữ khác người này. Ông ví, nó là phát kiến vĩ đại số 1, kể từ khi loài người xuất hiện trên hệ Mặt Trời.

Lạ quá, cách pha màu của hai nơi khác nhau - Mặt Trăng và Trái Đất. Nó khác như nước với lửa, ghép vào nhau làm sao được! Pha kiểu ấy, tranh không ra tranh, ảnh chẳng ra ảnh. Đang pha mẫu, ông quay xuống hỏi:

- Cách này là cách gì?

Mọi người đồng thanh hô:

- Trắng.... tròn. Kiểu pha Trái đất - Mặt Trăng, phát minh vĩ đại số một của nhân loại!

Tôi nhìn thấy cả chú Cuội và chị Hằng Nga cũng hô vậy.

Thấy tôi không hô, ông thày từ trên bục cao, nhảy sấn xuống, quật luôn một thước - roi lên đầu tôi, tôi vội vàng hô to: Trắng ... tròn vạn vạn tuế. Kiểu pha Trái Đất - Mặt Trăng, phát kiến vĩ đại số một...

Cái quật làm tôi tỉnh giấc, tỉnh mà miệng vẫn lẩm bẩm: Trắng.... tròn....

Bây giờ về mặt đất rồi, hôm nào rồi, tôi sẽ gửi lên mặt trăng đám tranh siêu thực, mấy cuốn sách dạy vẽ nữa, chứ trên ấy, chỉ có mỗi bức tranh mẫu và cuốn sách bằng tiếng mặt trời kia, không ai hiểu viết gì, vẽ gì... ,nhưng tôi sẽ chua dòng chữ:

Đây là dòng tranh siêu thực và đã bắt chước vẽ theo tranh siêu thực, thì phải gọi là tranh siêu thực, không thể gọi là: Trắng.... tròn....



Tôi chỉ lo, không rõ trên ấy họ có nhận không, có gọi đúng tên của dòng tranh họ sẽ phải học, sẽ phải vẽ, sẽ phải pha màu như vậy, hay họ lại sáng tạo ra tên gọi: Dòng tranh siêu - hiện thực....Trắng... tròn? /.

## **Trọng Huân**

### **Ra mắt người yêu**

Nàng đẹp, đẹp mê hồn. Một thân hình mảnh mai, kiều diễm. Đã lâu lắm rồi mới có bóng hồng làm tôi thăng thốt, mới hợp được hồn tôi. Tôi cứ tưởng rằng, sẽ không còn một ai nữa, có thể làm tôi rung động. Tôi đã từng yêu và từng đau khổ. Chỉ có người nào trải qua chuyện tình ái, mới thấy cái khốn khổ, day dứt của yêu. Nó hành hạ ta mọi lúc, mọi nơi, kể cả trong giấc ngủ. Chúng tôi yêu nhau thuở phổ thông, một mối tình trong trắng. Tôi vào đại học, em trung cấp, rồi em ra trường, tôi vẫn dang dở đại học. Oái ăm thay, con gái có thì, gia đình em thúc giục, hoặc là tôi phải cưới, hoặc em phải chấp nhận một đám đang mối mai, theo đuổi. Tôi vẫn còn đi học, lo cho bản thân chưa xong, có lo được cho vợ, con không? Cuối cùng, nàng đau khổ lên xe hoa, còn tôi, đến mấy tháng trời, đơ đơ như kẻ mất hồn. Cứ tưởng rằng, không bao giờ có thể cũn rung động trước một người đẹp nào nữa. Thế mà...

Tôi vừa dọn tới căn phòng này. Căn phòng nằm trong khu chung cư cao tầng, giá thuê năm trăm nghìn một tháng. Từ cửa sổ căn phòng nhà tôi thò nhìn xuống, thấy toà biệt thự giáp ngay khu chung cư. Nhìn căn nhà, biết ngay là chủ nhân của nó, có đầu óc kiến trúc và thẩm mỹ. Người thiết kế phải là tay có mả, có nghề. Toà biệt thự đường nét hài hoà, bố trí thật hợp lý. Phần trước nhà để một khoảng sân nhỏ và khoảnh đất trồng hoa, trồng cây cảnh.

Ngay buổi sáng đầu tiên tôi dọn tới, bắt chợt tôi nhìn thấy nàng. Nàng áo phong, quần bò, cưỡi chiếc @. Nàng còn trẻ lắm, quãng mười tám, đôi mươi. Nhìn dáng vẻ nàng, có thể đoán là sinh viên. Từ lúc ấy, hình bóng nàng luôn lớn vồn trong tâm trí tôi. Quãng năm giờ, năm rưỡi chiều hùm dú, vừa nghe tiếng còi xe máy bim bim, tôi đã vội ra bên khung cửa. Sau tiếng chuông bính bong, một bà già mau mắn chạy ra. Về tuổi tác thì người đó không thể là mẹ nàng, vì bà ta hơi già. Cũng không thể là bà của nàng, vì cách ăn mặc quê mùa, không tương xứng cương vị bà chủ. Bà ta chỉ có thể là người giúp việc. Nàng khẽ mỉm cười, chào bà già. Nàng cười, nhõn càng thêm quyến rũ. Nàng thật là con người nhân ái, đến kẻ giúp việc cũng cởi mở, nhẹ nhàng.

Từ căn phòng mình, tôi có thể quan sát ngôi biệt thự nhà nàng. Qua cách bài trí và các ô cửa, biết tầng một kia là phòng khách, phòng ăn, ga ra để xe. Lên tầng hai là phòng ngủ, phòng học.... Ngay sáng ngày thứ hai, kể từ khi tôi dọn về đây, mới sáng tinh mơ, tôi đã đứng bên khung cửa sổ, nhìn xuống nhà nàng. Tôi thấy nàng đang dạo quanh mấy khóm hoa. Trong bộ đồ ngủ mong manh, trắng muốt, trông nàng càng thêm vẻ ngây thơ, trong trắng. Phải công nhận rằng, nàng mặc bộ đồ kiểu gì cũng đẹp. Kia, nàng đang cúi xuống. Hình

như nàng thì thầm gì đó với mấy khóm hoa. Rồi nàng áp nhẹ má và chột thoáng cười với chúng. Nàng khuất sau khung cửa từ lâu rồi, mà tôi vẫn đứng bên ô cửa sổ. Tôi đứng đó mà tưởng tượng, trong phòng khách, nàng đang chăm chút cắt tỉa mấy nhành hoa, cắm chúng vào cái bình pha lê trong suốt. Hương thom lan toả khắp căn phòng. Tôi cứ đứng thế bên khung cửa ước mong nàng ra, để lại được ngấm nàng.

Cho đến tận cuối chiều, có tiếng còi xe con bim bim. Một người đàn ông trạc gần sáu mươi trên chiếc xe con bước xuống. Ấn tượng về ông ta là cái trán hói vượt quá đỉnh đầu. Ông ta là ai? Đáng vẻ ông ta rất tự nhiên, quen thuộc nơi này. Chắc chắn ông ta là chủ nhân của căn biệt thự. Nàng xuất hiện bên khung cửa, vui vẻ ra đón người đàn ông kia. Họ vui vẻ nói chuyện với nhau gì đó. Nàng nhí nhảnh nhìn ông, nàng còn đưa tay lên vuốt cổ áo của người đàn ông và đỡ chiếc va li ông ta lấy ra từ trong cốp xe. Có thể đoán người đó là cha của nàng. Ông ta vừa sau một chuyến công cán xa về và con gái, tức là nàng, gặp lại cha sau nhiều ngày xa cách, nũng nịu, âu yếm với cha. Buổi sáng hôm sau, khi người đàn ông ra xe, chắc là ông ta đến công sở, nàng nhí nhảnh tiễn cha. Khi ông đã ngồi trong xe, nàng đưa tay hôn gió, chào tạm biệt. Tận đến khi bà già giúp việc đóng cổng, quay lại, nàng mới vào nhà. Đã mấy ngày rồi, cảnh ấy lặp đi lặp lại. Sao nhà họ chỉ có hai bố con thôi nhỉ? Thế còn mẹ nàng đâu? Từ hôm tôi tới đây, không thấy mẹ nàng xuất hiện? Có thể bà đang công tác xa. Hay mẹ nàng đã mất? Rất có thể. Thảo nào, ông bố có vẻ rất quan tâm, chăm sóc đến con gái và nàng, cũng dành tình cảm âu yếm, quyến luyến cha.

Hình bóng nàng cứ luẩn quẩn trong đầu óc tôi. Tôi đã yêu nàng rồi

ư? Tôi nghĩ ngợi, xem có cách nào tiếp cận được nàng. Ừ, tôi chợt nghĩ ra, có lẽ phải phôn cho thằng bạn. Nó là một bậc thầy trong chuyện yêu đương. Nhưng tôi nghĩ lại, không khéo lại mang mớ đến miệng mèo. Trong đám bạn đại học, tôi chỉ có vài ba đứa bạn gọi là thân. Mấy đứa sau khi ra trường, đều chia tay Hà Nội. Duy còn Vũ, thằng bạn người Hà Nội, đang sống ở Thủ đô. Tôi chơi với Vũ xuất phát từ chuyện học hành. Trong lớp, học lực đứng sau tôi là đến Vũ. Vì mền phục học lực của tôi, dù tôi là một anh chàng tỉnh lẻ, Vũ vẫn chơi thân với tôi. Khác với tôi, Vũ đẹp trai, hào hoa. Riêng cái khoản đàn bà, con gái, thì tôi xách dộp cho hấn. Chỉ riêng mấy năm đại học, sơ sơ tôi biết, Vũ đã yêu đến cả tá các em, em trong khoa, em trong trường,... Vũ từng tuyên bố, đàn ông yêu là chinh phục, là thưởng thức và bái bai. Cái màn yêu của Vũ thường diễn ra như sau: tặng quà, mời em đi nhà hàng, vũ trường và sau đó, tổng kết tình yêu trên chiếc giường trong một khách sạn nào đó.

Hồi còn đang học, đôi ba lần Vũ rủ tôi đến nhà chơi. Kinh tế gia đình Vũ khá giả. Vũ có người chị gái. Chị đã lấy chồng, hiện cùng chồng công tác ở đại sứ quán một nước Tây Âu. Còn nghe nói, bố Vũ cũng làm một chức khá to, hình như là Tổng giám đốc một Tổng công ty nào đó. Công việc kinh doanh bận rộn, ông thường vắng nhà. Cũng vì vậy mà tôi chưa lần nào được gặp mặt ông. Tôi ít đến nhà Vũ một phần vì tự ti, mặc cảm, mình dân quê. Kể cả mấy năm nay, khi đã ra trường, đôi lần Vũ rủ, tôi đều khéo léo từ chối. Bạn bè có gặp gỡ nhau, thì rủ ra quán, nhâm nhi tách cà phê, hay bù khú vỉa bia. Tuần trước tôi mới gặp Vũ. Vừa gặp, anh chàng đã thì thầm khoe, đang có người yêu. Thái độ Vũ lần này khác hẳn: "Ông ạ, có lẽ tôi sắp cưới vợ". Chắc anh chàng lần này yêu thật rồi. Tôi hỏi đùa:

"Chắc không? Đã đến bước vũ trường chưa, hay sắp sửa tới bước, rước nàng đến khách sạn."

Cả buổi tối anh chàng say sưa kể về mối tình sét đánh, về việc làm quen với nàng. Đúng là lần này nó yêu thật. Tôi hỏi nàng ở đâu, làm gì, Vũ nháy mắt ra vẻ bí mật. Vũ hẹn hôm nào đó sẽ ra mắt người yêu. Thế rồi mấy lần anh chàng hẹn hò, nhưng đều không thấy gì cả. Sáng chủ nhật tôi đang đứng bên cửa sổ để đón nàng. Bảy giờ, bảy rưỡi, vẫn không thấy bóng hồng đâu. Mấy hôm nay, hình như cha nàng lại đi công tác xa, không thấy ông ta về. Nhìn xuống phòng nàng, cửa sổ vẫn khép, chỉ có bà giúp việc hý hoáy lau dọn ngoài sân. Chợt chuông điện thoại của tôi reo. Nhấn máy, tiếng Vũ oang oang. Vũ bảo tôi đến quán cà phê mà chúng tôi thường hay ngồi. Cậu ta còn úp mở, sẽ ra mắt người yêu.

Tôi đóng bộ, không quên xịt chút nước hoa. Dù sao cũng phải lịch sự trước người yêu của bạn. Không biết người yêu của Vũ xinh đến mức nào, có bằng nàng của mình không? Chắc chắn không thể bằng nàng được rồi. Tôi mỉm cười, thoáng chút tự hào. Chắc khi tôi ra mắt nàng với Vũ, anh chàng phải tròn xoe mắt.

Ngồi trong quán, tôi nhồm nghi tách cà phê, thả hồn theo điệu tâng gô êm dịu. Kìa, anh chàng Vũ đã đến. Tôi sửng sờ. Trời ơi, sao lại có chuyện lạ lùng đến thế. Người mà Vũ say sưa kể, say sưa yêu, lại chính là nàng. Tôi từng ao ước được làm quen, trò chuyện nhìn ngắm em. Vậy mà nay tôi ngồi như trời trồng. Nhìn vẻ ngơ ngẩn của tôi, anh chàng Vũ có vẻ sung sướng lắm. Vũ tưởng tôi đang ngẩn ngơ trước vẻ đẹp của người yêu mình. Nàng nhí nhảnh, hồn nhiên nói chuyện với Vũ. Còn tôi, thỉnh thoảng mới ảm ớ được một câu. Thời gian trôi đi. Nàng đang hào hứng câu chuyện, chợt chuông điện

thoại reo. Rất ý tứ, nàng xin lỗi, đứng lên. Khi quay lại, nàng có vẻ lúng túng. Đoán ra, anh chàng Vũ vội hỏi. Nàng nói có chút việc riêng, mấy cô bạn cũ hẹn gặp nhau. Vì mãi nói chuyện, nên quá giờ, họ gọi điện thoại nhắc. Nói rồi nàng xin lỗi, phải chia tay. Anh chàng Vũ vội vàng đứng lên. Nàng nói gì đó, cuối cùng anh chàng đành tẽn tẽn ở lại.

Nàng đi rồi, chỉ còn lại hai đứa chúng tôi. Trong lúc trò chuyện, mấy lần định nói, tôi cũng biết đôi chút về nàng. Nhưng nghĩ lại, thôi đành để lúc khác. Ngồi nói chuyện một lúc, Vũ rủ tôi về nhà cậu ta. Vũ nói, chủ nhật, tôi có việc gì mà vội. Mẹ Vũ gặp tôi rất vui vẻ, xởi lởi bà hỏi tôi là đã biết người yêu của Vũ chưa. Bà còn nói: "Bác mới chỉ nghe thằng Vũ khoe, chứ đã được nhìn thấy mặt mũi gì đâu." Vũ phấn khởi khoe với mẹ, cậu ta vừa ra mắt người yêu với bạn. Trưa đó tôi ở lại dựng cơm với họ. Tận đến lúc dọn cơm, vẫn không thấy bố Vũ đâu, chỉ nghe mẹ Vũ nhắc: "Sao giờ này bố con vẫn chưa về". Bà còn nói, ông ấy lại chuẩn bị cú chuy?n công tác mấy ngày. Vũ nói, cứ ăn cơm trước, đợi biết đến khi nào. Chúng tôi vừa vào mâm, thì có tiếng xe con, mẹ Vũ vội vàng ra mở cổng. Một bất ngờ nữa lại đến với tôi, bất ngờ hơn cả khi nàng xuất hiện, bố Vũ chính là người đàn ông trong căn biệt thự giáp bên nhà tôi.

Sao, sao lại là ông ta được nhỉ. Thế còn nàng là ai? Trong bữa ăn, bao câu hỏi cứ lờn vờn đặt ra trong đầu óc tôi. Hay nàng là con riêng của ông. Vậy thì mẹ con Vũ không hề hay biết. Khi nhắc tới chồng, không thấy mẹ con Vũ nói điều gì giận dỗi, hay có một ẩn ý nào. Bà chỉ phàn nàn, ông thường vắng nhà, với những chuyến công tác xa.

Bố Vũ có vẻ là người kiêu kì. Ông chỉ hỏi thăm tôi qua loa, rồi ngồi

vào bàn ăn. Câu chuyện của ông với Vũ và vợ cũng bình thường, không hề có dấu hiệu nào của một gia đình rạn nứt. Tụi thoáng nhìn lại Vũ, có lẽ Vũ và nàng là anh em thật rồi. Họ có những đường nét rất giống nhau, sống mũi cao, hàng lông mi cong vút,.... Ôi, thế thì khổ thân cho anh chàng Vũ quá. Đúng lúc thật yêu, lại gặp phải cảnh trở trêu này. Tôi phải nói cho Vũ biết điều này, không thể để cậu ta.... Nhớ ra, họ sẽ ân hận suốt đời. Rồi tôi lại thoáng nghĩ, Vũ là anh trai của nàng, cậu ta sẽ là cầu nối cho tôi đến với nàng. Hay, điều đó hoá ra hay. Nghĩ đến đây tôi lại chợt thấy ân hận, sao mình có thể mừng vui trên sự khổ đau của bạn.

Tụi vừa về đến nhà, thì cơn mưa ập đến. Mưa dai dẳng, hướng gió mưa quất vào khung cửa nhà nàng. Có chút hơi men, lại xúc động vì câu chuyện vừa xảy ra, tôi người bán bức, bèn mở toang cửa sổ. Trời vẫn mưa như trút nước, sấm chớp ùng đoàng. Trong cơn mưa thoáng nghe tiếng còi xe con bim bim. Nhìn xuống sân, thấy bà già giúp việc bị bõm đội mưa ra mở cổng. Đúng là một người cha có trách nhiệm, ông đã kịp về che chở cho con gái yêu trong đêm giông gió.

Tôi lại thoáng nghĩ đến Vũ. Bằng cách nào đây để Vũ biết về người em gái cùng cha khác mẹ với mình? À hay là tôi sẽ rủ Vũ đến đây. Trên khung cửa này, Vũ sẽ nhận ra cái điều mà bố cậu ta từ lâu vẫn giấu diếm. Đang miên man suy nghĩ và chăm ch?m nhìn vào dờm đen mưa gió. Bất chợt một cơn gió quật mạnh, gió giật làm bật tung cánh cửa sổ trên tầng hai nhà nàng. Ngay sau ô cửa, dưới ánh đèn, một cảnh tượng đập vào mắt tôi, nàng và người đàn ông đang xoắn bện vào nhau./.

- Hà Nội 2004 -

## Thật Mặt

Hoàng đến chơi. Quái lạ thái độ anh chàng từ đầu khác hẳn lúc gặp nhau ở cơ quan, cu cậu lạnh lạnh nói năng xã giao, nhất là đối đáp với Vân, vợ tôi. Hay Hoàng tránh sự hiểu lầm không đáng có, quan hệ bạn bè đàn ông với nhau khác, vợ con người ta cần giữ khoảng cách? Tôi và Hoàng bạn bè phổ thông, làm gì phải giữ kẽ thế. Trước nó có ý tứ vậy đâu? Khéo tay này muộn vợ nên hâm mát rồi. Tuy không thân thiết nhưng Hoàng và tôi biết nhau từ thuở tấm trường, rồi cấp II, cấp III. Không như tôi số phận êm đềm, một mạch phổ thông, tiếp đại học là ra trường. Hoàng chưa có giấy gọi kết quả thi đã nhập ngũ, bốn năm tham gia cuộc chiến Tây Nam, ra quân, học đại học ở TP.HCM, rồi công tác luôn nơi thành phố phía Nam xa xôi đó. Được mấy năm, chán cảnh xa nhà và vẫn độc thân, Hoàng chuyển ra Hà Nội. Thật vô tình anh, chàng về đúng cơ quan tôi. Mười mấy năm gặp lại nhau, Hoàng như không thay đổi, vẫn vẻ ngang tàng bất cần xưa, chỉ già đi chút ít. Chính điều ấy làm hẳn thêm vẻ phong trần, mẫu đàn ông mà phụ nữ thường hâm mộ.

Cuộc đến thăm của Hoàng vợ tôi không bất ngờ, Vân tôi điểm khá kỹ, dù sao cũng là bạn phổ thông, đồng nghiệp của chồng. Khoản trang



điểm thì Vân rất chu đáo, nàng soi soi ngắm ngắm trước gương. Phấn son trang điểm nhiều khi cũng rách việc. Nhưng hôm nay thư thả, lại lần đầu bạn đến thăm gia đình mình, anh chồng nào chẳng thích vợ đẹp, con khôn giới thiệu. Trái với mọi khi, ngay lúc giáp mặt Hoàng, thái độ vợ tôi gường gượng. Kiểu lịch lãm, pha chút kiêu kỳ, điều mà lâu nay tôi vẫn ngằm tự hào về vợ với bạn bè, bỗng hôm nay biến mất. Vân xã giao thế nào ấy. Tôi nghĩ, có lẽ thái độ anh chàng Hoàng khinh khỉnh làm vợ tôi phật ý. Đàn bà là như vậy đấy, họ thường để ý những điều nhỏ nhặt trong giao tiếp, mà đàn ông nhiều khi vô tình, không để ý. Vân lấy cốc bếp núc, đứng lên:

- Anh Hoàng, vợ chồng Vân... à, vợ chồng tôi mời anh ở lại xơi cơm. Các anh ngồi chơi, tôi chỉ ù ra chợ...

- Thôi thôi,... chị Vân, để lần sau! Còn nhiều dịp nữa mà!- Hoàng xua tay ngăn- Bọn tôi có chút việc...!

Lúc mời Hoàng nhận lời, sao giờ lại từ chối? Chuyện tôi đưa cậu ta tới nhà ông trưởng phòng tổ chức, gì phải vội. Thực ra đây chỉ là cuộc gặp mặt cho anh em quen biết, sau quan hệ thêm thân tình, chứ thủ tục về cơ quan, xong hết cả rồi. Hoàng là trường hợp điều động, quyết định của Bộ, đâu phải phiên luy ai. Nghĩ bạn chối từ vì có lý do khác nên tôi không nài, mà bảo vợ, tôi sẽ đi cùng Hoàng. Sau cuộc thăm viếng ông trưởng phòng tổ chức, chúng tôi kéo nhau vào quán bia làm châu lai rai, mười mấy năm trời mới có dịp hàn huyên.

- Này ông, bà xã ông trông... - trong lúc uống Hoàng nói - Tay này tằm ngằm tằm ngằm - chợt cậu ta cười - Đàn bà tướng thế, kiêu phải biết...

Biết mình lỡ lời, Hoàng lảng nhanh sang chuyện khác. Câu buông lửng, nhất là cái chất giọng của nó, tôi hiểu cậu ta định nói gì. Chính

cái vẻ kiêu kỳ của Vân, để ngay lần gặp đầu, nàng đã hút hồn tôi. Và cả cho đến bây giờ, sau gần chục năm vẫn vậy. Ngồi quán lai rai tới chín, mười giờ, chúng tôi chia tay. Thấy tôi về, Vân cần nhằn trách chồng la cà. Đánh bài lỏng tôi hỏi vợ:

- à, em thấy... anh chàng Hoàng thế nào?

- Thế nào... Em thấy cái mặt... khinh khỉnh! ... Làm như ... mình là người phải cầu cạnh anh ta không bằng!

- Ồ! Trông lạnh thế thôi. Không hiểu sao, hôm nay cu cậu rụt lưỡi. Thằng cha có tiếng dẻo mỏ. Vì khiếu nói của nó, hồi phổ thông khối em mê mệt đấy!

- Mê mệt mà giờ bặm máy nhát vẫn ế. Em ... không tin cái mặt... anh chàng ấy!

Ô hay, sao cả hai người như không ưa nhau- tôi nghĩ. Hoàng thì lúc uống bia lữ lờ nhấc, dù cậu ta chưa nói hẳn ra. Còn bà xã tôi, thẳng tưng, không ưa cậu ta. Người ta bảo, kị vía khéo là chuyện có thật. Chẳng hạn như hai người chưa quen biết, họ đều tốt, nhưng ngay lần đầu gặp đã không thiện cảm với nhau. Vợ tôi và Hoàng chắc là trường hợp như vậy.

Hoàng vốn có năng lực. Về cơ quan tôi cậu ta nhanh chóng tạo được chỗ đứng, uy tín trong cơ quan, chỉ ba năm sau, anh chàng được đề bạt. Hoàng và tôi là bạn bè thân thiết, còn trong công việc, đưa trưởng đưa phó phòng, ê kíp làm việc khá ăn ý. Hoàng vẫn chưa vợ. Đã nói cậu ta khoản này đâu kém. Chỉ sơ sơ cơ quan đã mấy em theo. Lần cùng đi công tác miền Trung, tôi tận mắt chứng kiến, bé nhà khách mới gặp đã mét cu cậu. Mấy năm sống miền Nam, phong cách anh hai Hoàng chịu chơi, ga lăng, làm gì các em không mê. Chuyện công tác ấy, một hai giờ sáng tôi còn phải dậy mở cửa

phòng cho cu cậu, tôi đùa:

- Này, cẩn thận! Kiểu đi công tác với mày, có bận tao bị cắt tai. Nghe nói con bé nhà khách có người yêu sắp cưới rồi đấy. Thôi ông tha cho con người ta. Đến chú rể ông cũng cho mọc sừng à?

Nghe tôi nói Hoàng cười hô hố:

- Bố có vợ đẹp để yêu, chứ thằng này gần bốn mươi, vẫn phòng không. Bao giờ như bố, và cả bao giờ đàn bà hết lẳng, con sẽ tu...

Mà ông xem, trước người yêu, cô nàng nhà khách vẫn thỏ thẻ, trong trắng, đáng yêu goá sá hà... Đàn bà đều vậy tuốt!

Nhân nhắc đến chuyện vợ tôi và suy nghĩ về đàn bà mà Hoàng vừa nói, tôi đâu tán thành: Không phải đàn bà tất cả đều lẳng vậy đâu.

Vân, vợ tôi, nàng đoan trang. Trong mắt em chỉ có người đàn ông, ấy là chồng. Ngay việc xử sự của vợ tôi với Hoàng chẳng là một ví dụ.

Những lần Hoàng đến chơi sau này, Vân giữ thái độ lịch sự, xã giao, đủ mức tiếp bạn chồng. Có lẽ Hoàng nhận ra điều đó nên cậu ta tránh, ít tới nhà tôi. Hoàng và tôi có bù khú thì gặp nhau nơi quán xá hoặc đợt cùng đi công tác. Vạn bất đắc dĩ phải đến, cu cậu gượng gập. Tôi vẫn ngầm quan sát, thử làm cuộc trắc nghiệm sự kị vía của vợ tôi và Hoàng.

Ngay trước chuyến đi này, tôi suýt phì cười về biểu hiện ngược vĩa nhau của họ. Chuyện từ cái gương. Lâu rồi tôi vào công tác TP.

HCM, lúc ấy thời kinh tế khó khăn, hàng hoá hiếm hoi. Một bận dạo chợ đồ cũ, có ý gặp gì hay hay thì mua, chợt tôi thấy chiếc

gương với dáng khung khá đẹp. Người bán giới thiệu, gương Pháp.

Điều đặc biệt, trên khung khắc hàng chữ tặng một nhà thơ, tôi vốn

hâm mộ. Ông chủ có thú sưu tầm, nay túng bán, đành bán. Máu lãng mạn nổi lên, tôi mua lại chiếc gương. Rất may đem về, bà xã thích,

cô ấy khen, gương soi đẹp, thật mặt! Vợ tôi thường ngắm mình trong gương. Trước hôm chúng tôi đi công tác miền Nam, Hoàng đến vì việc đột xuất, cần bàn về số người phải thay đổi. Khi qua chiếc gương, đốc chúng thế nào, cu cậu lại soi soi, ngắm ngắm, rồi buông câu: “Cái gương này không thật, cứ giả giả, nhờn nhờn...” Hình dung mặt vợ, tôi không dám nhìn, chỉ sợ phá lên cười. Đánh mắt vào gương, qua góc chiếu, vô tình tôi thấy chiếc áo của Hoàng nhóng nhánh, nom đến lạ. Thoáng gặp cả ánh mắt Vân, chắc vợ tôi khó chịu lắm. Đúng là cái anh chàng Hoàng đoảng, chả chút tâm lý, thảo nào, gần bốn mươi vẫn ế.

\* \* \*

Nhóm công tác chúng tôi kết thúc bước một ở TP.HCM. Toàn dân ham nhậu, nên nhân có tách đoàn, anh em tổ chức bữa lai rai tại một nhà hàng. Giữa cuộc nhậu Hoàng mới dẫn xác tới, nó dắt theo cô em trông khá mũm mĩm. Vẫn nghe Hoàng nhắc cô bồ cũ này, hiện chồng nàng- chàng Việt kiều bay qua Mỹ vì công việc làm ăn của hắn. “Thôi kệ xác, đó là việc riêng của nó. Bằng tuổi nhau nhưng hắn sống khác mình, lông bông quá”- một thoáng buồn cho bạn trong tôi. Đoàn công tác của chúng tôi chia đôi, Hoàng phụ trách nhóm xuống miền Tây, công việc ở đấy dự kiến khoảng hai mươi hôm mới xong. Tôi dẫn nhóm bay ra miền Trung. “Cố hoàn thành nhanh. Sao nhớ con gái, nhớ Vân thế”- tôi nghĩ. Công việc dự định hai tuần, vậy mà mười hôm đã hòm hòm.

Sân bay Nội Bài tiết đông, hơn năm giờ chiều trời đã nhập nhoạng. Cái rét căm căm làm người ta muốn nhanh nhanh tới nhà. Leo cầu thang tôi tưởng tượng cảnh con gái ngạc nhiên, mắt tròn xoe, và cảnh Vân âu yếm nhìn chồng. Gần 10 năm chung sống, nhưng sao

mỗi lần diễn ra cảnh ấy, vẫn diễn ra trong tôi cái thuở nào. Vẫn có ý thích khá trẻ con, đón chờ những món quà sau mỗi chuyến công tác tôi mang về tặng. Không nhất thiết phải là thứ đồ đắt giá. Món quà có khi chỉ là quả thông già Đà Lạt, hoặc một nhánh san hô cũng làm em thích thú. Lần công tác này, tuy vội vàng, tôi vẫn không quên dành mấy buổi trưa, lang thang khắp mấy cửa hàng bán đồ kỷ niệm dọc phố biển Nha Trang. Tôi cố tìm những con ốc hình thù kỳ dị và nhất thiết nó phải là màu trắng. EM sẽ hiểu ngầm ý món quà của tôi.

Giơ tay đẩy cửa, tôi thất vọng, cửa khoá. Họ đi đâu thế nhỉ, trong cái thời tiết rét mướt này? Chắc quanh quần hàng xóm đâu đây, nhà vẫn sáng đèn. Tôi tra khoá mở, nghĩ: Càng hay! Tý nữa mẹ con thêm bất ngờ. Chợt tôi như có tiếng người lào tháo trong nhà? Trộm? Biết mẹ con vắng nhà, chúng lén vào. Nép vội góc khuất hành lang, tôi quan sát phòng khách. Đúng, có cái gì di động. Rất may, chéch chỗ tôi đứng là chiếc gương, có thể quan sát phòng khách mà kẻ trộm không nhìn thấy. Kia, nó di động. Tôi nín thở nhìn tên trộm. Sao nó nhóng nhánh, nhóng nhánh. Hình như nó thấy động? Vừa nãy nó còn nhấp nhoáng, giờ im. Chắc nó thế thủ, phòng tôi. Tiếc là phòng khách hơi tối. Hừ, không phải một đũa, vì có tiếng thì thào. Chắc chúng bàn bạc cách đối phó. Quái lạ, cảnh di động nhóng nhánh quen quen, tôi đã gặp ở đâu? Đánh mắt nhìn sang phía tường chéch chiếc gương, chỗ này đến sáng hơn, từ nãy tôi không chú ý. Bất chợt nhìn trên giá treo, tôi chợt hiểu ra, mình làm, làm gì có trộm. ánh nhóng nhánh, di động kia, là luồng phản chiếu của chiếc áo trên móc... Nhưng ô hay... sao cái áo ấy lại ở đây? Một lần nữa tôi nhìn vào gương, nó vẫn nhóng nhánh. Còn chưa tin, tôi tiến lại gần, chạm

cả tay vào chiếc áo. Tôi nhăm, chứ gương Pháp, gương ý nhăm lẫn làm sao được. Đúng, cái áo của thằng Hoàng, bạn tôi(!)

### **Tiếng cười quả báo**

Ngõ nhỏ ngoại ô. Thằng bé đu trên chần song cửa. Chân tay nó co rút, seọ nham nhở. Vết bông kéo nhằng, che tịt một phía, không nhìn rõ trông mắt. Ai đi qua nó đều nhí nhố gọi ra:

- Chú chú... bác bác... bố bố...

Tiếng gọi chưa dứt thì chuỗi cười hềnh hệch trên cao dội xuống. Đó là tiếng cười của đứa trẻ ở gác hai nhà đối diện đập xuống. Tiếng cười, tiếng gọi hú đuổi nhau, ngõ vắng khách lạ sồn gai ốc, rảo gót bước nhanh, còn dân ngõ chỉ biết thờ dài...

\* \* \*

Vị thiếu tá quân y bước vào ngõ, anh phân vân dừng lại trước nhà có thằng bé tàn tật. Viên sĩ quan tìm nhà ai? Thấy khách, đứa trẻ ríu rít:

-“Chú chú... bác bác... bố bố...”

\* \* \*

Thằng bé cười trên gác là con gã đàn ông nhà đối diện, nó bị ngẩn ngơ; đứa trẻ tàn tật là con người phụ nữ lỡ thì. Một thời người phụ nữ ấy xinh đẹp lắm, cô từng là thanh niên xung phong tuyến đường

Trường Sơn. Tuổi trẻ qua đi trong năm tháng chiến tranh. Hoà bình cô khoác ba lô về, nhà cô sâu hoắm hố bom, trận mưa hai ngày đêm Mỹ bắn phá Hà Nội. Không bố mẹ, anh em, đến nắm mồ thấp hương cũng là mộ giả. Đang lúc cô gái khóc trước “nhà”, mấy người hàng xóm và bà lão mù khua gậy đến an ủi. Cô gái về ở với bà cụ. Cuộc sống mặt trận và hậu phương khác nhau quá. Mấy năm cô gái mới quen thì bà cụ trăm tuổi ra đi. Cô lại thui thủi đơn cô. Và khi nhìn lại mình, tuổi trẻ lùi xa mất rồi, cô thành gái quá thì trong ngõ nhỏ ngoại ô ấy.

Người chẳng có gì, kẻ thừa mứa, đủ đầy. Gã đàn ông đối diện: căn nhà ba tầng bề thế, chồng-phó giám đốc một công ty, vợ- nhân viên ngân hàng. Nhà họ gần nhau, tiếng động bên này, bên kia nghe rõ. Buổi tối tiếng lũ trẻ hay cô vợ trẻ cười đùa vọng sang, người phụ nữ độc thân nghe rõ mồn một. Qua âm thanh cô mừng tượng cảnh diễn ra bên kia, khi thì người bố giả làm ngựa, hai trẻ cưỡi, cười như nấc nẻ; lúc lại cảnh mẹ trêu con đánh yêu chồng, cô vợ trẻ cười tiếng cười trong vắt...

Đêm. Gió đập cửa thình thình. Người phụ nữ trở mình đè lên con búp bê nhựa. Con búp bê cô nhặt được, không rõ ai đã vứt đi. Nó cũ kỹ, tóc rối, váy áo xộc xệch, nhưng cô vẫn thấy đẹp. Hồi bé, cô thích chơi búp bê lắm. Loại bây giờ hồi ấy làm gì có, toàn búp bê vải, các mảnh vụn từ những tấm áo cũ mẹ cô xé cho. Thành lệ, từ hôm nhặt được con búp bê, trước khi đi ngủ, cô mang nó ra bông bế, trò chuyện. Ngắm nó, cô càng khát khao được làm mẹ. -“Ước gì mình có con! Con ơi... mẹ sẽ dành dụm, mua một con búp bê thật mới, thật đẹp tặng con...”. ý nghĩ miên man, đêm dài ra, cô thao thức không ngủ.

Dân trong ngõ cho anh hàng xóm là quá đầy đủ, sung sướng. Người đàn ông đâu nghĩ thế, anh ta vẫn thấy thiếu thằng con trai. Vậy nên anh ta âm thầm mưu tính, dù cô vợ sư tử Hà Đông và bao thứ “rách việc” khác, phải kiếm bằng được thằng con trai. Gã đã thoáng nghĩ tới cô hàng xóm lỡ thì rồi vội gạt đi: -“Hừ... sao chàng mang được. Tính vẻ khô khan. Ngựa đàn bà ấy khó đăm đăm, trông thì biết...”

Chẳng rõ từ khi nào, quẩy gánh hàng đi chợ, người phụ nữ vô tình hay liếc sang nhà đối diện. Sáng ấy gã hàng xóm đứng trên ban công. Ngẫu nhiên ánh mắt họ chạm nhau, người phụ nữ đỏ mặt, bối rối nhìn nhanh đi nơi khác. Gã đàn ông nhận ra ngay. Hấn nhếch mép cười, nghĩ: -“Ta khờ quá! Mỡ kè miệng mèo, mèo không xoi. ừ, trông được, khá là đàng khác. Chà chà, một cuộc trao đổi đôi bên cùng lợi: Thị thèm khát đàn ông, mình cần thằng con trai. Ta sẽ chu cấp. Mà thân một mình, làm gì không có vốn ăn vốn đẻ, đủ nuôi con... Hà... hà... cái giống đàn bà, tốt mơn, ruột gan tuôn ra hết, có khi còn cơm no, bò cưỡi”. Hấn cười khùng khục trước tưởng tượng đó, lạng bạng bước xuống gác, vợ con tròn mắt ngạc nhiên, nào biết gã cười gì.

Ngõ vắng. Đêm khuya dường như nghe thấy cả tiếng vỗ cánh đập choạng bầy dơi ăn đêm. Tắt đèn đã lâu người phụ nữ độc thân vẫn thao thức không tài nào chợp mắt nổi. Chợt tiếng gõ cửa khe khẽ, giọng đàn ông thì thầm. Quá quen với cảnh ấy người phụ nữ đâu có bất ngờ sợ hãi. Khuya, những gã đàn ông, nhiều lắm, già có, trẻ có, quen có, lạ có, cả những đứa chỉ đáng tuổi em út chị, giọng chúng méo mó say hay khàn nồng dục vọng- một lũ sống chuồng. Chị ghé tởm. Bất chợt trong trí nhớ cô hiện về câu chuyện năm nào: Hình bóng chàng lái xe và tiếng cười trong trẻo. Lần gặp gỡ cuối cùng bên



nhau chỉ có họ. Nàng ngọt ngào trước thác hôn cuồng si... Tiếng súng vang lên, họ rời nhau trong bịn rịn. Người con gái khoảng ngực mở tung trắng ngần giữa đêm rừng hoang dại. Chia tay không lời từ biệt. Vệt B52 xoá sổ cả đoàn xe. Chàng ra đi. Cho đến lúc ấy giữa tuổi đôi mươi, người trai vẫn chưa trở thành đàn ông.

\* \* \*

Tiếng gõ dai dẳng, giọng nói van xin, nài nỉ. Chị nhận ra kẻ ấy, gã hàng xóm. Đó là tiếng con đực rên khát dục. Chị trở mình giả cất nhịp thở đều như giấc ngủ say mệt nhọc. Ngõ sâu yên ắng trở lại, người phụ nữ vẫn chưa ngủ. Dòng suy nghĩ miên man... Bất chợt ẩn hiện đám ma buồn thương cụ già cô độc - người đón chị về ở cùng. Đám ma duy nhất một vành khăn, chị thất cho hương hồn cụ khỏi tủi. “Nếu sau này mình... đến một vành khăn tang cũng không có nốt”. Nước mắt chị trào chảy. Đêm sau, đêm sau nữa, gã đàn ông vẫn dai dẳng nài gõ. Tới đêm... then cửa không cài, gã run lên vì sung sướng, quáng quàng đẩy cửa lách vào.

- Đứng lại! - giọng nói cất lên ghen ghét- Tôi biết việc mình làm có lỗi với vợ anh. Nhưng tôi... tôi chỉ cần đưa con...

Tiếng người đàn bà nói trong hơi thở. Gã đàn ông mừng rơn. Trời run rúi! Hấn nào ngờ may mắn thế. Hấn có con mà không phải chu cấp. Chính cô ta tự nguyện làm cái việc ấp trứng tu hú. Vô cảm, qua những đêm dài người đàn bà âm thầm chịu đựng, có chăng là xúc cảm về đứa con rõ dần, lớn dần trong chị. Nhận được dấu hiệu làm mẹ đầu tiên chị thông báo ngay và yêu cầu gã chấm dứt như lời hứa. Gã đàn ông nhếch mép cười giữa căn nhà tranh tối tranh sáng. Sau buổi đó gã không tới nữa.

Tháng ngày chờ đợi, cuộc vượt cạn một mình êm xuôi, cặp song

sinh bé gái, bé trai. Ngay đêm đó gã đàn ông mò tới. Người mẹ gượng ngồi dậy, cô định ngăn song chợt nghĩ. -“Thôi để các con một lần hưởng tình phụ tử”. Gã đàn ông sà vào sát giường, chăm chăm nhòm hai đứa bé, rồi xốc vội đứa trẻ trai, dang thẳng cu sát mặt, hấn chườm cái chim lên mũi, lên cằm, ư ứ nựng:

- Chim yêu... giống yêu của bố!

Động, đứa bé cựa quậy, rín rín. “Thằng bố” khùng khực cười, hớp nhanh tia nước. Nhìn cử chỉ đó người mẹ không khỏi xao xuyến. Giá các con có bố... Cô thoáng buồn cho con gái, “bố nó” không hề đoái hoài. Sau bận ấy, mặc người đàn bà phản đối, gã vẫn thậm thụt sang. Hấn nhâng nháo hôn hít thằng bé và để lại chút tiền, tất nhiên người đàn bà khước từ, không lần nào nhận. Cái kim bọc giẻ lâu ngày cũng lòi ra, người vợ trẻ linh cảm thấy, để một lần sững sờ chứng kiến cảnh đêm khuya anh chồng vụng trộm từ căn nhà ấy mò ra. Trên ban công cô chết lặng. Cô muốn xông sang xĩa xói con đàn bà đĩ thoã ngấm ngấm dụ dỗ chim chuột chồng mình. Thế mà hàng ngũ cứ khen ả thế này, ả thế nọ. Thảo nào lâu nay nó tránh mặt mình. Những tưởng ả chữa hoang xấu hổ. Lúc chồng lách cách mở khoá, vờ vịt loạng choạng rượu bia hợp hành cơ quan về muộn, cô vợ lại trấn tĩnh được. “Mình làm thế có phá nổi chúng không? Lão đại gái hay thêm khát thằng con giai?” Người đàn bà cười lạnh lạnh. Anh chồng nghi ngại liếc trộm mà chả thấy vợ nói năng gì. Bẵng đi đã lâu, rồi chợt vợ hấn tuyên bố xanh rờn: đã có mang. Nghe, gã đàn ông hốt hoảng, tíu lên giục vợ nạo thai. Ngọt nhạt không xong hấn định nổi xung hù dọa, cô vợ đổi lại, tiếng rín rít qua kẽ răng, cái chuyện ăn chả ăn nem của hấn. Gã đàn ông thừ mặt.

Gần hai năm sau khi cặp song sinh kia ra đời thì vợ gã đàn ông sinh

con, một bé trai bụ bẫm, tuy cuộc sinh nở khó khăn, phải mổ để cứu ngạt thai nhi. Suýt thì chết cả hai mẹ con. Qua đận sóng gió ấy hẳn nghĩ: Thế vẫn mừng, có đứa nối dõi chính tông rồi. Mà lão thầy bói nói thánh thật, đầu năm rút quẻ lão tán: Sẽ gặp vận xúi nhưng kèm theo lộc lớn, phúc đức tiền tài. Ý rằng lộc phúc đức cùng vận xúi đến liền một lúc. Chà chà, còn lộc tiền tài nữa... Cuối năm mà trúng quả đậm vài chục cây, ta phải tới tạ cái lão thầy mù thật hậu”. Từ khi vợ sinh con trai, những cuộc thăm nom vụng trộm thừa dần và rồi mất hẳn. Thậm chí có lúc đụng cửa gặp thằng bé hẳn cũng dừng đứng luôn. Người đàn bà nghĩ bụng: “Thôi cũng tốt. Mình có muốn vậy đâu”.

Cuộc sống của ba mẹ con người đàn bà tuy chật vật nhưng bù lại, căn nhà ấm tiếng cười. Một sáng như mọi ngày, chị tong tả chuẩn bị cơm nước cho con rồi khoá cổng, quẩy gánh hàng đi chợ. Ra cửa người đàn bà thấy nhà hàng xóm nhộn nhịp chuẩn bị sửa soạn, kê dọn. Tối qua chị lảng máng nghe nhà người ta cỗ đầy năm tháng út. Mẹ đi chợ, hai đứa trẻ ba tuổi léo nhéo khóc một lúc rồi nín, tự chơi với nhau trong nhà. Hết trò chúng dất díu nhau ra vườn nghịch đất. Chợt xế trưa, cả ngõ nhón nháo. Người trong ngõ tua tủa kéo vào nhà người đàn bà. Tin truyền thằng bé sa xuống hố vôi sau vườn, nhà bên cạnh mới thôi. Dân ngõ vội đưa thằng bé đi viện. “ Sao khổ thế cơ chứ! Nó bị nặng quá. Mẹ con biết xoay xử ra sao?” Đây là lời dân ngõ từ bệnh viện về nói thế. Còn biết xoay xử thế nào, đứa bé chớm lành vết thương, người mẹ đã phải cho con xuất viện. Như kẻ mất hồn, chị lơ đãng nghe lời bác sĩ khuyên: “ Cố gắng đưa cháu bé đến viện bỏng trung ương. Để vậy vết thương co rút, thằng bé sẽ tàn tật suốt đời...”. Láy tiền đâu đưa con đi? Vật lộn nuôi ba miệng ăn

còn vất vả, song chả nhẽ chúng kiến cảnh con lòng không, chân tay co rút dần lại sao? Đồi lúc người đàn bà nghĩ tới gã đàn ông kia. “ ừ , hay anh ta không tới vì giữ lời hứa? Hay vì bao lần mình từ chối sự chu cấp? Hay mình chưa có lời khi con gặp nạn? Dù sao anh ta cũng là bố nó, có máu có xương. Người đàn bà bừng lên tia hy vọng. Chị thầm nói với con: “Con ơi... con sẽ được cứu! Nếu phải cầu xin, van lạy ông ta, mẹ...”

Sặc sụa hơi rượu gã đàn ông khật khưỡng trên xe con bước xuống. Giữa đêm khuya rét buốt, hấn loáng thoáng thấy người đàn bà đứng đợi ngay đầu ngõ. Nghe lời rụt rè trình bày, giọng cầu khẩn van lơn, gã nhếch mép cười nhạt, nhắc lại câu nói của người phụ nữ trước đây và dài giọng tiếp:

- Tôi...tôi vốn trọng lời hứa.

Tuyệt vọng, uất hận, người đàn bà nước mắt lã chã, lao vào ngõ. Cái thằng con nói dối tông đường của gã đàn ông kia được cả nhà chăm bẵm, hơn một tuổi, nó to trắng ngần ngần bằng đứa bé lên ba. Ba tháng biết lẫy, bảy tháng biết bò... mà sao mười mấy tháng rồi, đặt đâu nó ngồi đó và thằng ấy nhiều dãi thế. Khách khứa đến chơi động viên: Đấy là tằm bỏ quá. Còn dãi nhiều là do bị cam hay lúc chữa mẹ không kiêng, ăn ốc. Thuốc cam thuốc tể chả khỏi, dãi ngày càng lè thè chảy nhiều hơn, ngày thay năm bảy bận, áo yếm vẫn ướt sũng. Hôm gã đàn ông công tác miền Nam hơn tháng về, thằng bé ngó bố cười hềnh hếch. Bố ngồi ngắm con, chợt nhận thấy: “Quái... đầu nó như hơi to hơn những đứa trẻ khác thì phải?”. Hấn lo. Đưa con đi khám bệnh viện, họ chẩn đoán: Não thằng bé có vấn đề. Có thể ảnh hưởng do thai ngạt khi sinh nở. Tây y, đông y, tốn bao tiền thuốc vẫn không chuyển. Gã tới cả nhà lão thầy bói mù, lão phán

động mả. Mả động thì biết đặng nào mà tìm, ông cha hấn dân lang  
bạt, chết có về làng đâu!

Cái đầu thằng bé cứ to dần. Tiếng cười càng dài dài.

\* \* \*

Vị sĩ quan quân y vào ngõ hỏi thăm chính là chàng lái xe năm nào.  
Chiến tranh nhiều chuyện xảy ra đâu ngờ được. Trận bom B52 anh  
bị thương nặng, may có đơn vị hành quân qua... Chiến tranh lùi xa  
hơn hai mươi năm, kẻ đầu người cuối thành phố mà nay họ mới tìm  
lại được nhau.

\* \* \*

Thằng bé ngẩn ngơ vô phương cứu chữa. Gã đàn ông như kẻ mất  
hồn. Hấn lấy rượu giải sầu. Càng uống hấn càng tỉnh. Bữa nhậu tại  
cơ quan hấn nốc trọn chai rượu tây vẫn không say. Về ngõ ngơ ngạc  
hấn nhìn ngôi nhà người đàn bà đối diện, chủ mới đang dọn tới.  
Chàng sĩ quan quân y đưa họ đi rồi, nghe nói ở một nơi đầu kia  
thành phố.

Hấn ngật ngưỡng bước. Bất chợt tiếng cười trên cao đập xuống... hu  
hu... ha ha... Chuỗi cười như tiếng ma kêu, quỷ khóc, dội vào tai hấn.  
Gã đàn ông giật mình loạng choạng. Hấn bước... hấn chạy... chạy  
qua chính cả nhà mình. Tiếng cười hú đuôi hấn vào sâu trong ngõ.

1996

## Trọng Huân

### Vĩ nhân

Tình cờ tôi quen anh qua một người bạn. Bạn trân trọng giới thiệu, anh là nhà thơ. " Cậu đã đọc bài..., anh hỏi, tôi hơi ngỡ ngàng, ậm ừ... Vốn là dân kỹ thuật, nhớ đâu được dăm ba bài thơ thuộc phổ thông... Nhưng với tôi, nhà thơ, nghệ sĩ, họ là một thế giới khác, tôi rất ngưỡng mộ. Nay được mục kích một nhà thơ bằng thịt, bằng xương, vinh dự quá còn gì. Anh cởi mở cho số điện thoại và tôi trân trọng gửi anh tấm séc. Anh còn suồng sã vỗ vai: "Hôm nào rồi, anh em mình gặp nhau, làm chầu bia nhé!". Sau cuộc gặp mặt làm quen được vài hôm, tôi điện thoại mời, anh từ chối, nói đang bận, hẹn một dịp khác. ừ, người ta văn nghệ sĩ, trăm công ngàn việc, đâu có thời gian giao du, gặp gỡ linh tinh. Thật bất ngờ, ngay tuần sau, anh chủ động phôn cho tôi.

Hẹn buổi trưa gặp nhau, anh còn nói, có mấy đứa nữa, lũ nhà văn, nhà thơ ấy mà. Giọng anh nhẹ tênh. Anh tênh toàng phi xe đến trước cơ quan tôi, chống chân đợi. ừ, văn nghệ sĩ có khác, đâu hình thức, cầu kỳ.

- Chúng mình tới quán nghệ sĩ.

Cũng may, tôi vừa lĩnh mấy khoản, nên túi rủng rỉnh. Quán nghệ sĩ,

chứ vườn nghệ sỹ, cũng chẳng ngán. Lòng vòng xe anh chạy qua mấy phố, xe tạt vào một quán cóc vỉa hè. Thấy vẻ tằn ngần, dò hỏi của tôi, anh phớt lạnh. Vừa nhìn thấy anh, mấy vị đang quây quần quanh bàn, nhao nhao chào. Mọi người giãn ra, tôi bẽn lễn chọn một ghế, ngồi sát cạnh anh. Yên vị, anh cất tiếng:

- Hôm nay mình khao, quý vị cứ tẹt ga. à mà quên, có chú em ngưỡng mộ thi ca, chú em là giám đốc...

Nghe anh giới thiệu, tiếng chào, tiếng cười rôm rả. Có ông còn nhần lại, "Giám đốc hả! Thế thì sộp". Chủ quán trông người hom hem, lúc này linh hoạt hẳn lên. Anh chưa kịp kêu, ông ta đã tự tay nhắc chai rượu mới, rót cho tôi và một vòng khắp lượt:

- Uống, uống cho... thơ!

Những chiếc chén va vào nhau canh cách, rượu sóng sánh tràn rơi. Xá gì! Tôi nhắm mắt trăm phần trăm. Chén thứ hai, chén thứ ba.... Rượu vào, lời ra, lúc này thì chả rõ, ai nói với ai. Trong lúc mọi người hỉ hả, anh huých nhẹ vào sườn tôi, thì thầm, "Đối diện với cậu, một nhà thơ lớn đấy. Cậu có biết ai không?". Một ông lùn tẹt, da mặt tai tái. Nhìn vẻ mặt ngây ngây của tôi, anh hát hàm cho qua. Lại thấy anh thì thầm tiếp: "Gó ng?i bờn, cũng tay viết tầm cỡ đấy. Tuy cũn tr?, nhưng van b?o li?t l?m!". Ông nữa, ông nữa... Tôi hơi chột dạ, vì đến cả ông già bán nước hom hem kia, cũng một nhà thơ. Thật đúng là mình lâu nay ếch ngồi đáy giếng, cứ kiêu xem mặt mà bắt hình dong, ở đây toàn người tầm cỡ, mà trông giản dị, bình thường quá.

- Thơ ca muôn năm. ...

Tiếng ông già nhà thơ lùn hào hứng. Tôi đã chéng choáng vì mấy chén rượu cấp tập, bên tai chỉ còn nghe loáng thoáng tiếng anh:

- Nay, đừng tưởng, trông thế thôi, chứ ông này, dững tho siêu thực,

giờ mấy ai hay. Một trăm, một nghìn năm sau, chắc nhân loại mới hiểu. Anh làm tôi kính phục ông ta quá. Ông già nhà văn cao lêu đêu, chân tay lẻo kho?o, giơ cao cái chén, đọc một câu gì đó, tôi nghe không rõ.

- Hay, hay. Thơ thế mới là thơ. Đọc lại đi, lại đi.

Xung quanh nhua nhúa lời hưởng ứng.

- Kìa, rót, rót. Thường cho câu thơ tuyệt cú mèo này. Đến Hàn Mặc Tử sống lại, chắc cũng không có nổi một câu thơ yêu hay đến vậy.

- Hàn Mặc Tử là cái cóc khô gì, cái anh nhà thơ hủi.

- Đúng, đúng quá đi chứ!

- Sao, chủ quán cứ ngẩn ngơ ra thăm thơ thế. Rót, không rót đi à! Thế là ông chủ quán lại xăng xái rót, rót tràn đầy ra chén, rót tràn cả ra mặt bàn rượu, ông rót còn hào phóng hơn cả mấy vị đọc thơ.

Trong khi ông chủ quán rót rượu, thì ông nhà thơ lùn chệnh choạng đứng lên, bước vòng qua lưng mấy ông bạn sang phía tôi, tay ông xĩa ra mấy tập thơ:

- Mạnh Thường Quân, Mạnh Thường Quân đâu...

Ông già nhà văn cao lêu đêu, rướn người lên, cắt ngang:

- Đây là bàn rượu, bàn thơ, chứ không phải chỗ phát hành sách, phát hành báo chí nhé. Mà này, chẳng lẽ cứ rượu lạc sông mãi ư? Thịt chó, thịt chó chặt với thơ. Kìa, Mạnh Thường Quân đâu....

Nói chưa hết câu, ông ta chia tay qua mặt bàn, chia thẳng vào mặt tôi:

- Tiền. Tiền mua thịt chó chứ chú mày. Phải tr? nhuận bút v? nghe thơ này.

Tôi lúng túng chưa biết xử lý thế nào, đã thấy ông anh huých nhẹ vào vai tôi. Hiểu ý, tôi vội lục ví.



- Những năm chục cơ à? Sộp.

Chẳng còn cái vẻ lù đù, ông nhà van cao lờu dờu chộp ngay lấy tiền. Đã đi được mấy bước, ông nhà tho lựn còn dặn với theo: "Nhớ cái khoản đùi sau nhé! Thêm cả tý dòi." Một ông đế ngay, "Già rồi còn thích đùi vế". Một loáng đã thấy ông cao lêu đêu quay lại, túm thịt chó bọc lá chuối được ông trịnh trọng bày lên bàn, miệng ông nghêu ngao:

- Sống trên đời ăn miếng dòi chó, thác xuống âm phủ chẳng có ... chó gì mà ăn.

- Hay, hay, chí lý, các cụ nó nhà ta chí lý thật!

Hưởng ứng câu khen các cụ xưa, đồng loạt nh?ng bàn tay của các thi sỹ, văn sỹ đưa ra bốc thịt, đồng loạt chấm vào bát mắm tôm và đồng loạt nhai. Túm thịt chó vơi nhanh. Đang lúc các cụ cao hứng chấm thịt chó với mắm tôm, một thằng bé đánh giầy mon men tới gạ, một ông điên tiết gát: "Đánh đánh cái mả mẹ mày. Đến mặt ông còn chẳng phải rửa nữa." Thằng đánh giầy vừa lủi, thì một cậu chàng bán thất lưng, ví da sán tới. Một ông đang nuốt dở miếng hịt chó, ngó lên: "Làm đếch gì có bụng mà phải thất mới buộc. Có băng dính hay khẩu trang không?" Đúng lúc đó có con mụ bán cơm nắm muối vừng lớ ngớ đi qua. Mụ ta còn bạo phổi gạ các cụ mua cơm:

- Cái gì? Cơm nắm à - một ông cao giọng quát thẳng vào mặt con mụ bán hàng rong kia - Mụ định kéo lùi lịch sử lại ư? Tưởng đám này đói khát à. Ông thì ông cứ... Một ông cắt ngang - Hay, cơm nắm nó cũng có cỏi vị hay của nó. Kia, cho mấy nắm. Có mềm không. Muối vừng, muối vừng như mọi hôm ư? Ruốc, hôm nay là phải ruốc, ruốc xịn. Xắt và đưa cho các cụ mấy nắm cơm xong, con mụ bán hàng rong tần ngần đứng đợi trả tiền, một ông đóp ngay vào mặt mụ ta: "Ra

ngoài kia mà đứng chứ. Định ám ở đây hay sao? Hay tưởng đám này chịu tiền như mọi khi. Nói cho mà biết nhé, hôm nay là trả, trả ngay tấp lự. Kia, rượu đâu ông chủ. Ông chủ quán nhà thơ giờ cũng kiêm luôn thực khách, đang mải mê thưởng thức thịt chó với mắm tôm, nên đâm ra chệnh mảng khoản rót, vội vàng trở lại chức năng của mình, lấy tiếp chai rượu mới, rót tiếp, rót tràn chén, rót tràn xuống cả mặt bàn. Vãn ông đi mua thịt chó ban nãy, tay chén rượu, tay khỳc xuống g?m d?, đứng lên, ngân nga đọc cái gì đó. Tiếng ông khàn khàn, tiếng nọ dính vào từ kia. Một ông hưởng ứng:

- Hay, hay, thịt chó với thơ, hay đến là hay. Chỉ tiếc... thơ ta mấy ai đã hiểu.

Ông kia chưa nói hết câu, ông đi mua thịt, sẵn khỳc xuống trong tay, ch? phất ra đường, nơi mọi người đang hỏi hả qua lại:

- Lũ kia, chúng làm sao mà hiểu thơ, hiểu được thơ ta... Cái lũ ngốc, lũ vô tích sự. Cứ để chúng đi, cứ để chúng chúi mũi vào kiếm tiền, kiếm chức....

Nói chưa hết câu, ông đã phịch xuống vì say.

Bữa nhậu dài, dài mãi. Nếu ông mua thịt chó không đứng lên, ông phải ra về, thì không biết bữa rượu kéo tiếp đến đâu. Đang loạng choạng bước về phía cái xe đạp cộc cạch, chợt ông khật khưỡng quay lại, tiến về phía tôi và chìa tay:

- à quên. Tiền. Hai chục. Nhuận bút nghe thơ... Đắt à? Thôi được, mười ngàn cũng được. Thế thì mai mới có rượu uống chứ!

Tôi lúng túng chưa biết xử lý ra sao, thì anh gần mắt, sảng giọng: Say! Say mà còn tỉnh thế! Không phải mở đâu mà húp nhé! Nói xong, anh túm tay, sênh sếch lôi tôi đứng dậy:

- Chúng mình đi, đi tiếp vì thơ đi!

Ông chủ quán nhà thơ thấy vậy, dù say, vẫn giã nảy lên:

- Ở kia, thế ai trả tiền cho bữa nhậu này?

- Làm gì mà toáng lên thế! Ông tưởng ai cũng quen ăn quýt cả sao! Anh bạn tôi gườm gườm nhìn ông ta. Tôi vội trả tiền, không muốn thấy cảnh các nhà thi ca cãi cọ nhau vì một chuyện cỏn con. Lên xe, tôi phi vội theo anh. Nhìn kiểu đi xe đánh võng của anh, tôi lo lo. Kia, đêm kia! Không, anh không đêm. Anh còn ngoái lại, chửi cho cái đũa, mà anh vừa định xô vào nó: "Mù". Xe vòng vèo, chạy tạt qua mấy phố. Tạt vào Đình Ngang, xe vọt lên vỉa hè, xịch đỗ trước một quán hát.

- Vào... vào đây!

Anh chưa nói hết câu, một bà sồn sồn, mặt mũi xanh xám ló ra, hát hát tay ra hiệu. Anh vẫn sấn tới. Anh và bà ta đối đáp với nhau gì đó, rồi lại thấy anh khật khưỡng quay ra.

- Mẹ... nó chứ. Bị túm cả... rồi. Chứa đĩ, ăn bằm vào. Phải tay ông ấy à, đốt, đốt tiệt!

Tôi lại theo anh, theo một người say long nhong qua mấy phố. Xe vọt qua cầu Chương Dương. Bến đậu của chúng tôi là một quán ở cuối phố Nguyễn Văn Cừ. Quán kiểu nửa tiệm ăn, nửa karaôkê, trông sập xệ, tồi tàn. Nó cũng sập xệ như chính bà chủ sồn sồn tuổi bốn mươi. Hình như quán này quen anh, thấy anh quát bà chủ rõ to và hách:

- Xả láng, hôm nay xả láng. Đừng nghĩ các anh là nhà thơ mà nhẹ tiền nhé.

Bà chủ dù mặt mũi nhàu nhĩ, vẫn tí tởn cười nịnh khách:

- Anh cứ lói thế, nhà hàng em đâu dám. Bao lần anh tới, có lần ào....

- Im! Khởi dài dòng. Gọi, gọi mấy em ra đây!

Mấy cô nhà hàng quần áo son phấn loè loẹt, lúa nhúa chạy ra. Dù đã

son phấn bôi chát, mấy em trông vẫn bần bần. Không hiểu sao, họ đều xán cả lại phía tôi.

- Lại đây, lại đây gái yêu. Quên anh rồi sao?

Một cô nhanh tay ôm dịt được tôi, hai cô bé chậm chân, bị anh lôi tuột cả lại, một cô bị anh xốc tuột lên lòng. Mặc cho bà chủ còn đứng sờ sờ ra đây, anh v?n thản nhiên thọc tay vào ngực, cật lực nắn bóp cặp ti cô bé. Bà chủ thấy vậy hi hí cười:

- Khiếp, khiếp quá. Hai anh trai hôm lay dùng gì ạ?

- Đã bảo là cứ xả láng. Hê ni ken, tai gơ !

Sau một lúc nắn bóp, sờ mó thoả thuê, anh đặt phịch cô bé nhà hàng sang một bên và hát hàm sang cô bên cạnh, chỉ cốc bia:

- Kìa, bia đâu. Đờ là cái đếch gì, tiền là cái đếch gì, chỉ có thơ ca là vĩnh cửu. Uống, uống...

Cô bé ngồi cạnh tôi thì thào:

- Sợ, em sợ anh ấy lắm!

- Anh ấy thường đến đây à?

- Vâng, anh ấy hay đọc thơ lắm...

Cô bé nói chưa dứt câu, đã nghe anh đọc thơ. Hình như trận rượu trước và đọt bia mới tiếp sức, nên tiếng anh oang oang.

- Em gái, có nhớ câu thơ này không? Đúng là óc bã đậu, đọc bao lần rồi...

Nói chưa hết câu, anh trợn mắt, dứ dứ cốc bia về phía cô bé. Cô bé luống cuống, mồm vâng dạ rồi rít:

- Biết, em biết ạ. Nghe anh đọc em... em biết...

- Biết, biết cái cốc khô gì. Cái ngữ nhà cô, mà biết thơ của ta ư. Cô em thì chỉ biết tiền. Vậy thì ta lên tiên đi...

Nói đến đây anh quàng cổ em gái, loạng choạng đứng lên.

- Gái, có biết không, thơ, chỉ có thơ....

Đến lúc này tiếng anh đã méo đi vì say, từ này dính vào tiếng kia. Anh bước loạng choạng cùng cô nhà hàng lên cầu thang. Anh còn đi được là do cô bé dìu. Hình như họ đã vào phòng, cửa khép đánh rầm. Tiếng anh lè nhè đọc thơ vọng xuống. Kìa như có tiếng quát. Choang, cái gì rơi đổ rồi. Được một thoáng chợt nghe tiếng hét, tiếng bước chận rình rịch trên gác chạy xuống. Cô gái lỏa lồ, ôm đấm xống áo, nháo nhào chạy qua. Vừa chạy, cô ta vừa tám tức khóc... Vẫn tiếng anh quát, anh chửi, anh réo gọi chủ nhà hàng. Choang, đúng là tiếng đập tiếp chai bia nữa rồi. Đến lúc này tôi đành vọt lên. Anh đang tồng ngồng giữa phòng, nửa đứng nửa ngồi, miệng lảm nhảm, " Con đĩ, con đĩ thơ".

Chẳng cần nói phần tiếp của câu chuyện, bởi sau khi thanh toán, tôi chỉ còn cách bỏ xe lại và gọi tắc xi. Dìu anh ra xe, anh bước liêu xiêu, miệng lảm nhảm: "Lũ điên, lũ ngốc. Chúng mày sao hiểu thơ ông..." Vừa ngồi vào xe, anh đã vươn cổ, ồng ộc nôn. Nó văng vào kính, vào vô lăng, trùm cả lên gã lái xe. Quá đột ngột, anh chàng lái xe kêu oai oái, chui vọt ra khỏi xe:

- Cút, cút ngay khỏi xe ông. Đ... mẹ thằng say.

Anh ngóc đầu lên:

- Ở kìa, cái thằng chẳng hiểu bài thơ nôn của ông!

- 2001 -

---

Tác giả Trọng Huân gửi lên  
Nguồn: VNthquan - Thư viện Oline

Được bạn: Ct.Ly đưa lên  
vào ngày: 7 tháng 6 năm 2006